**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 2 (55)**

**Năm học 2021 – 2022**

**Đà Nẵng, tháng 03 năm 2022**

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Quan hệ quốc tế, môi trường và công nghệ Hóa, pháp luật, phát triển kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, ngôn ngữ, khoa học sức khỏe, văn học, điện tử - viễn thông – cơ khí, thiết kế thời trang ...

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2021 - 2022 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 3
* Chính trị 10
* Quan hệ quốc tế 14
* Phát triển kinh tế 32
* Tài chính 72
* Ngân hàng 95
* Môi trường và Công nghệ Hóa 126
* Giáo dục 146
* Luật học 154
* Ngôn ngữ 201
* Khoa học tự nhiên 212
* Khoa học sức khỏe 223
* Điện tử - viễn thông – cơ khí 273
* Xây dựng 277
* Kế toán – Kiểm toán 290
* Quản trị kinh doanh 325
* Kiến trúc 455
* Thiết kế Thời trang 362
* Nghiên cứu Văn học 463
* Du lịch 468

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. An ninh mạng ở các nước đang phát triển và hàm ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Đình Ngân// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 12(261) .- Tr. 43-52.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích thực trạng an ninh mạng ở các nước đang phát triển, bài viết rút ra một số giải pháp cho Việt Nam nhằm phát huy hiệu quả vai trò của công nghệ thông tin, đồng thời giữ vững môi trường không gian mạng an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - Xã hội.

**Từ khóa**: An ninh mạng, các nước đang phát triển, hàm ý, Việt Nam

**2. Áp dụng phương pháp học máy trong nghiên cứu tài chính ứng dụng ở Việt Nam**/ Lê Đức Hoàng// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.219 - 221.

**Nội dung:** Phương pháp học máy là một tập hợp con của trí tuệ nhân tạo và đang làm thay đổi các hoạt động tài chính hiện đại. Thông qua phương pháp học máy, người sử dụng có thể dễ dàng rút ngắn thời gian thực hiện các thao tác. Hiện nay, việc áp dụng phương pháp học máy trong tài chính ứng dụng đang khá phổ biến ở các nước trên thế giới, tuy nhiên các nghiên cứu về ứng dụng phương pháp này ở Việt Nam vẫn còn khiêm tốn. Bài viết khái quát về tầm quan trọng của phương pháp học máy trong tài chính ứng dụng và một số công trình nghiên cứu liên quan nhằm gợi ý cho các nghiên cứu trong tương lai ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Tài chính ứng dụng, phương pháp học máy, chuyển đổi số, tài chính.

**3. 7 đổi mới công nghệ đáng mong đợi trong năm 2022**/ Duy Anh// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 38-39.

**Nội dung**: Các công nghệ tiên tiến là một phần trong chiến lược cốt lõi của các tổ chức đang thúc đẩy quá trình chuyển đổi kỹ thuật số. Nhu cầu số hóa và đổi mới công nghệ đã gia tăng nhanh chóng và dần thiết lập tầm quan trọng của nó trong cuộc sống, như chúng ta đã thấy trong năm 2020 và 2021.

**Từ khóa**: Đổi mới công nghệ, chuyển đổi kỹ thuật số

**4. Công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và ứng dụng tại trung tâm đào tạo từ xa – Đại học Thái Nguyên**/ Trà Giang// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Có thể nói Đại dịch Covid thúc đẩy mạnh mẽ hơn giáo dục số. Thực tế giáo dục số đã được triển khai ở nhiều nước tiên tiến hàng chục năm trước do các hoạt động giáo dục xuyên biên giới, nhu cầu học tập chủ động của nhiều người trong xã hội và những lợi ích mà phương pháp giáo dục này mang lại.

**Từ khóa**: Công nghệ thông tin, chuyển đổi số, giáo dục, Đại học Thái Nguyên

**5. Dữ liệu là huyết mạch của việc xây dựng Thành phố thông minh /** Nguyễn Duy Anh// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 8-9, Tr. 12.

**Nội dung:** Một đô thị thông minh bền vững dựa trên dữ liệu cần phải có: công cụ số, ứng dụng điện toán đám mây, hệ sinh thái dữ liệu lớn, hệ điều hành đô thị, các văn phòng lập chiến lược, các trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, các chức năng thông minh, lập kế hoạch và quản trị thuật toán. Vì vậy xây dựng và phát triển đô thị thông minh, dữ liệu được xem la huyết mạch.

**Từ khóa**: Dữ liệu, huyết mạch, Thành phố thông minh

**6. Kinh tế số là yếu tố giúp Việt Nam bắt kịp với các nước phát triển**/ Bình An// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr.10-12.

**Nội dung**: Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đang diễn phức tạp và sự xuất hiện của các công nghệ mới, việc phát triển mô hình kinh doanh mới là điều cần thiết để giúp các doanh nghiệp Việt Nam khắc phục được những khó khăn cung như bắt kịp được xu hướng chung của thế giới. Ngày nay kinh tế số trở thành lĩnh vực phát triển quan trọng và được nhiều quốc gia nghiên cứu ứng dụng. Với Việt Nam phát triển kinh tế số là cơ hội lỡn để thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển.

**Từ khóa**: Kinh tế số, Việt Nam, các nước phát triển

**7. Khai thác hiệu quả dữ liệu để bứt phá trong kỷ nguyên dữ liệu hóa**/ Hà Anh// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 24-25.

**Nội dung**: Trong chuyển đổi số, dữ liệu số ngày càng tỏ rõ sức mạnh và được ví von là đáng giá hơn cả dầu mỏ. Trong kỷ nguyên dữ liệu hóa, các doanh nghiệp sẽ phải quyết liệt xây dựng văn hóa dữ liệu hay sử dụng các công cụ, công nghệ, và quy trình tổng thể để trở thành doanh nghiệp điều hành dựa trên dữ liệu số. Bằng cách đó doanh nghiệp sẽ đạt được tối ưu hóa trải nghiệm người dùng dựa trên các công nghệ quản lý, khai thác và ứng dụng dữ liệu số tiên tiến.

**Từ khóa**: Kỷ nguyên số, dữ liệu số, chuyển đổi số

**8. Kỷ nguyên kết nối, thay đổi để thích ứng/** Công Sang// Tin học & Đời sống .- 2022 .- Số 260 .- Tr. 4-7.

**Nội dung**: Xu hướng chuyển đổi số đang thúc đẩy một làn sóng kết nối và các xu hướng hoán toàn mới ở Việt Nam. Tự động hóa và Công nghệ IoT có thể tăng cường hiệu quả làm việc và trao quyền cho nguồn nhân lực bằng cách tạo ra hiệu quả cao hơn và giúp tự động hóa các tác vụ đơn điệu để con người có thể đưa ra định hướng và kiểm soát phù hợp.

**Từ khóa**: Kỷ nguyên số, chuyển đổi số

**9. Lựa chọn thiết bị tối ưu cho livestream**/ Xuân Tùng// Tin học & Đời sống .- 2021 .- Số 255 .- Tr. 26-29.

**Nội dung**: Để có được buổi livestream đạt chuẩn chất lượng tốt nhất, người dùng không chỉ cần thiết kế một không gian phù hợp mà còn phải lựa chọn các thiết bị hỗ trợ hợp lý, trong đó thiết bị ghi hình và micro thu âm cần được ưu tiên hàng đầu.

**Từ khóa**: Livestream, phát trực tiếp

**10. Nhận diện và phòng tránh thông tin xấu, độc trên mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên trong giai đoạn hiện nay**/ Lê Thanh Hòa// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 67-78.

**Nội dung**: Ngày nay mạng xã hội kết nối con người trên toàn thế giới, rút ngắn không gian, thời gian và thúc đẩy sự giao lưu hợp tác quốc tế, là kho kiến thức phong phú và đa dạng. Những giá trị tích cực của mạng xã hội mang lại là không hề nhỏ trong thời đại công nghệ số. Nghiên cứu khắc họa bức tranh tổng thể về thực trạng sử dụng mạng xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trong đó có đối tượng là học sinh, sinh viên Việt Nam, qua đó giúp học sinh, sinh viên nhận diện và phòng tránh các thông tin xấu độc trên mạng xã hội, tránh bị các thế lực xấu lợi dụng.

**Từ khóa**: Mạng xã hội, sinh viên, học sinh, thông tin xấu

**11. Những xu hướng công nghệ năm 2021 sẽ tiếp tục thay đổi cuộc sống của chúng ta trong tương lai**/ Minh Hoàng// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 40-41.

**Nội dung**: Gần 2 năm sống chung với Đại dịch Covid-19 cũng đã diễn ra đầy ắp những tiến bộ công nghệ, khi cả thế giới cần chuyển mình để nhằm thích ứng với những điều kiện cuộc sống mới. Nhưng những đổi mới này chỉ là sản phẩm để chúng ta ứng phó Đại dịch hay sẽ được sử dụng trong tương lai. Trong bài viết đề cập đến năm xu hướng cộng nghệ trong thời đại Covid-19.

**Từ khóa**: Đổi mới công nghệ, xu hướng công nghệ, tương lai

**12. Nông nghiệp số, giấc mơ khởi từ cánh đồng Bình Định**/ Hạ Vũ// Tin học & Đời sống .- 2022 .- Số 260 .- Tr. 8-11.

**Nội dung**: Chuyển đổi số nông nghiệp bắt đầu lăn bánh ở Bình Định, nông dân bắt đầu biết sử dụng công nghệ phục vụ sản xuất, biết sử dụng công nghệ như chuyến tàu để mang khu vườn của mình đến tận nhà khách hàng.Nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng hợp tác xã liên kết với nông dân xây dựng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đưa nông sản lên sàn thương mại điện tử.

**Từ khóa**: Nông nghiệp số, chuyển đổi số, Bình định

**13. 10 bước thực hiện chuyển đổi số**/ Nguyễn Tuấn Hoa, Lương Ngọc Tuấn// Tin học & Đời sống .- 2021 .- Số 255 .- Tr. 40-46.

**Nội dung**: Chuyển đổi số là quá trình tất yếu phải thực hiện. Tuy nhiên đây là một quá trình tiến hóa mà các tổ chức hay doanh nghiệp không tự triển khai độc lập được mà cần có sự trợ giúp của các nhà cung cấp giải pháp. Ở đây là cung cấp phương pháp và công cụ thực tiễn. Quá trình được thực hiện qua 3 giai đoạn với tổng cộng 10 bước thực hiện chuyển đổi số.

**Từ khóa**: Chuyển đổi số, doanh nghiệp

**14. Phát triển Internet vạn vật (IoT) ở Hàn Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ Bùi Đông Hưng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 10(248) .- Tr. 33-42.

**Nội dung**: Hàn Quốc là một quốc gia nổi tiếng với dân số siêu kết nối, từng đứng đầu bảng xếp hạng về việc sử dụng internet tốc độ cao và sở hữu điện thoại thông minh. Bài viết phân tích những chính sách phát triển IoT ở Hàn Quốc thời gian gần đây và nêu hàm ý cho Việt Nam.

**Từ khóa**: IoT, Công nghệ 4.0, kinh tế Hàn Quốc

**15. Thực tiễn chuyển đổi số trên thế giới : kinh nghiệm quốc gia và khung khổ pháp lý**/ Nguyễn Thị Vân Hà, Vũ Thị Vân Ngọc// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 09 (193) .- Tr. 40-49.

**Nội dung**: Công nghệ kỹ thuật số đang định hình lại hoàn toàn hệ thống kinh tế toàn cầuSự khác biệt giữa nền kinh tế trước và nền kinh tế kỹ thuật số có tính toàn cầu, được các nước phát triển và đang phát triển sử dụng. Sau khi đã xác định được đúng mục tiêu chuyển đổi số phù hợp với nhu cầu và thực lực mỗi quốc gia sẽ có cách thức tiến hành chuyển đổi số khác nhau.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, kỹ thuật số, công nghệ số

**16. Tổng quan về các công nghệ số trong xây dựng 4.0 và ứng dụng tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Mạnh Hùng, PGS. TS. Nguyễn Thế Quân, ThS. Vũ Nam Ngọc, TS. Nguyễn Minh Đức// Xây dựng .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 203-213.

**Nội dung:** Làm rõ các công nghệ số trong xây dựng và ứng dụng của chúng trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, xem xét khả năng ứng dụng của các công nghệ này trong ngành xây dựng ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Công nghệ số, số hóa xây dựng, cách mạng công nghiệp 4.0

**17. Trí tuệ nhân tạo – kim chỉ nam cho cuộc phòng chống Đại dịch toàn cầu**/ Cẩm An// Tin học & Đời sống .- 2021 .- Số 255 .- Tr. 4-7.

**Nội dung**: Nhờ trí tuệ nhân tạo (AI) đã giúp thế giới rút ngắn thời gian nghiên cứu và phát triển vaccine, thuốc trị Covid-19 từ vài năm xuống còn vài tháng, có thể biết được nơi nào là ổ dịch bắt đầu và bùng phát, hỗ trợ hiệu quả điều trị, dự đoán biến thể mới. Nếu không có AI, đại dịch có thể đã đẩy nhiều quốc gia vào những tình huống xấu nhất hiện nay.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo (AI), Đại dịch Covid-19

**18. Ứng dụng Iot trong hệ thống quản lý và giám sát ngôi nhà thông minh theo thời gian thực**/ Trần Thị Minh Khoa, Nguyễn Cao Anh Minh, Nguyễn Thị Hậu// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 257-267.

**Nội dung**: Bài báo đề xuất xây dựng mô hình nhà thông minh thân thiện với người dùng, tích hợp hệ thống giám sát và tự động điều khiển thiết bị. Hệ thống giám sát sử dụng camera để nhận diện chủ nhân, đồng thời gửi tin nhắn cho chủ nhân khi phát hiện người lạ xung quanh khu vực giám sát. Hệ thống bao gồm các chức năng tự động bật/tắt đèn khi có chuyển động, tự động điều chỉnh độ sáng đèn, tự động cân bằng nhiệt độ, độ ẩm bên trong ngôi nhà phù hợp môi trường bên ngoài. Việc xây dựng ngôi nhà thông minh sử dụng công nghệ hiện đại như kỹ thuật vạn vật kết nối, điện toán đám mây, giao thức truyền thông theo thời gian thực, công nghệ nhận diện khuôn mặt, tích hợp kỹ thuật chatbot. Từ đó lựa chọn thiết bị giao thức công nghệ phù hợp để giảm chi phí thiết kế xây dựng ngôi nhà.

**Từ khóa**: Ứng dụng Iot, hệ thống quản lý, ngôi nhà thông minh

**19. Ứng dụng của công nghệ tại các sự kiện lớn trong năm 2021**/ Minh Hoàng// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Năm 2021 gần như cả thế giới phải ứng phó với sự hoành hành của Đại dịch Covid-19. Nhiều sự kiện chính trị, văn hóa, … thường niên đã phải hủy bỏ hoặc diễn ra bằng hình thức phi tryền thống nhờ các tiến bộ của công nghệ. Sức sáng tạo của con người là không giới hạn và công nghệ đang ngày càng thể hiện vai trò thiết yếu trong cuộc sống.

**Từ khóa**: Ứng dụng công nghệ, sự kiện, Đại dịch Covid-19

**20. Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực hải quan - tiền đề hướng tới hải quan số/** Lê Đức Thành// Tài chính.- 2020 .- Số 754.- Tr.29 - 32.

**Nội dung:** Trong những năm qua, Tổng cục Hải quan luôn đi đầu trong phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê hải quan vào tất cả các lĩnh vực, từ công tác nghiệp vụ hải quan cho đến công tác hành chính quản lý nội ngành, đến nay đã được những kết quả quan trọng. Thành tựu đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin đã trở thành động lực thúc đẩy tiến trình cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hoá hải quan, thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế và khu vực ... Đây chính là tiền đề để ngành Hải quan hoàn thiện Hải quan điện tử và thực hiện Hải quan số trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Tổng cục Hải quan, cải cách thủ tục hành chính, Hải quan điện tử

**21. Ứng dụng thương mại điện tử phát triển bán lẻ trực tuyến trong thời đại công nghệ 4.0/** Trà Thị Thảo// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.166 - 168.

**Nội dung:** Trong thời đại công nghệ 4.0 (nền tảng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4), sự phát triển của các công cụ thương mại điện tử đã mang lại những đóng góp lớn cho tăng trưởng nền kinh tế, giúp các doanh nghiệp bán lẻ có thể tiếp cận và giữ chân khách hàng một cách hiệu quả hơn.Những công cụ thương mại điện tử đã trở nên phổ biến và không còn xa lạ với nhiều doanh nghiệp bán lẻ tại Việt Nam. Nghiên cứu này phân tích thực trạng ứng dụng các công cụ thương mại điện tử trong bán lẻ trực tuyến tại một số doanh nghiệp Việt Nam và đưa ra một số đề xuất nhằm tăng cường ứng dụng các công cụ thương mại điện tử và quản lý bán hàng trong bán lẻ trực tuyến.

**Từ khoá:** Công cụ thương mại điện tử, bán lẻ trực tuyến, mạng xã hội, email, bán lẻ

**22. Ứng dụng thương mại điện tử tại các doanh nghiệp du lịch nhỏ và vừa/ Phạm Thanh Bình**// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.169 - 171.

**Nội dung**: Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và sự bùng nổ internet, hoạt động thương mại điện tử áp dụng trong du lịch đã phát triển nhanh chóng, mang lại giá trị gia tăng cao cho ngành Du Lịch. Nắm bắt xu thế này, Việt Nam đã và đang đẩy mạnh Ứng dụng thương mại điện tử tại các doanh nghiệp du lịch nhỏ và vừa, nhằm phấn đấu đến năm 2025 trở thành tâm điểm đến hấp dẫn, thuộc nhóm 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới. Bài viết trao đổi về xu hướng Ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động du lịch toàn cầu, đánh giá ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp du lịch Việt Nam, qua đó đề xuất giải pháp để phát triển lĩnh vực này.

**Từ khoá:** Du lịch, Thương mại điện tử, dịch vụ xã hội, doanh nghiệp nhỏ

**23. VAA sẽ tiếp tục đồng hành, thúc đẩy chương trình chuyển đổi số quốc gia**/ Nguyễn Quân// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Trải qua một năm đương đầu với đại dịch Covid-19, cũng chính trong cơn khủng hoảng này nhiều cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức đã vươn lên đặt nền móng, tạo đà cho những mục tiêu phía trước. Từ đó thúc đẩy nhiều chương trình chuyển đổi số quốc gia phát triển mạnh mẽ hơn trong kỷ nguyên số.

**Từ khóa:** Hội tự động hóa, kỷ nguyên số, chuyển đổi số

**24. Vai trò của công nghệ trong truyền thông chính sách ở Việt Nam hiện nay/** Đoàn Thị Trang// Tài chính.- 2021 .- Số 755.- Tr.68 - 70.

**Nội dung**: Ngày nay, công nghệ trở thành xu hướng phát triển tất yếu không ngừng, làm thay đổi mọi lĩnh vực cuộc sống, xã hội trong đó có truyền thông chính sách. Truyền thông chính sách là một phần trong hoạt động của Chính phủ nhằm đưa thông tin về chính sách đến người dân, thuyết phục họ thay đổi nhận thức và hành vi đúng pháp luật, đồng thời, cũng là kênh để Chính phủ lấy ý kiến nhân dân khi xây dựng chính sách mới, điều chỉnh chính sách hiện đại, tạo ra sự đồng thuận xã hội. Bài viết đề cập vai trò của công nghệ đối với hoạt động truyền thông chính sách và đưa một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của công nghệ trong truyền thông chính sách ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá:** Truyền thông chính sách, công nghệ, khoa học, xây dựng chính sách

**25.** **Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số ở Việt Nam**/ Ngọ Duy Thi// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 8.- Tr.33 - 38.

**Nội dung:** Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm và đã thu được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, vị trí về xây dựng và phát triển chính phủ điện tử của Việt Nam so với các nước trên thế giới còn chậm được cải thiện; phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Trong phạm vi bài viết này, tác giả khái quát việc triển khai xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, hướng tới chính phủ số ở Việt Nam, chỉ ra một số hạn chế và đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Chính phủ điện tử, chính phủ số

**CHÍNH TRỊ**

**1. Đổi mới phương pháp dạy học các môn lý luận chính trị trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa**/ Phan Thị Dung, Bùi Thị Hương// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 12 .- Tr. 14-15.

**Nội dung**: Trình bày phát triển nguồn nhân lực là nhu cầu cấp thiết trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đòi hỏi phải trang bị cho người học vốn tri thức cơ bản, nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng đội ngũ khoa học công nghệ chuyên gia, kỹ sư, công nhân có tay nghề trình độ cao. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hiện đại, khắc phục những hạn chế bằng cách kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại. Sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại, phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo cua sinh viên.

**Từ khóa**: Phương pháp dạy học, lý luận chính trị, công nghiệp hóa, hiện đại hóa

**2. Học thuyết của V.I.Lênin về bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam**/ Lê Trọng Tuyến, Nguyễn Văn Hải// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 11(254) .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Trình bày tư tưởng cơ bản của V.I.Lênin về bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng sang tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời bài viết phân tích một số giải pháp nâng cao hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

**Từ khóa**: Bảo vệ Tổ quốc, học thuyết, trung thành, vận dụng

**3. Một số quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về vấn đề bảo vệ chủ quyền vùng biển và hải đảo Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay /** Nguyễn Thị Anh// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 4 .- Tr. 669-681.

**Nội dung:** Bài viết phân tích một số quan điểm cuả Đảng Cộng Sản Việt Nam về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo như: Khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, quản lý và bảo vệ vùng biển đảo. Phát triển kinh tế gắn liến với tăng cường quốc phòng – an ninh, giải quyết linh hoạt, khôn khéo tranh chấp trên vùng biển đảo, huy động sức mạnh toàn dân, hệ thống chính trị, phát huy mạnh mẽ vai trò của ngoại giao trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia. Từ đó rút ra những kinh nghiệm nhằm góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo tốt hơn trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Đảng Cộng Sản Việt Nam, hải đảo, bảo vệ chủ quyền, biển đảo

**4. Nhận thức mới về tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam**/ Đỗ Anh Vinh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 11(260) .- Tr. 85-91.

**Nội dung**: Khái quát thực trạng công tác phòng, chống tham nhũng của Đảng thời gian qua, đồng thời làm rõ những nhận thức mới về mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trong công tác phòng, chống tham nhũng đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định.

**Từ khóa**: Đại hội XIII, phòng chống tham nhũng

**5. Nông nghiệp Việt Nam cần những bước chuyển dịch mới để phát triển bền vững**/ Nhật Khang// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 15-16.

**Nội dung**: Chuyển đổi số trong nông nghiệp sẽ khắc phục được nhiều điểm yếu trong việc sản xuất nhỏ lẻ, giúp nông dân, hợp tác xã doanh nghiệp đạt năng suất cao, chi phí nông nghiệp giảm. Đầy cũng là giải pháp đột phá tạo động lực cho sự phát triển tăng trưởng bền vững. Hiện nay Việt Nam đang thực hiện chính sách chiến lược phát triển nông thôn bám sát chiến lược chuyển đổi số quốc gia để tạo ra môi trường phát triển dịch vụ số hóa cho khu vực nông thôn.

**Từ khóa**: Nông thôn, chuyển đổi số, nông nghiệp, phát triển bền vững

**6. Quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về an ninh con người trong Văn kiện Đại hội XIII và những định hướng cơ bản trong đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam**/ Lê Hoàng Việt Lâm// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 10 .- Tr. 1918-1926.

**Nội dung**: Bài viết khái quát nội dung cơ bản về an ninh con người trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, từ đó gợi mở những định hướng để các cấp ủy Đảng chính quyền và toàn dân quán triệt, đưa tinh thần nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống, góp phần đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của con người vì con người.

**Từ khóa**: Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội, an ninh con người

**7. Quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất hướng thiện, nhân bản của tôn giáo và việc phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay**/ Hồ Văn Đức// // Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 21-28.

**Nội dung**: Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và tôn giáo có những giá trị văn hóa, đạo đức phù hợp với chế độ xã hội. Vì vậy trong công cuộc xây dựng xã hội mới, việc phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo có ý nghĩa thiết thực đối với việc đẩy mạnh công tác an sinh xã hội, bảo tồn các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, đạo đức truyền thống, ngăn ngừa sự suy thoái về đạo đức lối sống do những tác động của mặt trái cơ chế thị trường. Qua bài viết tác giả góp phần giúp bạn đọc nhận thức rõ quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam về việc khuyến khích phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp cua tôn giáo.

**Từ khóa**: Đảng Cộng Sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, tôn giáo, văn hóa, đạo đức

**8. Suy nghĩ về đổi mới phương pháp dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam theo định hướng phát triển năng lực**/ Trần Văn Tàu// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 12 .- Tr. 21-22.

**Nội dung**: Nâng cao chất lượng dạy và học môn Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đào tạo hệ thống tín chỉ các trường Đại học hiện nay cần chú trọng về đổi mới phương pháp dạy học đào tạo và định hướng chương trình đào tạo, định hướng phát triển năng lực. Từ đó đưa ra những phương pháp dạy học tốt nhất, phù hợp và đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

**Từ khóa:** Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, phương pháp dạy học, định hướng phát triển năng lực

**9. Tư tưởng của C.Mác về giá trị thẩm mỹ và sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam vào định hướng giá trị thẩm mỹ hiện nay**/ Nguyễn Thu Nghĩa// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 11(254) .- Tr. 57-65.

**Nội dung**: Trình bày một số tư tưởng của C.Mác về nguồn gôc, bản chất của giá trị thẩm mỹ và sự vận dụng của Đảng công sản Việt Nam vào định hướng giá trị thẩm mỹ con người Việt Nam từ Đổi mới đến nay.

**Từ khóa**: C.Mác, Đảng cộng sản Việt Nam, giá trị thẩm mỹ, định hướng giá trị thẩm mỹ

**10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức với việc xây dựng đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Hồng Hoa// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 12 .- Tr. 5-7.

**Nội dung**: Trình bày một số nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đội ngũ trí thức. Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức và khuyến khích đội ngũ tự giác, tích cực, học tập và rèn luyện. Từ đó vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức vào quá trình xây dựng phát triển đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Tư tưởng Hồ Chí Minh, đội ngũ trí thức

**11. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh**/ Đặng Thị Minh Phương, Lê Thanh Hòa// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Năm 1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, cuốn sách do nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần đầu tiên vào đầu năm 1948. Nội dung tác phẩm đề cập đến nhiều vấn đề về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, rèn luyện cán bộ, Đảng viên về đạo đức cách mạng và phong cách công tác. Trong bài viết tác giả tập trung phân tích một số nội dung cơ bản của tác phẩm Sửa đổi lối làm việc và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong tác phẩm của Đảng Cộng Sản Việt Nam để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

**Từ khóa**: Đảng Cộng Sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, Sửa đổi lối làm việc

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. Ảnh hưởng của văn hóa Java lên chính sách kinh tế đối ngoại của Indonesia**/ Phạm Thanh Tịnh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 12(261) .- Tr. 14-21.

**Nội dung**: Bài viết đã khái quát được nền văn hóa người Java, đồng thời tập trung nêu lên những ảnh hưởng của văn hóa Java tới chính sách kinh tế đối ngoại của Indonesia trong quá trình phát triển. Qua bài viết, chúng ta thấy được văn hóa Java đã tác động tới chính sách kinh tế đối ngoại Indonesia từ nhận thức cho tới hành động, đưa đất nước Indonesia trở thành một điểm sang kinh tế trong cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Văn hóa Java, Indonesia, chính sách kinh tế đối ngoại

**2. Bối cảnh quốc tế mới và thách thức đối với Châu Phi**/ Vũ Thị Thanh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 11 (195) .- Tr. 18-25.

**Nội dung**: Thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Trong đó các vấn đề như: điều chỉnh chiến lược lớn của các nước lớn, an ninh phi truyền thống, xu hướng bảo hộ và trào lưu dân túy, sự phát triển khoa học, chiến tranh Trung – Mỹ, … đã đưa cục diện thế giới đến giai đoạn mới. Trong bối cảnh đó Châu Phi bất ổn lại đương đầu nhiều khó khăn, thách thức, sung đột sắc tộc, chiến tranh, nợ nước ngoài, khủng hoảng, … bên cạnh đó sức ép chính trị, tác động covid-19 khiến môi trường kinh tế, chính trị, xã hội của Châu Phi ngày càng trở nên bất ổn định.

**Từ khóa**: Bối cảnh quốc tế, Châu Phi, thách thức

**3. Các vấn đề an ninh phi truyền thống ở Đông Nam Á đầu thế kỷ XXI và hợp tác giải quyết trong Asean**/ Trần Thị Thanh Vân, Võ Thành Tâm// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 12(261) .- Tr. 32-42.

**Nội dung**: Khái quát bức tranh toàn cảnh về các vấn đề an ninh phi truyền thống ở Đông Nam Á và quan hệ hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề này. Hợp tác với các đối tác bên ngoài như Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản cũng nhằm mục tiêu giải quyết các chướng ngại, đảm bảo lợi ích của các bên, hướng tới sự hòa bình, ổn định và thịnh vượng chung.

**Từ khóa**: Asean, an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống

**4. Cấu trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương : phân tích dưới lăng kính lý thuyết phức hệ an ninh khu vực**/ Đỗ Khương Mạnh Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 10(107) .- Tr. 25-32.

**Nội dung**: Phân tích các yếu tố hội tụ và phân kỳ ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương nhằm làm rõ sự hình thành cấu trúc an ninh khu vực này. Phức hệ an ninh khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương là cấu trúc an ninh khu vực mới nổi được xem xét dưới góc độ lý thuyết phức hệ an ninh khu vực của Buzan và Weaver.

**Từ khóa**: Lý thuyết phức hệ an ninh khu vực, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, cấu trúc an ninh khu vực

**5. Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Pháp và quan hệ Pháp - Ấn Độ**/ Nguyễn Hồng Quân// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 9(252) .- Tr. 60-71.

**Nội dung**: Trình bày một số nội dung về chiến lược hướng tới Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Phân tích quan hệ Pháp - Ấn Độ trong chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

**Từ khóa**: Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Pháp, an ninh quân sự, kinh tế, thương mại, Ấn Độ

**6. Chiến lược Made in China 2025 của Trung Quốc – Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nhật Thu// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 10(248) .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Giới thiệu khái quát về chiến lược công nghiệp Made in China 2025 (MIC 2025) của Trung Quốc, các lĩnh vực chủ chốt và lộ trình thực hiện, đồng thời đưa ra đánh giá về khả năng thành công của MIC 2025 dựa trên phân tích hệ thống các chính sách, kế hoạch, sang kiến cấp Quốc gia bổ trợ cho MIC 2025 mà Trung Quốc đang thực hiện. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích một số cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi Trung Quốc triển khai MIC 2025.

**Từ khóa**: Made in China 2025, MIC 2025, công nghệ cao, chiến lược công nghiệp, thách thức

**7. Chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng dễ bị tổn thương ở Ai Cập trước tác động của Đại dịch Covid-19**/ Nguyễn Trung Tuyển// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 08 (192) .- Tr. 39-44.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích những biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội cho những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội, bao gồm: phụ nữ, trẻ em và lao động phi chính thức ở đất nước Ai Cập. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu bài viết đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam trong thực hiện chính sách thích ứng về an sinh xã hội, kiểm soát hiệu quả và giảm thiểu những tác động của Đại dịch Covid-19 hiện nay.

**Từ khóa**: Ai cập, Đại dịch Covid-19, chính sách an sinh xã hội

**8. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á từ năm 2017 đến nay**/ Nguyễn Minh Hồng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 12(244) .- Tr. 65-79.

**Nội dung**: Trình bày những cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc, từ đó làm rõ chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á từ sau Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIX, trên cơ sở đó đưa ra những ứng đối của các nước Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Đông Nam Á, chính sách đối ngoại

**9. Chính sách hợp tác quốc tế về vaccine chống covid-19 của Việt Nam**/ Đặng Thị Phương Hoa// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 9(252) .- Tr. 14-35.

**Nội dung**: Tổng hợp và cập nhật thực trạng chính sách hợp tác quốc tế phục vụ cho các hoạt động chống Covid-19 của Việt Nam trong làn song dịch lần thứ 4. Bài viết khẳng định chính sách chống dịch Covid-19 của Việt Nam đang đi đúng hướng và có kết quả tích cực.

**Từ khóa**: Chính sách hợp tác quốc tế, chính sách chống Covid-19, chính sách ngoại giao vaccine, Việt Nam chống covid-19

**10. “Cultural Turn” – bước ngoặc văn hóa trong ngoại giao và quan hệ quốc tế**/ Nguyễn Cao Thanh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 7(250) .- Tr. 59-70.

**Nội dung**: Giới thiệu và đánh giá một số yếu tố chọn lọc mang tính văn hóa đặc biệt trong lý luận ngoại và quan hệ quốc tế những năm gần đây.

**Từ khóa**: Ngoại giao, quan hệ quốc tế, văn hóa, hiện thực

**11. Đối thoại năng lượng Nga – EU : hiệu quả và những vấn đề đặt ra**/ Vũ Thụy Trang// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 7(250) .- Tr. 33-47.

**Nội dung**: Nghiên cứu về tính hiệu quả của đối thoại năng lượng Nga – EU đạt được trong thời gian qua, đồng thời phân tích những vấn đề đặt ra của đối thoại này cần phải giải quyết trong giai đoạn hiện nay để hợp tác giữa hai bên nói chung cũng như trong lĩnh vực năng lượng nói riêng đạt được các lợi ích mà hai bên mong muốn.

**Từ khóa**: Hợp tác, đối thoại, năng lượng, Nga, EU

**12. Đóng góp của khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020 và hướng hợp tác với Châu Phi giai đoạn 2021-2030**/ Lê Quý Kha, Đào Thế Anh, Lê Quang Thắng// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 10 (194) .- Tr. 19-31.

**Nội dung**: Đóng góp của khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo nông thôn được viện Khoa học Nông nghiệp đánh giá cao trong giai đoạn 2010-2020. Mức độ cơ giới hóa trồng trọt đạt kết quả khích lệ, giúp nông dân tăng lợi nhuận khoảng 20-30% so với áp dụng cơ giới hóa. Kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, chuỗi giá trị bền vững được hình thành. Châu Phi vẫn còn 40% dân số nghèo đói, từ đó sinh bất ổn chính trị xã hội. Với những đóng góp trên nền nông nghiệp không những là bệ đỡ cho Việt Nam mà còn góp phần thúc đẩy hợp tác quốc tế với Châu Phi và nhiều nước.

**Từ khóa**: Hợp tác quốc tế, nông nghiệp, khoa học công nghệ

**13. Giải pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam giai đoạn 2021-2030**/ Đào Thế Anh/ Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 11 (195) .- Tr. 9-17.

**Nội dung**: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần quan trọng vào quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam. Bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động, đặc biệt là tác động nghiêm trọng của Đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu, rất cần có dự báo về xu hướng chủ đạo của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nông nghiệp nông thôn. Đây là điều kiện quan trọng để đề xuất chính sách phù hợp, hiệu quả đẩy mạnh trong bối cảnh mới, tình hình mới.

**Từ khóa**: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông dân, nông thôn

**14. Hiệp định thương mại tự do EU – Hàn Quốc (EUKFTA) sau 10 năm thực hiện : một số gợi ý đối với Việt Nam**/ Bùi Việt Hưng, Nguyến Chiến Thắng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 8(251) .- Tr. 37-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu và đánh giá những kết quả mà Hàn Quốc đạt được trong Hiệp định Thương mại Tự do EU – Hàn Quốc trên ba lĩnh vực là thương mại hang hóa, dịch vụ và đầu tư, đánh giá những điểm chính mà Hàn Quốc thực thi gắn với Hiệp định. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa**: EUKFTA, EVFTA, thương mại quốc tế

**15. Hoàn thiện chính sách thương mại về xuất khẩu nông sản Việt Nam sang thị trường Trung Đông**/ Đậu Xuân Đạt, Trần Thị Ngát// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 09 (193) .- Tr. 9-19.

**Nội dung:** Việt Nam có lợi thế trong việc sản xuất các sản phẩm nông nghiệp. Sự thâm nhập của nông sản Việt Nam vào thị trưởng Trung Đông khá muộn, cho nên các sản phẩm nông sản Việt Nam chưa gây được cảm tình với người tiêu dùng Trung Đông và chưa cạnh tranh được với các quốc gia khác. Vì vậy Việt Nam cần hoàn thiện chính sách thương mại nhằm khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh và hỗ trợ doanh nghiệp qua Đại dịch.

**Từ khóa:** Chính sách thương mại, nông sản, xuất khẩu, Trung Đông

**16. Hợp tác an ninh – quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ (1972-2021)**/ Nguyễn Đắc Tùng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2022 .- số 1(210) .- Tr. 24-33 .- ISSN.0866-7314.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng hợp tác an ninh – quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ qua 3 giai đoạn: giai đoạn 1 (1972-2007), giai đoạn 2 (2007-2016) và giai đoạn 3 (2016-2021).

**Từ khóa**: Ấn Độ, Việt Nam, hợp tác an ninh – quốc phòng, hải quân, không quân

**17. Hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Saudi Arabia : thực trạng va triển vọng**/ Đỗ Đức Hiệp// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 07 (191) .- Tr. 43-51.

**Nội dung**: Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Saudi Arabia có những bước phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong hợp tác kinh tế. Kim ngạch thương mại không ngừng gia tăng một số dự án đầu tư Saudi Arabia được triển khai tại Việt Nam hoạt động hiệu quả. Bài viết tập trung tìm hiểu về lợi thế và nhu cầu thúc đẩy quan hệ hợp tác của Saudi Arabia, phân tích đánh giá thực trạng trong những năm gần đây, từ đó dự báo về triển vọng hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Saudi Arabia trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Hợp tác kinh tế, quan hệ quốc tế, quan hệ Việt Nam và Saudi Arabia

**18. Hợp tác văn hóa giữa Đài Loan và một số nước Đông Nam Á từ năm 2016 đến nay**/ Vũ Thị Duyên// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 12(261) .- Tr. 62-70.

**Nội dung**: Trình bày vấn đề Hợp tác văn hóa giữa Đài Loan và các quốc gia Đông Nam Á, giai đoạn từ năm 2016 đến nay. Theo đó, xem xét những nhân tố tác động đến hợp tác như lịch sử ngôn ngữ văn hóa tộc người, các cộng đồng di dân Đông Nam Á ở Đài Loan ở Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Hợp tác văn hóa, Đài Loan, Đông Nam Á

**19. Khu vực Đông Bắc Ấn Độ trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Narendra Modi**/ Huỳnh Thanh Loan// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 12(109) .- Tr. 1-15.

**Nội dung**: Phân tích tầm quan trọng và vai trò của khu vực Đông Bắc Ấn trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Modi, đã giúp phát triển khu vực Đông Bắc cũng như tăng cường quan hệ kinh tế, văn hóa – xã hội, kết nối giữa Ấn Độ với các quốc gia láng giềng và Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Đông Bắc Ấn Độ, Đông Nam Á, hành động phía Đông, chính sách Láng giềng trước tiên

**20. Kinh nghiệm phát triển cơ sở hạ tầng Logistics ở Hà Lan và những gợi ý cho Việt Nam**/ Trần Thế Tuân// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 10(253) .- Tr. 69-78.

**Nội dung**: Tập trung trình bày thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng logistics của Hà Lan và chỉ ra những thành công, hạn chế và rút ra những bài học cho Việt Nam trong việc phát triển cơ sở hạ tầng logistics nhằm kết nối chuỗi cung ứng và làm tăng khả năng cạnh tranh cho nền kinh tế.

**Từ khóa**: Phát triển, cơ sở hạ tầng, logistics, Hà Lan

**21. Kinh nghiệm phát triển nguồn năng lượng tái tạo ở Ấn Độ và gợi ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Văn Linh, Phạm Quang Linh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 10(107) .- Tr. 9-15.

**Nội dung**: Phân tích các chính sách thúc đẩy phát triển nguồn năng lượng tái tạo của Ấn Độ và đưa ra gợi ý cho Việt Nam trong chiến lược phát triển năng lượng tái tạo bền vững.

**Từ khóa**: Ấn Độ, chiến lược, năng lượng tái tạo, Việt Nam

**22. Liên kết kinh tế giữa các địa phương ven biển : kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ Võ Thị Minh Lệ, Nguyễn Thị Hồng Nga// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 08 (192) .- Tr. 45-52.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây đã có nhiều mô hình phổ biến về liên kết kinh tế giữa các địa phương ven biển là “ mạng lưới hàng hải”, hệ thống thành phố biển, trung tâm đô thị ven biển nhằm phục vụ cho các tuyến vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, hay nói cách khác là hợp tác trong lĩnh vực vận tải biển. Bài viết trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế sẽ gợi mở một số mô hình liên kết kinh tế biển cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Liên kết kinh tế, quan hệ kinh tế, vận tải biển, kinh nghiệm quốc tế

**23. Liên minh Nhật – Mỹ giai đoạn 2000-2021 và những tác động đối với Nhật Bản**/ Nguyễn Ngọc Nghiệp// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2022 .- số 1(251) .- Tr. 3-11 .- ISSN.235-077X.

**Nội dung**: Phân tích về sự hình thành và những chuyển biến của liên minh Nhật – Mỹ từ năm 2000 đến hết nhiệm kỳ của Tổng thống Donald Trump, đồng thời đánh giá những tác động của liên minh này đối với Nhật Bản trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Mỹ, liên minh, Đông Bắc Á

**24. Liên minh Thái Bình Dương : cơ hội và các thách thức phía trước**/ Lê Thị Thu Trang// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 11(284) .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ những thành tự đáng ghi nhận của Liên minh Thái Bình Dương 10 năm qua và nhận diện một số thách thức mới mà Liên minh Thái Bình Dương phải đương đầu để đạt được sự phát triển bền vững như mục tiêu đã đề ra.

**Từ khóa**: Liên minh Thái Bình Dương, thành tự, cơ hội, thách thức

**25. Mối quan hệ thương mại hàng hóa và du lịch Trung Quốc – Triều Tiên giai đoạn 2017-2019 dưới tác động của các lệnh trừng phạt quốc tế**/ Nguyễn Hòa Kim Thái// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 10 .- Tr. 1894-1905.

**Nội dung:** Trình bày mối quan hệ thương mại hàng hóa và ngành du lịch của Trung Quốc-Triệu Tiên trong giai đoạn 2017-2019 dưới tác động của các lệnh trừng phạt quốc tế. Bằng phương pháp phân tích số liệu phản chiếu từ các nước so sánh với các sự kiện quốc tế để đánh giá độ tin cậy của dữ liệu. Bài viết nghiên cứu sự thay đổi trong dữ liệu thương mại và du lịch giữa hai nước kể từ khi Liên Hợp Quốc gia tăng các biện pháp trừng phạt đối với Triều Tiên. Từ đó đẩy mạnh phát triển ngành du lịch đạt hiệu quả cao.

**Từ khóa**: Quan hệ quốc tế, thương mại hàng hóa, du lịch, Quan hệ Triều Tiên – Trung Quốc

**26. Một số đặc điểm về hợp tác giáo dục đại học Việt Nam – Hoa Kỳ (1995-2016)**/ Nguyễn Thị Huyền Thảo// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 11(108) .- Tr. 67-74.

**Nội dung**: Phân tích một số đặc điểm của hợp tác giáo dục đại học Việt Nam – Hoa Kỳ (1995-2016) nhằm bổ sung khoảng trống trong nghiên cứu và đóng góp tư liệu cho việc nghiên cứu sâu hơn về sau.

**Từ khóa**: Giáo dục đại học, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, ngoại giao nhân dân, ngoại giao Hoa Kỳ

**27. Một số điểm nổi bật trong hợp tác quốc tế của Trung Đông 6 tháng đầu năm 2021**/ Nguyễn Trọng Tuấn Anh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 06 (190) .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Trình bày mối quan hệ hợp tác giữa Nga và Trung Đông, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông, mối quan hệ hợp tác giữa khu vực của các quốc gia trong khu vực Trung Đông 6 tháng đầu năm 2021.

**Từ khóa**: Hợp tác quốc tế, quan hệ quốc tế, Trung Đông

**28. Một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thùy Hương// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 12 (196) .- Tr. 45-50.

**Nội dung**: Với giá trị viện trợ ngày càng tăng, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã góp phần trực tiếp vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên việc quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài vẫn còn một só hạn chế như: công tác kiểm tra, giám sát vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài còn hạn chế, vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài chưa được điều phối thật sự hợp lý.

**Từ khóa**: Vốn viện trợ, tổ chức phi chính phủ, quản lý nhà nước

**29. Một số nhân tố tác động đến chính sách của Hoa Kỳ đối với Triều Tiên dưới thời tổng thống Biden**/ Lộc Thị Thủy// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 10(283) .- Tr. 3-9.

**Nội dung**: Phân tích và tập trung làm rõ bối cảnh khu vực Đông Bắc Á, tình hình nội tại của Hoa Kỳ, Triều Tiên và đưa ra một số đánh giá về chính sách của Hoa Kỳ đối với Triều Tiên của chính quyền Biden.

**Từ khóa**: Quan hệ, Hoa Kỳ, Triều Tiên, chính sách

**30. Một số phân tích về thực tiến chính sách đối ngoại của Indonesia**/ Nguyễn Chí Giáp// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 12(261) .- Tr. 53-61.

**Nội dung**: Phân tích chính sách Đối ngoại của Indonesia thông qua khái niệm Cường quốc tầm trung và làm rõ các hoạt động của Chính sách đối ngoại Indonesia trong những năm gần đây, đặc biệt là dưới thời Chính quyền Joko Widodo và mối quan hệ của nó với truyền thông, xã hội và dư luận.

**Từ khóa**: Indonesia, chính sách đối ngoại, chủ nghĩa hiện thực

**31. Nga rút khỏi Hiệp ước bầu trời mở (OST) và những hàm ý đặt ra**/ Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 9(252) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Phân tích khái quát về sự hình thành, phát triển của Hiệp ước Baaif trời mở, những nội dung cơ bản của Hiệp ước và diễn biến Mỹ, Nga lần lượt rút khỏi Hiệp ước Bầu trời mở, từ đó đánh giá những hàm ý, hệ lụy đặt ra về mặt chính sách, tập hợp lực lượng của các nước lớn liên quan.

**Từ khóa**: Hiệp ước Bầu trời mở, OST, quan hệ Nga – Mỹ

**32. Ngoại giao kinh tế của Liên Minh Châu Âu với Việt Nam từ năm 2010 đến nay**/ Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Ngọc Hải Anh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 7(250) .- Tr. 16-32.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ về các chính sách ngoại giao kinh tế của EU với Việt Nam từ năm 2010 đến nay, qua đó mang lại một góc nhìn toàn diện về bản chất Ngoại giao kinh tế EU. Trên cơ sở này, bài viết đưa ra các nhận xét về kết quả triển khai và tác động Ngoại giao kinh tế của EU đối với quan hệ Việt Nam – EU.

**Từ khóa**: EU, ngoại giao kinh tế, quan hệ EU – Việt Nam, EVFTA, EVIPA

**33. Ngoại giao nhân dân trong quan hệ Việt - Trung**/ Nguyễn Phương Liên// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 11(243) .- Tr. 53-66.

**Nội dung**: Ngoại giao nhân dân là một trong ba kênh ngoại giao quan trọng giữa Việt Nam và Trung Quốc. Hoạt động này góp phần đang kể vào thành tựu đối ngoại chung của đất nước, giúp quan hệ Việt – Trung phát triển ổn định, không để gián đoạn hay đổ vỡ, ngay cả trong những lúc quan hệ hai nước gặp khó khăn.

**Từ khóa**: Ngoại giao nhân dân, Việt – Trung

**34. Nhân tố Đài Loan trong Quan hệ Mỹ - Trung hiện nay**/ Đinh Công Tuấn// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 12(285) .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Phân tích vai trò của Đài Loan trong quan hệ Mỹ - Trung và dự báo về các bước đi của Mỹ và Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề Đài Loan, bài viết rút ra một số nhận xét đánh giá về mối quan hệ phức tạp này.

**Từ khóa**: Đài Loan, Mỹ - Trung, chiến lược, an ninh, quân sự, kinh tế

**35. Nhân tố Mỹ trong quan hệ Trung Quốc và Australia**/ Nguyễn Văn Lịch, Hoàng Diệu Linh// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 9(282) .- Tr. 28-37.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ sự ảnh hưởng của Mỹ trong các chính sách, cũng như hành động thực tế của Australia trong quan hệ với Trung Quốc. Quan hệ giữa Trung Quốc và Australia đã từng được đánh giá là có tiềm năng hợp tác tác và phát triển, bởi hai nước này có nhiều lợi ích ràng buộc với nhau.

**Từ khóa**: Australia, Trung Quốc, Mỹ, quan hệ, căng thẳng, thương mại

**36. Nhìn lại chính sách đối ngoại với Đông Nam Á của Nhật Bản dưới thời Thủ tướng SUga Yoshihide**/ Nguyễn Trường Sơn, Hà Việt Anh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 11(249) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá chính sách Đông Nam Á trong một năm cầm quyền của Thủ tướng Suga trên cơ sở nhìn lại tổng thể chiều hướng phát triển của chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai và dự đoán về chiều hướng thời gian tới.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Đông Nam Á, Việt Nam, Thủ tướng Suga Yoshihide

**37. Những thách thức đối với chính phủ Việt Nam khi thực hiện các cam kết về mua sắm chính phủ trong EVFTA – một FTA thế hệ mới**/ Trương Thị Thúy Bình// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 8(251) .- Tr. 92-105.

**Nội dung**: Nghiên cứu làm rõ thuật ngữ FTA thế hệ mới, các cam kết về mua sắm chính phủ của Việt Nam trong EVFTA, đặc biệt phân tích những thách thức đặt ra đối với Chính phủ Việt Nam khi thực hiện các cam kết về mua sắm chính phủ trong EVFTA.

**Từ khóa**: FTA thế hệ mới, mua sắm chính phủ, thách thức của chính phủ

**38. Những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ukraine từ khi độc lập đến nay (1991-2021)**/ Nguyễn Anh Tuấn// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 8(251) .- Tr. 3-18.

**Nội dung**: Trình bày và đánh giá những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ukraine trong 30 năm qua như: Chính sách đối ngoại cân bằng giữa Nga và EU của Ukraine dưới Tổng thống Kravchuk, Kuchma và Yanukovich; Chính sách đối ngoại ngả theo phương Tây, xa rời Nga của Ukraine dưới thời Tổng thống Yushchenko, Poroshenko và Zelensky; Chính sách của Ukraine với các nước châu Á – Thái Bình Dương và quan hệ Ukraine-Việt Nam.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Ukraine, Nga, Mỹ, EU, châu Á

**39. Phối hợp Mỹ - Nhật trong ngoại giao Vaccine khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương**/ Phí Hồng Minh// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 12(285) .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Phân tích cách thức liên minh Mỹ - Nhật dưới thời tổng thống Biden cùng phối hợp với các đồng minh trong nỗ lực tăng cường ngoại giao y tế và ngoại giao vaccine nhằm tái lập vị thế lãnh đạo trong cuộc chiến chống Covid-19 trên toàn cầu và làm đối trọng với ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

**Từ khóa**: Ngoại giao y tế, ngoại giao vaccine, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương

**40. Quan hệ chính trị - ngoại giao Thái Lan – Trung Quốc trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (2019-2021)**/ Hà Lê Huyền// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 11(108) .- Tr. 60-66.

**Nội dung**: Phân tích quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Trung Quốc và Thái Lan trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đang trở thành cuộc khủng hoảng toàn cầu để làm rõ vị trí và nhu cầu hợp tác của hai nước, từ đó nhận diện sự tiến triển trong quan hệ chính trị - ngoại giao, sự tác động tới quan hệ kinh tế nhằm khẳng định mối quan hệ tin cậy và khăng khít của Thái Lan – Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Đại dịch Covid-19, quan hệ chính trị - ngoại giao, Thái Lan, Trung Quốc

**41. Quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Ấn Độ sau Chiến tranh Lạnh**/ Nguyễn Cảnh Huệ// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2022 .- số 1(210) .- Tr. 1-8 .- ISSN.0866-7314.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ mối quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Ấn Độ từ năm 1991 đến năm 2021. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ có truyền thống hữu nghị lâu đời, ngày càng tốt đẹp và đặc biệt phát triển nhanh chóng kể từ sau Chiến tranh lạnh.

**Từ khóa**: Ấn Độ, quan hệ chính trị - ngoại giao, sau Chiến tranh Lạnh, Việt Nam

**42. Quan hệ đối ngoại của Ấn Độ với Việt Nam dưới Thủ tướng Indira Gandhi (1966-1984)**/ Phùng Thị Thảo// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2022 .- số 1(210) .- Tr. 16-23 .- ISSN.0866-7314.

**Nội dung**: Phân tích những thay đổi trong quan hệ đối ngoại của Ấn Độ với Việt Nam giai đoạn 1966-1977 so với giai đoạn 1947-1965. Làm nổi bật những thay đổi trong quan hệ đối ngoại của Ấn Độ với Việt Nam trong giai đoạn 1980-1984 so với giai đoạn 1977-1979. Từ đó đưa ra những nhân tố lý giải nội dung, đặc điểm của mối quan hệ đối ngoại Ấn Độ - Việt Nam trong các giai đoạn kể trên.

**Từ khóa**: Ấn Độ, quan hệ ngoại giao, Indira Gandhi, Việt Nam

**43. Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước Trung Đông – Châu Phi : tiềm năng, thực trạng và triển vọng**/ Nguyễn Quang Khải// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 10 (194) .- Tr. 13-18.

**Nội dung**: Việt Nam luôn tăng cường hợp tác đối ngoại với các khu vực Trung Đông và Châu Phi. Chính sách đối ngoại của Việt Nam phát triển quan hệ hợp tác ở nhiều mặt, quan hệ chính trị, quan hệ kinh tế, quan hệ đối ngoại. Bên cạnh những thuận lợi thì cũng có nhiều khó khăn hạn chế trong mối quan hệ giữa các nước Trung Đông Châu Phi. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để vượt qua những khó khăn thách thức đưa quan hệ hợp tác lên tầm cao mới vì lợi ích chung.

**Từ khóa**: Quan hệ hợp tác, quan hệ kinh tế, quan hệ Việt Nam – Châu Phi

**44. Quan hệ kinh tế Việt Nam – Sri Lanka : thực trạng và triển vọng**/ Nguyễn Đắc Tùng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 11(108) .- Tr. 43-50.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng và triển vọng quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Sri Lanka trên các lĩnh vực thương mại và đầu tư. Sri Lanka và Việt Nam có mối quan hệ kinh tế lâu đời, bắt nguồn từ giao lưu thương mại thời kỳ đầu Công nguyên.

**Từ khóa**: Đầu tư, kinh tế, Sri Lanka, thương mại, Việt Nam

**45. Quan hệ liên minh Châu Âu – Asean : thực trạng và triển và triển vọng**/ Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Thị Phương Dung// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 9(252) .- Tr. 47-59.

**Nội dung**: Phân tích những nét chính trong quan hệ EU – Asean trong cách lĩnh vực chính trị - an ninh, kinh tế - thương mại và hợp tác phát triển, từ đó đánh giá triển vọng quan hệ giữa hai bên trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Triển vọng, quan hệ, EU-ASEAN

**46. Quan hệ Mỹ - Nhật từ thời kỳ tổng thống Donald Trump đến nay**/ Ngô Thị Lan Anh// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 10(283) .- Tr. 28-36.

**Nội dung**: Nghiên cứu về mối quan hệ Mỹ - Nhật dưới thời Tổng thống Donald Trump. Phân tích quan hệ Mỹ - Nhật cho kỷ nguyên mới. Trình bày ảnh hưởng của quan hệ Mỹ - Nhật đến khu vực.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Mỹ, quan hệ Mỹ - Nhật, Joe Biden, Donald Trump

**47. Quan hệ Nhật Bản – Mỹ trong bối cảnh an ninh Đông Á hiện nay/** Nguyễn Hồng Quân// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 07 (191) .- Tr. 11-23.

**Nội dung:** Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc Mỹ sử dụng Nhật Bản bại trận làm căn cứ để đánh Liên Xô và Trung Quốc. Nhật Bản dựa vào Mỹ để phát triển kinh tế đất nước, mặt khác tranh thủ Mỹ để xây dựng tiềm lực mọi mặt , mở rộng vai trò khu vực. Sau chiến tranh lạnh, Nhật Bản từng bước khẳng định vai trò trong liên minh song phương với Mỹ, phát huy vai trò phòng vệ. Trong bối cảnh cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Nhật Bản tham gia cùng các nước khu vực nỗ lực bảo vệ trật tự dựa trên pháp luật quốc tế, đối phó với những nguy cơ bất ổn Đông Á.

**Từ khóa**: Quan hệ Nhật Bản – Mỹ, an ninh quốc tế, quan hệ hợp tác, quan hệ quốc tế

**48. Quan hệ thương mại giữa Philippines với Trung Quốc thời thuộc địa Tây Ban Nha (thế kỷ XVI-XIX)**/ Trần Thị Quế Châu// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2022 .- số 1(251) .- Tr. 51-60 .- ISSN.235-077X.

**Nội dung**: Cung cấp cái nhìn tổng quan về quan hệ thương mại giữa Philippines với Trung Quốc trong hơn ba thế kỉ dưới sự cai trị của Tây Ban Nha.

**Từ khóa**: Thương mại, Philippines, Trung Quốc

**49. Quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam – Liên Bang Nga : những thuận lợi và thách thức sau khi triển khai FTA giữa Việt Nam với các nước liên minh kinh tế Á - Âu**/ Đinh Mạnh Tuấn, Dương Thái Hậu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 9(252) .- Tr. 101-111.

**Nội dung**: Tập trung phân tích những thuận lợi và thách thức trong quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Liên Bang Nga sau khi triển khái FTA giữa Việt Nam với EAEU, từ đó đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Thương mại, đầu tư, Việt Nam, Liêng Bang Nga, FTA, EAEU

**50. Quan hệ thương mại, đầu tư Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh mới**/ Nguyễn Trung Đức// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 12(109) .- Tr. 34-39.

**Nội dung**: Phân tích bối cảnh, thực trạng quan hệ thương mại đầu tư Việt Nam - Ấn Độ và đưa ra một số cơ hội hợp tác trong những năm tới.

**Từ khóa**: Ấn Độ, đầu tư, quan hệ kinh tế, thương mại, Việt Nam

**51. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ : phát triển và kỳ vọng**/ Phan Cao Nhật Anh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2022 .- số 1(210) .- Tr. 9-15 .- ISSN.0866-7314.

**Nội dung**: Trình bày khái lược mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, đưa ra những kỳ vọng và một số trọng tâm hợp tác nhằm thúc đẩy quan hệ hai nước.

**Từ khóa**: Ấn Độ, quan hệ ngoại giao, Việt Nam

**52. Quan hệ Việt Nam và Châu Phi trong xu hướng chuyển đổi kinh tế thế giới**/ Lê Phước Minh, Đỗ Đức Hiệp// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 10 (194) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Hợp tác kinh tế Việt Nam và Châu Phi đã không ngừng tăng trưởng hơn 20 năm qua. Tuy nhiên cách tiếp cận mới cần được thay đổi bởi vì những thành quả đạt được trong hợp tác đang ở dưới mức tiềm năng mong đợi theo đánh giá của hai bên. Trong những năm tới, một mặt Việt Nam và Châu Phi tiếp tục kế thừa truyền thống hợp tác tốt đẹp, mặt khác, dựa trên các bài học thất bại và thành công trong hợp tác toàn cầu, cần có những chính sách và cách tiếp cận hợp lý nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác Việt Nam và Châu Phi lên tầm cao mới.

**Từ khóa**: Quan hệ hợp tác, chuyển đổi kinh tế, quan hệ Việt Nam – Châu Phi

**53. Quy hoạch không gian biển – kinh nghiệm Châu Âu và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ Vũ Tuấn Hưng, Nguyễn Danh Nam, Uông Thị Ngọc Lan// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 8(251) .- Tr. 19-36.

**Nội dung**: Bài viết góp phần chỉ ra các kinh nghiệm và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch không gian biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế hiện nay.

**Từ khóa**: Biển, quy hoạch không gian biển, kinh nghiệm châu Âu

**54. Sự kiện nổi bật trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước Châu Phi – Trung Đông 6 tháng đầu năm 2021**/ Hồ Diệu Huyền// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 06 (190) .- Tr. 49-56.

**Nội dung**: Một số vấn đề nổi bật trong giai đoạn này: tăng cường thể hiện tiếng nói, lập trường ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau trên diễn đàn quốc tế, ngoại giao y tế, tăng cường thể hiện tiếng nói, lập trường ủng hộ, thương mại, giáo dục, đầu tư , quốc phòng, an ninh, … Trên cơ sở tổng hợp, phân tích tài liệu từ nhiều nguồn uy tín. Bài viết tập trung mô tả khái quát bức tranh toàn cảnh về một số vấn đề nổi bật trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các quốc gia Châu Phi – Trung Đông trong 6 tháng đầu năm 2021, từ đó đưa ra những định hướng phát triển, triển vọng hợp tác phù hợp với Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Quan hệ hợp tác, sự kiện nổi bật, Việt Nam – Châu Phi

**55. Thế và lực của Liên minh Châu Âu trong 5 năm tới (2021-2025)/** Hà Hoàng Hải// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 12(255) .- Tr. 15-19.

**Nội dung**: Đánh giá các thuận lợi và thách thức trong quan hệ Việt Nam – EU và đề xuất một số giải pháp để thúc đẩy quan hệ Việt Nam – EU trong giai đoạn 5 năm tới.

**Từ khóa**: Vị thế, tiềm lực, chính sách, cơ hội, thách thức, EU

**56. Thỏa thuận thương mại Nhật – Mỹ và tác động đối với khu vực Đông Nam Á**/ Đỗ Thị Ánh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2022 .- số 1(251) .- Tr. 32-40 .- ISSN.235-077X.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ về nội hàm của thỏa thuận thương mại Nhật – Mỹ, đồng thời chỉ ra những tác động chủ yếu của thỏa thuận này đối với khu vực Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Mỹ, thỏa thuận song phương, thương mại kỹ thuật số

**57. Tiến trình ngoại giao và pháp lý quốc tế trong vấn đề chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cao, không theo quy định**/ Đỗ Ngọc Thủy// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 11(254) .- Tr. 3-9.

**Nội dung**: Tập trung phân tích thách thức toàn cầu IUU nhìn từ hai hướng tiếp cận chính, từ đó làm rõ động lực và quyết tâm của Việt Nam giải quyết dứt điểm và ổn thỏa vấn đề IUU trong quan hệ với EU, đóng góp vào mục tiêu chung bảo đảm an ninh lương thực nghề cá và an ninh biển trên phạm vi toàn cầu.

**Từ khóa**: IUU, UNCLOS, thủy sản, Ủy ban Châu Âu, Việt Nam

**58. Triển vọng vị thế của Hàn Quốc trong khu vực và tác động đến Việt Nam**/ Phạm Hồng Thái// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 12(250) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Phân tích và khẳng định vị thế cường quốc khu vực của Hàn Quốc, đánh giá triển vọng, gia tăng vị thế của Hàn Quốc tại khu vực Đông Á, nhất là tại Asean trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Trung – Mỹ. Trong phần cuối, bài viết phân tích xu hướng quan hệ Hàn Quốc – Việt Nam từ góc độ triển khai chính sách của Hàn Quốc trong thời gian 10 năm tới và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam nhằm nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Hàn Quốc trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Vị thế Hàn Quốc, quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc, hàm ý chính sách

**59. Trung Quốc và Đài Loan xin gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương**/ Võ Minh Hùng, Trần Thị Hải Yến// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 11(249) .- Tr. 12-21.

**Nội dung**: Phân tích nguyên nhân xin gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương của Trung Quốc và Đài Loan, phản ứng của các nước, khả năng tham gia thành công của hai nhân tố và bước đầu đưa ra khuyến nghị trong ứng xử của Việt Nam.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Đài Loan, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

**60. UAE – thị trường tiềm năng cho xuất khẩu của Việt Nam/** Trịnh Thị Lan Anh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 09 (193) .- Tr. 57-60.

**Nội dung:** Sau 26 năm chính thức thiết lập quan hệ hợp tác, các Tiểu Vương quốc Arab thống nhất (UAE) đã trở thành đối tác quan trọng của Việt Nam tại khu vực Trung Đông. Với chính sách kinh tế mở và vị trí cửa ngõ sang thị trường vùng vịnh cùng các lợi thế khác, kim ngạch xuất khẩu thị trường Việt Nam sag UAE có nhiều tín hiệu đáng mừng. Để tiếp tục khai thác lợi thế tiềm năng xuất khẩu của thị trường này, Việt Nam cần có biện pháp hữu hiệu hơn trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Kim ngạch xuất khẩu, thị trường xuất khẩu, Tiểu Vương quốc Arab thống nhất (UAE)

**61. Vai trò trung tâm của Asean từ góc nhìn chủ nghĩa Đa phương**/ Huỳnh Tâm Sáng// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 11(260) .- Tr. 35-44.

**Nội dung**: Bài viết lấy chủ nghĩa đa phương làm lăng kính kiểm chứng tính hiệu quả của việc Asean định hình và lan tỏa nhận thức chung về tính thâu nạp và lợi ích khi hợp tác với tổ chức. Kế đến, nghiên cứu bước đầu nhận diện cơ hội mà Asean cần nắm bắt, thách thức mà Asean phải giải quyết và khả năng Asean củng cố vai trò trung tâm của mình.

**Từ khóa**: Vai trò trung tâm của Asean, chủ nghĩa đa phương, Đông Nam Á

**62. Vấn đề Sudan tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và vai trò đóng góp của Việt Nam**/ Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 09 (193) .- Tr. 30-36.

**Nội dung**: Việt Nam đảm nhiệm thành công cương vị Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có vị trí, vai trò trong duy trì hòa bình, an ninh quốc tế. Nam Sudan là vấn đề phức tạp thu hút sự quan tâm giải quyết của các nước thành viên do bất ổn chính trị, an ninh, nguy cơ, thách thức hòa bình, ổn định của khu vực. Đây là vấn đề mà Việt Nam cần theo dõi sát và có biện pháp ứng xử phù hợp. Bài viết phân tích bối cảnh hiện nay ở Nam Sudan, quá trình xử lý Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và đánh giá vai trò, đóng góp của Việt Nam trông hỗ trợ ổn định tình hình trên thực địa.

**Từ khóa**: Hội đồng Bảo an, Liên hợp quốc, Nam Sudan

**63. Việt Nam – Israel thúc đẩy ký kết hiệp định thương mại tự do**/ Lê Quang Thắng, Trần Kim Bá// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 12 (196) .- Tr. 51-52.

**Nội dung**: Trong bối cảnh kinh tế - chính trị thế giới ngày càng có những diễn biến phức tạp, nhiều quốc gia chịu tác động kinh tế - xã hội do đại dịch Covid-19. Việt Nam không ngừng mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, quan hệ đối tác chiến lược với các nền kinh tế lớn trên thế giới.Việt Nam ký kết nhiều hiệp định thương mại trong đó Israel la đối tác thứ 5 nhằm mang lại nhiều cơ hội tăng trưởng kinh tế, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, nâng cao cạnh tranh thúc đẩy phát triển kinh tế.

**Từ khóa**: Quan hệ hợp tác, hiệp định thương mại, kinh tế quốc tế, quan hệ kinh tế

**64. Việt Nam tham gia hợp tác trong Hành lang kinh tế Đông – Tây (1998-2015) và tác động đến quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ**/ Nguyễn Hoàng Huế// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 12(109) .- Tr. 50-58.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ vị trí, vai trò và kết quả hợp tác của các địa phương Việt Nam thuộc EWEC. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác trong EWEC.

**Từ khóa**: Ấn Độ, hành lang kinh tế Đông - Tây, quan hệ kinh tế, Việt Nam

**65. Việt Nam trong Chính sách Hướng Đông/ Hành động phía Đông của Ấn Độ**/ Võ Xuân Vinh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2022 .- số 1(210) .- Tr. 34-42 .- ISSN.0866-7314.

**Nội dung**: Trên cơ sở làm rõ nội hàm của Chính sách Hướng Đông/ Hành động phía Đông, bài viết sẽ phân tích vai trò của Việt Nam trong chính sách này ở các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, thương mại hàng hóa và đầu tư.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Chính sách Hướng Đông, Chính sách Hành động phía Đông, Việt Nam

**66. Xu hướng sụt giảm tỷ lệ sinh và già hóa dân số tại các nước Liên Minh Châu Âu**/ Nguyễn Thị Thơm, Trịnh Thị Phượng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 7(250) .- Tr. 48-58.

**Nội dung**: Phân tích xu hướng sụt giảm tỷ lệ sinh và già hóa dân số tại các nước EU, cũng như kinh nghiệm khuyến khích sinh con của một số quốc gia.

**Từ khóa**: Già hóa, tỷ lệ sinh, Châu Âu, EU

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Ảnh hưởng của dịch Covid 19 và một số giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro tại ngân hàng thương mại Việt Nam/ Đào Văn Chung**// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 98 - 100.

**Nội dung:** Bài viết phân tích ảnh hưởng của dịch Covid 19 đến hoạt động ngân hàng thương mại, qua phân tích những khó khăn, thách thức, cơ hội và thuận lợi để từ đó đề xuất một số giải pháp tới cho ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị rủi ro và giải pháp khắc phục khó khăn do đại dịch mang lại. **Từ khóa:** Quản trị rủi ro, ngân hàng thương mại, dịch Covid 19

**2. Ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 tới cổ phiếu ngành sản xuất kinh doanh niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**/ Huỳnh Thị Thùy Dương// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6(49) .- Tr. 103-110.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 tới cổ phiếu ngành sản xuất kinh doanh niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy nhà đầu tư không phản ứng nhiều ở giai đoạn đầu của đợt dịch với phần lớn các giá trị lợi nhuận bất thường tích lũy trung bình đều dương. Tuy nhiên khi số ca nhiễm tăng lên quá cao và thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu thực hiện chỉ thị 16 thì giá cổ phiếu có xu hướng giảm, làm cho lợi nhuận bất thường tích lũy âm trong suốt thời gian sự kiện.

**Từ khóa**: Đại dịch Covid-19, cổ phiếu, chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán

**3. Ảnh hưởng của mạng xã hội Facebook đến thái độ mua hàng trực tuyến của giới trẻ trong thời kỳ chuyển đổi số**/ Bùi Thành Khoa, Hồ Nhật Anh, Nguyễn Minh Lý, Nguyễn Xuân Trường// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 43-53.

**Nội dung**: Mục đích nghiên cứu là tổng hợp những yếu tố chính ảnh hưởng đến thái độ mau hàng trên Facebook của giới trẻ tại TPHCM đặc biệt là trong thời đại chuyển đổi số, trong đó nghiên cứu tập vào các thế hệ Z là những khách hàng trẻ có hành vi mua sắm trực tuyến thường xuyên. Nghiên cứu kết hợp giữa phương pháp nghiên cứ định tính và định lượng để đạt được các mục tiêu nghiên cứu. Kết quả chỉ ra thông tin, giải trí, tương tác độ tin cậy và cá nhân hóa ảnh hưởng đến thái độ tích cực mua hàng của giới trẻ trên Facebook trong thời đại chuyển đổi số.

**Từ khóa**: Mạng xã hội Facebook, mua hàng trực tuyến, chuyển đổi số

**4. Bất định chính sách kinh tế của Trung Quốc và nắm giữ tiền của các công ty thuộc khu vực Đông Nam Á**/ Trần Thị Hải Lý, Mai Thị Thanh Trà// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 25-50.

**Nội dung**: Bài viết này xem xét ảnh hưởng của sự bất định trong chính sách kinh tế của Trung Quốc đến nắm giữ tiền tại các công ty thuộc sáu quốc gia ở khu vực Đông Nam Á. Ý tưởng nghiên cứu bắt nguồn từ mối quan hệ ngày càng mật thiết giữa nền kinh tế Trung Quốc và các quốc gia láng giềng, trong đó nổi lên vai trò chi phối của Trung Quốc đối với các quốc gia còn lại. Sử dụng dữ liệu cấp độ công ty ở sáu quốc gia nói trên trong giai đoạn 2010 – 2018, kết quả nghiên cứu cho thấy sự gia tăng bất định trong chính sách kinh tế của Trung Quốc khiến các công ty thuộc khu vực Đông Nam Á nắm giữ ít tiền mặt hơn. Bên cạnh đó, chúng tôi ghi nhận bằng chứng thể hiện sự bất định chính sách kinh tế góp phần làm suy giảm tác động ngược chiều của đầu tư lên lượng tiền nắm giữ. Các kết quả nghiên cứu là nhất quán khi sử dụng các phương pháp đo lường thay thế cho bất định chính sách kinh tế của Trung Quốc và khi thay đổi phương pháp ước lượng.

**Từ khoá**: Bất định trong chính sách kinh tế, Đông Nam Á, nắm giữ tiền, Trung Quốc

**5. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng xanh của giới trẻ : nghiên cứu trường hợp giới trẻ trên địa bàn Hà Nội/** Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Thị Vân, Phùng Mạnh Cương// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 50 - 59.

**Nội dung:** Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng xanh của giới trẻ Việt Nam. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát 303 người trẻ trên địa bàn Hà Nội, các phân tích đã chỉ ra rằng, có 4 nhân tố tác động đến ý định tiêu dùng xanh của giới trẻ với mức độ ảnh hưởng giảm dần gồm: giá trị tiêu dùng xanh; hệ thống kích hoạt hành vi; thái độ đối với tiêu dùng xanh và sự gắn kết với tiêu dùng xanh. Từ kết quả nghiên cứu đưa ra một số gợi ý cho các nhà quản trị nhằm nâng cao ý định tiêu dùng xanh của giới trẻ.

**Từ khóa:** Giá trị tiêu dùng xanh, ý định tiêu dùng xanh, thái độ này đối với tiêu dùng xanh, sự gắn kết với yếu tố xanh

**6. Các nhân tố tác động đến việc áp dụng các nguyên tắc tài khóa tại các nước đang phát triển/** Nguyễn Thị Kim Hiền, Nguyễn Tiến Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 74 - 76.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng mô hình hồi quy Probit cho 155 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1990 - 2015 để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các nguyên tắc tài khóa. Kết quả cho thấy các quốc gia đang phát triển có tủ lệ nợ công và tỷ lệ lạm phát thấp, có thị trường tài chính phát triển, thiếu sự ổn định về chính trị, có áp dụng các hệ thống chính trị khác ngoài chế độ tổng thống, là thành viên của các liên minh tiền tệ và có chỉ số phát triển con người cao có xác suất áp dụng các nguyên tắc tài khóa cao hơn các quốc gia khác. Bài viết là căn cứ để đưa ra các hàm ý chính sách có ý nghĩa cho các quốc gia có dự định áp dụng các nguyên tắc tài khóa trong tương lai.

**Từ khóa: N**guyên tắc tài khóa, mô hình hồi quy Probit

**7. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động logistics tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Huế// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 06 (190) .- Tr. 26-35.

**Nội dung**: Hoạt động logistics bao gồm rất nhiều hình thức đa dạng, hoạt động xuyên suốt quá trình sản xuất phân phối lưu thông hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế. Đây là công cụ hữu hiệu hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Với vai trò to lớn hoạt động logistics ngày càng có ảnh hưởng lớn và phát triển không ngừng, được các doanh nghiệp coi như một loại vũ khí cạnh tranh cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Bài viết tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động logistics tại Việt Nam trong thời gian qua, từ đó đưa ra một số gợi ý để phát triển hoạt động logistics tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Logistics, yếu tố ảnh hưởng

**8. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng Marketing 4.0 tại doanh nghiệp thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ Lừng Thị Kiều Oanh, Lê Thị Hồng Ngọc, Phan Thị Mỹ Dung, Lê Thị Hậu, Nguyễn Thị Bích Hồng, Hà Minh Quân// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 66-76.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện nhằm mục đích đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến ý định sử dụng Marketing 4.0 tại doanh nghiệp thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua thu thập bảng câu hỏi trực tuyển gửi cho 182 doanh nghiệp đang hoạt động trong lình vực thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu. Kết quả có 4 nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng marketing tại doanh nghiệp: Khả năng tương thích, thái độ hướng tới việc sử dụng, nhận thức hữu ích, nhận thức rào cản khi sử dụng. Từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị, kiến nghị nhằm nâng cao ý định sử dụng marketing 4.0 tại doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Marketing 4.0, doanh nghiệp thương mại, dịch vụ xuất nhập khẩu

**9. Cải thiện năng suất lao động Việt Nam trong tình hình mới**/ Bùi Quang Sơn// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 12 (196) .- Tr. 40-44.

**Nội dung:** Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, sản xuất gắn với chuỗi giá trị toàn cầu. Để tránh nguy cơ tụt hậu và vượt qua bẫy thu nhập trung bình, Việt Nam cần tập trung chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, trong đó trọng tâm là cải thiện năng suất lao động để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

**Từ khóa**: Năng suất lao động, Việt Nam

**10. Cần Thơ có thể là đầu tàu tăng trưởng của ĐBSCL? : phân tích chất lượng và lan tỏa tăng trưởng kinh tế**/ Phạm Khánh Nam, Hồ Quốc Thông, Đỗ Hữu Luật, Trần Trung Đức, Nguyễn Thị Tâm Hiền, Trần Thanh Trúc// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 78-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích và đánh giá chất lượng tăng trưởng của thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2005 – 2018, đặt trong tương quan so sánh với tăng trưởng kinh tế của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Cách tiếp cận này cho phép nghiên cứu xác định vai trò lan tỏa tăng trưởng của Cần Thơ đối với các tỉnh ĐBSCL và giúp trả lời cầu hỏi Cần Thơ có thể đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng kinh tế của ĐBSCL hay không. Kết quả nghiên cứu cho thấy Cần Thơ đã và đang đạt được thành tích tăng trưởng và có chất lượng tăng trưởng tốt nhất ĐBSCL. Cần Thơ có thể ở vị trí đầu tàu tăng trưởng kinh tế cho vùng ĐBSCL khi tăng trưởng kinh tế của Cần Thơ đã tạo lan tỏa tích cực đến tăng trưởng kinh tế của các tỉnh trong vùng. Dư địa cho tăng trưởng vẫn còn nhiều, Cần Thơ có thể tổ chức lại việc sử dụng hiệu quả nguồn lực để có thể thúc đẩy năng suất nhân tố tổng hợp tăng trưởng cao hơn, từ đó tạo ra tăng tưởng kinh tế ở mức cao.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, chất lượng tăng trưởng, lan tỏa tăng trưởng, Cần Thơ, ĐBSCL

**11. Cơ hội và thách thức phát triển dịch vụ Logistics trên hành lang Kinh tế Đông – Tây tại Việt Nam**/ Trần Thế Tuân, Nguyễn Thị Dung// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 7(256) .- Tr. 36-44.

**Nội dung**: Tập trung giới thiệu về hành lang kinh tế Đông – Tây, thực trạng hoạt động logistics, phân tích cơ hội và thách thức, từ đó đưa ra một số giải pháp cụ thể phát triển dịch vụ logistics trên hành lang kinh tế Đông – Tây tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Cơ hội, thách thức, hành lang kinh tế đông tây, dịch vụ logistics, Việt Nam

**12. Cơ hội và thách thức đối với tăng năng suất lao động trong nền kinh tế số**/ Đoàn Hương Quỳnh, Trần Thanh Thu// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Trong bối cảnh những động lực tăng trưởng hiện có đang dần cạn kiệt và thiếu hiệu quả, sự triển nhanh chóng của kinh tế số sẽ mang lại cho Việt Nam cơ hội để cải thiện năng suất lao động tổng thể nền kinh tế. Trong bài viết, nhóm tác giả tập trung làm rõ những thời cơ và thách thức đối với mục tiêu tăng năng suất lao động của Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số nền kinh tế và Cách mạng công nghiệp 4.0, từ đó đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị giúp thúc đẩy năng suất lao động tổng thể của nền kinh tế trong bối cảnh số hoá nền kinh tế.

**Từ khoá**: Chỉ số cạnh tranh, năng suất lao động, chuyển đối số, kinh tế số

**13. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam nhìn từ chỉ tiêu tỷ lệ lao động nông nghiệp/** Trần Thị Vân Hoa// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 21-31.

**Nội dung**: Bài viết này phân tích quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trên cơ sở thực hiện mục tiêu giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp trong nền kinh tế. Kết quả cho thấy lao động trong nông nghiệp giảm dần qua các năm cả về số tuyệt đối lẫn tỷ trọng trong tổng số lao động của nền kinh tế. Tốc độ giảm tỷ trọng lao động trong nông nghiệp ngày càng cao hơn và có xu hướng nhanh hơn tốc độ giảm tỷ trọng GDP nông nghiệp trong tổng GDP của nền kinh tế. Tốc độ giảm lao động ngành nông nghiệp nhanh đã làm cho tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành theo lao động toàn nền kinh tế nhanh hơn nhiều so với tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành theo GDP. Bài viết cũng đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp theo hướng tích cực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỷ trọng lao động nông nghiệp

**14. Cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng tại Việt Nam trong bối cảnh mới**/ Trần Thị Hồng Minh// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Cơ cấu lại kinh tế giúp phân bổ lại nguồn lực cho phát triển trên phạm vi quốc gia nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cơ cấu lại nền kinh tế là một nội dung lớn, quan trọng và cấp bách đối với Việt Nam hiện nay, nhất là khi Việt Nam đang nỗ lực đổi mới mô hình tăng trưởng để phát triển nhanh, bền vững trong bối cảnh thế giới và trong nước thay đổi sâu sắc sau dịch bệnh COVID-19.

**Từ khoá**: Nền kinh tế, tăng trưởng kinh tế, đối mới mô hình

**15. Chi phí logistics tại Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị/** Phạm Trung Hải// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 71 – 74

**Nội dung:** Cùng với sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 và thương mại điện tử, vài năm trở lại đây, nhiều doanh nghiệp dịch vụ logistics đã ứng dụng công nghệ giúp thay đổi ngành logistics, góp phần giúp chủ hàng giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, trước thực tế chi phí logistics Việt Nam cao gần gấp đôi thế giới, cần tiếp tục có những giải pháp nhằm giảm thiểu chi phí, giúp thúc đẩy lĩnh vực logistics phát triển. **Từ khóa:** Dịch vụ logistics, chi phí logistics

**16. Chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam**/ Nguyễn Sỹ Tĩnh// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 42-45.

**Nội dung**: Khái quát cơ chế, chính sách chung về kinh tế tuần hoàn và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, cơ chế, chính sách

**17. Chính sách phát triển ô tô điện hướng tới nền kinh tế xanh**/ Hồ Ngọc Tú, Phạm Quỳnh Lan// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Để đạt được thành công trong phát triển thị trường ô tô điện nội địa, nhiều nước trên thế giới đã ban hành các chính sách hỗ trợ như ưu đãi thuế, lệ phí trước bạ, mua sắm công, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ tài chính trực tiếp và các chính sách khác. Châu Âu và Trung Quốc hiện là hai thị trường ô tô điện lớn nhất thế giới, chiếm lần lượt 42% và 41% tổng doanh số xe ô tô điện toàn cầu. Để khuyến khích phát triển ô tô điện tại Việt Nam, việc tìm hiểu kinh nghiệm triển khai các chính sách ưu đãi phát triển ô tô điện của các nước trong đó có kinh nghiệm của châu Âu và Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng.

**Từ khoá**: Chính sách, phát triển, ô tô điện, tài chính

**18. Chính sách phát triển sản xuất mía đường vùng Tây Nguyên**/Trần Thị Hoa Thơm//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 73 – 86

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu thực trạng và ảnh hưởng của các chính sách đến phát triển sản xuất mía đường vùng Tây Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các chính sách của Chính phủ đã có những tác động nhất định thúc đẩy phát triển sản xuất mía đường vùng Tây Nguyên theo hướng sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên trong quá trình thực thi chính sách vẫn còn những hạn chế như: thiếu đồng bộ, thiếu khung pháp lý, tính khả thi thấp vì chưa thực sự gắn với thực tế; chưa có chính sách riêng cho ngành mía đường cũng như cho vùng Tây Nguyên. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách để chính sách thực sự đi vào cuộc sống, đe lại kết quả như mong muốn.

**Từ khóa:** Mía đường, chính sách, Tây Nguyên

**19. Chính sách tiền tệ ở Việt Nam : dưới góc nhìn so sánh giữa quy tắc Taylor và quy tắc Mccallum**/Phạm Đình Long, Nguyễn Ngọc Khánh//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 61 – 73

**Nội dung:** Sử dụng các phương pháp định lượng, so sánh phân tích, đánh giá quy tắc Taylor và quy tắc Mccallum, kết quả nghiên cứu cho thấy quy tắc Taylor không phù hợp khi đánh giá việc thực thi chính sách tiền tệ tại Việt Nam. Quy tắc Mccallum mở rộng với nền kinh tế mở và ràng buộc tỷ giá hối đoái phù hợp khi đánh giá việc thực thi chính sách chính sách tiền tệ tại Việt Nam, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: yếu tố nước ngoài giữ một vai trò tương đối lớn trong việc xác định và thực thi chính sách tiền tệ ở Việt Nam; tỷ giá hối đoái được điều tiết thông qua việc thay đổi lượng cung tiền M2.

**Từ khóa:** Chính sách tiền tệ, quy tắc Taylor, quy tắc Mccallum

**20. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Văn Tuyên, Trần Hoàng Tuấn// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 27-31.

**Nội dung**: Từ một nền kinh tế lúa nước lạc hậu với khoảng 90% lao động làm nông nghiệp, sau 35 năm đổi mới và đặc biệt là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã có chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đạt được một số thành tựu quan trọng như: Kinh tế liên tục tăng trưởng, tỷ lệ thất nghiệp giảm và lạm phát được kiểm soát trong giới hạn cho phép... Đóng góp vào những thành tựu này là nhờ quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để tận dụng hiệu quả các nguồn lực quan trọng của xã hội. Khái quát thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế Việt Nam giai đoạn 2015-2020, bài viết đề xuất một số giải pháp cơ bản chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhằm phát triển kinh tế ổn định, bền vững trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: Chuyển dịch cơ cấu, thất nghiệp, tăng trưởng, lạm phát

**21. Chuyển đổi số nền kinh tế Liên Bang Nga : một số vấn đề thực thi chính sách**/ Đặng Thị Phương Hoa// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 10(253) .- Tr. 12-24.

**Nội dung**: Tổng hợp và chỉ ra những khó khăn đang cản trở tiến trình triển khai chương trình số hóa nền kinh tế của Nga, đó là vấn đề cân bằng các mục tiêu phát triển khi số hóa, gánh nặng ngân sách, vai trò của chính quyền vùng và nhà nước.

**Từ khóa**: Số hóa nền kinh tế, kinh tế số, kinh tế Liên Bang Nga, chính sách kinh tế số

**22. Dự báo lạm phát bằng cấu trúc kỳ hạn của lãi suất tại Việt Nam**/Phạm Thế Anh, Nguyễn Thanh Hà//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 50 - 60.

**Nội dung:** Bài viết xem xét khả năng dự báo lạm phát từ cấu trúc kỳ hạn của lãi suất bằng cách sử dụng dữ liệu lãi suất trái phiếu ở Việt Nam trong giai đoạn 2009 - 2019. Kết quả cho thấy, khả năng dự báo lạm phát của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất tương đối yếu trong ngắn hạn, tuy nhiên trong dài hạn khả năng này được cải thiện. Điều này hàm ý rằng, thông tin từ cấu trúc kỳ hạn của lãi suất trong dài hạn có thể được các cơ quan hoạch định chính sách sử dụng với mục đích tham khảo. Ngoài ra, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất danh nghĩa không chứa thông tin về cấu trúc kỳ hạn của lãi suất thực kỳ vọng.

**Từ khóa:** Dự báo lạm phát, cấu trúc kỳ hạn của lãi suất, lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực kỳ vọng

**23. Đánh giá các nguyên tắc phân bổ ngân sách nhà nước ở Việt Nam/** Trần Đình Nuôi// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 521 .- Tr. 15 - 22.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu và đánh giá các nguyên tắc phân bổ ngân sách nhà nước giữa trung ương và địa phương ở Việt Nam thông qua hệ thống pháp luật về ngân sách và thực trạng phân bổ ngân sách.

**Từ khóa:** Phân bổ ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách, hiệu quả, công bằng, minh bạch

**24. Đánh giá tác động của xuất khẩu đến tăng trưởng kinh tế**/ Lê Hằng Mỹ Hạnh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, trên cơ sở tổng quan lý thuyết về xuất khẩu tác động đến tăng trưởng kinh tế, tác giả xây dựng được mô hình hiệu chỉnh sai số dạng vector (VECM) để ước lượng mối quan hệ giữa xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, cùng với yếu tố truyền dẫn là tỷ giá hối đoái, các biến ngoại sinh là lao động và đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm tăng chất lượng của mô hình.

**Từ khoá**: Xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế, VECM, Tỷ fgias thực đa phương

**25. Đào tạo nhân lực cho ngành ô tô điện Việt Nam kinh nghiệm từ Đại học Tokyo**/ Nguyễn Bình Minh, Tạ Cao Minh// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 28-33.

**Nội dung**: Để không bị lỡ nhịp trên hành trình kiến tạo xã hội hay sử dụng ô tô điện, Việt Nam cần nhanh chóng xây dựng chiến lược phát triển toàn diện với sự chung tay của toàn bộ hệ thống xã hội. Từ vị trí của những người đang làm việc môi trường Đại học, các tác giả đã đề xuất chiến lược phát triển. Đào tạo và nghiên cứu cần được nhìn nhận là động lực quan trọng nhằm xây dựng đội ngũ kỹ sư và chuyên gia trong lĩnh vực ô tô.

**Từ khóa**: Đào tạo nhân lực, chuyên gia, kỹ sư, ô tô điện, Đại học Tokyo

**26. Đầu tư bất động sản tại TP. Đà Nẵng và một số kinh nghiệm**/ Nguyễn Thị Tiến// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: TP. Đà Nẵng có rất nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội và được xem là thành phố đáng sống nhất Việt Nam. Thời gian qua, TP. Đà Nẵng được nhiều nhà đầu tư biết đến với nhiều sự kiện nổi bật và có tiềm năng phát triển nhiều loại hình bất động sản khác nhau. Khi đầu tư bất động sản tại TP. Đà Nẵng, nhà đầu tư cần có một số kinh nghiệm nhất định để đầu tư một cách an toàn và hiệu quả nhất.

**Từ khoá**: Đầu tư, bất động sản, rủi ro, kinh nghiệm đầu tư

**27. Điều kiện phát triển dịch vụ thanh toán điện tử ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Tố Quyên// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 39 - 49.

**Nội dung:** Bài viết xem xét và đánh giá thực tế các điều kiện phát triển dịch vụ thanh toán điện tử ở Việt Nam ở bốn phương diện : pháp lý, hạ tầng kỹ thuật công nghệ phục vụ cho thanh toán điện tử, con người, mức độ phát triển của nền kinh tế và ngành tài chính ngân hàng. Từ đó, bài viết đưa ra một số gợi ý xem Việt Nam nên tập trung cải thiện điều kiện gì để phát triển mạnh mẽ dịch vụ thanh toán điện tử, góp phần giảm thiểu thanh toán tiền mặt trong nền kinh tế hướng tới phát triển nền kinh tế số.

**Từ khóa:** Thanh toán điện tử, pháp lý, hạ tầng, con người, mức độ phát triển

**28. Đo lường phát triển kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng bao trùm và bài học cho Việt Nam/** Trần Mạnh Tuyến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 16 - 18.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, chuyển đổi số đang trở thành hiện tượng được quan tâm nghiên cứu sâu sắc. Ở cấp độ vĩ mô, chuyển đổi số bao gồm những thay đổi mạnh mẽ đang diễn ra trong xã hội và các ngành thông qua việc sử dụng công nghệ số. Ở cấp độ tổ chức doanh nghiệp, các công ty đang phải tìm cách đổi mới với những công nghệ này để phát huy mặt tích cực của chuyển đổi số, tạo ra năng suất, hiệu quả hơn. Như cậy, chuyển đổi số sẽ bao gồm một loạt các vấn đề ở các vấn đề ở cả cấp vi mô và vĩ mô của mỗi nền kinh tế.

**Từ khóa: T**ăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế tuần hoàn

**29. Đóng góp của ngành ICT vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2000–2019**/ Đặng Thị Việt Đức, Đặng Huyền Linh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 65-80.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài báo này là làm rõ đóng góp của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (Information Communication Technology – ICT) tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2000–2019 bằng mô hình hạch toán tăng trưởng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Thứ nhất, ngành ICT Việt Nam tăng trưởng cao hơn nền kinh tế; Thứ hai, đóng góp của năng suất tổng hợp các yếu tố của ngành ICT Việt Nam trong tăng trưởng GDP của ngành cao hơn so với số liệu tương ứng của nền kinh tế; và thứ ba, tổng đóng góp của các yếu tố đầu vào gồm vốn và lao động ngành ICT cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 2,28%. Tóm lại, mặc dù ngành ICT thể hiện được năng suất tổng hợp cao hơn mức trung bình của nền kinh tế, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế của ngành ICT vẫn còn khiêm tốn tại Việt Nam.

**Từ khoá**: ICT; Tăng trưởng kinh tế; Việt Nam

**30. Độ vững mạnh của nền tảng kinh tế vĩ mô tại Việt Nam**/ Lý Đại Hùng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 22-39.

**Nội dung**: Bài viết này đánh giá sự vững mạnh của nền tảng kinh tế vĩ mô tại Việt Nam, bằng phương pháp vector tự hồi quy cấu trúc với hệ số thay đổi theo thời gian (TVC-BSVAR), dựa trên bộ dữ liệu theo quý từ quý I/2007 đến quý IV/2020. Bằng chứng thực nghiệm ghi nhận ba nguyên lý căn bản gồm lạm phát đánh đổi với tăng trưởng, nội tệ mất giá giúp hỗ trợ tăng trưởng, và giảm lạm phát cải thiện tăng trưởng. Cấu trúc này quyết định mức tác động của các cú sốc từ nền kinh tế thế giới đối với nền kinh tế nội địa. Trong đó, lượng giải ngân của vốn FDI có vai trò thay thế tăng trưởng kinh tế thế giới trong đóng góp cho tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ lạm phát nội địa và củng cố độ mạnh của đồng nội tệ. Từ đó, bài viết này đánh giá rằng nền tảng kinh tế vĩ mô tại Việt nam đang ở mức khá vững mạnh, dựa trên mức độ gắn kết chặt chẽ của các biến số kinh tế vĩ mô với mức tác động đáng kể của các cú sốc từ kinh tế thế giới. Bài viết gợi ý rằng việc cải thiện năng lực hấp thụ vốn FDI cần được ưu tiên để tạo thêm không gian chính sách cho việc trung hòa sự sụt giảm trong tăng trưởng kinh tế thế giới và ứng phó với cú sốc tiêu cực của giá dầu thế giới.

**Từ khoá**: Nền tảng Kinh tế Vĩ mô; Vector tự Hồi quy; Cú sốc Bên ngoài

**31. Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo/**Bùi Văn Huyền//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 29 - 38.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá lại quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế của Việt Nam từ năm 2011 đến nay, phân tích bối cảnh mới và các yêu cầu đặt ra, từ đó đề xuất giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế nước ta trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

**Từ khóa:** Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

**32. Giải pháp chính sách về kinh tế nhằm tạo động lực làm việc cho người hoạt động không chuyên trách cấp trên địa bàn thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh/** Cảnh Chí Hoàng, Trần Thị Kim Nguyệt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 66 - 68.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực trạng chính sách kinh tế tạo động lực làm việc cho người hoạt động không chuyên trách tại thị xã Hòa Thành, chỉ ra những hạn chế và đưa ra giải pháp nhằm tạo động lực làm việc cho người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn. **Từ khóa:** Động lực lao động, chính sách kinh tế, Tây Ninh

**33. Giải pháp phát triển kinh tế du lịch của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay**/ Mai Thị Thanh Thuý, Nguyễn Ngọc Nam// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tổng quát tình hình phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua và những đóng góp của lĩnh vực này vào kinh tế - xã hội của địa phương. Qua đó, bài viết đưa ra nhận định những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của hoạt động du lịch của tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các giải pháp để định hướng phát triển du lịch trong giai đoạn sắp tới.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, du lịch Quảng Ngãi

**34. Giải pháp phục hồi hệ sinh thái và đa dạng sinh học cho Việt Nam**/ Nguyễn Đình Đáp, Đoàn Thị Thu Hương// Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2021 .- Số 4(35) .- Tr.81-90.

**Nội dung**: Thế giới đang chứng kiến tốc độ suy thoái đa dạng sinh học và hệ sinh thái chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Do vậy, Đại hội đồng Liên hợp quốc tuyên bố Thập kỷ 2021 -2030 về phục hồi hệ sinh thái là nhằm nhân rộng trên quy mô lớn việc phục hồi các hệ sinh thái đang bị suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường sống, tăng cường an ninh lương thực, nguồn nước và đa dạng sinh học. Việt Nam được đánh giá là 1 trong 16 quốc gia có đa dạng sinh học cao. Tuy nhiên, cũng như nhiều quốc gia khác, Việt Nam đang đứng trước không ít thách thức trong bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái cho phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

**Từ khoá**: Hệ sinh thái, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo tồn

**35. Giải pháp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**/Nguyễn Trọng Cơ, Ngô Thanh Hoàng//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 22 - 26.

**Nội dung:** Bài viết khái quát tình hình triển khai cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh, qua đó đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế còn tồn tại trong triển khai thực hiện tự chủ tài chính tại các ĐVSNCL trê địa bàn tỉnh Cao Bằng và đề xuất một số giải pháp nhằm triển khai hiệu quả chủ trương này trong thời gian tới. **Từ khóa:** Tự chủ tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập

**36. Giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh**/ Nguyễn Đình Đáp// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm tăng trưởng xanh; kinh nghiệm tăng trưởng xanh của một số quốc gia; tiếp cận tăng trưởng xanh tại Việt Nam; Thực trạng tăng trưởng xanh của Việt Nam thời gian qua; Giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Giải pháp, tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, nguồn vốn, môi trường

**37. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương**/ Hoàng Lan Hương// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 9-14.

**Nội dung**: Bài viết đi sâu phân tích triển vọng và thách thức đối với sự ổn định tài chính tại Việt Nam trong quá trình hội nhập, thực thi CPTPP, qua đó đưa ra một số hàm ý về chính sách.

**Từ khoá**: Hiệp định đối tác toàn diện, Hiệp định thương mại tự do, tài chính

**38. Hoạt động nghiên cứu và triển khai của doanh nghiệp Việt Nam**/Bùi Quang Tuấn, Trần Văn Hoàng, Trần Thị Hoa Thơm//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 3 - 19.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thể chế chính sách hỗ trợ và thực trạng năng lực nghiên cứu triển khai của doanh nghiệp Việt Nam. Từ phân tích thực trạng, bài viết đưa ra một số hàm ý chính sách để thúc đẩy hoạt động R& D của các doanh nghiệp Việt Nam. **Từ khóa:** R & D, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp

**39. Hội nhập kinh tế có thực sự làm giảm ô nhiễm không khí ở Việt Nam/**Bùi Hoàng Ngọc, Cảnh Chí Hoàng//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 51 - 64.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá toàn diện tác động của hội nhập kinh tế đối với tình trạng ô nhiễm không khí giai đoạn trước và sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới vào năm 2008. Với ba biến số vĩ mô chính gồm tăng trưởng kinh tế, tiêu thụ điện và chỉ số toàn cầu hóa, thông qua kỹ thuât ước lượng từ hồi quy phân phối trễ, nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm để củng cố niềm tin cho những cơ quan quản lý trong việc đánh giá toàn diện hơn các tác động đến môi trường từ các hoạt động kinh tế và thay thế các tiêu chuẩn môi trường đã lỗi thời.

**Từ khóa:** Hội nhập kinh tế, ô nhiễm môi trường, tăng trưởng kinh tế, phân tích ARDL, Việt Nam

**40. Hội tụ về tốc độ tăng trưởng kinh tế của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương**/ Lý Đại Hùng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 25-42.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá các yếu tố chi phối sự hội tụ về tốc độ tăng trưởng kinh tế (tức là hội tụ tương đối) của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu kết hợp lý thuyết tăng trưởng nội sinh, được phân tích bởi Aghion và Howitt (2008), với bằng chứng thực nghiệm dựa vào bộ số liệu của 63 địa phương giai đoạn 2010-2019. Kết quả ghi nhận rằng chỉ với các địa phương có chất lượng cao về nguồn nhân lực (cao hơn mức ngưỡng đề xuất bởi bằng chứng thực nghiệm), tốc độ tăng trưởng thu nhập gia tăng khi khoảng cách thu nhập càng xa, tức là hội tụ về tốc độ tăng trưởng. Với các địa phương còn lại đang tồn tại sự phân cực về tốc độ tăng trưởng (tốc độ tăng trưởng thu nhập suy giảm khi khoảng cách thu nhập càng xa). Trong các thành phố trực thuộc Trung ương, Hải Phòng có tốc độ tăng trưởng vượt trội nhờ tận dụng lợi thế của địa phương đi sau, dựa vào sự kết hợp của khoảng cách công nghệ ban đầu xa và cải thiện liên tục về chất lượng thể chế. Các kết quả nghiên cứu gợi ý rằng chất lượng nguồn nhân lực cần được chú trọng trong các thiết kế chính sách ở cấp địa phương trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Hội tụ Tốc độ Tăng trưởng; Kinh tế Vùng; Hồi quy Dữ liệu chéo

**41. Hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu/** Ma Ngọc Hà, Nguyễn Đình Hòa// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 521 .- Tr. 23 - 37. **Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá mô hình hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng sông cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính từ các dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu cho thấy tại đồng bằng sông Cửu Long, một số mô hình hợp tác xã thích ứng biến đổi khí hậu đã dần được hình thành nhưng còn tự phát, nhỏ lẻ, manh mún. Bên cạnh đó, mô hình này cũng chưa có sự hỗ trợ đủ mạnh để nhân rộng.

**Từ khóa:** Biến đổi khí hậu, hợp tác xã nông nghiệp, đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

**42. Kiểm định mối quan hệ giữa lượng phát thải C02, đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế : nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam/** Trần Mai Trang// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 28 - 38.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu mối quan hệ trong ngắn hạn và dài hạn giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng trưởng kinh tế và lượng phát thải CO2 tại Việt Nam trong các năm từ 1990 đến 2019. Bài viết sử dụng mô hình VAR và phân rã phương sai nhằm kiểm định tác động giữa các biến.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng trưởng kinh tế và đồng thời giảm lượng khí tải CO2

**43. Kinh doanh quốc tế - chuyên ngành phát triển vững mạnh**/ GS.TS. Nguyễn Văn Tiến// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở thực tiễn về nhu cầu nguồn nhân lực cho ngành Kinh doanh quốc tế, đồng thời cũng nêu lên những điểm sáng nổi bật trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng nhằm đáp ứng cho ngành Kinh doanh quốc tế tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh doanh quốc tế, phát triển vững mạnh, xuất nhập khẩu, ngân hàng quốc tế

**44. Kinh nghiệm của Myanma về phát triển kinh tế vùng biên giới và bài học cho Việt Nam/** Trương Bảo Thanh, Đỗ Thị Nga// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 109 - 111.

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của Myanma về phát triển kinh tế vùng biên giới chỉ ra những mặt thành công cũng như những mặt hạn chế từ đó đề xuất các khuyến nghị chính sách phát triển kinh tế vùng biên giới của Việt Nam.

**Từ khóa:** Phát triển kinh tế vùng biên giới, Việt Nam

**45. Kinh nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Lan// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 88-90.

**Nội dung**: Những năm gần đây, để hạn chế tình trạng lãng phí nguồn nguyên liệu từ mô hình kinh tế tuyến tính, giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường, Việt Nam đã và đang thực hiện phát triển kinh tế tuần hoàn, hướng đến phát triển bền vững. Thực tế cho thấy, một trong những giải pháp Việt Nam cần quan tâm là tìm hiểu, học tập kinh nghiệm của những quốc gia tiên phong trong phát triển kinh tế tuần hoàn trên thế giới, từ đó xây dựng khung pháp lý, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn một cách phù hợp.

**Từ khoá**: Kinh tế, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tuyến tính

**46. Kinh nghiệm phát triển khu kinh tế ven biển ở Đông Nam Á và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** Ma Ngọc Hà, Nguyễn Đình Hòa// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 521 .- Tr. 74 - 85.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu kinh nghiệm phát triển khu kinh tế ven biển ở các nước Đông Nam Á từ đó rút ra một số bài học cho Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chiến lược phát triển, môi trường đầu tư, chính sách thu hút đầu tư và hạ tầng đồng bộ là những bài học hữu ích đối với phát triển khu kinh tế ven biển của Việt Nam trong bối cảnh mới. **Từ khóa:** Khu kinh tế ven biển, hành lang kinh tế, chiến lược, thu hút đầu tư

**47. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập**/ Vũ Phương Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 65-67.

**Nội dung**: Các quốc gia trên thế giới đã áp dụng nhiều mô hình phát triển về quản lý tài sản công (TSC) nói chung và tại các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) công lập nói riêng. Bài viết khái quát kinh nghiệm quản lý TSC tại các cơ sở GDĐH công lập ở các nước như: Canada, Trung Quốc, Australia và rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quản lý tài sản công ở các cơ sở GDĐH công lập.

**Từ khoá**: Quản lý tài sản công, giáo dục đại học công lập, mua sắm, thanh lý

**48. Kinh tế tư nhân động lực thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế/** Trương Văn Quý// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 26 - 28.

**Nội dung:** Kinh tế tư nhân (KTTN), khu vực kinh tế tư nhân hay thành phần kinh tế tư nhân là những cách gọi khác nhau, chúng có tính đồng nhất. Hiện có nhiều quan niệm về kinh tế tư nhân, nhưng tựu chung: Kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế hình thành và phát triển dựa trên hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất , bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. KTTN là thành phần kinh tế thuộc cơ cấu kinh tế quốc dân, hình thành dựa trên hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, ra đời và tồn tại khách quan trong nền kinh tế và là động lực thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Bài viết sau đây sẽ làm rõ hơn về vấn đề này.

**Từ khóa:** Kinh tế tư nhân, thành phần kinh tế, kinh tế quốc dân, hội nhập quốc tế

**49. Không gian phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế Việt Nam**/Lý Đại Hùng//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 29 - 39.

**Nội dung:** Bài viết phân tích không gian phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế Việt Nam thông qua xác định mức kết hợp tối ưu giữa tăng trưởng kinh tế và một số chỉ tiêu phát triển văn hóa, xã hội điển hình. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, với tốc độ tăng trưởng đã đạt được, Việt Nam vẫn còn không gian chính sách để có thể vừa có sự gia tăng tốc độ tăng trưởng, vừa cải thiện các chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội. Khi so sánh với các nước cùng thuộc nhóm thu nhập trung bình, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được thành tích tương đối tốt về cải thiện trình độ đổi mới, sáng tạo công nghệ. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách về phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam. **Từ khóa:** Phát triển nhanh và bền vững, tăng trưởng kinh tế, đổi mới, sáng tạo

**50. Khung pháp lý về quản lý hoạt động của tố chức tài chính phi ngân hàng tại Ấn Độ**/ Đặng Thu Thủy// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 12(109) .- Tr. 24-33.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra những khái niệm cơ bản về hoạt động của NBFC cũng như đánh giá sự phát triển cùng các quy định chính sách đối với hoạt động của hệ thống mới trong nền kinh tế Ấn Độ.

**Từ khóa**: Ấn Độ, khung pháp lý, tổ chức tài chính phi ngân hàng

**51. Liên kết vùng trong phát triển bền vững du lịch ở các tỉnh Bắc Trung Bộ**/ Lê Thị Tịnh// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 79-81

**Nội dung**: Thời gian qua, vấn đề liên kết vùng trong phát triển bền vững du lịch các tỉnh Bắc Trung Bộ được chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước đặc biệt quan tâm, quá trình thực hiện cho thấy nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, việc chỉ đạo của đơn vị chủ trì, trách nhiệm của các địa phương triển khai Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Bắc Trung Bộ chưa thực sự hiệu quả; Việc phối kết hợp, liên kết vùng đối với phát triển du lịch vùng chưa rõ ràng. Bài viết này nghiên cứu thực trạng thực hiện liên kết vùng, đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp liên quan đến thực hiện liên kết vùng nhằm phát triển bền vững du lịch ở các tỉnh Bắc Trung Bộ trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Liên kết vùng, vùng Bắc Trung Bộ, du lịch

**52. Lòng trung thành khách hàng đối với hàng nội địa trên thị trường điện tử trong Đại dịch Covid-19**/ Bùi Thành Khoa, Võ Thị Thảo Uyên, Nguyễn Thị Trang Oanh, Đặng Cửu Hạnh Dung// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 149-159.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá các tác động của niềm tin, tính vị chủng, chất lựợng dịch vụ, rủi ro cảm nhận đến lòng trung thành của khách hàng đối với các hàng hóa nội địa khi mua sắm trực tuyến trên sàn giao dịch điện tử. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp. Kết quả cho thấy niềm tin, tính vị chủng, và chất lượng tác động tích cực đến lòng trung thành của khách hàng. Từ đó đề xuất, kiến nghị giải pháp giúp tăng cường lòng trung thành của khách hàng.

**Từ khóa**: Lòng trung thành, khách hàng, chất lượng dịch vụ, thương mại điện tử, Đại dịch Covid-19.

**53. Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư/**Trần Hoa Phượng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 4 - 6.

**Nội dung:** Mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và liên tục trong dài hạn được cho là điều kiện cần, điều kiện ban đầu để các nền kinh tế này hướng tới thu hẹp khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người với các nền kinh tế phát triển có mức sống người dân ổn định cao. Tuy nhiên, bên cạnh thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, các vấn đề xã hội, môi trường, bảo tồn tài nguyên và hệ sinh thái cũng như các giá trị văn hóa truyền thống đều được hầu hết các quốc gia đưa vào nhằm đạt được tính bền vững trong phát triển. **Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, cách mạng công nghiệp,Việt Nam

**54. Mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế vĩ mô và giá cổ phiếu**/ Thiều Thị Kim Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Hiện nay, có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa các chính sách kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, tuy nhiên, trong mỗi điều kiện và thời điểm khác nhau thì các yếu tố và sự tác động sẽ khác nhau. Bài viết này ứng dụng mô hình chuỗi thời gian để xem xét mối quan hệ của các biến số kinh tế vĩ mô đối với chỉ số VN-Index trên Sàn Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), nhằm giúp các nhà đầu tư có thêm góc nhìn tổng quan về mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế vĩ mô và giá chứng khoán. Đồng thời, kết quả phân tích cũng mở ra các hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Chuỗi thời gian, kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán

**55. Mối quan hệ giữa danh tiếng trường Đại học, tính cách thương hiệu, gắn kết thương hiệu và lòng trung thành của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Trịnh Đào Vân Anh, Nguyễn Ngọc Hiền// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 171-183.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa danh tiếng trường Đại học, tính cách thương hiệu, gắn kết thương hiệu cũng như tác động trung gian của sự hài lòng về lòng trung thành của sinh viên tại Tp. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy: danh tiếng thương hiệu, gắn kết thương hiệu, sự hài lòng có ý nghĩa lên lòng trung thành của sinh viên. Sự hài lòng có tác động mạnh đến lòng trung thành của sinh viên, tiếp đến là danh tiếng trường Đại học. Từ nghiên cứu tác giả đề xuất hàm ý quản trị thương hiệu tại Trường Đại học nâng cao sự hài lòng và lòng trung thành của sinh viên.

**Từ khóa:** Danh tiếng Trường Đại học, Thương hiệu, sự gắn kết, lòng trung thành

**56. Một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam nhằm phục hồi và phát triển kinh tế năm 2021/**Phạm Văn Nghĩa, Đồng Thị Hà, Phạm Minh Đức// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 51 – 54

**Nội dung:** Bài viết tập trung nghiên cứu về năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0, thực trạng năng lực cạnh tranh toàn cầu trên thế giới, thực trạnh kinh tế Việt Nam năm 2020 trong bối cảnh đại dịch covid 19, phân tích và đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam, từ đó đề ra một số nhóm giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

**Từ khóa:** Năng lực cạnh tranh quốc gia, GCI 4.0, kinh tế Việt Nam, Covid 19

**57. Một số giải pháp phục hồi phát triển kinh tế Việt Nam ứng phó với đại dịch Covid-19**/ TS. Hà Huy Tuấn// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 1+2 (586+587) .- Tr. 44-47.

**Nội dung**: Trình bày tình hình nền kinh tế do đại dịch COVID-19 gây ra, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề trong ngắn hạn để ứng phó với đại dịch bệnh, đồng thời đề xuất một số giải pháp mang tính dài hạn, căn cơ hơn trong trung và dài hạn.

**Từ khoá**: Giải pháp, phục hồi, Covid-19, Việt Nam, phát triển kinh tế, Phục hồi kinh tế

**58. Một số khuyến nghị đẩy mạnh vai trò của doanh nghiệp nhà nước/** Vũ Đức Oai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 80 - 82.

**Nội dung:** Bài viết đề cập tới các doanh nghiệp nhà nước được tổ chức và hoạt động dưới hình thức tổng công ty hoặc tập đoàn lớn thuộc Đảng ủy khối các doanh nghiệp Nhà nước. Những doanh nghiệp này hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật và thực hiện các chức năng khác của quản lý nhà nước.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp nhà nước, hoạt động kinh doanh

**59. Một số vấn đề về tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam/**Nguyễn Chiến Thắng, Lý Hoàng Mai//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 19 - 28.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu lựa chọn một số quốc gia có đặc điểm kinh tế tương đồng với Việt Nam, nghiên cứu những chính sách và biện pháp để quản lý khu vực kinh tế phi chính thức từ đó rút ra bà học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng bao trùm, Việt Nam

**60. Nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay**/ Nguyễn Thị Tri Lý// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 12 .- Tr. 18-19.

**Nội dung**: Trình bày quá trinh nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở TPHCM. Khoa học và công nghệ là động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ an ninh quốc phòng. Vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển nguồn nhân lực cao ở thành phố Hồ Chí Minh bước đầu có những thành công nhất định, bên cạnh đó có nhiều hạn chế, bất cập. Từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để phát triển hơn nữa vai trò của khoa học và công nghệ.

**Từ khóa**: Khoa học công nghệ, nguồn nhân lực

**61. Ngành Hải quan hỗ trợ tối đa thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu**/ Nguyễn Đình Luận// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 7-10.

**Nội dung**: Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế-xã hội, để đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu kép, vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế của Chính phủ đề ra, ngành Hải quan đã tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Các giải pháp của ngành Hải quan triển khai được dư luận đánh giá cao khi đã tập trung vào tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tốc độ thông quan hàng hóa, hỗ trợ kịp thời cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp và người dân, không làm đứt gãy chuỗi cung ứng nhưng vẫn đảm bảo công tác phòng chống dịch...

**Từ khoá**: Xuất nhập khẩu, doanh nghiệp, Ngành Hải quan

**62. Nghiên cứu mối quan hệ giữa nội dung tự tạo của công ty, sự đồng cảm, nội dung tự tạo của người dùng và giá trị thương hiệu**/ Nguyễn Tấn Lợi, Lê Hoàng Việt Phương, Nguyễn Thị Hương Ly// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 77-89.

**Nội dung**: Nghiên cứu khám phá và đo lường mối quan hệ giữa nội dung tự tạo của công ty sự đồng cảm, nội dung tự taoh của người dùng và giá trị thương hiệu. Thông qua phân tích nghiên cứu tác giả đề xuất mối quan hệ trực tiếp giữa sự đồng cảm và giá trị thương hiệu. Đồng thời nghiên cứu so sánh mối quan hệ gián tiếp giữa sự đồng cảm và giá trị thương hiệu thông qua nội dung tự tạo của người dùng.

**Từ khóa**: Thương hiệu, mối quan hệ, sự đồng cảm, người tiêu dùng

**63. Nghiên cứu nhằm phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam/** Cao Minh Tiến// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 38 – 43

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến thị trường vốn xanh, đồng thời đề xuất một số giải pháp để phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Tài chính xanh, vốn xanh, chỉ số xanh, trái phiếu xanh, cổ phần xanh, kinh nghiệm, giải pháp

**64. Nghiên cứu tác động của hoạt động trực tiếp phát triển nhà cung cấp đến lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp mua trong ngành sản xuất chế tạo tại thành phố Hồ Chí Minh/** Nguyễn Phi Hoàng// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 73 - 83.

**Nội dung:** Nghiên cứu đánh giá tác động của các hoạt động trực tiếp phát triển nhà cung cấp đối với lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp mua dựa vào khảo sát 386 doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến, chế tạo tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả bốn thành phần thuộc hoạt động trực tiếp phát triển nhà cung cấp đều làm gia tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp mua trong ngành chế biến, chế tạo tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả này khẳng định vai trò quan trọng của nhà cung cáp đối với doanh nghiệp mua. **Từ khóa:** Lợi thế cạnh tranh, trực tiếp phát triển nhà cung cấp trực tiếp, ngành chế biến chế tạo

**65. Nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam/** Nguyễn Ích Cường// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 31 - 33.

**Nội dung:** Phát triển kinh tế số là xu hướng tất yếu nhằm tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Cùng với xu thế đó, kinh tế số đồi hỏi nhân lực về công nghệ thông tin mạnh mẽ cả về chất lượng và số lượng. Nhân lực công nghệ thông tin đóng vai trò quyết định đến nền kinh tế số cũng như quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam. Tuy nhiên, nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Vì thế, tìm ra một số giải pháp nâng cao chất và lượng nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam là nhiệm vụ cần thiết.

**Từ khóa: C**huyển đổi số, tăng trưởng kinh tế, nhân lực công nghệ thông tin

**66. Nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử Việt Nam**/ Vũ Thị Thanh Huyền, Trần Việt Thảo// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 40-50.

**Nội dung**: Bài báo này sử dụng bộ dữ liệu tổng điều tra doanh nghiệp và phương pháp GMM để ước tính các tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam. Các kết quả ước tính cho thấy rằng, dung lượng thị trường, sự tiến bộ của khoa học công nghệ và tổ chức, chất lượng nguồn nhân lực và các yếu tố thuộc về môi trường chính sách, thông tin đều là những nhân tố có tác động đến sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ điện tử trong nước. Kết quả của nghiên cứu cũng là cơ sở để đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, công nghiệp hỗ trợ, ngành điện tử, GMM

**67. Nhân tố ảnh hưởng đến sai sót trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa/** Đoàn Thị Thùy Anh, Hồ Thị Mỹ Giang, Nguyễn Thị Yến Nguyên, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lê Thị Ngọc Tuyền// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 5-18.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp bao gồm phương pháp định tính và phương pháp định lượng như phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy để xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến sai sót trên BCTC. Nghiên cứu tiến hành khảo sát người hành nghề kế toán tại các doanh nghiệp và chuyên gia lĩnh vực kế toán. Kết quả cho thấy hệ thống kiểm soát nội bộ, năng lực nhà lãnh đạo, môi tường pháp lý, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năng lực kế toán viên và hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp là các yếu tố tác động đến việc sai sót trong kế toán. Từ đó đưa ra một số đề xuất kiến nghị hạn chế sai sót.

**Từ khóa**: Báo cáo tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**68. Nhân tố ảnh hưởng nhận thức rủi ro của nông hộ sản xuất trái cây hàng hóa tại tỉnh Sơn La, Việt Nam**/ Hồ Văn Bắc, Vũ Thị Hải Anh, Hà Minh Tuân// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 36-50.

**Nội dung**: Sản xuất trái cây hàng hóa nói chung đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất. Nhận diện đúng các nguồn rủi ro là điều kiện tiên quyết để đề xuất các giải pháp hiệu quả nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của chúng. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 14 nguồn rủi ro mà nông hộ sản xuất trái cây hàng hóa nhận thức trên địa bàn nghiên cứu. Trong số đó, chất lượng giống cây trồng, thời tiết bất thuận và sâu bệnh hại là những nguồn rủi ro được xem là có ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả sản xuất của hộ. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều nhân tố ảnh hưởng tới nhận thức nguồn rủi ro, trong đó, tiếp cận thông tin khuyến nông và vốn tín dụng nông nghiệp có thể giảm bớt lo lắng và rủi ro của hộ trong sản xuất trái cây hàng hóa. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng gợi ý một số chính sách nhằm hỗ trợ nông dân giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của rủi ro đến kết quả sản xuất của hộ trên địa bàn.

**Từ khoá**: Hồi quy tuyến tính; Nông nghiệp; Nhận thức rủi ro; Phân tích thành phần chính

**69. Những yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử Momo khi mua sắm trực tuyến của sinh viên Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Thị Trúc Ngân, Nguyễn Thành Long// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 31-42.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử Momo khi mua sắm trực tuyến của sinh viên Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh. Kế thừa từ mô hình nghiên cứu trước tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện từ momo bao gồm: nhận thức hữu ích, nhận thức dễ sử dụng, nhận thức riêng tư bảo mật, ảnh hưởng xã hội và niềm tin vào ví điện tử. Sử dụng thang đo Likert, phương pháp hồi quy, kết quả cho thấy chỉ ba yếu tố nhận thức hữu ich, ảnh hưởng từ xã hội và niềm tin vào ví điện tử Momo có tác động đến biến phụ thuộc. Từ đó đề xuất hàm ý quản trị giúp doanh nghiệp có chính sách nâng cao ý định sử dụng ví điện tử Momo của sinh viên.

**Từ khóa**: Ví điện tử Momo, thương mai điện tử, mua sắm trực tuyến

**70. Những yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng thanh toán di động trong thời đại số hóa của người dân tại Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Dung, Hoàng Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Thị Ánh Nhung, Phạm Tô Thục Hân// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 71-88.

**Nội dung**: Trên nền tảng lý thuyết thống nhất và chấp nhận sử dụng công nghệ, mô hình chấp nhận công nghệ, lý thuyết hành vi có kế hoạch, nghiên cứu này khám phá mối quan hệ của các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến yếu tố niềm tin và tác động sau cùng là ý định sử dụng thanh toán di động của người dân. Thêm vào đó, mối quan hệ này còn được xem xét dựa trên hai kiểu người dùng: Chấp nhận sớm và chấp nhận muộn. Nghiên cứu được thực hiện qua hai giai đoạn: Định tính và định lượng, và xem xét sự phù hợp bằng mô hình cấu trúc tuyến tính. Kết quả thu được từ 300 người dùng thanh toán di động đã khẳng định mối quan hệ tích cực giữa tính di động, khả năng tiếp cận, tính tương thích, sự thuận tiện, sự đổi mới cá nhân, kiến thức về thanh toán di động đến nhận thức dễ dàng sử dụng và nhận thức về sự hữu ích, tác động tích cực sau cùng là ý định sử dụng thanh toán di động của người dân, cũng như khẳng định mối quan hệ tích cực giữa nhận thức dễ dàng sử dụng và nhận thức về sự hữu ích.

**Từ khoá**: Thanh toán di động, Đặc điểm hệ thống, Sự khác biệt cá nhân, Người dùng thanh toán di động

**71. Nhân tố tác động đến bất bình đẳng thu nhập/**Phạm Thái Hà// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 33 – 37

**Nội dung:** Bất bình đẳng thu nhập là chênh lệch giữa các cá nhân, các nhóm trong xã hội hay giữa các quốc gia trong việc phân phối các tài sản, sự giàu có, hay thu nhập. Các vấn đề bất bình đẳng thu nhập liên quan đến công bằng, bình đẳng về kết quả, bình đẳng về cơ hội và tuổi thọ. Bất bình đẳng thu nhập chính là việc phân phối thu nhập không công bằng diễn ra giữa các cá nhân hộ gia đình trong nền kinh tế. Bài viết này đề cập đến những nhân tố chủ quan và khách quan tác động đến bất bình đẳng thu nhập.

**Từ khóa:** Bất bình đẳng thu nhập, nhân tố tác động đến bất bình đẳng thu nhập

**72. Nhìn lại những chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững tại Việt Nam và một số tồn tại**/Phạm Duy Hiếu, Trần Hữu Nhuận//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 81 - 83.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững và một số tồn tại, khó khăn khi phát triển mô hình kinh doanh bền vững. **Từ khóa:** Chính sách hỗ trợ, phát triển bền vững

**73. Những động thái bảo hộ thương mại ở EU và một số hàm ý cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Hiền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 43 - 45.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các động thái bảo hộ thương mại mới ở EU và rút ra một hàm ý cho Việt Nam trong việc thực hiện bảo hộ thương mại, dỡ bỏ các hàng rào phi thuế quan với EU, thúc đẩy ký kết các FTA thế hệ mới, có chất lượng cao, củng cố các nền tảng thương mại quốc tế, giảm các sức ép của chủ nghĩa bảo hộ thương mại lên đà tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trên cơ sở cải cách cơ cấu, đảm bảo tăng khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu, nhất là trong bối cảnh Covid 19 diễn ra như hiện nay.

**Từ khóa:** Bảo hộ thương mại, EU, Việt Nam

**74. Những yếu tố thúc đẩy và kìm hãm ý định mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Huỳnh Thị Kim Loan, Nguyễn Ngọc Hiền// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 54-65.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định yếu tố thúc đẩy và kìm hãm ý định mua thực phẩm hữu cơ, nghiên cứu sơ bộ 77 quan sát hợp lệ nhằm đánh giá độ tin cậy thang đo. Với nghiên cứu gồm 299 người tiêu dùng, mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Kết quả cho thấy ý thức sức khỏe phúc lợi hệ sinh thái, an toàn chất lượng rào cản giá trị, rào cản rủi ro, rào cản sử dụng là những yếu tố giải thích ý định mua thực phẩm hữu cơ, một số đề xuất nhằm thu hút người tiêu dùng chọn mua thực phẩm.

**Từ khóa:** Thực phẩm hữu cơ, người tiêu dùng, yếu tố thúc đẩy

**75. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam khi chuyển sang trạng thái "bình thường mới" thời hội nhập/** Phạm Văn Thịnh// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 63 – 66.

**Nội dung:** Bài viết phân tích về thực trạng phát triển doanh nghiệp Việt Nam thời gian qua, đồng thời đề xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp Việt Nam khi cuộc sống chuyển sang trạng thái "bình thường mới" sau dịch covid 19.

**Từ khóa:** Phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**76. Phát triển Du lịch vùng Tây Bắc trong bối cảnh đại dịch COVID-19**/ Lê Thị Tịnh// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 79-82

**Nội dung:** Vùng Tây Bắc là khu vực có nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế nhưng lại có nhiều lợi thế đặc thù trong phát triển du lịch. Du lịch đã và sẽ là nhân tố quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của Vùng. Tuy nhiên, thời gian qua, đại dịch COVID-19 bùng phát đã gây rất nhiều khó khăn cho phát triển du lịch của Vùng. Bài viết đánh giá thực trạng hoạt động du lịch của Vùng trong giai đoạn đại dịch COVID-19, từ đó đề xuất một số khuyến nghị giúp Vùng Tây Bắc hồi phục và phát triển du lịch trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Du lịch thời Covid-19, vùng Tây Bắc, phát triển du lịch vùng Tây Bắc

**77. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân ở Việt Nam : những thách thức về mục tiêu và điều kiện thực hiện**/ Mai Ngọc Cường// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr. 40-47.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra những thách thức về các mục tiêu và điều kiện mà Việt Nam cần phải vượt qua để phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân. Đó là, tăng tỷ lệ bao phủ, nhất là tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và tỷ lệ đối tượng được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng thể bảo hiểm y tế và tăng mức thụ hưởng của trợ giúp xã hội; tăng thu nhập của người lao động, thông qua các chương trình việc làm có chất lượng cao và giảm nghèo bền vững; có chính sách thích ứng sự biến đổi của dân số, đặc biệt là tình trạng già hoá; chủ động xử lý những hậu quả của khủng hoảng kinh tế, biến đổi khí hậu và dịch bệnh ngày càng thường xuyên và phức tạp; tổ chức quản lý an sinh xã hội thích ứng hơn với từng đối tượng tham gia; và đảm bảo nguồn tài chính cao hơn cho an sinh xã hội, trước hết là từ ngân sách nhà nước.

**Từ khoá**: An sinh xã hội toàn diện, bao phủ, toàn dân, điều kiện thực hiện, mục tiêu, Việt Nam

**78. Phát triển kinh tế du lịch gắn với phát huy, bảo tồn giá trị di sản văn hoá tại TP. Hà Nội**/ Nguyễn Văn Dũng// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 94-96.

**Nội dung**: Thời gian qua, TP. Hà Nội luôn bám sát chủ trương, định hướng về phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, khai thác lợi thế của từng địa phương và tăng cường liên kết vùng… để thúc đẩy ngành công nghiệp không khói, đóng góp nhiều hơn cho nguồn thu ngân sách nói riêng và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô nói chung. Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển kinh tế du lịch gắn với các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn TP. Hồ Nội., đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động này trên địa bàn TP. Hồ Nội trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh tế du lịch, giá trị văn hóa, công nghiệp không khói

**79. Phát triển kinh tế địa phương từ chương trình mỗi xã một sản phẩm tại tỉnh Hà Tĩnh**/ Trần Thị Bình// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 90-92.

**Nội dung**: Chương trình mỗi xã một sản phẩm thuộc chương trình nông thôn mới. Chương trình này bắt đầu thực hiện tại Hà Tĩnh từ năm 2018 đến nay đã đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo sức lan tỏa lớn, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, gia tăng giá trị sản phẩm. Các sản phẩm của Chương trình có nhiều chuyển biến tích cực về chất lượng, bao bì nhãn mác... Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc cần được khắc phục trong thời gian tới. Bài viết phân tích thực trạng triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại Hà Tĩnh, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm phát triển Chương trình này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển kinh tế, kinh tế địa phương, mỗi xã một sản phẩm, Hà Tĩnh

**80. Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Nhật Bản, Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam**/ Bạch Hồng Việt// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 9(247) .- Tr. 33-41.

**Nội dung**: Phân tich thực trạng và những thành công của từng quốc gia trong việc xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn, từ đó gợi mở cho sự phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế quốc tế, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, Nhật Bản, Hàn Quốc

**81. Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Văn Tùng// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, thời gian tới, Việt Nam cần xây dựng đồng bộ các giải pháp từ nâng cao nhận thức đến hoàn thiện thể chế pháp lý tổ chức thực hiện. Đặc biệt, chú ý đến các giải pháp gắn kết kinh tế tuần hoàn với ứng dụng thành tựu Cách mạng công nghiệp 4.0, thúc đẩy kinh tế số, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, tăng cường tiếp cận và tiếp nhận chuyển giao công nghệ để phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Kinh tế tuần hoàn, Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển giao công nghệ

**82. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh, yêu cầu mới**/ Nguyễn Quỳnh Trang// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Cùng với sự vận động của quá trình đổi mới tư duy kinh tế, Đảng đã nhìn nhận ngày càng sáng rõ hơn những mặt tích cực và sự tồn tại khách quan của cơ chế thị trường trong nền kinh tế nước ta thời kỳ quá độ. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng tiếp tục khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nội dung trọng tâm, cần phải được quán triệt cả về nhận thức và hành động.

**Từ khoá**: Kinh tế thị trường, xã hội chủ nghĩa

**83. Phát triển tài chính và tăng trưởng doanh nghiệp : trường hợp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam/** Huỳnh Thế Nguyễn// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr. 98-106.

**Nội dung**: Bài báo này phân tích ảnh hưởng của phát triển tài chính đến tăng trưởng doanh nghiệp: trường hợp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Kết quả phân tích bằng kỹ thuật mô men tổng quát (GMM) cho bộ dữ liệu doanh nghiệp được thu thập từ Tổng cục Thống kê trong giai đoạn 2005 – 2018 cho thấy phát triển tài chính đóng vai trò quan trọng cho tăng trưởng doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc cung cấp tài chính để bù đắp quy mô có khả năng gia tăng doanh số nhưng suy giảm khả năng tăng trưởng doanh nghiệp. Như vậy, các doanh nghiệp trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cần phải chú trọng phát triển tài chính để tăng cường đầu tư và thiết kế quy mô hợp lý để thúc đẩy quá trình tăng trưởng.

**Từ khoá**: Phát triển tài chính; Tăng trưởng doanh nghiệp; Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

**84. Phát triển văn hóa doanh nghiệp phù hợp với định hướng phát triển doanh nghiệp trong tương lai tại Tổng công ty Đông Bắc/** Trần Duy Lê, Lê Minh Thống, Nguyễn Thanh Thủy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 63 - 65.

**Nội dung:** Bài báo đi vào đánh giá thực trạng văn hóa doanh nghiệp tại Tổng công ty Đông Bắc và đưa ra một số giải pháp phát triển văn hóa doanh nghiệp trong tương lai. **Từ khóa:** Văn hóa doanh nghiệp, Tổng công ty Đông Bắc

**85. Phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam : lý luận, thực trạng và định hướng**/ Ngô Thắng Lợi// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr. 30-39.

**Nội dung**: Vị trí, tầm quan trọng của Phát triển xã hội bền vững đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc đã được xác định rõ trong Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Khai thác khía cạnh này, bài viết đã đưa ra quan điểm: Phát triển xã hội bền vững không phải chỉ là việc cải thiện chất cuộc sống, môi trường sống một cách đơn thuần mà điểm nhấn ở đây, nó phải được bảo đảm bằng các nguồn lực tài chính và vật chất có được dựa trên những thành quả của tăng trưởng kinh tế. Theo cách tiếp cận đó, bài viết đề xuất bộ tiêu chí phản ánh và 3 cấp độ phát triển xã hội bền vững. Với việc xử lý chuỗi số liệu 10 năm (2011-2020), bài viết đã đánh giá phát triển bền vững xã hội của Việt Nam khi kết thúc thời kỳ chiến lược 2011-2020 đạt được ở cấp độ 2 và đề xuất sử dụng mô hình phát triển hài hòa để cụ thể hóa các quan điểm và giải pháp thành những hành động cụ thể nhằm phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu cao hơn trong giai đoạn chiến lược mới (2021-2030).

**Từ khoá**: Phát triển bền vững, Phát triển hài hòa, Điều tra Mức sống cư dân Việt Nam

**86. Phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020**/ Trịnh Thị Ái Hoa// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Giai đoạn 2015-2020, mặc dù nhiều hạn chế trong phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế của giai đoạn trước đã được khắc phục nhưng vẫn còn một số tồn tại. Điều này đã làm giảm hiệu quả của phân cấp và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam. Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 2015-2020, từ đó khuyến nghị một số giải pháp hoàn thiện phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phân cấp, quản lý nhà nước, kinh tế, bộ máy quản lý nhà nước

**87. Phân tích chính sách chuyển nguồn ngân sách nhà nước: trường hợp tỉnh Đồng Nai/** Nguyễn Thành Tiến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 98 - 100.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng áp dụng chính sách chuyển nguồn tại Đồng Nai và tiếp thu một số kinh nghiệm của quốc tế, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm qua đó khơi thông một nguồn thu quan trọng hằng năm đảm bảo tính cân đối, bền vững và hiệu quả trong quản lý ngân sách nhà nước ở cấp độ địa phương.

**Từ khóa:** Nguồn ngân sách nhà nước, Đồng Nai

**88. Phân tích mối quan hệ giữa kinh tế ngầm và nợ công của Việt Nam**/Phan Thị Hằng Nga//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 5 - 8.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu tác động của kinh tế ngầm đến công nợ của Việt Nam giai đoạn 1991 - 2017, tác giả sử dụng phương pháp phân tích, so sánh mô tả để làm rõ mục tiêu nghiên cứu, dữ liệu thu thập từ IFM và Tổng cục Thống kê. Kết quả phân tích cho thấy quy mô kinh tế ngầm của Việt Nam đã giảm dần từ năm 1991 là 21,3% đến năm 2017 là 12,5% trê, GDP. Kết quả này cho thấy, Việt Nam đã có những chính sách phù hợp trong việc kiểm soát các hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ

**Từ khóa:** Kinh tế ngầm, nợ công, Việt Nam

**89. Phòng vệ thương mại ở Việt Nam và hàm ý chính sách**/ Lê Viết Hùng// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 5(278) .- Tr. 48-57.

**Nội dung**: Trên cơ sở đánh giá thực trạng về phòng vệ thương mại và những tác động đến Việt Nam, bài viết đưa ra một số chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Phòng vệ thương mại, Việt Nam

**90. Phối hợp chính sách tiền tệ và tài khóa ở Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020/** Trịnh Thị Ái Hoa// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 3 - 14.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng phối hợp chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa thời kỳ 2011 - 2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phối hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đã được thực hiện một cách cẩn trọng, đảm bảo thực hiện được mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý; đã chuyển từ thụ động, ứng phó với lạm phát sang chủ động, linh hoạt nhằm thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý.

**Từ khóa:** Phối hợp chính sách, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ

**91. Quản lý khu vực kinh tế phi chính thức ở một số quốc gia đang phát triển và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/**Nguyễn Thị Thanh Nga//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 84 - 86.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu lựa chọn một số quốc gia có đặc điểm kinh tế tương đồng với Việt Nam, nghiên cứu những chính sách và biện pháp để quản lý khu vực kinh tế phi chính thức từ đó rút ra bà học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:**Kinh tế phi chính thức, Việt Nam, bài học kinh nghiệm

**92. Sinh kế của cư dân ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu : những vấn đề lý luận và thực tiễn**/Lý Hoàng Mai//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 74 - 83.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra các luận chứng khoa học liên quan đến biến đổi khí hậu, sinh kế ven biển; phân tích những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với sinh kế ven biển trên các góc độ: nguồn lực sinh tế, hoạt động sinh kế và kết quả sinh kế. Qua đó, bài viết gợi ý một số giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ven biển Việt Nam. **Từ khóa:** Chính sách tiền tệ, quy tắc Taylor, quy tắc Mccallum

**93. Sử dụng mô hình chuỗi thời gian kiểm định mối quan hệ giữa kinh tế tư nhân và tăng trưởng kinh tế Việt Nam**/Lê Thị Thúy Hằng//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 47 - 52.

**Nội dung:** Bài viết tập hợp dữ liệu nghiên cứu thứ cấp và thực hiện mô hình hồi quy định lượng nhằm đo lường mức độ đóng góp của khu vực tư nhân vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế tư nhân, tăng trưởng kinh tế, VAR, Việt Nam

**94. Sự lệch pha giữa tăng trưởng kinh tế và một số biến số vĩ mô ở Việt Nam : thực nghiệm từ phân tích WAVELET**/ Bùi Hoàng Ngọc, Nguyễn Xuân Trường// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr. 77-87.

**Nội dung**: Sự phong phú của những nghiên cứu trước về mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, tiêu thụ điện năng, toàn cầu hóa và tăng trưởng kinh tế vẫn không thể khỏa lấp một số câu hỏi thuộc dạng bản chất của các quan hệ này. Ứng dụng kỹ thuật phân tích Wavelet cho dữ liệu vĩ mô của Việt Nam từ 1986 đến 2018, nghiên cứu này tìm được bằng chứng là tiêu thụ điện năng có tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế ở mọi miền tần số, trong khi đầu tư trực tiếp nước ngoài chỉ ảnh hưởng mạnh trong giai đoạn 1988-2000 ở miền tần số cao, và sau 2005 lại mạnh ở miền tần số thấp. Tương tự, ở miền tần số thấp thì tác động của toàn cầu hóa đến tăng trưởng kinh tế là yếu hơn so với miền tần số cao. Khám phá sự lệch pha có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết kế chính sách, do vậy nghiên cứu có đóng góp nhất định cả lý thuyết và thực nghiệm trong phân tích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô của Việt Nam.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, tiêu thụ năng lượng, đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam, phân tích Wavelet

**95. Sự tham gia của lực lượng lao động và những tác động đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam/** Võ Thị Vân Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Nghiên cứu này chỉ ra mối quan hệ trong ngắn hạn và dài hạn giữa tăng trưởng kinh tế, sự tham gia của lực lượng lao động và tổng vốn cố định hình thành (GFCF). Dữ liệu chuỗi thời gian từ năm 1994 đến năm 2019 được thu thập từ Ngân hàng Thế giới, thông qua mô hình tự hồi quy phân phối trễ chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế trong 26 năm gần đây có diễn biến ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2021, trong khi tổng vốn cố định và sự tham gia của lực lượng lao động có mối quan hệ tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, tồn tại mối quan hệ cân bằng dài hạn tích cực có ý nghĩa thống kê của tổng vốn cố định và sự tham gia của lực lượng lao động đến tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, vốn cố định, tham gia lực lượng lao động

**96. Sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang**/Nguyễn Thùy Trang, Võ Hồng Tú//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 20 - 28.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng tham gia, các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia đóng góp của người dân. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường và thu hút sự tham gia của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới.

**Từ khóa:** Nông thôn mới, hồi quy logit, sự sẵn lòng tham gia

**97. Tác động của chuyển đổi số tới việc sử dụng nguồn lực cho phát triển kinh tế trên thế giới/** Nguyễn Đình Ngân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 7 - 9.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, chuyển đổi số đang trở thành hiện tượng được quan tâm nghiên cứu sâu sắc. Ở cấp độ vĩ mô, chuyển đổi số bao gồm những thay đổi mạnh mẽ đang diễn ra trong xã hội và các ngành thông qua việc sử dụng công nghệ số. Ở cấp độ tổ chức doanh nghiệp, các công ty đang phải tìm cách đổi mới với những công nghệ này để phát huy mặt tích cực của chuyển đổi số, tạo ra năng suất, hiệu quả hơn. Như cậy, chuyển đổi số sẽ bao gồm một loạt các vấn đề ở các vấn đề ở cả cấp vi mô và vĩ mô của mỗi nền kinh tế.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, phát triển kinh tế

**98. Tác động của đại sứ thương hiệu lên đến ý định mua của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Quốc Cường, Võ Thị Xuân Quỳnh, Nguyễn Anh Phúc// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 120-133.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm phân tích những yếu tố của đại sứ thương hiệu tác động đến ý định mua của khách hàng tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, với sỗ mẫu nghiên cứu là 210 người đang sinh sống tại TPHCM. Khảo sát thực hiện thông qua bảng câu hỏi trực tuyến, nhóm tác giả tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính với ý định mua hàng là biến phụ thuộc vào sáu biến độc lập có nguồn gốc từ các tài liệu tham khảo gồm: Sự thu hút, sự tin cậy, chuyên môn, sự quen thuộc, sự phù hợp, của người nổi tiếng với thương hiệu/sản phẩm và các thông tin tiêu cực.

**Từ khóa**: Đại sứ thương hiệu, khách hàng, ý định mua hàng

**99. Tác động của đòn bẩy đến quản trị lợi nhuận dựa trên khoản dồn tích : trường hợp của các công ty niêm yết tại Việt Nam**/ Trần Thị Hồng Diễm// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 71-88.

**Nội dung**: Mục đích chính của bài nghiên cứu là xem xét tác động của đòn bẩy đến quản trị lợi nhuận (thông qua khoản dồn tích). Đồng thời, nghiên cứu thực hiện đo lường trên đối tượng là các công ty có đòn bẩy tăng hoặc đòn bẩy ở mức cao nhằm hỗ trợ cho quan điểm sự thay đổi về đòn bẩy và mức độ đòn bẩy có tác động khác nhau đến việc quản trị lợi nhuận. Dữ liệu đo lường thu thập từ thông tin được công bố của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2017-2019. Cụ thể là 131 công ty có đòn bẩy tăng hoặc đòn bẩy cao, tạo thành 393 quan sát. Sử dụng dữ liệu bảng và ước lượng bình phương bé nhất tổng quát (FGLS) để phân tích nhân tố tác động quản trị lợi nhuận. Kết quả nghiên cứu chỉ ra sự thay đổi của đòn bẩy và mức độ của đòn bẩy có tác động khác nhau đến quản trị lợi nhuận, theo hướng đòn bẩy tăng làm giảm việc quản trị lợi nhuận. Thêm vào đó, kết quả thực nghiệm cũng cho thấy các nhân tố hiệu quả hoạt động (ROA), chi phí lãi vay (INTEXP) có tác động cùng chiều với quản trị lợi nhuận; tỷ lệ tự tài trợ để đầu tư vào tài sản cố định (SFR), dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (CFO) có tác động ngược chiều với quản trị lợi nhuận.

**Từ khoá**: Đòn bẩy, đòn bẩy tăng, quản trị lợi nhuận, khoản dồn tích

**100. Tác động của đổi mới công nghệ đến hiệu quả của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Đặng Thị Trường Giang// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác động đổi mới công nghệ đến hiệu quả của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2018. Để đo lường hiệu quả và chỉ số đổi mới công nghệ của các ngân hàng thương mại Việt Nam, phương pháp phân tích bao dữ liệu được áp dụng dựa trên hai biến đầu ra và ba biến đầu vào. Kết quả cho thấy nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy Tobit để xem xét tác động của đổi mới công nghệ đến hiệu quả của các ngân hàng thương mại. Kết quả nghiên cứu chỉ số đổi mới công nghệ trung bình của ngân hàng giảm. Chỉ số đổi mới công nghệ có tác động cùng chiều đến hiệu quả chi phí của ngân hàng. Nghiên cứu cho thấy khả năng sinh lời, tăng trưởng kinh tế, lãi suất tác động cùng chiều. Trong khi đó nợ xấu và lạm phát tác động ngược chiều đến hiệu quả chi phí của ngân hàng.

**Từ khóa**: Ngân hàng thương mại, đổi mới công nghệ

**101. Tác động của kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng ở Việt Nam**/ Lê Hoàng Như Nguyện, Nguyễn Trần Huyền Trân// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6(49) .- Tr. 118-125.

**Nội dung**: Bài báo làm rõ các tác động của mô hình kinh tế chia sẻ đối với lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng ở Việt Nam, qua đó đưa ra một số khuyến nghị đối với các cơ quan có liên quan trong công tác quản lý nhằm phát huy hơn nữa những lợi ích và giảm thiểu các mặt trái của mô hình kinh tế mới mẻ này.

**Từ khóa**: Kinh tế, tài chính – ngân hàng, kinh tế chia sẻ

**102. Tác động của phân cấp ngân sách nhà nước tới tăng trưởng kinh tế**/Phan Hữu Nghị//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 9 - 13.

**Nội dung:** Bài viết tập trung đánh giá tác động của phân cấp ngân sách nhà nước với tăng trưởng kinh tế dựa trên dữ liệu thu thập từ 8 tỉnh tại Việt Nam có tỷ lệ phân cấp nguồn thu theo tỷ lệ phần trăm phân chia dưới 100%. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng phân cấp chi ngân sách nhà nước có tác động tích cực đối với tăng trưởng kinh tế, là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách điều chỉnh phân cấp ngân sách nhà nước trong thời kỳ ổn định ngân sách sắp tới.

**Từ khóa:** Phân cấp ngân sách nhà nước, tăng trưởng kinh tế, phân cấp nguồn thu, phân cấp nhiệm vụ chi

**103. Tác động của thể chế đến nghèo đa chiều ở Việt Nam**/ Ngô Quốc Dũng// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 296 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Giảm nghèo và tiến tới xoá bỏ tình trạng nghèo là một trong những mục tiêu cuối cùng trong sự phát triển và thịnh vượng của các quốc gia. Các kết quả giảm nghèo đa chiều khác nhau ở các quốc gia khác nhau là do có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo đa chiều và kết quả giảm nghèo đa chiều, trong đó có nhân tố thể chế. Trong bài viết này, tác động của thể chế đến nghèo đa chiều được đánh giá thông qua sử dụng dữ liệu đa tầng cấp hộ và cấp tỉnh ở Việt Nam. Sử dụng mô hình hồi quy Probit đa tầng, bài viết chỉ ra được: (i) Tác động của thể chế đến nghèo đa chiều là khác nhau giữa các địa phương; (ii) Thể chế có tác động ngược đến giảm nghèo đa chiều ở khu vực thành thị và những địa phương có mức thu nhập cao.

**Từ khoá**: Thể chế, nghèo đa chiều, khu vực thành thị, khu vực nông thôn, thu nhập

**104. Tác động phi tuyến của sở hữu cổ đông lớn tới thanh khoản của cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Thu Hoài// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 15 - 27.

**Nội dung:** Nghiên cứu làm rõ tác động của sở hữu cổ đông lớn tới thanh khoản của cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập gồm toàn bộ công ty niêm yết trên hai sàn chứng khoán Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2018. Nghiên cứu đưa ra hàm ý chính sách cho nhà quản lý với mục tiêu tăng thanh khoản của cổ phiếu cũng như tăng tính hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam. **Từ khóa:** Cổ đông lớn, thanh khoản cổ phiếu, mô hình ngưỡng

**105. Tác động tích cực từ xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam**/ Đinh Thị Hải Phong, Nguyễn Thị Mai Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng mô hình tự hồi quy có phân phối trễ trên bộ số liệu năm từ 1996 đến 2019, gồm GDP và giá trị xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, thu nhập từ nguồn Ngân hàng Thế giới để chỉ ra tác động cùng chiều của xuất khẩu hàng hóa lên tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Kết quả này khẳng định lý thuyết tăng trưởng kinh tế dựa vào xuất khẩu đúng với trường hợp của Việt Nam. Cụ thể, trong ngắn hạn và trong giai đoạn nghiên cứu thì GDP năm trước tăng thì cũng kích thích GDP năm sau tiếp tục tăng. Đồng thời, giá trị xuất khẩu trong năm có đóng góp tích cực cho GDP năm đó. Ngoài ra, tồn tại mối quan hệ cân bằng dài hạn tích cực giữa xuất khẩu hàng hóa và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế, tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu

**106. Tăng cường ngoại giao kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**/ Trần Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Thu Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá kết quả và những tồn tại hạn chế trong triển khai công tác NGKT theo định hướng của Ban Bí thư Khóa X của Bộ Tài chính thời gian qua, bài viết rút ra một số kinh nghiệm, đề xuất phương hướng đối với công tác NGKT, đáp ứng yêu cầu bối cảnh mới.

**Từ khoá**: Ngoại giao kinh tế, hội nhập tài chính, đối tác, cam kết hội nhập

**107. Tăng trưởng kinh tế, tiêu thụ điện, tỉ lệ đô thị hóa và dấu chân sinh thái : thực nghiệm ở các nước ASEAN**/ Bùi Hoàng Ngọc, Nguyễn Hữu Khôi, Cảnh Chí Hoàng, Nguyễn Tiến Long, Bùi Thành Khoa// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 5-24.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu này là phân tích tác động của tăng trưởng kinh tế, tiêu thụ điện và tỉ lệ đô thị hóa đến dấu chân sinh thái ở các nước ASEAN trong giai đoạn 1981-2016. Nghiên cứu ứng dụng ba mô hình ước lượng cho dữ liệu bảng gồm: Mean Group (MG), Pooled Mean Group (PMG) và Dynamic Fixed Effects (DFE). Kết quả kiểm định lựa chọn mô hình cho thấy mô hình PMG là phù hợp nhất. Theo đó, tăng trưởng kinh tế và tỉ lệ đô thị hóa có tác động tích cực đến dấu chân sinh thái cả trong ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm cũng chỉ ra tiêu thụ điện không tác động đến dấu chân sinh thái trong ngắn hạn, nhưng có tác động tiêu cực trong dài hạn. Hàm ý quan trọng được rút ra từ kết quả của nghiên cứu là các nhà hoạch định chính sách cần đánh giá toàn diện các tác động của những chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đối với môi trường tự nhiên, nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

**Từ khoá:** Tiêu thụ điện; Tăng trưởng kinh tế; Đô thị hóa; Dấu chân sinh thái; ASEAN

**108. Tạo đà tăng trưởng kinh tế từ vốn đầu tư công**/ Nguyễn Văn Tùng// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Trong bối cảnh đại địch COVID-19, đầu tư công được xác định là nguồn vốn mồi để thúc đẩy, kích thích nhiều nguồn vốn khác, tạo động lực cho tăng trưởng nền kinh tế. Bám sát kế hoạch được giao, năm 2021, các bộ, ngành, địa phương đã nhanh chóng vào cuộc, phân bổ vốn cho các dự án. Năm 2021, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước đạt 423,6 nghìn tỷ đồng, bằng 84,3% kế hoạch năm. Kết quả này góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Việt Nam hiện là một trong số rất ít quốc gia duy trì được mức tăng trưởng dương và xếp trong nhóm những nước tăng trưởng cao trên thế giới.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, vốn đầu tư công

**109. Tập trung hay đa dạng hóa danh mục cho vay? Bằng chứng từ một thị trường cận biên**/ Nguyễn Đức Nguyên, Nguyễn Hoàng Nhật Khanh, Quang-Thai Truong, Đặng Thu Thủy// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 51-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tìm hiểu tác động của sự tập trung trong danh mục cho vay (theo kỳ hạn, ngành nghề, và khách hàng cho vay) lên lợi nhuận cũng như rủi ro của các ngân hàng tại một quốc gia cận biên là Việt Nam. Sử dụng mô hình hiệu ứng cố định tại cấp độ ngân hàng và thời gian trên một mẫu bao gồm 32 ngân hàng từ quý IV/2003 đến quý IV/2019, nghiên cứu này chỉ ra rằng sự tập trung trong danh mục cho vay mang lại lợi ích cho các ngân hàng. Cụ thể hơn, sự tập trung trong ngành nghề cho vay có mối quan hệ thuận chiều với lợi nhuận của các ngân hàng. Bên cạnh đó, mức độ tập trung trong kỳ hạn cho vay có mối quan hệ nghịch chiều với cả rủi ro tín dụng và rủi ro vỡ nợ.

**Từ khoá**: Danh mục cho vay; đa dạng hóa; tập trung; lợi nhuận; rủi ro

**110. Tích tụ, tập trung ruộng đất và bất bình đẳng về thu nhập ở nông thôn Việt Nam**/Trần Thị Bích//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 40 - 49.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tác động của chính sách đất đai liên quan đến quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất đến bất bình đẳng ở nông thôn Việt Nam giai đoạn 2004 - 2014. Sử dụng dữ liệu điều tra mức sống dân cư năm 2004 và 2014, áp dụng các phương pháp mô phỏng và phương pháp hệ thống chỉ số, bài viết phân rã thay đổi về phân phối của thu nhập giai đoạn 2004 - 2014 ra thành các thay đổi do tác động củ tích tụ và tập trung ruộng đất, thay đổi về nhân khẩu học và các yếu tố khác.

**Từ khóa:** Bất bình đẳng, tích tụ ruộng đất, tập trung ruộng đất

**111. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2021 và triển vọng trong năm 2022**/ Đỗ Tất Cường// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 3-6.

**Nội dung**: Năm 2021, vượt qua những khó khăn, thách thức, kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng dương và đạt được một số kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho việc quay trở lại quỹ đạo phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19. Bài viết này điểm lại tình hình kinh tế Việt Nam năm 2021 ở một số lĩnh vực quan trọng, trên cơ sở đó, đề xuất những định hướng lớn trong năm 2022 và cơ hội của nền kinh tế Việt Nam trong trung hạn.

**Từ khoá**: Kinh tế Việt Nam, tăng trưởng, cơ hội phục hồi

**112. Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2021 và khuyến nghị chính sách năm 2022**/ Tô Trung Thành// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Làn sóng lây nhiễm lần thứ 4 của đại dịch COVID-19 trong năm 2021 đã khiến nền kinh tế gặp thách thức vô cùng to lớn. Tăng trưởng kinh tế cả năm chỉ đạt mức 2,58%, thấp nhất trong vòng hai thập kỷ gần đây, nguyên nhân do tốc độ tăng đầu tư công và chi tiêu suy giảm, các ngành dịch vụ giảm sâu do giãn cách xã hội. Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do đứt gẫy chuỗi cung ứng và nguồn cung lao động, chi phí sản xuất tăng cao. Tuy nhiên, một số điểm sáng ghi nhận như lạm phát thấp, tỷ giá ổn định và cân đối vĩ mô đảm bảo. Trong năm 2022, quan điểm chính sách cần sống chung với COVID-19, mở rộng thêm hỗ trợ tài khóa để hồi phục nền kinh tế và tiết giảm chính sách tiền tệ trước các rủi ro lạm phát.

**Từ khoá**: Tăng trưởng, lạm phát, tỷ giá, lãi suất, thương mại, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa

**113. Tuyển dụng nhân sự : ngành nào sẽ nóng trong 6 tháng tới**/ Ô Lâu// Tin học & Đời sống .- 2021 .- Số 255 .- Tr. 52-53.

**Nội dung**: Theo quan sát của Navigos Search, trong quý II năm 2021, do vẫn chịu ảnh hưởng của dịch Covid nên doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực đang tạm hoãn việc tuyển dụng hoặc tuyển rất ít. Bên cạnh đó vẫn có các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng cao trong mảng ngân hàng, chứng khoán, công nghệ thông tin.

**Từ khóa**: Tuyển dụng nhân sự, nguồn nhân lực

**114. Thành phần lợi nhuận Momentum: nghiên cứu trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** Nguyễn Thị Yến// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 108 – 120

**Nội dung:** Bài viết khảo sát thành phần chính trong lợi nhuận của chiến lược đầu tư theo xu hướng momentum trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khóa:** Hiệu ứng momentum, hiệu ứng reversal, chiến lược sức mạnh tương đối

**115. Thị trường điều thô ở Bờ biển Ngà : hướng tiếp cận cho các doanh nghiệp Việt Nam/** Lê Phước Minh, Lê Quang Thắng, Phạm Anh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 12 (196) .- Tr. 15-31.

**Nội dung**: Bờ biển Ngà là quốc gia có kim ngạch xuất khẩu hàng đầu về mặt hàng điều cho Việt Nam trong 10 năm qua. Trong 10 năm qua, bình quân Việt Nam nhập khẩu điều thô từ Bờ biển Ngà chiếm tỷ trọng trên 30% tổng kim ngạch nhập khẩu điều của Việt Nam. Bài viết mong muốn thông qua phân tích thị trường điều thô ở Bờ biển Ngà trong giai đoạn 2010-2020, từ đó đề xuất hướng tiếp cận cho các doanh nghiệp Việt Nam thời gian tới.

**Từ khóa**: Doanh nghiệp, thị trường, xuất nhập khẩu, Bờ biển Ngà

**116. Thu nhập phi nông nghiệp của hộ dân cư vùng đồng bằng Sông Cửu Long**/ Nguyễn Tuấn Kiệt, Trịnh Công Đức, Từ Minh Lý// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 68-77.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài viết là cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ dân cư ở đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 2012 đến 2016. Bài viết sử dụng số liệu khảo sát mức sống hộ dân cư gồm 5.715 quan sát. Kết quả phân tích cho thấy tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp tổng hợp, tỷ lệ thu nhập tự kinh doanh, tỷ lệ thu nhập từ việc làm phi nông nghiệp biến động tăng trong giai đoạn 2012-2016. Ước lượng Tobit cho thấy tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp tương quan cùng chiều với tổng thu nhập. Đồng thời nhân tố tuổi, nam giới, diện tích đất, số rủi ro, tiền trợ cấp tác động làm giảm tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp nhưng trình độ và số thành viên tác động làm tăng tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp. Kết quả này có ý nghĩa quan trọng cho các địa phương xây dựng chiến lược nâng cao thu nhập theo hướng gia tăng kinh tế phi nông nghiệp ở cấp độ hộ.

**Từ khoá**: Hộ, thu nhập, đồng bằng sông Cửu Long, phi nông nghiệp, Tobit

**117. Thúc đẩy đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**/ Nguyễn Hải Đăng, Bùi Văn Trịnh// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 79-83.

**Nội dung:** Từ nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, nhóm tác giả sử dụng phương pháp chi tiết, thống kê mô tả và so sánh để phân tích thực trạng, tìm ra và đánh giá những tồn tại, hạn chế của công tác quản lý đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thời gian qua. Bằng phương pháp diễn dịch, nhóm tác giả đề xuất giải pháp thúc đẩy đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

**Từ khoá**: Đầu tư công, nông nghiệp Trà Vinh, thúc đẩy, giải pháp

**118. Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở Đài Loan và gợi ý chính sách cho Việt Nam**/ Trương Phan Thanh Thủy// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 9(247) .- Tr. 42-50.

**Nội dung**: Trình bày tình hình và kết quả thúc đẩy kinh tế tuần hoàn của Đài Loan từ năm 2016, từ đó rút ra gợi ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế tuần hoàn, Đài Loan, tái chế, chất thải

**119. Thúc đẩy phát triển hạ tầng kinh tế xã hội nhằm phát triển kinh tế trong xây dựng nông thôn mới theo hướng đô thị hóa tại thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên/**Lê Văn Bảy, Đỗ Anh Tài//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 45 - 47.

**Nội dung:** Bài viết phân tích thực trạng các mặt trong phát triển hạ tầng kinh tế xã hội nhằm phát triển kinh tế trong xây dựng nông thôn mới theo hướng đô thị hóa tại thị xã Phổ Yên Thái Nguyên bao gồm: thực trạng hạ tầng giao thông, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng điện, hạ tầng thương mại nông thôn, hạ tầng thông tin và truyền thông. Qua đó, bài viết đưa ra những mặt đã làm được và những mặt còn hạn chế của vấn đề và từ đó đưa ra những giải pháp toàn diện.

**Từ khóa:** Xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, Thái Nguyên

**120. Thực tiễn triển khai cơ chế tự chủ tài chính ở một số trường đại học tại châu Á/** Nguyễn Thị Thu Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Tại châu Á, vấn đề tự chủ đại học về tài chính được thực hiện khá sớm, trong đó, một số quốc gia đã triển khai thành công chính sách này như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore… Bài viết này đánh giá, phân tích thực tiễn triển khai chính sách tự chủ tài chính ở một số trường đại học của các nước, từ đó, rút ra kinh nghiệm đối với Việt Nam.

**Từ khoá:** Tự chủ tài chính, tự chủ đại học, giáo dục đại học

**121. Thực trạng triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại tỉnh Ninh Bình**/ Phan Thị Hằng Nga// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 93-96.

**Nội dung**: Bài viết phản ánh thực trạng phát triển chương trình Mỗi xã một sản phẩm – OCOP ở tỉnh Ninh Bình thông qua việc đánh giá công tác triển khai, đặc điểm sản phẩm và các hoạt động hỗ trợ phát triển sản phẩm. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển sản phẩm như đẩy mạnh tuyên truyền về chương trình, tăng cường hỗ trợ cho chủ thể tham gia, chỉ ra xu hướng tiêu dùng sản phẩm nông sản an toàn, đồng thời xác định hướng phát triển các dòng sản phẩm mà Ninh Bình có thế mạnh, đề xuất các giải pháp trong phân phối và xúc tiến sản phẩm OCOP của Tỉnh.

**Từ khoá**: Phát triển sản phẩm OCOP, nông sản an toàn

**122. Trách nhiệm xã hội góp phần xây dựng niềm tin khách hàng và danh tiếng của doanh nghiệp: một góc nhìn của người tiêu dùng Việt Nam/** Nguyễn Thị Phương Thảo// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 522 .- Tr. 84 - 97.

**Nội dung:** Nghiên cứu khám phá vai trò của các hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với niềm tin của khách hàng và danh tiếng của doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam. Thông qua khảo sát ý kiến người tiêu dùng cá nhân, nghiên cứu đã tiến hành đánh giá vai mô hình đo lường và kiểm định mô hình nghiên cứu bằng kỹ thuật Sem.

**Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, niềm tin, danh tiếng

**123. Ứng dụng mô hình MIDAS để dự báo tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam**/ Lê Mai Trang, Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Thi Hiên, Đinh Thị Hà, TRần Kim Anh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 24 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu và ứng dụng mô hình MIDAS để dự báo tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam dựa trên số liệu thu thập trong giai đoạn 2006-2020.

**Từ khoá**: Tăng trưởng xuất khẩu, Mô hình MIDAS, Việt Nam

**124. Vai trò của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với quyết định đầu tư của các nông hộ Việt Nam**/ Kiều Nguyệt Kim, Nguyễn Thị Minh// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 57-67.

**Nội dung**: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp vì nó ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nông dân, và do đó ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Bài báo này tập trung phân tích tác động của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến hành vi đầu tư của các nông hộ bằng phương pháp dữ liệu mảng đa mức và hồi quy phi tham số. Với bộ dữ liệu VARHS năm 2012 và 2018, kết quả cho thấy, trong cả hai mô hình, các hộ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều khả năng đầu tư hơn vào đất của họ, sau khi kiểm soát các yếu tố khác như chất lượng đất, thu nhập của hộ gia đình và các yếu tố liên quan. Tuổi, giới tính và học vấn của chủ hộ có tác động rõ rệt đến quyết định đầu tư. Ngoài ra, vai trò của quản trị địa phương cũng có tác động đáng kể đến quyết định này. Từ kết quả đó, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị về chính sách đất đai.

**Từ khoá**: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dữ liệu mảng đa mức, hồi quy phi tham số

**125. Văn hóa doanh nghiệp và tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp/** Bùi Xuân Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 22 - 24.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến tác động của văn hóa doanh nghiệp đến sự phát triển của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Văn hóa doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp

**126. Xác định, thực hiện hiệu quả mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn tới/**Trịnh Việt Tiến//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 36 - 38.

**Nội dung:** Bài viết bày tỏ những quan điểm lựa chọn mô hình phát triển kinh tế phù hợp của Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khóa:** Tăng trưởng kinh tế, mô hình tăng trưởng kinh tế, Việt Nam

**127. Xu thế phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong tình hình mới/** Trần Kim Chung, Hoàng Văn Cương// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 8-12.

**Nội dung**: Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Trên thế giới, kinh tế tuần hoàn được coi là mô hình kinh tế đáp ứng yêu cầu về giải quyết ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Tại Việt Nam, việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đang được quan tâm, đề cập nhiều hơn trong những năm gần đây. Bài viết này tập trung làm rõ một số vấn đề về nền kinh tế tuần hoàn và xu thế phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam trong tình hình mới.

**Từ khoá**: Kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế, phát triển bền vững

**TÀI CHÍNH**

**1. Ảnh hưởng của hành vi hối lộ tới tiếp cận tín dụng: Bằng chứng về hiệu ứng điều chỉnh của sức mạnh đàm phán và sức ép cạnh tranh**/ Lê Thanh Hà, Nguyễn Ngọc Mai, Đào Hạnh Lê// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 2-14.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa hành vi hối lộ và khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp dưới sự điều tiết của sức mạnh đàm phán và mức độ cạnh tranh thị trường. Bằng việc sử dụng dữ liệu doanh nghiệp từ 104 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2010-2019, kết quả cho thấy hối lộ có tác động tích cực tới khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp. Sức mạnh đàm phán đại diện bởi quy mô và trạng thái pháp lý cũng cho thấy tác động của hối lộ là lớn hơn đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn hoặc đã đăng ký chính thức. Kết quả ước lượng theo sức cạnh tranh thị trường chứng minh rằng cạnh tranh đã làm giảm tác động của hối lộ tới tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp. Tác động của hành vi hối lộ trở nên mạnh hơn khi chúng tôi tiến hành sử dụng mô hình biến công cụ để xử lý vấn đề nội sinh trong mô hình.

**Từ khoá**: Hối lộ, tiếp cận tín dụng, sức mạnh đàm phán, sức ép cạnh tranh

**2. Ảnh hưởng của môi trường thông tin doanh nghiệp đối với đồng biến động thanh khoản cổ phiếu**/ Đặng Tùng Lâm// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 19-28.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường thông tin doanh nghiệp đối với đồng biến động thanh khoản cổ phiếu. Sử dụng dữ liệu của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán của 35 quốc gia, kết quả từ nghiên cứu cho thấy môi trường thông tin doanh nghiệp có tương quan nghịch với đồng biến động thanh khoản cổ phiếu. Kết quả này ủng hộ cho quan điểm rằng khi môi trường thông tin của doanh nghiệp minh bạch, nhà đầu tư sẽ có xu hướng giao dịch trên các cổ phiếu đơn lẻ, thay vì theo rổ cổ phiếu để phân tán rủi ro, dẫn đến thanh khoản cổ phiếu ít đồng biến động với thị trường.

**Từ khoá**: Môi trường thông tin doanh nghiệp, thanh khoản cổ phiếu, đồng biến động thanh khoản

**3. Bàn về thực trạng huy động vốn của doanh nghiệp ngành Dược ở Việt Nam**/ Trần Nam Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Hiện nay, việc huy động vốn của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp ngành Dược nói riêng gặp nhiều khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhu cầu dược phẩm cung ứng cho thị trường là rất lớn, đã đặt ra yêu cầu các doanh nghiệp dược phải cải tiến quy trình sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển… để sản xuất ra những sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu của người dân. Bài viết này đánh giá thực trạng huy động vốn của các doanh nghiệp ngành Dược Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh việc huy động vốn cho các doanh nghiệp ngành Dược trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Huy động vốn, tỷ trọng nợ, đại dịch Covid-19

**4. Bảo tồn và sử dụng bền vững vốn tự nhiên ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thị Bích Nguyệt// Ngân hàng .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Khái quát về nội hàm của vốn tự nhiên, tiềm năng và vấn đề sử dụng vốn tự nhiên của Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững vốn tự nhiên ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Vốn tự nhiên, hệ sinh thái, phát triển bền vững

**5. Các yếu tố ảnh hưởng đến công bố thông tin báo cáo bộ phận tại các công ty niêm yết/** Phan Thị Trà Mỹ, Nguyễn huỳnh Nhân// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 35-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc công bố thông tin báo cáo bộ phận tại các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) trong giai đoạn 2017-2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 yếu tố tác động thuận chiều đến công bố thông tin báo cáo bộ phận gồm: Quy mô doanh nghiệp; Số năm hoạt động; Tỷ suất sinh lời; Trình độ chuyên môn về tài chính - kế toán của hội đồng quản trị. Có 2 yếu tố tác động ngược chiều gồm: Chất lượng công ty kiểm toán; Thời gian niêm yết. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra kiến nghị hoàn thiện công bố thông tin báo cáo bộ phận các doanh nghiệp niêm yết.

**Từ khoá**: Mức độ công bố thông tin, báo cáo bộ phận, tài chính - kế toán

**6. Các yếu tố thành công chủ yếu của dự án hợp tác công - tư (PPP): Nghiên cứu thực nghiệm tại tỉnh Đồng Nai**/ Dương Thị Bình Minh, Huỳnh Anh Tú// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 28-54.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định các yếu tố quan trọng nhất quyết định đến sự thành công của mô hình dự án hợp tác công - tư tại (Public-Private Partnership – PPP) tỉnh Đồng Nai. Tổng cộng có 208 phiếu khảo sát hợp lệ được thu thập từ những người công tác trong lĩnh vực liên quan đến dự án PPP ở cả khu vực công lẫn khu vực tư. Sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA), đã xác định được bảy yếu tố quan trọng nhất dẫn đến sự thành công của dự án hợp tác công - tư là: (1) tập trung lãnh đạo, (2) phân bổ rủi ro và chính sách kinh tế, (3) phản hồi từ các dự án, (4) các yếu tố kinh tế - xã hội thuận lợi, (5) quản trị và hỗ trợ chính trị tốt, (6) thời hạn xây dựng ngắn, và (7) cung cấp các dịch vụ công cần thiết. Nghiên cứu này cho thấy các dự án sử dụng phương thức hợp tác công - tư có thể hiệu quả hơn nếu khu vực công và khu vực tư chú ý nhiều hơn đến các yếu tố này trong quá trình thực hiện.

**Từ khoá**: Hợp tác công - tư; Dự án PPP; bằng chứng thực nghiệm; Đồng Nai

**7. Cổ phần hóa lĩnh vực dịch vụ công: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 13-16.

**Nội dung:** Kinh nghiệm một số nước trong thực hiện cổ phần hóa lĩnh vực dịch vụ công; Thực tiễn ngành nghề, lĩnh vực thực hiện cổ phần hóa tại Việt Nam thời gian qua; Một số đề xuất, khuyến nghị.

**Từ khoá:** Xã hội hóa cung ứng dịch ụ công, cổ phần hóa, đơn vị sự nghiệp

**8. Cơ hội của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19/** TS. Trịnh Thị Phan Lan// Ngân hàng .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 29-34.

**Nội dung**: Mặc dù Covid-19 đang ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, bài viết chỉ ra các cơ hội của nhà Việt Nam trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, các nhóm khuyến nghị được đưa ra trên khía cạnh là nhà đầu tư cá nhân và các cơ quan quản lý nhà nước.

**Từ khoá**: Cơ hội, nhà đầu tư, thị trường chứng khoán, Việt Nam, đại dịch Covid-19

**9. Chính sách huy động vốn của các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Phạm Minh Đức// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 118-122.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ chính sách huy động vốn của các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ đó đề ra giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách huy động vốn của các doanh nghiệp này theo định hướng phát triển chiến lược của Ngành.

**Từ khoá**: Chính sách huy động vốn, ngành vật liệu xây dựng, niêm yết, thị trường chứng khoán

**10. Chính sách tài chính đối với kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam**/ Nguyễn Hồng Thắng// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 18-22.

**Nội dung**: Kinh tế tuần hoàn hay kinh tế xanh là xu hướng tất yếu hướng tới của các quốc gia khi nguồn tài nguyên trên thế giới ngày càng cạn kiệt. Việt Nam tuy đạt được những thành quả về phát triển bền vững, nhưng cùng với đó cũng phải đối diện với lượng chất thải phát sinh ngày càng lớn, nguyên liệu thô, nguyên liệu hóa thạch cạn kiệt... Vì vậy, việc lựa chọn nền kinh tế tuần hoàn là yêu cầu tất yếu của Việt Nam nhằm khắc phục hạn chế của mô hình tăng trưởng tuyến tính truyền thống. Bài viết này, tác giả khái quát cơ chế, chính sách chung về kinh tế tuần hoàn; phân tích, làm rõ vai trò của chính sách tài chính đối với phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam; đồng thời, định hướng hoàn thiện chính sách tài chính đối với kinh tế tuần hoàn trong giai đoạn mới.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, tài khóa, kinh tế tuần hoàn, bào vệ môi trường

**11. Chính sách tài chính tạo nguồn lực để phát triển kinh tế bền vững**/ Nguyễn Như Quỳnh// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 45-49.

**Nội dung**: Để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững thì việc đảm bảo nguồn lực cho phát triển có vai trò rất quan trọng. Nghị quyết Đại hội Đảng XIII đã nhấn mạnh việc hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, để đưa nền kinh tế vượt qua khó khăn, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, nguồn lực cho phát triển sẽ phải huy động nhiều hơn và đòi hỏi chính sách tài chính phải có những điều chỉnh cho phù hợp. Trong bối cảnh đó, ngành Tài chính đã chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách tài chính-ngân sách nhà nước, góp phần tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và tạo nguồn lực phát triển kinh tế bền vững.

**Từ khoá**: Chính sách tài chính, nguồn lực, phát triển kinh tế bền vững

**12. Chính sách tài khóa nhằm đưa nền kinh tế vượt qua đại dịch COVID-19**/ Tô Trung ThànhHoàng Xuân Quế// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 14-20.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng áp dụng chính sách tài khóa tại Việt Nam với kinh nghiệm thực tiễn từ các nước trên thế giới trong năm 2020 và 2021 nhằm đối phó với đại dịch Covid-19. Việc điều hành chính sách tài khóa tại Việt Nam thời gian qua tương đối nhanh nhạy, góp phần tháo gỡ khó khăn của nền kinh tế, hỗ trợ cho nhiều hộ gia đình và cá nhân, kích cầu tiêu dùng và đầu tư, tạo đà tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, một số gói hỗ trợ còn chậm và nhiều vướng mắc. Do đó, để thúc đẩy hơn nữa hiệu quả của các gói hỗ trợ tài khóa trong thời gian tới, tác giả đã đưa ra một số giải pháp về điều hành chính sách tài khóa trong thời gian tới như hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc với các gói tài khóa và đầu tư công; tăng cường hỗ trợ thanh khoản cho doanh nghiệp; áp dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ đối với các cá nhân, hộ gia đình; cơ cấu lại nền kinh tế nhằm huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả.

**Từ khoá**: Chính sách tài khóa, An sinh xã hội, Covid-19, Đầu tư công, thuế

**13. Chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ của các nước trên thế giới nhằm ứng phó với đại dịch Covid-19 và hàm ý chính sách**/ ThS. Nguyễn Thiện Đức// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 54-57.

**Nội dung**: Trình bày hậu quả của đại dịch Covid-19 với kinh tế thế giới; Các nước đã ứng phó với đại dịch Covid-19 bằng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ như thế nào?; Kết luận và hàm ý chính sách.

**Từ khoá**: Chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, đại dịch Covid-19

**14. Chính sách tiền tệ trong bối cảnh nền kinh tế bị tác động mạnh bởi đại dịch COVID 19**/ Hoàng Xuân Quế// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr. 48-54.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích thực trạng điều hành chính sách tiền tệ trong vài năm gần đây, đặc biệt là năm 2020 và 2021 khi nền kinh tế Việt Nam đối mặt với đại dịch Covid-19. Với những diễn biến khó lường của nền kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch, tuy nhiên có thể nói chính sách tiền tệ đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam điều hành khá linh hoạt và chủ động. Vì vậy, đã góp phần ổn định hệ thống tài chính cũng như góp phần tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi làn sóng dịch lần thứ tư ập đến và gây hệ lụy vô cùng nặng nề về nhiều mặt, cả về kinh tế cũng như an sinh xã hội… trên phạm vi toàn quốc thì chính sách tiền tệ đã bộc lộ một số bất cập: tỷ lệ dự trữ bắt buộc mặt dù đã được hạ thấp nhưng vẫn còn ở mức cao, hạn mức tín dụng được duy trì quá lâu dẫn đến tình trạng xin cho room tín dụng… Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp về điều hành chính sách tiền tệ phù hợp với điều kiện mới, thí dụ hạ thấp dự trữ bắt buộc xuống 0,5% cho 2 tháng cuối năm 2021, giảm tiếp 0,5% trong quý I/2022, đồng thời bỏ hạn mức tín dụng đang duy trì bấy lâu nay.

**Từ khoá**: Covid-19, lạm phát, vốn tín dụng, thị trường tiền tệ, chính sách tiền tệ

**15. Chính sách tiền tệ và sự điều chỉnh đầu tư công ty**/ Phùng Đức Nam, Nguyễn Thị Diễm Kiều// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 32-56.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu phân tích vai trò điều tiết của chính sách tiền tệ đến sự điều chỉnh đầu tư công ty dưới góc độ bất cân xứng trong các giai đoạn trạng thái chính sách khác nhau và tính không đồng nhất trong tác động đối với các doanh nghiệp có mức độ nắm giữ tiền mặt khác nhau. Bằng chứng về ảnh hưởng bất cân xứng của chính sách tiền tệ đến sự điều chỉnh đầu tư công ty được tìm thấy thông qua cả kênh tiền tệ lẫn kênh tín dụng. Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể trong khả năng điều tiết của các kênh truyền dẫn này trong giai đoạn chính sách tiền tệ nới lỏng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự suy giảm trong tác động của chính sách tiền tệ đến sự điều chỉnh đầu tư tại các công ty có mức độ nắm giữ tiền mặt cao hơn. Qua đó thể hiện vai trò quan trọng của nắm giữ tiền mặt trong việc giảm thiểu các tác động từ môi trường bên ngoài đến các quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Đồng thời, cung cấp các bằng chứng đầu tiên về tính không đồng nhất trong tác động của chính sách tiền tệ đến sự điều chỉnh đầu tư ở các công ty với các đặc điểm khác nhau.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, Điều chỉnh đầu tư công ty, Tác động bất cân xứng, Nắm giữ tiền mặt

**16. Dân trí tài chính - nhận diện các nhân tố ảnh hưởng**/ Đặng Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Đặng Hải Yến// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 18(579) .- Tr. 22-28.

**Nội dung**: Bài viết xác định các nhân tố ảnh hưởng đến dân trí tài chính từ đó đưa ra các đề xuất nhằm gia tăng DTTC cho người dân là rất cần thiết trong bối cảnh chính phủ muốn thúc đẩy tài chính toàn diện hiện nay.

**Từ khoá**: Dân trí tài chính, tài chính toàn diện, nhân tố ảnh hưởng

**17. Dòng tiền và kiệt quệ tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Tiếp cận theo phương pháp BAYES**/ Đỗ Thị Vân Trang, Phan Thùy Dương, Đinh Hồng Linh// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 32-39.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá ảnh hưởng của dòng tiền đến kiệt quệ tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2020. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu đều được thu thập từ báo cáo tài chính của 531 doanh nghiệp niêm yết trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội trong giai đoạn 2010 - 2020 từ cơ sở dữ liệu FiinPro. Phương pháp hồi quy Bayes được sử dụng để phân tích ảnh hưởng của dòng tiền đến kiệt quệ tài chính của các doanh nghiệp. Kết quả phân tích cho thấy doanh nghiệp có dòng tiền hoạt động kinh doanh, dòng tiền hoạt động đầu tư, dòng tiền hoạt động tài chính gia tăng làm giảm nguy cơ xảy ra kiệt quệ tài chính của các doanh nghiệp. Trên cơ sở kết quả thực nghiệm, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có chính sách quản trị dòng tiền phù hợp để giảm nguy cơ xảy ra kiệt quệ tài chính.

**Từ khoá**: Dòng tiền, kiệt quệ tài chính, phương pháp Bayes

**18. Đa dạng hóa nguồn thu tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Mai Ngọc Anh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 74-83.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu các nguồn hình thành nên tổng thu tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Trung Quốc hiện nay. Kết quả nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ giữa gia tăng nguồn thu với sự biến đổi vị thế giáo dục đại học của Trung Quốc trên bảng xếp hạng quốc tế, góp phần đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới. Nghiên cứu cũng chỉ những vấn đề phát sinh từ thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính ở các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc, từ phân bổ nguồn ngân sách không đồng đều giữa các cơ sở giáo dục đại học đến bất bình đẳng về học phí giữa các nhóm sinh viên. Một số khuyến nghị về học phí, tài trợ thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu, đa dạng hoá nguồn thu dịch vụ đối với các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam được nêu ra dựa trên bài học kinh nghiệm của Trung Quốc.

**Từ khoá**: Cơ sở giáo dục đại học, chi phí đào tạo, phân bổ ngân sách nhà nước

**19. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế biển ở Việt Nam**/ Lê Minh Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Trình bày đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển kinh tế biển ở Việt Nam; Vấn đề đặt ra và một số khuyến nghị.

**Từ khóa:** Đầu tư, ngân sách nhà nước, kinh tế biển, cơ sở hạ tầng giao thông

**20. Đầu tư xanh cho phát triển bền vững: Nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp Việt Nam/** Vũ Thị Thanh Thủy, Đỗ Hồng Nhung// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 42-51.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích thực trạng, cơ sở tiền đề xây dựng nhận thức và hoạt động đầu tư xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam. Chính phủ coi trọng tâm cho phát triển đầu tư xanh tại Việt Nam là cần thiết. Bằng việc khảo sát nhận thức về đầu tư xanh và phát triển bền vững của các doanh nghiệp, nghiên cứu tiến hành phân tích những điều kiện cần thiết cho phát triển đua tư xanh để phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt Nam. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị phát triển đầu tư xanh cho phát triển bền vững của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh, đầu tư xanh, trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững

**21. Định giá cổ phiếu bằng mô hình nhị thức**/ TS. Hồ Công Hưởng// Ngân hàng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 25-31.

**Nội dung**: Phân tích cấu trúc cổ phiếu có quyền chọn; Định giá trái phiếu có quyền chọn bằng mô hình nhị thức; Kết luận.

**Từ khoá**: Định giá cổ phiếu, mô hình nhị thức

**22. Đổi mới hoạt động giám sát gắn với trách nhiệm các bên liên quan trong giải ngân vốn đầu tư công**/ Phạm Tiến Đạt, Nguyễn Văn Vẹn// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Đầu tư công là một trong những yếu tố của tổng cầu đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Quản lý đầu tư công hiệu quả thể hiện qua giải ngân đúng tiến độ theo quy định pháp luật. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, ưu tiên hàng đầu ở mỗi quốc gia. Giải pháp tăng cường giám sát, nâng cao trách nhiệm các bên liên quan tham gia vào quá trình giải ngân vốn đầu tư công là một mắt xích của đầu tư công, có ý nghĩa quan trọng góp phần quyết định thành công hoạt động đầu tư công và tăng trưởng kinh tế quốc gia. Tại Việt Nam, tăng cường đổi mới hoạt động giám sát gắn với trách nhiệm các bên liên quan trong giải ngân vốn đầu tư công cũng là vấn đề được quan tâm trong thời gian qua.

**Từ khoá**: Đầu tư công, giám sát, quản lý đầu tư công hiệu quả, giải ngân

**23. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam**/ Trần Văn Bình// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Những năm qua, Việt Nam đã có nhiều cơ chế, chính sách thông thoáng để thu hút đầu tư nước ngoài. Hiện nay, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có mặt ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Khái quát về các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bài viết phân tích những tồn tại, hạn chế của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và đưa ra giải pháp để loại hình doanh nghiệp này hoạt động hiệu quả hơn trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp FDI, nhà đầu tư, gian lận thương mại

**24. Giải pháp tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng bền vững tại Thanh Hoá**/ Trần Anh Chung// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 86-89.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu về thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2010–2020 trong mối quan hệ phát triển với vùng kinh tế Bắc Trung Bộ và cả nước. Bằng các phương pháp phân tích, thống kê, so sánh hệ thống cơ sở số liệu thứ cấp của tỉnh Thanh Hoá, bài viết đã chỉ ra những thành công và hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tại tỉnh Thanh Hoá. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp tài chính nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng bền vững tại Thanh Hoá thời gian tới.

**Từ khoá**: Cơ cấu kinh tế, tài chính, kinh tế ngành, Thanh Hóa

**25. Hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp bất động sản công nghiệp ở Việt Nam**/ Nguyễn Tuấn Phong// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 53-57.

**Nội dung**: Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là một vấn đề cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết hệ thống hoá lý luận cơ bản về vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đánh giá thực trạng sử dụng vốn của các doanh nghiệp bất động sản công nghiệp ở Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp giúp các doanh nghiệp này nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong tương lai.

**Từ khoá**: Bất động sản, vốn kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn

**26. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về đầu tư tại Việt Nam**/ Phạm Văn Hùng// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 24-31.

**Nội dung**: Sau 35 năm đổi mới, cơ chế quản lý nhà nước về đầu tư đã từng bước hoàn thiện và có những bước tiến dài. Hoạt động đầu tư đã có những kết quả, thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, so với yêu cầu của sự phát triển trong bối cảnh mới thì cơ chế đầu tư hiện hành vẫn bộc lộ những điểm hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu để hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động đầu tư trong thời gian tới là hết sức cần thiết. Bài viết này sẽ hệ thống hóa quá trình hoàn thiện cơ chế chế quản lý đầu tư của Việt nam từ khi thực hiện đổi mới đến nay. Đánh giá những kết quả tích cực, phân tích các hạn chế, phát hiện những nguyên nhân để từ đó đưa ra các giải pháp về cơ chế chính sách cho thời gian tới. Trong các giải pháp, giải pháp tạo cơ chế giải quyết tranh chấp trong đầu tư quốc tế cần được quan tâm đặc biệt do hoạt động đầu tư quốc tế đã, đang và sẽ ngày càng gia tăng cả về quy mô và mức độ phức tạp.

**Từ khoá**: Đầu tư, luật đầu tư, cơ chế quản lý nhà nước đầu tư

**27. Hoàn thiện chính sách phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam/** Phạm Văn Hiếu// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 9-11.

**Nội dung**: Phát hành trái phiếu doanh nghiệp là một trong các kênh huy động vốn của các doanh nghiệp. Quan điểm của Việt Nam là phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp để hỗ trợ các loại hình doanh nghiệp huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, giảm bớt sự phụ thuộc vào kênh tín dụng ngân hàng. Theo đó, thời gian qua, khung pháp lý về phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã được cơ quan quản lý tập trung hoàn thiện để phù hợp với sự phát triển của thị trường trong từng thời kỳ, tăng cường tính công khai minh bạch trong quá trình huy động vốn trái phiếu của các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, huy động vốn, tín dụng ngân hàng, khung khổ pháp lý

**28. Kết quả thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 và định hướng giai đoạn 2021-2030**/ Nguyễn Như Quỳnh// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Chiến lược tài chính đến năm 2020 đã đem lại những kết quả tích cực, góp phần hoàn thiện thể chế tài chính – ngân sách nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường tiềm lực tài chính nhà nước và đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia... Bên cạnh các kết quả đạt được, cũng có một số hạn chế đòi hỏi Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030 phải có những đột phá và đổi mới để tiếp tục phát huy vai trò của tài chính trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

**Từ khoá**: Chiến lược tài chính, tài chính, ngân sách nhà nước

**29. Kinh nghiệm quốc tế về quy trình thực thi các công cụ chính sách an toàn vĩ mô và gợi ý cho Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Vĩnh Hưng và nhóm nghiên cứu// Ngân hàng .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 48-55.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm chính sách an toàn vĩ mô; Các công cụ chính sách an toàn vĩ mô; Kinh nghiệm quốc tế về quy trình thực thi các công cụ chính sách an toàn vĩ mô; Một số đề xuất.

**Từ khoá**: Quy trình thực thi, công cụ chính sách an toàn vĩ mô

**30. Kho bạc Nhà nước điều hành ngân quỹ nhà nước an toàn, minh bạch và hiệu quả**/ Lưu Hoàng// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 78-80.

**Nội dung**: Năm 2021, bám sát chủ trương của Đảng, Nhà nước và định hướng Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước giai đoạn 2021-2030, Kho bạc Nhà nước triển khai đồng bộ các giải pháp, hướng tới mục tiêu quản lý ngân quỹ nhà nước chủ động theo nguyên tắc thị trường. Từ đó, gắn kết chặt chẽ công tác huy động vốn trái phiếu chính phủ với quản lý ngân quỹ, với mục tiêu tái cơ cấu nợ, góp phần bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

**Từ khoá**: Kho bạc Nhà nước, điều hành ngân quỹ nhà nước, an toàn, minh bạch và hiệu quả

**31. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ trực tiếp trong quản lý dòng tiền của đơn vị hành chính, sự nghiệp**/ Trần Anh Chung// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 61-64.

**Nội dung**: Khái quát việc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị giải pháp đối với lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tuyến trong quản lý dòng tiền tệ của đơn vị hành chính sự nghiệp

**Từ khoá**: Hành chính sự nghiệp, báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ

**32. Linh hoạt chính sách tài khóa và tiền tệ, thực hiện hiệu quả mục tiêu kép**/ Phạm Chí Quang// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 37-40.

**Nội dung**: Năm 2021, Chính phủ Việt Nam tiếp tục thực hiện mục tiêu kép: Vừa chống phòng, chống dịch bệnh, vừa đảm bảo phát triển kinh tế. Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, linh hoạt trong quản lý, điều hành các chính sách tài chính-tiền tệ, ứng phó kịp thời với diễn biến bất lợi và các cú sốc thị trường, nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: Chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, hiệu quả mục tiêu kép

**33. Năng lực của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán Việt Nam : thực trạng và một số giải pháp cải thiện**/ Đặng Công Hoàn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 24(585) .- Tr. 38-45.

**Nội dung**: Bài viết muốn thể hiện một góc nhìn về những điểm hạn chế của nhà đầu tư cá nhân Việt Nam hiện nay cũng như đề xuất một số giải pháp để cải thiện tình hình này nhằm bảo vệ các nhà đầu tư cá nhân và cũng là bảo vệ sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, nhà đầu tư cá nhân

**34. Nâng cao hiệu quả giám sát thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Huyền// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Trên thị trường chứng khoán, lạm dụng thị trường là hành vi vi phạm/cố ý vi phạm tính toàn vẹn của thị trường và là nguyên nhân của mất cân đối cung - cầu tự nhiên thông qua các hành vi giao dịch không công bằng, thao túng giá, lạm dụng thông tin đặc quyền, tạo ra các điều kiện thị trường không công bằng và lừa dối các bên tham gia thị trường. Theo thời gian, những hành vi trên cùng những tiến bộ công nghệ có thể tác động mạnh đến tính thanh khoản của thị trường. Các cơ quan quản lý trên toàn cầu cũng như tại Việt Nam đã và đang đầu tư vào khả năng tăng cường giám sát, phát triển các công cụ, kỹ thuật; ban hành quy định giám sát cao để phòng, chống các hành vi vi phạm…

**Từ khoá**: Giám sát thị trường, thị trường chứng khoán

**35. Nâng cao hiệu quả bảo vệ người tiêu dùng tài chính ở Việt Nam**/ Tôn Thu Hiền, Đinh Thị Thanh Vân// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 16-19.

**Nội dung:** Bảo vệ người tiêu dùng tài chính có thể là bất kỳ hoạt động, hành động hoặc tập hợp các quy tắc nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro của thị trường tài chính và những tổn thất tiềm ẩn đối với người tiêu dùng liên quan đến việc mua và sử dụng bất kỳ sản phẩm hoặc dịch vụ tài chính, hoặc đối với mối quan hệ giữa khách hàng và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính. Bảo vệ người tiêu dùng tài chính có ý nghĩa không chỉ với cá nhân người tiêu dùng mà còn có vai trò quan trọng với nền kinh tế của mỗi quốc gia. Bài viết đánh giá thực trạng bảo vệ người tiêu dùng tài chính ở Việt Nam, qua đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ người tiêu dùng tài chính ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Bảo vệ người tiêu dùng, người tiêu dùng, tài chính, doanh nghiệp

**36. Nâng cao hiệu quả tự chủ tài chính ở các trường đại học công lập Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thủy// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tình hình thực hiện tự chủ về tài chính ở các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay. Kết quả cho thấy, việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đã giúp các trường chủ động quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm và hiệu quả; tăng nguồn thu ngoài ngân sách thông qua đa dạng hóa hoạt động sự nghiệp, liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các trường hiện nay vẫn gặp phải khó khăn, vướng mắc từ cơ chế, chính sách cho đến quá trình triển khai. Nghiên cứu thực trạng triển khai cơ chế tự chủ tài chính ở các trường đại học công lập Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện tự chủ tài chính ở các trường này.

**Từ khoá**: Tự chủ tài chính, tự chủ đại học, giáo dục đại học, đại học công lập

**37. Nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro tại các Quỹ tín dụng nhân dân**/ Hồ Thị Ngọc Tuyền, Trịnh Thị Thu Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân đã không ngừng lớn mạnh cả về quy mô và số lượng, góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế-xã hội, giúp khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước về phát triển loại hình kinh tế hợp tác trong lĩnh vực tiền tệ. Tuy nhiên, hoạt động của các quỹ này còn tồn tại những yếu kém nhất định cần khắc phục. Bài viết phân tích hoạt động và quản lý rủi ro tại các Quỹ Tín dụng nhân dân giai đoạn 2015- 2020 và đưa ra một số giải pháp, khuyến nghị nhằm hạn chế rủi ro, góp phần hoàn thiện cơ chế và quy chế cho hệ thống quản lý Quỹ tín dụng nhân dân.

**Từ khoá**: Rủi ro, kiểm soát rủi ro, quỹ tín dụng nhân dân

**38. Nâng cao vai trò của các tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp**/ TạThị Bích Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Trong thời gian qua, các tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã dần được hình thành, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường. Bài viết này nhằm đánh giá vai tròcủa các tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp hiện nay, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghịđể hoàn thiện khung khổpháp lý, nâng cao vai tròcủa các tổ chức này đối với sự phát triển của thịtrường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Thị trường trái phiếu doanh nghiệp, chính sách, cơ chế giám sát

**39. Nghiên cứu rủi ro thanh khoản trong dự án đầu tư**/ Thái Hồng Thụy Khánh, Nguyễn Cao Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Việc thẩm định tính khả thi tài chính là một tiêu chí quan trọng trong việc huy động tài trợ của các bên liên quan góp vốn vào dự án đầu tư, song việc nghiên cứu rủi ro thanh khoản là một khoảng trống nghiên cứu của lý thuyết đầu tư. Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung nghiên cứu rủi ro thanh khoản trong các dự án đầu tư giúp hoàn thiện khoảng trống nghiên cứu về chi phí sử dụng vốn bình quân và đòn bẩy tài chính trong lý thuyết đầu tư, góp phần tăng bền vững trong việc thẩm định nguồn tài trợ một cách tối ưu cho dự án đầu tư.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, đòn bẩy tài chính, phương pháp chiết khấu

**40. Những vấn đề đặt ra trong phân cấp quản lý ngân sách nhà nước**/ Nguyễn Minh Tân// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nêu rõ, đổi mới phân cấp quản lý ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, phù hợp với trình độ phát triển nền kinh tế; bảo đảm tính thống nhất của nền tài chính quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước, phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương và các ngành trong việc quản lý ngân sách đã được phân cấp… Để hiểu rõ hơn về chủ trương trên, bài viết khái quát thực trạng phân cấp quản lý ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, những tồn tại, hạn chế, từ đó đề xuất một số kiến nghị trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khoá**: Quản lý ngân sách nhà nước, năng cao hiệu lực, hiệu quả, nền tài chính quốc gia

**41. Những xu hướng trên thị trường thanh toán/** Nguyễn ANh Tuấn (TH)// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 70-72.

**Nội dung**: Số hóa, thương mại điện tử và thay đổi thói quen thanh toán; Thị trường thanh toán đứt gãy, thẻ tín dụng đối mặt sự cạnh tranh với Mua ngay trả sau-BNPL; Thanh toán B2B trong Tầm ngắm của Fintech; Các công ty công nghệ lớn nhòm ngó thị trường thanh toán; Tiễn kỹ thuật số sẽ định hình lại các khoản thanh toán; Hiện đại hóa, hợp tác để tiến lên.

**Từ khoá:** Những xu hướng, thị trường thanh toán

**42. Phát huy vai trò kênh dẫn vốn quan trọng của thị trường trái phiếu doanh nghiệp**/ Nguyễn Đức Độ// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 16-19.

**Nội dung**: Trong vài năm trở lại đây, thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam có sự tăng trưởng vượt bậc. Riêng trong 10 tháng năm 2021, khối lượng phát hành đạt trên 458 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, sự phát triển nóng của thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang tiềm ẩn nhiều rủi ro cho nhà đầu tư. Để thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững, phải kiểm soát được rủi ro cho người tham gia, nhất là nhà đầu tư cá nhân. Bài viết nhận diện những vấn đề tồn tại trong quá trình phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả vai trò của thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, kênh dẫn vốn, nhà đầu tư, an toán tài chính

**43. Phát triển bảo hiểm vi mô tại Việt Nam**/ Nguyễn Thế Bính// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 24(585) .- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Bài viết sẽ phân tích những vấn đề đặt ra cần giải quyết để bảo hiểm vi mô thực sự trở thành lưới đỡ an sinh cho các đối tượng yếu thế như người nghèo, người dân ở vùng khó khăn, người dân tộc thiểu sô, người nông dân trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo bền vững tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Phát triển, bảo hiểm vi mô, Việt Nam

**44. Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại một số quốc gia ở châu Á**/ Võ Lê Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 28-31.

**Nội dung:** Ở các quốc gia châu Á, nhất là khu vực ASEAN+3, huy động vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã trở thành kênh huy động vốn lớn trong mối tương quan với kênh vay vốn từ ngân hàng và kênh huy động vốn cổ phần qua thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, quá trình xây dựng, quy mô phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp ở mỗi quốc gia là khác nhau. Bài viết tìm hiểu chính sách phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp ở một số nước ở châu Á, từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm nhằm giúp Việt Nam phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp công khai, minh bạch, bền vững trong tương lai.

**Từ khoá**: Thị trường, trái phiếu doanh nghiệp, các quốc gia, kinh nghiệm

**45. Phát triển tín dụng xanh góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam**/ Trần Thị Xuân Anh, Trần Thị Thu Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 23-27.

**Nội dung**: Kinh tế tuần hoàn là xu thế tất yếu và đã được xác định là mục tiêu mà Việt Nam hướng tới. Thực hiện kinh tế tuần hoàn thể hiện trách nhiệm quốc tế của Việt Nam trong vấn đề bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, hỗ trợ doanh nghiệp giảm rủi ro về khủng hoảng thừa sản phẩm, khan hiếm tài nguyên, tạo động lực để đầu tư, đổi mới công nghệ. Nhiều cơ chế, chính sách đã được Việt Nam ban hành nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, trong đó có phát triển tín dụng xanh. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển tín dụng xanh ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển tín dụng xanh góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế tuần hoàn, tín dụng xanh

**46. Phối hợp chính sách tài khóa - tiền tệ trước ảnh hưởng của dịch Covid-19**/ ThS. Hồ Ngọc Tú// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 10-13.

**Nội dung**: Trình bày kết quả đạt được trong điều hành CSTK, CSTT trong thời gian qua; Hạn chế, nguyên nhân; Các giải pháp về hhois hợp chính sách tài khóa - tiền tệ.

**Từ khoá:** Chính sách tài khóa - tiền tệ, dịch Covid-19

**47. Quản lý thu ngân sách Nhà nước của hải quan Việt Nam trong thời đại công nghệ 4.0**/ Trần Nguyễn Khánh Hải, Nguyễn Thị Huyền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 54-55,60.

**Nội dung**: Nghiên cứu mục tiêu, phân tích thực trạng quản lý thu ngân sách NN của hải quan Việt Nam, trong thời đại công nghệ 4.0: phương pháp thu thập số liệu thứ cấp; phương pháp phân tích so sánh; phương pháp thu thập thông tin; phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu này. Từ thực trạng, nghiên cứu này cũng đưa ra những gợi ý, kiến nghị đến các nhà hoạch định chính sách nhằm nâng cao quản lý thu NSNN của ngành hải quan trong thười đại công nghệ 4.0.

**Từ khoá**: Quản lý thu ngân sách, thời đại công nghệ 4.0

**48. Sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi hỗ trợ chính sách đất đai : thực trạng và giải pháp/** PGS.TS Phạm Ngọc Dũng// Ngân hàng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 6-11.

**Nội dung**: Trình bày kết quả đạt được việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi hỗ trợ chính sách đất đai tại Việt Nam; Những bất cập, hạn chế trong việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi hỗ trợ chính sách đất đai tại Việt Nam; Một số giải pháp nhằm sử dụng vốn ngân sách nhà nước chi hỗ trợ chính sách đất đai tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Sử dụng vốn, ngân sách nhà nước, chi hỗ trợ chính sách đất đai

**49. Tác động của các biến vĩ mô lên độ biến động thị trường chứng khoán – Nghiên cứu thực nghiệm sử dụng mô hình GARCH-MIDAS tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Minh, Hoàng Thị Thu Hà// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 15-24.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu vai trò của các biến vĩ mô lên độ biến động dài hạn của chỉ số thị trường chứng khoán Việt Nam sử dụng mô hình GARCH-MIDAS – là mô hình cho phép nghiên cứu độ biến động sử dụng kết hợp các biến số có tần suất khác nhau. Phân tích thực nghiệm cho thấy các biến vĩ mô, nhìn chung, có tác động đáng kể đến độ biến động dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Đặc biệt, kết quả cho thấy vai trò của các biến vĩ mô trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thế giới thấp hơn rất nhiều so với các thời kỳ khác. Thậm chí trong thời kỳ này, vai trò của các biến này là không có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, vai trò của các biến vĩ mô cũng khá khác nhau, trong khi lãi suất có ảnh hưởng mạnh hơn nhưng tăng trưởng lại có tác động lâu dài hơn tới độ biến động dài hạn. Kết quả thực nghiệm cũng chỉ ra các biến vĩ mô có ảnh hưởng mạnh hơn tới chỉ số HNX-Index so với chỉ số VN-Index.

**Từ khoá**: Biến vĩ mô, Độ biến động, GARCH-MIDAS, HNX-Index, VN-Index

**50. Tác động của nợ công đến đầu tư của các doanh nghiệp : bằng chứng thực nghiệm tại một số nước ASEAN**/ Nguyễn Thành Đạt, Hoàng Dương Việt Anh, Võ Thị Mỹ Hạnh// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr. 67-76.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của nợ công đến hoạt động đầu tư của các công ty tại các nước ASEAN trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015. Kết quả hồi quy dựa trên dữ liệu bảng đã cho thấy nợ công có tác động đáng kể đến hoạt động đầu tư của các công ty ở các nước ASEAN. Cụ thể, khi nợ công gia tăng sẽ làm giảm tỷ lệ đầu tư của các công ty trong mẫu nghiên cứu. Theo đó, khi nợ công tăng cao sẽ gây ra hiệu ứng lấn át và tạo ra áp lực lên lãi suất dẫn đến gia tăng chi phí vay đối với các công ty sử dụng nhiều nguồn vốn bên ngoài, do đó làm giảm đầu tư công ty. Kết quả nghiên cứu còn tìm thấy hoạt động đầu tư của công ty cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như tốc độ tăng trưởng doanh thu, dòng tiền hoạt động và tốc độ tăng trưởng GDP.

**Từ khoá**: Nợ công, đầu tư của doanh nghiệp, các nước ASEAN

**51. Tác động của nợ hộ gia đình đến ổn định tài chính vĩ mô**/ Đỗ Thị Hà Thương, Phan Minh Anh, Nguyễn Huy Toàn// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của vay nợ hộ gia đình trong hệ thống tổ chức tín dụng đến ổn định vĩ mô và ổn định hệ thống tài chính. Sử dụng dữ liệu quý trong giai đoạn 2011-2020, kết quả nghiên cứu cho thấy: 1. qua mô hình véc-tơ tự hồi quy (VAR) và hàm phảm ứng, tăng trưởng tín dụng của hộ gia đình dẫn đến tăng trưởng GDP thực trong khoảng 01 năm; 2. Qua mô hình tự hiệu chỉnh sai số (VECM), tín dụng hộ gia đình có quan hệ ngược chiều đối với độ lệch TD/GDP trong dài hạn, tác động lên tăng trưởng GDP thực trong dài hạn không rõ rệt. Bài viết đưa ra một số hàm ý chính sách để kiểm soát vay nợ của cá nhân/ hộ gia đình nhằm duy trì an toàn, lành mạnh của hệ thống TCTD.

**Từ khoá**: Nợ hộ gia đình, ổn định vĩ mô, ổn định hệ thống tài chính

**52. Tác động của tỷ giá hối đoái đến cán cân thương mại của Việt Nam giai đoạn 2008-2020/** Nguyễn Phạm Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Tỷ giá hối đoái luôn có mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế đặc biệt là cán cân thương mại. Sự thay đổi của cán cân thương mại do biến động của tỷ giá là một vấn đề quan trọng và cơ bản trong chính sách kinh tế vĩ mô. Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu và thảo luận về chính sách tỷ giá hối đoái trong giai đoạn 2008-2020 và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách tỷ giá với mục tiêu cải thiện tình hình xuất khẩu và nhập khẩu hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng.

**Từ khoá**: Tỷ giá hối đoái, cán cân thương mại, xuất nhập khẩu, đường cong 5

**53. Tác động của thanh khoản cổ phiếu đến tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn : trường hợp các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**/ Võ Thị Thúy Anh, Phan Trần Minh Hưng// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 32-41.

**Nội dung:** Nghiên cứu này đánh giá sự tác động của thanh khoản cổ phiếu đến tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn, sử dụng phương pháp ước lượng mô men tổng quát hệ thống (SGMM) với bộ dữ liệu các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ năm 2007 đến 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối tương quan cùng chiều giữa thanh khoản cổ phiếu và tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn. Kết quả nghiên cứu này chỉ ra vai trò tích cực của thanh khoản cổ phiếu trong cải thiện thông tin bất cân xứng và chất lượng quản trị công ty.

**Từ khoá:** Tốc độ điều chỉnh cấu trúc vốn, cấu trúc vốn, thanh khoản cổ phiếu, mô hình động

**54. Tác động phi tuyến của phát triển tài chính lên tăng trưởng kinh tế**/ Nguyễn Khắc Quốc Bảo, Huỳnh Thị Thúy Vy, Phạm Dương Phương Thảo// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 54-80.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu phân tích tác động của phát triển tài chính lên tăng trưởng kinh tế bằng cách sử dụng ước lượng mô hình nhóm trung bình (MG-ARDL) và mô hình nhóm trung bình gộp (PMG-ARDL) với đa thức bậc hai tại 33 quốc gia trong giai đoạn 2004-2017. Kết quả nghiên cứu đã giải thích được các mâu thuẫn trước đây khi phân tích tác động của phát triển tài chính lên tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi tìm thấy lý do tại sao phát triển tài chính có tác động tích cực (tác động tổng thể cũng như tác động của thành phần độ sâu tài chính, tính hiệu quả và tính ổn định của thị trường tài chính gây ra), tác động tiêu cực (là do tác động theo dạng hình chữ U của độ sâu tài chính và tính hiệu quả của các định chế tài chính gây ra) và không tìm thấy mối quan hệ giữa phát triển tài chính lên tăng trưởng kinh tế (là do khả năng tiếp cận tài chính trong dài hạn). Các nhà hoạch định chính sách tại mỗi quốc gia có thể dựa trên các kết quả thực nghiệm trong bài nghiên cứu để đưa ra các hàm ý chính sách trong việc hoàn thiện hệ thống tài chính của quốc gia mình.

**Từ khoá**: Chỉ số phát triển tài chính, U-test, tăng trưởng kinh tế, phát triển tài chính

**55. Tài chính xanh cho phát triển kinh tế bền vững : một số kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ TS. Hà Huy Tuấn// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Bài viết tổng hợp một số kinh nghiệm quốc tế về tài chính xanh cho phát triển bền vững, từ đó đề ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khoá**: Tài chính xanh, phát triển kinh tế bền vững, chính sách

**56. Tăng cường vai trò của dự trữ quốc gia trong bối cảnh đại dịch COVID-19/** Đỗ Việt Đức// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 87-89.

**Nội dung**: Thời gian qua, đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt của đời sống, kinh tế - xã hội, trong đó có ngành Dự trữ Nhà nước. Tuy nhiên, được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Chính phủ, Bộ Tài chính, ngành Dự trữ Nhà nước đã nỗ lực, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, qua đó khẳng định vị trí, vai trò của dự trữ quốc gia (DTQG) trong việc đảm bảo an sinh, trật tự, an toàn xã hội.

**Từ khoá**: Vai trò, dự trữ quốc gia, đại dịch COVID-19

**57. Tiền kỹ thuật số tại Việt Nam : thuận lợi và thách thức**/ Ths. Nguyễn Minh Trí// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Trình bày những vấn đề về tiền kỹ thuật số tại Việt Nam; Thuận lợi trong phát triển tiền kỹ thuật số; Những rào cản và khó khăn; Khuyến nghị.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, thuận lợi, khó khăn

**58. Tổng quan và định hướng phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Dương// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 6-8.

**Nội dung**: Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu hình thành từ năm 2000, nhưng chỉ thực sự phát triển mạnh khi Nghị định số 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp được ban hành và có hiệu lực. Với tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2011-2020 là trên 24%/năm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam trở thành kênh huy động vốn trung, dài hạn quan trọng cho nhiều loại hình doanh nghiệp. Bài viết phân tích lợi ích của việc huy động vốn bằng phát hành trái phiếu doanh nghiệp; đánh giá tình hình phát triển và định hướng đặt ra đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2030.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, huy động vốn, doanh nghiệp, xếp hạng tín nhiệm

**59. Thanh toán trực tuyến dịch vụ công cho Chính phủ điện tử tại Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ ThS. Đào Minh Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng// Ngân hàng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 12-20.

**Nội dung**: Thực trạng triển khai thanh toán trực tuyến dịch vụ công cho Chính phủ điện tử tại Việt Nam; Định hướng phát triển dịch vụ thanh toán trực tuyến dịch vụ công cho Chính phủ điện tử - Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Thanh toán trực tuyến, dịch vụ công, Chính phủ điện tử, Việt Nam

**60. Thị trường chứng khoán Việt Nam khẳng định kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế**/ Trần Văn Dũng// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 83-85.

**Nội dung**: Trải qua 21 năm phát triển, thị trường chứng khoán (TTCK) đã luôn khẳng định sức vươn lên mạnh mẽ và thực sự trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho phát triển kinh tế Việt Nam. Đặc biệt trong năm 2021, khi nền kinh tế nói chung và TTCK nói riêng phải chống chịu với những khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra, tổng mức huy động vốn trên thị trường vẫn tăng 25% so với năm trước. Điều đó cho thấy, TTCK Việt Nam ngày càng thu hút sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, kênh huy động vốn, nền kinh tế

**61. Thị trường tài chính toàn cầu năm 2021 và những vấn đề đặt ra cho năm 2022**/ Thu Ngọc// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 64-69.

Nội dung: Trình bày thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục tăng điểm trong năm 2021; Thị trường ngoại hối diễn biến đảo chiều; Một số dự báo về thị trường tài chính 2022.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính, tài chính toàn cầu

**62. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới/** Bùi Quý Thuấn// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 7(256) .- Tr. 61-72.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp thu hút dòng vốn FDI trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiêp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới trong thời gian tới.

**Từ khóa**: FDI, hiệp định thương mại thế hệ mới, Việt Nam

**63. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các FTA thế hệ mới trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Nhữ Trọng Bách, Đào Duy Thuần// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 53-56.

**Nội dung**: Việt Nam đã ký kết và hiện đang thực hiện các cam kết của nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới. Đây là động lực giúp cho nền kinh tế phục hồi nhanh chóng, vươn mình trở thành điểm đến lý tưởng đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong thời kỳ đại dịch. Tuy nhiên, làm thế nào để tận dụng được lợi thế của các FTA thế hệ mới và thu hút hiệu quả vốn FDI từ các FTA thế hệ mới là vấn đề đặt ra đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Thu hút FDI, đại dịch Covid-19, hiệp định thương mại tự do, thế hệ mới

**64. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021 và định hướng năm 2022**/ Ngô Thị Ngọc An// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021 của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong điều kiện đất nước bị tác động mạnh mẽ bởi làn sóng thứ tư của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong năm qua vẫn còn những tồn tại cần khắc phục. Bước sang năm 2022, Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi đà tăng trưởng. Đây chính là lực đẩy để Việt Nam tiếp tục thu hút luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm 2022.

**Từ khoá**: Thu hút vốn, đầu tư trực tiếp nước ngoài

**65. Thúc đẩy tài chính toàn diện : nhìn từ hoạt động cho vay đối với hợp tác xã**/ Nguyễn Cảnh Hiệp// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 24(585) .- Tr. 24-27,37.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu, kết hợp với phân tích thực trạng cho vay của hệ thống ngân hàng đối với hợ tác xã, từ đó đề xuất một số nội dung cần thực hiện để phát triển hoạt động cho vay của hệ thống ngân hàng đối các HTX nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện ở nước ta trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Cho vay, hợp tác xã, tài chính toàn diện

**66. Trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tài chính : thực tiễn áp dụng và thách thức**/ Đào Lê Kiều Oanh, Hà Thị Ngọc Hải// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 23(584) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra cái nhìn tổng quan về trí tuệ nhân tạo, cùng với những ứng dụng trong các dịch vụ tài chính và cách các tổ chức tài chính thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng phản ứng trước sự thâm nhập của công nghệ AI, đồng thời chỉ ra những thách thức cần khắc phục.

**Từ khoá**: Trí tuệ nhân tạo, dịch vụ tài chính - ngân hàng

**67. Vai trò của đầu tư tư nhân trong ứng phó với biến đổi khí hậu**/ Phạm Thị Vân Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 42-44.

**Nội dung**: Biến đổi khí hậu đang gây ra những hệ lụy khôn lường như: nhiệt độ trái đất tăng, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường... dẫn đến những bất ổn về kinh tế - xã hội. Để ứng phó với biến đổi khí hậu, các quốc gia đã đưa ra nhiều giải pháp và một trong những giải pháp được chú trọng thực hiện là tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu. Bài viết này phân tích vai trò của đầu tư tư nhân trong ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao nhận thức về vấn đề này…

**Từ khoá**: Đầu tư tư nhân, ứng phó với biến đổi khí hậu, biến đổi khí hậu

**68. Vai trò của quỹ hưu trí tự nguyện đối với thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Ngô Thị Hằng, Nguyễn Thành Hưng// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Cải thiện cơ sở nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua việc nâng cao tỷ trọng của các nhà đầu tư là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển thị trường chứng khoán bền vững. Trong số các loại hình nhà đầu tư có tổ chức, Quỹ Hưu trí tự nguyện đã và đang khẳng định vị thế của mình đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Bài viết này phân tích thực trạng phát triển của Quỹ Hưu trí tự nguyện và vai trò của Quỹ này đối với sự phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá**: Quỹ hưu trí tự nguyện, thị trường chứng khoán, nhà đầu tư, nguồn vốn

**69. Xây dựng một trung tâm tài chính quốc tế - cơ sở lý thuyết và hàm ý thực tiễn cho thành phố Đà Nẵng**/ Phan Hoàng Long, Phùng Tấn Hải Triều// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 52-62.

**Nội dung**: Đảng, Chính phủ Việt Nam và thành phố Đà Nẵng đã có quyết tâm xây dựng Đà Nẵng thành một trung tâm tài chính quốc tế có quy mô khu vực. Trong bài báo này, trước tiên chúng tôi tổng kết cơ sở lý thuyết về các yếu tố cần thiết để hình thành và phát triển một trung tâm tài chính quốc tế. Kết quả đánh giá thực trạng cho thấy còn một khoảng cách rất xa (Đà Nẵng được đánh giá ở mức Thấp hoặc Trung bình ở hầu hết các yếu tố) để Đà Nẵng có thể phát triển thành một trung tâm tài chính quốc tế. Trên cơ sở đó chúng tôi đưa ra các khuyến nghị thực tiễn dành cho Chính phủ Việt Nam và thành phố Đà Nẵng.

**Từ khoá**: Trung tâm tài chính quốc tế, Thành phố Đà Nẵng, Chính phủ Việt Nam

**70. Xếp hạng tín nhiệm góp phần phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả**/ Lê Hồng Khang// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Trên phạm vi toàn cầu, vai trò của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm ngày càng phát triển với sự phát triển của thị trường vốn. Tại Việt Nam, hoạt động xếp hạng tín nhiệm nói chung và xếp hạng tín nhiệm độc lập nói riêng được đánh giá là công cụ hỗ trợ đắc lực không chỉ giúp các hoạt động kinh tế - tài chính diễn ra minh bạch, công khai mà còn hỗ trợ sự phát triển của thị trường vốn một cách bền vững, khơi thông các kênh dẫn vốn quan trọng của nền kinh tế.

**Từ khoá**: Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu, thị trường chứng khoán

**71. Yếu tố ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu niêm yết trên HOSE giai đoạn 2014-2020**/ Hoàng Hoa Sơn Trà// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 35-38.

**Nội dung**: Thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi giá cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE). Với khả năng giải thích của mô hình đạt 74,49% thông qua xử lý và phân tích số liệu thu thập được từ các báo cáo tài chính của 30 công ty niêm yết trên HOSE giai đoạn từ 30/12/2014 đến 30/12/2020 cho thấy, giá cổ phiếu thay đổi bởi do 5 yếu tố sau: Thu nhập trên cổ phiếu, tỷ giá, lãi suất ngắn hạn, giá vàng và lạm phát.

**Từ khoá**: Giá cổ phiếu, thị trường chứng khoán, HOSE

**NGÂN HÀNG**

**1. Ảnh hưởng của BigTech tới hoạt động ngân hàng và một số đề xuất, gợi ý**/ TS.Phan Thị Hoàng Yến, NCS. Đào Mỹ Hằng, Ths. Trần Hải Yến// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 1+2 (586+587) .- Tr. 48-55,63.

**Nội dung:** Khái quát hóa quan điểm về BigTech và phân tích ảnh hưởng của các BigTech tới các ngân hàng thương mại. Qua đó đề xuất một số hướng tiếp của các ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh các BigTech ở Việt Nam bước đầu xuất hiện khi ba tập đoàn viễn thông lớn nhất VN vừa được cấp phép triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money vào cuối năm 2021.

**Từ khoá**: BigTech, Fintech, Ngân hàng thương mại

**2. Ảnh hưởng của tín dụng công nghệ tài chính đến rủi ro tín dụng của ngân hàng: Bằng chứng thực nghiệm quốc tế/** Trần Hùng Sơn, Nguyễn Thị Hồng Vân// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 29-36.

**Nội dung:** Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích tác động của tín dụng từ công nghệ tài chính đến rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng của 72 quốc gia trong giai đoạn 2013-2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy tín dụng từ công nghệ tài chính làm giảm rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng các nước thông qua việc giảm tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng. Từ kết quả nghiên cứu này, bài viết khuyến nghị một số hàm ý chính sách.

**Từ khoá**: Công nghệ tài chính, rủi ro tín dụng, hệ thống ngân hàng

**3. Áp dụng chuẩn mực IFRS 9 tại các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Nguyễn Thị Quỳnh Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 69 - 70.

**Nội dung:** Bài báo phân tích sự cần thiết, định hướng trong việc áp dụng IFRS 9 cũng như những khó khăn có thể gặp phải và nhận định những yếu tố mà các ngân hàng thương mại Việt Nam cần chuẩn bị để có thể triển khai thành công IFRS 9.

**Từ khóa:** Chuẩn mực IFRS 9, ngân hàng thương mại Việt Nam

**4. Bàn về vấn đề phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã**/ Phan Văn Tính, Trịnh Thu Thủy// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Tập trung phân tích những yếu tố bất cập trong việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong cho vay.

**Từ khoá**: Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

**5. Bảo tồn di tích lịch sử và giá nhà phố : nghiên cứu điển hình tại TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Hồng Thu, Nguyễn Lưu Bảo Đoan, Nguyễn Anh Tuấn// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 18-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu đóng góp cho cuộc tranh luận về vai trò và tác động của các công trình được xếp hạng là di tích văn hóa - lịch sử tại Việt Nam. Mặc dù các học giả tham gia tranh luận nhận định tích cực về những giá trị của bảo tồn các công trình có ý nghĩa văn hóa, lịch sử, kiến trúc tại TP. Hồ Chí Minh, vẫn chưa có nhiều bằng chứng thực nghiệm bảo vệ quan điểm này. Nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát giá nhà và tìm hiểu mối quan hệ giữa giá nhà phố và sự hiện diện của các công trình đã được xếp hạng di tích văn hóa tại TP. Hồ Chí Minh bằng cách sử dụng mô hình định giá Hedonic cho 260 nhà phố tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả của nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước đây trên thế giới cho thấy khoảng cách từ nhà đến di tích gần nhất càng tăng thì giá nhà càng giảm. Kết quả nghiên cứu gợi ý cần xem xét chính sách thuế trong giao dịch bất động sản và khuyến khích cộng đồng chủ động tham gia hoạt động bảo tồn nhằm đạt được hiệu quả cao.

**Từ khoá**: Bảo tồn lịch sử, công trình lịch sử được xếp hạng, giá nhà, mô hình định giá Hedonic

**6. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại giai đoạn 2017-2020**/ Nguyễn Thị Thanh Bình, Hoàng Thùy Dương, Phạm Thị Hồng Quyên// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở dữ liệu báo cáo tài chính được kiểm toán công bố trên website của 24 ngân hàng thương mại niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020, sử dụng mô hình hồi quy OLS với biến phụ thuộc là tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) – đại diện cho hiệu quả hoạt động và các biến phụ thuộc được chia thành yếu tố bên trong và bên ngoài. Kết quả cho thấy, ROA thuận chiều với quy mô tài sản và tỷ lệ cho vay trên tiền gửi của khách hàng; đồng thời, nghịch chiều với tỷ lệ chi phí hoạt động, tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản và sở hữu ngân hàng.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, hiệu quả hoạt động, tỷ lệ cho vay, tổng tài sản

**7. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ thẻ ATM tại Vietcombank, chi nhánh Tây Cần Thơ/**Trần Trung Thành//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 63 - 65.

**Nội dung:** Bài viết khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ thẻ ATM tại ngân hàng Thương ại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Kết quả cho thấy sự hài lòng chất lượng dịch vụ thẻ tại Ngân hàng chịu ảnh hưởng bởi 3 nhóm yếu tố: cung cách phục vụ; sự tin cậy của khách hàng và phương tiện hữu hình của ngân hàng. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ về thẻ ATM nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, đồng thời nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Vietcombank Tây Cần Thơ.

**Từ khóa:** Sự hài lòng của khách hàng, chất lượng dịch vụ thẻ ATM, Vietcombank

**8. Cấu trúc vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam : cách tiếp cận theo phương pháp Bayes**/ Phạm Hải Nam, Huỳnh Thị Tuyết Ngân, Nguyễn Ngọc Tân, Phạm Thị Hồng Nhung, Nguyễn Trần Xuân Linh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 59-80.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam, bao gồm: Nhóm các NHTM cổ phần do nhà nước nắm quyền chi phối và nhóm các NHTM cổ phần tư nhân. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản đại diện cho cấu trúc vốn của các NHTM Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng phương pháp hồi quy Bayes thông qua thuật toán lấy mẫu Gibbs với bộ số liệu bao gồm 03 NHTM cổ phần do nhà nước nắm quyền chi phối và 27 NHTM cổ phần tư nhân Việt Nam trong giai đoạn 2007–2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố tác động cùng chiều đến cấu trúc vốn của các NHTM cổ phần do nhà nước nắm quyền chi phối, bao gồm: Quy mô tài sản, tốc độ tăng trưởng tài sản, thời gian hoạt động, lạm phát, tăng trưởng GDP. Các yếu tố có tác động ngược chiều đến cấu trúc vốn gồm: Khả năng sinh lời, tài sản thanh khoản. Đối với nhóm các NHTM cổ phần tư nhân, các yếu tố có tác động cùng chiều là: Quy mô tài sản, tốc độ tăng trưởng tài sản, tài sản thanh khoản, tăng trưởng GDP. Các yếu tố có tác động ngược lại bao gồm: Khả năng sinh lời, thời gian hoạt động, lạm phát.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn; Ngân hàng thương mại; Quy mô ngân hàng

**9. Cấu trúc vốn và tự vững hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam: Bằng chứng thực nghiệm theo phương pháp Bayes**/ TS. Đào Lê Kiều Oanh, Đỗ Nguyễn Minh Quân// Ngân hàng .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 18-28.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng (không cân bằng) từ năm 2002 đến năm 2020 của 27 MFI tại Việt Nam. Phương pháp ước lượng Bayes được sử dụng cho mô hình nghiên cứu. Kết quả chỉ ra rằng, tỷ lệ nợ phái trả trên VCSH và tỷ lệ nợ vay trên tài sản có tác động tiêu cực đến tự vững hoạt động của MFls. Ngược lại, tác động của tỷ lệ VCSH trên tài sản, tỷ lệ tiền gửi trên tài sản là tích cực và rõ nét.Kết quả này hàm ý MFls cần chủ động điều chỉnh đìn bẩy tài chính và tỷ trọng từng nguonf vốn hợp lý, traanhs phụ thuộc vào nguồn vốn vay, đồng thời gia tăng tỷ trọng của nguồn VCSH, đặc biệt là nguồn tiền gửi.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, tự vững hoạt động, tổ chức tài chính vi mô Việt Nam, phương pháp Bayes

**10. Cho vay ngang hàng : kinh nghiệm quản lý tại một số quốc gia và bài học đối với Việt Nam**/ Bùi Tín Nghị, Nguyễn Thị Thái Hưng, Trần Hải Yến, Đào Mỹ Hằng, Nguyễn Thị Vân// Ngân hàng .- 2021 .- Số 24 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng và mô hình quản lý hoạt động cho vay ngang hàng tại một số quốc gia trên thế giới bao gồm Mỹ, Anh và Trung Quốc. Từ đó, làm căn cứ rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong quản lý hoạt động cho vay ngang hàng.

**Từ khoá**: Cho vay ngang hàng, mô hình cho vay ngang hàng

**11. Chuyển đổi số và những vấn đề đặt ra trong phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng ở Việt Nam**/ Lê Thị Thùy Vân// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, việc ứng dụng các công nghệ là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh thế giới đang chuyển sang giai đoạn mới, kỷ nguyên số hóa, cùng những thay đổi sâu sắc cấu trúc ngành nghề kinh tế và chuỗi sản xuất cung ứng toàn cầu do đại dịch COVID-19. Bài viết phân tích xu hướng chuyển đổi số, đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong lĩnh vực dịch vụ tài chính-ngân hàng ở Việt Nam, qua đó nhận diện các vấn đề đặt ra đối với phát triển dịch vụ tài chính-ngân hàng trong bối cảnh chuyển đổi số.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, thanh toán điện tử, dịch vụ tài chính ngân hàng

**12. Covid-19 và giá cổ phiếu của các ngân hàng thương mại : nghiên cứu trường hợp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Mỹ Linh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 5 .- Tr.41-58.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài nghiên cứu này là phân tích tác động của dịch bệnh virus corona 2019 (Covid-19) đến giá cổ phiếu của các ngân hàng tại Việt Nam. Mẫu dữ liệu được thu thập theo ngày tại Việt Nam, giai đoạn từ ngày 30/01/2020 đến ngày 26/01/2021. Trong đó, dữ liệu cổ phiếu ngân hàng được thu thập từ kết quả giao dịch của 15 cổ phiếu thuộc ngành ngân hàng được niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Khác với các nghiên cứu trước, bài nghiên cứu này xác định Covid-19 thông qua ba tiêu chí khác nhau, gồm: số ca nhiễm Covid-19 trong nước, số ca nhiễm Covid-19 nhập cảnh, và số ca tử vong do Covid-19 được ghi nhận theo ngày tại Việt Nam. Kết quả ước lượng mô hình nghiên cứu cho thấy Covid-19 có tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu của các ngân hàng, kết quả này được tìm thấy trong cả ba tiêu chí đo lường Covid-19. Trong đó, giá cổ phiếu của các ngân hàng bị tác động mạnh nhất bởi số ca tử vong do Covid-19 và bị tác động thấp nhất bởi số ca nhiễm Covid-19 nhập cảnh, đây là phát hiện mới của bài nghiên cứu này. Điều này cho thấy, giá cổ phiếu của các ngân hàng phản ứng khá mạnh mẽ trước diễn biến của dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam, đặc biệt là diễn biến về số ca tử vong do Covid-19. Ngoài ra, bài nghiên cứu còn tìm thấy tác động tích cực của biến kiểm soát giá trị vốn hóa đến giá cổ phiếu của các ngân hàng.

**Từ khoá**: Covid-19; cổ phiếu; dịch bệnh; ngân hàng thương mại; Việt Nam

**13. Covid-19 và tỷ suất sinh lời của cổ phiếu ngành ngân hàng ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thiều Quang, Hà Xuân Thùy// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 2-11.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá tác động của COVID-19 đến thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua phân tích tỷ suất sinh lời của các cổ phiếu của 15 ngân hàng niêm yết trên hai sàn giao dịch HSX và HNX. Sử dụng phương pháp nghiên cứu sự kiện, nghiên cứu cho thấy COVID-19 chỉ tác động mạnh đến tỷ suất sinh lời sau khi Việt Nam có ca nhiễm COVID-19 đầu tiên và khi COVID-19 được tuyên bố là đại dịch toàn cầu. Tuy nhiên, thị trường sẽ tự điều chỉnh tương ứng với các giai đoạn phát triển của đại dịch. Và do đó, giai đoạn có và không có COVID-19 không ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của cổ phiếu. Mặc dù vậy, số ca nhiễm COVID-19 có tác động tiêu cực đến tỷ suất sinh lời cổ phiếu; và việc thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội của Chính phủ trong những giai đoạn cao điểm của dịch có tác động tích cực trong việc gia tăng niềm tin cho nhà đầu tư, và từ đó, làm tăng tỷ suất sinh lời cổ phiếu.

**Từ khoá**: Ngân hàng, COVID-19, phương pháp nghiên cứu sự kiện, tỷ suất sinh lời cổ phiếu

**14. Cơ hội và thách thức phát triển công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam**/ Nguyễn Vũ Thân// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 35-38.

**Nội dung**: Cách mạng công nghiệp 4.0 đã, đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đối với ngành Ngân hàng, các công nghệ và đổi mới sáng tạo mang lại nhiều thay đổi trong mô hình kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, cấu trúc sản phẩm, dịch vụ; trước hết là cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính - ngân hàng phù hợp nhu cầu người dân, doanh nghiệp, đồng thời góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện, phát triển bền vững. Bài viết này khái quát sự phát triển công nghệ trong hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, chỉ ra những cơ hội và thách thức đối với quá trình phát triển công nghệ của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**Từ khoá**: Cơ hội, thách thức, phát triển, công nghệ, ngân hàng

**15. Công bố thông tin rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường của các ngân hàng thương mại niêm yết ở Việt Nam và khuyến nghị**/ Ngô Thu Giang, Đặng Anh Tuấn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 18(579) .- Tr. 29-34.

**Nội dung**: Nghiên cứu khảo sát việc công bố thông tin rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động của ngân hàng niêm yết tại hai Sở giao dịch chứng khoán ở Việt nam theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN sử dụng phương pháp chấm điểm (chỉ số công bố thông tin) đối với các thông tin được qui định công bố trong Thông tư 41. Nhóm tác giả đưa ra khuyến nghị về công tác giám sát tuân thủ công bố thông tin của NHNN và kênh công bố thông tin hiệu quả để tiếp cận nhà đầu tư tốt hơn đối với NHTM.

**Từ khoá**: Tỷ lệ an toàn vốn, rủi ro hoạt động, công bố thông tin, ngân hàng

**16. Công nghệ tài chính trong hoạt động cho vay ngang hàng**/ Nguyễn Văn Nhật// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 44-46.

**Nội dung:** Ứng dụng công nghệ tài chính trong hoạt động cho vay ngang hàng (P2P) đang là xu thế phát triển trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trên thế giới. Trong mô hình cho vay ngang hàng, nền tảng trực tuyến cung cấp quy trình chuẩn hóa xử lý các khoản vay với chi phí thấp, thực hiện trực tiếp giữa người đi vay và người cho vay. Tuy nhiên, hoạt động này hiện đang gặp phải một số tồn tại, hạn chế như: Sự thiếu hiểu biết của người dân về hoạt động cho vay ngang hàng; Sự bất cân xứng về thông tin, bị lộ các thông tin của cá nhân… từ đó đặt ra yêu cầu cần sớm có giải pháp khắc phục tồn tại này.

**Từ khoá**: Công nghệ tài chính, cho vay ngang hàng, ngân hàng tài chính

**17. Dịch vụ ngân hàng số trực tuyến với người cao tuổi ở Việt Nam : những vấn đề cần đặt ra/** Trần Thị Bích Ngọc, Đào Thanh Bình, Nguyễn Khắc Hải// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 66 – 71

**Nội dung:** Phân tích sự thích ứng của người cao tuổi khi sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến, của nhóm nghiên cứu trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Đưa ra các khuyến nghị, điều chỉnh các dịch vụ ngân hàng số cho người cao tuổi, nhằm khuyến khích họ thích ứng với các dịch vụ trực tuyến nói chun và dịch vụ ngân hàng số nói riêng trong thời đại số hiện nay.

**Từ khóa:** Chuyển đổi số, ngân hàng số, dịch vụ trực tuyến, người cao tuổi

**18. Định giá kinh tế chương trình chống xói mòn bờ biển : nghiên cứu trường hợp Hội An**/ Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Tuấn// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 65-80.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng khảo sát lựa chọn rời rạc (DCE) và mô hình logit hỗn hợp để định giá chương trình chống xói mòn bờ biển ở Hội An - thành phố di sản đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi xói mòn. Chúng tôi thiết kế và xây dựng bộ cơ sở dữ liệu mới cho đối tượng nghiên cứu là hộ gia đình ở địa phương và nhận thức của họ đối với rủi ro về xói mòn bờ biển. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng người dân tại Hội An ủng hộ việc xây dựng các cấu trúc bảo vệ dọc bờ biển, mong muốn được đến một bãi biển rộng, nhiều tiện ích và mở miễn phí cho mọi người. Từ kết quả về mức độ ưa thích và sẵn sàng chi trả (WTP) của người dân đối với chương trình chống xói mòn, bài báo đưa ra đề xuất về xây dựng chính sách chống xói mòn hiệu quả và bền vững với nguồn đóng góp từ người dân địa phương. Theo hiểu biết của chúng tôi, đây là nghiên cứu đầu tiên về định lượng chính sách kinh tế chống xói mòn bờ biển ở Việt Nam sử dụng tính toán WTP bằng phương pháp DCE.

**Từ khoá**: Xói mòn, Chính sách, Định giá, WTP, DCE

**19. Đo lường rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhận vay tiêu dùng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam bằng mô hình phân tích phân biệt/** Hoàng Thị Thu Hiền, Đỗ Thị Thu Hà//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 100 - 110.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá năng lực tài chính khách hàng cá nhân vay tiêu dùng của các ngân hàng thương mại Việt Nam thông qua mô hình phân tích phân biệt. Kết quả chỉ ra rằng, hàm ước tính có ý nghĩa quan trọng ở mức ý nghĩa 1% và có thể dự báo tình hình tài chính của khách hàng vay vốn với độ chính xác trung bình 72,3%.

**Từ khóa:** Rủi ro tín dụng, vay tiêu dùng, khách hàng cá nhân, phân tích phân biệt

**20. Giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên/ Đỗ Thị Thu Hồng**// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 77 - 79.

**Nội dung:** Bài viết tổng kết thực trạng quản lý tài chính tại Đại học Thái Nguyên, phân tích kết quả, hạn chế trong quản lý tài chính Đại học Thái Nguyên. Dựa trên thực trạng này, bà viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính Đại học Thái Nguyên theo từng nội dung quản lý thu, quản lý chi, quản lý kết quả thu chi và kiểm tra tài chính. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong là phương pháp thu tổng hợp xử lý thông tin thứ cấp từ báo cáo thường niên Đại học Thái Nguyên.

**Từ khóa:** Quản lý tài chính, Đại học Thái Nguyên

**21. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Trà Vinh/** Nguyễn Hồng Hà, Trươn Minh Tuấn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 89 - 91.

**Nội dung:** Nghiên cứu đánh gía thực trạng nguồn nhân lực tại Aribank Trà Vinh thời gian qua. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Arbank chi nhánh tỉnh Trà Vinh thời gian tới.

**Từ khóa:** Chất lượng nguồn nhân lực, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

**22. Giải pháp tín dụng và xử lý nợ xấu trong điều kiện nền kinh tế bị tác động bởi đại dịch COVID-19**/ Hoàng Nguyên Khai// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 95-97.

**Nội dung**: Gần 2 năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã bị tác động tiêu cực bởi đại dịch COVID-19. Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan khác, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng hiệu quả cho nền kinh tế, quyết liệt xử lý nợ xấu. Tuy nhiên, thực tiễn đang đặt ra những yêu cầu mới, cần có thêm các giải pháp để đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho tăng trưởng kinh tế bền vững.

**Từ khoá**: Tín dụng, ngân hàng, tài chính, tăng trưởng kinh tế

**23. Hệ thống ngân hàng tỉnh Vĩnh Phúc thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt**/ Nguyễn Văn Tâm// Ngân hàng .- 2022 .- Số 2+3 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc phát triển mạnh mẽ công tác thanh toán không dùng tiền mặt; Tăng cường kết nối, trao đổi thông tin giữa các cơ quan của tỉnh Vĩnh Phúc với hệ thống ngân hàng để thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong khu vực dịch vụ công; Một số định hướng và giải pháp thúc đẩy TTKDTM trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

**Từ khoá**: Hệ thống ngân hàng, Vĩnh Phúc, thanh toán không dùng tiền mặt

**24. Hiệu quả ứng dụng công nghệ cộng tác trong công việc của các đội ảo lĩnh vực tài chính - ngân hàng**/ Huỳnh Thị Minh Châu// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 105-108.

Nội dung: Đội ảo gồm các thành viên bị phân tán (về địa lý, thời gian…), được hỗ trợ bởi công nghệ để hoàn thành các nhiệm vụ của tổ chức. Trong đại dịch COVID-19, nhiều tổ chức trên khắp thế giới đã sử dụng đội ảo để kết nối những nhân viên làm việc tại nhà với những nhân viên làm việc tại cơ sở thành các đội làm việc thông qua công nghệ cộng tác. Dựa trên lý thuyết xác nhận kỳ vọng và các kết quả nghiên cứu liên quan, bài viết kiểm định mô hình của 279 thành viên trong 214 đội dự án ảo thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, đề xuất mô hình mô tả ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến việc sử dụng công nghệ cộng tác lên thành quả công việc trong đội ảo.

**Từ khoá**: Công nghệ cộng tác, hiệu quả làm việc, đội ảo

**25. Hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính**/ Phạm Quang Huy// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Ngày 16/11/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập. Nghị định này góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc xử phạt VPHC trong lĩnh vực tài chính cũng như tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật tài chính nói chung.

**Từ khoá**: Vi phạm hành chính, tài chính, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP

**26. Hoàn thiện pháp luật cho hoạt động sử dụng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ ở Việt Nam hiện nay**/ TS. Bùi Hữu Toàn// Ngân hàng .- 2021 .- Số 24 .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi các vấn đề pháp lý về Mobile\_Money như một hình thức thanh tóa mới trong nền kinh tế và những vấn đề pháp lý cần quan tâm trong phát triển hình thức thanh toán này ơt nước ta hiện nay.

**Từ khoá:** Pháp luật, sử dụng tài khoản viễn thông, thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ, Việt Nam

**27. Hoạt động của tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam đòn bẩy góp phân thúc đẩy tài chính toàn diện**/ Trần Trọng Triết// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra, từ đó đề xuất các chính sách biện pháp thúc đẩy hoạt động tổ chức TCVM trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tổ chức tài chính vi mô, tài chính toàn diện

**28. Huy động hiệu quả vốn tín dụng cho dự án hợp tác công tư (PPP) về cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ/** Đậu Thị Ngọc Trang// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 67 – 70.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất một số giải pháp căn cơ, cấp thiết cần triển khai để nâng cao hiệu quả huy động vốn tín dụng cho các dự án hợp tác công tư, từ đó nâng cao sức hấp dẫn của các dự án này với các nhà đầu tư tư nhân.

**Từ khóa:** Hợp tác công tư, PPP, cơ sở hạ tầng giao thông, vốn tín dụng, đầu tư tư nhân

**29. Huy động vốn và đầu tư vốn cho phát triển kinh tế trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Bùi Hồng Điệp// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 40-42

**Nội dung**: Trình bày việc điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; diễn biến huy động vốn; diễn biến lãi suất trong nền kinh tế;hoạt động tín dụng hỗ trợ phục hồi và tăng trưởng kinh tế;; khuyến nghị giải pháp.

**Từ khoá**: Tiền tệ, ngân hàng, lãi suất

**30. ICTs thúc đẩy tiếp cận tín dụng ngân hàng của các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng ở Tây Bắc: Hàm ý chính sách kết nối cung cầu dịch vụ ngân hàng số ở nông thôn Việt Nam**/ Trần Mai Đông, Lê Nhật Hạnh, Phùng Vũ Bảo Ngọc, Mai Trường An// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 42-65.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích ảnh hưởng của việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICTs) đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng ở Tây Bắc, Việt Nam. Số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 370 hộ bằng phiếu khảo sát thiết kế trước. Chỉ số ứng dụng ICTs được ước lượng bằng phương pháp phân tích thành phần chính (Principal Component Analysis – PCA) dựa trên 11 biến thành phần, phản ánh toàn diện các khía cạnh khác nhau của ICTs như: Sử dụng điện thoại thông minh, máy tính, kết nối Internet, Zalo và Facebook. Biến ICTs sau đó được tích hợp như một biến giải thích trong mô hình ước lượng Heckman hai bước. Sau khi xử lý vấn đề nội sinh và thiên lệch lựa chọn, kết hợp sử dụng các biến độc lập kiểm soát, kết quả ước lượng cho thấy ICTs có tác động tích cực đến tiếp cận tín dụng ngân hàng của các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng. Trong xu thế chuyển đổi số hiện nay, phát triển các dịch vụ ngân hàng số trên nền tảng ứng dụng ICTs giúp tháo gỡ những rào cản tiếp cận tín dụng ngân hàng của các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng, qua đó góp phần giảm nghèo bền vững.

**Từ khoá**: Du lịch cộng đồng (CBT); ICTs; Ngân hàng số; Tây Bắc; Tín dụng

**31. Kiểm soát giao dịch gữa người có liên quan tại Ngân hàng Thương mại**/ Trần Linh Huân, Phạm Thị Thu Thảo// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 15-22.

**Nội dung**: Bài viết tập trung phân tích đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam về kiểm soát giao dịch gữa người có liên quan tại Ngân hàng Thương mại và trên cơ sở đó, đưa ra một số giải pháp định hướng hoàn thiện đói với vấn đề này.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, người có liên quan, giao dịch, kiểm soát giao dịch

**32. Kinh ngiệm phát triển trái phiếu xanh của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam**/ PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú, Ths. Nguyễn Thanh Huyền// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 1+2 (586+587) .- Tr. 64-73.

**Nội dung**: Tổng quan về trái phiếu xanh; Kinh nghiệm phát triển trái phiếu xanh của một số quốc gia; Thực trạng phát triển trái phiếu xanh tại Việt Nam; Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Trái phiếu xanh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn

**33. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển dịch vụ phi tín dụng**/ Đinh Thanh Nam// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 123-126.

**Nội dung:** Dịch bệnh COVID-19 bùng phát từ cuối năm 2019 đến nay, với phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới và diễn biến khó lường, đã để lại hệ quả không nhỏ cho toàn bộ hệ thống tài chính và các ngân hàng thương mại. Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam trở nên khó khăn hơn, tăng trưởng tín dụng giảm đáng kể so với giai đoạn trước dịch bệnh. Thực tế này đặt ra yêu cầu cần đẩy mạnh tiến trình phát triển dịch vụ phi tín dụng tại các ngân hàng thương mại, đa dạng hóa và hướng tới số hóa các nghiệp vụ phi tín dụng. Bài viết khái quát kinh nghiệm phát triển của dịch vụ phi tín dụng của các ngân hàng thương mại tại một số quốc gia, từ đó đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ phi tín dụng cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Phát triển dịch vụ, phi tín dụng, kinh nghiệm quốc tế, Covid-19

**34. Kinh nghiệm quốc tế về sử dụng chính sách tài chính đối với FDI và bài học với Việt Nam/** Bùi Văn Vần, Phạm Thị Tường Vân// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 79 – 83.

**Nội dung:** Sử dụng chính sách tài chính (CSTC) là công cụ để thu hút có hiệu quả FDI là vấn đề hết sức quan trọng đặt ra đối với các nước đang phát triển trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về thu hút ĐTNN. Đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc xem xét kinh nghiệm của các quốc gia khác trong việc sử dụng CSTC để thu hút hiệu quả FDI là rất cần thiết.

**Từ khóa:** Chính sách tài chính, thu hút FDI, đầu tư trực tiếp nước ngoài

**35. Kỹ thuật phân tích cấu trúc – chức năng trong thanh tra, giám sát ngân hàng**/ Hoàng Thị Thu Hường// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 98-101.

**Nội dung**: Thanh tra, gám sát ngân hàng trên cơ sở rủi ro là phương pháp thanh tra, giám sát, trong đó tập trung vào việc xác định, đo lường các hoạt động có rủi ro cao đối với sự ổn định, lành mạnh của tổ chức tín dụng, từ đó sử dụng các nguồn lực thanh tra, giám sát tương ứng nhằm đánh giá các rủi ro này, giúp các tổ chức tín dụng quản lý và kiểm soát rủi ro kịp thời. Phân tích cấu trúc-chức năng của hệ thống ngân hàng là phương pháp đánh giá sự thay đổi về cấu trúc hệ thống ngân hàng, nhận diện đặc trưng của từng nhóm ngân hàng, mối quan hệ giữa các nhóm và vị trí của mỗi ngân hàng. Kỹ thuật này cho phép nhận diện các vấn đề chính trong hoạt động của các ngân hàng có ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng nói chung và từng ngân hàng nói riêng.

**Từ khoá**: Phân tích cấu trúc-chức năng, chỉ số cấu trúc, bản đồ tổ chức

**36. Luận bàn về đo chất lượng thông tin báo cáo tài chính trong các đơn vị công lập/** Phạm Quốc Thuần, Võ Minh Triết// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 61 – 67.

**Nội dung:** Bài viết trình bày các quy định về các thuộc tính chất lượng thông tin báo cáo tài chính (CLTTBCTC) trong các đơn vị công lập, so sánh những điểm tương đồng và khác biệt về đo lường CLTTBCTC giữa các đơn vị công lập và ngoài công lập, tổng quan các nghiên cứu trước có liên quan đến đo lường và đánh giá CLTTBCTC, trong các đơn vị công lập. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất mô hình đo lường CLTTBCTC, trong các đơn vị công lập.

**Từ khóa:** Chất lượng thông tin, báo cáo tài chính, đơn vị công lập, chuẩn mực kế toán công

**37. Lựa chọn thước đo lạm phát lõi/ Đặng Ngọc Tú**// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Các ngân hàng trung ương thực thi chính sách tiền tệ luôn phải theo dõi các biến động nhất thời và biến động có tính xu hướng của lạm phát. Nếu chính sách tiền tệ thắt chặt trước những gia tăng nhất thời của lạm phát có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế. Do đó khái niệm lạm phát lõi (core inflation) được đưa ra với mục tiêu loại trừ các biến động nhất thời của lạm phát, mà một trong các thước đo là chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cơ bản. Nghiên cứu này đề xuất và so sánh các thước đo lạm phát lõi về khả năng phản ánh xu hướng lạm phát và khả năng dự báo lạm phát. Kết quả nhiên cứu cho thấy, trung bình lược bỏ (trimmed-mean) có ưu thế hơn CPI cơ bản trong vai trò thước đo lạm phát lõi.

**Từ khoá**: Lạm phát, ngân hàng trung ương, chính sách tiền tệ

**38. Marketing ngân hàng hướng tới phát triển bền vững**/ Trần Thị Ngọc Trâm// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 102-104.

**Nội dung**: Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, hệ thống ngân hàng Việt Nam tiếp tục đầu tư hiện đại hóa các sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Các ngân hàng cũng không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả các hoạt động marketing phù hợp với tính đặc thù của dịch vụ tài chính, thu hút khách hàng sử dụng thường xuyên hơn các sản phẩm mới, hiện đại. Đây là một trong số các giải pháp đảm bảo sự phát triển bền vững của mỗi ngân hàng nói riêng, của cả hệ thống ngân hàng nói chung.

**Từ khoá**: Marketing ngân hàng, hàng hóa dịch vụ, sản phẩm, hệ thống ngân hàng

**39. Mở rộng tiếp cận nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước nhằm phát triển thủy sản hiện nay**/ TS. Nguyễn Cảnh Hiệp, TS. Đỗ Thị Thanh Hoa// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 56-63.

**Nội dung**: Bài viết này nhìn lại chính sách tín dụng đầu tưu (TDĐT) của Nhà nước đối với lĩnh vực thủy sản và thực trạng triển khai chính sách này qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020. Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân cơ bản làm hạn chế kết quả cho vay vốn TDĐT của Nhà nước đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thủy sản, tác giả đề xuất một số giải pháp mở rộng tiếp cận nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước nhằm phát triển thủy sản ở nước ta trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thủy sản, tín dụng đầu tư của Nhà nước, ngân hàng Phát triển Việt Nam

**40. Nâng cao hiệu quả danh mục tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các ngân hàng thương mại nhà nước/** Lê Huy Hoàng, Vũ Xuân Đại// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 29 – 32

**Nội dung:** Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) là loại hình doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong động lực tăng trưởng kinh tế và tạo công ăn việc làm cho người lao động. Trong định hướng và mục tiêu chiến lược của các ngân hàng thương mại, DNVVN được xác định là phân khúc khách hàng trọng điểm chiến lược, đóng góp tích cực vào quy mô và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngân hàng thương mại nhà nước, tín dụng

**41. Nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại**/ Hà Thị Sáu// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 83-85.

**Nội dung**: Kiểm soát nội bộ là công cụ quản trị rủi ro hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam tăng trong thời gian qua là công cụ kiểm soát nội bộ chưa thực sự phát huy hiệu quả. Bài viết đánh giá thực trạng kiểm soát nội bộ trong hoạt động cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này trong.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, hoạt động cho vay, ngân hàng thương mại

**42. Nâng cao hiệu quả quản lý nợ công theo hướng bền vững**/ Trương Hùng Long// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 50-53.

**Nội dung**: Công tác quản lý nợ công giai đoạn 2016-2020 và năm 2021 đã được cải thiện và đạt nhiều kết quả tích cực. Các chỉ tiêu an toàn nợ tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ trong giới hạn an toàn, nợ công dự kiến cuối năm 2021 khoảng 44% GDP, góp phần đảm bảo an ninh tài chính quốc gia và bồi đắp dư địa chính sách tài khóa.

**Từ khoá**: Hiệu quả quản lý nợ công, bền vững

**43. Ngân hàng điện tử và những lợi ích của ngân hàng điện tử trong thời đại 4.0/**Trần Thị Thanh Hương//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 34 - 35.

**Nội dung:** Công nghệ số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển với tốc độ chóng mặt không chỉ tác động mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu mà còn ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là ngành ngân hàng, tài chính. Do đó, chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại Việt Nam là xu hướng tất yếu.

**Từ khóa:** Ngân hàng điện tử, công nghệ số

**44. Nghiên cứu hành vi sử dụng dịch vụ thanh toán di động ở Việt Nam: Sử dụng mô hình META-UTAUT**/ Nguyễn Thị Thùy Vinh, Nguyễn Hồng Anh, Nguyễn Thanh Hiền Lương// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 46-56.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ thanh toán di động của người tiêu dùng Việt Nam, khi thị trường thanh toán di động đang phát triển mạnh, thông qua một mô hình mới được đề xuất là meta-UTAUT. Khảo sát được thực hiện với 231 người tiêu dùng và giả thuyết được kiểm định bằng mô hình phương trình cấu trúc (SEM). Kết quả cho thấy kỳ vọng hiệu quả và ý định sử dụng có tác động tích cực đến hành vi sử dụng. Ý định sử dụng được giải thích bởi thái độ và điều kiện thuận lợi. Nghiên cứu này đã kiểm tra lại mô hình mới meta-UTAUT, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm phát triển thị trường thanh toán di động ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Dịch vụ thanh toán di động, hành vi sử dụng, meta-UTAUT

**45. Nợ xấu do Covid-19 và những vấn đề đặt ra**/ TS. Nguyễn Đại Lai// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiều về bức tranh nợ xấu tại các NHTM, từ đó đưa ra một số đề xuất để cải thiện môi trường, cơ chế phát triển kinh tế tạo nền móng cho quá trình chống và giảm rủi ro trong thị trường tín dụng.

**Từ khoá**: Nợ xấu, thị trường tín dụng, Ngân hàng thương mại, Covid-19

**46. Ngân hàng thế hệ mới Neobank xu hướng mới của tài chính toàn cầu**/ Thu Ngọc// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 1+2 (586+587) .- Tr. 84-87.

**Nội dung**: Trình bày về Neobank là gì và cơ chế hoạt động như thế nào; Sự phát triển của Neobank trên thị trường toàn cầu; Những yếu tố quyết định sự phát triển của Neobank.

**Từ khoá**: Ngân hàng thế hệ mới Neobank, tài chính toàn cầu

**47. Nghiên cứu hành vi khách hàng đối với thanh toán di động QR-code : thực nghiệm trong bối cảnh COVID-19**/ Lê Xuân Cù, Nguyễn Thị Hải Yến, Vũ Thị Hồng Thu// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 26-46.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu nhằm nhận diện các yếu tố quyết định đến hành vi khách hàng đối với thanh toán di động QR-code trong bối cảnh COVID-19. Mô hình nghiên cứu được thiết lập dựa trên học thuyết chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT) và học thuyết niềm tin sức khỏe (HBT). Một mẫu gồm 405 phiếu khảo sát hợp lệ được thu thập từ khách hàng đã trải nghiệm hoặc có dự định sử dụng thanh toán di động QR-code tại Hà Nội. Nghiên cứu này sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính với phần mềm AMOS 22.0 để kiểm định giả thuyết. Kết quả cho thấy dự định sử dụng được thúc đẩy bởi các yếu tố của học thuyết chấp nhận và sử dụng công nghệ (Kết quả kỳ vọng, nỗ lực kỳ vọng, ảnh hưởng xã hội, và các điều kiện thuận lợi) và học thuyết niềm tin sức khỏe (Mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh COVID-19 và động lực bản thân). Giãn cách xã hội là yếu tố quyết định đến dự định sử dụng thanh toán di động QR-code trong bối cảnh COVID-19. Mặt khác, hiệu quả của thanh toán di động QR-code được thể hiện thông qua mối quan hệ giữa dự định sử dụng và dự định giới thiệu. Với kết quả được khám phá trên, nghiên cứu có đóng góp về khía cạnh học thuật và thực tiễn.

**Từ khoá**: COVID-19; Thanh toán di động QR-code; HBT; UTAUT

**48. Nghiệp vụ đầu tư, kinh doanh chứng khoán và phân loại chứng khoán trong quá trình hạch toán tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ TS. Huỳnh Thị Hương Thảo, ThS. Hoàng Đình Dũng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán và cách phân loại chứng khoán trong quá trình hạch toán tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Nghiệp vụ đầu tư, kinh doanh chứng khoán, phân loại chứng khoán, ngân hàng thương mại Việt Nam

**49. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn ngân hàng của các hợp tác xã tại Trà Vinh**/ Nguyễn Hồng Hà, Ngô Thị Hồng Gấm// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 124-128.

**Nội dung**: Nhóm tác giả thu thập dữ liệu sơ cấp từ 134 hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; sử dụng phương pháp phân tích hồi quy Binary Logistic để phân tích các nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu chỉ ra có 09 nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng của các hợp tác xã trên địa bàn gồm: Trình độ học vấn; Số năm hoạt động; Lĩnh vực hoạt động; Tốc độ tăng trưởng doanh thu; Vốn điều lệ; Tài sản thế chấp; Lợi nhuận; Ứng dụng khoa học kỹ thuật; Quan hệ xã hội. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Từ khoá**: Nhân tố ảnh hưởng, tiếp cận vốn ngân hàng, hợp tác xã, Trà Vinh

**50. Những điểm mới trong hiệp ước Basel III và hoạt động công bố thông tin của NHTM**/ TS. Đặng Anh Tuấn, TS. Khúc Thế Anh, Ths. Bùi Đỗ Văn// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 1+2 (586+587) .- Tr. 74-79.

**Nội dung**: Phân tích các điểm mới trong yêu cầu về công bố thông tin của các ngân hàng thương mại có so sánh giữa Basel II và Basel III. Ảnh hưởng của việc thực hiện Basel II và Basel III sẽ được tổng hợp và phân tích, từ đó đề xuất một số kiến nghị khái quát được đề xuất để chuẩn bị cho việc triển khai áp dụng Basel III ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Basel II, Basel III, Ngân hàng thương mại, công bố thông tin, giám sát ngân hàng

**51. Những khuyến nghị nhằm phát triển bền vững hệ thống quỹ tín dụng nhân dân**/ TS. Lê Hà Diễm Chi, Trịnh Thị Thu Dung// Ngân hàng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng rủi ro của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, đề xuất các khuyến nghị để phát triển an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

**Từ khoá**: Phát triển bền vững, Quỹ tín dụng nhân dân, nợ xấu, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý

**52. Pháp luật về kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi trong hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần**/ TS. Phan Phương Nam// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 14-21.

**Nội dung**: Khái quát chung pháp luật về kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi trong hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP); Thực trạng và một số bất cập trong quy định về kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi trong hoạt động của NHTMCP; Một số kiến nghị, đề xuất hoàn thiện quy định về kiểm soát giao dịch có khả năng tư lợi trong hoạt động của NHTMCP.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại cổ phần, giao dịch có khả năng tư lợi, hoạt động ngân hàng

**53. Phát triển công nghệ và hướng đi gợi mở trong tương lai đối với các ngân hàng Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thái Hưng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 23(584) .- Tr. 33-39,47.

**Nội dung**: Dựa trên bộ dữ liệu của 12 ngân hàng thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020, nhóm tác giả tiến hành điều tra thực nghiệm về tác động của Việc chi tiêu công nghệ đến các hoạt động trung gian tiền gửi của các ngân hàng. Kết quả cho thấy đầu tư công nghệ ảnh hưởng tích cực đáng kể đến các hoạt động trung gian này. Bằng chứng thực nghiệm này góp phần xóa mờ những mối hoài nghi về mặt tối của phát triển công nghệ như một số nghiên cứu đã đề cập. Nghiên cứu có giá trị tham khảo hữu ích cho cả các nhà quản trị lẫn cơ quan quản lý trong việc quản trị, điều hành ngân hàng cũng như định hướng chính sách phát triển.

**Từ khoá**: Đầu tư công nghệ, trung gian tiền gửi, ngân hàng thương mại Việt Nam

**54. Phát triển dịch vụ phi tín dụng ở các ngân hàng thương mại**/ TS. Đỗ Thị Thùy// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Bài viết tìm hiểu thực trạng và những hạn chế trong việc phát triển dịch vụ phi tín dụng hiện nay của các NHTM, từ đó đề xuất một số giải pháp giúp phát triển dịch vụ phi tín dụng cho các NHTM.

**Từ khoá**: Hoạt động tín dụng, hoạt động phi tín dụng, ngân hàng thương mại

**55. Phát triển Mobile-Money tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thế Bính// Ngân hàng .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Tổng hợp những vấn đề chung về dịch vụ Mobile-Money, bài viết phân tích tiềm năng, lợi ích cũng như những vấn đề đặt ra cần giải quyết để phát triển loại hình dịch vụ tài chính này tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển Mobile-Money, Mobile-Money tại Việt Nam, Mobile-Money

**56. Phát triển thanh toán điện tử trên nền tảng công nghệ số trong bối cảnh đại dịch COVID-19**/ Lê Văn Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 80-82.

**Nội dung**: Thời gian qua, đặc biệt là 2 năm gần đây, nền kinh tế bị tác động tiêu cực bởi đại dịch COVID-19, hệ thống Ngân hàng Việt Nam tập trung thực hiện nhiều biện pháp phát triển thanh toán điện tử dựa trên nền tảng công nghệ số. Các biện pháp được triển khai thanh toán điện tử khá toàn diện, từ hoàn thiện môi trường pháp lý, hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ, đẩy mạnh đầu tư công nghệ và hạ tầng kỹ thuật thanh toán tiện ích và hiện đại, đến đào tạo cán bộ và giới thiệu, hướng dẫn và tư vấn sử dụng cho khách hàng.

**Từ khoá**: Thanh toán điện tử, công nghệ số, ngân hàng thương mại

**57. Quản lý rủi ro tín dụng trong các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam/** Đào Văn Chung// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 56-58.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam, bài viết đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản lý rủi ro, rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại, quản lý nhà nước

**58. Quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng thương mại và liên hệ thực tiễn ở Việt Nam**/ Phan Hồng Hạnh, Trần Thế Sao// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 92-94.

**Nội dung**: Ngân hàng thương mại là một loại hình trung gian tài chính với các chức năng chính là nhận tiền gửi, huy động vốn, cho vay và đầu tư, cung ứng các dịch vụ ngân hàng khác. Do tính chất hoạt động mà dẫn đến một đặc thù của ngân hàng thương mại, đó là thường xuyên phải nắm giữ một danh mục tài sản có và tài sản nợ có kỳ hạn. Trong quá trình vận động, giữa hai danh mục tài sản này có những thời điểm mà quy mô bị mất cân đối và mất tương xứng. Đây là nguyên nhân dẫn đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng thương mại.

**Từ khoá**: Thanh khoản, ngân hàng, rủi ro thanh khoản

**59. Quy mô ngân hàng, tăng trưởng cho vay và rủi ro tín dụng: Bằng chứng thực nghiệm từ các ngân hàng thương mại ở Việt Nam**/ Lê Hoàng Vinh, Phan Thị Mỹ Duyên, Lương Đình Quang// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 5-17.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu là khẳng định tác động phi tuyến của quy mô ngân hàng và tăng trưởng cho vay đến rủi ro tín dụng thông qua thực tiễn tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Bài viết sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 24 ngân hàng thương mại với dữ liệu nghiên cứu từ các báo cáo tài chính đã kiểm toán giai đoạn 2009–2019 được cung cấp bởi FiinGroup. Ước lượng theo GLS khẳng định rằng tăng trưởng cho vay tác động dạng hình chữ U, trong khi quy mô ngân hàng tác động dạng hình chữ U ngược đến rủi ro tín dụng. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng các ngân hàng thương mại cần xác định ngưỡng giới hạn tăng trưởng cho vay và quy mô ngân hàng làm nền tảng cho các chính sách có liên quan nhằm điều chỉnh rủi ro tín dụng theo kỳ vọng. Đồng thời, nghiên cứu này cũng cung cấp bằng chứng thực nghiệm có giá trị tham khảo cho các nhà quản lý ngân hàng thương mại và các chủ thể khác.

**Từ khoá**: Quy mô ngân hàng, Rủi ro tín dụng, Tăng trưởng cho vay

**60. Quy mô ngân hàng, tăng trưởng cho vay và rủi ro tín dụng : bằng chứng thực nghiệm từ các ngân hàng thương mại ở Việt Nam**/ Lê Hoàng Vinh, Phan Thị Mỹ Duyên, Lương Đình Quang// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 5-17.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu là khẳng định tác động phi tuyến của quy mô ngân hàng và tăng trưởng cho vay đến rủi ro tín dụng thông qua thực tiễn tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Bài viết sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 24 ngân hàng thương mại với dữ liệu nghiên cứu từ các báo cáo tài chính đã kiểm toán giai đoạn 2009–2019 được cung cấp bởi FiinGroup. Ước lượng theo GLS khẳng định rằng tăng trưởng cho vay tác động dạng hình chữ U, trong khi quy mô ngân hàng tác động dạng hình chữ U ngược đến rủi ro tín dụng. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng các ngân hàng thương mại cần xác định ngưỡng giới hạn tăng trưởng cho vay và quy mô ngân hàng làm nền tảng cho các chính sách có liên quan nhằm điều chỉnh rủi ro tín dụng theo kỳ vọng. Đồng thời, nghiên cứu này cũng cung cấp bằng chứng thực nghiệm có giá trị tham khảo cho các nhà quản lý ngân hàng thương mại và các chủ thể khác.

**Từ khoá**: Quy mô ngân hàng, Rủi ro tín dụng, Tăng trưởng cho vay

**61. Rủi ro thương mại của các đại lý vật tư nông nghiệp ở An Giang**/ Nguyễn Lan Duyên// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 84-90.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp hồi quy Probit để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro bán chịu của các đại lý vật tư nông nghiệp ở An Giang trên cơ sở dữ liệu được thu thập trực tiếp từ 1.135 nông hộ trồng lúa ở 12 đại lý trong vùng. Kết quả nghiên cứu cho thấy có ba yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro bán chịu (rủi ro thương mại) của các đại lý vật tư nông nghiệp bao gồm khoảng cách từ nhà nông hộ đến đại lý, địa vị xã hội của nông hộ và giá trị đất nông nghiệp. Từ đó, bài viết đề xuất giải pháp góp phần giảm bớt những rủi ro trong hoạt động bán chịu vật tư nông nghiệp của các đại lý vật tư nông nghiệp.

**Từ khoá**: Bán chịu, rủi ro, tín dụng thương mại

**62. Rủi ro trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp và khuyến nghị đối với nhà đầu tư/** Lê Ngọc Chi// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Trình bày việc nhân diện rủi ro trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp; một số đề xuất, kiến nghị đối với nhà đầu tư.

**Từ khoá**: Thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, dự án

**63. Tác động chính sách an toàn vĩ mô đến rủi ro ngân hàng : nghiên cứu tại các quốc gia có nền kinh tế mới nổi và dẫn dắt tăng trưởng kinh tế thế giới**/ Nguyễn Trần Xuân Linh, Nguyễn Ngọc Tân, Phạm Hải Nam, Huỳnh Thị Tuyết Ngân// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 72-96.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác động của chính sách an toàn vĩ mô (CSATVM) đến rủi ro ngân hàng tại Các nước có nền kinh tế mới nổi và dẫn dắt tăng trưởng kinh tế thế giới (Emerging and growth-leading economies – EAGLEs). Thông qua hồi quy đa biến theo cách tiếp cận Bayes, và cách lấy mẫu Gibbs, kết quả nghiên cứu cho thấy công cụ Giới hạn cho vay bằng ngoại tệ; Giới hạn phơi nhiễm hệ thống; dự trữ bắt buộc (DTBB) tăng thêm đối với tổ chức tín dụng có tầm quan trọng với hệ thống tài chính và/hoặc DTBB tiền gửi ngoại tệ cải thiện ổn định hệ thống ngân hàng rất rõ nét. Tuy nhiên, công cụ DTBB phản chu kỳ và tỷ lệ khoản vay trên giá trị tài sản lại làm tăng bất ổn hệ thống ngân hàng. Nghiên cứu cũng đánh giá tác động của lạm phát và tăng trưởng kinh tế đến rủi ro hệ thống ngân hàng, nhưng kết quả cho thấy ảnh hưởng của hai yếu tố vĩ mô này rất mờ nhạt.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ; Chính sách an toàn vĩ mô; Rủi ro ngân hàng; Các nước có nền kinh tế mới nổi và dẫn dắt tăng trưởng kinh tế thế giới

**64. Tác động của lãi suất và tỷ giá hối đoái đến rủi ro hệ thống của các tổ chức tài chính tại Việt Nam**/ Trầm Thị Xuân Hương, Nguyễn Thị Thuỳ Linh, Nguyễn Thị Thanh Hoài// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 5-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu đo lường rủi ro hệ thống của các tổ chức tài chính được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2010-2018 bằng phương pháp SES (Systemic Expected Shortfall), đồng thời, phân tích ảnh hưởng của lãi suất và tỷ giá hối đoái đến rủi ro hệ thống của các tổ chức tài chính tại Việt Nam bằng hồi quy dữ liệu bảng với phương pháp OLS, FEM, REM và D-GMM. Dữ liệu nghiên cứu thu thập từ 29 tổ chức tài chính, bao gồm: ngân hàng, công ty chứng khoán và công ty bảo hiểm. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng lãi suất và tỷ giá hối đoái có tác động đến rủi ro hệ thống tại Việt Nam và các tác động này thay đổi theo từng giai đoạn của nền kinh tế. Giai đoạn nền kinh tế chịu ảnh hưởng mạnh bởi cuộc khủng khoảng 2008, tăng lãi suất và tăng giá đồng nội tệ sẽ dẫn đến việc tăng rủi ro hệ thống. Giai đoạn ổn định của nền kinh tế, phá giá đồng nội tệ sẽ làm tăng rủi ro hệ thống.

**Từ khoá**: Lãi suất, tỷ giá hối đoái, rủi ro hệ thống của các tổ chức tài chính Việt Nam, SES

**65. Tác động của nợ xấu đối với năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại/**Nguyễn Đình Tiến//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 7 - 9.

**Nội dung:** Nợ xấu có tác động tiêu cực không chỉ đối với các ngân hàng thương mại mà còn đối với nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên đến nay nhiều khoản nợ xấu chưa được xử lý dứt điểm, cần phải tiếp tục xử lý. Bài viết này se tập trung phân tích tác động của nợ xấu đến hoạt động ngân hàng dưới giác độ cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế.

**Từ khóa:** Nợ xấu, ngân hàng thương mại, năng lực cạnh tranh

**66. Tác động của quy định đối với hoạt động ngân hàng và loại hình sở hữu lên mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng: Bằng chứng từ các quốc gia Châu** Á/ Võ Thị Thúy Anh, Thái Thị Hồng Ân// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 25-33.

**Nội dung:** Nghiên cứu này khám phá mối quan hệ giữa các quy định đối với hoạt động ngân hàng (bank regulation) và mức độ chấp nhận rủi ro (risk-taking) của các ngân hàng. Sử dụng bộ dữ liệu các ngân hàng thuộc 19 quốc gia Châu Á trong giai đoạn 1996-2018, chúng tôi nhận thấy phần lớn các biến quy định có mối quan hệ cùng chiều với mức độ rủi ro của các ngân hàng trong mẫu quan sát. Điều này có nghĩa là, các quy định áp dụng cho hệ thống ngân hàng càng nghiêm ngặt, mức độ chấp nhận rủi ro càng cao. Ngoài ra, chúng tôi còn tìm thấy bằng chứng cho thấy rằng sở hữu nước ngoài làm giảm mức độ chấp nhận rủi ro, trong khi sở hữu nhà nước làm tăng mức độ này của các ngân hàng.

**Từ khoá**: Qui định, mức độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng

**67. Tác động của tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tới tỷ lệ sinh lời và mức độ rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Bích Ngân, Lê Hải Trung, Nguyễn Thị Vân, Vũ Hương Quỳnh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 2-12.

**Nội dung**: Bài viết hướng đến mục tiêu nghiên cứu là tác động của tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu tới tỷ lệ sinh lời và mức độ rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn từ 2005 đến 2019 trên mẫu nghiên cứu gồm 26 ngân hàng thương mại. Nhóm tác giả sử dụng ước lượng Mômen tổng quát (Generalized Method of Moments) để lượng hoá tác động của việc thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tại các ngân hàng thương mại theo các quy định pháp lý trong giai đoạn trên tới tỷ lệ sinh lời và mức độ rủi ro của ngân hàng thương mại. Kết quả hồi quy cho thấy việc duy trì tỷ lệ CAR càng cao sẽ mang lại tác động tích cực tới cả hai khía cạnh trên cho ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, tác động trên là rõ ràng và mạnh hơn ở các ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ, không thuộc sở hữu của Nhà nước và chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đây là căn cứ thực tiễn để nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị trong thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, ước lượng Mô-men tổng quát, ngân hàng thương mại Việt Nam

**68. Tác động của thay đổi pháp lý về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tới hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Bích Ngân, Ths. Nguyễn Thị Vân// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 3+4 (588+589) .- Tr. 50-55.

**Nội dung**: Bài viết khái quát về: 1. các tahy đổi trong quy định pháp lý về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại Việt Nam, 2. thực trạng thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại cac NHTM Việt Nam, 3. thực trạng về khả năng sinh lời và mức độ rủi ro trong hoạt động của các NHTM Việt Nam. Từ đó, nghiên cứu đưa ra các định giá, nhận định về các ảnh hưởng, tác động của các thay đổi trong các quy định pháp lý về tỷ lệ an toàn vốn thực hiện tại các NHTM Việt Nam và qua đó ảnh hưởng tới khả năng sinh lời và mức độ rủi ro của ngân hàng.

**Từ khoá**: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, ngân hàng thương mại, rủi ro, khả năng sinh lời, tổn thất

**69. Tác động của vốn chủ sở hữu đến rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/Phạm Thị Kiều Khanh, Phạm Thị Bích Duyên//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 24 - 34.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu tác động của vốn chủ sở hữu đến rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tác giả sử biến bình phương tỷ lệ vốn chủ sở hữu và phát hiện ra rằng rủi ro tín dụng của các ngân hàng có mối quan hệ phi tuyến tính với tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tài sản. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam đã được niêm yết trên thị trường chứng khoán, sự tăng vốn sẽ có tác động mạnh mẽ hơn làm giảm rủi ro tín dụng so với các ngân hàng khác.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại, rủi ro tín dụng, vốn chủ sở hữu

**70. Tác động kinh tế của biến đổi khí hậu đến ngành đánh cá Việt Nam**/ Lê Văn Chơn, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Lan Anh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 5-17.

**Nội dung**: Thủy sản là một ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam và chiếm 3,07% GDP toàn quốc, tuy nhiên, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thời tiết và thiên tai. Sử dụng dữ liệu bảng của 28 tỉnh ven biển từ năm 2002-2018, bài báo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) bao gồm thiên tai và thời tiết lên sản lượng đánh bắt cá của Việt Nam. Bài báo chỉ ra lượng mưa và áp thấp nhiệt đới không có ảnh hưởng rõ rệt lên sản lượng đánh bắt cá. Ngoài ra, bài báo tìm ra kết quả khá thú vị là bão và tốc độ gió trung bình làm tăng sản lượng đánh bắt cá khi các yếu tố khác không đổi. Từ nghiên cứu về tác động của BĐKH lên sản lượng đánh bắt cá, bài báo đưa ra một số hàm ý chính sách trong việc quản lý bền vững ngành cá trước sự biển đổi của thiên tai và thời tiết.

**Từ khoá**: Đánh cá, Thời tiết, Thiên tai

**71. Tăng trưởng cho vay, rủi ro tín dụng và khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam**/ Lê Hoàng Vinh, Cao Quốc Toàn// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 13-23.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của tăng trưởng cho vay và rủi ro tín dụng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, trong đó nhấn mạnh đến sự điều tiết của một trong hai yếu tố khi xem xét tác động của yếu tố còn lại. Dữ liệu thứ cấp được sử dụng thông qua tiếp cận báo cáo tài chính đã kiểm toán của 24 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2009 – 2019. Phân tích hồi quy theo GLS cho thấy khả năng sinh lời chịu sự tác động ngược chiều bởi tăng trưởng cho vay và rủi ro tín dụng, đồng thời hai yếu tố này còn điều tiết tác động các yếu tố còn lại đến khả năng sinh lời, tạo nên tác động mạnh hơn. Kết quả nghiên cứu cung cấp thông tin hữu ích để các ngân hàng thương mại đưa ra quyết định chính sách cho vay và quản trị rủi ro tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

**Từ khoá**: Khả năng sinh lời, ngân hàng thương mại, rủi ro tín dụng, tăng trưởng cho vay

**72. Tăng trưởng tín dụng và rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Nguyễn Thị Thanh Thủy// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 76-79.

**Nội dung**: Tín dụng là hoạt động chủ yếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam và cũng là một trong những ưu tiên của toàn ngành Ngân hàng trong giai đoạn hiện nay. Tăng trưởng tín dụng tạo thu nhập cho ngân hàng, góp phần phát triển kinh tế nhưng cũng đem lại không ít rủi ro cho ngân hàng. Sử dụng dữ liệu từ báo cáo tài chính của 28 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013-2020, nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của tăng trưởng tín dụng đến rủi ro thanh khoản ngân hàng. Kết quả nghiên cứu qua mô hình REM cho thấy, tăng trưởng tín dụng làm gia tăng rủi ro thanh khoản của ngân hàng. Nghiên cứu cũng chỉ ra tác động của các yếu tố như quy mô hoạt động, khả năng sinh lời, tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng.

**Từ khoá**: Tăng trưởng tín dụng, rủi ro thanh khoản, ngân hàng thương mại, tăng trưởng kinh tế

**73. Tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương và thách thức trong thực thi chính sách tiền tệ/** Lê Thị Thùy Dung// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: Trước các áp lực từ sự phát triển mạnh mẽ của tiền điện tử và mục tiêu cải thiện hiệu quả của hệ thống thanh toán, hầu hết các ngân hàng trung ương trên thế giới đều đã thực hiện các dự án thăm dò, nghiên cứu tiềm năng phát hành tiền kỹ thuật số do ngân hàng trung ương phát hành. Hình thức này được kỳ vọng có thể mang lại nhiều lợi thế hơn so với tiền giấy pháp định trong hoạt động thanh toán và thực thi chính sách tiền tệ. Bài viết này phân tích các tính năng chính của tiền kỹ thuật số do ngân hàng trung ương phát hành và xem xét loại tiền này có thể đảm bảo các chức năng của tiền trong hoạt động thanh toán và thực thi chính sách tiền tệ không?.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, ngân hàng trung ương, chính sách tiền tệ, tiền giấy pháp định

**74. Tiền kỹ thuật số do ngân hàng trung ương phát hành và những vấn đề đặt ra với Việt Nam**/ Nguyễn Thế Bính// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 65-67.

**Nội dung**: Tiền kỹ thuật số do Ngân hàng trung ương phát hành là tiền pháp định dưới dạng kỹ thuật số được phát hành bởi ngân hàng trung ương. Tiền kỹ thuật số do Ngân hàng trung ương phát hành tiền kỹ thuật số nhằm mục tiêu số hóa tiền mặt; cung cấp một phương thức khả thi để kiểm soát nền kinh tế số; nâng cao hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ đối với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới đã, đang tiến hành nghiên cứu và phát triển tiền kỹ thuật số do tiền kỹ thuật số do Ngân hàng trung ương phát hành, nắm bắt xu thế này, Việt Nam cũng cần nghiên cứu xây dựng khuôn khổ pháp luật, thiết lập các quy chuẩn để đưa vào quản lý tiền kỹ thuật số khi Ngân hàng trung ương phát hành.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, ngân hàng trung ương, phát hành

**75. Tiếp cận dịch vụ ngân hàng số của hộ kinh doanh du lịch cộng đồng ở Tây Bắc, Việt Nam**/ Đỗ Xuân Luận, Trần Văn Quyết, Trần Văn Nguyện, Lý Thị Thùy Dương// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 78-88.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng mô hình probit lưỡng biến nhị phân dường như không liên quan (SUBP) và biến công cụ để phân tích nhu cầu và yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận các dịch vụ ngân hàng số của hộ kinh doanh du lịch cộng đồng tại vùng Tây Bắc, Việt Nam. Kết quả cho thấy mặc dù điện thoại thông minh kết nối internet được sử dụng rất phổ biến, các hộ vẫn cần trực tiếp đến chi nhánh ngân hàng, các tổ chức chính trị xã hội, chính quyền địa phương để thực hiện các giao dịch với ngân hàng. Thanh toán bằng tiền mặt là phương thức phổ biến của du khách trong nước và quốc tế. Những hộ sử dụng điện thoại thông minh trong thanh toán, là thành viên hội liên hiệp phụ nữ, sở hữu homestay và có liên kết du lịch có khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cao hơn các hộ khác. Ngoài ra, khoảng 91-97% hộ có nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng số với điều kiện sự an toàn, tiện lợi cần được đảm bảo với mức phí hợp lý.

**Từ khoá**: Du lịch cộng đồng (CBT), ngân hàng số, Tây Bắc, Việt Nam

**76. Tín dụng xanh : góc nhìn từ một số quốc gia và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ PGS.TS. Đỗ Hoài Linh, Ths. Trần Đức Anh, Ths. Đặng Phong Nguyên// Thị trường Tài chính Tiền tệ .- 2022 .- Số 1+2 (586+587) .- Tr. 56-63.

**Nội dung**: Phân tích tổng hợp và đánh giá kinh nghiệm thực tiễn triển khai tín dụng xanh tại ba quốc gia có mức độ xanh hóa tăng dần của hệ thống tài chính quốc gia cũng nư mức độ hoàn thiện và sự đa dạng của các chính sách thúc đẩy tín dụng xanh theo tiêu chuẩn xếp hạng quốc tế GGFI 7 là Hà Lan, Mỹ và Nga, cùng hàm ý chính sách phù hợp với Việt Nam.

**Từ khoá**: Tín dụng xanh, chính sách, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu

**77. Tình hình an ninh tài chính ở Việt Nam/**Trần Văn Hùng//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 39 - 50.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tình hình an ninh tài chính ở Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2018 dựa trên nguồn dữ liệu thứ cấp và các tiêu chí đo lường an ninh tài chính.

**Từ khóa:**An ninh tài chính, sức mạnh kinh tế, hiệu quả chính sach, cán cân thanh toán quốc tế, hoạt động phát triển tài chính

**78. Tình hình sinh lời các ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước trong bối cảnh đại dịch covid 19/** Nguyễn Trọng Thản, Phạm Thị Quyên// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 5 - 10.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu về tình hình sinh lời của các ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước trong bối cảnh đại dịch covid 19 nhằm để đánh giá những kết quả đã đạt được, những hạn chế do ảnh hưởng của dịch covid 19. Từ đó, đề xuất những giải pháp phù hợp với bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước, sinh lời

**79. Thúc đẩy hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tại VPBank Thái Nguyên**/ Nguyễn Thị Hường// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Đối với các ngân hàng thương mại, hoạt động tín dụng đóng vai trò quan trọng, quyết định đến sự phát triển của mỗi ngân hàng. Trong đó, tín dụng doanh nghiệp là bộ phận không thể thiếu, mang lại nguồn thu nhập lớn cho ngân hàng nhưng đây cũng chính là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nghiên cứu hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp ở VPBank Thái Nguyên trong giai đoạn 2019-2020, bài viết đề xuất giải pháp giúp VPBank Thái Nguyên tăng cường hoạt động cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Khách hàng doanh nghiệp, hoạt động cho vay, ngân hàng

**80. Thực trạng phát triển ngân hàng số ở Việt Nam**/ Lê Thị Thúy Hằng, Hà Quỳnh Mai// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 45-48.

**Nội dung**: Chuyển đổi số đang được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có dịch vụ ngân hàng. Những năm gần đây, các ngân hàng Việt Nam đã và đang chú trọng đầu tư mở rộng các dịch vụ bằng cách tích cực ứng dụng các công nghệ điện tử nhằm đơn giản hóa quy trình phục vụ khách hàng. Sự phát triển của các công ty Fintech cũng góp phần khuyến khích các ngân hàng truyền thống cải tiến công nghệ. Tuy nhiên, bên những kết quả tích cực, chuyển đổi số của các ngân hàng Việt Nam cũng đối diện với không ít khó khăn, thách thức. Đánh giá thực trạng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam hiện nay, bài viết kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy xu thế này phát triển.

**Từ khoá**: Chính sách, ngân hàng số, công nghệ số, công nghệ tài chính

**81. Thực trạng tín dụng xanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**/ ThS. Nguyễn Thị Ánh Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng triển khai hoạt động tín dụng xanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển hoạt động này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Ngân hàng xanh, tín dụng xanh, Vĩnh Long

**82. Trách nhiệm xã hội và khả năng sinh lợi của các ngân hàng thương mại: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam**/ Nguyễn Quốc Anh, Tăng Mỹ Sang// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 46-61.

**Nội dung**: Hiện nay, việc các ngân hàng thực hiện tốt trách nhiệm xã hội không chỉ giúp bản thân ngân hàng phát triển bền vững, mà còn đem lại nhiều đóng góp cho xã hội. Thông qua việc thu thập dữ liệu thứ cấp từ 17 ngân hàng niêm yết trên hai sàn giao dịch HOSE và HNX trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020, bài viết đã nghiên cứu tác động của trách nhiệm xã hội đến khả năng sinh lợi của các ngân hàng niêm yết tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho hầu hết các ngân hàng ngày càng chú trọng đến các hoạt động trách nhiệm xã hội, trong đó các hoạt động liên quan đến nguồn nhân lực đang được tất cả ngân hàng quan tâm, các hoạt động thuộc những khía cạnh còn lại chưa được quan tâm nhiều. Kết quả nghiên cứu định lượng đã cho thấy khả năng sinh lợi của ngân hàng có liên quan đến đòn bẩy tài chính, quy mô ngân hàng và các hoạt động trách nhiệm xã hội liên quan đến nguồn nhân lực. Hệ số Tobin’s Q có liên quan đến quy mô hoạt động và đòn bẩy tài chính. Từ kết quả nghiên cứu, ba nhóm giải pháp có liên quan đã được đề xuất nhằm tăng khả năng sinh lợi của ngân hàng.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội; khả năng sinh lợi; ngân hàng thương mại

**83. Triển khai ngân hàng số - Kinh nghiệm quốc tế và bài học thực tiễn Việt Nam**/ TS. Đặng Hoài Linh// Ngân hàng .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 45-50.

**Nội dung**: Phân tích việc triển khai ngân hàng số tại một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam. Thời gian nghiên cứu là giai đoạn 2016-2020.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, ngân hàng thương mại, công ty Fintech

**84. Triển vọng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam : nhìn từ góc độ nhân tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng**/Nguyễn Văn Hiệu, Phạm Bảo Châm, Nguyễn Quang Hiếu//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 14 - 18.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu điểm qua quá trình phát triển ngân hàng số ở Việt Nam và thực hiện khảo sát người dùng làm dữ liệu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngân hàng số từ góc nhìn của người dùng ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Ngân hàng số, dịch vụ ngân hàng số, ngân hàng thương mại

**85. Triển vọng phát triển tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương**/ Vũ Xuân Thanh// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 52.57.

**Nội dung**: Theo dõi và quản lý các giao dịch tiền ảo;Nghiên cứu phát hành tiền điện tử của NHTW(CBDC); Cấu trúc CBDC và hệ thống tài chinhsCow hội và thách thức liên quan đến việc phát hành và sử dụng CBDC.

**Từ khoá**: Tiền kỹ thuật số, Ngân hàng Trung ương

**86. Tư duy nghịch lý và áp lực học tập thúc đẩy sự sáng tạo và kết quả công việc của nhân viên : nghiên cứu trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam**/ Võ Thành Đức, Trần Hà Minh Quân// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 40-53.

**Nội dung**: Sử dụng lý thuyết nghịch lý, nghiên cứu kiểm tra tác động của áp lực học tập, tư duy nghịch lý và sự tương tác của chúng lên sự sáng tạo của nhân viên, cuối cùng là thúc đẩy người nhân viên hoàn thành công việc được giao. Kết quả phân tích dựa trên khảo sát do 430 nhân viên làm việc trong lĩnh vực ngân hàng cho thấy sự sáng tạo của nhân viên đóng vai trò biến trung gian giữa áp lực học tập và kết quả công việc của nhân viên. Đồng thời, sự sáng tạo cũng đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa tư duy nghịch lý và kết quả công việc của nhân viên. Tuy nhiên, sự tương tác giữa áp lực học tập và tư duy nghịch lý lên sự sáng tạo của nhân viên không có ý nghĩa thống kê. Kết quả này đã đóng góp cho lý thuyết về sự sáng tạo của nhân viên bằng cách tìm ra hai nhân tố tác động, đó là áp lực học tập và tư duy nghịch lý. Kết quả này cũng cung cấp bằng chứng thực nghiệm về giá trị dự báo của lý thuyết nghịch lý trong giải thích sự sáng tạo của nhân viên tại các thị trường mới nổi như Việt Nam.

**Từ khoá**: Áp lực học tập, Tư duy nghịch lý, Sự sáng tạo, Kết quả công việc

**87. Trao đổi xã hội và nhận thức xã hội trong đồng tạo sinh dịch vụ : một nghiên cứu về dịch vụ du lịch tại Tp.HCM**/ Phạm Thành Tiến, Nguyễn Mạnh Tuân// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 5 .- Tr. 39-64.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài nghiên cứu này là phân tích tác động của dịch bệnh virus corona 2019 (Covid-19) đến giá cổ phiếu của các ngân hàng tại Việt Nam. Mẫu dữ liệu được thu thập theo ngày tại Việt Nam, giai đoạn từ ngày 30/01/2020 đến ngày 26/01/2021. Trong đó, dữ liệu cổ phiếu ngân hàng được thu thập từ kết quả giao dịch của 15 cổ phiếu thuộc ngành ngân hàng được niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Khác với các nghiên cứu trước, bài nghiên cứu này xác định Covid-19 thông qua ba tiêu chí khác nhau, gồm: số ca nhiễm Covid-19 trong nước, số ca nhiễm Covid-19 nhập cảnh, và số ca tử vong do Covid-19 được ghi nhận theo ngày tại Việt Nam. Kết quả ước lượng mô hình nghiên cứu cho thấy Covid-19 có tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu của các ngân hàng, kết quả này được tìm thấy trong cả ba tiêu chí đo lường Covid-19. Trong đó, giá cổ phiếu của các ngân hàng bị tác động mạnh nhất bởi số ca tử vong do Covid-19 và bị tác động thấp nhất bởi số ca nhiễm Covid-19 nhập cảnh, đây là phát hiện mới của bài nghiên cứu này. Điều này cho thấy, giá cổ phiếu của các ngân hàng phản ứng khá mạnh mẽ trước diễn biến của dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam, đặc biệt là diễn biến về số ca tử vong do Covid-19. Ngoài ra, bài nghiên cứu còn tìm thấy tác động tích cực của biến kiểm soát giá trị vốn hóa đến giá cổ phiếu của các ngân hàng.

**Từ khoá**: Đồng tạo sinh; trao đổi xã hội; nhận thức xã hội; chất lượng cuộc sống; ý định tiếp tục mua; dịch vụ du lịch

**88. Vai trò của các yếu tố đặc điểm ngân hàng đến tỷ suất sinh lợi cổ phiếu trong giai đoạn COVID-19**/ Nguyễn Thị Thiều Quang, Hà Xuân Thùy// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 18-40.

**Nội dung**: Tỷ suất sinh lợi là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu đều không xem xét các định chế tài chính do tính chất trung gian tài chính cũng như sự quản lý nghiêm ngặt của các cơ quan có thẩm quyền của các định chế này. Nghiên cứu này đánh giá vai trò của các đặc điểm ngân hàng đến tỷ suất sinh lợi cổ phiếu của các ngân hàng Việt Nam có xét đến vai trò của đại dịch COVID-19. Nghiên cứu tìm thấy mối tương quan nghịch giữa hệ số thanh khoản, chất lượng tín dụng và dư nợ cho vay với tỷ suất sinh lợi cổ phiếu. Đặc biệt, trong giai đoạn COVID-19, các yếu tố quy mô và dư nợ cho vay đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến nhu cầu của nhà đầu tư và từ đó ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lợi. Trên cơ sở phân tích cơ chế tác động của các yếu tố đặc điểm ngân hàng, nghiên cứu phát hiện thêm rằng tác động của quy mô, chất lượng tín dụng và dư nợ cho vay với tỷ suất sinh lợi cổ phiếu chủ yếu thông qua tác động đến rủi ro vỡ nợ. Trong khi đó, tác động của hệ số thanh khoản chủ yếu thông qua rủi ro riêng lẻ và rủi ro hệ thống của cổ phiếu.

**Từ khoá**: COVID-19, đặc điểm ngân hàng, tỷ suất sinh lời cổ phiếu

**89. Vai trò của hệ thống ngân hàng trong cuộc chiến phòng, chống Covid-19**/ ThS. Nguyễn Thế Kiên// Ngân hàng .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 35-40.

**Nội dung**: Nêu ra đại dịch Covid-19 và những tổn thất nặng nề của nền kinh tế; Chiến lược sống chung với Covid-19 và trạng thái bình thường mới; Vai trò của hệ thống ngân hàng trong việc chuyển sang trạng thái bình thường mới.

**Từ khoá**: Vai trò ngân hàng, phòng - chống Covid-19, trạng thái bình thường mới

**90. Về phân tích hiệu quả tài chính trong các doanh nghiệp/** Nguyễn Hồng Thu// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 92 – 96

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về phân tích hiệu quả tài chính và hướng đến vận dụng vào phân tích cho các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, nhằm giúp các doanh nghiệp nhận diện được các điểm đặc thù của ngành nghề kinh doanh để phân tích hiệu quả tài chính cho phù hợp hơn, chuẩn xác hơn và hiệu quả hơn. **Từ khóa:** Hiệu quả tài chính, doanh nghiệp, nội dung phân tích

**91. Vốn xã hội, chuyển đổi số và đổi mới mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp tại khu vực Đông Nam Bộ, Việt Nam**/ Trần Nha Ghi// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 47-68.

**Nội dung**: Dựa trên lý thuyết mạng lưới xã hội, lý thuyết vốn xã hội, và lý thuyết về nguồn nhân lực, nghiên cứu này giải thích quá trình chuyển đổi số và đổi mới mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp trong thời kỳ đại dịch COVID-19 bùng phát; đồng thời, nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa vốn xã hội, chuyển đổi số và đổi mới mô hình kinh doanh với vai trò trung gian của chuyển đổi số. Mô hình cấu trúc bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) được thực hiện với cỡ mẫu là 218 nhà quản lý. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ cùng chiều và có ý nghĩa thống kê giữa vốn xã hội, chuyển đổi số và đổi mới mô hình kinh doanh. Chuyển đổi số đóng vai trò là trung gian một phần giữa vốn xã hội và đổi mới mô hình kinh doanh. Ngoài ra, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý để nhà quản lý chủ động xây dựng mạng lưới quan hệ với các bên liên quan như: Cơ quan của Chính phủ và các đối tác (khách hàng, đối thủ cạnh tranh, và nhà cung cấp dịch vụ nền tảng số). Cuối cùng, nghiên cứu đưa ra một số hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Vốn xã hội, Chuyển đổi số, Đổi mới mô hình kinh doanh

**92. Vai trò của các yếu tố đặc điểm ngân hàng đến tỷ suất sinh lợi cổ phiếu trong giai đoạn COVID-19**/ Nguyễn Thị Thiều Quang, Hà Xuân Thùy// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 5 .- Tr. 18-40.

**Nội dung:** Tỷ suất sinh lợi là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu đều không xem xét các định chế tài chính do tính chất trung gian tài chính cũng như sự quản lý nghiêm ngặt của các cơ quan có thẩm quyền của các định chế này. Nghiên cứu này đánh giá vai trò của các đặc điểm ngân hàng đến tỷ suất sinh lợi cổ phiếu của các ngân hàng Việt Nam có xét đến vai trò của đại dịch COVID-19. Nghiên cứu tìm thấy mối tương quan nghịch giữa hệ số thanh khoản, chất lượng tín dụng và dư nợ cho vay với tỷ suất sinh lợi cổ phiếu. Đặc biệt, trong giai đoạn COVID-19, các yếu tố quy mô và dư nợ cho vay đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến nhu cầu của nhà đầu tư và từ đó ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lợi. Trên cơ sở phân tích cơ chế tác động của các yếu tố đặc điểm ngân hàng, nghiên cứu phát hiện thêm rằng tác động của quy mô, chất lượng tín dụng và dư nợ cho vay với tỷ suất sinh lợi cổ phiếu chủ yếu thông qua tác động đến rủi ro vỡ nợ. Trong khi đó, tác động của hệ số thanh khoản chủ yếu thông qua rủi ro riêng lẻ và rủi ro hệ thống của cổ phiếu.

**Từ khoá**: COVID-19, đặc điểm ngân hàng, tỷ suất sinh lời cổ phiếu

**93. Ý nghĩa thông tin và nhân tố tác động đến tốc độ thay đổi cấu trúc vốn của doanh nghiệp**/ Lê Trung Thành, Trần Đình Vân// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 92-95.

**Nội dung**: Cấu trúc vốn của doanh nghiệp phản ánh trực tiếp kết quả của chính sách huy động vốn. Những thông tin về thay đổi cấu trúc vốn nhanh hay chậm của doanh nghiệp là rất quan trọng, phản ánh nhiều chiều về hoạt động kinh doanh, đầu tư và rủi ro của doanh nghiệp. Bài viết này tổng hợp các ý nghĩa thông tin từ tốc độ thay đổi cấu trúc vốn và các nhân tố tác động đến tốc độ thay đổi cấu trúc vốn của doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Cấu trúc vốn, tốc độ thay đổi, nhân tố tác động

**94. Yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Thuận// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 94-97.

**Nội dung**: Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu được tổng hợp từ các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính của 16 ngân hàng thương mại niêm yết trên các Sở Giao dịch chứng khoán tại Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020. Kết quả cho thấy: Quy mô tín dụng kỳ trước, tốc độ tăng trưởng huy động vốn hằng năm, quy mô ngân hàng, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam, tỷ lệ thanh khoản có ảnh hưởng tiêu cực. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số gợi ý, khuyến nghị nhằm duy trì tăng trưởng tín dụng một cách ổn định, an toàn và bền vững.

**Từ khoá**: Tăng trưởng, tín dụng, ngân hàng thương mại

**MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ HÓA**

**1. Bảo đảm tiêu chí môi trường trong triển khai xây dựng nông thôn mới/** TS. Trần Thị Tú Quyên// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 22 (372) .- Tr. 30-32.

**Nội dung:** Trình bày về môi trường – tiêu chí “khó” trong triển khai xây dựng nông thôn mới; Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Giải pháp hướng đến xây dựng nông thôn mới bền vững.

**Từ khóa**: Nông thôn mới, bảo vệ môi trường

**2. Biến đổi khí hậu với phát triển đô thị : thực trạng, kinh nghiệm và một số giải pháp/** PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến// Xây dựng .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 16-19.

**Nội dung:** Khái quát về tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển đô thị, kinh nghiệm và một số giải pháp nhằm góp phần giảm thiểu các tác động này.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, đô thị, phát triển đô thị

**3. Chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển : công cụ hỗ trợ tài chính bền vững cho các khu bảo tồn biển/** ThS. Nhất Hoàng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 30-32.

**Nội dung:** Giới thiệu các bài học kinh nghiệm và mô hình áp dụng chi trả dịch vụ hệ sinh thái trên thế giới nhằm phân tích các tiềm năng, cơ hội và cơ sở khoa học cho việc phát triển công cụ chi trả dịch vụ hệ sinh thái trong điều kiện cụ thể nhằm áp dụng cho công tác quản lý các khu bảo tồn biển của Việt Nam.

**Từ khóa**: Chi trả dịch vụ hệ sinh thái, tài chính, khu bảo tồn biển

**4. Chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên : các đề xuất để thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020/** TS. Mai Thế Toản, TS. Lại Văn Mạnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 22-25.

**Nội dung:** Dựa trên kết quả nghiên cứu, tham vấn chuyên gia, phân tích, đánh giá về chitrả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên nhằm đưa ra các đề xuất thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Từ khóa**: Chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, Luật Bảo vệ môi trường

**5. Chính sách quản lý chất thải rắn sinh hoạt của Đài Loan và gợi ý cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Đình Đáp, TS. Vũ Thùy Dương// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 56-57.

**Nội dung:** Quá trình phát triển chính sách quản lý chất thải rắn sinh hoạt; Quy định về phân loại, tái chế chất thải rắn sinh hoạt; Thu phí rác thải theo lượng phát sinh; Quy định trách nhiệm mở rộng nhà sản xuất (EPR) và các gợi ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Chất thải rắn sinh hoạt, chính sách quản lý, Đài Loan, Việt Nam

**6. Công nghệ tiếp nhận kín HHECO trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam**/ Phùng Văn Huy, Lê Xuân Quế// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6 (747) .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Trình bày công nghệ tiếp nhận kín HHECO trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam. Trung bình mỗi năm Việt Nam cần xử lý lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) lên tới 20 triệu tấn. Song khoảng 90% lượng rác thải này chỉ được xử lý bằng phương pháp chôn lấp, gây ra nhiều hệ lụy như: quỹ đất làm bãi xử lý rác cạn kiệt; nước rỉ rác, mùi hôi nồng nặc khá phổ biến và ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của cư dân ở những địa phương có bãi chôn lấp rác… khiến việc xử lý CTRSH thực sự trở thành vấn đề “nóng”. Công nghệ xử lý CTRSH mới xử lý triệt để hơn, tỷ lệ tái chế vượt trội, tối thiểu chôn lấp và hoàn toàn không gây ô nhiễm thứ cấp, tiếp nhận kín và xử lý kín thành các nguyên liệu để tái chế - thu hồi.

**Từ khóa**: Chất thải rắn sinh hoạt, công nghệ HHECO, tái chế, ô nhiễm môi trường

**7. COP26 và đóng góp của Việt Nam cho mục tiêu toàn cầu**/ GS. Trần Thục// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12 (753) .- Tr. 18-20.

**Nội dung**: Hội nghị toàn cầu về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc lần thứ 26 (COP26) được tổ chức từ ngày 31/10 đến 13/11/2021 tại Glasgow, Vương quốc Anh. Trong 14 ngày diễn ra hội nghị, COP26 đã tập trung vào các vấn đề: tài chính dành cho thích ứng biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu, khung hành động giảm thiểu rủi ro để giúp các quốc gia xây dựng chiến lược giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu. Việt Nam đã tham gia Tuyên bố Glasgow của các nhà lánh đạo về rừng và sử dụng đất, cam kết giảm phát thải mê-tan toàn cầu, tuyên bố toàn cầu về chuyển dịch từ than sang năng lượng sạch, ý đinh thư với Tổ chức Emergent trong khuôn khổ Liên minh giảm phát thải thông qua tăng cường tài chính lâm nghiệp (LEAF).

**Từ khóa**: COP26, biến đổi khí hậu, phát thải nhà kính, năng lượng sạch

**8. Đánh giá hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội/** Danh Thị Phương, Nguyễn Thị Hồng Hạnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 3 (377) .- Tr. 38-40.

**Nội dung:** Đánh giá hiện trạng phát sinh rác thải nhựa, từ đó đề xuất giải pháp quản lý phù hợp tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội từ tháng 11/2020 đến tháng 6/2021.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, chất thải rắn sinh hoạt

**9. Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải y tế tại Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội/** Nguyễn Khắc Thành// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 24 (374) .- Tr. 35-38.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu hiện trạng quản lý, xử lý chất thải rắn y tế. Từ đó, đưa ra những kiến nghị để quản lý và xử lý chất thải rắn y tế hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở y tế.

**Từ khóa**: Chất thải y tế, chất thải rắn, bệnh viện

**10. Đánh giá hiện trạng và đề xuất giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy tại khu du lịch biển Sầm Sơn/** TS. Trương Sỹ Vinh, ThS. Nguyễn Thùy Vân// Môi trường .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 52-55.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng quy mô, tính chất và tác động nguồn gây ô nhiễm, lượng phát sinh; Khuyến nghị một số giải pháp giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

**Từ khóa**: Sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy, khách du lịch biển

**11. Đánh giá hiệu quả của tái chế nhựa trong gạch/** Nguyễn Thị Bình Minh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 23 (373) .- Tr. 26-28.

**Nội dung:** Đánh giá hiệu quả của gạch có thành phần nhựa tái chế để thấy tính ưu việt về tính chất vật lý cũng như ý nghĩa về kinh tế - xã hội của loại gạch này.

**Từ khóa**: Tái chế nhựa, gạch

**12. Đánh giá khả năng hấp thụ amoni của vật liệu đá ong phủ hydroxit lớp kép Mg-Al/CO32-/** Đỗ Thị Hiền// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 22 (372) .- Tr. 51-52.

**Nội dung:** Khảo sát một số điều kiện để tìm được vật liệu đá ong phủ hydroxit lớp kép Mg-Al/CO32- có khả năng hấp thụ amoni tối ưu. Vật liệu sẽ được đánh giá các đặc trưng cấu trúc, thời gian cân bằng hấp phụ, dung lượng hấp phụ cực đại, khả năng hấp thụ trong mẫu môi trường thực tế và so sánh với vật liệu đối chứng là đá ong thô.

**Từ khóa**: Amoni, vật liệu đá ong phủ hydroxit Mg-Al/CO32-

**13. Đánh giá sự phơi nhiễm vi sinh từ bụi không khí của thực phẩm lề đường trước cổng trường/** Phạm Hoàng Khôi, Trần Thành, Võ Minh Tân, Trần Thị Bích Phượng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 54-55.

**Nội dung:** Đánh giá mức độ tình trạng ô nhiễm không khí ảnh hưởng như thế nào đến thức ăn đường phố.

**Từ khóa**: Ô nhiễm không khí, vi sinh vật, thực phẩm lề đường, cổng trường

**14. Đánh giá sự xáo trộn môi trường nền đáy cửa sông Ba Lai bằng phổ sinh khối quần xã tuyến trùng sống tự do**/ Nguyễn Thị Mỹ Yến, Trần Thành Thái, Ngô Xuân Quảng, Phạm Ngọc Hoài// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3 (Tập 19) .- Tr. 569-575.

**Nội dung**: Trình bày sự xáo trộn môi trường nền đáy cửa sông Ba Lai bằng phổ sinh khối quần xã tuyến trùng sống tự do. Phổ sinh khối (Biomass squectra) là một đặc điểm chức năng quan trọng của quần xã sinh vật nhưng còn ít được quan tâm nghiên cứu. Nghiên cứu này là một minh chứng cụ thể vai trò chỉ thị sinh học của phổ sinh khối quần xã tuyến trùng sống tự do trong quan trắc đánh giá chất lượng môi trường. Ứng dụng nghiên cứu phổ sinh khối của quần xã tuyến trùng vào đánh giá chất lượng môi trường vì những ưu việt đáng chú ý như tiết kiệm thời gian, không đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao về phân loại học nhưng lại cung cấp thông tin hiệu quả và chính xác.

**Từ khóa**: Phổ sinh khối, tuyến trùng, chỉ thị sinh học, chất lượng môi trường

**15. Đẩy mạnh ứng dụng viễn thám phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội/** TS. Nguyễn Quốc Khánh// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 1+2 (375+376) .- Tr. 86-88.

**Nội dung:** Trình bày các chương trình, nhiệm vụ hoàn thành đúng thời gian, tiến độ, bảo đảm mục tiêu đề ra và ứng dụng viễn thám trên phạm vi cả nước.

**Từ khóa**: Viễn thám, phát triển kinh tế - xã hội

**16. Đề xuất lộ trình và phương thức giảm thiểu chất thải sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Thu Hà, Vũ Thị Thanh Nga, Hoàng Hồng Hạnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 21 (371) .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Phân tích đánh giá hiện trạng các chính sách, pháp luật và tình hình sản xuất, tiêu dùng và quản lý chất thải sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt và túi ni long khó phân hủy tại Việt Nam từ đó, đề xuất lô trình và phương thức thực hiện lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

**Từ khóa**: Sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông, chất thải nhựa

**17. Đề xuất quy định hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, xử lý chất thải phát sinh tại cảng biển và quy định bảo vệ môi trường tại cảng/** TS. Trung Nguyễn// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 3 (377) .- Tr. 23-25.

**Nội dung:** Hoàn thiện quy định ngăn chặn và khắc phục, kiểm tra, giám sát ô nhiễm môi trường biển từ tàu; Giải pháp bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển, khai thác hệ thống cảng biển; Giải pháp kiểm soát và phòng ngừa; Đề xuất các giải pháp tăng cường công tác bảo vệ môi trường của cảng biển nói riêng và ngành hàng hải nói chung.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, cảng biển

**18. Định hướng và giải pháp xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia/** TS. Hoàng Ngọc Lâm// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 1+2 (375+376) .- Tr. 82-83.

**Nội dung:** Trình bày hiện trạng dữ liệu không gian địa lý và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

**Từ khóa**: Dữ liệu không gian địa lý, bảo vệ môi trường, cơ sở hạ tầng

**19. Đổi mới nhận thức và nâng cao vị thế ngành Nước Việt Nam/** TS. Trần Anh Tuấn// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 8-10.

**Nội dung:** Hiện trạng quản lý và phát triển cấp nước; Đề xuất giải pháp quản lý cấp nước.

**Từ khóa**: Cấp nước, nhận thức, vị thế

**20. Giải pháp thành phố bọt biển trong thoát nước mặt đô thị Việt Nam hướng đến phát triển bền vững : những thách thức và định hướng/** ThS. Huỳnh Trọng Nhân, PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 104-107.

**Nội dung:** Làm rõ hơn về khái niệm, các kinh nghiệm triển khai mô hình thành phố bọt biển từ đó xác định những khó khăn thách thức cần chuẩn bị để áp dụng mô hình tại các thành phố Việt Nam, đồng thời đề xuất hướng tiếp cận triển khai hiệu quả mô hình trong thời gian sắp tới.

**Từ khóa**: Thành phố bọt biển, đô thị Việt Nam, phát triển bền vững, hệ thống thoát nước

**21. Hiệu quả áp dụng nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước/** Nguyễn Minh Phượng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 21 (371) .- Tr. 65-66.

**Nội dung:** Áp dụng thành công những nguyên tắc về quản lý tổng hợp tài nguyên nước tại một số quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Mexico, thung lũng Fergana để chứng minh cho những lợi ích của việc sử dụng phương pháp này.

**Từ khóa**: Tài nguyên nước, nguyên tắc quản lý

**22. Hiệu quả quản lý nguồn vốn cho vay ưu đãi các dự án bảo vệ môi trường của Quỹ Môi trường Quốc gia Cộng hòa Séc/** ThS. Dương Thị Phương Anh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 39-42.

**Nội dung:** Giới thiệu hiệu quả quản lý nguồn vốn tại Quỹ Môi trường quốc gia Cộng hòa Séc nhằm giúp hệ thống Quỹ Bảo vệ môi trường ở Việt Nam tìm ra cách thức phát triển nguồn vốn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hơn nữa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, nguồn vốn cho vay ưu đãi, quản lý nguồn vốn

**23. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật tài nguyên nước/** Châu Trần Vĩnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 1+2 (375+376) .- Tr. 74-75.

**Nội dung:** Trình bày các chính sách pháp luật được thực thi hiệu quả ở cả trung ương và địa phương. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

**Từ khóa**: Tài nguyên nước, pháp luật, chính sách

**24. Hướng tới nền hành chính điện tử ngành Tài nguyên và Môi trường/** TS. Lê Phú Hà// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 1+2 (375+376) .- Tr. 84-85.

**Nội dung:** Phân tích từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu số và các giải pháp kỹ thuật sẵn sàng cho các mục tiêu chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả trong quản lý, khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

**Từ khóa**: Hành chính điện tử, tài nguyên môi trường, cơ sở dữ liệu số

**25. Khảo sát khả năng ứng dụng gel điều chế từ hạt cây bò cạp vàng để hấp thụ màu nhuộm reactive blue 19 trong nước/** Hoàng Lê Thụy Thùy Trang, Đào Minh Trung, Nguyễn Võ Châu Ngân// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 21 (371) .- Tr. 31-33.

**Nội dung:** Đề xuất sử dụng phương pháp hấp thụ màu bằng vật liệu gel được điều chế từ hạt cây muồng hoàng yến đẻ hấp phụ màu nhuộm reactive blue 19 trong nước.

**Từ khóa**: Gel điều chế, cây bò cạp vàng, reactive blue 19 trong nước

**26. Kiểm soát khí thải từ xe mô tô, xe gắn máy : cơ sở đề xuất giải pháp cải thiện chất lượng không khí/** Nguyễn Văn Thắng// Môi trường .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 47-48, 62.

**Nội dung:** Tác động của việc sử dụng xe máy đối với môi trường và sức khỏe; Lợi ích của kiểm soát khí thải từ xe mô tô, xe gắn máy; Chương trình thí điểm đo kiểm khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

**Từ khóa**: Khí thải, chất lượng không khí, xe mô tô, xe gắn máy, ô nhiễm môi trường

**27. Kiến tạo các giải pháp bền vững cho đa dạng sinh học của Việt Nam/** TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 23-25.

**Nội dung:** Trình bày về: nhiều thành tựu 10 năm bảo tồn và phục hồi giá trị đa dạng sinh học; tăng cường nỗ lực bảo tồn loài; kiến tạo các giải pháp bền vững cho đa dạng sinh học.

**Từ khóa**: Đa dạng sinh học, giải pháp bền vững, Việt Nam

**28. Kinh nghiệm quốc tế trong xác định khoảng cách an toàn về môi trường từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đến khu dân cư/** ThS. Nguyễn Trung Thuận, ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh, ThS. Nguyễn Thế Thông// Môi trường .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 35-37.

**Nội dung:** Rà soát, phân tích, đánh giá các quy định khác nhau của các nước trên thế giới về khoảng cách an toàn môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh và khu dân cư sinh sống quanh khu vực nhạy cảm.

**Từ khóa**: Khoảng cách an toàn môi trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu dân cư

**29. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên và đề xuất cho Việt Nam/** TS. Trần Đăng Quy, ThS. Đặng Thị Tươi// Tài nguyên và Môi trường.- 2021 .- Số 24 (374) .- Tr. 69-70.

**Nội dung:** Trình bày một số kinh nghiệm quốc tế về quản lý di sản thiên nhiên và đề xuất quy định quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, di sản thiên nhiên, kinh nghiệm quốc tế

**30. Kỹ thuật hiện có tốt nhất : cách tiếp cận mới trong quản lý môi trường tại Việt Nam/** PGS. TS. Phùng Chí Sỹ// Môi trường .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 38-40.

**Nội dung:** Trình bày một số kinh nghiệm áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) trên thế giới và đề xuất giải pháp thúc đẩy áp dụng BAT tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Quản lý môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất

**31. Loại bỏ thuốc bảo vệ thực vật hoạt chất chlorpyrifos ethyl và carbosulfan trong nước bằng than hoạt tính gáo dừa/** Dư Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Văn Công// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 3 (377) .- Tr. 32-34.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu sử dụng than hoạt tính gáo dừa trong làm giảm nồng độ thuốc bảo vệ thực vật và giảm ảnh hưởng của thuốc đến enzyme cholinesterase cá nhằm xây dựng hệ thống quản lý nước thải thí nghiệm có chứa thành phần thuốc bảo vệ thực vật.

**Từ khóa**: Bảo vệ thực vật, than hoạt tính gáo dừa, chlorpyrifos ethyl, carbosulfan

**32. Lượng giá thiệt hại về môi trường đối với sự cố hóa chất độc trong sản xuất phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật/** ThS. Trần Bích Hồng, ThS. Hàn Trần Việt, TS. Nguyễn Diệu Hằng, TS. Nguyễn Công Thành// Môi trường .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 45-48.

**Nội dung:** Trình bày nội dung về lượng giá thiệt hại về môi trường do sự cố, trong đó tập trung vào nhận dạng các thiệt hại về môi trường do sự cố và đề xuất các phương pháp lượng giá thiệt hại về môi trường.

**Từ khóa**: Môi trường, hóa chất độc, phân bón, thực vật, lượng giá thiệt hại

**33. Môi trường tiết kiệm cho nuôi cấy vi tảo Dunaliella salina quy mô pilot ở Việt Nam/** Võ Hồng Trung, Nguyễn Lương Anh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Phúc// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 6 .- Tr. 1006-1015.

**Nội dung**: Dunaliella salina là vi tảo lục bào có khá năng tích lũy hàm lượng lớn carotenoid đặc biệt B-caroten trong các điều kiện nuôi cấy bất lợi. Kết quả cho thấy mật độ tế bào và tốc độ tăng trưởng của các chủng D Salina đạt giá trị cao khi nuôi cấy trên môi trường RM2. Như vậy môi trường RM2 kết hợp giữa nước ruộng muối và nước biển giúp tào tăng trưởng nhanh, ổn định và tiết kiệm phù hợp nuôi cấy D Silina quy mô pilot ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Diệp lục tố, nuôi cấy pilot, Dunaliella salina

**34. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Hạnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 14-16.

**Nội dung:** Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thức hiện pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Tài nguyên nước, pháp luật, kiến nghị

**35. Nâng cao năng lực thực hiện kiểm toán quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công/** Hà Anh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 23 (373) .- Tr. 46-47.

**Nội dung:** Trình bày vấn đề ô nhiễm nguồn nước tại Việt Nam, Thái Lan, Myanma giai đoạn 1992-2018, từ đó nâng cao công tác quản lý nguồn nước lưu vực sông Mê Công.

**Từ khóa**: Nguồn nước, quản lý nguồn nước, sông Mê Công

**36. Nghiên cứu đặc điểm khí hậu và diễn biến khí hậu cực đoan tỉnh Ninh Thuận/** TS. Nguyễn Văn Hồng, PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương, ThS. Nguyễn Quang Huy// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 24 (374) .- Tr. 44-47.

**Nội dung:** Trình bày đặc điểm, xu thế khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa, bốc hơi, gió) và diễn biến các hiện tượng khí hậu cực đoan (hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới) tại tỉnh Ninh Thuận.

**Từ khóa**: Khí hậu, khí hậu cực đoan, biến đổi khí hậu, Ninh Thuận

**37. Nghiên cứu đánh giá ô nhiễm môi trường đất và công tác quản lý chất thải rắn tại khu vực mỏ than Núi Beo, tỉnh Quang Ninh**/ Nguyễn Thị Hoài, Nghiêm Vân Khanh// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 118-121.

**Nội dung**: Trình bày nội dung về kết quả thực hiện xây dựng chương trình quan trắc môi trường đất, khảo sát thực trạng quản lý chất thải rắn phát sinh tại mỏ than Núi Béo tỉnh Quảng Ninh mà nhóm nghiên cứu triển khai năm 2020. Nhằm làm cơ sở hỗ trợ cho cơ quan quản lý tại địa phương sớm có định hướng và giải pháp kịp thời để giảm thiểu ô nhiễm gớp phần thực hiện mục tiêu của Quảng Ninh đến năm 2030 chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu sang xanh”.

**Từ khóa**: Mỏ than, ô nhiễm môi trường, chất thải rắn, công tác quản lý

**38. Nghiên cứu đề xuất phương pháp tính toán số tiền ký quỹ môi trường đối với các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao/** PGS. TS. Phùng Chí Sỹ, TS. Phùng Anh Đức, ThS. Hoàng Thanh Nguyệt// Môi trường .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 56-58.

**Nội dung:** Trình bày về thực trạng và đưa ra phương pháp tính toán số tiền ký quỹ môi trường đối với các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, sản xuất công nghiệp, số tiền ký quỹ môi trường

**39. Nghiên cứu khả năng xử lý chất hữu cơ trong nước thải chế biến cao su tự nhiên bằng thiết bị EGSB/** Dương Văn Nam, Lê Thị Hải Ninh, Nguyễn Đức Núi// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 23 (373) .- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Trình bày khả năng xử lý chất hữu cơ trong nước thải chế biến cao su tự nhiên bằng công nghệ sinh học trên thiết bị EGSB.

**Từ khóa**: Nước thải, cao su tự nhiên, thiết bị EGSB, chất hữu cơ

**40. Nghiên cứu khả năng xử lý chất hữu cơ trong nước thải chế biến cao su tự nhiên bằng thiết bị EGSB/** Dương Văn Nam, Lê Thị Hải Ninh, Nguyễn Đức Núi// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 24 (374) .- Tr. 26-28.

**Nội dung:** Trình bày khả năng xử lý chất hữu cơ trong nước thải chế biến cao su tự nhiên bằng công nghệ sinh học kỵ khí trên thiết bị EGSB.

**Từ khóa**: Chất hữu cơ, nước thải, cao su tự nhiên, thiết bị EGSB

**41. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và một số đề xuất về quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy tại Việt Nam theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020/** Nguyễn Đức Hưng, Đặng Thùy Linh, Phan Thị Tố Uyên// Môi trường .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 52-54.

**Nội dung:** Các quy định về quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quản lý các chất POP, các chất ô nhiễm khó phân hủy theo quy định của Công ước Stockolm và tại một số quốc gia trên thế giới; Đề xuất nội dung quản lý các chất POP và chất ô nhiễm khó phân hủy tại Việt Nam theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Từ khóa**: Chất ô nhiễm khó phân hủy, Luật Bảo vệ môi trường

**42. Nghiên cứu một số khía cạnh môi trường trong canh tác lúa 3 vụ ở xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang/** ThS. Hồ Liên Huê// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 66-69.

**Nội dung:** Đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững khu vực.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, nông nghiệp, canh tác lúa 3 vụ, An Giang

**43. Nghiên cứu phân vùng phát thải khí thải tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025/** TS. Nguyễn Văn Hồng, ThS. Lê Xuân Hòa, ThS. Nguyễn Như Tuệ, ThS. Phan Thành Dân// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 60-62.

**Nội dung:** Trình bày cơ sở phương pháp luận và kết quả phân vùng phát thải khí thải trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Từ khóa**: Khí thải, phân vùng phát thải khí thải, quy hoạch đô thị, Bình Định

**44. Nghiên cứu phân vùng tiếp nhận nguồn nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025/** TS. Nguyễn Văn Hồng, ThS. Trần Minh Sơn, CN. Nguyễn Như Tuệ// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 32-34.

**Nội dung:** Ứng dụng công cụ GIS để xây dựng bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải dựa trên sự chồng ghép các lớp bản đồ chuyên đề khác nhau, các lớp bản đồ này được hiệu chỉnh dựa trên 3 yếu tố: hiện trạng, quy hoạch khai thác sử dụng nguồn tài nguyên; sự thay đổi về đặc trưng dòng chảy thủy văn khu vực nghiên cứu; sự thay đổi hiện trạng môi trường.

**Từ khóa**: Nguồn nước thải, phân vùng xả thải, Bình Định

**45. Nghiên cứu sử dụng nước thải biogas trong trồng cà chua**/ Phạm Trường Giang, Vũ Ngọc Bích, Nguyễn Thị Hồng Vân, Nguyễn Thanh Thủy// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6 (747) .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Giới thiệu kết quả nghiên cứu sử dụng nước thải hầm khí sinh học (biogas) trong trồng cà chua. Kết quả cho thấy, việc thay thế một phần phân bón vô cơ bằng nước thải biogas không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng, tình hình nhiễm một số loại sâu bệnh hại chính, năng suất và chất lượng của cây cà chua. Đây là cơ sở để đánh giá việc sử dụng nước thải biogas cho các loại cây trồng khác nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường, tăng cường tái tuần hoàn dinh dưỡng trong nông nghiệp, góp phần phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Nước thải biogas, trồng cây cà chua, dinh dưỡng nông nghiệp, ô nhiễm môi trường

**46. Nghiên cứu thành phần hóa học trên phân đoạn N3 của cao ethyl acetate cây Dũ dẻ trâu thu hái tại tỉnh Lâm Đồng/** Nguyễn Thị Hoàng Ngân, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Đỗ Thị Kim Liên// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 45-47.

**Nội dung:** Nghiên cứu về thành phần hóa học của các hợp chất cô lập từ cao ethyl acetate của loại cây này để đóng góp them nhiều kiến thức cũng như sự hiểu biết về kho tang dược liệu quý báu của Việt Nam.

**Từ khóa**: Cây Dũ dẻ trâu, ethyl acetate, thành phần hóa học, phân đoạn N3

**47. Nghiên cứu xử lý asen trong nước ngầm ở huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội bằng hệ thống mô phỏng đất ngập nước nhân tạo/** Trần Thị Ngọc, Nguyễn Hoàng Nam, Trần Thanh Hà, Đào Trung Thành, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Hòa// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 22 (372) .- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Đưa ra kết quả xử lý hàm lượng asen trong nước ngầm bằng 3 hệ thống mô phỏng đất ngập nước nhân tạo dòng chảy (HSSF-CWs).

**Từ khóa**: Asen, xử lý hàm lượng asen, nước ngầm

**48. Nghiên cứu xử lý nước thải giặt tẩy bằng đất ngập nước kiến tạo : dòng chảy ngầm theo phương ngang/** Lâm Tiên, PGS. TS. Tôn Thất Lãng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 22 (372) .- Tr. 36-38.

**Nội dung:** Nước thải sẽ được xử lý bằng công nghệ đất ngập nước kiến tạo, với thực vật là cây thủy trúc và cây rau trai. Nghiên cứu thực hiện với 3 mức tải trọng hữu cơ OLR= 10, 20, 30 kgCOD/ha/ngày ứng với các thời gian lưu nước lần lượt là 33,6; 11,2 và 5,6 giờ.

**Từ khóa**: Nước thải giặt tẩy, đất ngập nước kiến tạo, xử lý nước thải

**49. Nghiên cứu xử lý nước thải Nhà máy bia Heineken thành phố Hồ Chí Minh bằng đất ngập nước kiến tạo dòng chảy ngầm theo phương ngang/** Nguyễn Thanh Tú, PGS. TS. Tôn Thất Lãng// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 1+2 (375+376) .- Tr. 107-109.

**Nội dung:** Đánh giá hiệu quả của mô hình đất ngập nước kiến tạo dòng chảy ngầm theo phương ngang xử lý nước thải cho Nhà máy bia Heineken thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Đất ngập nước, dòng chảy ngầm, xử lý nước thải, Nhà máy bia Heineken

**50. Nghiên cứu, đánh giá công tác quản lý và phương hướng sử dụng đất đai hiệu quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** Nguyễn Toàn Thắng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 15-17.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng công tác quản lý đất đai hiện nay và đề xuất phương án quản lý sử dụng đất tăng tính hiệu quả.

**Từ khóa**: Đất đai, quản lý đất đai, phương hướng sử dụng đất đai

**51. Nghiên cứu, đánh giá Luật Biến đổi khí hậu của một số quốc gia trên thế giới và những kinh nghiệm cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Minh Huệ, Hoàng Thị Thảo, Nguyễn Hùng Minh, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Hữu Tài// Môi trường .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 28-30, 65.

**Nội dung:** Tổng quan nội dung trong Luật Biến đổi khí hậu của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đối với việc xây dựng Luật Biến đổi khí hậu cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Luật Biến đổi khí hậu, bài học kinh nghiệm

**52. Nguy cơ ô nhiễm thuốc trừ sâu trên toàn cầu và lưu ý với Việt Nam**/ Cao Thị Thúy, Nguyễn Quốc Trung, Chu Đức Hà, Lê Thị Ngọc Quỳnh, Đào Văn Khởi, Phạm Phương Thu, Lê Huy Hàm// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12 (753).- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Phân tích nguy cơ ô nhiễm thuốc trừ sâu trên toàn cầu và lưu ý với Việt Nam. Ô nhiễm bởi hỗn hợp thuốc trừ sâu là một vấn đề toàn cầu vì các AI có thể gây ra tác động cộng dồn đến toàn bộ các loài sinh vật thông qua những ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp. Cùng với sự gia tăng dân số và nhận thức về ô nhiễm thuốc trừ sâu còn hạn chế thì việc ô nhiễm sẽ có xu hướng tăng dần trong tương lai, nhất là các nước điểm nóng như Nam Phi, Trung Quốc, Ấn Độ, Úc và Argentina. Ở Việt Nam, mục tiêu giảm hóa chất cũng được chú trọng, giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu thay vào công nghệ tiên tiến, sử dụng máy bay không người lái để phun thuốc, vv… Việc sử dụng các công nghệ mới không những giảm được ô nhiễm mà còn giúp đảm bảo tăng năng suất cây trồng, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường và sức khỏe con người.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, thuốc trừ sâu, nông nghiệp

**53. Nhân sự chuyên trách về bảo vệ môi trường tại các cơ sở phát thải lớn : kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam/** ThS. Phạm Ánh Huyền// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 23 (373) .- Tr. 58-60.

**Nội dung:** Nghiên cứu mô hình nhân sự chuyên trách về bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp của các quốc gia gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, từ đó có các đề xuất cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, cơ sở phát thải lớn, nhân sự chuyên trách

**54. Những tồn tại của quá trình phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018-2020/** ThS. Ngô Tùng Lâm// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 73-75.

**Nội dung:** Đưa ra một số nhận định về những tồn tại của quá trình phân loại rác thải tại nguồntrên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018-2020.

**Từ khóa**: Phân loại rác thải, rác thải sinh hoạt, bùn thải

**55. Phân tích chi phí – lợi ích của các mô hình thoát nước và xử lý nước thải cho Thủ đô Viêng Chăn, Công hòa dân chủ nhân dân Lào/** NCS. Xaignavong Langkone, KS. Nguyễn Tiến Quân, GS. TS. Nguyễn Việt Anh// Xây dựng .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 48-53.

**Nội dung:** Trình bày kết quả phân tích chi phí – lợi ích, làm cơ sở lựa chọn mô hình thoát nước khả thi, giữa hai phương án thoát nước và xử lý nước thải khu vực trung tâm Thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào, có diện tích 26 km2, dân số 225.035 người.

**Từ khóa**: Mô hình thoát nước, xử lý nước thải, chi phí, lợi ích, Thủ đô Viêng Chăn

**56. Phát huy vai trò của cộng đồng trong tham gia quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển/** ThS. Hoàng Nhất Thống// Môi trường .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 42-44.

**Nội dung:** Vai trò của tài nguyên biển đối với sinh kế của cộng đồng; Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển; Phát huy vai trò của cộng đồng tham gia quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường biển, tài nguyên môi trường, cộng đồng

**57. Phát triển nền kinh tế xanh, bền vững, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu/** Nguyễn Hoàng// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 1+2 (375+376) .- Tr. 80-81.

**Nội dung:** Thích ứng, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngoài trách nhiệm của nhà nước còn là trách nhiệm của doanh nghiệp, của cả cộng đồng.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, kinh tế xanh, phát thải khí nhà kính

**58. Quản lý chất thải rắn trong quản lý đô thị Việt Nam : những tồn tại và giải pháp/** TS. Bùi Thị Ngọc Lan// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 73-77.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý chất thải rắn trong quá trình quản lý đô thị Việt Nam. Phân tích những tồn tại trong công tác quản lý chất thải rắn và đề xuất một số giải pháp cần thiết nhằm giải quyết những tồn tại đó trong quá trình quản lý đô thị của Việt Nam.

**Từ khóa**: Quản lý chất thải rắn đô thị, quán lý đô thị, tồn tại, giải pháp

**59. Quan niệm về ô nhiễm và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ chất thải nhựa ở Việt Nam/** TS. Bùi Đức Hiển// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 26-28.

**Nội dung:** Quan niệm về ô nhiễm môi trường biển từ chất thải nhựa; Quan niệm kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ chất thải nhựa.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, chất thải nhựa, Việt Nam

**60. Rác thải nhựa : thực trạng báo động và thông điệp 4T**/ Tạ Anh Tuấn// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12 (753) .- Tr. 51-53.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng báo động của rác thải nhựa và thông điệp 4T: Từ chối – Tiết giảm – Tái sử dụng – Tái chế. Ô nhiễm nhựa đang là một mối nguy ảnh hưởng đến môi trường sống tự nhiên của hầu hết các loài. Rác thải nhựa làm tăng phát thải khí nhà kính, thúc đẩy gia tăng tác động tiêu cực đến biến đổi khí hậu, đe dọa sự tồn tại của các sinh vật biển, tăng tốc số suy thoái của các quần thể san hô và ảnh hưởng đến hệ thống vi sinh vật đại dương. Đặc biệt, hạt vi nhựa phân rã ra tự nhiên có mặt trong nước, hải sản, không khí và có thể hấp thụ vào cơ thể con người qua đường ăn uống, hô hấp, để lại những tác hại tiềm ẩn khó lường đối với sức khỏe.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, ô nhiễm nhựa, ô nhiễm môi trường, sức khỏe con người, hệ thống vi sinh vật

**61. So sánh ứng suất tức thời sinh ra trong quá trình phá hủy bằng tia laser trong không khí và trong nước bằng phương pháp mô phỏng**/ Nguyễn Thị Phương Thảo// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6 (49) .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Hình ảnh quang đàn hồi của quá trình phá hủy xung laser trong nước và trong không khí được mô phỏng bằng phương pháp phần tử hữu hạn. Phân bố ứng suất Von Mises trong mẫu được rút ra từ hình ảnh mô phỏng và được so sánh giữa hai trường hợp phá hủy. Kết quả xác nhận rằng phá hủy xung laser trong nước có thể tạo ra ứng suất lớn hơn khoảng 100 lần ứng suất sinh ra trong phá hủy xung laser trong môi trường không khí.

**Từ khóa**: Tia laser, không khí, phương pháp mô phỏng, ứng suất tức thời

**62. Tăng cường quản lý chất thải nhựa : những thách thức và giải pháp/** Nguyễn Hồng Trường// Tài nguyên và Môi trường.- 2021 .- Số 24 (374) .- Tr. 57-58.

**Nội dung:** Trình bày những thách thức từ chất thải nhựa và đưa ra giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Chất thải nhựa, quản lý chất thải

**63. Thách thức và định hướng chính sách trong quy hoạch tài nguyên nước/** Trần Thị Thu Hằng// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 11-13.

**Nội dung:** Những thách thức trong công tác quản lý tài nguyên nước; Định hướng chính sách trong quản lý tài nguyên nước.

**Từ khóa**: Tài nguyên nước, quy hoạch tài nguyên nước

**64. Tham gia EPR : thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với môi trường và cộng đồng/** Nguyễn Minh Thi// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 3 (377) .- Tr. 60-61.

**Nội dung:** Trình bày EPR – công cụ quan trọng để góp phần giảm thiểu rác thải nhựa đại dương và EPR – tăng sức cạnh tranh, thể hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, môi trường.

**Từ khóa**: Rác thải nhựa, ô nhiễm môi trường, doanh nghiệp, cộng đồng, EPR

**65. Thích ứng với biến đổi khí hậu hướng tới đàm phán biến đổi khí hậu tại COP 26/** TS. Chu Thị Thanh Hương, PGS. TS. Lã Thanh Hà// Môi trường .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 12-15.

**Nội dung:** Trình bày những nội dung thích ứng với biển đổi khí hậu trong đàm phán về biến đổi khí hậu, các nội dung về thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam đến năm 2020 và kiến nghị xem xét thực hiện thời gian tới.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, đàm phán, COP 26

**66. Thực trạng chất lượng môi trường không khí Việt Nam giai đoạn 2016-2020 và đề xuất giải pháp cải thiện trong 5 năm tới/** GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng// Môi trường .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 41-44.

**Nội dung:** Các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu; Thực trạng môi trường không khí ở nước ta; Một số thách thức ô nhiễm không khí trong 5 năm tới; Kiến nghị các giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường không khí nước ta trong 5 năm tới.

**Từ khóa**: Ô nhiễm không khí, bảo vệ môi trường

**67. Thực trạng môi trường và đề xuất một số giải pháp giảm thiểu ô nhiễm tại các làng nghề trên địa bàn huyện Thường Tín, Hà Nội/** Bùi Thị Cẩm Tú// Môi trường .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 49-51.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề trên địa bàn huyện Thường Tín, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường cho các làng nghề.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, làng nghề, môi trường, Hà Nội

**68. Thực trạng và chính sách phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực rác thải điện tử/** PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ, TS. Nguyễn Trung Thắng, ThS. Dương Thị Phương Anh, ThS. Nguyễn Thế Thông// Môi trường .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 46-48.

**Nội dung:** Tổng quan thực trạng về rác thải điện tử ở Việt Nam, đánh giá các khó khan vướng mắc trong công tác quản lý từ đó đưa ra các đề xuất để thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực rác thải điện tử.

**Từ khóa**: Rác thải điện tử, kinh tế tuần hoàn

**69. Thực trạng và chính sách thu hút đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân vào lĩnh vực xử lý nước thải ở Việt Nam/** Nguyễn Thị Thanh Huyền, Lại Văn Mạnh, Nguyễn Trọng Hạnh// Môi trường .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Hệ thống hóa cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế, từ đó phân tích, đánh giá thực trạng và chính sách thu hút đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân vào lĩnh vực xử lý nước thải ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh tế tư nhân, xử lý nước thải, đầu tư

**70. Tình hình thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam/** ThS. Hoàng Thị Hiền, ThS. Nguyễn Thế Thông, ThS. Dương Thị Phương Anh// Môi trường .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 31-33.

**Nội dung:** Giới thiệu kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam đến năm 2020.

**Từ khóa**: Phát triển bền vững, môi trường

**71. Tổng quan hiện trạng ô nhiễm thuốc trừ sâu trong đất tại Việt Nam và đề xuất phương pháp xử lý hiệu quả/** Trịnh Thị Lưu Chương, Trần Khánh Băng, ThS. Nguyễn Tân Xuân Tùng// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 3 (377) .- Tr. 35-37.

**Nội dung:** Tổng quan, đánh giá hiện trạng ô nhiễm thuốc trừ sâu trong đất tại Việt Nam và đề xuất phương pháp xử lý hiệu quả nhằm góp phần hệ thống hóa cơ sở dữ liệu bao gồm: 10 tỉnh/ thành có hàm lượng thuốc trừ sâu trong đất nông nghiệp và phi nông nghiệp đang ở mức báo động và vượt ngưỡng tiêu chuẩn do Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam quy định.

**Từ khóa**: Ô nhiễm thuốc trừ sâu, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp

**72. Tổng quan về ứng dụng cảm biến sinh học trong lĩnh vực môi trường/** Nguyễn Hồng Yến Nhi, Trịnh Thị Bích Huyền, Tôn Thiện Phương, Đặng Vũ Bích Hạnh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 24 (374) .- Tr. 20-22.

**Nội dung:** Phân tích từng loại cảm biến sinh học dựa trên tế bào thường ứng dụng khá nhiều trong giám sát các chất ô nhiễm môi trường nhờ vào đặc tính đơn giản. Đối với các cấu tử ô nhiễm có nồng độ thấp thì cảm biến dựa trên enzyme.

**Từ khóa**: Cảm biến sinh học, ô nhiễm môi trường

**73. Ứng dụng chỉ số đa dạng sinh học và chỉ số môi trường để đánh giá chất lượng môi trường nước tại vùng biển ven bờ khu kinh tế Dung Quất, Quảng Ngãi/** Nguyễn Kiều Hoa, Nguyễn Thị Thu Nhạn, Nguyễn Đình Tứ// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 24 (374) .- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Xác định cấu trúc quần xã tuyến trùng, các chỉ số đa dạng sinh học của chúng và đánh giá được hiện trạng chất lượng nước thông qua sinh vật chỉ thị là quần xã Tuyến trùng tại vùngbiển ven bờ khu kinh tế Dung Quất, Quảng Ngãi.

**Từ khóa**: Đa dạng sinh học, chỉ số môi trường, chất lượng môi trường nước, khu kinh tế, vùng ven biển

**74. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống cấp nước đô thị thông minh tại Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Thị Ngọc Dung, TS. Nguyễn Văn Hiển, ThS. Nguyễn Thành Công, ThS. Phạm Huy Bằng// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 114-116.

**Nội dung:** Ứng dụng công nghệ thông tin để tự động hóa công tác vận hành trong sản xuất nước, sử dụng hệ thống thông tin địa lý để quản lý mạng lưới cấp nước và kỹ thuật số hóa đảm bảo phương thức thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

**Từ khóa**: Quản lý hệ thống cấp nước, đô thị thông minh, công nghệ thông tin

**75. Ứng dụng mô hình Mike đánh giá biến động chất lượng nước trên lưu vực sông Lô thuộc địa phận tỉnh Hà Giang/** Nguyễn Hải Đăng, Lê Anh Trung, Vũ Văn Doanh// Tài nguyên và Môi trường .- 2022 .- Số 3 (377) .- Tr. 41-43.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu và ứng dụng mô hình Mike đánh giá biến động chất lượng nước trên lưu vực sông Lô thuộc địa phận tỉnh Hà Giang, hướng tới hỗ trợ công tác quản lý tài nguyên nước tại địa phương đồng thời góp phần bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Chất lượng nước, mô hình Mike, sông Lô, quản lý nước thải

**76. Vai trò của cộng đồng doanh nghiệp và hộ gia đình tham gia quản lý chất thải rắn sinh hoạt và bảo vệ môi trường/** GS. TS. Trần Hiếu Nhuệ, ThS. Nguyễn Quốc Công, Nguyễn Danh Trường, ThS. Phạm Thị Bích Thủy// Môi trường .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 59-61.

**Nội dung:** Tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt và bảo vệ môi trường; Một số khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của doanh nghiệp và hộ gia đình tham gia quản lý chất thải rắn sinh hoạt và bảo vệ môi trường; Giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt và bảo vệ môi trường của cộng đồng doanh nghiệp, hộ gia đình.

**Từ khóa**: Chất thải rắn sinh hoạt, bảo vệ môi trường, cộng đồng doanh nghiệp, hộ gia đình

**77. Vấn đề bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh/** PGS. TS. Mai Trọng Thông// Môi trường .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 41-45.

**Nội dung:** Thực hiện quy hoạch môi trường nhằm mục đích lồng ghép vấn đề môi trường vào các quy hoạch phát triển cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh – lý luận và thực tiễn; Các văn bản pháp lý về thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, quy hoạch môi trường

**78. Vấn đề liên kết sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trong xây dựng các quy hoạch vùng/** Đặng Trung Tú, Phạm Thanh Hải, Vũ Đăng Tiếp, Phan Thị Thu Hương, Nguyễn Anh Tuấn// Môi trường .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 18-20.

**Nội dung:** Thực trạng liên kết trong sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường vùng; Kinh nghiệm quốc tế về liên kết sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch vùng; Đề xuất một số định hướng đẩy mạnh liên kết sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch vùng.

**Từ khóa**: Bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường, quy hoạch vùng

**79. Xây dựng bản đồ trữ lượng nước dưới đất cho thị xã Vĩnh Châu bằng mô hình iMOD/** Nguyễn Đình Giang Nam, Phan Thị Thúy Duy, Lê Anh Tuấn// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 23 (373) .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Nghiên cứu xây dựng kịch bản vềtrữ lượng nước dưới đất bằng mô hình iMOD và đề xuất giải pháp khai thác bền vững cho thị xã Vĩnh Châu.

**Từ khóa**: Nước dưới đất, mô hình iMOD, bản đồ

**80. Xây dựng luật pháp và chính sách liên quan đến rác thải nhựa đại dương : kinh nghiệm thế giới và bài học cho Việt Nam/** Vũ Hải Đăng, Nguyễn Thị Xuân Sơn// Môi trường .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 19-21.

**Nội dung:** Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng pháp luật, chính sách liên quan đến rác thải nhựa đại dương liên quan trên thế giới và từ đó rút ra bài học cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Luật pháp, chính sách, rác thải nhựa đại dương

**81. Xây dựng và triển khai công cụ tạo lập thị trường trong kiểm soát ô nhiễm nước thải, khí thải : kinh nghiệm thế giới và bài học cho Việt Nam/** Lê Thị Phượng, Nguyễn Thị Trang// Môi trường .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 41-43.

**Nội dung:** Trình bày kinh nghiệm thế giới trong xây dựng và triển khai nhóm công cụ tạo lập thị trường. Một số gợi ý rút ra cho Việt Nam đối với thị trường mua bán giấy phép xả thải nước thải và khí thải.

**Từ khóa**: Nước thải, khí thải, ô nhiễm môi trường

**82. Xử lý ô nhiễm môi trường và nguồn nước vùng thiên tai, bão lũ bảo đảm sức khỏe người dân/** Nguyễn Hoàng Hà// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 20 (370) .- Tr. 47-48.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng ô nhiễm môi trường, nguồn nước nghiêm trọng và triển khai các giải pháp xử lý ô nhiễm.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, nguồn nước, thiên tai, bão lũ

**GIÁO DỤC**

**1. Các hình thức tổ chức và quy trình áp dụng phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ**/ Nguyễn Thanh Tuấn// Khoa học Đại học Quảng Nam .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 126-132.

**Nội dung**: Trong quá trình dạy và học, giảng viên sinh viên có thể sử dụng một phương pháp hay kết hợp nhiều phương pháp với nhau. Điều này tùy thuộc vào điều kiện thực tế, trình độ năng lực, kỹ năng giáo dục của giảng viên, đặc biệt là hình thức tổ chức giảng dạy. Bài viết tác giả tập trung nghiên cứu các nọi dung: bản chất của đào tạo, hình thức tổ chức giảng dạy theo học chế tín chỉ và quy trình áp dụng phương pháp dạy học trong đào tạo theo học tín chỉ.

**Từ khóa**: Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, tín chỉ, quy trình áp dụng

**2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả dạy và học trực tuyến các môn lý luận chính trị tại Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh**/ Lê Thanh Hòa, Đặng Thị Minh Phượng// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 235-246.

**Nội dung**: Dạy học trực tuyến trở thành xu thế mới của thế giới, mang lại nhiều ưu điển như: giảm chi phí học tập, đi lại tổ chức thi, quản lý lớp học, đào tạo, tiết kiệm thời gian, chủ động linh hoạt. Để tổ chức dạy học trực tuyến các môn lý luận chính trị có hiệu quả cao, cần có những nghiên cứu để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả. Nghiên cứu nhóm tác giả trên 514 người học để có số liệu phân tích yếu tố ảnh hưởng và đưa ra giải pháp nâng cao hieuj quả học trực tuyến.

**Từ khóa**: Dạy học trực tuyến, lý luận chính trị, phương pháp giảng dạy

**3. Cảm xúc đối với việc học trực tuyến của sinh viên**/ Huỳnh Mai Trang, Mai Hồng Đào// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 10 .- Tr. 1799-1806.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu về cảm xúc đối với việc học trực tuyến đã thực hiện trên 553 sinh viên của trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. Cảm xúc được khảo sát bao gồm cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ các cảm xúc tích cự cao hơn cảm xúc tiêu cực. Điều kiện học tập và trao đổi đến bạn bè đều tác động đến cảm xúc của sinh viên Nhưng ảnh hưởng của điều kiện học tập la rõ rệt hơn.

**Từ khóa**: Học trực tuyến, sinh viên, cảm xúc

**4. Chính sách giáo dục của Anh tại Malaya và Hà Lan tại Indonesia từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX/** Nguyễn Hữu Phúc// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 6(255) .- Tr. 58-68.

**Nội dung**: Phân tích và làm rõ các nội dung chính của chính sách giáo dục của Anh và Hà Lan ở thuộc địa Malaya và Indonesia. Thông qua đó, rút ra những điểm tương đồng trong chính sách giáo dục của Anh ở Malaya và Hà Lan ở Indonesia trong thời kỳ thuộc địa.

**Từ khóa**: Chính sách giáo dục, chính quyền thuộc địa Anh, chính quyền thuộc địa

**5. Chương trình đào tạo giáo viên từ góc nhìn của sinh viên /** Dương Thị Hồng Hiếu, Lê Thị Thu Liễu, Nguyễn Hoàng Thiện, Khuất Hữu Anh Tuyến// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 4 .- Tr. 690-703.

**Nội dung:** Bài viết tập trung tìm hiểu các đánh giá việc thực hiện các chương trình đào tạo giáo viên và các đề xuất nhằm cải tiến công tác này tại một trường đào tạo giáo viên ở Việt Nam – Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh từ góc nhìn của sinh viên năm cuối. Kết quả đánh giá người học đạt được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp ở mức tốt trở lên. Tuy nhiên năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh còn thấp so với các năng lực phẩm chất khác.

**Từ khóa**: Đại học Sư Phạm, sinh viên, chương trình đào tạo, giáo viên

**6. Đánh giá của giảng viên về hiệu quả giảng dạy online tại Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh**/ Phạm Thị Oanh, Đào Thị Nguyệt Anh, Đỗ Thị Thìn, Lý Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc Điệp// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 220-234.

**Nội dung**: Dữ liệu thu thập bằng câu hỏi khảo sát, với sự tham gia của 126 giảng viên. Giảng viên đánh giá cao nỗ lực hứng thú của sinh viên trong giờ học. Tuy nhiên mức độ tương tác giữa giảng viên học sinh còn thấp. Mức độ tiếp thu bài và kết quả học giữa truyền thống và online chênh lệch đáng kể. Dựa trên kết quả thu được nhóm nghiên cứu đề xuất một só giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy trực tuyến tại IUH.

**Từ khóa**: Giảng viên, sinh viên, phương pháp dạy, dạy học trực tuyến

**7. Đề xuất đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành biên – phiên dịch, ngành ngôn ngữ Trung Quốc**/ Võ Trung Định// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2021 .- Tập 5 số 2 .- Tr. 149-161.

**Nội dung**: Nghiên cứu điều tra phản hồi của người học chuyên ngành biên – phiên dịch về mức độ phù hợp của phương pháp dạy học đối với từng học phần, từ đó đề xuất điều chỉnh đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với định hướng nghề nghiệp thời kỳ mới. Kết quả nghiên cứu đã làm cơ sở cho nhiều kiến nghị đối với cơ sở đào tạo cũng như giảng viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành biên – phiên dịch tiếng Trung Quốc.

**Từ khóa**: Phương pháp giảng dạy, chất lượng đào tạo, biên – phiên dịch, tiếng Trung Quốc

**8. Định hướng giáo dục – đào tạo cho Việt Nam trước tác động cách mạng công nghiệp 4.0**/ Trương Khánh Vọng// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 11 .- Tr. 6-7, Tr. 14.

**Nội dung**: Định hướng giáo dục – đào tạo cho Việt Nam trước tác động cách mạng công nghiệp 4.0 để chuẩn bị cho thế hệ tương lai và tăng năng lực cạnh tranh của người Việt chúng ta cần xây dựng một hệ thống giáo dục – đào tạo thức đẩy đổi mới và sáng tạo, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học tập suốt đời và khả năng phát triển lâu dài của người học.

**Từ khóa**: Định hướng giáo dục, chương trình đào tạo, cách mạng công nghiệp 4.0

**9. Giáo dục và đào tạo với nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**/ Thái Nguyên Hoàng Giang// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 11 .- Tr. 8-10.

**Nội dung**: Giáo dục và đào tạo đóng vai trò quan trọng trong đào tạo chất lượng nguồn nhân lực. Muốn đạt được nguồn nhân lực chất lượng cao đòi hỏi hệ thống giáo dục Việt Nam phải được đầu tư và nâng cao. Cần đổi mới căn bản toàn diện đào tạo giáo dục, đưa ra giải pháp thiết thực để nâng cao cạnh tranh, phục vụ yêu cầu ứng dụng khoa học, đổi mới mô hình tăng trưởng cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện địa hóa đất nước.

**Từ khóa**: Giáo dục, chương trình đào tạo, nguồn nhân lực, chất lượng cao

**10. Giáo dục Đại học quốc tế ở Canada trong bối cảnh bình thường mới**/ Trần Thị Thu Hường// Châu Mỹ ngày nay .- 2021 .- số 7(280) .- Tr. 59-66.

**Nội dung**: Phác thảo mô hình đào tạo Đại học quốc tế mới và chỉ ra các cơ hội tiềm năng cho phát triển giáo dục quốc tế của Canada sau đại dịch Covid-19.

**Từ khóa**: Canada, Covid-19, giáo dục, Đại học Quốc tế

**11. Giải pháp nâng cao hiệu quả học trực tuyến môn Giáo dục Thể chất cho học sinh, sinh viên trong mùa dịch Covid-19**/ Hoàng Ngọc Sơn, Đào Thanh Sơn// Dạy và học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 12 .- Tr. 26-27.

**Nội dung**: Trình bày một số khái niệm về dạy học trực tuyến, thực trạng dạy học trực tuyến trong mùa dịch. Một số cơ sở giáo dục còn gặp nhiều khó khăn khi dạy môn giáo dục thể chất trực tuyến, học sinh chưa có thói quen thích nghi, thầy cô giáo cần đổi mới phương pháp dạy học. Từ những hạn chế cần khắc phục tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến môn giáo dục thể chất.

**Từ khóa**: Phương pháp giảng dạy, học trực tuyến, giáo dục thể chất

**12. Giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên hệ liên thông của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội**/ Bùi Thị Hồng Minh// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 11 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu làm rõ thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên, phần lớn sinh viên ý thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với nhiệm vụ học tập cũng như đối với hoạt động nghề nghiệp. Hình thức nghiên cứu chưa đa dạng, chưa có sự đầu tư nhiều vê thời gian. Từ những nghiên cứu trên tác giả đã đưa ra một số kiến nghị giải pháp nhằm xây dựng kế hoạch nghiên cứu hoàn thiện hơn và đổi mới hơn.

**Từ khóa**: Nghiên cứu khoa học, Đại học liên thông, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**13. Hướng dẫn học viên Sau Đại học viết các nội dung cấu trúc trong bài báo khoa học theo thông lệ quốc tế**/ Nguyễn Thu Tuấn// Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 11 .- Tr. 20-21.

**Nội dung**: Bài báo nêu và phân tích cấu trúc khoa học của một bài báo khoa học theo thông lệ quốc tế giúp các học viên Sau Đại học nắm chắc được những quy chuẩn trong cấu trúc một bài báo khoa học, qua đó mong muốn các học viên Sau Đại học sẽ viết được các bài báo khoa học có chất lượng cao để công bố trên tạp chí khoa học có uy tín ở trong và ngoài nước.

**Từ khóa**: Sau Đại học, bài báo khoa học, nghiên cứu khoa học

**14. Một số bàn luận về kiểm huấn thực hành cho sinh viên ngành công tác xã hội tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Ngọc Bích, Lưu Mạnh Hùng, Võ Thị Tường Vy// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 7 .- Tr. 1223-1232.

**Nội dung:** Bài viết đề cập những thông tin tổng quan về khái niệm, đặc trưng, mục đích, vai trò, chức năng của kiểm huấn thực hành công tác xã hội và những yêu cầu mang tính đặc thù kiểm huấn thực hành tại Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. Bài viết trình bày các khái niệm công cụ mục đích và chức năng của kiểm huấn thực hành cho sinh viên công tác xã hội, một số yêu cầu cần có của người làm công tác kiểm huấn thực hành cho sinh viên như năng lực chuyên môn về công tác xã hội, có kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng giao tiếp, điều phối duy trì mạng lưới thực hành công tác xã hội.

**Từ khóa**: Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, công tác xã hội, kiểm huấn viên

**15. Một số nhân tố ảnh hưởng đến nỗ lực học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh/** Ngô Ngọc Hưng, Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Anh Dũng// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 87-98.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định ảnh hưởng của các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ sinh viên của trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh đối với nỗ lực học tập của sinh viên. Dữ liệu thu thập qua hình thức khảo sát bằng phiếu câu hỏi với sự tham gia của 500 sinh viên. Kết quả cho thấy các nhân tố có mối tương đồng biến với nỗ lực học tập của sinh viên. Để thúc đẩy nỗ lực học tập của sinh viên cần phải tăng cường các hoạt động phát triển tư duy bậc cao, học tập thông qua tích hợp và chiêm nghiệm, chương tình học tập và kiểm tra, đánh giá, tạo điều kiện để sinh viên tương tác nhiều hơn với giảng viên, tăng độ khó và đa dạng hóa hình thức thi.

**Từ khóa**: Nỗ lực học tập, phương pháp giảng dạy, phát triển tư duy

**16. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả khi dạy học trực tuyến**/ Hoàng Thị Kiên // Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 11 .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Dạy học trực tuyến đang là hình thức giáo dục phổ biến ở nhiều quốc gia. Tuy nhiên giáo dục trực tuyến còn tiềm ần nhiều nguy cơ thách thức nhưng cũng tạo ra nhiều cơ hội phát triển. Vì vậy cần có kế hoạch, thực nghiệm và phương pháp giảng dạy cụ thế giúp nâng cao chất lượng đào tạo. Từ đó đưa ra giải pháp đề xuất kịp thời giúp người dạy và người học hiểu và đạt được kết quả cao nhất.

**Từ khóa**: Dạy học trực tuyến, chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo.

**17. Một số giải pháp nhằm lan tỏa tình yêu sách và đam mê đọc sách cho học sinh, sinh viên Việt Nam**/ Trịnh Thị Hợp, Nguyễn Ngọc Thúy Sơn// // Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 11 .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Đọc sách là nhu cầu thiết yếu là nguồn năng lượng quan trọng cho phát triển dân trí đặc biết đối với học sinh, sinh viên. Bài báo đề cập đên vai trò quan trọng của sách đối với người đọc nói chung và học sinh sinh viên nói riêng, giúp người đọc rèn luyện kỹ năng đọc, sáng tạo, năng lực ngôn ngữ ghi nhớ và lòng đam mê với sách. Từ đó đưa ra giải pháp để lan tỏa tình yêu niềm đam mê đọc sách đên giới trẻ và thế hệ các em trong tương lai.

**Từ khóa**: Đam mê đọc sách, tình yêu sách

**18. Nâng cao chất lượng hội thảo khoa học theo hình thức trực tuyến**/ Nguyễn Quốc Tuấn // Dạy và Học ngày nay .- 2021 .- Kì 1 tháng 11 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế - xã hội của thế giới. Bên cạnh đảm bảo cuộc sống con người thì thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đã mở ra thời cơ chuyển đổi số, hoạt động dạy và học vẫn diễn ra trong trạng thái bình thường mới. Bởi vậy nghiên cứu vấn đề nâng cao chất lượng hội thảo khoa học là việc làm có ý nghĩa quan trọng để chỉ ra ưu điểm, hạn chế và đề xuất một số giải pháp phát triển vấn đề này.

**Từ khóa:** Nghiên cứu khoa học, hội thảo, chất lượng khoa học, trực tuyến

**19. Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học ở Việt Nam hiện nay**/ Phạm Thị Lan// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 29-34.

**Nội dung:** Nước ta hiện nay đang trong giai đoạn chịu sự tác động mạnh mẽ của xu thế hội nhập quốc tế với nhiều biến động phức tạp của xã hội. Trước những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận sinh viên thì việc giáo dục đạo đức cho sinh viên Việt Nam càng trở nên quan trọng và cần thiết. Trong bài viết này, tác giả tập trung luận giải những lý thuyết cơ sở của vấn đề đạo đức và giáo dục đạo đức, phân tích nguyên nhân ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp khắc phục vấn đề cho sinh viên Đại học ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Đạo đức, sinh viên, giáo dục đạo đức, giáo dục Đại học

**20. Nhận thức của giáo viên Tiếng Anh chuyên ngành về các bước xây dựng chương trình tại một số trường Đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**/ Huỳnh Thị Hoa Sen, Trần Văn Phước// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2021 .- Tập 5 số 2 .- Tr. 199-213.

**Nội dung**: Xây dựng chương trình Tiếng Anh chuyên ngành đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đáp ứng nhu cầu học tập của nhóm người học cụ thể. Vai trò của giáo viên trong xây dựng chương trình Tiếng Anh chuyên ngành rất quan trọng vì thường ít có tài liệu phù hợp nhất với một nhóm người học với nhu cầu cụ thể. Bài viết nhằm tìm hiểu nhận thức của giáo viên về các bước xây dựng chương trình Tiếng Anh chuyên ngành. Dữ liệu được thu thập từ 78 giáo viên Tiếng Anh chuyên ngành từ bốn trường Đại học Thành phố Hồ Chí Minh qua công cụ bảng hỏi và phỏng vấn.

**Từ khóa**: Phương pháp giảng dạy, Tiếng Anh chuyên ngành, chương trình đào tạo

**21. Nghiên cứu ngôn ngữ và dạy – học ngoại ngữ : đường hướng siêu ngành**/ Lê Văn Canh, Cầm Tú Tài// Khoa học Đại học Quảng Nam .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 3-16.

**Nội dung:** Nghiên cứu ngôn ngữ và giảng dạy ngoại ngữ theo đường hướng siêu ngành là cách tiếp cận vận dụng tri thức tổng hợp của nhiều lình vực và nhiều ngành khoa học liên kết các quá trình, thiết lập mối quan hệ qua lại trong tổng thể nhiều mối quan hệ khác nhau để phát triển tri thức chung. Bài viết trình bày về đường hướng tiếp cận siêu ngành như một chuẩn thức mới trong nghiên cứu về ngôn ngữ và dạy học ngoại ngữ. Mục đích của bài viết là tạo diễn đàn thảo luận về những định hướng nghiên cứu về ngôn ngữ và giảng dạy ngoại ngữ theo chuẩn thức mới của thế kỷ 21.

**Từ khóa**: Nghiên cứu ngôn ngữ, dạy và học, ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy

**22. Nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành kế toán trước xu thế hội tụ kế toán quốc tế trong kỉ nguyên số**/ Nguyễn Thị Thanh Thắm, Phạm Thị Minh Nguyệt// Khoa học Đại học Quảng Nam .- 2021 .- Số 21 .- Tr. 88-98.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện khảo sát nhận thức về vấn đề giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành với 120 đối tượng giảng viên giảng dạy cho các sinh viên chuyên ngành kế toán tại các trường Đại học, Cao đẳng. Thông qua nghiên cứu tác giả chỉ ra thực trạng đối với việc giảng dạy, đề xuất phương hướng giúp giảng viên người học định hướng nâng cao khả năng nhận thức và tiếp cận Tiếng Anh chuyên ngành. Từ đó nâng cao hiểu biết và cách tiếp cận vấn đề trước xu hướng hội nhập trong kỉ nguyên số.

**Từ khóa:** Phương pháp giảng dạy, kế toán, Tiếng Anh chuyên ngành, kỉ nguyên số

**23. Phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân cho sinh viên Đại học Việt Nam theo tiếp cận mô hình 7C**/ Nguyễn Thị Yến Ngọc// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 07 (191) .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Nhiều nhà quản trị Đại học đã xem mô hình 7C là một mô hình nâng cao năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân cho thế hệ trẻ trong thế kỳ XXI. Nội dung cốt lõi của mô hình 7C là định hình khái niệm tự chủ và trách nhiệm cá nhân như là một quá trình bao trùm, chứ không chỉ là vị trí, chức vụ. Với đặc trưng và nội dung cốt lõi nên mô hình 7C đã được nhiều trường Đại học ở các nước phát triển vận dụng phát triển năng lực tự chủ cho sinh viên.

**Từ khóa**: Giáo dục Đại học, phát triển năng lực tự chủ, mô hình 7C

**24. Quá trình hợp tác giáo dục và đào tạo Hàn Quốc – Việt Nam (2001-2017)**/ Hoàng Văn Hiển, Trần Thị Hợi// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 12(250) .- Tr. 41-49.

**Nội dung**: Tập trung phân tích, luận giải các nhân tố tác động đến sự hợp tác, các khía cạnh hợp tác chủ yếu với những thành tựu và vấn đề đặt ra, đồng thời đề cập các giải pháp thúc đẩy hợp tác giữa hai nước trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, hợp tác giáo dục và đào tạo, Việt Nam

**LUẬT HỌC**

**1. Áp dụng thời hiệu khởi kiện với yêu cầu phản tố có hay không?/** Trần Minh Tuấn// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.50 - 52.

**Nội dung:** Việc có áp dụng các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu phản tố của bị đơn hay không là vấn đề chúng tôi cho rằng không mới, khá phổ biến nhưng lại phức tạp. Thực tiễn cho thấy vẫn tồn tại các quan điểm và cách xử lý trái ngược nhau trong chính các cơ quan tiến hành tố tụng, trong giới Luật sư và những người làm công tác nghiên cứu pháp luật.

**Từ khoá:** Áp dụng thời hiệu với yêu cầu phản tố, Áp dụng thời hiệu khởi kiện, yêu cầu phản tố.

**2. Ai bảo vệ quyền lợi luật sư khi hành nghề**?/ Đào Ngọc Lý// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.48 - 49.

**Nội dung:** Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư trong hành nghề là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư, đã được quy định rõ trong Luật Luật sư năm 2006 ( sửa đổi năm 2012 ) và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

**Từ khoá:** Bảo vệ quyền lợi luật sư, luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

**3. ASEAN và vấn đề an ninh mạng**/ Đặng Nhật Duy// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.18 - 24.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, an ninh mạng là vấn đề an ninh phi truyền thống mà các quốc gia thường xuyên phải đối mặt. ASEAN nhận thấy sự cần thiết của việc đảm bảo an ninh mạng khỏi các mối đe dọa phổ biến như sự xâm nhập mạng xuyên quốc gia của các tổ chức tội phạm và khủng bố. Lý do vì không gian mạng không có biên giới lãnh thổ nên việc các quốc gia ban hành chính sách pháp luật đơn lẻ sẽ không thể giải quyết được những vấn đề an ninh mạng phát sinh trong thực tiễn. Chính vì vậy, vai trò của ASEAN là một cộng đồng chung trong việc đảm bảo an toàn trên không gian mạng cần được nâng cao hơn nữa.

**Từ khoá:** ASEAN; an ninh mạng; tội phạm mạng; chiến tranh mạng; đội ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính; Hiệp định khung e-ASEAN, Đông Nam Á.

**4. Bàn về sự sẵn sàng của các chủ thể tham gia hoạt động cải cách hành chính Nhà nước**/ Nguyễn Ngọc Toán// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.13 - 17.

**Nội dung:** Sự sẵn sàng tâm lý và chủ động tích cực tham gia cải cách hành chính nhà nước của các chủ thể trong hệ thống chính trị và các chủ thể có liên quan sẽ góp phần quan trọng cho cải cách hành chính nhà nước đạt kết quả tốt đẹp. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích một số khía cạnh liên quan đến sự sẵn sàng của các chủ thể tham gia cải cách hành chính nhà nước hiện nay và đưa ra các kiến nghị nhằm góp phần khơi dậy sự sẵn sàng của các chủ thể chưa sẵn sàng cải cách hành chính nhà nước.

**Từ khoá:** Sự sẵn sàng chủ động, cải cách hành chính nhà nước.

**5. Biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và những nội dung cần hướng dẫn thi hành**/ Hà Quang Thanh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.47 - 50.

**Nội dung:** Ngày 13/11/2020, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (Luật Xử lý VPHC), có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Trong đó, nhiều nội dung quan trọng liên quan đến biện pháp “đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” như đối tượng bị áp dụng, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc… đã được sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, để bảo đảm cho việc thi hành Luật Xử lý VPHC về biện pháp “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” được thống nhất, phát huy hiệu lực, hiệu quả, một số quy định của Luật cần được tiếp tục hướng dẫn cụ thể.

**Từ khoá:** Vi phạm hành chính, biện pháp xử lý hành chính, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**6. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong pháp luật xử phạt vi phạm hành chính**/ Cao Vũ Minh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 19(443).- Tr.34 - 41.

**Nội dung:** Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu hậu quả đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính. Trong số các biện pháp khắc phục hậu quả được qui định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020, buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường là biện pháp đặc biệt. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích những qui định của pháp luật hiện hành về biện pháp khắc phục hậu quả này, chỉ ra một số bất cập về đề xuất hướng hoàn thiện.

**Từ khoá:** Vi phạm hành chính, biện pháp xử lý hành chính, ô nhiễm môi trường.

**7. Biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân theo luật tố tụng hình sự Việt Nam**/ Trần Quốc Minh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.27 - 34.

Nội dung: Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung trình bày, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân trong luật tố tụng hình sự Việt Nam; phân tích quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân và chỉ ra những hạn chế trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp này ở nước ta trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Biện pháp cưỡng chế, pháp nhân, luật tố tụng hình sự Việt Nam.

**8. Bàn về người giám hộ trong tố tụng hình sự**/ Dương Tấn Thanh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.39 - 41.

**Nội dung:** Việc xác định người giám hộ của người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi trong vụ án hình sự có ý nghĩa rất quan trọng, vì đây là cơ sở để xác định đúng người đại diện hợp pháp cho người tham gia tố tụng là người dưới 18; qua đó, đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của người chưa thành niên. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc xác định người giám hộ của người chưa thành niên trong một số trường hợp vẫn còn khó khăn, vướng mắc do không có quy định hoặc hướng dẫn cụ thể.

**Từ khoá:** Người giám hộ; tố tụng hình sự; người dưới 18 tuổi.

**9. Bảo đảm tiếp cận nguồn vốn cho hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam nhìn từ góc độ pháp lý**/ Bùi Hữu Toàn// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.27 - 35.

**Nội dung:** Vốn có ý nghĩa vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn trở thành rào cản phổ biến nhất khi thực hiện hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có những quy định về tiếp cận vốn cho hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nhưng để tiếp cận nguồn vốn là chìa khoá thúc đẩy cho hoạt động đổi mới sáng tạo ở Việt Nam, các quy định của pháp luật cần được tiếp tục hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn.

**Từ khoá:** Nguồn vốn, hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, pháp luật.

**10. Bảo vệ người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ khi tham gia hoạt động tố tụng dân sự**/ Trần Ngọc Tuấn// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 23(447).- Tr.31 - 40.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích các quy định của pháp luật dân sự, tố tụng dân sự về người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; về cơ chế bảo vệ nhóm đối tượng này khi tham gia vào hoạt động tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, tác giả phân tích những bất cập từ thực tiễn xét xử về tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, đối chiếu với pháp luật ở các quốc gia khác và đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

**Từ khoá:** Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bảo vệ người có khó khăn trong nhận thức; tố tụng dân sự.

**11. Bất cập về áp dụng thời hạn xử phạt vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính/ Hoàng Minh Khôi**// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 24(448).- Tr.31 - 35.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích những bất cập của các qui định về thời hạn trong Luật Xử lý vi phạm hành chính và việc áp dụng các qui định này qua một số hình thức xử phạt vi phạm hành chính cụ thể hiện nay. Tác giả cho rằng, trên thực tế trong những trường hợp nhất định, việc áp dụng thời hạn xử phạt vi phạm hành chính đã tác động làm xấu hơn tình trạng yếu thế của người vi phạm hành chính. Từ đó, tác giả kiến nghị giải pháp hoàn thiện các qui định về thời hạn trong Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**Từ khoá:** Thời hạn xử phạt vi phạm hành chính; Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**12. Bất động sản du lịch ở Việt Nam - Thực trạng phát triển và kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật**/ Đoàn Văn Bình// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 11.- Tr.41 - 54.

**Nội dung:** Bài viết phân tích 1) Khái niệm, đặc điểm, vai trò của Bất động sản du lịch; 2) Thực trạng thị trường bất động sản du lịch và hệ thống chính sách, pháp luật liên quan; 3) Kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản du lịch phát triển ổn định, bền vững.

**Từ khoá:** Bất động sản du lịch, kinh doanh bất động sản du lịch; chính sách, pháp luật, kiến nghị hoàn thiện.

**13. Bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt và khả năng áp dụng trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam**/ Nguyễn Phương Thảo// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 11.- Tr.70 - 69.

**Nội dung:** Bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt là nguyên tắc được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nguyên tắc này không được ghi nhận trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong dân sự nói chung cũng như trong sở hữu trí tuệ. Bài viết phân tích cơ sở lí luận và thực tiễn nguyên tắc bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt; khả năng áp dụng nguyên tắc này trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nhằm tăng cường tính răn đe, phòng ngừa hành vi xâm phạm bằng việc áp dụng nguyên tắc bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt.

**Từ khoá:** Bồi thường thiệt hại trừng phạt, sở hữu trí tuệ; hành vi xâm phạm.

**14. Bảo vệ, giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt nhìn từ góc độ pháp lý về quyền và trách nhiệm công dân**/ Nguyễn Thị Mai Hoa// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 1+2.- Tr.34 - 38.

**Nội dung:** Trong đường lối lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn coi trọng ngôn ngữ, gắn ngôn ngữ với lợi ích của quốc gia, quyền lợi dân tộc, quyền lợi nhân dân; có định hướng để bảo vệ, giữ gìn và phát triển ngôn ngữ. Tiếng việt là thành tố quan trọng của văn hóa Việt Nam. Ở nước ta, các dân tộc nhìn chung đều có ngôn ngữ của mình ( tiếng mẹ đẻ ), nhưng tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia (quốc ngữ) theo qui định Hiến pháp 2013. Mọi công dân Việt Nam, dù thuộc dân tộc nào, cũng có trách nhiệm và quyền lợi khi sử dụng quốc ngữ trong các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhìn từ góc độ pháp lý, bảo vệ, giữ gìn, sự trong sáng tiếng việt là quyền đồng thời là trách nhiệm của mỗi công dân.

**Từ khoá:** Tiếng Việt, bảo vệ, giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt.

**15. Bảo vệ người vay trong hoạt động cho vay tiêu dùng tại các công ty tài chính**/ Trần Thế Hệ// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 1+2.- Tr.52 - 55.

**Nội dung:** Ở Việt Nam những năm vừa qua, hoạt động cho vay tiêu dùng của các công ty tài chính đã có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế; góp phần hạn chế và đẩy lùi nạn ""tín dụng đen"". Hoạt động cho vay tiêu dùng là lĩnh vực quan trọng nhất trong các hoạt động kinh doanh mà các công ty tài chính hướng đến và mong muốn phát triển nhằm tìm kiếm lợi nhuận. Tuy nhiên, trong thời gian qua, hoạt động này đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như việc áp dụng lãi suất, phí trong cho vay tiêu dùng chưa phù hợp; công ty tài chính chưa minh bạch hóa trong hoạt động cho vay tiêu dùng đối với người vay; quản lý nhà nước về cho vay tiêu dùng tại các công ty tài chính chưa được quan tâm đúng mức dẫn tới một số vi phạm pháp luật của các công ty tài chính, ảnh hưởng đến quyền lợi của người vay. Bài viết dưới đây đề cập đến vấn đề bảo vệ người vay trong hoạt động cho vay tiêu dùng tại các công ty tài chính ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Công ty tài chính, cho vay tiêu dùng.

**16.** **6 bị cáo được tuyên vô tội trong vụ án " Vi phạm quy định về cho vay ở Cần Thơ ": Công lý thuộc về lẽ phải**/ Lê Ngọc Thắng// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 1+2.- Tr.60 - 62.

**Nội dung:** Chiều 07/01/2022, sau hai ngày xét xử, Hội đồng xét xử TAND TP. Cần Thơ do Thẩm phán Nguyễn Quyến - Chánh tòa Gia đình và người chưa thành niên, TAND TP. Cần Thơ - làm chủ tọa đã tuyên 06 bị cáo trong vụ án “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” gây thiệt hại hơn 300 tỉ đồng tại Agribank Cần Thơ vô tội. Sự kiện này đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của dư luận, thậm chí nhiều ý kiến còn khẳng định, đây là “điểm son trong lịch sử tố tụng” ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Bị cáo, vi phạm quy định về cho vay, cho vay.

**17. Bảo hiểm xã hội một lần ở Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ Lê Thị Xuân Hương// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 10(107) .- Tr. 63-72.

**Nội dung:** Làm rõ quy đinh pháp luật về bảo hiểm xã hội một lần và phân tích thực trạng giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp và hàm ý chính sách nhằm hạn chế hưởng bảo hiểm xã hội một lần, khuyến khích người lao động bảo toàn thời gian đóng, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân và đảm bảo an ninh thu nhập cho Người lao động.

**Từ khóa**: Bảo hiểm xã hội một lần, an sinh xã hội

**18. Bảo đảm nghĩa vụ bằng chuyển nhượng quyền sở hữu tại Nhật Bản và những gợi mở cho pháp luật Việt Nam**/ Liên Đăng Phước Hải, Trần Thị Thanh Thương// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 10(248) .- Tr. 61-68.

**Nội dung**: Trong bối cảnh Nghị định 21/2021/NĐ-CP hướng dẫn về biện pháp bảo đảm trong Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam đã có những gợi mở về khả năng công nhận các biện pháp bảo đảm mới theo thỏa thuận của các bên, bài viết phân tích biện pháp bảo đảm bằng chuyển nhượng quyền sở hữu tại Nhật Bản, cũng như khả năng để công nhận và áp dụng theo Pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Bộ luật Dân sự, chuyển nhượng tài sản, biện pháp bảo đảm

**19. Bảo vệ quyền của lao động nữ theo pháp luật lao động Việt Nam – và thực tiễn tại Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh**/ Đào Thị Nguyệt// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 43-49.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp: phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin như: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Tác giả cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống như: phương pháp so sánh giữa quy định của pháp luật lao động Việt Nam và thế giới, phương pháp phân tích các quy định của pháp luật và thực tiễn tại Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, phương pháp tổng hợp.

**Từ khóa:** Luật lao động, lao động nữ, bảo vệ quyền lợi, Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh

**20. Bảo vệ người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu**/ Trần Thị Ngọc Hết// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 50-56.

**Nội dung:** Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương. Thông qua các giao dịch dân sự, chủ thể xác lập các quyền lợi và nghĩa vụ để thỏa mãn các nhu cầu nhân sinh. Rất nhiều trường hợp tài sản đối tượng của giao dịch dân sự ban đầu đã được đem ra thực hiện một giao dịch khác với người thứ ba và người thứ ba hoàn toàn thiện chí và ngay thẳng khi tham gia vào giao dịch đó. Trong trường hợp này pháp luật gọi họ là người thứ ba ngay tình. Nếu rơi vào trường hợp người thứ ba ngay tình, khia giao dịch dân sự vô hiệu thì vấn đề họ rất quan tâm là quyền lợi của họ sẽ được bảo vệ như thế nào? người thứ ba ngay tình có được giữ lại tàn sản hay phải trả lại?.

**Từ khóa:** Người thứ ba ngay tình, giao dịch dân sự, luật dân sự

**21. Bảo hộ sáng chế về công nghệ chuỗi khối tại Việt Nam**/ Vũ Thị Hồng Yến, Vũ Ngọc Dương// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 16-20.

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan về sáng chế, xu hướng bảo hộ và các lĩnh vực sáng chế liên quan đến công nghệ chuỗi khối đối với cả chủ đơn trong và ngoài nước, đồng thời xem xét khả năng bảo hộ của loại sáng chế này trong tương lai. Nếu một đối tượng được yêu cầu bảo hộ liên quan đến các đối tượng theo Điều 59 Luật SHTT (các đối tượng không được bảo hộ dưới danh nghĩa sáng chế), ví dụ như chương trình máy tính, nhưng nếu đối tượng này còn được thực hiện bởi hay liên quan đến thiết bị hay quy trình kỹ thuật với các đặc điểm/đặc tính kỹ thuật, thì đối tượng đó hoàn toàn có thể xem xét đăng ký sáng chế. Các sáng chế liên quan đến công nghệ chuỗi khối có thể được bảo hộ nếu phạm vi/yêu cầu bảo hộ của chúng có các “đặc tính kỹ thuật” và phải là một vấn đề kỹ thuật bằng phương tiện kỹ thuật và tạo ra hiệu quả kỹ thuật.

**Từ khóa:** Bảo hộ sáng chế, công nghệ chuỗi khối, sở hữu trí tuệ

**22. Chấm dứt hợp đồng do hoàn thành hợp đồng theo pháp luật Đức, Trung Quốc dưới góc nhìn so sánh với pháp luật Việt Nam**/ Đặng Thị Hồng Tuyến// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 6(253).- Tr.77 - 92.

**Nội dung:** Chấm dứt hợp đồng do hoàn thành hợp đồng được xem là trường hợp chấm dứt hợp đồng phổ biến nhất. Pháp luật Đức, Trung Quốc hay Việt Nam khi quy định về các trường hợp chấm dứt hợp đồng do hoàn thành hợp đồng là hợp đồng đầu tiên. Trong qui định của Đức, Trung Quốc về bên cạnh chấm dứt hợp đồng do hoàn thành hợp đồng, bên cạnh những điểm tương đồng còn có một số khác biệt so với qui định tương ứng của pháp luật Việt Nam. Qua phân tích so sánh qui định về chấm dứt hợp đồng của Đức và Trung Quốc với qui định của Việt Nam về chấm dứt hợp đồng.

**Từ khoá:** Chấm dứt hợp đồng, hoàn thành hợp đồng, thay thế thực hiện nghĩa vụ, bù trừ nghĩa vụ, kí quỹ

**23. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động**/ Bùi Thị Mừng// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 10(257).- Tr.79 - 87.

**Nội dung:** Luật Bình đẳng giới năm 2006 qui định rõ các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động. Tuy nhiên, việc thực hiện các biện pháp này chưa hiệu quả, dẫn đến chêch lệch khoảng cách giới trong lĩnh vực lao động. Bài viết phân tích và chỉ ra những đặc trưng của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động và những vướng mắc trong thực tiễn thực hiện các biện pháp này; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, góp phần thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.

**Từ khoá:** Bình đẳng giới, lao động, biện pháp, thúc đẩy

**24. Cải tiến, đổi mới cách thức làm việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đáp ứng yêu cầu của tình hình mới**/ Nguyễn Bỉnh Hiếu// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.3 - 12.

**Nội dung:** Quy chế làm việc của Chính phủ đang được tổng kết, đánh giá để sửa đổi, bổ sung. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày một số vấn đề cơ bản của Quy chế làm việc của Chính phủ cần được sửa đổi, bổ sung theo các hướng cải tiến, đổi mới cách thức làm việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

**Từ khoá:** Chính phủ, quy chế làm việc, luật hành chính

**25. Cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ""đồng hành"" để thực hiện hóa phương thức xét xử mới - xét xử trực tiếp trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Đỗ Đức Hồng Hà, Bùi Thị Tâm// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 19(443).- Tr.10 - 16.

**Nội dung:** Luật Tố tụng hình sự nước ta hiện nay chỉ quy định xét xử trực tiếp, chưa quy định xét xử trực tuyến. Đại dịch Covid-19 đã làm ngưng trệ mọi hoạt động, trong đó có hoạt động xét xử của Toà án. Để khắc phục tình trạng này, đòi hỏi ngành Toà ánphải áp dụng phương thức xét xử mới - xét xử trực tiếp. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả phân tích cơ sở và giải pháp đồng hành giữa cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp để sớm thực hiện hóa phương thức xét xử mới - xét xử trực tuyến.

**Từ khoá:** Luật Tố tụng hình sự, Cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, đại dịch Covid-19

**26. Chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định: Kinh nghiệm của Philippines và Thái Lan**/Nguyễn Khắc Vượt// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 23(447).- Tr.50 - 61.

**Nội dung:** Khai thác thuỷ sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (Illegal, Unreported and Unregulated Fishing- IUU) là một trong những mối đe doạ nghiêm trọng tới việc khai thác bền vững nguồn tài nguyên sinh vật, an ninh lương thực, kinh tế biển, quản trị biển, đồng thời nó cũng là nguyên nhân chính phá vỡ sự đa dạng sinh học biển trên toàn cầu. Đối với Việt Nam, IUU là vấn đề đang được cả nước quan tâm, nhất là kể từ khi bị Ủy ban châu Âu cảnh cáo “thẻ vàng” đối với ngành thuỷ sản. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích kinh nghiệm phòng, chống IUU của Philippines và Thái Lan và rút ra một số kiến nghị nhằm góp phần tháo gỡ “thẻ vàng” cho ngành thuỷ sản Việt Nam.

**Từ khoá:** Khai thác thuỷ sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), Ủy ban châu Âu (EC); Philippines; Thái Lan; Việt Nam

**27. Cần nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghiệp vụ luật sư**/ Trương Thị Hòa// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr. 21.

**Nội dung:** Hoạt động kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Luật sư của Liên đoàn Luật sư Việt Nam được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, thật sự quan tâm đến chất lượng của người được công nhận là Luật sư về mặt kỹ năng vào đạo đức hành nghề. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nâng cao chất lượng bồi dưỡng nghiệp vụ Luật sư trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Bồi dưỡng nghiệp vụ luật sư, luật sư

**28. Chuyển đổi số là phương tiện đưa nghề luật sư về đích nhanh và bền vững nhất**/ Trần Văn An// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.38 - 42.

**Nội dung:** Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp là nền tảng cơ bản của nghề Luật sư. Bên cạnh đó, chuyển đổi số lại là phương tiện, cách thức đưa nghề Luật sư về đích nhanh nhất, bền vững nhất.

**Từ khoá:** Chuyển đổi số, nghề luật sư.

**29. Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư ở Nhật bản và những khuyết nghị đối với Việt Nam trong thực thi Hiệp định CPTPP**/ Hoàng Phước Hiệp// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.3 - 19. Nội dung: Nhật Bản là đối tác toàn diện với Việt nam và cùng với Việt nam đều là thành viên Hiệp định Đối tác toàn diện, tiến bộ xuyên Thái Bình Dương ( Hiệp định CPTPP ). Thực thi Hiệp định CPTPP không thể tránh khỏi các tranh chấp thương mại, đầu tư giữa các cá nhân, tổ chức kinh doanh Việt Nam và Nhật Bản. Việc nắm vững pháp luật thương mại, đầu tư Nhật bản là cần thiết. Bài viết này phân tích, làm rõ một số nội dung quan trọng trong giải quyết tranh chấp (DSM) thương mại, đầu tư ở Nhật Bản và khuyết nghị đối với Việt Nam trong thực thi Hiệp định CPTPP trong quan hệ với Nhật Bản.

**Từ khoá**: Hiệp định CPTPP, pháp luật Nhật Bản, cơ chế giải quyết tranh chấp, thương mại, đầu tư

**30. Chính sách, pháp luật về thu hồi, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Đoàn Thị Thanh Mai// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 55 – 58.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra kinh nghiệm về thu hồi, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất của một số nước trên thế giới. Qua đó, rút ra một số bài học để quá trình thu hồi, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất tại Việt Nam hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Chính sách pháp luật, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất

**31. Dẫn độ tội phạm tham nhũng theo qui định công ước về chống tham nhũng và một số thách thức đặt ra đối với việc thực thi**/ Phạm Hồng Hạnh// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 01.- Tr.83 - 96.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, việc bỏ trốn ra nước ngoài khi hành vi phạm tội bị phát hiện, đặc biệt là tội tham nhũng, đang là xu hướng tại nhiều nước. Để có cơ sở pháp lý cho các quốc gia trong việc dẫn độ tội phạm tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng đã ghi nhận những vấn đề pháp lý cơ bản về đẫn độ đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động dẫn độ tội phạm tham nhũng trong thời gian qua đã bộc lộ không ít thách thức. Bài viết phân tích các qui định của Công ước về chống tham nhũng, chỉ ra những thách thức trong thực tiễn thực hiện hoạt động dẫn độ đối với loại tội phạm này.

**Từ khoá:** Dẫn độ, tội phạm tham nhũng, điều kiện dẫn độ

**32. Dự thảo đạo luật trí tuệ nhân tạo của EU**/ Hồ Thanh Hương, Trần Thị Thu Huyền, Hoàng Vũ Linh Chi// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 11(254) .- Tr. 10-18.

**Nội dung**: Giới thiệu tóm tắt nội dung của Dự thảo Đạo luật AI của EU và làm rõ một số quan điểm của Liên minh Châu Âu đối với AI trong dự thảo này.

**Từ khóa**: Trí tuệ nhân tạo, Dự thảo đạo luật trí tuệ nhân tạo, cách tiếp cận

**33. Đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa nhà nước và người dân trong quá trình xác định giá đất tính bồi thường**/ Phan Trung Hiền, Nguyễn Đắc Thắng// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 6(253).- Tr.17 - 27.

**Nội dung:** Cân bằng lợi ích trong xã hội là nhiệm vụ hàng đầu của mọi Nhà nước, bởi đây chính là động lực thúc đẩy sự ra đời của nhà nước. Cụ thể, khi xã hội công xã nguyên thủy mất đi tính công bằng lợi ích do sự nổi dậy của tư hữu thì nhà nước đã ra đời nhằm tái duy trì sự cân bằng lợi ích này. Hiện nay, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đang là một trong những vấn đề nóng nhất của xã hội Việt Nam. Bài viết phân tích bản chất của đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa nhà nước và người dân trong quá trình xác định giá đất tính bồi thường; qua đó phân tích việc tuân thủ triết lý này dưới ba góc độ chủ thể, phương pháp và quá trình thẩm định giá. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy trình của pháp luật liên quan đến vấn đề này.

**Từ khoá:** Cân bằng lợi ích, định giá đất, bồi thường

**34. Điều kiện thành lập doanh nghiệp : nghiên cứu từ hệ thống pháp luật của một số nước Đông Nam Á**/ Cao Thùy Dương// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 6(103) .- Tr. 46-54.

**Nội dung**: Nghiên cứu hệ thống quy định pháp luật về điều kiện thành lập doanh nghiệp ở các nước Singapore, Malaysia, Philippines, Thái Lan… Trên cơ sở đó, tác giả so sánh với các quy định tương ứng ở Việt Nam nhằm làm rõ sự tương đồng, khác biệt và rút ra những kết luận có thể tham khảo, học hỏi, góp phần xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật về điều kiện thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Điều kiện thành lập doanh nghiệp, quy định pháp luật, Việt Nam

**35. Giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện luật đất đai/** Doãn Hồng Nhung// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.8 - 12.

**Nội dung:** Trong bối cảnh các doanh nghiệp bất động sản đang chịu tác động rất lớn từ dịch Covid-19, việc Chính phủ rút đề án sửa đổi Luật Đất đai chuyển sang năm 2021 đã gây không ít hụt hẫng cho doanh nghiệp và người dân khi nhiều bất cập liên quan đến Luật Đất đai chưa được sửa đổi đã khiến doanh nghiệp khó khăn trong tiếp cận đất đai để hình thành dự án (1). Bất động sản là một lĩnh vực đặc thù, bị chi phối bởi rất nhiều luật liên quan, trong đó nền tảng là Luật Đất đai. Do đó, chính sách đất đai nói chung có tác động rất lớn đến sự tồn vong, phát triển của doanh nghiệp, thị trường bất động sản. Luật Đất đai đã ra đời hơn 30 năm, trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung và hiện nay Luật Đất đai năm 2013 thực thi trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai vẫn còn hàng loạt bất cập, chồng chéo gây lúng túng trong quản lý, khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận đất đai để đầu tư, xây dựng các dự án đô thị…

**Từ khoá:** Luật đất đai, thị trường bất động sản, tiếp cận đất đai để hình thành dự án

**36. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Nhìn từ kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu**/ Nguyễn Phi Long// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 6(253).- Tr.28 - 39.

**Nội dung:** Dữ liệu cá nhân đang ngày đóng vai trò quan trọng và được xem là yếu tố cơ bản của lĩnh vực thương mại điện tử, chính phủ điện tử, toàn án điện tử, y tế điện tử ... Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã khai thác được nhiều lợi ích dữ liệu cá nhân, đồng thời cũng đối mặt nhiều vụ việc xâm phạm dữ liệu cá nhân, gây hậu quả nghiêm trọng. Bài viết phân tích những nội dung khái quát của pháp luật Việt Nam về sử dụng và bảo vệ dữ liệu cá nhân: làm rõ tính cần thiết của việc hoàn thiện các qui định pháp luật, rà soát các qui định pháp luật hiện hành về sử dụng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trên cơ sở phân tích thành tựu của Liên Minh Châu Âu trong việc qui định về sử dụng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, bài viết rút ra những kết luận và kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với việc hoàn thiện các qui định pháp luật dân sự nói chung và các qui định pháp luật dữ liệu cá nhân tại Việt Nam nói riêng.

**Từ khoá:** Bảo vệ dữ liệu cá nhân, chuyển giao dữ liệu, thu nhập, mua bán dữ liệu

**37. Hợp tác ngoại khối của ASEAN những đóng góp của Việt Nam sau 25 năm gia nhập /** Phạm Hồng Hạnh// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 12(247).- Tr.44 - 58.

**Nội dung:** Ngay từ khi thành lập, các quốc gia ASEAN đã nhận thức rõ tầm quan trọng của quan hệ hợp tác ngoại khối, hướng tới mục tiêu xây dựng khu vực hòa bình, an ninh, thịnh vượng. Trong những năm qua, Việt Nam đã chứng tỏ được vai trò của một thành viên tích cực trong các hoạt động của ASEAN nói chung và hợp tác ngoại khối nói riêng. Bài viết khái quát thành tựu của ASEAN trong hoạt động hợp tác ngoại khối và vai trò của Việt Nam đối với hoạt động hợp tác ngoại khối của ASEAN trên các phương tiện xây dựng sáng kiến thúc đẩy hợp tác và tích cực triển khai các hoạt động nhằm hiện thực hóa nội dung hợp tác ngoại khối của ASEAN; từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của Việt nam trong hoạt động hợp tác ngoại hối của Hiệp hội.

**Từ khoá:** Hợp tác ngoại khối, thực thi cam kết, xây dựng sáng kiến, hợp tác thương mại, ASEAN

**38. Hòa thiện pháp luật thương mại điện tử Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định Thương mại điện tử ASEAN**/ Đoàn Quỳnh Thương// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 12(247).- Tr.85 - 99.

**Nội dung:** Trải qua hơn 20 năm hợp tác trong lĩnh vực Thương mại điện tử, ngày 12/11/2019, tại Hà Nội, các quốc gia thành viên ASEAN lần đầu tiên đã kí kết được Hiệp định Thương mại điện tử ASEAN. Là thành viên tích cực ASEAN, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về thương mại điện tử để tạo dựng cơ sở hạ tầng pháp lý an toàn cho mô hình kinh doanh này, đồng thời đảm bảo hội nhập khu vực và quốc tế bền vững. bài viết phân tích một số điểm bất cập của pháp luật Việt nam so với Hiệp định và đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật thương mại điện tử Việt Nam nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi Hiệp định Thương mại điện tử ASEAN năm 2019 như: bổ sung quy định về các loại chữ ký điện tử; sửa đổi một số quy định về các biện pháp chế tài hành chính xử lý vi phạm về bảo vệ thông tin cá nhân để đảm bảo thống nhất trong các văn bản luật; đưa ra qui định riêng đối với logistics trong thương mại điện tử; quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến ...

**Từ khoá:** ASEAN, Hiệp định Thương mại điện tử ASEAN, Thương mại điện tử

**39. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân theo tinh thần văn kiện Đai hội XIII của Đảng**/ Lê Thị Anh Đào// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 10(257).- Tr.29 - 44.

**Nội dung:** Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài trở thành công việc thường xuyên và ngày càng phức tạp, thể hiện trách nhiệm và uy tín của Nhà nước đối với công nhân và cộng đồng quốc tế. Bài viết phân tích sự phát triển quan điểm của Đảng về công tác bảo hộ công dân; đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật và thể chế hiện hành nhằm thực hiện mục tiêu của Đảng về nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân.

**Từ khoá:** Bảo hộ công dân, cơ quan đại diện ngoại giao, Văn kiện Đai hội XIII của Đảng

**40. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về điều kiện, hồ sơ của người nhận con nuôi**/ Nguyễn Thị Hải Yến// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.51 - 55.

**Nội dung:** Nuôi con nuôi là vấn đề nhân đạo sâu sắc, thể hiện tình yêu thương, tinh thần trách nhiệm cao cả giữa con người với con người. Luật Nuôi con nuôi năm 2010 quy định khá cụ thể về điều kiện, hồ sơ của người nhận con nuôi. Tuy nhiên, một số quy định về điều kiện, hồ sơ của người nhận con nuôi còn hạn chế, bất cập. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật về điều kiện, hồ sơ của người nhận con nuôi, và đề xuất hướng hoàn thiện.

**Từ khoá:** Luật Nuôi con nuôi năm 2010, nuôi con nuôi, điều kiện người nhận con nuôi

**41. Hoàn thiện Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian phù hợp với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới**/ Nguyễn Bích Thảo// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 19(443).- Tr.17 - 26.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích sự cần thiết bổ sung qui định về trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan tới môi trường số trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, và đưa ra các kiến nghị góp phần hoàn thiện Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về vấn đề này.

**Từ khoá:** Dự thảo Luật sửa đổi, Luật Sở hữu trí tuệ, hiệp định thương mại tự do, thế hệ mới

**42. Hoàn thiện các qui định của pháp luật tố tụng hình sự về cán bộ điều tra**/ Ngô Văn Vịnh, Nguyễn Thị Hải Yến// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.13 - 17.

**Nội dung:** Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định Cán bộ điều tra là người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra với những quy định mới, cụ thể. Tuy nhiên, một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 về Cán bộ điều tra còn bất cập, cần được tiếp tục hoàn thiện.

**Từ khoá:** Cán bộ điều tra, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự

**43. Hoàn thiện quy định của Điều 373 Bộ luật Hình Sự năm 2015 về tội dùng nhục hình**/ Hoàng Ngọc Anh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.42- 49.

**Nội dung:** Cùng với việc trở thành thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Việt Nam luôn nỗ lực trong việc xây dựng các cơ chế bảo vệ quyền con người, quyền công dân, nghiêm cấm các hành vi tra tấn, đối xử tàn bạo, hạ thấp nhân phẩm của con người. Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội bức cung, nhục hình là công cụ pháp lý hữu hiệu để đạt được mục tiêu nêu trên. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích những bất cập trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội dùng nhục hình và đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Bộ luật Hình sự, tội dùng nhục hình, truy cứu trách nhiệm hình sự, hình phạt

**44. Hình thức của di chúc trong pháp luật dân sự Việt Nam qua các thời kỳ**/ Lưu Thị Phấn// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.50 - 56.

**Nội dung:** Nhìn lại quá trình phát triển hệ thống pháp luật về thừa kế ở nước ta, có thể thấy, hình thức của di chúc đã được quan tâm và quy định sơ khai ngay từ những văn bản pháp luật thời kỳ phong kiến và ngày càng được hoàn thiện qua các văn bản pháp luật sau này. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, quy định của pháp luật về hình thức di chúc hiện hành vẫn còn bộc lộ những mặt hạn chế trong quá trình áp dụng vào thực tiễn, đặc biệt trong công tác giải quyết các tranh chấp về thừa kế, đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Hình thức di chúc, pháp luật dân sự.

**45. Hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ**/ Đỗ Đức Hồng Hà, Phùng Văn Huyên// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.8 - 12.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, các tác giả góp ý hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Dự án Luật) trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2021).

**Từ khoá:** Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA); Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

**46. Hoàn thiện các qui định của luật Sở hữu trí tuệ về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian**/ Phan Quốc Nguyên, Mai Quỳnh Chi// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.13 - 17.

**Nội dung:** Luật Sở hữu Trí tuệ đã có những quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực mới và gây nhiều tranh cãi, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi quốc tế. Tác phẩm văn học dân gian là tài sản chung của cộng đồng, nhưng không đồng nghĩa là vô chủ, có thể tùy nghi khai thác, sử dụng. Việc tùy tiện sử dụng, khai thác tác phẩm văn học dân gian sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực không nhỏ, thậm chí có thể theo chiều hướng ngược lại với những giá trị mà nó mang đến cho cộng đồng. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày, phân tíchthực trạng sử dụng tác phẩm văn học dân gian, thực trạng các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Tác phẩm văn học dân gian, bảo hộ quyền tác giả, Luật Sở hữu trí tuệ

**47. Hoàn thiện quy định Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, giới hạn quyền tác giả**/ Trần Linh Huân, Nguyễn Mậu Trương// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.25 - 30.

**Nội dung:** Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội thông qua năm 2005 và đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đây là văn bản pháp luật quan trọng điều chỉnh về các quan hệ xã hội liên quan đến loại tài sản đặc biệt - tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, qua thực tiễn thi hành, một số quy định của Luật Sở hữu trí tuệ đã bộc lộ hạn chế, bất cập, trong đó có quy định về các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, giới hạn quyền tác giả. Để khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành, Chính phủ trình Quốc hội Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả phân tích và đưa ra kiến nghị hoàn thiện quy định của Dự thảo Luật (lần 3) về các quy định liên quan đến trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, giới hạn quyền tác giả.

**Từ khoá:** Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, giới hạn quyền tác giả

**48. Hoàn thiện các qui định của pháp luật về chủ thể tham gia xác định giá trị tổ chức tín dụng trong quấ trình tái cơ cấu**/ Nguyễn Ngọc Yến// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.42 - 50.

**Nội dung:** Xác định giá trị doanh nghiệp là một trong những hoạt động phải thực hiện khi tổ chức tín dụng tiến hành tái cơ cấu, thậm chí hoạt động này có ý nghĩa quyết định sự thành công của mục đích tái cơ cấu mà tổ chức tín dụng đặt ra. Trong khâu xác định giá trị doanh nghiệp, việc nhận diện những chủ thể tham gia và quyền, trách nhiệm của mỗi chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra kết quả giá trị doanh nghiệp đảm bảo sự chính xác, khách quan. Do vậy, việc rà soát và hoàn thiện các quy định của pháp luật về chủ thể tham gia xác định giá trị tổ chức tín dụng trong quá trình tái cơ cấu là yêu cầu tất yếu.

**Từ khoá:** Giá trị tổ chức tín dụng, chủ thể tham gia xác định giá trị tổ chức tín dụng, tái cơ cấu tổ chức tín dụng

**49. Hoàn thiện các qui định của pháp luật về chuyển đổi, chuyển nhượng đất nông nghiệp ở nước ta hiện nay**/ Bùi Đức Hiển// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.15 - 21.

**Nội dung:** Dự án Luật Đất đai (sửa đổi) dự kiến sẽ được trình Quốc hội xem xét, thông qua vào tháng 5 năm 2023. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang khẩn trương hoàn thiện Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) trước khi công bố rộng rãi để lấy ý kiến nhân dân. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích các quy định của Luật Đất đai năm 2013 về chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp, chỉ ra một số bất cập, hạn chế và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Chuyển đổi, chuyển nhượng đất nông nghiệp; quyền sử dụng đất; Luật Đất đai

**50. Hoàn thiện các qui định của pháp luật trí tuệ về quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý**/ Nguyễn Thị Nguyệt// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.22 - 26.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bàykhái niệm về chỉ dẫn địa lý và ý nghĩa của việc sử dụng chỉ dẫn địa lý trong hoạt động thương mại; phân tích thực trạng các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về sử dụng chỉ dẫn địa lý, tập trung vào hai vấn đề chính: chủ thể có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, điều kiện và thủ tục để được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Chỉ dẫn địa lý, quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, Luật Sở hữu trí tuệ

**51. Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về hối lộ trong tình hình hiện nay**/ Vũ Việt Tường// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.36 - 39.

**Nội dung:** Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành được ban hành năm 2015 và đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015). Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích thực trạng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội phạm về hối lộ và đưa ra kiến nghị hoàn thiện các quy đinh này.

**Từ khoá:** Nhận hối lộ, đưa hối lộ và môi giới hối lộ, Bộ luật Hình sự năm 2015

**52. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội**/ Nông Đức Tài// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.45 - 49.

**Nội dung:** Dưới góc độ Luật hình sự, nhân thân người phạm tội được hiểu là “tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự của họ”. Mặc dù nhân thân người phạm tội không phải là một yếu tố cấu thành tội phạm nhưng trong nhiều trường hợp, nó là dấu hiệu định tội, định khung và quyết định hình phạt. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích các quy định của Bộ luật Hình sự về nhân thân người phạm tội, chỉ ra những hạn chế, bất cập và đề xuất kiến nghị hoàn thiện những hạn chế, bất cập đó.

**Từ khoá:** Người phạm tội, nhân thân người phạm tội, luật hình sự

**53. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự cho các tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam**/ Lương Khải Ân// Tạp chí Luật học.- 2022.- Số 1.- Tr.72 - 82.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá tránh nhiệm thực thi các quyền ưu tiên hoàn trả vật chứng là tài sản bảo đảm trong vụ án hình sự cho các tổ chức tín dụng còn nhiều bất cập, vướng mắc trong quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở đó đề xuất một số phương pháp, kiến nghị trao quyền ưu tiên cho các tổ chức tín dụng xử lý tài sản bảo đảm trong các thỏa thuận cấp tín dụng để xử lý nợ xấu nếu có căn cứ chứng minh giao dịch được xác lập hợp pháp, thay vì chờ cho đến khi có kết quả của vụ án hình sự.

**Từ khoá:** Vật chứng vụ án, tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng

**54. Hoàn thiện quy định trong dự thảo sửa đổi bổ sung luật doanh nghiệp 2014 về vấn đề thành lập doanh nghiệp** / Hồ Xuân Thắng// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 35-42.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích một số nội dung quy định về thành lập doanh nghiệp còn bất cập chưa phù hợp thực tiễn. Đồng thời đưa ra những kiến nghị góp phần làm hoàn thiện hơn khung khổ pháp lý của luật doanh nghiệp sửa đổi làm cơ sở điều chỉnh đáp ứng nhu cầu thành lập doanh nghiệp phục vụ tốt hơn hoạt động kinh doanh của các chủ kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Từ khóa:** Luật doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp

**55. Hợp tác ASEAN về sở hữu trí tuệ và những dấu ấn của Việt Nam trong vai trò Chủ tịch AWGIPC**/ Vũ Thị Thúy Liên// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 35-38.

**Nội dung:** Mục tiêu hợp tác ASEAN về sở hữu trí tuệ là nhằm đảm bảo việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ một cách thỏa đáng và hiệu quả trong khu vực ASEAN thông qua các chương trình và các hoạt động hợp tác cụ thể, bao gồm việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm cũng như xây dựng năng lực của hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia của các nước ASEAN. Vượt qua kho khăn, thách thức do đại dịch COVID-19 gây ra, với sự tham gia chủ động và tích cực của Việt Nam với tư cách Chủ tịch AWGIPC và một quốc gia thành viên, Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể, tạo dấu ấn trong nhiệm kỳ chủ tịch AWGIPC của mình. Dưới sự chủ trì, điều phối của Việt Nam, AWGIPC đã rất linh hoạt, chủ động chuyển đổi phương thức tổ chức hội nghị, hoạt động hợp tác ASEAN từ trực tiếp sang trực tuyến.

**Từ khóa:** ASEAN, Chủ tịch AWGIPC, Việt Nam, sở hữu trí tuệ

**56. Khung pháp lí về cơ chế hợp tác phòng chống tội phạm mạng trong khu vực ASEAN**/ Đỗ Quí Hoàng// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 12(247).- Tr.71 - 84.

**Nội dung:** Tội phạm mạng là một dạng thức của tội phạm xuyên quốc gia, đòi hỏi có sự hợp tác giữa các quốc gia trong nhiều lĩnh vực, mà đặc biệt là về pháp luật và lĩnh vực kĩ thuật bảo mật. Quá trình hợp tác nhằm ngăn ngừa, phòng, chống loại hình tội phạm này không chỉ diễn ra trên phạm vi tòa cầu mà từng khu vực cũng cần tự trang bị cho mình cơ chế phù hợp. Bài viết làm rõ khung pháp lí điều chỉnh hoạt động hợp tác ngăn ngừa, phòng, chống tội phạm mạng của khu vực ASEAN, nhận diện một số hạn chế và đề xuất một giải pháp nhằm thúc đẩy và thiết lập có hiệu quả cơ chế hợp tác trong phòng, chống tội phạm mạng.

**Từ khoá:** ASEAN, hài hòa hóa pháp luật, tội phạm mạng, tội phạm công nghệ cao

**57. Khám xét chỗ ở theo luật tố tụng hình sự Việt Nam**/ Lê Nguyên Thanh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.18 - 26.

**Nội dung:** Khám xét là biện pháp điều tra phổ biến trong tố tụng hình sự và cũng dễ xung đột với quyền con người. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số vấn đề cơ bản về biện pháp khám xét chỗ ở theo luật tố tụng hình sự Việt Nam, bao gồm: căn cứ, thẩm quyền và một số thủ tục tiến hành khám xét và đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Khám xét chỗ ở, luật tố tụng hình sự

**58. Kiểm soát giá thuê mua nhà ở xã hội ở xã hội ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới**/ Phạm Yến Nhi// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.50 - 57.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số vấn đề liên quan đến cơ sở tính giá thuê mua nhà ở xã hội ở xã hội Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới; và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các qui định của pháp luật nhà ở về kiểm soát giá thuê mua nhà ở ta.

**Từ khoá:** Giá nhà ở; nhà ở xã hội, giá thuê mua

**59. Khái niệm, bản chất, vai trò của công chứng Việt Nam - pháp luật hiện hành và định hướng hoàn thiện pháp luật trong thời gian tới**/ Nguyễn Ngọc Điện// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 24(448).- Tr.15 - 23.

**Nội dung:** Hệ thống công chứng Việt Nam dần được hoàn thiện cả về tổ chức và hoạt động, vừa tiệm cận các mô hình công chứng tiên tiến, vừa giữ được bản sắc riêng của công chứng Việt Nam. Tuy nhiên, một loạt các vướng mắc gắn với tính đặc thù của mô hình công chứng Việt Nam cũng được đặt ra với người làm luật. Có những vướng mắc kéo dài đến nay vẫn gây khó khăn cho hoạt động công chứng. Để hoàn thiện khung pháp lý theo tiêu chí đảm bảo tính hợp pháp và an toàn của giao dịch cúng như sự an toàn cho công chứng viên cần tham khảo mô hình công chứng của các nước tiên tiến, đặc biệt là mô hình công chứng latinh và nhất là mô hình công chứng của Pháp.

**Từ khoá:** Hệ thống công chứng; pháp luật

**60. Khái quát chung về bộ luật dân sự Trung Quốc 2020 – Bộ luật dân sự đầu tiên sau bốn thập niên cải cách mở cửa**/ Nguyễn Ngọc Phương Hồng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 6(238) .- Tr. 18-30.

**Nội dung**: Cung cấp một số thông tin về lịch sử lập pháp và các nổ lực của Trung Quốc trong việc ban hành BLDS đầu tiên. Từ đó, phân tích kỹ thuật lập pháp, hệ tư tưởng ảnh hưởng cũng như một số quy định đáng chú ý ở bộ luật này.

**Từ khóa**: Trung Quốc, dân luật Trung Quốc, pháp luật châu Âu lục địa

**61. Liên hợp quốc với vấn đề hỗ trợ nhân tạo**/ Nguyễn Thị Xuân Sơn, Ngô Lan Hương// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 6(253).- Tr.63 - 76.

**Nội dung:** Liên hợp quốc đã dành nỗ lực không nhỏ cho các hoạt động nhân đạo thông qua mục tiêu cũng như hoạt động của các cơ quan chuyên môn, quỹ, chương trình. Khi thảm họa xảy ra thì dân thường và nhóm người dễ bị tổn thương (trẻ em, người tị nạn ... ) luôn là đối tượng bị ảnh hưởng đầu trong hệ thống Liên hợp quốc và hoạt động hỗ trợ nhân tạo được thực hiện trong khuôn khổ cơ quan đó. Dù đã có sự phân hóa chức năng thông qua các cơ quan chuyên môn với các mục tiêu, đối tượng được hỗ trợ cụ thể thì vẫn cần cơ quan đứng giữa với vai trò điều phối trên thực địa nhằm đảm bảo sự ứng đúng nhu cầu. Trọng trách này được giao cho Văn phòng Điều phối các hoạt động nhân đạo - (OCHA). Trên cơ sở các hoạt động của OCHA, bài viết đánh giấ tổng thể các hoạt động nhân đạo của Liên hợp quốc và chỉ ra các thách thức trong tương lai.

**Từ khoá:** Cải cách hệ thống Tòa án Phần Lan, hệ thống Tòa án Phần Lan, bài học kinh nghiệm

**62. Làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm của Nhà nước với tư cách đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý về đất đai**/ Phan Trung Hòa// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.4 - 7.

**Nội dung:** Thực tiễn thi hành Luật Đất đai năm 2013, cho thấy có rất nhiều vấn đề phát sinh về mặt quan điểm, nhận thức và thực tiễn thi hành về chế độ đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, được xác định là tài nguyên thiên nhiên, tài sản quốc gia và là tư liệu sản xuất đặc biệt, nguồn lực quan trọng của đất nước. Trong định hướng 11 nhóm chính sách cần nghiên cứu, sửa đổi Luật Đất đai năm 2013, tác giả đồng thuận với Tờ trình của Chính phủ là cần làm rõ vai trò, trách nhiệm của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý đất đai, coi đây là một định hướng hoàn thiện chính sách về đất đai có tầm quan trọng hàng đầu. Bài viết phân tích, làm rõ hơn vai trò, trách nhiệm của Nhà nước với tư cách đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý về đất đai được dư luận và cử tri quan tâm.

**Từ khoá:** Luật đất đai năm 2013, sở hữu toàn dân, vai trò, trách nhiệm của Nhà nước

**63. Luật sư Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế**/ Châu Huy Quang // Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.22 - 37.

**Nội dung:** Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang diễn ra ngày một sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là vào những thập niên cuối của thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Không nằm ngoài xu thế chung đó, việc hội nhập trong lĩnh vực pháp luật, tư pháp cũng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Với vị trí trung tâm của thiết chế bổ trợ tư pháp, Luật sư càng có vai trò quan trọng trong hội nhập quốc tế.

**Từ khoá:** Luật sư, hội nhập quốc tế

**64. Luật sư trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay**/ Tôn Thất nhân Tước// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.5 - 13.

**Nội dung:** Tham gia tố tụng trong vụ án hình sự là một chức năng cung ứng dịch vụ pháp lý của luật sư được pháp luật hành nghề Luật sư và Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định. Trong chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 được Bộ Chính trị ban hành đã xác định vai trò và vị trí của luật sư trong thời gian qua. ""Đào tạo, phát triển đội ngũ Luật sư đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để Luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với Luật sư. Nhà nước tạo điều kiện về pháp lý để phát huy chế độ tự quản của tổ chức Luật sư; đề cao trách nhiệm của các tổ chức Luật sư đối với thành viên của mình.

**Từ khoá:** Luật sư, tố tụng hình sự, cải cách tư pháp

**65. Lý thuyết về đơn vị hành chính - lãnh thổ đặc biệt và các loại đơn vị hành chính - lãnh thổ đặc biệt đặc trưng trên thế giới**/ Nguyễn Thị Thiện Trí// Tạp chí Luật học.- 2022.- Số 1.- Tr.17 - 30.

**Nội dung:** Ở nhiều quốc trên thế giới, ngoài các đơn vị hành chính - lãnh thổ thông thường được xác lập nhằm thực hiện chức năng quản lý dân cư theo lãnh thổ thì còn các đơn vị hành chính - lãnh thổ đặc biệt được thành lập vì mục đích chuyên biệt về chính trị, hành chính, kinh tế. Bài viết phân tích cơ sở lý thuyết cho việc hình thành các đơn vị lãnh thổ đặc biệt của một nhà nước, đồng thời phân tích bản chất đặc biệt của các loại đơn vị hành chính lãnh thổ đặc biệt hiện có trên thế giới.

**Từ khoá:** Đơn vị hành chính lãnh thổ đặc biệt, khu tự trị, đặc khu hành chính, đặc khu kinh tế

**66. Luật cơ bản về văn hóa nghệ thuật của Nhật Bản : nội dung và một số vấn đề đặt ra**/ Nguyễn Dương Đỗ Quyên// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 7(245) .- Tr. 43-52.

**Nội dung**: Trình bày những nội dung quan trọng của Luật cơ bản về chấn hung văn hóa nghệ thuật năm 2001, Luật sửa đổi năm 2017, những hạn chế và vấn đề đặt ra trong thực thi luật nhằm cung cấp một góc nhìn khái quát về trường hợp Nhật Bản và gợi mở những vấn đề chính sách liên quan của Việt Nam.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Luật cơ bản về văn hóa nghệ thuật, chính sách văn hóa, chấn hưng văn hóa nghệ thuật

**67. Luật Hải cảnh và Luật An toàn giao thông hàng hải (sửa đổi) của Trung Quốc – thách thức đối với các nước**/ Vũ Thị Vân Dung// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 11(243) .- Tr. 73-85.

**Nội dung**: Phân tích một số nội dung đáng chú ý của Luật Hải cảnh và Luật An toàn giao thông hàng hải sửa đổi của Trung Quốc, đánh giá sự không phù hợp của các nội dung này so với các quy định của luật pháp quốc tế; chỉ ra các thách thức đối với chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven Biển Đông đối với hòa bình và ổn định ở khu vực biển này. Từ đó, bài viết rút ra một số nhận xét, đánh giá về quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Trung Quốc có liên quan đến Biển Đông.

**Từ khóa:** Trung Quốc, Luật Hải cảnh, Luật An toàn giao thông hàng hải, Biển Đông

**68. Một số nội dung về kinh doanh đa cấp biến tướng**/ Nguyễn Tứ// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.45 - 48.

**Nội dung:** Pháp luật không cấm khi tham gia các giao dịch, quan hệ kinh tế để tăng nguồn thu nhập, nhưng trước hết cần tìm hiểu, nắm rõ các kiến thức cơ bản về giao dịch, hợp đồng dân sự, một số loại giao dịch tài chính; cập nhật thông tin thời sự, pháp luật để nắm bắt được các phương thức, thủ đoạn phạm tội trong giao dịch tài chính nói chung và trong hoạt động bán hàng đa cấp nói riêng.

**Từ khoá:** Kinh doanh đa cấp biến tướng, hình thức đa cấp biến tướng

**69. Mối liên hệ giữa trách nhiệm hình sự và hình phạ**t/ Trịnh Tiến Việt// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 9(256).- Tr.13 - 26.

**Nội dung:** Tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt là những vấn đề gốc của ngành luật hình sự. Giải quyết đúng đắn bất kỳ vụ án hình sự nào suy cho cùng cũng chính là làm sáng tỏ các vấn đề cốt lõi trên. Vì vậy, trên cơ sở nội dung của trách nhiệm hình sự và hình phạt, bài viết tập trung lý giải các đặc điểm của mối liên hệ giữa trách nhiệm hình sự và hình phạt dưới góc độ triết học kết hợp khoa học luật hình sự, từ đó đưa ra những định hướng tiếp tục hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự và hình phạt trong Bộ Luật hình sự năm 2015 nhằm đáp ứng các xu thế phát triển của Luật hình sự (cụ thể là xu hướng nhân đạo hóa, phân hóa trách nhiệm hình sự và quốc tế hóa), góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ hữu hiệu quyền con người, quyền công dân trước yêu cầu mới của đất nước.

**Từ khoá:** Tội phạm; trách nhiệm hình sự; hình phạt; mối liên hệ

**70. Một số vướng mắc, bất cập trong quy định của Luật Sở hữu trí tuệ về nội dung quyền tác giả và hướng hoàn thiện**/ Vũ Thị Hải Yến// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 10(257).- Tr.64 - 78.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, bình luận các quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam trong mối tương quan so sánh với một số điều ước quốc tế và pháp luật một số quốc gia về nội dung quyền tác giả nhằm phát hiện, chỉ ra những bất cập, tồn tại và đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền tác giả.

**Từ khoá:** Quyền tác giả, quyền nhân thân, quyền đứng tên, quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm

**71. Mâu thuẫn khi xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính**/ Nguyễn Bỉnh Hiếu// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.17 - 16.

**Nội dung:** Hiện nay, các văn bản hướng dẫn của TAND tối cao và thực tiễn áp dụng pháp luật khi xét xử của Tòa án xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (1) trong trường hợp đăng ký biến động là quyết định hành chính cá biệt. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn tồn tại một số bất cập, chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ pháp luật đất đai, cần được tiếp tục nghiên cứu và thảo luận.

**Từ khoá:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá đất, quyết định hành chính

**72. Một số kiến nghị về nội dung sửa đổi Luật đất đai năm 2013**/ Cao Thị Hòa// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.25 - 26.

**Nội dung:** Luật Đất đai năm 2013 được thông qua tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII ngày 29/11/2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014. Sau 7 năm thực hiện, Luật Đất đai 2013 đã đem lại những hiệu quả tích cực. Nhưng bên cạnh đó cũng bộc lộ một số bất cập cần được rà soát và sửa đổi để bảo đảm sự đồng bộ với các luật hiện hành và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Trước yêu cầu đó, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ TN&MT xây dựng dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội thông qua vào cuối năm 2022. Trong bài viết này, chúng tôi xin đề xuất một số nội dung, nhóm vấn đề cần nghiên cứu hoàn thiện trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

**Từ khoá:** Luật Đất đai năm 2013, dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

**73. Một số vấn đề liên quan đến chủ thể là tổ chức không có tư cách pháp nhân**/ Lương Nhật Quang// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.25- 33.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích các quy định và thực tiễn về chủ thể là tổ chức không có tư cách pháp nhân dưới bốn góc độ là (i) năng lực chủ thể, (ii) thẩm quyền đại diện, (iii) trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch và (iv) tư cách tham gia tố tụng.

**Từ khoá:** Tổ chức không có tư cách pháp nhân; năng lực chủ thể; thẩm quyền đại diện; trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch; tư cách tham gia tố tụng; Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 1995, Luật Thương mại năm 2005

**74. Một số vấn đề về tội sản xuất, buôn bán hàng giả và tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp**/ Võ Thị Ánh Trúc, Phạm Thị Thúy// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.31 - 37.

**Nội dung:** Tội sản xuất, buôn bán hàng giả thuộc nhóm các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, được quy định tại Điều 192, Mục 1, Chương XVIII của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015). Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thuộc nhóm tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, được quy định tại Điều 226, Mục 3, Chương XVIII của BLHS năm 2015. Mặc dù quy định của BLHS năm 2015 có nhiều điểm mới tiến bộ và phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành BLHS năm 2015 cho thấy vẫn còn nhiều vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về 02 tội danh này.

**Từ khoá:** Sản xuất, buôn bán hàng giả; xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; Bộ luật hình sự

**75. Một số khía cạnh pháp lý trong lĩnh vực luật tư khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo**/ Nguyễn Thị Quế Anh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.3 - 14.

**Nội dung:** Trí tuệ nhân tạo là bước tiến mới của công nghệ kỹ thuật số và sẽ có tác động sâu sắc đến thế giới của chúng ta. Trí tuệ nhân tạo sẽ mang lại những tác động to lớn về công nghệ, kinh tế và xã hội, đồng thời sẽ thay đổi cách chúng ta sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ và thực sự nó sẽ thay đổi cả cách sống của thế giới loài người. Nói cách khác, việc xem xét ứng dụng trí tuệ nhân tạo không đơn thuần chỉ trong khuôn khổ của một lĩnh vực mà cần phải được nhìn nhận trên phạm vi tương đối bao quát, trong đó có lĩnh vực pháp luật. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ ra một số khoảng trống còn tồn tại trong điều chỉnh pháp lý, đặc biệt là lĩnh vực luật tư, đối với hiện tượng mới này, như sự tụt hậu của các lý thuyết pháp lý truyền thống so với các tiến bộ của khoa học kỹ thuật, thiếu các quy định của pháp luật trong tương tác giữa con người với trí tuệ nhân tạo, các vấn đề về tư cách pháp lý của trí tuệ nhân tạo, đạo đức và an ninh, dữ liệu cá nhân, các quyền sở hữu trí tuệ, trách nhiệm pháp lý và vấn đề bất khả xâm phạm đối với đời sống cá nhân.

**Từ khoá:** Trí tuệ nhân tạo; luật tư; dữ liệu cá nhân; trách nhiệm pháp lý, quyền sở hữu trí tuệ

**76. Mối quan hệ giữa nội luật hóa điều ước quốc tế và hoạt động xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam**/ Phạm Vĩnh Hà// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 11.- Tr.16 - 29.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ sự liên hệ giữa nội hóa điều ước quốc tế và hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật như một đóng góp quan trọng cho khoa học pháp lí. Đồng thời, bài viết luận giải những tác động của yêu cầu nội luật hóa điều ước quốc tế cũng như những biểu hiện thực tiễn của những hoạt động này đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam. Ở chiều ngược lại, những thuận lợi cản trở từ những yếu tố hiện hữu thuộc hệ thống pháp luật đối với nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cúng sẽ được phân tích toàn diện trong bài viết.

**Từ khoá:** Điều ước quốc tế, nội luật hóa, xây dựng pháp luật

**77. Một số vấn đề pháp lý còn tồn tại về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất**/ Nguyễn Việt Hương, Nguyễn Đình Phong, Nguyễn Quốc Toản, Nguyễn Tiến Đạt// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 101-107.

**Nội dung:** Bài viết tập trung làm rõ một số nội dung cơ bản về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất, đồng thời làm rõ sáu bất cập còn tồn tại trong thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất. Qua đó kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành pháp luật, góp phần phát huy tối đa vai trò của đấu giá quyền sử dụng đất với công cuộc phát triển đất nước.

**Từ khóa**: Pháp luật, luật đất đai, quyền sử dụng đất, đấu giá, cho thuê đất

**78.** **25 năm Việt Nam hài hòa pháp luật và nội luật hóa các nghĩa vụ thành viên ASEAN**/ Hoàng Phước Hiệp// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 12(247).- Tr.17 - 30.

**Nội dung:** Hài hòa hóa pháp luật và nội luật hóa là hai vấn đề được bàn đến nhiều trong các hội nghị quan chức pháp luật và tư pháp các nước ASEAN. Lí luận và thực tiễn các nước khá đa dạng về nhóm vấn đề này. ở Việt nam, việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý về hài hòa hoá pháp luật và nội luật hóa trong khuôn khổ ASEAN khá hạn chế vì các lý do khác nhau. Bài viết đề cập một số nội dung liên quan đến thực tiễn 25 năm Việt Nam thực hiện hài hòa hóa pháp luật và nội luật hóa các nghĩa vụ thành viên ASEAN trong khuôn khổ tổ chức này.

**Từ khoá:** 25 năm ASEAN, hài hòa hoá pháp luật, nội luật hóa pháp luật

**79. Những thách thức trong quá trình hài hòa hóa pháp luật ở ASEAN nhìn từ thực tiễn pháp luật về quyền con người**/ Lê Hồng Hạnh, Đoàn Trung Kiên// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 10(257).- Tr.3 - 18.

**Nội dung:** Cộng đồng ASEAN (Cộng đồng) đang tìm kiếm những vấn đề pháp lý chung, cấp bách nhất để hài hòa. Tiến trình này phải dựa trên nền tảng các nguyên tắc, các qui định chung được các thành viên của Cộng đồng chấp nhận trong Hiến chương, công ước, các hiệp định khung hay các nghị định thư. Việc hài hòa hóa hài hòa hóa không chỉ có vai trò to lớn đối với các quốc ASEAN trong việc giải quyết các mối quan tâm chung, có ảnh hưởng đến sự phát triển của mỗi quốc gia thành viên và của Cộng đồng mà còn có tác động lớn đến nhất thể hóa pháp luật hướng tới hệ thống pháp lí cộng đồng. Trong những lĩnh vực mà Cộng đồng có nhiều cơ hội để hài hòa hóa, tiến tới nhất thể hóa thì pháp luật đảm bảo quyền con người là lĩnh vực cần được ưu tiên thực hiện trước. Thực tế, sau khi Hiến chương ASEAN được thông qua, ASEAN đã nổ lực hài hòa hóa pháp luật về quyền con người. Tuy nhiên, có quá nhiều thách thức đối với tiến trình này. Bài viết nhận diện, phân tích một số thách thức đối với hài hòa hóa pháp luật ở ASEAN nhìn từ thực tiễn pháp luật về quyền con người.

**Từ khoá:** Quyền con người, hài hòa hóa pháp luật, ASEAN

**80. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**/ Nguyễn Phương Chinh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.21 - 24.

**Nội dung:** Việc xây dựng qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cần thiết, không thể thiếu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một bộ phận quan trọng của ngành Luật đất đai, là công cụ pháp lý quan trọng để quản lý và sử dụng đất có hiệu quả. Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện các qui định của pháp luật về qui hoạch sử dụng đất cũng bộc lộ nhiều hạn chế làm giảm hiệu lực, hiệu quả của quy hoạch sử dụng đất.

**Từ khoá:** Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, Luật đất đai năm 2013

**81. Những điểm mới về quyền bào chữa của người bị buộc tội theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015**/ Tăng Văn Hoàng// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.39 - 41.

**Nội dung:** Quyền bào chữa là một trong những quyền năng quan trọng của người bị buộc tội mà nhà nước có trách nhiệm bảo đảm, tạo cho họ khả năng bảo vệ trước sự buộc tội của cơ quan có thẩm quyền tiến hành Tố tụng Hình sự. Trong Tố tụng Hình sự, quyền bào chữa luôn gắn liền với người bị buộc tội, nhưng chỉ trở thành hiện thực khi người bị buộc tội thực hiện. Người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa bằng cách tự bào chữa hoặc nhờ Luật sư, người khác bào chữa và có thể kết hợp cả hai. Do vậy, việc người bị buộc tội tự bào chữa không loại trừ khả năng họ nhờ Luật sư hoặc người khác bào chữa và ngược lại.

**Từ khoá:** Quyền bào chữa, người bị buộc tội, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

**82. Nhận diện và xử lý thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm trong Luật cạnh tranh năm 2018**/ Nguyễn Hoàn Hảo// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.51 - 57.

**Nội dung:** Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm là một trong ba hành vi hạn chế cạnh tranh gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường. Hiện nay, các hành vi vi phạm về thoả thuận hạn chế cạnh tranh ngày càng tinh vi; việc phát hiện và điều tra các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trở nên khó khăn, phức tạp hơn. Vì vậy, để phát hiện và điều tra, xử lý đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, trong thời gian tới cần có những chính sách hiệu quả hơn, đảm bảo tính phong ngừa và răn đen mạnh mẽ.

**Từ khoá:** Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, xử phạt, Luật Cạnh tranh năm 2018

**83. Nghĩa vụ cung cấp thông tin trong hợp đồng mua bán Condotel tại Việt Nam**/ Lê Thị Bích Chi// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 23(447).- Tr.23 - 30.

**Nội dung:** Condotel là một sản phẩm mới trên thị trường bất động sản nghỉ dưỡng và hiện khung pháp lý còn đang bỏ ngỏ. Tuy vậy, các giao dịch condotel đã và đang được thực hiện khá phổ biến. Trong hợp đồng mua bán condotel, cung cấp thông tin là nghĩa vụ của doanh nghiệp với khách hàng/người tiêu dùng, góp phần công khai, minh bạch hóa thị trường. Tuy nhiên, trên thực tế, vì nhiều lý do, doanh nghiệp kinh doanh condotel thường có các hành vi cung cấp thông tin không rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của người mua mà còn tác động tiêu cực đến thị trường condotel tại Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả phân tích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong hợp đồng mua bán condotel, một số bất cập và đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Hợp đồng mua bán condotel; nghĩa vụ cung cấp thông tin; pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán condotel

**84. Nhu cầu phát triển và các yếu tố ảnh hưởng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến**/ Chu Thị Hoa// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 24(448).- Tr.36 - 43.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích nhu cầu phát triển phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến và các yếu tố yếu tố ảnh hưởng đến phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến ở Việt Nam hiện nay. Tác giả cho rằng, trong điều kiện hiện nay, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, hoà giải trực tuyến là một phương thức phát triển mới và cần thiết cho các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, phương thức giải quyết tranh chấp mới này cần thời gian để doanh nghiệp dần thích nghi. Do đó, trong giai đoạn trước mắt, cần phải có những giải pháp về truyền thông - đẩy mạnh tuyên truyền về phương thức giải quyết tranh chấp mới này để xã hội đón nhận; rà soát hệ thống pháp luật, sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định cản trở sự phát triển của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hoà giải trực tuyến; ban hành quy tắc và hướng dẫn riêng dành cho trọng tài/hòa giải trực tuyến thay vì áp dụng quy tắc của trọng tài/hòa giải truyền thống cho trọng tài/hòa giải trực tuyến như hiện nay.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thương mại điện tử; giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; hòa giải trực tuyến

**85. Nâng cao vai trò đội ngũ luật sư trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế/** B.B.T// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.5 - 13.

**Nội dung:** Đại hội Đại biểu Luật sư toàn quốc lần thứ III diễn ra trong bối cảnh đất nước đạt được nhiều thành quả quan trọng và toàn diện trên tất cả các mặt, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, đồng thời cũng đứng trước nhiều cơ hội và thách thức đan xen nhau. Tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, diễn biến dịch bệnh Covid-19 mang tính toàn cầu đã ảnh hưởng tới sự phát triển của đất nước.

**Từ khoá:** Đội ngũ luật sư, luật sư

**86. Người quản lí doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam - Một số bất cập và vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật**/ Hoàng Minh Chiến// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.39 - 50.

**Nội dung:** Người quản lí doanh nghiệp là khái niệm không còn mới, được tiếp cận từ khá lâu trong đời sống pháp lí ở các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm Người quản lí doanh nghiệp theo pháp luật hiện hành của Việt Nam vẫn chưa rõ ràng, tạo ra cách hiểu và vận dụng khác nhau trong thực tiễn áp dụng pháp luật ở Việt Nam, chỉ ra một số bất cập và vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật về vấn đề này.

**Từ khoá:** Người quản lí doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp, thành viên hội đồng thành viên, cán bộ lãnh đạo, người có chức danh, chức vụ

**87. Nghiên cứu các mô hình đào tạo (Blended Learning) và khả năng áp dụng cho đào tạo luật ở Việt Nam**/ Vũ Thị Lan Anh, Tôn Quang Cường// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 12.- Tr.63 - 73.

**Nội dung:** Giáo dục đại học hiện nay đang phải đối mặt với sụ tác động toàn cầu theo 4 nhóm yếu tố: Tác động xã hội; hành động chiến lược, tài năng và nhân lực lao động, tác động công nghệ. Quá trình này tác động không nhỏ đến việc đổi mới phương thức đào tạo, trong đó có đào tạo luật tại Việt nam với việc nghiên cứu và áp dụng rộng rãi các mô hình dạy học dựa trên nền tảng, giải pháp, công cụ công nghệ theo xu hướng tích cực hóa, cá nhân hóa, đa nền tảng, đa phương thức ... Dạy học kết hợp hay hỗn hợp (Blended Learning) là mô hình triển khai đào tạo khá mới trong thực tiễn giáo dục đại học ở Việt Nam nói chung, đào tạo luật nói riêng, tác động đến toàn bộ hệ thống giáo dục, đòi hỏi tiếp tục được nghiên cứu cả về lý luận cũng như thực tiễn Bài viết này chỉ ra trong giáo dục thông minh, dạy học kết hợp không chỉ là một tiếp cận mới mà còn là một mô hình dạy học mới hoàn toàn về chất, làm thay đổi một cách căn bản các quan điểm về lý luận dạy học vốn tồn tại từ trước đến nay, dẫn đến sự thay đổi một cách văn bản các quan điểm về lý luận dạy học vốn tồn tại từ trước đến nay, dẫn đến sự thay đổi một từ tư duy đến mọi hoạt động đào tạo, có thể áp dụng cho đào tạo luật ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Dạy học kết hợp (Blended Learning), vai trò đội ngũ luật sư, đào tạo luật, đào tạo theo chứng chỉ, mô hình dạy học

**88. Nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật đối với kiểm soát giao dịch giữa người có liên quan tại ngân hàng thương mại**/ Trần Linh Huân, Phạm Thị Thu Thảo// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 1+2.- Tr.43 - 46.

**Nội dung:** Nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật đối với kiểm soát giao dịch giữa người có liên quan tại ngân hàng thương mại đóng vai trò quyết định đến hiệu quả trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật điều chỉnh với hoạt động này. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá, làm rõ các vấn đề bản chất pháp lý liên quan đến nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật đối với kiểm soát giao dịch giữa người có liên quan tại ngân hàng thương mại, từ đó đưa ra mộ số khuyến nghị đối với các nguyên tắc này.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, người có liên quan, giao dịch giữa người có liên quan, kiểm soát giao dịch

**89. Phạm vi điều chỉnh trong pháp luật cạnh tranh: qui định của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế**/ Lê Văn Tranh// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 9(256).- Tr.62 - 74.

**Nội dung:** Tạo lập, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp trên thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là một trong những mục tiêu quan trọng của Luật Cạnh tranh. Muốn vậy, Luật Cạnh tranh phải kiểm soát được các hành vi phản cạnh tranh, tiềm ẩn rủi ro, gây phương hại đến thị trường cho dù hành vi đó được thực hiện ở đâu. Bài viết làm rõ phạm vi điều chỉnh trong Luật Cạnh tranh của Việt Nam; liên hệ quy định quốc tế về vấn đề này cũng như bình luận về tính khả thi của quy định mở rộng phạm vi điều chỉnh trong Luật Cạnh tranh của Việt Nam. Qua đó, bài viết khẳng định việc áp dụng pháp luật cạnh tranh bên ngoài lãnh thổ để bảo vệ cạnh tranh trong nước là tương đối phổ biến trong pháp luật Cạnh tranh hiện nay; đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết phải tạo lập hành lang pháp lí, nguồn lực, sự quyết tâm, tính chuyên nghiệp cũng như mối quan hệ, hỗ trợ giữa các cơ quan cạnh tranh để thực hiện hóa qui định này.

**Từ khoá:** Kinh nghiệm, luật cạnh tranh, phạm vi điều chỉnh

**90. Pháp luật về tình trạng khẩn cấp ở một số nước Châu Âu và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Đức// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.56 - 64.

**Nội dung:** Tình trạng khẩn cấp là những tình huống bất thường và bất lợi có nguyên nhân từ con người hoặc tự nhiên, mà có thể xảy ra ở bất kỳ quốc gia nào, gây ra những hậu quả to lớn về chính trị, kinh tế, xã hội cho người dân và nhà nước. Để đối phó hiệu quả với tình trạng khẩn cấp, pháp luật cần có quy định đầy đủ và hợp lý, đặc biệt là về sự cân xứng giữa các biện pháp mà nhà nước có thể và cần phải thực hiện để khắc phục hậu quả của tình trạng khẩn cấp, với các quyền và tự do cơ bản của con người. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày, phân tích các quy định về tình trạng khẩn cấp trong pháp luật ở một số nước châu Âu và đưa ra các gợi mở cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

**Từ khoá:** Tình trạng khẩn cấp, pháp luật về tình trạng khẩn cấp, quyền con người, châu Âu, Việt Nam

**91. Phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử Việt Nam** / Nguyễn Thành Minh Chánh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.38 - 41.

**Nội dung:** Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên cơ sở thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia đựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng. Có thể thấy, Đảng và Nhà nước ta nhận thấy được sức mạnh của thời đại kỷ nguyên số trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Khi Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới thì tốc độ phát triển hoạt động thương mại điện tử bùng nổ nhanh chóng và cần có phương thức giải quyết phi truyền thống là phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến (Online Dispute Resolution – ODR).

**Từ khoá:** Thương mại điện tử, giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR), giao dịch điện tử

**92. Pháp luật về chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự Việt Nam**/ Nguyễn Thành Minh Chánh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 24(448).- Tr.31 - 35.

**Nội dung:** Trong tình hình hiện nay với sự lây lan của dịch bệnh Covid-19, mọi giao dịch hầu hết diễn ra trên không gian mạng. Do đó, vấn đề cần giải quyết hiện nay là đưa ra mô hình lý luận nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về chứng cứ điện tử ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là thật sự cần thiết và thiết yếu.

**Từ khoá:** Luật điện tử; tố tụng dân sự Việt Nam

**93. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong hoạt động tư pháp**/ Nguyễn Văn Tuân// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.46 - 51.

**Nội dung:** Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân... (Điều 2); “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân” (Điều 3); “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước” (Điều 6). Trong các văn bản pháp luật hiện hành đều có quy định về khả năng để mọi công dân tham vào hoạt động tư pháp và giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ trong hoạt động tư pháp được thể hiện bằng việc tham gia hoạt động xét xử của Hội thẩm. Đây là chế định thể hiện rõ nét nhất quyền làm chủ của nhân dân trong hoạt động tư pháp. Chế định Hội thẩm mặc dù đã được pháp luật quy định, tuy nhiên trong thực tế áp dụng vẫn còn những bất cập nhất định.

**Từ khoá:** Quyền làm chủ của nhân dân trong hoạt động tư pháp, chế định hội thẩm

**94. Pháp luật về hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam**/Nguyễn Minh Đức// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.20 - 31.

**Nội dung:** Yêu cầu mở cửa thị trường dịch vụ pháp lí, cam kết cho pháp luật sư nước ngoài cũng như tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt nam đã xuất hiện ngay từ khi Việt Nam bắt đầu chính sách đổi mới, thu hút nhà đầu tư nước ngoài. Khi mở cửa, Việt nam tiếp nhận làn sóng đầu tư nước ngoài, tuy nhiên với một thị trường mới, các nhà đầu tư nước ngoài cần và buộc phải tuân thủ pháp luật Việt Nam. Nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lí mang tính quốc tế, do các hàng luật toàn cầu cung cấp ngày một tăng cao. Bài Viết làm rõ qui định của pháp luật về hành nghề của luật sư nước ngoài, tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

**Từ khoá:** Dịch vụ pháp lí, luật sư nước ngoài, tổ chức luật sư

**95. Pháp luật về kinh doanh bất động sản du lịch**/ Đoàn Trung Kiên// Tạp chí Luật học.- 2022 .- Số 1.- Tr.3 - 16.

**Nội dung:** Bất động sản du lịch nói chung và điều kiện kinh doanh bất động sản du lịch nói riêng là những vấn đề chưa được minh định dưới góc độ pháp lý. Các nguyên tắc, điều kiện kinh doanh bất động sản du lịch hiện nay chủ yếu được thực hện theo qui định của Luật Kinh doanh bất động sản về nguyên tắc, điều kiện kinh doanh các công trình xây dựng trên đất thương mại, dịch vụ nói chung. Trong khi đó, xét về bản chất, bất động sản du lịch có những điểm đặc thù so với loại hình bất động sản là công trình xây dựng trên đất thương mại, dịch vụ thông thường; theo đó, các điều kiện để kinh doanh bất động sản du lịch cũng cần phải có những qui định riêng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả chủ thể tham gia quan hệ pháp luật có liên quan đến loại hình này. bài viết phân tích bản chất, đặc thù trong quan hệ pháp luật phát sinh/ có liên quan đến bất động sản du lịch để chỉ ra sự cần thiết của việc ghi nhận/ quy định riêng về điều kiện kinh doanh bất động sản du lịch. Trên cơ sở đó, bài viết bình luận, đánh giá pháp luật hiện hành và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về điều kiện kinh doanh bất động sản du lịch.

**Từ khoá**: Điều kiện kinh doanh, bất động sản du lịch, pháp luật."

**96. Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**/ Trần Anh Tuấn// Tạp chí Luật học.- 2022.- Số 1.- Tr.31 - 46.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, luận giải về chính sách của Đảng đối với pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong bối cảnh tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; xác định những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có tác động tới lĩnh vực tư pháp dân sự và có khả năng ứng dụng những thành tự này trong việc hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu này, bài viết phân tích triết lý, kinh nghiệm của Pháp, Đức, Liên minh Châu Âu trong việc pháp lý hóa các vấn đề kỹ thuật, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

**Từ khoá:** Luật tố tụng dân sự, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, pháp luật

**97. Pháp quyền hay nhà nước pháp quyền**?/ Chu Hồng Thanh// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 1+2.- Tr.39 - 42.

**Nội dung:** Kế hoạch xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” là một kế hoạch Đề án quốc gia có tầm vóc rộng lớn, có tính thời sự cao, thể hiện tính bức thiết cả về tư duy lý luận và thực tiễn. 12 nội dung nghiên cứu với 28 chuyên đề chuyên sâu triển khai cho thấy Kế hoạch xây dựng Đề án hướng tới xây dựng một mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp; xây dựng các chiến lược cải cách tư pháp, chiến lược cải cách hành chính, chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam… Để góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của triển khai Kế hoạch xây dựng Đề án, dưới giác độ khoa học pháp lý cần duy danh định nghĩa tường minh hơn một từ khóa quan trọng nhất của Đề án là “Nhà nước pháp quyền”. Việc làm rõ khái niệm này có ảnh hưởng trực tiếp tới thành công và chất lượng thực tế của triển khai xây dựng Đề án.

**Từ khoá:** Pháp quyền, nhà nước pháp quyền, hoàn thiện nhà nước pháp quyền

**98**. **Pháp luật về công ty cổ phần tại Cộng hòa Pháp**/ Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 8(251) .- Tr. 64-78.

**Nội dung:** Nghiên cứu về loại hình công ty cổ phần tại Cộng hòa Pháp, để từ đó rút ra kinh nghiệm cho việc bổ sung và hoàn thiện các quy định của công ty cổ phần tại Việt Nam càng trở nên cần thiết và rất quan trọng.

**Từ khóa**: Công ty cổ phần Pháp, luật doanh nghiệp Pháp

99. **Pháp luật về bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình xây dựng khi nhà nước thu hồi đất: kiến nghị và giải pháp**/ Nguyễn Thành Phương, Trần Thanh Khỏe, Nguyễn Phan Quốc Kiệt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 95 - 97.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các vấn đề có liên quan đến cơ chế bồi thường tài sản như nhà ở, công trình xây dựng, cây trồng, vật nuôi...trong tiến trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Qua đó, nhóm tác giả chỉ ra những bất cập, thiếu sót trong quy định pháp luật và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế này trong tương lai.

**Từ khóa:** Bồi thường tài sản, thu hồi đất, công trình xây dựng

**100. Quyền sở hữu tài sản trong Hiến pháp năm 2013 và vấn đề hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu tài sản**/ Lê Vũ Giang// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 9(256).- Tr.27 - 41.

**Nội dung:** Quyền sở hữu tài sản là quyền dân sự cơ bản của con người. Quyền sở hữu tài sản được ghi nhận trong pháp luật quốc gia với tư cách là quyền công dân. Việc luật hóa và xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất về quyền tài sản là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Bài viết phân tích quá trình hình thành, xu hướng phát triển của Hiến pháp và các quy định khác của pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu tài sản; đánh giá thành tựu, thách thức của pháp luật Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền đối với tài sản.

**Từ khoá:** Hiến pháp, quyền con người, quyền sở hữu tài sản

**101. Qui định pháp luật về khai thác bền vững sản phẩm tài nguyên rừng và kiến nghị hoàn thiện**/ Phạm Thị Mai Trang// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 9(256).- Tr.75 - 86.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá quy định và việc thực hiện các quy định hiện hành về khai thác bền vững sản phẩm tài nguyên rừng thông qua các nhóm qui định pháp luật: 1) Qui định về cấm hoàn toàn việc khai thác sản phẩm tài nguyên rừng; 2) Qui định về khai thác sản phẩm tài nguyên rừng trong rừng đặc dụng; 3) Qui định về khai thác sản phẩm tài nguyên rừng trong rừng phòng hộ; 4) Qui định về khai thác sản phẩm tài nguyên rừng trong rừng sản xuất. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này, bảo đảm quá trình áp dụng và thực thi pháp luật về khai thác bền vững sản phẩm tài nguyên rừng thống nhất và hiện quả trên thực tế.

**Từ khoá:** Khai thác bền vững, tài nguyên rừng, lâm sản

**102. Qui định của Bộ Luật hình sự năm 2015 về các tội phạm tham nhũng dưới góc độ kỹ thuật lập pháp**/ Nguyễn Ngọc Hòa// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 10(257).- Tr.19 - 28.

**Nội dung:** Trên cơ sở xác định 2 yêu cầu đối với kỹ thuật lập pháp hay còn gọi là kỹ thuật qui định hay kỹ thuật trình bày nội dung văn bản - yêu cầu về tính logic trong bố cục văn bản và yêu cầu về tính khoa học trong sử dụng ngôn ngữ, bài viết phân tích các hạn chế về kỹ thuật trình bày nội văn bản trong các qui định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội phạm tham nhũng. Đó là các hạn chế liên quan đến tính liên kết văn bản và tính thống nhất, rõ ràng, chính xác trong sử dụng từ ngữ cũng như trong diễn đạt văn bản. Bài viết cũng đề xuất hướng khắc phục các hạn chế này.

**Từ khoá:** Các tội phạm tham nhũng; kỹ thuật trình bày; liên kết văn bản; thống nhất, rõ rang

**103. Quyền lao động của người chuyển giới tại Việt Nam hiện nay**/ Trương Hồng Quang// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.3 - 9.

**Nội dung:** Ở Việt Nam, người chuyển giới tồn tại khách quan trong đời sống xã hội. Xuất phát từ đặc điểm về bản dạng giới, người chuyển giới ở nước ta cũng gặp những hạn chế, khó khăn về vấn đề lao động, việc làm như nhiều quốc gia trên thế giới. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá quyền lao động của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay và đưa ra các khuyến nghị nhằm bảo đảm, bảo vệ quyền lao động của người chuyển giới.

**Từ khoá:** Người chuyển giới, quyền lao động, Luật Lao động Việt Nam

**104. Qui định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về bị hại, đương sự**/ Thái Chí Bình// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.35 - 38.

**Nội dung:** Trong phạm vibài viết này, tác giả trình bày, phân tíchnhững điểm mới trong các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về bị hại, đương sự; chỉ ra những hạn chế, bất cập và đề xuất kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về bị hại, đương sự.

**Từ khoá:** Bị hại, đương sự, Bộ luật Tố tụng hình sự

**105. Quyền hạn của các chủ thể thanh tra liên quan đến xử lý văn bản khiếm khuyết trong hoạt động thanh tra**/ Cao Vũ Minh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 23(447).- Tr.11 - 17.

**Nội dung:** Trong hoạt động thanh tra, các chủ thể thanh tra có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể. Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của chủ thể thanh tra là kiến nghị người có thẩm quyền xử lý văn bản pháp luật có khiếm khuyết. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể thanh tra liên quan đến xử lý văn bản khiếm khuyết được quy định trong Dự thảo Luật Thanh tra, và đồng thời đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khoá:** Chủ thể thanh tra, văn bản khiếm khuyết, Dự thảo Luật Thanh tra

**106. Qui định chung của Liên Minh Châu Âu về bảo vệ dữ liệu và một số khuyến nghị đến Quốc hội, Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam**/ Trần Thị Thu Phương// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 23(447).- Tr.41 - 49.

**Nội dung:** Những phát tán dữ liệu về thông tin cá nhân trong thời gian vừa qua ở các quốc gia, vùng lãnh thổ đã làm dấy lên sự e ngại của các cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử, đặc biệt là các giao dịch thương mại điện tử. Trong phạm vi bài viết này, tác giả giới thiệu một số nội dung chính của Quy định chung của Liên minh châu Âu về bảo vệ thông tin cá nhân trong so sánh với quy định của pháp luật Việt Nam và đưa ra các khuyến nghị đến Quốc hội, Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện các hoạt động thương mại trên lãnh thổ của Liên minh châu Âu hoặc có liên quan đến việc xử lý thông tin cá nhân của công dân hoặc người thường trú trên lãnh thổ của Liên minh châu Âu.

**Từ khoá:** Thông tin cá nhân, dữ liệu cá nhân, Liên minh châu Âu

**107. Quyền tiếp cận biển và khai thác tài nguyên sinh vật biển của các quốc gia nội lục theo UNCLOS**/ Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Minh Trúc, Đặng Thị Ánh Vi, Nguyễn Hoàng Tường Vy// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 24(448).- Tr.8 - 14.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, các tác giả phân tích qui định của Công ước về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) về quyền tiếp cận biển và khai thác nguồn tài nguyên sinh vật biển đối với các quốc gia nội lục; phân tích những thách thức trong thực hiện quyền tiếp cận biển và khai thác tài nguyên sinh vật của các tài nguyên sinh vật biển của các quốc gia nội lục, và đề xuất giải pháp để các quốc gia nội lục vượt qua thách thức này.

**Từ khoá:** Quyền tiếp cận biển, Quyền khai thác tài nguyên sinh vật, quốc gia nội lục

**108. Qui định về trách nhiệm thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn**/ Cao Thị Oanh// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 11.- Tr.3 - 15.

**Nội dung:** Qui định về trách nhiệm thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn là nhóm qui định tạo cơ sở pháp lý để yêu cầu người có chức vụ, quyền hạn thực thi công vụ một cách vô tư, liêm chính, không tham nhũng. Vì vậy, pháp luật quốc tế cũng như pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới đều qui định về vấn đề này theo những cách khác nhau. Thông qua việc so sánh qui định về trách nhiệm thực hiện qui tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 với Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng và quy định của một số quốc gia, bài viết đánh giá về mức độ tương thích với pháp luật quốc tế và mức độ tương đồng với pháp luật một số quốc gia về vấn đề này.

**Từ khoá:** Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử

**109. Qui định pháp luật về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giai đoạn đàm phán hợp đồng thương mại**/ Lữ Thị Ngọc Diệp// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 11.- Tr.55 - 69.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu về nghĩa vụ cung cấp thông tin của các bên trong quá trình đàm phán hợp đồng thương mại với mục tiêu: 1) Xác định nhu cầu và mức độ điều chỉnh của pháp luật đối với nghĩa vụ cung cấp thông tin; 2) Tìm hiểu các qui định của pháp luật Việt Nam hiện hành về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong quá trình đàm phán hợp đồng thương mại; 3) khẳng định rằng bên nào có hành vi vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin đều có khả năng gánh chịu những chế tài nhất định. Bài viết cũng chỉ ra rằng, hệ thống pháp luật Việt Nam bước đầu đã có qui định về nghĩa vụ, tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế, bất cập trong các qui định này, từ đó đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu thực tiễn và hoàn thiện pháp luật.

**Từ khoá:** Nghĩa vụ cung cấp thông tin; đàm phán hợp đồng, hợp đồng thương mại

**110. Qui định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bên mua căn hộ chung cư**/ Nguyễn Thị Khánh Vân// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 11.- Tr.88 - 100.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các qui định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận cho bên mua căn hộ chung cư thuộc dự án xây nhà ở thương mại như: điều kiện để bên mua được cấp giấy chứng nhận và nghĩa vụ làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận cho bên mua căn hộ chung cư trên thực tế, từ đó chỉ ra các bất cập của quy định pháp luật và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm góp phần đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận.

**Từ khoá:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; căn hộ chung cư; chủ đầu tư

**111. Qui định của Luật Đất đai về việc công nhận quyền sử dụng đất: Lý luận và thực tiễn**/ Châu Thị Khánh Vân// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.51 - 62.

**Nội dung:** Công nhận quyền sử dụng đất là phương thức xác lập quyền sử dụng đất. Phương thức này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nhiều người, nhất là hộ gia đình, cá nhân đã xác lập quyền sở hữu đất đai được tuyên bố thuộc sở hữu toàn dân. Tuy nhiên, qui định của Luật Đất đai về việc công nhận quyền sử dụng đất có những đặc điểm chưa rõ ràng, chưa phù hợp, gây khó khăn trong việc hiểu, áp dụng, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất và sự ổn định của xã hội. Để khắc phục tình trạng này, bài viết hướng đến trả lời những câu hỏi sau: Quy định về việc công nhận quyền sử dụng đất cần dựa trên cơ sở nào? Dựa trên cơ sở này, quy định của Luật Đất đai năm 2013 cần được sửa đổi, bổ sung như thế nào để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên có liên quan?.

**Từ khoá:** Xác lập quyền sở hữu, chiếm hữu đất, công nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất

**112. Quyền con người, quyền công dân trong hiến pháp Nhật Bản và hiến pháp Việt Nam : phân tích so sánh**/ Nguyễn Ngọc Nghiệp// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 7(245) .- Tr. 53-59.

**Nội dung:** Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt trong việc hiến định quyền con người, quyền công dân ở hai bản hiến pháp hiện hành của Nhật Bản và Việt Nam.

**Từ khóa:** Nhật Bản, hiến pháp, quyền con người, quyền công dân, Việt Nam

**113. Số hóa và thách thức đối với tư pháp quốc tế**/ Ngô Quốc Chiến// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 23(447).- Tr.3 - 10.

**Nội dung:** Nhiệm vụ của tư pháp quốc tế là đi tìm cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp và luật áp dụng. Tòa án và các bên có một công cụ là quy phạm xung đột, được ví như chiếc “la bàn” của những người đi tìm luật. Các quy phạm xung đột truyền thống thường dựa trên một điểm định vị hữu hình - tài sản hữu hình, bất động sản, quốc tịch, nơi cư trú... Tuy nhiên, sự xuất hiện của Internet và công nghệ 4.0 đã làm cho thế giới không chỉ trở nên “phẳng” hơn, mà còn làm cho đời sống con người trở nên “ảo”. Bối cảnh số hóa đó buộc pháp luật nói chung và tư pháp quốc tế nói riêng phải có tư duy mới về cách phân loại tài sản và các chế định dành cho chúng. Đối với người đi tìm luật, những chiếc la bàn truyền thống giờ không còn đủ hữu hiệu nữa, thêm vào đó phải là những chiếc GPS cho phù hợp hơn với môi trường số. Các quy định của tư pháp quốc tế truyền thống dựa trên điểm định vị hữu hình về nơi xảy ra hành vi hoặc nơi phát sinh hậu quả thực tế của hành vi vi phạm đó vốn không còn hoàn toàn phù hợp với đời sống dân sự hiện nay[1] và trở nên kém hiệu quả với sự xuất hiện của Internet vì các trang web không biết đến “đường biên giới” và kéo theo đó là các vi phạm gắn liền với chúng cũng không có “phạm vi lãnh thổ”.

**Từ khoá:** Môi trường số, định vị, thẩm quyền xét xử, tư pháp quốc tế

**114. So sánh thuật ngữ hợp đồng theo mẫu với một số thuật ngữ pháp lý khác có tính tương đồng**/ Trần Ngọc Diệp// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 11.- Tr.80 - 87.

**Nội dung:** Hợp đồng theo mẫu là một trong những loại hợp đồng phổ biến nhất trong đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, ngoài hợp đồng theo mẫu, hiện vẫn còn tồn tại nhiều thuật ngữ khác có tính chất tương đồng và việc làm rõ sự khác nhau giữa các thuật ngữ này là rất cần thiết để bảo đảm việc sử dụng phù hợp trong quá trình áp dụng pháp luật. Bài viết so sánh giữa hợp đồng theo mẫu với một số thuật ngữ như: ""mẫu hợp đồng"", ""điều kiện giao dịch chung "", ""hợp đồng gia nhập"" và ""điều khoản mẫu"" để làm rõ bản chất của từng thuật ngữ, từ đó đề xuất áp dụng các thuật ngữ cho phù hợp theo từng bối cảnh pháp lý.

**Từ khoá**: Hợp đồng theo mẫu, thuật ngữ, tương đồng, mẫu hợp đồng

**115. Từ bỏ thế quyền của doanh nghiệp bảo hiểm đối với nhà thầu phụ trong hợp đồng bảo hiểm công trình xây dựng**/ Bạch Thị Nhã Nam// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 6(253).- Tr.56 - 59, 92.

**Nội dung:** Lĩnh vực xây dựng chứa đựng nhiều rủi ro liên quan đến vật liệu xây dựng, phương tiện, thiết bị kỹ thuật, tai nạn người lao động và bên thứ ba ... Pháp luật đã đặt ra những yêu cầu chủ đầu dự án và nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn thiết kế bắt buộc phải tham gia bảo hiểm trong hoạt động xây dựng. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều doanh nghiệp bảo hiểm đã thực hiện từ bỏ thế quyền đối với nhà thầu hay các bên liên quan khác đến dự án xây dựng. Bài viết tìm hiểu về chế định thế quyền và từ bỏ thế quyền trong hoạt động bảo hiểm nói chung và bảo hiểm công trình xây dựng nói trên. Đồng thời bài viết phân tích một phán quyết của Tòa án Vương quốc Anh về việc không áp dụng từ bỏ thế quyền đối với nhà thầu phụ công trình xây dựng và đưa ra các lưu ý đối với các bên tham gia dự án dự án xây dựng trong việc bảo hiểm cho phần công việc nhận thầu.

**Từ khoá:** Thế quyền, kinh doanh bảo hiểm, dự án xây dựng

**116. Thời hiệu khởi kiện trong các trường hợp yêu cầu tuyên bố đặt cọc vô hiệu và trả lại tài sản đặt cọc**/ Đặng Phước Thông, Lê Khả Luận// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 9(256).- Tr.50 - 61,74.

**Nội dung:** Đặt cọc là một biện pháp bảo đảm có vai trò bảo đảm cho việc giao kết, thực hiện một hợp đồng khác. Tuy nhiên, khi mục đích không đạt bởi nhiều nguyên do khác nhau thì có thể nảy sinh tranh chấp về yêu cầu tuyên bố đặt cọc vô hiệu và yêu cầu tra lại tài sản đặt cọc. Khi giải quyết tranh chấp, thực tiễn xét xử và khoa học pháp lý còn những quan điểm trái chiều, có quan điểm cho rằng cần phân biệt yêu cầu trả lại tài sản đặt cọc thuộc loại tranh chấp bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Để làm sáng tỏ vấn đề lựa chọn thời hiệu khởi kiện áp dụng trong các trường hợp yêu cầu tuyên bố đặt cọc vô hiệu, trả lại tài sản đặt cọc, bài viết phân tích quy định của pháp luật; thực tiễn áp dụng; từ đó kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về vấn đề này.

**Từ khoá:** Thời hiệu khởi kiện, trả lại tài sản đặt cọc, tuyên bố đặt cọc vô hiệu

**117. Thực tiễn thi hành Luật đất đai năm 2013 và những bất cập cần sửa đổi, bổ sung**/ Đặng Văn Cường, Hà Thị Khuyên// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.12 - 16.

**Nội dung:** Luật Đất đai là công cụ pháp lý quan trọng để Nhà nước quản lý, điều tiết các vấn đề liên quan đến đất đai, trải qua thực tiễn 08 năm thi hành Luật Đất đai 2013 đã giúp Đảng và Nhà nước ta thực hiện được các chính sách về đất đai, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, chính trong thực tiễn triển khai này, Luật Đất đai 2013 cũng đã bộc lộ những bất cập nhất định, dẫn đến việc thực thi pháp luật về đất đai còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và sử dụng đất đai, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân... Bởi vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung Luật để phù hợp với thực tiễn chính sách về đất đai giai đoạn hiện tại.

**Từ khoá:** Luật đất đai năm 2013, giá đất, bồi thường, tái định cư

**118. Thực trạng giải quyết tranh chấp đất đai và kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013**/ Nguyễn Tiến Mạnh// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 11.- Tr.27 - 30.

**Nội dung:** Trong quá trình thực hiện Luật Đất đai năm 2013, các quy định về giải quyết tranh chấp đất đai ít nhiều đã bộc lộ những điểm bất cập, cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu sử dụng đất và làm tăng hiệu quả quản lý đất đai của các cơ quan nhà nước.

**Từ khoá:** Giải quyết tranh chấp đất đai, Luật Đất đai năm 2013

**119. Tiêu chuẩn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp trong CPTPP, EVFTA và yêu cầu đối với Việt Nam**/ Phan Quốc Nguyên// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.34 - 38.

**Nội dung:** Trong thời gian gần đây, Việt Nam đã tham gia ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Đây là hai hiệp định tự do thế hệ mới điều chỉnh nhiều vấn đề quan trọng về thương mại, đầu tư, môi trường, tài chính,... và đặc biệt là vấn đề sở hữu trí tuệ. Tiêu chuẩn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp quy định trong hai Hiệp định này không cao nhưng lại có một số điểm khác biệt, cụ thể hơn so với quy định hiện hành của Việt Nam. Điều này dẫn đến hệ quả là bên cạnh những thuận lợivà cơ hội, các tiêu chuẩn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp quy định trong những Hiệp định lớn này còn đặt ra một số yêu cầu đối với Việt Nam.

**Từ khoá:** Kiểu dáng công nghiệp, tiêu chuẩn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, CPTPP, EVFTA, Việt Nam."

**120. Trách nhiệm dân sự của nền tảng số theo Luật mẫu của Viện Luật Châu Âu và những khuyến nghị của Việt Nam**/ Đỗ Giang Nam// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 19(443).- Tr.42 - 51.

**Nội dung**: Trong phạm vi bài viết này, tác giả đánh giá các qui định về trách nhiệm dân sự của nền tảng số theo Luật mẫu (Model rules on online platform) của Viện Luật Châu Âu (European Law Institute) và bước đầu đưa ra khuyến nghị về chính sách pháp lý và cơ chế pháp lý phù hợp cho Việt Nam.

Từ khoá: Luật mẫu của Viện Luật Châu Âu, trách nhiệm dân sự

**121. Tòa án trực tuyến và quyền xét xử công bằng : kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam**/ Bùi Tiến Đạt, Nguyễn bích Thảo, Trần Thị Trinh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 20(444).- Tr.57 - 64.

**Nội dung:** Thời đại kỹ thuật số đã giúp cho các ý tưởng áp dụng “Tòa án trực tuyến” trở nên khả thi hơn với các hình thức như quản lý tòa án dựa trên môi trường internet, xét xử trực tuyến và truyền hình trực tiếp phiên tòa. Những hình thức tòa án trực tuyếnnày có thể tạo điều kiện đảm bảo tốt hơn đối với một số quyền xét xử công bằng, nhưng đồng thời những hình thức đó cũng hạn chế hoặc thậm chí triệt tiêu một số quyền xét xử công bằng khác. Mặc dù một số dịch vụ tư pháp dựa trên internet đã được ứng dụng ở một số quốc gia, nhưng chúng ta hiện vẫn chưa đánh giá đúng mức về sự ảnh hưởng của các dịch vụ đó đối với các quyền xét xử công bằng phổ quát. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả phân tích khả năng mở rộng một số hình thức thủ tục tư pháp trực tuyến và sự ảnh hưởng của những hình thức “Tòa án trực tuyến” đến quyền xét xử công bằng trên thế giới và ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Tòa án trực tuyến, tư pháp trực tuyến, quyền xét xử công bằng, thủ tục công bằng

**122. Thẩm quyền của tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức**/ Nguyễn Biên Thùy// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.3 - 7.

**Nội dung:** Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức. Thẩm quyền của Tòa án còn là căn cứ pháp lý để công dân, cơ quan, tổ chức được quyền đòi hỏi Tòa án bảo vệ quyền khi bị xâm phạm. Thẩm quyền của Tòa án đối với việc xem xét hủy quyết định cá biệt còn là quy định để kiểm soát quyền lực hành chính đối với cơ quan hành chính nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức; chỉ ra những bất cập trên thực tế và đưa ra kiến nghị.

**Từ khoá:** Thẩm quyền củaTòa án; quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức; bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

**123. Thủ tục tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi**/ Nguyễn Thị Loan, Trần Thị Thanh Hằng// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.18 - 24.

**Nội dung:** Trong phạm vi bài viết này, các tác giả trình bày, phân tích các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

**Từ khoá:** Người dưới 18 tuổi,thủ tục tố tụng hình sự, cải cách tư pháp

**124. Thẩm quyền giám sát, giáo dục đối với người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ theo qui định của pháp luật hiện hành**/ Hoàng Nguyên Thắng// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 22(446).- Tr.40 - 44.

**Nội dung:** Giám sát, giáo dục là một trong những nội dung chủ yếu trong công tác thi hành án treo, cải tạo không giam giữ được quy định trong Bộ luật Hình sự và Luật Thi hành án hình sự. Bên cạnh ý thức tuân thủ của người chấp hành án, việc thực hiện tốt công tác giám sát, giáo dục có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm án treo, cải tạo không giam giữ được thi hành nghiêm chỉnh, đúng quy định của pháp luật. Thẩm quyền giám sát giáo dục đối với người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ được quy định trong nhiều văn bản pháp luật, ban hành tại các thời điểm khác nhau. Điều này dẫn đến sự chồng chéo, mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật về vấn đề này.

**Từ khoá:** Án treo, cải tạo không giam giữ; thẩm quyền giám sát giáo dục đối với người chấp hành án treo

**125. Thu hút nhân tài trong khu vực công theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII**/ Nguyễn Quỳnh Trang// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 23(447).- Tr.18 - 22.

**Nội dung:** Nguồn nhân lực nói chung và nhân tài nói riêng có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển, thịnh vượng của một quốc gia. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích nhân tài và vai trò của việc thu hút nhân tài trong khu vực công; trình bày sự phát triển quan điểm của Đảng về thu hút nhân tài qua các kỳ Đại hội và phân tích những điểm mới về thu hút nhân tài theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII.

**Từ khoá:** Thu hút nhân tài, Đại hội XIII của Đảng

**126. Tổ chức đời sống, xã hội truyền thống của đồng bào dân tộc Êđê ở Tây Nguyên - cơ sở hình thành Luật tục**/ Lê Duyên Hà// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 24(448).- Tr.3 - 7.

**Nội dung:** Tây Nguyên là địa bàn sinh sống lâu đời của 12 dân tộc thiểu số tại chỗ, trong đó có đồng bào dân tộc Êđê. Cộng đồng người Êđê là cư dân đã có mặt lâu đời ở miền Trung Tây Nguyên. Dấu vết về nguồn gốc của dân tộc Êđê đã phản ánh lên từ các sử thi và trong nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật tạo hình dân gian. Dù cư trú ở địa bàn nào, cộng đồng Êđê đều sống thành từng buôn làng, gắn với canh tác nương rẫy và luôn luôn giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Chính những giá trị văn hóa truyền thống của người Ê đê đã tạo nên những nét văn hóa đặc trưng, trong đó có văn hóa phi vật thể là Luật tục. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày, phân tích tổ chức đời sống, xã hội thống của đồng bào dân tộc Êđê - cơ sở hình thành Luật tục của người Êđê.

**Từ khoá:** Tổ chức đời sống; dân tộc Êđê, Luật tục của người Êđê

**127. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế**/ Hoàng Trọng Giáp// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.52 - 53.

**Nội dung:** Thời gian gần đây, công tác cải cách thủ tục hành chính đã tạo nhiều thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giao dịch với các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần hướng đến xây dựng nền hành chính phục vụ. Nhiều thủ tục hành chính về thuế được cắt giảm, đơn giản, đã góp phần tháo gỡ nhiều khó khăn cho doanh nghiệp, tác động tích cực đến việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và được xã hội và cộng đồng người dân, doanh nghiệp đánh giá cao.

**Từ khoá:** Cải cách thủ tục hành chính về thuế, thuế

**128. Thẩm quyền của tòa án trong áp dụng biện pháp cấm chuyển dịch quyền về tài sản**/ Ngọc Tâm// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.54 - 55.

**Nội dung:** Biện pháp khẩn cấp tạm thời là một trong những biện pháp hiệu quả nhất để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các tranh chấp dân sự về quyền tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng thực tế phát sinh nhiều bất cập, hạn chế.

**Từ khoá:** Thẩm quyền của tòa án, chuyển dịch quyền về tài sản

**129. Tranh chấp đất đai và tác động của nó tới mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nguyên**/ Đậu Công Hiệp// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 12.- Tr.30 - 40.

**Nội dung:** Bài viết trình bày tác động của tình trạng tranh chấp đất đai tới một vài trong số 17 mục tiêu phát triển bền vững và liên hệ với bối cảnh vùng Tây Nguyên. Qua đó bài viết rút ra kết luận: tranh chấp đất đai vừa là nguyên nhân khiến các mục tiêu phát triển bền vững gặp khó khăn, lại vừa là hệ quả khi việc thực hiện các mục tiêu này không đạt được hiệu quả. Trong bối cảnh vùng Tây Nguyên, vấn đề này lại càng cần được quan tâm bởi đây là khu vực giàu tiềm năng phát triển lại vừa tiềm ẩn những yếu tố phức tạp về chính trị, xã hội và văn hóa.

**Từ khoá:** Phát triển bền vững, tranh chấp đất đai, vùng Tây Nguyên

**130. Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực lao động thực trạng và những khía cạnh pháp lý đặt ra**/ Trần Thị Thúy Lâm, Nguyễn Việt Hùng// Tạp chí Luật học.- 2022 .- Số 1.- Tr.47 - 56.

**Nội dung:** Bài viết phân tích về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực lao động, thực trạng pháp luật và những khía cạnh pháp lý đặt ra đối với những thỏa thuận này từ một số vụ việc trên thực tế; đưa ra kiến nghị nhằm xây dựng khung pháp lý về thỏa thuận này từ một số vụ việc trên thực tế; đưa ra kiến nghị nhằm xây dựng khung pháp lý về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực lao động ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực lao động, bảo vệ bí mật kinh doanh, người sử dụng lao động

**131. Tín dụng cho người yếu thế tiếp cận từ góc độ tài chính toàn diện**/ Lê Ngọc Thắng// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 1+2.- Tr.47 - 51.

**Nội dung:** Tín dụng cho người yếu thế mà bản chất là tín dụng chính sách xã hội từ lâu đã trở thành vấn đề không chỉ ở cấp quốc gia của mỗi nước, mà hầu hết các nước trên thế giới đều đặc biệt quan tâm. Nhận thức rõ vai trò của vấn đề này, Việt Nam đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện chính sách và khung khổ pháp lý điều chỉnh lĩnh vực tín dụng đối với người yếu thế, qua đó nhằm tạo sinh kế cho nhóm người khó khăn trong việc tiếp cận với các khoản vay thông thường, góp phần xóa đói, giảm nghèo, hướng tới một xã hội ổn định, công bằng và thịnh vượng, an sinh xã hội được bảo đảm.

**Từ khoá:** Người yếu thế, tín dụng cho người yếu thế, tài chính toàn diện

**132. Tạo đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững**/ TS Nguyễn Ngọc Túy// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 50-52.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu, kế hoạch hành động được xây dựng với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển KH&CN vào sản xuất, đời sống; chủ động, tích cực ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tạo đột phá trong phát triển các ngành mũi nhọn có lợi thế. Việc lựa chọn và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước; triển khai việc công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thương mại hóa các sản phẩm KH&CN tự nghiên cứu. Tham mưu đẩy mạnh hoạt động kết nối cung – cầu về công nghệ, các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN…

**Từ khóa**: KH&CN, thương mại hóa, chuyển giao quyền sở hữu

**133. Ủy quyền lập pháp và kiểm soát ủy quyền lập pháp ở New Zealand và một vài gợi mở cho Việt Nam**/ Nguyễn Văn Quang// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 6(253).- Tr.52 - 62.

Nội dung: Bài viết phân tích nội dung cơ bản về ủy quyền lập pháp và kiểm soát ủy quyền lập pháp trong pháp luật và thực tiễn ở New Zealand, trên cơ sở đó một vài ý tưởng về vấn đề này được gợi mở cho pháp luật và thực tiễn của Việt Nam.

**Từ khoá:** Ủy quyền lập pháp, kiểm soát, New Zealand, Việt Nam

**134. Vấn đề quyền con người trong ASEAN góc nhìn từ Việt Nam sau 25 năm thực hiện nghĩa vụ thành viê**n/ Hoàng Thanh Phương// Tạp chí Luật học.- 2021 .- Số 12(247).- Tr.31 - 43.

**Nội dung:** Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong ASEAN là vấn đề mang tính thời sự do cách tiếp cận đặc thù của khu vực. Bài viết phân tích ảnh hưởng của các yếu tố như nguyên tắc hoạt động, ""phương cách ASEAN "", "" giá trị Châu Á"" lên cách tiếp cận của ASEAN về quyền con người; phân tích những nghĩa vụ đặt ra trong lĩnh vực quyền con người đối với các quốc gia thành viên ASEAN, trong đó có Việt Nam, từ đó đánh giá thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt nam và đề xuất các giải pháp về mặt pháp lý để tiếp tục hoàn thiện thể chế phù hợp với những cam kết khu vực mà Việt nam đã đưa ra, nhất là trong bối cảnh Việt Nam tham gia ứng cử vị trí thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc (UNHRC) nhiệm kỳ 2023-2025 với tư cách ứng cử viên của ASEAN.

**Từ khoá:** ASEAN, nghĩa vụ thành viên, quyền con người

**135. Về hợp đồng chuyển nhượng đất có diện tích dưới mức qui định tách thửa**/ Nguyễn Thị Vân Anh// Luật Sư Việt Nam.- 2021 .- Số 12.- Tr.56 - 57.

**Nội dung:** Chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng “giấy tay” mà diện tích đất chuyển nhượng dưới hạn mức tách thửa có được công nhận hay không? Tranh chấp này cần được giải quyết như thế nào? Bài viết sau đây phân tích các quy định pháp luật có liên quan, các quan điểm giải quyết vụ việc, kiến nghị hướng giải quyết.

**Từ khoá:** Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, qui định tách thửa

**136. Vai trò của chính sách pháp luật tài chính - ngân hàng trong nền kinh tế thị trường**/ Ngô Văn Hiệp// Luật Sư Việt Nam.- 2022.- Số 1+2.- Tr.56 - 59.

**Nội dung:** Chính sách pháp luật tài chính - ngân hàng là cơ sở để từ đó cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành và hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến tài chính - ngân hàng. Do đó, nó có vai trò rất quan trọng trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh tài chính của quốc gia cũng như thúc đẩy sự hợp tác và hội nhập quốc tế.

**Từ khoá:** Chính sách, pháp luật, tài chính, ngân hàng, thị trường

**137. Vận dụng hệ thống pháp lý kế toán trong việc lập và trình bày báo cáo kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa - thuận lợi và khó khăn**/ Ngô Thị Thu Hương/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 69-73.

**Nội dung:** Bài viết nhằm phân tích một số thuận lợi, và đặc biệt đi vào những khó khăn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi vận dụng khung pháp lý kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày báo cáo kế toán.

**Từ khoá:** hệ thống pháp lý kế toán, báo cáo kế toán, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**138. Xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong bối cảnh ngăn chặn dịch bệnh Covid-19 ở Việt Nam**/ Thái Thị Tuyết Dung// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 18(442).- Tr.39 - 46.

**Nội dung:** Dịch bệnh covid-19 đã làm thay đổi nhiều vấn đề trong đời sống xã hội, các hành vi vi phạm hành chính diễn ra thường xuyên trước đây không còn nhiều do áp dụng các quy định về cách ly và giãn cách; ngược lại, nhiều hành vi vi phạm liên quan đến việc tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch bệnh xảy ra thường xuyên hơn. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích khía cạnh pháp lý trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính trong giai đoạn dịch bệnh covid-19 xảy ra ở Việt Nam. Đó là các hành vi: ra đường không có lý do cần thiết; đưa thông tin sai sự thật trên mạng xã hội liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh covid-19; không cài app điện tử (bluezone) trong điện thoại thông minh; từ chối tiêm vắc xin; từ chối xét nghiệm để tìm ca nhiễm Covid-19.

**Từ khoá:** Covid-19; xử phạt vi phạm hành chính

**139. Xu hướng xét xử trực tuyến ở Hoa Kỳ, Sigapore, Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam** / Võ Minh Kỳ, Nguyễn Phương Anh// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 19(443).- Tr.52 - 64.

**Nội dung:** Trên thế giới, việc áp dụng mô hình xét xử trực tuyến thay tế cho các phiên tòa được thực hiện theo mô hình truyền thống đã và đang trở thành xu thế và được áp dụng ngày càng nhiều và phổ biến. Ở Việt Nam, việc áp dụng mô hình xét xử trực tuyến còn gặp phải một số khó khăn, thách thức trong cách hiểu và áp dụng các qui định của pháp luật về tố tụng tại Việt Nam, xét xử bằng hình thức trực tuyến vẫn là một xu thế trong bối cảnh bùng phát của dịch bệnh. Việc kéo dài thời gian đưa ra xét xử dù vì lý do bất khả kháng cũng làm ảnh hưởng rất nhiều tới quyền và lợi ích lợp pháp của công dân. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm xét xử trực tuyến ở Hoa Kỳ, Sigapore và Trung Quốc, các tác giả rút ra một số gợi mở cho Việt Nam trong chuyển đổi từ xét xử trực tiếp sang xét xử trực tuyến trong tương lai.

**Từ khoá**: Xét xử trực tuyến, xét xử trực tuyến ở Hoa Kỳ, pháp luật về tố tụng

**140. Xây dựng nguồn nhân lực công an xã chính quy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**/ Phạm Công Tùng, Hoàng Văn Tấn// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 21(445).- Tr.58 - 64.

**Nội dung:** Xây dựng nguồn nhân lực công an xã chính quy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy của ngành công an, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác, bảo đảm an ninh, trật tự địa bàn cấp cơ sở. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả bàn về quan điểm, yếu cầu, nội dung xây dựng nguồn nhân lực công an xã chính quy và đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng này trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Công an xã chính quy, nguồn nhân lực

**141. Xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại: kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Tình// Tạp chí Luật học.- 2022.- Số 1.- Tr.57 - 71.

**Nội dung:** Pháp luật về nhượng quyền thương mại ghi nhận quyền gia nhập thị trường của các thương nhân, cách thức để thương nhân triển khai ý tưởng kinh doanh và quyền, nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình triển khai hoạt động nhượng quyền thương mại. Bài viết tập trung phân tích quan điểm xử lí hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại của một số nước Hoa Kỳ, Trung Quốc, Malaysia, và khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Nhượng quyền thương mại, cạnh tranh, chống độc quyền

**NGÔN NGỮ**

**1. Ẩn dụ cấu trúc tình cảm trong tiếng Trung**/ Nguyễn Thu Trà// Ngôn ngữ .- 2022 .- số 1(375) .- Tr. 35-45 .- ISSN.0866-7519.

**Nội dung**: Nghiên cứu một loại ẩn dụ trong tiếng Trung đó là các ẩn dụ biểu thị tình cảm để góp phần giải quyết những vấn đề lí thuyết và thực tiễn giảng dạy ngôn ngữ đặt ra.

**Từ khóa**: Ẩn dụ cấu trúc, tình cảm, tiếng Trung

**2. Ẩn dụ ý niệm “công trình xây dựng” trong tiếng Anh và tiếng Việt**/ Lê Lâm Thi, Đỗ Thị Xuân Dung// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 2(322) .- Tr. 29-40 .- ISSN.0868-3409.

**Nội dung**: Phân tích và chỉ ra một số mô hình ẩn dụ ý niệm từ miền nguồn công trình xây dựng trong tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó tìm hiểu những điểm tương đồng và khác biệt trong cấu trúc ẩn dụ ý niệm trong hai ngôn ngữ.

**Từ khóa**: Ẩn dụ, ý niệm, công trình xây dựng, tiếng Việt, tiếng Anh

**3. Ẩn dụ ý niệm con người là thực thể sống dưới nước trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt**/ Ngô Tuyết Phương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 2(322) .- Tr. 23-28 .- ISSN.0868-3409.

**Nội dung**: Bài viết căn cứ vào mô hình ẩn dụ cấu trúc, trong đó, dạng ẩn dụ ý niệm tiêu biểu mà miền nguồn là “thực thể sống dưới nước” với các đặc trưng trong môi trường nước … tạo nên các ánh xạ sang miền đích “con người”. Thông qua việc tổ chức lược đồ ánh xạ của ẩn dụ ý niệm, bài viết nêu lên kiểu tư duy đặc thù trong cấu trúc ý niệm mang tính phổ quát, đặc trưng trong tư duy văn hóa Việt.

**Từ khóa**: Ẩn dụ cấu trúc, thủy sinh, con người, thành ngữ, tục ngữ

**4. Bàn thêm về việc phân loại tiếng Anh**/ Phan Văn Quế// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 11(318) .- Tr. 3-7.

**Nội dung**: Phân tích và điểm lại những khía cạnh tích cực, cúng như những hạn chế của mô hình này theo cách nhìn của một học giả quốc tế.

**Từ khóa**: Mô hình, tiếng Anh, ngôn ngữ học

**5. Biểu hiện cảm xúc giận dữ trong tiếng Việt từ góc nhìn tri nhận**/ Huỳnh Ngọc Mai Kha, Nguyễn Lưu Diệp Ánh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 11(318) .- Tr. 28-34.

**Nội dung**: Tìm hiểu và phân tích sự tri nhận của người Việt liên quan đến ý niệm giận dữ. Từ lý thuyết ẩn dụ tri nhận, bài báo phân tích những cụm từ diễn đạt về sự giận dữ trong ngữ cảnh của văn hóa Việt Nam, nhận diện được sự ý niệm hóa đã diễn ra như thế nào trong quá trình tư duy và lập ngôn, từ đó góp phần vào những nghiên cứu về ngôn ngữ Việt, minh chứng cho sự phong phú giàu có của tiếng Việt.

**Từ khóa**: Ẩn dụ tri nhận, sự giận dữ, tiếng Anh, biên phiên dịch, học ngoại ngữ

**6. Bức tranh ngôn ngữ về động vật trong Quan chiêm lang**/ Đặng Thị Hảo Tâm, Đàm Vu Tuệ// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 10(372) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Tìm hiểu đặc điểm của các biểu thức ngôn ngữ chỉ động vật trong Koám chiến láng (Hoàng Trần Nghịch, Nhà xuất bản văn hóa dân tộc, 2005) trong bài viết này chúng tôi đọc là Quam chiên lang nhằm bước đầu chỉ ra cách tư duy, đặc điểm thế giới quan của người Thái Việt Nam.

**Từ khóa**: Ngôn ngữ, động vật, quam chiên lang

**7. Các thành phần chính của câu từ góc nhìn của Ngôn ngữ học tri nhận**/ Nguyễn Văn Hiệp// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 11(373) .- Tr. 12-27.

**Nội dung**: Phân tích và điểm lại vấn đề nòng cốt câu và thành phần chính của câu theo quan điểm của truyền thống, quan điểm chức năng, sau đó tập trung vào quan điểm tri nhận, làm rõ đóng góp của ngôn ngữ học tri nhận về vấn đề này.

**Từ khóa**: Ngôn ngữ học tri nhận, ngữ pháp tri nhận, câu

**8. Các thời kì vay mượn từ ngoại lai trong tiếng Nhật**/ Nguyễn Tố Chung// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 10(317) .- Tr. 54-64.

**Nội dung**: Giới thiệu các thời kì vay mượn từ ngoại lai trong tiếng Nhật như: Lịch sử tiếp xúc giữa tiếng Nhật với các ngôn ngữ khác; Từ ngoại lai tiếng Nhật trog xã hội cận đại, hiện đại; Số lượng từ ngoại lai trong tiếng Nhật hiện đại.

**Từ khóa**: Ngôn ngữ, tiếng Nhật, từ vay mượn, từ ngoại lai trong tiếng Nhật

**9. Câu hỏi tu từ nhìn từ góc độ lập luận**/ Lê Thị Thu Hoài// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 11(373) .- Tr. 89-103.

**Nội dung**: Nghiên cứu một số nội dung về câu hỏi tu từ dưới góc độ lập luận. Trình bày những đóng góp của câu hỏi tu từ cho vấn đề lí thuyết lập luận trong ngôn ngữ.

**Từ khóa**: Câu hỏi tu từ, lập luận

**10. Chỉ dấu diễn ngôn định hướng tiếp nhận thông tin trên tiêu đề báo chí bằng phương tiện cú pháp**/ Đinh Thị Thu Hiền// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 10(372) .- Tr. 59-68.

**Nội dung**: Trình bày một số nội dung chỉ dấu diễn ngôn và vai trò của chỉ dấu diễn ngôn trong tiêu đề báo chí. Phân tích một số chỉ dấu diễn ngôn trên tiêu đề báo chí bằng phương tiện cú pháp.

**Từ khóa**: Chỉ dấu diễn ngôn, tiêu đề, báo chí, cú pháp

**11. Đặc điểm cấu tạo và phương thức định danh tên thân mật người Việt giai đoạn 1945-1975**/ Nguyễn Thị Uyên// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 12(374) .- Tr. 131-142.

**Nội dung**: Phân tích đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh và ngữ nghĩa tên thân mật người Việt Giai đoạn 1945-1975, có so sánh với giai đoạn 2015-2019, chúng tôi muốn làm rõ những đặc điểm ngôn ngữ của chúng trong các thời kì khác nhau, từ đó góp phần làm sáng tỏ những đặc trưng tư duy ngôn ngữ - văn hóa của người Việt trong việc đặt tên cho con cái.

**Từ khóa**: Phương thức định danh, tên thân mật, người Việt

**12. Đặc điểm phát âm của một số nguyên âm và phụ âm tiếng Nhật (trong sự đối chiếu với tiếng Việt)**/ Nguyễn Thị Minh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 12(320) .- Tr. 57-65.

**Nội dung**: Mô tả chi tiết đặc điểm cấu âm của từng phụ âm trong hai ngôn ngữ, từ đó chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau về đặc điểm cấu âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Nhật và tiếng Việt.

**Từ khóa**: Đối chiếu, nguyên âm, phụ âm, đặc điểm cấu âm, mô tả

**13. Đặc điểm tiếng lóng của cộng đồng LGBT**/ Nguyễn Thị Ly Na// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 11(318) .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Phân tích và chỉ ra một số đặc điểm của tiếng long của cộng đồng LGBT trên thế giới và ở Việt Nam. Dựa vào một số vấn đề lí luận về phương ngữ xã hội và tiếng long để tìm hiểu về đặc điểm chung của từ ngữ long của cộng đồng LGBT nhìn từ mặt ý nghĩa, các phạm vi ngữ nghĩa được biểu thị trong tiếng Việt và vấn đề sử dụng tiếng long của nhóm LGBT trong xã hội hiện nay.

**Từ khóa**: Từ ngữ lóng, tiếng lóng, ngôn ngữ học xã hội

**14. Đặc trưng văn hóa giáo dục của người Trung Quốc và Việt Nam qua thành ngữ trong tiếng Hán và tiếng Việt**/ Liêu Linh Chuyên, Nguyền Hoàng Khánh Trang// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 10(317) .- Tr. 107-110.

**Nội dung**: Phân tích các thành ngữ theo từng nội dung khác nhau, từ đó làm rõ sự tương đồng và dị biệt về tư tưởng, đặc trưng văn hóa giáo dục của người Trung Quốc và người Việt Nam được thể hiện qua ngôn ngữ của hai nước.

**Từ khóa**: Thành ngữ, văn hóa, giáo dục, tiếng Hán, tiếng Việt

**15. Đánh giá tài liệu dạy và học tiếng Anh cho sinh viên ngành công nghệ thông tin tại một trường Đại học công lập ở Việt Nam**/ Trần Ngọc Đức, Ngô Thị Quỳnh// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 12(374) .- Tr. 16-30.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá tài liệu từ góc độ thiết kế, mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và hệ thống quản lí học tập, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy học phần tiếng Anh Công nghệ thông tin tại trường.

**Từ khóa**: Tài liệu giảng dạy, tiếng Anh, Công nghệ thông tin

**16. Đối chiếu bình diện đánh giá tham thoại trong các nhận định Euro 2020 bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh**/ Phạm Thị Mai Duyên// Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa .- 2021 .- Tập 5 số 2 .- Tr. 138-148.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu vận dụng lí thuyết nguồn tham thoại trong khung lí thuyết thẩm định của Martin và White để đối chiều 36 bài nhận đình EURO 2020 bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh. Kết quả nghiên cứu cho thấy tần suất các câu đa nguồn cao hơn các câu đơn nguồn. Kết quả cho thấy tác giả của bài nhận định bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh có sự giao tiếp cao với độc giả. Tuy nhiên về Tiếng Việt có sự dụng câu hỏi tu từ, còn Tiếng Anh thì không sử dụng câu hỏi tu từ.

**Từ khóa**: Bóng đá, Euro 2020, tham thoại

**17. Handbook và handbook về ngôn ngữ học**/ Nguyễn Thị Huyền// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 10(317) .- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Làm rõ khái niệm handbook và giới thiệu cuốn “the handbook of linguistics” để có cái nhìn cụ thể về loại hình ấn phẩm này. Handbook là loại sách phổ biến trên thế giới với cấu trúc và nội dung đặc thù. Handbook có khái niệm tương đương trong tiếng Việt là sổ tay.

**Từ khóa**: Handbook, ngôn ngữ học, bách khoa thư

**18. Hành động hỏi để cầu khiến và những hành động đáp tương ứng trong cặp tương tác trao – đáp qua lời thoại nhân vật (trên tư liệu tiểu thuyết của Nicholas Sparks)**/ Nguyễn Hải Long// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 1(321) .- Tr. 38-45.

**Nội dung**: Nghiên cứu, khai thác hình thức, mục đích và ý nghĩa của hành động hỏi để cầu khiến cũng với những hồi đáp tương ứng với chúng. Nhằm mục đích đóng góp them vào lĩnh vực nghiên cứu về mặt lí thuyết của hành động ngôn từ cũng như cho các nghiên cứu sau này.

**Từ khóa**: Hành động chủ hướng, hành động phụ thuộc, hành động hỏi để cầu khiến

**19. Hành động ngôn ngữ khuyên qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư**/ Trần Thanh Vân, Đinh Thị Thu Hiền// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 10(317) .- Tr. 22-29.

**Nội dung**: Tìm hiểu hành động ngôn ngữ khuyên qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư với mong muốn chỉ ra những đặc trưng riêng của việc sử dụng hành động khuyên của các nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, qua đó giúp chúng ta hiểu hơn về phong cách ngôn ngữ của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư và nét đẹp trong văn hóa ứng xử của con người Nam Bộ.

**Từ khóa**: Nguyễn Ngọc Tư, truyện ngắn, hành dộng ngôn ngữ khuyên, lời thoại nhân vật, Nam Bộ

**20. Hiện tượng trộn mã ngôn ngữ của giới trẻ và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt**/ Lê Thị Thùy Vinh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 12(320) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Nghiên cứu hiện tượng trộn mã trên các bài báo điện tử dành cho giới trẻ Việt nhằm tìm ra các dạng thức trộn mã mà giới trẻ hay dung trên báo điện tử, từ đó đặt vấn đề về việc bảo vệ, phát triển, “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” để tiếng Việt vẫn mang bản sắc ngôn ngữ văn hóa Việt nhưng lại không cản trở sự hội nhập, quốc tế hóa hiện nay.

**Từ khóa**: Trộn mã ngôn ngữ, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, hội nhập quốc tế

**21. Khung quy chiếu thời gian tương đối trong tiếng Việt**/ Lê Thị Cẩm Vân// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 11(318) .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Phân tích các khung quy chiếu thời gian tương đối trong tiếng Việt, từ đó rút ra mô hình khái quát của chúng trên cứ liệu ngôn ngữ này.

**Từ khóa**: Khung quy chiếu thời gian, khung quy chiếu thời gian tương đối, biến thể, mô hình, tiếng Việt

**22. Lỗi và cách khắc phục lỗi khi sử dụng từ đồng nghĩa, cận nghĩa trong tiếng Hán hiện đại**/ Trương Gia Quyền, Nguyễn Thị Thu Hằng, Trương Phan Châu Tâm, Huỳnh Nguyễn Thùy Trang// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 2(322) .- Tr. 57-64 .- ISSN.0868-3409.

**Nội dung**: Thu thập và phân tích lỗi sai của sinh viên trong quá trình sử dụng từ đồng nghĩa, gần nghĩa để tìm hiểu về mức độ phát sinh lỗi sai và các loại hình lỗi sai, đồng thời tìm ra được nguyên nhân gây ra lỗi sai ấy, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm giảm thiếu tỉ lệ lỗi sai của sinh viên.

**Từ khóa**: Từ gần nghĩa tiếng Hán, lỗi sai, biện pháp khắc phục

**23. Một số điểm nhìn mới trong nghiên cứu kính ngữ tiếng Nhật**/ Hoàng Anh Thư// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 11(373) .- Tr. 45-57.

**Nội dung**: Trình bày một số điểm nhìn mới trong nghiên cứu kính ngữ tiếng Nhật như: Sự chuyển hướng từ ngữ pháp tới ngữ dụng – ngôn ngữ trong bối cảnh văn hóa xã hội; Quan điểm truyền thống; Bàn luận về một số điểm chưa thống nhất về kính ngữ.

**Từ khóa**: Kính ngữ, tiếng Nhật

**24. Một vài đặc điểm của vốn từ tiếng Việt trong giai đoạn lịch sử Việt – Mường cổ**/ Trần Trí Dõi// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 10(317) .- Tr. 3-8.

**Nội dung**: Nghiên cứu về một vài đặc điểm của vốn từ tiếng Việt trong giai đoạn lịch sử Việt – Mường cổ. Đồng thời, bài viết cũng cho biết hiện đang có hai cách lí giải khác nhau vẫn được tiếp tục thảo luận về cách thức vay mượn những từ gốc tiếng Hán: tiếng Việt vay mượn thông qua trung gian nhóm tiếng Thái; Cả nhóm tiếng Việt và nhóm tiếng Thái đều vay mượn trực tiếp từ những ngôn ngữ nhóm tiếng Hán.

**Từ khóa**: Tiếng Việt, Việt – Mường cổ, nhóm tiếng Việt, nhóm tiếng Hán, nhóm tiếng Thái, vay mượn

**25. Nét đặc trưng của các văn bản báo dịch từ tiếng Anh với vai trò truyền tải thông điệp văn hóa đến Việt Nam trong thời kì toàn cầu hóa**/ Nguyễn Thị Thanh Hương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 11(318) .- Tr. 61-70.

**Nội dung**: Tập trung phân tích các tiêu chí ngôn ngữ và văn hóa cần thiết để tạo nên những văn bản báo dịch có chất lượng từ các nguồn viết bằng tiếng Anh, nhằm nâng cao khả năng truyền tải các thông điệp văn hóa đến độc giả người Việt.

**Từ khóa**: Truyền tải thông điệp, tiêu chí ngôn ngữ, văn bản báo dịch

**36. Nghĩa của chữ** 孝 **hiếu với việc giáo dục đạo đức cho sinh viên**/ Phạm Ngọc Hàm, Nguyễn Thị Hồng Hạnh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 1(321) .- Tr. 82-87.

**Nội dung**: Tổng hợp, phân tích, làm nổi rõ tính chất biểu ý và hàm ý của chữ 孝 hiếu, từ đó liên hệ đến phương pháp dạy chữ kết hợp với bồi dưỡng đạo đức truyền thống, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho sinh viên, nhất là sinh viên các trường chuyên ngữ.

**Từ khóa**: 孝 hiếu, chữ và nghĩa, chuyển ngữ, sinh viên Việt Nam

**27. Ngữ âm tiếng Khơ Mú ở Việt Nam**/ Tạ Quang Tùng// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 12(374) .- Tr. 68-78.

**Nội dung**: Miêu tả trường hợp hệ thống ngữ âm biến thể Khơ mũ ở xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên – Việt Nam. Trình bày một số nhận xét trên cơ sở tư liệu so sánh tiếng Khơ Mú Mường Phăng với biến thể Khơ mú ở phạm vi rông Lào, Thái Lan, Trung Quốc.

**Từ khóa**: Ngữ âm, Khơ mú, Việt Nam

**28. Ngữ pháp tri nhận**/ Nguyễn Thiện Giáp// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 11(373) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Trình bày một số nội dung cơ bản về ngữ pháp tri nhận. Ngữ pháp tri nhận về cơ bản là đối nghịch với xu hướng nổi trội trong lý thuyết ngôn ngữ học hiện nay. Nó nới về các hình tượng vào thời điểm mà nghĩa thường được theo đuổi với bộ máy bắt nguồn từ logic hình thức.

**Từ khóa**: Ngôn ngữ học tri nhận, ngữ pháp tri nhận

**29. Những khác biệt thú vị giữa “không thể” và “có thể” trong tiếng Việt từ góc nhìn ngữ pháp chức năng**/ Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Kim Cúc// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 11(318) .- Tr. 8-16.

**Nội dung**: Trong khuôn khổ bài báo khoa học, tác giả muốn dung ngữ pháp chức năng soi chiếu vào hai động từ có thể và không thể trong tiếng Việt, tìm sự khác biệt thú vị giữa chúng trên ba bình diện kết học, nghĩa học, dụng học.

**Từ khóa**: Kết học, nghĩa học, dụng học, ngữ pháp chức năng

**30. Phát âm lệch chuẩn "âm bình" và "khứ thanh" trong tiếng Hán hiện đại của người học Việt Nam (trên cứ liệu thực nghiệm phân tích)**/ Nguyễn Thị Thùy Linh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 2(322) .- Tr. 65-72 .- ISSN.0868-3409.

**Nội dung**: Phân tích thực nghiệm trên cứ liệu phát âm bình và khứ thanh trong tiếng Hán phổ thông của người học Việt Nam. Từ đó thống kê và phân loại những dạng phát âm lệch chuẩn phổ biến đối với hai thanh điệu này, chỉ ra nguyên nhân, theo đó là giải pháp khắc phục.

**Từ khóa**: Tiếng Hán phổ thông, người học Việt Nam, bình thanh, khứ thanh, phát âm lệch chuẩn, ngữ âm thực nghiệm

**31. Quan niệm về nghệ thuật giao tiếp của người Hàn khảo sát trên ngữ liệu tục ngữ**/ La Thị Thanh Mai, Tô Thị Phương Lan// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 11(318) .- Tr. 71-77.

**Nội dung**: Phân tích một số đặc điểm về giao tiếp của người Hàn thể hiện qua các câu tục ngữ để làm rõ quan niệm về nghệ thuật giao tiếp của người Hàn Quốc, đó là các đặc điểm về thông tin giao tiếp, phương thức giao tiếp và kết quả giao tiếp. Qua đó giúp bạn đọc hiểu được vai trò của hoạt động giao tiếp trong đời sống con người và những ý nghĩa vô giá mà tục ngữ đã lưu giữ qua bao thế hệ.

**Từ khóa**: Tục ngữ, lời nói, tiếng Hàn, giao tiếp, ngôn ngữ

**32. So sánh phép ẩn dụ về hình tượng động vật trong tiếng Anh và tiếng Việt**/ Trần Thị Thanh Loan// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 2(322) .- Tr. 41-49 .- ISSN.0868-3409.

**Nội dung**: Tìm hiểu về các phép ẩn dụ về hình tượng động vật trong cả tiếng Anh và tiếng Việt. Phân tích, so sánh, chỉ ra sự tương đồng và khác biệt đáng kể trong việc sử dụng hình ảnh động vật, giúp các dịch giả linh hoạt trong việc lựa chọn các chiến lược dịch để bản dịch có hệ thống và chính xác hơn.

**Từ khóa**: Phép ẩn dụ về hình tượng động vật, nghĩa tiêu cực, nghĩa tích cực, nghĩa trung lập, tương đồng, khác biệt

**33. Sự chuyển vị trong phương ngữ Nam Bộ**/ Đặng Ngọc Lệ// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 2(322) .- Tr. 9-13 .- ISSN.0868-3409.

**Nội dung**: Từ khảo sát đặc điểm ở các bình diện từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ âm, bài viết rút ra các đặc trưng khu biệt của sự chuyển vị trong phương ngữ Nam Bộ. Sự chuyển vị là một trong những đặc điểm nổi bật của phương ngữ Nam Bộ.

**Từ khóa**: Sự chuyển vị, tiếng Việt, phương ngữ, Nam Bộ, ngôn ngữ dân tộc

**34. Sự đồ chiếu từ không gian lên thời gian trong tiếng Việt**/ Lê Thị Cẩm Vân, Trương Thị Nhàn// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 2(322) .- Tr. 14-22 .- ISSN.0868-3409.

**Nội dung**: Phân tích sự đồ chiếu từ không gian sang thời gian trong tiếng Việt trên cơ sở khái quát các mô tả về khung quy chiếu không gian trong ngôn ngữ này. Sự đồ chiếu từ không gian sang thời gian được cho là có tính phổ niệm và có sự biến thiên giữa các ngôn ngữ khác nhau.

**Từ khóa**: Khung quy chiếu không gian, khung quy chiếu thời gian, đồ chiếu, ngôn ngữ, tiếng Việt

**35. Sử dụng các cấu trúc so sánh ngang bằng trong tiếng Hán hiện đại**/ Lưu Hớn Vũ// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 12(320) .- Tr. 89-93.

**Nội dung**: Nghiên cứu tình hình sử dụng các cấu trúc so sánh nganh bằng trong tiếng Hán từ góc độ thống kê định lượng kho ngữ liệu. Qua đó, cung cấp cái nhìn tổng thể về cấu trúc so sánh ngang bằng trong tiếng Hán, chỉ ra các kiểu cấu tạo và các phối hợp thường dùng của người Trung Quốc.

**Từ khóa**: Cấu trúc so sánh ngang bằng, tiếng Hán, tiếng Trung Quốc, kho ngữ liệu, người bản ngữ

**36. Tác động của nhân tố tuổi đến việc sử dụng các chiến lược cảm ơn trong tiếng Anh và tiếng Việt**/ Đỗ Thị Thúy Vân// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 12(320) .- Tr. 47-56.

**Nội dung**: Khảo sát, đối chiếu hành vi cảm ơn trong tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tìm hiểu sự ảnh hưởng của nhân tố tuổi tới việc lựa chọn các chiến lược cảm ơn của người Mỹ nói tiếng Anh và người Việt.

**Từ khóa**: Hành vi ngôn ngữ, cảm ơn, chiến lược, chiến lược cảm ơn

**37. Thái độ ngôn ngữ đối với biến thể từ vựng tiếng Việt trên một số trang báo điện tử hiện nay**/ Trịnh Thị Hà, Vũ Linh Chi// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 10(317) .- Tr. 39-47.

**Nội dung**: Tìm hiểu thái độ ngôn ngữ đối với biến thể từ vựng tiếng Việt trên một số trang báo điện tử cùng một vài khuyến nghị góp phần giữ gìn trong sáng của tiếng Việt.

**Từ khóa**: Biến thể, biến thể từ vựng, thái độ ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ, ngôn ngữ, báo điện tử

**38. Thành ngữ cặp trong tiếng Việt**/ Đặng Nguyên Giang// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 10(372) .- Tr. 22-29.

**Nội dung**: Trình bày cách nhận diện thành ngữ cặp trong tiếng Việt. Phân tích đặc điểm cấu trúc, đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ cặp trong tiếng Việt.

**Từ khóa**: Ngôn ngữ, thành ngữ cặp, tiếng Việt

**39. Tiếp cận chuỗi vị từ chuyển động tiếng Việt và tiếng Nhật từ lí thuyết Talmy**/ Trần Thị Phương Lý, Lê Kim Long// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2022 .- số 1(321) .- Tr. 46-57.

**Nội dung**: Vận dụng phương pháp miêu tả ngôn ngữ để phân tích nhằm hiểu sâu hơn về các đặc điểm về ngữ pháp, ngữ nghĩa của chuổi vị từ chuyển động trong tiếng Việt, tiếng Nhật và xây dựng được mô hình khái quát về kết cấu của vị từ chuyển động của hai ngôn ngữ.

**Từ khóa**: Vị từ chuyển động, Talmy, tri nhận, tiếng Việt, tiếng Nhật

**40. Từ ngữ chỉ màu sắc tiếng Việt – một cách tiếp cận từ bình diện kí hiệu học**/ Đinh Kiều Châu// Ngôn ngữ .- 2021 .- số 11(373) .- Tr. 69-77.

**Nội dung**: Nghiên cứu trường hợp liên quan đến “hình hiệu ngôn ngữ”. Lựa chọn nhóm từ chỉ màu sắc tiếng Việt làm đối tượng để tiến hành xem xét, với mong muốn được hiểu rõ hơn về một hiện tượng ngôn ngữ thú vị, cũng như góp phần nhận diện thêm nét bản sắc của một ngôn ngữ được cho là thiên ngữ dụng như tiếng Việt.

**Từ khóa**: Tiếng Việt, màu sắc, kí hiệu học

**41. Từ ngữ chỉ thực vật có quan hệ bao thuộc trong truyện cổ tích Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Tuấn// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2021 .- số 10(317) .- Tr. 30-38.

**Nội dung**: Tìm hiểu mối quan hệ bao thuộc của các từ chỉ thực vật xuất hiện trong truyện cổ tích. Đây chính là việc nhìn nhận các từ chỉ thực vật theo cấp loại, coi chúng như một mạng từ, trong đó ý nghĩa của từ có tính chất bao trùm lên những từ thuộc khác trong cùng một hệ thống. Qua đó phản ảnh mối quan hệ giữa từ với hiện thực khách quan hay sự phạm trù hóa hiện thực của con người thông qua các từ ngữ.

**Từ khóa**: Quan hệ ngữ nghĩa, quan hệ bao thuộc, thực vật, từ ngữ

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1. Ảnh hưởng của vật liệu bao gói đến chất lượng của nấm sò (Pleurotus saijo caju) trong quá trình bảo quản**/ Trần Thu Hà, Trịnh Thị Mỹ Ngọc, Nguyễn Duy Trình, Nguyễn Văn Giang// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 34-40.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu là lựa chọn được vật liệu bao gói tối ưu nhằm hạn chế tối đa quá trình biến đổi sinh lý, sinh hóa sau thu hoạch gây nên sự suy giảm chất lượng của nấm sò (*Pleurotus saijo caju*) trong quá trình bảo quản. Sự mất cân bằng ở thể khí được tạo ra trong quá trình bảo quản là nguyên nhân kích hoạt một số quá trình sinh hóa (phản ứng thủy phân, hóa nâu và sự phát triển của vi sinh vật) góp phần làm hư hỏng nấm. Sử dụng vật liệu bao gói phù hợp sẽ giúp kéo dài thời gian lưu trữ và hạn chế sụt giảm chất lượng sản phẩm nấm. Bao gói MAP có thể giúp tránh một phần quá trình hóa nâu, lên men và các quá trình sinh hóa của enzyme bằng cách kiểm soát và tạo ra một trạng thái cân bằng thể khí xung quanh sản phẩm nấm.

**Từ khóa**:Pleurotus saijo caju, nấm sò, sinh hóa

**2. Cạnh tranh du hành không gian, cuộc đua tỷ phú**/ Minh Dũng// Tin học & Đời sống .- 2022 .- Số 260 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Du hành không gian là một cuộc cạnh tranh thú vị và thân thiện giữa các tỷ phú trên thế giới. Nhiều công ty thám hiểm vũ trụ đã bắt đầu gửi những nhóm khám phá đầu tiên của mình lên các hành tinh mới. Vậy thì chừng nào du hành không gian mới được phổ biến cho thường dân.

**Từ khóa**: Du hành không gian, tỷ phú, vũ trụ

**3. Cellulose phủ Nickel ứng dụng cho quá trình oxi hóa điện hóa Ethanol**/ Trần Thảo Quỳnh Ngân, Phạm Hải Đinh, Nguyễn Đặng Nam// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 50 .- Tr. 213-219.

**Nội dung**: Vật liệu Cellulose và Nickel được ứng dụng tham gia vào phản ứng xúc tác điện hóa đối với ethanol. Cellulose được tổng hợp từ phế thải nông nghiệp như vỏ cam miền nam Việt Nam thông qua phương pháp thủy nhiệt trong môi trường kiềm. Hoạt tính điện hóa xúc tác cũng được khảo sát bằng phương pháp quét thế vòng tuần hoàn, quét thế tuyến tính. Kết quả đặc tính cho thấy các hạt Ni kích thước nano phân bố không đều, xúc tác ni cho thấy hoạt tính điện hóa cao và ổn định đối với điện hóa ethanol.

**Từ khóa**: Điện hóa ethanol, oxi hóa, kỹ thuật hóa học

**4. Chuẩn tinh thể (Quasicrystal)/** Phan Hồng Khôi // Vật lý ngày nay .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 15-22.

**Nội dung:** Chuẩn tinh thể còn gọi la giả tinh thể, là một rạng khác biệt của chất rắn, trong đó các nguyên tử sắp xếp dường như đều đặn nhưng không tuần hoàn và không có đối xứng tịnh tiến đặc trưng cho tinh thể thông thường. Cuộc săn lùng tìm kiếm chuẩn tinh thể một loại vật liệu không chỉ mới mà còn không tuân theo định lý cổ điển về tinh thể học. Giait Nobel hóa học 2011 là công trình nghiên cứu đem lại nhiều lợi ích cho nhân loại, là tấm gương làm việc nghiêm túc không mệt mỏi trong khoa học.

**Từ khóa**: Chuẩn tinh thể, giả tinh thể, vật lý, chất rắn

**5. Chương trình phát triển vật lý đến năm 2020 : góp phần đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống**/ Nguyễn Thị Thanh Hà, Lê Quang Thành, Trần Nam Bình, Vũ Văn Đạt// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Trình bày Chương trình phát triển vật lý đến năm 2020, Chương trình đã đạt được những mục tiêu cơ bản: hình thành trung tâm nghiên cứu và đào tạo vật lý tiên tiến được quốc tế công nhận; đến năm 2020 vật lý nước ta được xếp vào trình độ các nước tiên tiến trong khu vực, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên vật lý các trường đại học trong cả nước, thu hút và đào tạo các nhà vật lý trẻ tài năng… Có thể khẳng định, các bộ/ngành được giao thực hiện nhiệm vụ đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp. Nhờ đó, Chương trình đã có tác động lan tỏa đến các viện nghiên cứu, trường đại học có nghiên cứu, đào tạo vật lý trong cả nước, đặc biệt là có sự tham gia của các nhà khoa học vật lý là người Việt Nam ở nước ngoài.

**Từ khóa**: Vật lý, nghiên cứu khoa học, đào tạo

**6. Đánh giá ảnh hưởng của một số kim loại và hóa chất đến hoạt tính của endoglucanse GH5 được khai thác từ dữ liệu DNA Metagenome vi khuẩn dạ cỏ dê**/ Nguyễn Khánh Hoàng Việt, Hà Thị Thúy Hoa, Trương Nam Hải, Đỗ Thị Huyền// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 509-517.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của một số kim loại và hóa chất đến hoạt tính của endoglucanse GH5 được khai thác từ dữ liệu DNA Metagenome vi khuẩn dạ cỏ dê. Gen mã hóa cho endoglucanase GH5 được khai thác từ dữ liệu DNA metagenome vi khuẩn dạ cỏ dê Việt Nam có cấu trúc module, gồm vùng xúc tác cellulase, module Fn3 và module X. Enzyme tái tổ hợp đã được biểu hiện thành công trong E. coli và đã được tinh chế. Đánh giá ảnh hưởng của kim loại và hóa chất đến hoạt tính của enzyme có ý nghĩa thực tiễn để nâng cao hiệu quả thủy phân cơ chất hoặc loại bỏ các yếu tố làm giảm hoạt tính của enzyme trong quá trình ứng dụng.

**Từ khóa**: Hóa chất, hoạt tính, vi khuẩn, dạ cỏ dê

**7. Đánh giá hoạt tính kháng oxy hóa của cao chiết Nghệ trắng (Curcuma aromatica Salisb**)/ Bùi Thị Kim Lý, Nguyễn Thị Mỹ Oanh, Nguyễn Thị Liên Thương, Hoàng Thành Chi // Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 6 .- Tr. 1028-1040.

**Nội dung**: Ở Việt Nam Nghệ trắng (Curcuma aromatica Salisb) còn được gọi là ngải trắng có đến 27 loài được tìm thấy nhiều ở Lâm Đồng, Quảng Bình, Tây Bắc, Đắk Lắk. Bài báo nêu kêt quả đánh giá hoạt tính kháng oxi hóa của cao chiết từ Nghệ trắng thông qua hoạt tính bắt giữ các gốc tự do DPPH, ABTS và năng lực khử sắt. Kết quả cho thấy khả năng kháng oxi hóa của cao chiết Nghệ trắng đánh giá theo phương pháp DPPH với IC50 la 129, phương pháp ABTS với IC50 là 25,29.

**Từ khóa**: Kháng oxy hóa, Nghệ trắng, Curcuma aromatica Salisb

**8. Du hành thời gian nhìn từ khoa học**/ Thảo Vy// Tin học & Đời sống .- 2022 .- Số 260 .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Có những lý thuyết khoa học khác về du hành thời gian, bao gồm một số định luật vật lý xung quanh lỗ sâu, lỗ đen và lý thuyết dây. Phần lớn du hành thời gian chỉ nằm trong những tiểu thuyết phim, truyện tranh, và video game viễn tưởng.

**Từ khóa**: Du hành vũ trụ, khoa học

**9. Hướng đi nào để Việt Nam cung ứng chuỗi thực phẩm toàn cầu?/**Tuấn Hoa// Tin học & Đời sống .- 2021 .- Số 255 .- Tr. 30-33.

**Nội dung**: Sự ra đời cả các thiết bị IoT và thiết bi di động kết nối Internet là những yếu tố làm thay đổi thói quen mua sắm của người tiêu dùng trên phạm vi toàn cầu. Chuyển đổi số đang làm đảo lộn tất cả cái cũ đang mất dần, cái mới đang thay thế, sự xung đột xảy ra trong tư duy của mỗi con người nhưng tất cả là các cơ hội . Các cơ hội này xuất hiện trong một thời gian ngắn rồi sẽ biến mất. Bởi thế chuyển đổi số là cuộc đua về tốc độ xem ai chớp được cơ hội nhanh hơn.

**Từ khóa**: Chuỗi cung ứng thực phẩm, chuyển đổi số, thực phẩm

**10. Khai thác gen mã hóa endo-1,4-beta-xylanase từ dữ liệu DNA Metagenome vi khuẩn trong dạ cỏ dê bằng mẫu dò**/ Đào Trọng Khoa, Đỗ Thị Huyền, Trương Nam Hải// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 519-528.

**Nội dung**: Trình bày khai thác gen mã hóa endo-1,4-beta-xylanase từ dữ liệu DNA Metagenome vi khuẩn trong dạ cỏ dê bằng mẫu dò. Phương pháp xây dựng mẫu dò dựa trên các trình tự mã hóa enzyme endo-1,4-beta xylanase là một hướng tiềm năng ứng dụng trong việc tìm kiếm trình tự đích từ dữ liệu DNA metagenome. Việc lựa chọn các trình tự amino acid của enzyme này được nghiên cứu chi tiết về hoạt tính từ vi khuẩn để xây dựng các mẫu dò thuộc các họ GH mà enzyme này được phân loại. Mẫu dò được xây dựng sẽ hỗ trợ hiệu quả cho việc lựa chọn các gen mã hóa cho endo-1,4-beta-xylanase từ dữ liệu khổng lồ DNA metagenome.

**Từ khóa**: Gen mã hóa, vi khuẩn, dạ cỏ dê, mẫu dò

**11. Mono aryl hóa diphenyldithienylethene thông qua phản ứng hoạt hóa trực tiếp liên kết C-H sử dụng xúc tác palladium không liggand**/ Lê Tín Thanh, Nguyễn Thị Phương Nhi, Nguyễn Hiển, Lê Thị Hồng Hải, Lê Thanh Thanh, Đặng Thanh Tùng// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 9 .- Tr. 1559-1564.

**Nội dung**: Bài báo trình bày phương pháp hiệu quả để thực hiện aryl hóa diphenyldithienylethene thông qua phản ứng hoạt hóa trực tiếp liên kết C-H sử dụng xúc tác palladium không ligand. Hợp chất diphenyldithienylethene được tổng hợp từ thiophene qua bốn giai đoạn. Giai đoạn chìa khóa của quá trình tổng hợp là phản ứng hóa học trực tiếp liên kết C-H được thực hiện giữa diphenyldithienylethene 3 và 3-bromobenzaldehyde sử dụng xúc tác. Cấu trúc của diphenyldithienylethene cũng như các hợp chất trung gian trong quá trình tổng hợp được xác định dựa vào phổ NMR và HR-MS.

**Từ khóa**: Kỹ thuật hóa học, xúc tác, phản ứng hóa học

**12. Nghỉ mát trong khí quyển và sống trên sao hỏa**/ Bảo Vy// Tin học & Đời sống .- 2022 .- Số 260 .- Tr. 26-29.

**Nội dung**: Hiện nay các quốc gia hàng đầu đâng đấu tranh để chiếm lấy chỗ đứng trong vũ trụ, những công ty tư nhân nghiên cứu để làm cho du hành vũ trụ được dễ dàng và rẻ hơn. Ngày nay đội bay thương mại của NaSA đang mở rộng các mối quan hệ với nhiều công ty tư nhân hơn nữa.

**Từ khóa**: Nghỉ mát, khí quyển, sao hỏa

**13. Nghiên cứu florua hóa dysprozi oxit bằng tác nhân amoni biflorua điều chế muối dysprozi florua**/ Nguyễn Trọng Hùng, Lê Bá Thuận, Nguyễn Thanh Thủy// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8(Tập 63).- Tr. 9-13.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu florua hóa dysprozi oxit bằng tác nhân amoni biflorua điều chế muối dysprozi florua. Ảnh hưởng của thời gian và nhiệt độ phản ứng đến sự hình thành của muối florua đã được nghiên cứu. Thành phần pha và cấu trúc tinh thể của các sản phẩm thu được sau quá trình điều chế được xác định bằng phương pháp nhiễu xạ tia X (XRD). Phương pháp phân tích nhiệt được áp dụng để xác định dải nhiệt độ nghiên cứu. Hình thái học và thành phần các nguyên tố hóa học của các mẫu thí nghiệm được xác định bằng phương pháp kính hiển vi điện tử quét (SEM) và phổ nhiễu xạ năng lượng (EDS).

**Từ khóa**: Nhiệt kim, dysprozi florua, dysprozi kim loại, florua hóa

**14. Nghiên cứu khả năng hấp thụ Cs+, Sr2+ bởi vật liệu nano kẽm hexacyanoferrate**/ Trương Đông Phương, Lê Vũ Trâm Anh, Kiều Thị Đan Thi, Nguyễn Trần Thúy Hồng, Nguyễn Đình Trung// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 9 .- Tr. 1684-1698.

**Nội dung**: Vật liệu kích thước nano kẽm hexacyanoferrate là loại vật liệu hấp thụ hiệu quả đối với hai ion Cs+ và Sr2+. ZnHF được điều chế bằng phương pháp kết tủa. Các phổ hồng ngoại Fourier nhiễu xạ tia X quang phổ X kết hợp tán xạ annưg lưognj, kính hiển vi điện tử truyền qua có độ phân giải cao được sử dụng để xác định hình thái của vật liệu ZnHF. Vật liệu kẽm hexacyanoferrate (ZnHF) kích thước nano giá thành thấp, dễ tổng hợp laoị vật liệu này có thể trở thành chất hấp thụ hấp dẫn và đầy hứa hẹn trong việc xử lí ion Cs+ và Sr2+ trong nước.

**Từ khóa:** Hấp thụ, vật liệu nano, hexacyanoferrate

**15. Nghiên cứu khả năng xử lí màu nhuộm hoạt tính Reactive Blue 220 bằng gum trích li từ hạt me**/ Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Dương Thị Giáng Hương// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 9 .- Tr. 1699-1770.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này gum được trích li thành công từ hạt me và sử dụng làm vật liệu để xử lí màu nhuộm hoạt tính Reactive Blue 220 – RB220. Hiệu quả khử màu và khử COD của gum trích li từ hạt me đã được khảo sát với các yếu tố ảnh hưởng như: pH, thời gian khuấy, tốc độ khuấy, nồng độ màu và nồng độ gum. Tại điều kiện tối ưu gum trích li từ hạt me đạt hiệu suất khử màu và khử COD lần lượt là 74.4% và 83.3%. Như vậy nghiên cứu này cho thấy gum trích li từ hạt me là một chất keo tụ xanh thân thiện với môi trường và rất có tiềm năng ứng dụng trong xử lí nước thải dệt nhuộm.

**Từ khóa:** Reactive Blue 220, màu nhuộn hoạt tính, trích li

**16. Nghiên cứu phát triển dữ liệu lớn về hệ gen sinh vật và định hướng ứng dụng**/ Lê Thị Thu Hiền, Nguyễn Tường Vân, Kim Thị Phương Oanh, Nguyễn Đăng Tôn, Huỳnh Thị Thu Huệ, Nguyễn Thùy Dương, Phạm Lê Bích Hằng, Nguyễn Hải Hà// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 393-410.

**Nội dung**: Nghiên cứu và phân tích dữ liệu lớn về hệ gen sinh vật được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực và có tác động lớn đến đời sống xã hội trên quy mô toàn cầu. Nhờ sự ra đời của các công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới, hệ gen sinh vật có thể nhanh chóng được xác định. Bài viết này tổng quan về: Các công nghệ sử dụng để tạo ra dữ liệu lớn về hệ gen; Một số dự án nghiên cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về hệ gen trên thế giới; Nghiên cứu phát triển dữ liệu lớn về hệ gen ở một số quốc gia và ở Việt Nam; Khai thác và ứng dụng dứ liệu lớn về hệ gen trong các lĩnh vực y dược học phục vụ chăm sóc sức khỏe con người, nông – lâm nghiệp, an toàn thực phẩm và môi trường.

**Từ khóa**: Dữ liệu lớn về hệ gen, giải trình tự gen, hệ gen sinh vật

**17. Phân lập và tuyển chọn các chủng xạ khuẩn có khả năng enzyme ngoại bào, đối kháng Vibrio spp**/ Tô Đình Phúc, Nguyễn Thúy Hương, Phạm Thị Thu Đan, Trương Thị Mỹ Phượng// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 6 .- Tr. 1016-1027.

**Nội dung**: Nghiên cứu được tiến hành nhằm phân lập và tuyển chọn các chủng xạ khuẩn từ các ao nuôi tôm thẻ chân trắng ở huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có khả năng sinh enzyme ngoại bào và đối kháng với Vibrio spp. Tất cả có 26 chủng xạ khuẩn được phân lập, trong đó 5 chủng được xác định là các chủng đa chức năng.

**Từ khóa**: Chủng xạ khuẩn, enzyme ngoại bào

**18. Phân tích hệ gen phiên mã của tôm sú cái (Penaeus monodon) ở Việt Nam liên quan đến tình trạng sinh sản bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới**/ Nguyễn Minh Thành, Trần Thị Hải Yến, Võ Thị Minh Thư, Lê Thị Hồng Thắm, Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Việt Tuấn// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 47-51.

**Nội dung**: Trình bày, phân tích hệ gen phiên mã của tôm sú cái (Penaeus monodon) ở Việt Nam liên quan đến tình trạng sinh sản bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới. Tôm sú (*Penaeus monodon*) là loài tôm được nuôi phổ biến ở nước ta và trên thế giới. Hiện nay, sản xuất giống tôm sú vẫn phụ thuộc vào nguồn tôm bố mẹ tự nhiên vởi vì chất lượng sinh sản của tôm tự nhiên cao hơn tôm sú gia hóa. Mục tiêu của nghiên cứu là xây dựng cơ sở dữ liệu hệ gen phiên mã của tôm sú và gia hóa, đồng thời tìm kiếm các gen tiềm năng liên quan đến tình trạng sinh sản ở buồng trứng tiền thành thục. Đây sẽ là nguồn thông tin gen chức năng giá trị có thể sử dụng cho những chương trình chọn giống nâng cao sức sinh sản của tôm sú này.

**Từ khóa**: Hệ gen phiên mã, *Penaeus monodon*, sinh sản, tôm sú, giải trình tự gen

**19. Phân tích in-silico xác định và mô tả họ gen kháng NBS-LRR ở chuối Musa acuminata**/ Trần Đức Trung, Tạ Hồng Lĩnh// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 52-58.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá mô hình cấu trúc và quan hệ tiến hóa giữa các gen NBS-LRR ở chuối, cây phân loại dựa trên trình tự đầy đủ của 97 protein đã được xây dựng. Bệnh hại do vi khuẩn, virus là mối đe dọa nghiêm trọng đối với ngành sản xuất chuối trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng. Ngoài các biện pháp canh tác, việc khai thác và ứng dụng nguồn gen kháng – phần lớn thuộc họ gen NBS-LRR trong chọn tạo, cải thiện giống chuối là phương thức bền vững để đối phó với dịch bệnh. Hệ gen loài chuối *Musa acuminata* được giải mã tạo tiền đề cho các nghiên cứu di truyền chuyên sâu, bao gồm xác định họ gen kháng NBS-LRR. Kết quả nghiên cứu giúp cung cấp cơ sở khoa học cho các nghiên cứu đánh giá biểu hiện gen kháng và khai thác ứng dụng trong chọn tạo giống nuôi.

**Từ khóa**: Cây phát sinh, gen kháng NBS-LRR, phân tích in-silico, tiến hóa

**20. Phát triển hệ thống cảm ứng tạo rễ in vitro trên một số giống đậu tương phục vụ nghiên cứu biểu hiện gen và chỉnh sửa hệ gen**/ Lê Thị Như Thảo, Nguyễn Hồng Nhung, Lê Quang Huy, Bùi Phương Thảo, Lê Thu Ngọc, Phạm Bích Ngọc, Chu Hoàng Hà, Đỗ Tiến Phát// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 459-470.

**Nội dung**: Nghiên cứu trình bày phát triển hệ thống cảm ứng tạo rễ in vitro trên một số giống đậu tương phục vụ nghiên cứu biểu hiện gen và chỉnh sửa hệ gen. Hệ thống cảm ứng tạo rễ tơ đang được ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu về chức năng gen, biểu hiện gen và chỉnh sửa hệ gen trên nhiều loài thực vật. Khả năng tạo rễ tơ in vitro và hiệu quả chuyển gen thông qua cảm ứng tạo rễ tơ có sự biến động phụ thuộc vào giống đậu tương cũng như cấu trúc gen chuyển. Đột biến định hướng trên vùng gen quan tâm được khẳng định thông qua các băng vạch mới khi so sánh với dòng rễ tơ không chuyển gen trong phân tích PAGE.

**Từ khóa**: Cảm ứng tạo rễ tơ, đậu tương, gen, chỉnh sửa hệ gen

**21. Sản xuất cây Dâu tây (Fragaria x ananassa) in vitro trong hệ thống nuôi cấy quy mô lớn có bổ sung nano bạc**/ Trần Thị Thương, Hoàng Thanh Tùng, Hoàng Đắc Khải, Vũ Thị Hiền, Vũ Quốc Luận, Đỗ Mạnh Cường, Nguyễn Bá Nam, Nguyễn Hoài Châu, Bùi Văn Thế Vinh, Dương Tấn Nhựt// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 481-493.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá khả năng sinh trưởng của cây Dâu tây ở gia đoạn ra rễ trên môi trường nuôi cấy có bổ sung nano bạc (AgNPs) cũng như sự biến động của khí ethylene trong bình nuôi cấy. Ngoài ra, các hệ thống nuôi cấy khác nhau lần đầu tiên được sử dụng để sản xuất cây Dâu tây ở quy mô lớn. Vi nhân giống cây Dâu tây là phương pháp tối ưu nhằm sản xuất cây giống sạch bệnh, đồng nhất với số lượng lớn nhưng bên cạnh đó lại có những hạn chế nhất định như: cây bị mọng nước, thân giòn, dễ gãy, lá úa vàng, biến dạng cong hoặc xoăn, cây sinh trưởng phát triển chậm, tỷ lệ sống sót thấp,… Hiện nay, công nghệ nano là một lĩnh vực mới mang lại nhiều hứa hẹn với những ứng dụng to lớn trong rất nhiều lĩnh vực như: y tế, công nghệ thông tinm năng lượng, điện tử, …

**Từ khóa**: Dâu tây, công nghệ sản xuất, nano bạc, khí ethylene

**22. Tạo rễ bất định trực tiếp từ mô lá cây ngũ bì chân chim (Schefflera octophylla (Lour). Harms) nuôi cấy in vitro**/ Huỳnh Thị Lũy, Nguyễn Hữu Hỗ, Bùi Văn Lệ// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 495-507.

**Nội dung**: Phân tích việc tạo rễ bất định trực tiếp từ mô lá cây ngũ bì chân chim (Schefflera octophylla (Lour). Harms) nuôi cấy in vitro. Ngũ bì chân chim (Schefflera octophylla (Lour). Harms) là loài thực vật quý thuộc họ Ngũ gia bì/Nhân sâm (Ariliaceae). Tất cả bộ phận của cây trong tự nhiên đều được sử dụng tạo sản phẩm phục vụ sức khỏe con người. Trong nuôi cấy mô cây dược liệu, tạo và nhân rễ bất định *Schefflera octophylla* nhằm thu sinh khối đã và đang nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo về nhân rễ và sản xuất các hợp chất thứ cấp.

**Từ khóa**: Chất điều hòa sinh trưởng thực vật, công nghệ sinh học, môi trường nuôi cấy, mô lá, ngũ bì chân chim, nuôi cấy in vitro

**23. Thẩm định phương pháp và xác định hàm lượng nguyên tố trong cá nuôi bằng Plasma ghép cặp cảm ứng cao tần khối phổ**/ Nguyễn Thành Nho, Lê Thị Anh Đào, Lê Nhơn Đức, Lê Thị Hoa, Lê Phúc Yên, Nguyễn Công Hậu// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 9 .- Tr. 1565-1580.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này phương pháp phá mẫu bằng acid có sự hỗ trợ vi sóng và plasma ghép cặp cảm ứng cao tần khối phổ đã được khảo sát thẩm định nhằm xác định hàm lượng của Cr, Mn, Ni, Fe, Cu, Zn, As, Cd, Pb trong mẫu cá dựa trên AOAC. Phương pháp này cho độ tuyến tính tốt, độ lặp lại và độ tái lặp phù hợp. Phương pháp này áp dụng cho phân tích thường quy nhằm xác định và kiểm soát hàm lượng nguyên tố trong cá.

**Từ khóa**: Phương pháp Plasma, cảm ứng cao tần khối phổ, cá nuôi

**24. Thành phần hóa học chủ yếu của loài sim (Rhodomyrtus tomentosa)/** Hồng Thị Minh Anh, Nguyễn Huy Thuần// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6(49) .- Tr. 27-34.

**Nội dung**: Sim (Rhodomyrtus tomentosa) là loài cây thường gặp, phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới trên trái đất. Hiện nay nhiều nghiên cứu về thành phần hóa học của sim đã được thực hiện. Kết quả tổng hợp các nguồn tài liệu cho thấy, Sim có thành phần hóa học đa dạng và phong phú. Bài viết trình bày khái quát về một số thành phần hóa học chính của Sim cùng với các ứng dụng của chúng trong việc điều trị một số loại bệnh tật ở người.

**Từ khóa**: Kỹ thuật hóa học, Cây sim, Sim (Rhodomyrtus tomentosa)

**25. Thành phần hóa học của sinh khối của loài nấm Bipolaris maydis /** Trần Thị Minh Định, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Dương Thúc Huy// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 4 .- Tr. 987-992.

**Nội dung:** Dữ liệu thành phần hóa học của Bipolaris maydis ít được nghiên cứu. Loài nấm này được phân lập từ Kandelia candel ba hợp chất cis-cyclo, melithasterol B, chrysophanol đã được phân lập từ sinh khối của loài nấm Bipolaris maydis bằng nhiều phương pháp phổ nghiệm NMR cũng như so sánh với dữ liệu đã công bố. Ba hợp chất trên lần đầu được phân lập từ chi Bipolaris.

**Từ khóa**: Bipolaris maydis, Kandelia candel, melithasterol B, chrysophanol

**26. Tính chất nhiệt và từ của vật liệu nano HoFeO3 tổng hợp bằng phương pháp kết tủa hóa học**/ Nguyễn Anh Tiến, Trương Thị Thuận, Đỗ Hoàng Phúc// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 6 .- Tr. 1161-1169.

**Nội dung**: Trong bài báo các hạt nano HoFeO3 với cấu trúc perovskite được tổng hợp thành công bằng phương pháp kết tủa hóa học đơn giản với tác nhân kết tủa dung dịch NaOH 5%. Cac hạt nano tạo thành sau khi nung tiền chất kết tủa ở 700,800 với 900 độ C. Cac mẫu vật nano HoFeO3 tổng hợp được có lực kháng từ bé, độ từ dư bé, độ từ hóa lớn là vật liệu nghịch từ thể hiện hành vi siêu thuận từ.

**Từ khóa**: Kết tủa hóa học, vật liệu nano, tính chất nhiệt, tính chất từ

**27. Tính đối kháng thực vật và định lượng một số chất đối kháng trong cây cỏ đậu (Arachis pintoi)**/ Phan Khánh Linh, Phòng Ngọc Hải Triều, Nguyễn Lê Vân, Hồ Lệ Thi// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Cỏ đậu (còn gọi là cỏ đậu phộng, hoàng lạc thảo) – (*Arachis pintoi*) – là loài cây họ đậu có khả năng cải tạo đất và làm thức ăn gia súc được sử dụng làm đối tượng nghiên cứu về tính đối kháng thực vật đã được biết với sự nảy mầm và phát triển của hạt cỏ hôi, tai hùm, hoa xuyến chi, cà chua và tiêu thông qua dịch chiết methanol (MeOH) từ các bộ phận khác nhau của cỏ đậu trên cải bẹ xanh, cỏ lồng vực nước, và lồng vực cạn. Kết quả cho thấy, dịch chiết từ lá cỏ đậu kìm hãm sự nảy mầm, phát triển hạt cỏ hôi và cỏ tai hùm, trong khi dịch chiết từ rễ lại không có tác động.

**Từ khóa**:Arachis pintoi, cỏ đậu, tính đối kháng thực vật, cải tạo đất, thức ăn gia súc

**28. Ứng dụng công nghệ Google OR – Tools trong giải các bài toán tối ưu hóa tuyến tính trong quản lý dự án xây dựng**/ Hoàng Nhật Đức, Nguyễn Quốc Lâm// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6(49) .- Tr. 3-7.

**Nội dung**: Nghiên cứu này ứng dụng công cụ OR – Tools của Google như một bộ phận mềm mở, mạnh mẽ và dễ sử dụng, trong việc giải quyết các bài toán tối ưu hóa tuyến tính. Công cụ mã nguồn mở này đã được tích hợp với lập trình Visual C # và các mô hình tối ưu hóa được xây dựng trong Microsoft Visual Studio. Hai bài toàn cơ bản được sử dụng trong nghiên cứu này để minh họa việc triển khai OR-Tools.

**Từ khóa**: Quản lý dự án xây dựng, lập trình tuyến tính, mô hình toán học, tối ưu hóa tuyến tính

**29. Ứng dụng phương pháp vi sóng tổng hợp nhanh lớp hạt và màng lọc ZIF-8 để phân tách hỗn hợp khí propylene/propane**/ Nguyễn Kim Minh, Trần Nguyễn Tiến// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8(Tập 63).- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Trình bày ứng dụng phương pháp vi sóng tổng hợp nhanh lớp hạt và màng lọc ZIF-8 để phân tách hỗn hợp khí propylene/propane. Với nhiều ưu điểm như trạng thái và tính chất lỗ xốp ổn định, đa dạng về cầu trúc cũng như biến đổi linh hoạt, vật liệu zeolitic imidazolate framework (ZIF) sở hữu tiềm năng to lớn trong lĩnh vực phân tách các hỗn hợp khí hydrocarbon. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương phương pháp vi sóng để tổng hợp một cách nhanh chóng lớp hạt và tiếp sau đó là màng lọc ZIF-8.

**Từ khóa**: Màng lọc, phân tách khí, propylene/propane, vật liệu khung cơ kim, ZIF-8, vi sóng

**30. Xây dựng thang chuẩn DNA để xác định các băng DNA kích thước nhỏ**/ Võ Thị Thương Lan, Lê Thị Thanh// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 539-545.

**Nội dung**: Phân tích thang chuẩn DNA để xác định các băng DNA kích thước nhỏ. Thang chuẩn DNA được sử dụng thường quy trong các phòng thí nghiệm, xét nghiệm về sinh học phân tử. Thang chuẩn DNA là hỗn hợp các phân tử DNA có kích thước khác nhau, được sử dụng trong điện di nhằm đánh giá kích thước và nồng độ đoạn DNA chưa biết. Thang chuẩn DNA thường được phân làm hai loại dựa vào nguyên liệu sử dụng để xây dựng thang chuẩn và tính chất của các băng tạo thành. Toàn bộ quy trình thiết kế dùng kỹ thuật cơ bản như PCR, nối, tách dòng và cắt với enzym giới hạn. Do đó, bất cứ phòng thí nghiệm nào đều có thể áp dụng và thay đổi quy trình để tạo nên thang chuẩn có số lượng băng và kích thước mỗi băng theo mong muốn.

**Từ khóa**: Thang chuẩn DNA, băng DNA kích thước nhỏ, DNA lặp, xét nghiệm, sinh học phân tử

**KHOA HỌC SỨC KHỎE**

**1. Ảnh hưởng của iốt phóng xạ (131I) lên các tế bào máu của bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hóa**/ Nguyễn Thị Giang An, Nguyễn Quang Trung// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 449-457.

**Nội dung**: Trình bày ảnh hưởng của iốt phóng xạ (131I) lên các tế bào máu của bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hóa. Ung thư tuyến giáp (UTTG) là một căn bệnh ác tính của tế bào, được tìm thấy trong tổ chức của tuyến giáp. Việc sử dụng 131I trong điều trị UTTG có thể biệt hóa là một phương pháp phổ biến và hiệu quả, song chúng cũng có thể có nguy cơ làm suy giảm các tế bào máu đặc biệt là nhóm bệnh nhân điều trị 131I liều cao. Tuy nhiên, sự thay đổi này vẫn nằm trong giới hạn cho phép và sau 6 tháng điều trị các tế bào máu đều trở về giá trị ban đầu. Sự phục hồi nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào từng dòng tế bào máu và liều lượng điều trị.

**Từ khóa**: Ung thư, ung thư tuyến giáp, 131I, tế bào máu

**2. Áp xe đồi thị vỡ vào não thất ở trẻ em : báo cáo ca bệnh**/ Nguyễn Sỹ Đức, Đào Hữu Nam, Chu Thị Anh// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 227-232.

**Nội dung**: Trình bày bệnh áp xe đồi thị vỡ vào não thất ở trẻ em, báo cáo một ca bệnh 13 tuổi, nam, có tiền sử khỏe mạnh, vào viện vì sốt, nôn, đau đầu. Bệnh nhân được chẩn đoán áp xe đồi thị vỡ vào não thất dựa vào triệu chứng lâm sàng, kết quả chọc dịch não tủy và hình ảnh tổn thương trên phim cộng hưởng từ sọ não. Bệnh nhân được điều trị trong 8 tuần với liệu pháp kháng sinh đơn thuần. Bênh nhân khỏi bệnh và không để lại di chứng. Áp xe đồi thị là một bệnh lý rất hiếm gặp ở trẻ em, chỉ được mô tả trên y văn dưới dạng các báo cáo ca bệnh đơn lẻ. Bệnh cần được phát hiện sớm và lựa chọn các phương pháp điều trị phù hợp để hạn chế các biến chứng, đặc biệt là áp xe vỡ não thất.

**Từ khóa**: Áp xe não, áp xe đồi thị, áp xe vỡ não thất

**3. Bệnh lý nền ở trẻ viêm phổi nặng dai dẳng tại Khoa Điều trị tích cực, Bệnh viện Nhi Trung ương**/ Hoàng Kim Lâm, Tạ Anh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Yến, Phạm Thu Nga, Phạm Văn Thắng// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 5-9.

**Nội dung**: Nhằm xác định bệnh lý nền ở trẻ viêm phổi nặng dai dẳng (sPP) tại Khoa Điều trị tích cực (ICU), Bệnh viện Nhi Trung ương. Viêm phổi là bệnh lý phổ biến và là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu ở trẻ em, trong đó sPP luôn là thách thức với các bác sĩ lâm sàng nhi khoa, được định nghĩa là viêm phổi với các triệu chứng lâm sàng và tổn thương viêm phổi trên X-quang kéo dài từ 30 ngày trở lên, mặc dù đã điều trị liệu trình kháng sinh tối thiểu 10 ngày. Hiện nay, dữ liệu trên y văn về nguyên nhân và bệnh lý nền ở trẻ PP còn rất hạn chế, dẫn tới những khó khăn trên lâm sàng trong điều trị và kiểm soát bệnh, đặc biệt ở nhóm trẻ sPP phải nhập các ICU. Qua thực hành lâm sàng, chúng tôi nhận thấy còn nhiều trường hợp bỏ sót chẩn đoán, hoặc chẩn đoán muộn, dẫn tới thất bại trong điều trị.

**Từ khóa**: Bệnh lý nền, viêm phổi dai dẳng, viêm phổi nặng

**4. Bệnh Parkinson : một số đặc điểm bệnh lý, di truyền và cơ chế sinh bệnh**/ Đỗ Mạnh Hưng, Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Đăng Tôn// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 411-432.

**Nội dung**: Trình bày đặc điểm bệnh lý, di truyền và cơ chế sinh bệnh của bệnh Parkinson. Parkinson (PD) là một trong hai bệnh rối loạn thoái hóa thần kinh phổ biến và phức tạp nhất ở ngừi đặc trưng bởi các triệu chứng rối loạn vận động như run, đơ cứng, di truyền chậm chạp và cả không vận động như mất ngủ, táo bón, lo lắng, trầm cảm và mệt mỏi. Cho đến nay, việc chẩn đoán PD vẫn chủ yếu dựa trên các triệu chứng lâm sàng với các đặc điểm vận động là chính và điều này hạn chế khả năng phát hiện bệnh sớm. Sự phát triển nhánh chóng của các nghiên cứu di truyền và định hướng ứng dụng trong xét nghiệm có thể giúp chẩn đoán sớm PD trong tương lai, đặc biệt với dạng Parkinson khởi phát sớm.

**Từ khóa**: Parkinson, bệnh lý, di truyền, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng lâm sàng

**5. Các hợp chất thiên nhiên từ cây thuốc có tiềm năng chống lại virus SARS-CoV-2**/ TS. Phùng Tuấn Giang// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 48-50.

**Nội dung**: Phân tích các hợp chất thiên nhiên từ cây thuốc có tiềm năng chống lại virus SARS-CoV-2. Từ xưa đến nay, cây thuốc luôn giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì sức khỏe của con người cũng như kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, trong đó có COVID-19. Song song với ứng dụng cây thuốc, bài thuốc y học cổ truyền trong điều trị dịch bệnh này, các nhà khoa học đã tìm kiếm và phân lập được nhiều hợp chất thiên nhiên từ cây thuốc có khả năng chống lại virus SARS-CoV-2 đang gây đại dịch trên toàn thế giới. Mặc dù mới chỉ là nghiên cứu in vitro nhưng các kết quả này có ý nghĩa quan trọng trong việc hướng tới phát triển các loại thuốc có nguồn gốc từ thực vật có khả năng chống lại virus này trong tương lai.

**Từ khóa**: Cây thuốc, SARS-CoV-2, hợp chất thiên nhiên, bệnh truyền nhiễm, kiểm soát dịch bệnh

**6. Căng thẳng nghề nghiệp của người lao động tại Công ty Cổ phần gạch men Ý Mỹ năm 2020**/ Dương Văn Quân, Lê Thị Thanh Xuân// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 410-416.

**Nội dung**: Trình bày căng thẳng nghề nghiệp (stress) của người lao động tại Công ty Cổ phần gạch men Ý Mỹ năm 2020. Căng thẳng nghề nghiệp được định nghĩa là sự mất cân bằng giữa yêu cầu lao động và khả năng lao động. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra hậu quả của căng thẳng nghề nghiệp kéo dài liên tục làm ảnh hưởng đến tâm lý và sức khỏe tâm thần của cá thể, đồng thời cũng ảnh hưởng đến thể chất của người lao động. Tuy đã có nhiều cải tiến trong quy trình sản xuất, với các công nghệ mới, ứng dụng dây chuyền tự động hóa để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, nhưng ngành gạch men vẫn được coi là một ngành công nghiệp nặng với nhiều khâu sản xuất nguy hiểm, nặng nhọc. Chế độ ca kíp, cường độ lao động liêm tục và làm việc trong thời gian dài nhất là lao động thời vụ. Các yếu tố này ảnh hưởng tiêu cực tới người lao động gây ra căng thẳng nghề nghiệp, làm giảm năng suất lao động.

**Từ khóa**: Căng thẳng nghề nghiệp, stress, sản xuất gạch men, người lao động, năng suất lao động, sức khỏe

**7. Chăm sóc sức khỏe tinh thần trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tại thành phố Hồ Chí Minh - định hướng dự báo và khuyến nghị xác lập chiến lược**/ Nguyễn Thị Minh Hồng, Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Vĩnh Khương, Đỗ Tất Thiên, Sầm Vĩnh Lộc, Giang Thiên Vũ// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 10 .- Tr. 1735-1744.

**Nội dung**: Bài viết đề cập định hướng dự báo và khuyến nghị xác lập chiến lược chăm sóc sức khỏe tinh thần cho ba đối tượng: người trưởng thành, trẻ em, nhóm yếu thế tại Tp. Hồ Chí Minh trong bối cảnh dịch Covid-19. Bằng việc tổng hợp tài liệu nghiên cứu về sang chấn và các vấn đề sức khỏe tinh thần khác mà người Việt có thể gặp trong bối cảnh dịch bệnh tiếp tục diễn tiến và sau khi dịch được kiểm soát, chúng tôi tiến hành dự báo về các vấn đề sức khỏe tinh thần của người dân theo diễn tiến dịch bệnh. Trên cơ sở đề xuất nghiên cứu thành lập trung tâm phản ứng chăm sóc sức khỏe tinh thần sau dịch cho người dân.

**Từ khóa:** Đại dịch Covid-19, sang chấn tâm lí, định hướng dự báo

**8. Chẩn đoán căn nguyên nốt đơn độc ở phổi tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Lê Hoàn, Vũ Văn Giáp, Đinh Thị Thanh Hồng, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Trần Khánh Chi, Lê Minh Hằng// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 123-130 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện nhằm mô tả các đặc điểm về lâm sàng, cận lâm sàng và căn nguyên nốt đơn độc phổi, từ đó giúp các bác sĩ lâm sàng có thêm kinh nghiệm trong việc đưa ra quyết định quản lý theo dõi các tổn thương này nhằm chẩn đoán và điều trị kịp thời các nốt phổi gợi ý ác tính và tránh những can thiệp không cần thiết với các nốt phổi đơn độc có tính chất lành tính. Nốt đơn độc ở phổi được định nghĩa là tổn thương đơn độc trên X quang phổi với kích thước <=3cm, xung quanh là nhu mô phổi lành không gây xẹp phổi, không kèm hạch trung thất hay tràn dịch màng phổi. Đây là dạng tổn thương phổi khá thường gặp, có thể do nhiều nguyên nhân gây nên. Các nguyên nhân lành tính bao gồm: u lao, harmatoma, hạch lympho tại phổi, sarcoidosis, u nấm. Các căn nguyên ác tính gồm: ung thư phổi, ung thư di căn phổi, u lympho…

**Từ khóa**: Nốt đơn độc ở phổi, sinh thiết phổi xuyên thành ngực, tổn thương phổi

**9. Chảy máu tiêu hóa do ung thư nguyên bào nuôi ở nam giới : nhân một trường hợp và điểm lại y văn**/ Trần Bảo Long, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Tú, Đào Thị Luận, Nguyễn Văn Hưng// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 221-226.

**Nội dung**: Trình bày bệnh chảy máu tiêu hóa do ung thư nguyên bào nuôi ở nam giới. Ung thư nguyên bào nuôi ở ống tiêu hóa là một bệnh ung thư rất hiếm gặp ở nam giới, chẩn đoán khó khăn, điều trị còn hạn chế. Ung thư nguyên bào nuôi có nguồn gốc từ cơ quan sinh dục hay ngoài cơ quan sinh dục, hay gặp nhất là ở tử cung liên quan tới thai nghén. Vị trí hay gặp nhất là ở trung thất, buồng trứng và tinh hoàn ung thư nguyên bào nuôi ở dạ dày rất hiếm gặp. Điều trị phẫu thuật cắt bỏ khối u nguyên phát ở dạ dày và di căn kết hợp với điều trị hóa chất hay cắt bỏ khối u có biến chứng giúp cải thiện tiên lượng.

**Từ khóa**: Ung thư nguyên bào nuôi, ống tiêu hóa, nam giới

**10. Chương trình KC.10/16-20 : ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng**/ Phạm Gia Khánh, Nguyễn Văn Chuyên// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Mục tiêu của Chương trình KC.10 là ứng dụng và phát triển các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực y – dược để tạo ra các sản phẩm có chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả công tác khám, chữa bệnh, giảm thiểu tỷ lệ mắc và tử vong, qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phụ vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các ứng dụng y học được tập trung nghiên cứu như kỹ thuật ghép tạng, ứng dụng tế bào gốc điều trị các bệnh hiểm nghèo, ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán, điều trị bệnh và sản xuất một số sản phẩm sinh học có chất lượng cao, ứng dụng các kỹ thuật y học hạt nhân hiện đại như xạ trị điều biến liều theo thể tích hình cung, xạ trị trong bằng hạt vi cầu phóng xạ Rosin Y-90…

**Từ khóa**: Chương trình KC.10, công nghệ tiên tiến, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, điều trị

**11. Cơ cấu bệnh tật tại khoa điều trị nội trú Bệnh viện Đa khoa Đống Đa năm 2017-2019**/ Đỗ Thị Thanh Toàn, Cao Thị Nhung, Lưu Ngọc Minh, Đinh Thái Sơn, Lê Minh Giang, Đoàn Quốc Hưng// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 186-193.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang hồi cứu được thực hiện trên bệnh nhân đến khám và điều trị nội trú ở Bệnh viện Đa khoa Đống Đa với mục tiêu mô tả cơ cấu bệnh tật của bệnh nhân đến điều trị nội trú ở Bệnh viện Đa khoa Đống Đa năm 2017-2019. Cơ cấu bệnh tật của mỗi một địa phương, quốc gia phản ánh tình trạng sức khỏe cũng như tình trạng tử vong của cộng đồng đó. Nó phụ thuộc vào các đặc điểm về chủng tộc, địa lý, văn hóa, kinh tế - xã hội hay các chính sách y tế của từng khu vực. Việc xác định mô hình bệnh tật giúp đưa ra chiến lược phù hợp cho Bệnh viện Đa khoa Đống Đa trong việc lập kế hoạch và chuẩn bị tốt hơn cho việc điều trị bệnh.

**Từ khóa**: Cơ cấu bệnh tật, khoa điều trị Nội trú

**12. Đặc điểm bệnh bụi phổi silic ở bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Phổi Trung ương, năm 2019-2020**/ Nguyễn Ngọc Anh, Lê Thị Thanh Xuân, Lê Thị Hương, Tạ Thị Kim Nhung, Phạm Thị Quân, Nguyễn Thị Vinh// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 77-84.

**Nội dung**: Trình bày đặc điểm bệnh bụi phổi silic ở bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Phổi Trung ương, năm 2019-2020. Bụi phổi silic là bệnh nghề nghiệp xảy ra do hit phải bụi có chứa silic trong môi trường lao động. Đặc điểm của bệnh là gây xơ hóa phổi và tiến triển không hồi phục với đặc trưng là các tổn thương dạng nốt ở phổi. Người lao động mắc bệnh bụi phổi silic thường dễ mắc các bệnh như lao phổi, viêm phổi và ung thư phổi. Bụi phổi silic là bệnh tiến triển không hồi phục kể cả khi người mắc đã ra khỏi môi trường lao động có bụi silic và hậu quả là suy giảm chức năng hô hấp.

**Từ khóa**: Bụi phổi silic, bệnh phổi, ung thư phổi, chức năng hô hấp

**13. Đặc điểm các hình ảnh bất thường trên phim X-quang phổi và một số yếu tố liên quan của người lao động tiếp xúc với bụi silic tại Phú Yên năm 2020**/ Lê Thị Thanh Xuân, Lê Thị Hương, Khương Văn Duy, Nguyễn Ngọc Anh, Phạm Thị Quân, Nguyễn Thanh Thảo, Nguyễn Quốc Doanh, Phan Thị Mai Hương, Tạ Thị Kim Nhung// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 300-307.

**Nội dung**: Trình bày đặc điểm các hình ảnh bất thường trên phim X-quang phổi và một số yếu tố liên quan của người lao động tiếp xúc với bụi silic tại Phú Yên năm 2020. Bụi silic trong môi trường lao động là nguyên nhân gây ra bệnh bụi phổi silic với tổn thương điển hình trên phim X-quang theo tiêu chuẩn của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) là các đám mờ nhỏ, đám mờ lớn. Về mặt giải phẩu bệnh, tổn thương là các đám xơ hóa phát triển ở cả hai trường phổi. Kết quả nghiên cứu giúp phát hiện sớm các trường hợp lao động mắc bệnh bụi phổi silic, từ đó định hướng cho các cơ quan chức năng và doanh nghiệp đề ra những chính sách phù hợp nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

**Từ khóa**: X-quang, bệnh bụi phổi silic, bụi silic, người lao động, bảo vệ sức khỏe, Phú Yến

**14. Đặc điểm kiểu gen HLA các mẫu máu cuống rốn lưu trữ tại bệnh viện Nhi Trung ương**/ Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thùy Trang// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 8-14.

**Nội dung**: Phân tích đặc điểm kiểu gen HLA các mẫu máu cuống rốn lưu trữ tại bệnh viện Nhi Trung ương. HLA là gen nằm trên cánh ngắn nhiễm sắc thể số 6 ở người gồm nhiều locus và thường di truyền theo cụm. Việc định typ HLA là cần thiết trong việc lựa chọn được cặp ghép phù hợp đặc biệt trong ghép tế bào gốc tạo máu tránh các biến chứng thải bỏ mảnh ghép hoặc mảnh ghép chống nhủ. Nghiên cứu cắt ngang xác định tỷ lệ các allele HLA-A, HLA-B, HLA-DRB1 và haplotyp của các lucus gen này trên 233 mẫu máu cuống rốn được lưu trữ tại Ngân hàng tế bào gốc Bệnh viện Nhi Trung ương từ năm 2011-2014.

**Từ khóa**: HLA, máu cuống rốn, bệnh viện Nhi Trung ương

**15. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng liên quan đến bệnh đường hô hấp của người lao động mỏ than Phấn Mễ, tỉnh Thái Nguyên, năm 2020**/ Nguyễn Thanh Thảo, Nguyễn Thị Minh Tâm, Lê Thị Hương, Lê Thị Thanh Xuân, Nguyễn Ngọc Anh, Phạm Thị Quân// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 130-139.

**Nội dung**: Nhằm mục tiêu mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng liên quan đến bệnh đường hô hấp ở người lao động tại mỏ than Phấn Mễ, tỉnh Thái Nguyên, năm 2020. Hậu quả phơi nhiễm với các tác nhân gây ô nhiễm môi trường lao động đều có thể dẫn đến các rối loạn chức năng của các cơ quan cũng như rối loạn chức năng của các cơ quan cũng như tình trạng sức khỏe nói chung cũng như rối loạn chức năng hô hấp với các mức độ khác nhau và các bệnh đường hô hấp. Khám sàng lọc phát hiện sớm các triệu chứng lâm sàng và biến đổi trên cận lâm sàng giúp chẩn đoán và điều trị sớm các bệnh hô hấp, giảm tỷ lệ tử vong và tàn tật ở người lao động.

**Từ khóa**: Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, bệnh đường hô hấp, người lao động, mỏ than Phấn Mễ

**16. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tình trạng kháng kháng sinh của trẻ em bị loét dạ dày ta tràng có nhiễm Helicobacter pylori**/ Nguyễn Hữu Chiến, Nguyễn Thị Việt Hà// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 134-141.

**Nội dung**: Trình bày đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tình trạng kháng kháng sinh của trẻ em bị loét dạ dày ta tràng có nhiễm Helicobacter pylori. Điều trị loét dạ dày tá tràng có nhiễm H. pylori ở trẻ em ngày càng khó khăn do tình trạng kháng kháng sinh gia tăng. Mục tiêu của nghiên cứu là mô tả đặc điểm lâm sàng và tình trạng kháng kháng sinh của trẻ em bị loét dạ dày tá tràng có nhiễm H. pylori. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của trẻ em bị loét dạ dày tá tràng có nhiễm H. pylori là đau bụng, thiếu máu và xuất huyết tiêu hóa, loét hành tá tràng là vị trí hay gặp nhất. Tỷ lệ kháng kháng sinh cao gây ảnh hưởng đến kết quả điều trị loét dạ dày tá tràng có nhiễm H. pylori ở trẻ em.

**Từ khóa**: Kháng kháng sinh, loét dạ dày tá tràng, trẻ em, H. pylori

**17. Đặc điểm tổn thương động mạch vành ở bệnh nhân Kawasaki không đáp ứng với truyền tĩnh mạch Immunoglobulin**/ Đặng Thị Hải Vân, Phạm Thảo Nguyên// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 123-133.

**Nội dung**: Nghiên cứu đặc điểm tổn thương động mạch vành ở bệnh nhân Kawasaki không đáp ứng với truyền tĩnh mạch Immunoglobulin nhằm mục tiêu so sánh đặc điểm và diễn biến tổn thương động mạch vành (động mạch vành) giữa hai nhóm đáp ứng và không đáp ứng với truyền tĩnh mạch Immunoglobulin (IVIG). Kawasaki là bệnh sốt phát ban cấp tính có viêm mạch hệ thống chưa rõ nguyên nhân thường gặp ở trẻ em dưới 5 tuổi. Phần lớn tổn thương động mạch vành trong giai đoạn cấp là giãn nhẹ và vừa. Nhóm không đáp ứng IVIG có tỉ lệ tổn thương động mạch vành cao hơn, mức độ tổn thương nặng hơn, tổn thương nhiều vị trí hơn và khả năng hồi phục tổn thương động mạch vành chậm hơn so với nhóm đáp ứng IVIG.

**Từ khóa**: Bệnh Kawasaki, Kawasaki kháng Immunoglobulin, động mạch vành, tĩnh mạch

**18. Đặc điểm tự kỳ thị ở người tiêm chích ma túy tại Hà Nội và một số yếu tố liên quan**/ Vũ Minh Anh, Đào Thị Diệu Thúy, Hoàng Thị Hải Vân, Lê Minh Giang// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 35-44.

**Nội dung**: Cho thấy những người tiêm chích ma túy (TCMT) phải đối mặt với nhiều vấn đề liên quan đến tự kỳ thị với hành vi sử dụng chất của mình. Sự kỳ thị đã được xác định là rào cản quan trọng trong việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng như tác động đến sức khỏe của người tiêm chích ma túy. Sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người bệnh chích ma túy, thiếu sự hỗ trợ pháp lý và hỗ trợ cộng đồng là những trở ngại đối với việc tham gia vào chương trình methadone.Tình trạng tự kỳ thị liên quan đến ma túy kéo dài cũng ngăn cản người tiêm chích ma túy nhiễm HIV tiết lộ tình trạng của mình và tìm kiếm điều trị HIV.

**Từ khóa**: HIV, ma túy, tự kỳ thị, người tiêm chích ma túy

**19. Đánh giá độc tính và bán trường diễn của cao trị gút trên thực nghiệm**/ Nguyễn Thị Thu Hằng, Vũ Nam, Trần Thị Thanh Loan// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 1-13.

**Nội dung**: Trình bày đánh giá độc tính và bán trường diễn của cao trị gút trên thực nghiệm. Bệnh gút là bệnh có biểu hiện ở khớp thường gặp do rối loạn chuyển hóa các nhân purin, có đặc điểm chính là tăng acid uric (AU) máu. Khi acid uric bị bão hòa ở dịch ngoại bào, sẽ gây lắng đọng các tinh thể monosodium urat (MSU) ở các mô hoặc dịch khớp. Trên lâm sàng, phác đồ thuốc điều trị cơn gút cấp theo y học cổ truyền gồm chủ yếu là các thuốc chống viêm, giảm đau. Các thuốc này dùng kéo dài sẽ gây nhiều tác dụng phụ về đường tiêu hóa và ảnh hưởng đến tuyến nhượng thận. Kinh nghiệm điều trị cho thấy sản phẩm thuốc này có hiệu quả tốt trong việc cải thiện các triệu chứng của bệnh.

**Từ khóa**: Cao trị gút, độc tính cấp, bán trường diễn

**20. Đánh giá kết quả bước đầu điều trị hóa chất tiền phẫu ung thư buồng trứng FIGO IIIC-IV tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Ngô Văn Tỵ, Trần Đình Anh, Đào Tiến Lục// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 55-62 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả bước đầu điều trị hóa chất tiền phẫu ung thư buồng trứng FIGO IIIC-IV tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Điều trị chuẩn của ung thư biểu mô buồng trứng là phẫu thuật triệt căn, phẫu thuật công phá u tối đa nhằm giảm thể tích u tối đa nhằm giảm thể tích u, tạo điều kiện cho hóa trị bổ trợ tác dụng tối ưu và hóa trị bổ trợ bước 1 phác đồ có platinum. Tuy nhiên, phần lớn bệnh nhân ung thư buồng trứng giai đoạn IIIC, IV có hình thái lâm sàng phức tạp, khối u lớn, thể trạng bệnh nhân kém ảnh hưởng tới kết quả phẫu thuật công phá u tối đa không đạt được tối ưu. Mặt khác, phẫu thuật công phá u tối đa thì đầu là phẫu thuật nặng đi kèm nhiều biến chứng nên thời gian chăm sóc hậu phẫu dài chất lượng cuộc sống không tốt, điều này ảnh hưởng không tốt đến thời gian bệnh nhân bắt đầu được điều trị hóa chất. Điều trị hóa chất tiền phẫu được nhiều nghiên cứu chứng minh làm giảm khối lượng u và mức độ nặng của phẫu thuật công phá u tối, giảm tỷ lệ tử vong và biến chứng sau mổ, tăng tỷ lệ đạt phẫu thuật tối ưu.

**Từ khóa**: Ung thư buồng trứng, tiền phẫu, hóa chất tiền phẫu, hóa chất, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

**21. Đánh giá khả năng phân loại của hai chỉ thị rbcL và trnL với một số mẫu Bách bộ (Stemonaceae) thu tại phía Bắc Việt Nam**/ Huỳnh Thị Thu Huệ, Đào Quang Hà, Lê Hồng Điệp, Nguyễn Đăng Tôn// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8(Tập 63).- Tr. 25-29.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá khả năng phân loại của hai chỉ thị rbcL và trnL với một số mẫu Bách bộ (Stemonaceae) thu tại phía Bắc Việt Nam. Bách bộ là cây thuốc quý thuộc họ Bách bộ (Stemonacear), có tính ứng dụng cao trong đời sống. Các chiết xuất từ lá hay rễ của loài cây này chứa nhiều chất sinh học, có nhiều giá trị về mặ dược lý nên có giá trị kinh tế. Tuy nhiên, việc nghiên cứu, đánh giá và phân loại dựa trên chỉ thị DNA cho Bách bộ ở Việt Nam vẫn chưa được tiến hành nhiều. Ở nghiên cứu này, các tác giả thực hiện phân tích hai chỉ thị mã vạch DNA (DNA barcode) gồm rbcL và trnL để có những đánh giá ở mức độ phân tử cho 4 mẫu Bách bộ thu được từ vùng núi miền Bắc Việt Nam, đồng thời so sánh với các trình tự tương đồng trong họ Bách bộ đã được công bố trên Ngân hàng gen quốc tế (GenBank).

**Từ khóa**: Bách bộ, mã vạch DNA, rbcL, Stemona, trnL

**22. Đánh giá một số phương pháp xác định đột biến JAK2 V617F phục vụ việc dự đoán nguy cơ mắc bệnh đa hồng cầu và một số căn bệnh tăng sinh tủy ác tính khác**/ Nguyễn Thy Ngọc, Bùi Bích Hậu, Phạm Hoàng Nam, Trần Tuấn Anh, Đỗ Thị Trang, Nguyễn Thị Xuân// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 433-440.

**Nội dung**: Đánh giá các phương pháp PCR-ARMS, PCR-RFLP, giải trình tự Sanger nhằm tìm ra phương pháp nhanh chóng, chính xác, rẻ tiền để xác định kiểu gen JAK2 V617F và dự đoán in-silico ảnh hưởng của đột biến này lên cấu trúc và chức năng của protein Janus kinase 2. Đa hồng cầu, tăng tiểu cầu tiền phát và xơ cấp là những căn bệnh thuộc nhóm bệnh ung thư máu tặng sinh tủy ác tính không xảy ra hiện tượng trao đổi đoạn nhiễm sắc thể Philadephia. Kết quả nghiên cứu cho thấy hai phương pháp giải trình tự Sanger và PCR-RFLP có độ chính xác tương đương và tốt hơn so với PCR-ARMS.

**Từ khóa**: Giải trình tự Sanger, đột biến, nhiễm sắc thể

**23. Đánh giá mức độ biểu hiện của gen SCS1 trên bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan liên quan đến nhiễm virus viên gan B**/ Võ Thị Thúy Quỳnh, Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Việt Phương, Phạm Văn Dũng, Nguyễn Lĩnh Toàn, Hoàng Văn Tổng// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Nhằm thực hiện đánh giá mức độ biểu hiện gen SOCS1 và tương quan giữa các đặc điểm chỉ số cận lâm sàng với biểu hiện gen này trong UTBMTBG nhiễm virus VGB. Ung thư biểu mô tế bào gan (UTBMTBG) là dạng thường gặp của ung thư gan và một trong các nguyên nhân được xác định là do nhiễm virus viêm gan B (VGB) mạn tính. Sự đáp ứng miễn dịch của cơ thể với virus VGB làm kích hoạt con đường truyền tín hiệu và hoạt hóa phiên mã. Từ những dữ liệu thu thập được, biểu hiện gen SOCS1 có thể được xem là yếu tố tiềm năng tham gia vào quá trình sinh bệnh học của UTBMTBG.

**Từ khóa**: SOCS1, ung thư biểu mô tế bào gan, virus, viêm gan B

**24. Đánh giá tác dụng cải thiện giấc ngủ của phương pháp dán hạt vương bất lưu hành trên huyệt theo công thức NADA trong điều trị chứng thất miên**/ Nguyễn Trường Nam, Nguyễn Thị Thanh Tú// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 77-88.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng cải thiện giấc ngủ của phương pháp dán hạt vương bất lưu hành trên huyệt theo công thức Nada trong điều trị chứng thất miên. “Thất miên” trong y học cổ truyền là từ để chỉ triệu chứng mất ngủ: thể nhẹ thì bệnh nhân khó đi vào giấc ngủ, ngủ nhưng dễ tỉnh giấc, sau khi tỉnh thì không ngủ lại được hoặc ngủ không sâu giấc, trường hợp nặng có thể cả đêm không ngủ được. Kích thích các huyệt trong công thức NADA có tác dụng lên cơ thể một cách toàn diện chứ không chỉ tập trung vào một nơi nào, giúp khí huyết lưu thông, âm dương cân bằng trong cơ thể mỗi người, từ đó giúp cải thiện giấc ngủ.

**Từ khóa**: Dán hạt vương bất lưu hành, mất ngủ, NADA, nhĩ châm

**25. Đánh giá tác dụng cải thiện trí nhớ của viên nang cứng ích khí dưỡng trên mô hình mê cung nước (Morris water Maze)**/ Lê Văn Nam, Nguyễn Hoàng Ngân, Vũ Nam, Trần Minh Hiếu// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 12-20.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá tác dụng cải thiện trí nhớ của viên nang cứng ích khí dưỡng trên mô hình mê cung nước (Morris water Maze). Viên nang cứng ích khí dưỡng não được bào chế từ bài thuốc ích khí dưỡng não nhằm tạo ra sản phẩm thuận tiện dùng trong điều trị cải thiện trí nhớ và các triệu chứng khác của chứng huyết áp thấp. Bài thuốc ích khí dưỡng não là sự kết hợp của bài thuốc tứ vật đào hồng và huyết phủ trục ứ thang. Bài thuốc có tác dụng bổ khí sinh huyết, làm khí huyết lưu thông nhờ tác dụng thăng dương khí của thăng ma sài hồ đưa huyết lên não bộ, từ đó giảm được tình trạng suy giảm trí nhớ đồng thời cải thiện được huyết áp.

**Từ khóa**: Viên nang cứng ích khí dưỡng, mô hình mê cung nước, dưỡng não, cải thiện trí nhớ

**26. Đánh giá tác dụng của bài thuốc “Bổ âm ích khí tiễn” trên bệnh nhân hạ trĩ thể khí huyết hư**/ Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Thanh Tú// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 14-25.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng của bài thuốc “Bổ âm ích khí tiễn” trên bệnh nhân hạ trĩ thể khí huyết hư. Bệnh trĩ là một bệnh thường gặp trong các bệnh lý vùng hậu môn trực tràng. Bệnh nhân hạ trĩ thể khí huyết hư do chính khí của cơ thể đã suy kém nên cần có thời gian điều trị dài hơn. Khác với những bệnh nhân thuộc thực chứng, mặc dù bệnh diễn biến cấp tính nhưng chính khí của cơ thể còn chưa suy kém nên khả năng phục hồi nhanh hơn. Bài thuốc Bổ âm ích khí tiễn có tác dụng cầm máu, thu nhỏ độ trĩ và giảm triệu chứng táo bón.

**Từ khóa**: Trĩ nội, Bổ âm ích khí tiễn, táo bón, bệnh trĩ

**27. Đánh giá tác dụng của cao lỏng Tứ quân trên bệnh nhân hư lao thể tỳ khí hư**/ Trần Mai Anh, Nguyễn Thị Thu Hà, Hoàng Minh Chung, Nguyễn Kim Ngọc// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 46-54.

**Nội dung**: Trình bày tác dụng của cao lỏng Tứ quân trên bệnh nhân hư lao thể tỳ khí hư. Chứng hư lao trong y học cổ truyền là chứng bệnh gặp ở những người sức khỏe suy yếu do bẩm sinh, do dinh dưỡng kém, do mắc các bệnh mạn tính hoặc ở thời kỳ hồi phục sau mắc các bệnh cấp tính nặng. Về dùng thuốc điều trị hư lao cần tùy theo nguyên nhân mà dùng các phương thuốc ích khí, dưỡng huyết, tư âm, ôn dương. Cao lỏng Tứ quân có tác dụng làm tăng các chỉ số: cân nặng, BMI, điểm SF-36, albumin, protein toàn phần, prealbumin trên bệnh nhân hư lao thể tùy khí hư sau 60 ngày điều trị.

**Từ khóa**: Suy nhược cơ thể, tỳ khí hư, tứ quân, tác dụng điều trị, hư lao

**28. Đánh giá tác dụng của tác động cột sống kết hợp điện châm trong điều trị đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ**/ Mầu Tiến Dũng, Dương Trọng Nghĩa// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 35-45.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng của tác động cột sống kết hợp điện châm trong điều trị đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ. Đau vai gáy là một triệu chứng của một số bệnh hay gặp trên lâm sàng. Triệu chứng này có thể xuất hiện đột ngột ở bệnh nhân sau một động tác sai tư thế của cột sống cổ, sau khi làm việc căng thẳng kéo dài hoặc khi thay đổi thời tiết. Đau thường đi kèm với co cứng và hạn chế vận động. Nguyên nhân đau vai gáy thường gặp nhất là do thoái hóa cột sống cổ. Các phương thức điều trị phổ biến hiện nay là điện châm, xoa bóp bấm huyệt và tác động cột sống. Tác ddoongj cột sống kết hợp điện châm có hiệu quả tốt trong điều trị đau vai gáy do thoái hóa cột sống cổ.

**Từ khóa**: Đau vai gáy, thoái hóa cột sống cổ, tác động cột sống, điện châm

**29. Đánh giá tác dụng điều trị bằng phương pháp điện châm dùng xung điện TENS trên bệnh nhân đau thắt lưng cấp**/ Bùi Việt Thành, Bùi Tiến Hưng// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 55-65.

**Nội dung**: Trình bày đánh giá tác dụng điều trị bằng phương pháp điện châm dùng xung điện TENS trên bệnh nhân đau thắt lưng cấp tại Bệnh viện châm cứu Trung ương. Đau thắt lưng là một triệu chứng phổ biến trong các bệnh cơ xương khớp. Nghiên cứu trình bày 2 phương pháp điều trị, kết quả cho thấy cả 2 phương pháp đều có tác dụng trong điều trị đau thắt lưng cấp nhưng phương pháp điện châm xung điện TENS kết hợp xoa bóp bấm huyệt có tác dụng điều trị tốt hơn so với phương pháp điện châm dùng xung điện thông thường kết hợp xoa bóp bấm huyệt.

**Từ khóa**: Xung điện TENS, đau thắt lưng, điện châm, bệnh cơ xương khớp

**30. Đánh giá tác dụng điều trị phục hồi vận động chi trên ở bệnh nhân liệt nửa người do nhồi máu não sau giai đoạn cấp bằng điện châm kết hợp bài tập CIMT**/ Nguyễn Trương Đàn, Phạm Hồng Vân// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 51-63.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng điều trị phục hồi vận động chi trên ở bệnh nhân liệt nửa người do nhồi máu não sau giai đoạn cấp bằng điện châm kết hợp bài tập CIMT. Tai biến mạch mãu não là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ ba cũng là tác nhân đầu tiên gây tàn tật kéo dài. Việc thực hiện các động tác định hình như co, duỗi cảnh tay, nắm duỗi bàn tay… ép buộc tay liệt phải hoạt động tối đa tới mức có thể để hoạt hóa và kích thích các tế bào thần kinh nhằm cải thiện các thiếu hụt do các loại tổn thương lên hệ thống thần kinh như đột quỵ, chấn thương sọ não… kết hợp với việc sử dụng phương pháp điện châm đã được nhiều nghiên cứu chứng minh là có hiệu quả điều trị trong các hội chứng liệt nhằm tăng khả năng và tốc độ phục hồi chức năng của bệnh nhân.

**Từ khóa**: Phục hồi chức năng vận động chi trên, liệt nửa người, điện châm, bài tập CIMT

**31. Đánh giá tác dụng giảm đau của bài thuốc Thư cân thang kết hợp điện châm và vận động trị liệu trên bệnh nhân viêm quanh khớp vai**/ Dương Xuân Phát, Đỗ Thị Phương// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 26-35.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng giảm đau của bài thuốc Thư cân thang kết hợp điện châm và vận động trị liệu trên bệnh nhân viêm quanh khớp vai. Viêm quanh khớp vai là một bệnh lý khớp thường gặp trong nhóm bệnh ở phần quanh khớp. Bệnh thường có biểu hiện là đau và hạn chế vận động khớp. Bệnh không ảnh hưởng đến tính mạng nhưng ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cuộc sống của người bệnh. Kết quả thử nghiệm cho thấy bài thuốc Thư cân thang kết hợp điện châm và vận động trị liệu trên bệnh nhân viêm quanh khớp vai có tác dụng giảm đau cao hơn so với khi chỉ dùng đơn thuần phác đồ nền.

**Từ khóa**: Viêm quanh khớp vai đơn thuần, thư cân thang, điện châm, vận động trị liệu

**32. Đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị viêm mũi dị ứng thể phong hàn của phương pháp cấy chỉ**/ Vũ Thị Nhi, Lê Thành Xuân, Nguyễn Thị Thu Hiền// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 66-79.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị viêm mũi dị ứng thể phong hàn của phương pháp cấy chỉ. Cấy chỉ gây kích thích tại vị trí cấy, kích thích này truyền vào tủy sống rồi truyền lên não theo dây thần kinh hướng tâm, vỏ não sẽ đáp ứng lại theo dây thần kinh ly tâm làm giảm ngứa mũi, hắt hơi. Cấy chỉ còn làm thông lợi huyết mạch và do đó làm thông mũi khai khiếu. Đây là nguyên nhân tạo ra tác dụng giảm nhanh các triệu chứng lâm sàng của viêm mũi dị ứng.

**Từ khóa**: Viêm mũi dị ứng, cấy chỉ, y học cổ truyền, viêm mũi dị ứng thể phong hàn

**33. Đánh giá tác dụng phục hồi chức năng của điện châm kết hợp thuốc hoạt huyết an não trên bệnh nhân nhồi máu não sau giai đoạn cấp**/ Vũ Nam, Trần Minh Hiếu// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 1-11.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng phục hồi chức năng của điện châm kết hợp thuốc hoạt huyết an não trên bệnh nhân nhồi máu não sau giai đoạn cấp. Y học hiện đại đã điều trị có hiệu quả bệnh nhân đột quỵ não giai đoạn cấp bằng thuốc tiêu sợi huyết và các kỹ thuật can thiệp cao như phẫu thuật, nong mạch, đặt giá đỡ hoặc sử dụng một số thuốc đã được đánh giá cao về hiệu quả dinh dưỡng, phục hồi chức năng tế bào thần kinh trên bệnh nhân đột quỵ não như Cerebrolysin. Điện châm kết hợp với uống thuốc hoạt huyết an não có tác dụng phục hồi chức năng vận động ở bệnh nhân nhồi máu não, phương pháp an toàn trên lâm sàng và không gây tác dụng không mong muốn.

**Từ khóa**: Nhồi máu não, điện châm, thuốc hoạt huyết an não, đột quỵ não

**34. Đáp ứng điều trị ung thư dạ dày tân bổ trợ bằng phác đồ FLOT**/ Trịnh Lê Huy, Nguyễn Thị Vượng, Phạm Quỳnh Nga, Nguyễn Văn Hùng, Mai Thị Kim Ngân// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 72-83 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu nhằm mô tả đặc điểm mô bệnh học và nội soi của ung thư dạ dày giai đoạn tiến triển tại chỗ tại vùng còn khả năng phẫu thuật và đánh giá đáp ứng điều trị tân bổ trợ ung thư dạ dày bằng phác đồ FLOT tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết bệnh nhân có đáp ứng, khối u giảm giai đoạn so với trước điều trị và có một tỷ lệ không nhỏ bệnh nhân có đáp ứng hoàn toàn trên cả bệnh phẩm u và hạch. Bên cạnh đó, với việc sử dụng thuốc dự phòng hạ bạch cầu, hầu hết các bệnh nhân dung nạp tốt và hoàn thành được toàn bộ số chu kỳ của phác đồ điều trị.

**Từ khóa**: Tân bổ trợ, ung thư dạ dày, FLOT, đáp ứng điều trị

**35. Dự đoán các yếu tố ảnh hưởng đến tự quản chăm sóc của người bệnh đái tháo đường type 2 tại bệnh viện Thanh Nhàn năm 2020**/ Đỗ Thị Thu Huyền, Trương Quang Trung, Nguyễn Thanh Xuân, Hoàng Tuấn Anh, Phạm Thị Thanh Phượng, Dương Thị Thu Huyền// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 115-122.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến tự quản chăm sóc của người bệnh đái tháo đường type 2 tại bệnh viện Thanh Nhàn năm 2020. Yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến tự quản chăm sóc của người bệnh đái tháo đường type 2 là HbA1c (ảnh hưởng 46,3%) theo đó HaA1c giảm đi 1% thì tự quản chăm sóc của người bệnh sẽ tăng lên 4,52 lần. Cần nâng cao tự quản chăm sóc cho người bệnh đái tháo đường bằng cách kiểm soát HbA1c, tăng cường hiểu biết sức khỏe và rút ngắn thời gian mắc bệnh hay biến chứng do đái tháo đường type 2 gây ra.

**Từ khóa**: Mô hình dự đoán, tự quản chăm sóc, đái tháo đường type 2

**36. Giá trị của cộng hưởng từ 3.0 Tesla trong chẩn đoán chấn thương đám rối thần kinh cánh tay trước hạch**/ Nguyễn Duy Hùng, Nguyễn Thị Xoan// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 60-67.

**Nội dung**: Trình bày giá trị của cộng hưởng từ 3.0 Tesla trong chẩn đoán chấn thương đám rối thần kinh cánh tay trước hạch. Để đưa ra phương pháp điều trị tốt nhất cho bệnh nhân cần phối hợp giữa bộ ba chẩn đoán bao gồm lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh, điện cơ. Đối với cộng hưởng từ, để nâng cao khả năng chẩn đoán chính xác cần chọn thời điểm chụp phim thích hợp, có phối hợp thêm thuốc chống phù nề, thuốc giảm đau cho bệnh nhân để hạn chế nhiễu ảnh. Cộng hưởng từ 3.0T có giá trị trong phát hiện vị trí, đánh giá hình thái và mức độ chấn thương trước hạch của đám rối thần kinh cánh tay. Độ đặc hiệu của phương pháp này là tốt, tuy độ nhạy không cao, cộng hưởng từ 3.0T nên được sử dụng như một phương pháp nhằm cung cấp thêm thông tin trước phẫu thuật.

**Từ khóa**: Cộng hưởng từ 3.0 Tesla, đám rối thần kinh cánh tay, chấn thương

**37. Giá trị tiên lượng của các thông số tinh dịch đồ đối với khả năng sinh sản của nam giới**/ Nguyễn Hoài Bắc, Nguyễn Cao Thắng, Nguyễn Văn Trường// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 68-76.

**Nội dung**: Phân tích giá trị tiên lượng của các thông số tinh dịch đồ đối với khả năng sinh sản của nam giới. Tinh dịch đồ là một xét nghiệm cơ bản để đánh giá chức năng sinh sản của nam giới. Tuy nhiên, việc áp dụng các giá trị tinh dịch đồ để phân biệt nam giới sinh sản bình thường và vô sinh vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nam giới vô sinh có các thông số tinh dịch đồ có xu hướng thấp hơn những nam giới đã có con. Tuy nhiên, hầu hết các thông số này vẫn nằm trong giới hạn bình thường theo tiêu chuẩn của WHO 2010. Giá trị của các thông số tinh dịch đồ trong việc xác định khả năng có con của nam giới không cao. Khi sử dụng ngưỡng giá trị tham khảo của WHO 2010, chúng tôi nhận thấy mật độ tinh trùng và tỷ lệ tinh trùng di động tiến tới có giá trị tiên lượng cao nhất đối với chức năng sinh sản của nam giới.

**Từ khóa**: Vô sinh nam, tinh dịch đồ, tinh trùng

**38. Hiện trạng sử dụng và tác hại của kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản**/ Nguyễn Trung Hiếu, Lê Thị Thùy Trang// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Trình bày hiện trạng sử dụng và tác hại của kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản. Kháng sinh được sử dụng khá phổ biến trong nuôi trồng thủy sản (NTTS) để điều trị và phòng tránh dịch bệnh. Tuy nhiên, các tác hại do kháng sinh gây ra trên đối tượng thủy sản chưa được các nhà sản xuất đánh giá cụ thể, cùng với đó, việc quản lý kháng sinh còn lỏng lẻo đã dẫn đến việc lạm dụng thuốc quá mức trong NTTS. Việc sử dụng kháng sinh không đúng cách và buông lỏng kiểm soát sẽ làm giảm chất lượng sản phẩm vật nuôi, tăng dư lượng kháng sinh gây biến đổi môi trường sinh thái, tăng tính đề kháng kháng sinh trên vi sinh vật gây bệnh ở động vật và người.

**Từ khóa**: Kháng sinh, nuôi trồng thủy sản, chất lượng sản phẩm, vi sinh vật

**39. Hiệu quả của bài tập tiếng Việt cho bệnh nhân liệt dây thần kinh quặt ngược một bên sau cắt tuyến giáp toàn bộ**/ Phạm Thị Bích Đào, Lê Minh Đạt, Trần Văn Tâm, Phạm Anh Dũng, Phạm Thị Bích Thủy, Mai Thị Mai Phương, Bùi Thị Mai// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 146-153 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả của bài tập tiếng Việt cho bệnh nhân liệt dây thần kinh quặt ngược một bên sau cắt tuyến giáp toàn bộ. Tỷ lệ phẫu thuật cắt tuyến giáp có xu hướng tăng dần, đi kèm với phẫu thuật này là những thay đổi về giọng sau phẫu thuật, đặc biệt là tổn thương dây thần kinh hồi quy sau phẫu thuật. Nghiên cứu cho thấy bài tập có hiệu quả đối với người bệnh liệt một bên dây thần kinh thanh quản quặt ngược sau phẫu thuật tuyến giáp toàn bộ. Chỉ số về chất giọng cải thiện tới 80% với nhóm được tập và 30% với nhóm không được tập theo bài tập.

**Từ khóa**: Cắt tuyến giáp toàn bộ, liệt dây thần kinh hồi quy, chất lượng giọng, tần số âm cơ bản

**40. Hiệu quả điều trị đau thắt lưng bằng phương pháp vật lý trị liệu kết hợp thuốc y học cổ truyền**/ Trần Minh Hiếu, Vũ Thị Thu Trang// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 64-76.

**Nội dung**: Phân tích hiệu quả điều trị đau thắt lưng bằng phương pháp vật lý trị liệu kết hợp thuốc y học cổ truyền. Trường châm là một trong các phương pháp không dùng thuốc của y học cổ truyền với việc sử dụng kim dài châm xuyên huyệt dọc đường kinh giúp điều khí nhanh, mạnh, có tác dụng giảm đau trong điều trị một số chứng bệnh. Điện trường châm kết hợp kéo dãn cột sống thắt lưng và uống thuốc sắc Độc hoạt tang ký sinh có tác dụng tốt trong điều trị bệnh nhân mắc hội chứng thắt lưng hông, phương pháp không gây tác dụng không mong muốn trên lâm sàng và cận lâm sàng.

**Từ khóa**: Đau thắt lưng, vật lý trị liệu, y học cổ truyền, điện châm

**41. Hiệu quả giảm đau sau mổ của phương pháp gây tê mặt phẳng cơ dựng sống dưới hướng dẫn của siêu âm trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành**/ Trần Thị Thanh Hà, Nguyễn Hữu Tú, Đỗ Nguyên Vũ// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 33-40.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ bằng phương pháp gây tê mặt phẳng cơ dựng sống dưới sự hướng dẫn của siêu âm (ESPB) trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành so với giảm đau thường quy do bệnh nhân tự kiểm soát bằng morphin (bơm PCA morphin). Đau sau mổ có thể dẫn đến các biến chứng như tăng huyết áp, rối loạn nhịp tim, xẹp phổi, suy hô hấp, viêm phổi, giảm vận động, thuyên tắc mạch… tăng nguy cơ biến chứng, tử vong sau phẫu thuật. Nghiên cứu cũng ghi nhận gây tê ESPB đạt được hiệu quả giảm đau tốt hơn sau mổ, không phải dùng thêm morphin và rút ngắn thời gian ở khoa Hồi sức ngoại.

**Từ khóa**: Gây tê mặt phẳng cơ dựng sống, giảm đau do bệnh nhân tự kiểm soát, thuốc giảm đau, siêu âm, phẫu thuật bắc cầu mạch vành

**42. Kết quả bước đầu điều trị thoát vị đĩa đệm L5/S1 bằng phẫu thuật nội soi liên bảng sống**/ Nguyễn Vũ, Lê Đức Tâm// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 177-185 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá kết quả bước đầu điều trị thoát vị đĩa đệm L5/S1 bằng phẫu thuật nội soi liên bảng sống. Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng là tình trạng di lệch khu trú của nhân nhầy đĩa đệm cột sống thoát ra khỏi vị trí bình thường trong khoang gian đốt. Khối thoát vị chèn ép vào ống sống hay các rễ thần kinh gây triệu chứng đau, yếu hoặc tê bì theo phân bố cảm giác của rễ thần kinh với khoanh tủy tương ứng. Vị trí thường gặp nhất là L4/L5 và L5/S1, do hai đĩa đệm này là bản lề vận động chủ yếu của cột sống. Phẫu thuật nội soi liên bảng sống là can thiệp ít xâm lấn, và là phương pháp điều trị an toàn, hiệu quả trong thoát vị đĩa đệm tầng L5/S1.

**Từ khóa**: Nội soi liên bảng sống, thoát vị đĩa đệm, can thiệp ít xâm lấn, kết quả phẫu thuật

**43. Kết quả bước đầu trong tái tạo tổn khuyết khoang miệng bằng vạt dưới cằm**/ Lê Ngọc Sơn, Đặng Triệu Hùng// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 110-115 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả bước đầu trong tái tạo tổn khuyết khoang miệng bằng vạt dưới cằm. Vạt dưới cằm đã được công nhận là một vạt tại chỗ hữu ích để tạo hình khoang miệng với độ tin cậy cao, tổn thương ở vị trí cho vạt thấp và thời gian phẫu thuật ngắn, trong khi vẫn duy trì được chức năng nói và nuốt. Ở những bệnh nhân có khối u chưa xâm lấn qua khoang giữa, vạt dưới cằm có cuốn mạch bên đối diện là một lựa chọn đầy hứa hẹn nhờ vào cung xoay rộng và có thể nạo vét hạch cổ cùng bên mà không ảnh hưởng đến sự toàn vẹn của cuốn mạch. Phương pháp phẫu thuật tái tạo tổn khuyết khoang miệng bằng vạt dưới cằm là lựa chọn tạo hình thích hợp cho các tổn khuyết sau cắt bỏ khối u khoang miệng, ít biến chứng và kết quả phục hồi chức năng nói, nuốt tốt.

**Từ khóa**: Vạt dưới cằm, ung thư khoang miệng, tổn khuyết

**44. Kết quả điều trị sau phẫu thuật ở bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng có hẹp ống sống bằng phương pháp cố định cột sống qua cuống và ghép xương liên thân đốt lỗ liên hợp (xâm lấn tối thiểu và mổ mở)**/ Kiều Đình Hùng, Bùi Văn Sơn// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 195-205 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nhằm đánh giá kết quả điều trị sau phẫu thuật ở bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng có hẹp ống sống bằng phương pháp cố định cột sống qua cuống và ghép xương liên thân đốt lỗ liên hợp (xâm lấn tối thiểu và mổ mở). Thoát vị đĩa đệm cột sống lưng cùng là tình trạng dịch chuyển khu trú của nhân nhầy đĩa đệm vượt quá giới hạn sinh lý của vòng xơ, gây nên sự chèn ép các thành phần lân cận (các rễ thần kinh, tủy sống…). Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu TLIF (Mis-TLIF) ngày càng được sử dụng nhiều trong các bệnh thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng có hẹp ống sống. Tình trạng đau chân, điểm chức năng cột sống ODI sau mổ thấp hơn ở nhóm mổ xâm lấn tối thiểu TLIF tuy nhiên sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê. Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu TLIF ở các bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng có hẹp ống sống thực sự an toàn và lợi ích nhiều hơn so với mổ mở TLIF.

**Từ khóa**: Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng, hẹp ống sống, phẫu thuật xâm lấn tối thiểu, mổ mở, thoát vị đĩa đệm

**45. Kết quả điều trị trượt đốt sống thắt lưng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Kiều Đình Hùng, Nguyễn Vũ, Đinh Mạnh Hải, Trần Quang Trung, Trần Trung Kiên, Hoàng Minh Tân// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 169-176 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá kết quả điều trị trượt đốt sống thắt lưng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Trượt đốt sống là hiện tượng dịch chuyển của đốt sống phía trên so với phía dưới. Có nhiều nguyên nhân gây trượt đốt sống khác nhau như: trượt đốt sống do thoái hóa, trượt đốt sống do khuyết hở eo, trượt đốt sống do khối u…Phẫu thuật hàn khớp liên thân đốt qua lỗ liên hợp trong điều trị trượt đốt sống thắt lưng bao gồm 2 loại phẫu thuật trượt đốt sống: phẫu thuật mổ hàn xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp và phẫu thuật hàn xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp ít xâm lấn. Phẫu thuật hàn xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp mổ mở và phẫu thuật hàn xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp ít xâm lấn trong điều trị trượt đốt sống mang lại sự cải thiện tốt về lâm sàng, nắn chỉnh trượt và liền xương tốt.

**Từ khóa**: Trượt đốt sống thắt lưng, phẫu thuật mổ mở hàn xương liên thân đốt, lỗ liên hợp, phẫu thuật hàn xương, thoái hóa

**46. Kết quả phẫu thuật ung thư tuyến giáp thể nang**/ Nguyễn Xuân Hậu// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 53-59.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá kết quả phẫu thuật trong ung thư tuyến giáp thể nang tại Bệnh viện K. Ung thư tuyến giáp thể nang là thể thường gặp thứ 2 trong nhóm ung thư tuyến giáp biệt hóa sau ung thư tuyến giáp thể nhú. Chỉ định cắt toàn bộ tuyến giáp ngay lần đầu hoặc sau phẫu thuật cắt thùy và eo được thực hiện tùy theo tình trạng xâm lấn của khối u, tình trạng di căn và kết quả mô bệnh học sau mổ. Tùy theo mức độ phẫu thuật cắt tuyến giáp và vét hạch mà tỉ lệ các biến chứng xảy ra sau mổ cũng khác nhau.

**Từ khóa**: Ung thư tuyến giáp, phẫu thuật, ung thư tuyến giáp thể nang

**47. Kiến thức bệnh bụi phổi silic của người lao động và một số yếu tố liên quan tại hai công ty ở Đồng Nai năm 2020**/ Phan Thị Mai Hương, Nguyễn Ngọc Anh, Lê Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thanh Thảo, Phạm Thị Quân, Nguyễn Quốc Doanh, Lê Thị Hương, Tạ Thị Kim Nhung// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 329-340.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mô tả kiến thức bệnh bụi phổi silic của người lao động và một số yếu tố liên quan tại hai công ty ở Đồng Nai năm 2020. Bệnh bụi phổi silic vẫn chưa có thuốc điều trị đặc hiệu. Tuy nhiên, bệnh có thể dự phòng được bằng việc nâng cao hiểu biết của người lao động. Tuổi nghề cao và việc không hút thuốc là những yếu tố liên quan đến việc có kiến thức tốt hơn về bệnh bụi phổi silic và cách phòng chống mắc bệnh. Phải nâng cao kiến thức cho người lao động về phòng bệnh để giảm thiểu những hiệu quả nghiêm trọng do bệnh gây ra, đặc biệt là những người lao động có tuổi nghề thấp và hiện đang hút thuốc.

**Từ khóa**: Bụi phổi silic, người lao động, kiến thức, bệnh bụi phổi silic

**48. Kiến thức và thực trạng thiếu sắt, thiếu kẽm của nữ công nhân tại một công ty ở miền Bắc Việt Nam năm 2020**/ Nguyễn Thùy Linh, Tạ Thanh Nga, Nguyễn Thúy Nam, Phạm Thị Tuyết Chinh// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 308-313.

**Nội dung**: Đánh giá tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng là cần thiết để đề xuất các giải pháp can thiệp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho phụ nữ độ tuổi lao động nói chung và phụ nữ độ tuổi sinh đẻ nói riêng. Thiếu hụt vi chất dinh dưỡng là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng ở các nước đang phát triển, đặc biệt ở các nước Đông Nam Á. Vi chất dinh dưỡng bao gồm các vitamin và khoáng chất là những chất hỗ trợ cơ thể sản xuất hormon, enzym và những chất xúc tác hỗ trợ tích cực cho cơ thể tăng trưởng, phát triển và cân bằng cơ thể. Vi chất sinh dưỡng rất cần cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ vì liên quan đến chức năng sinh sản và nuôi con bằng sữa mẹ.

**Từ khóa**: Vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, phụ nữ, nữ công nhân, khoáng chất, vitamin

**49. Kiến thức về bệnh tăng huyết áp và thực hành quản lý bệnh tăng huyết áp của người trưởng thành tại huyện Quảng Xương, Thanh Hóa năm 2019**/ Phạm Phương Mai, Nguyễn Thị Hoàng Hà, Phạm Thu Vân, Hoàng Thị Hải Vân// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 196-206.

**Nội dung**: Nhằm mô tả kiến thức về bệnh tăng huyết áp và thực hành quản lý bệnh tăng huyết áp của người trưởng thành tại huyện Quảng Xương, Thanh Hóa năm 2019. Tăng huyết áp là một bệnh lý y khoa nghiêm trọng, làm gia tăng nguy cơ mắc các bệnh tim mạch, não, thận và các bệnh khác. Kiến thức về bệnh tăng huyết áp của người dân huyện Quảng Xương, Thanh Hóa bao gồm kiến thức về khái niệm, triệu chứng, biến chứng, khả năng dự phòng còn rất hạn chế. Đồng thời, đối với những người đã được chẩn đoán bệnh lý tăng huyết áp, thực hành điều trị chưa được thực hiện thường xuyên đồng thời tỷ lệ thay đổi thói quen, lối sống nhằm có một lối sống lành mạnh, hạn chế biến chứng của bệnh tăng huyết áp sau khi đã được chẩn đoán còn thấp.

**Từ khóa**: Bệnh tăng huyết áp, Thanh Hóa, quản lý bệnh tăng huyết áp, kiến thức, triệu chứng, biến chứng

**50. Kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Sơn La**/ Trần Thị Nga, Hà Thị Bích Liên// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 85-90.

**Nội dung**: Trình bày kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Sơn La. Nhiễm khuẩn bệnh viện là các nhiễm khuẩn xuất hiện sau 48h kể từ khi bệnh nhân nhập viện và không có ở giai đoạn ủ bệnh tại thời điểm nhập viện. Nhiễm khuẩn bệnh viện xuất hiện tại những cơ sở khám chữa bệnh không tuân thủ các quy trình thực hành vô khuẩn cơ bản trong chăm sóc, điều trị người bệnh và ở những nơi kiến thức, thái độ về kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế còn hạn chế. Kiến thức đúng về kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Sơn La gần 80%. Cần thường xuyên tập huấn nâng cao kiến thức của nhân viên y tế về kiểm soát nhiễm khuẩn, chú ý những nội dung như các biện pháp phòng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện, vị trí lưu trữ phương tiện phòng hộ, thực hành trong phòng ngừa chuẩn và nguyên tắc khử khuẩn, tiệt khuẩn.

**Từ khóa**: Nhiễm khuẩn bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn, nhân viên y tế, Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Sơn La

**51. Kiến thức về quản lý chất thải rắn của nhân viên y tế tại ba bệnh viện tại Hà Nội năm 2018**/ Chu Văn Thăng, Lê Thị Hoàn, Lê Vũ Thúy Hương// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 387-393.

**Nội dung**: Trình bày kiến thức về quản lý chất thải rắn của nhân viên y tế tại ba bệnh viện tại Hà Nội năm 2018. Nghiên cứu nhằm mô tả và so sánh kiến thức về quản lý chất thải rắn y tế của cán bộ y tế theo thông tư số 58/TTLT-BYNMT. Tuy nhiên, kiến thức về xử lý chất thải rắn của nhân viên y tế còn hạn chế. Cán bộ y tế được tập huấn và biết về thông tư 58 có kiến thức tốt hơn. Vì vậy, 03 bệnh viện cần cập nhật và hướng dẫn cán bộ y tế thực hành phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn y tế theo đúng thông tư 58 và các quy định khác của pháp luật.

**Từ khóa**: Chất thải rắn, nhân viên y tế, quản lý chất thải, xử lý chất thải, thông tư 58

**52. Kỷ nguyên mới của xét nghiệm di truyền**/ Lương Thị Lan Anh// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 38-46 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mô tả sự phát triển của lĩnh vực xét nghiệm di truyền, chi phí giải trình tự DNA đã giảm nhanh chóng, di truyền người cũng như tác động của di truyền đối với bệnh tật với tốc độ ngày càng nhanh. Xét nghiệm di truyền là một loại xét nghiệm trong y học để xác định những biến đổi di truyền ở mức độ di truyền tế bào (nhiễm sắc thể) và di truyền phân tử (gen, protein). Một số khám phá gây bất ngờ lớn trong thập kỷ vừa qua là sự biến đổi gen của con người lớn hơn nhiều so với dự kiến và các rối loạn di truyền đều phổ biến và phức tạp hơn trong dân số loài người so với trước đây. Xét nghiệm di truyền đang góp một vai trò quan trọng trong chẩn đoán và điều trị bệnh trên hầu hết các lĩnh vực y học như: sản phụ khoa, nhi khoa, nam khoa, ung thư, tim mạch, thần kinh, nối tiết, chuyển hóa,…

**Từ khóa**: Xét nghiệm di truyền, giải trình tự thế hệ mới, biến thể di truyền

**53. Làm chủ quy trình công nghệ Bioreactor sản xuất rễ tóc sâm Ngọc Linh**/ Lâm Vỹ Nguyên// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Trung tâm Công nghệ sinh học TP Hồ Chí Minh là đơn vị đầu tiên nghiên cứu thành công việc nghiên cứu tạo rễ tóc và phân tích các hợp chất thứ cấp sâm Ngọc Linh trên cơ sở hợp tác với Trường Đại học Picardie Julles Verne (Pháp). Kết quả là đã tạo ra những dòng rễ tái sinh tốt, sinh trưởng mạnh trên môi trường thạch rắn và lỏng lắc. Tuy nhiên, để làm chủ quy trình công nghệ Bioreactor sản xuất rễ tóc sâm Ngọc Linh và thương mại hóa sản phẩm đòi hỏi phải có sự liên kết, phối hợp giữa các nhà nghiên cứu công nghệ sinh học thực vật, hóa hữu cơ, dược và nhà sản xuất, nhà kinh doanh để tạo ra chuỗi khép kín từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu cung cấp ra thị trường. Chuỗi liên kết này giúp cho kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tế sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, góp phần kết nối cung – cầu.

**Từ khóa**: Công nghệ Bioreactor, thương mại, sâm Ngọc Linh

**54. Lo âu ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 đang điều trị ngoại trú tại phòng khám đa khoa Kim Anh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2020**/ Trần Thơ Nhị, Trần Thị Thu Nhài// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 166-175.

**Nội dung**: Phân tích lo âu ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 đang điều trị ngoại trú tại phòng khám đa khoa Kim Anh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2020. Nghiên cứu nhằm xác định tỷ lệ lo âu và một số yếu tố liên quan đến đái tháo đường type 2. Lo âu làm cho bệnh nhân đái tháo đường không tuân thủ chế độ điều trị, tập luyện do đó sẽ dẫn đến kiểm soát đường huyết không tốt, dẫn tới tăng mức độ trầm trọng của bệnh, giảm chất lượng cuộc sống, tăng sử dụng các dịch vụ y tế và chi phí chăm sóc sức khỏe và tăng tỷ lệ tử vong. Vì vậy, việc kết hợp điều trị đái tháo đường và giải quyết các vấn đề tâm lý xã hội sẽ giúp bệnh nhân tăng tuân thủ điều trị, giảm các rối loạn tâm thần, giúp cho việc quản lý bệnh nhân đái tháo đường tốt hơn.

**Từ khóa**: Bệnh nhân đái tháo đường, đái tháo đường type 2, điều trị, lo âu

**55. Máy đo điện não đồ (EEG) và định hướng nghiên cứu về lĩnh vực khoa học thần kinh /** Huỳnh Văn Sơn, Giang Thiên Vũ, Đỗ Tất Thiên, Nguyễn Vĩnh Khương, Nguyễn Lê Bảo Hoàng// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 7 .- Tr. 1170-1183.

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu về máy đo điện não đồ (EEG) và các bước tiến hành một thí nghiệm đo điện não đồ. Các tính năng cũng như kết cấu kĩ thuật của máy được trình bày một cách chi tiết. Thông qua 9 bước thực hiện một thí nghiệm, có thể đưa ra định hướng rõ ràng để người đọc tham khảo và thiêt kế một thí nghiệm tương ứng. Như vậy nền tảng ban đầu về việc tiến hành thí nghiệm hoặc thực nghiệm các nghiên cứu về lình vực khoa học thần kinh đang bắt đầu được quan tâm đầu tư và phát triển tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Khoa học thần kinh, máy đo điện não đồ, nghiên cứu khoa học

**56. Mở cánh cửa ra thế giới cho dầu mù u của Việt Nam**/ TS Lưu Xuân Cường, Trần Văn Thái, TS Lê Xuân Tiến, Nguyễn Đức Hiệp Tâm// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 44-45.

**Nội dung**: Phân tích thành phần hóa học của dầu mù u, khẳng định được các công dụng chính của dầu là, làm ẩm da, mềm da, tái tạo tế bào mới, kháng khuẩn kháng viêm, giảm đau, làm lành vết thương, đặc biệt dầu mù u rất tốt cho việc phục hồi da sau chấn thương. Đây cũng là nguyên liệu mỹ phẩm đầu tiên tại Việt Nam đăng ký thành công Tiêu chuẩn COSMOS. Việc đầu tư một cách hoàn chỉnh từ nghiên cứu công nghệ sản xuất, tới đăng ký tiêu chuẩn quốc tế để rộng đường cho việc thương mại hóa và xuất khẩu sản phẩm như những gì nhóm nghiên cứu đang làm sẽ mang lại lợi ích đa chiều: tạo cơ hội xuất khẩu cho các sản phẩm dược liệu của Việt Nam, khuyến khích nghiên cứu và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, gắn kết và mang lại lợi ích kinh tế cho các bên liên quan trong chuỗi giá trị của sản phẩm (nông dân, thương nhân, nhà nghiên cứu, doanh nghiệp).

**Từ khóa**: Dầu mù u, dược liệu, dầu là, công nghệ sản xuất, thương mại

**57. Mối liên quan giữa bụi mịn với số người bệnh cao tuổi mắc tai biến mạch máu não tại 05 bệnh viện tại thành phố Đà Nẵng năm 2019**/ Ngô Văn Toàn, Lê Vũ Thúy Hương, Trần Thị Thoa, Nguyễn Thị Khánh Linh, Trần Quỳnh Anh// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 138-145 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nhằm nghiên cứu mối liên quan giữa bụi mịn với số người bệnh cao tuổi mắc tai biến mạch máu não tại 05 bệnh viện tại thành phố Đà Nẵng năm 2019. Bụi mịn là những hạt bụi có đường kính rất nhỏ, chỉ có thể được phát hiện bằng kính hiển vi điện tử, bụi mịn có thể xuyên qua hàng rào phổi vào hệ thống máu. Phơi nhiễm mạn tính với các hạt góp phần vào nguy cơ phát triển các bệnh lý tim mạch và hô hấp. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây gia tăng tỷ lệ nhập viện và tỷ lệ tử vong của tai biến mạch máu não ở người già. Bằng chứng cho thấy bụi mịn kích hoạt phản ứng viêm và gây tổn thương oxy hóa. Bụi mịn có thể làm tăng sự hình thành mảng bám trong mạch máu và có thể ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh tự động, điều khiển nhịp tim. Nghiên cứu đã đưa ra bằng chứng về mối liên quan giữa sự gia tăng nồng độ bụi mịn trong không khí ảnh hưởng tới sức khỏe người cao tuổi, đặc biệt là những người có nguy cơ mắc bệnh tai biến mạch máu não tại thành phố Đà Nẵng.

**Từ khóa**: Bụi mịn, PM2.5, tai biến mạch máu não, Đà Nẵng, ô nhiễm không khí

**58. Mối liên quan giữa hội chứng chuyển hóa và loãng xương ở phụ nữ trên 50 tuổi**/ Lê Minh Thùy, Tăng Kim Hồng, Lê Minh Trung// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 108-114.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá mối liên quan giữa hội chứng chuyển hóa và loãng xương ở phụ nữ trên 50 tuổi. Loãng xương và hội chứng chuyển hóa là gánh nặng y tế trên toàn thế giới do vấn đề già hóa dân số tăng nhanh. Từ trước đến nay, hội chứng chuyển hóa được xem là một dấu ấn quan trọng liên quan đến các biến cố tim mạch, đột quỵ và đái tháo đường. Qua kết quả nghiên cứu ở những phụ nữ trên 50 tuổi, chúng tôi nhận thấy mắc hội chứng chuyển hóa và một thành phần trong hội chứng chuyển hóa là béo trung tâm có mối liên quan thuận với loãng xương tại cổ xương đùi. Kết quả này có thể giúp ích cho các bác sĩ lâm sàng có thêm góc nhìn trong việc chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân.

**Từ khóa**: Hội chứng chuyển hóa, béo trung tâm, loãng xương

**59. Mối liên quan giữa nhiệt độ với số người bệnh cao tuổi mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) điều trị nội trú tại năm bệnh viện tại thành phố Đà Nẵng**/ Ngô Văn Toàn, Lê Vũ Thúy Hương, Trần Thị Thoa, Nguyễn Thị Khánh Linh// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 9-15.

**Nội dung**: Nghiên cứu cắt ngang tiến hành năm 2019 tại năm bệnh viện tại thành phố Đà Nẵng nhằm nghiên cứu ảnh hưởng của sự thay đổi giá trị nhiệt độ đối với số người cao tuổi mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) nhập viện điều trị nội trú. Diễn biến nhiệt năm 2019, nhiệt độ tăng dần từ tháng 1 đến tháng 6, tháng 7 và sau đó giảm dần đến tháng 12. Nhiệt độ cao nhất ở tháng 6,7 và 8. Nhiệt độ thấp nhất ở tháng 12 và tháng 1. Kết quả nghiên cứu chỉ ra: khi nhiệt độ chênh lệch tăng 1oC, nguy cơ nhập viện điều trị nội trú do COPD của người cao tuổi tăng 4%. Nghiên cứu chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự tăng nhiệt độ trung bình ngày, nhiệt độ tối đa và nhiệt độ tối thiểu với số người bệnh cao tuổi mắc COPD điều trị nội trú.

**Từ khóa**: Nhiệt độ, COPD, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, Đà Nẵng, ô nhiễm không khí

**60. Mối tương quan giữa sự thay đổi một số chỉ số nhân trắc và tăng huyết áp ở người dân tại Từ Liêm, Hà Nội năm 2018**/ Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Thúy Linh// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 152-158.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm tìm hiểu mối tương quan giữa tăng huyết áp và sự thay đổi một số chỉ số nhân trắc và hành vi của người dân 40-70 tuổi. Tăng huyết áp là bệnh chuyển hóa có thể dự phòng và kiểm soát tốt thông qua thói quen sinh hoạt hàng ngày. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng thừa cân, béo phì là yếu tố nguy cơ của bệnh tăng huyết áp, các chỉ số nhân trắc cũng có liên quan đến tình trạng này. Nghiên cứu góp phần làm rõ mối quan hệ giữa THA và thay đổi cân nặng ở nhóm đối tượng có thể trạng gầy/trung bình.

**Từ khóa**: Tăng huyết áp, chỉ số nhân trắc

**61. Một đánh giá về khả năng tương đồng kết quả xét nghiệm công thức máu**/ Lê Thị Kim Chung, Bùi Thị Minh Hạnh, Đào Xuân Đạt, Tạ Thị Linh, Nguyễn Đăng Vững// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 155-165.

**Nội dung**: Đánh giá tương đồng thiết bị thông qua xác nhận tương đồng kết quả phân tích là một biện pháp được sử dụng trong đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm dựa vào đó đưa ra quyết định về khả năng sử dụng thiết bị trong nghiên cứu và các hoạt động xét nghiệm khác. Công tác đảm bảo chất lượng kết quả xét nghiệm nói chung và so sánh tương đồng kết quả xét nghiệm thông qua đánh giá tương đồng thiết bị đang và sẽ càng được phát huy vai trò trong công tác quản lý chất lượng xét nghiệm y tế.

**Từ khóa**: Đánh giá tương đồng thiết bị, công thức máu toàn phần, khả năng tương đồng kết quả, xét nghiệm máu, xét nghiệm công thức máu

**62. Một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Lê Hoài Thương, Trần Ngọc Ánh, Đậu Quang Liêu// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 92-100 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu là mô tả một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh nhân ung thư biểu mô tế bào gan tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Hầu hết bệnh nhân có chức năng gan ở giai đoạn Child-Pugh A. AFP tăng là một trong những tiêu chuẩn chẩn đoán ung thư tế bào gan. Ung thư biểu mô tế bào gan giai đoạn tiến triển, giai đoạn mà các phương pháp can thiệp có sự hạn chế về lợi ích điều trị, vẫn chiếm tỷ lệ còn khá cao. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết về các chương trình phòng ngừa và giám sát để chẩn đoán bệnh nhân mắc ung thư biểu mô tế bào gan ở giai đoạn sớm hơn song song với việc cải thiện chất lượng chẩn đoán và điều trị để giảm cả tỷ lệ mắc bệnh tử vong.

**Từ khóa**: Ung thư biểu mô tế bào gan, lâm sàng, cận lâm sàng

**63. Một số yếu tố ảnh hưởng tới kiến thức và thực hành về dự phòng bệnh tăng huyết áp của người dân tại huyện Hạ Hòa, Phú Thọ năm 2018**/ Ngô Văn Toàn, Lê Vũ Thúy Hương, Trần Quỳnh Anh, Trần Minh Hải, Lê Quang Thọ// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 212-218 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ ra mối liên quan giữa giới tính, nhóm tuổi, nghề nghiệp và tình trạng kinh tế đều có liên quan tới kiến thức hoặc thực hành việc dự phòng tăng huyết áp của người dân tại huyện Hạ Hòa, Phú Thọ năm 2018. Tăng huyết áp là một bệnh không lây nhiễm phổ biến trên toàn thế giới cũng như ở Việt Nam với tần suất ngày càng tăng. Bệnh nhân tăng huyết áp có thể được điều trị hiệu quả và hạn chế các biến chứng của bệnh nếu như người bệnh có kiến thức, thái độ và thực hành về bệnh, tuân thủ điều trị theo chỉ định của thầy thuốc và kiểm soát tốt các hành vi nguy cơ. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng quan trọng của việc dự phòng bệnh tăng huyết áp cho người dân, với mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân đặc biệt là người dân tại huyện Hạ Hòa, Phú Thọ.

**Từ khóa**: Tăng huyết áp, Phú Thọ, không lây nhiễm, phòng bệnh

**64. Một số yếu tố liên quan đến thay đổi khí máu động mạch và điện giải đồ trong mổ ở bệnh nhân tán sỏi thận qua da**/ Vũ Hoàng Phương, Khương Hải Yến, Phạm Quang Minh// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 154-159 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu nhằm mô tả một số yếu tố liên quan đến thay đổi khí máu động mạch và điện giải đồ trong mổ ở bệnh nhân tán sỏi thận qua da. Tán sỏi qua da được chỉ định điều trị cho sỏi thận với những ưu điểm mất máu ít, mức độ đau giảm, phục hồi nhanh. Kỹ thuật bơm rửa nước đồng thì trong quá trình tán sỏi thận nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình can thiệp nhưng lại làm tăng nguy cơ hấp thu dịch rửa vào cơ thể, dẫn đến quá tải dịch, rối loạn điện giải, toan kiềm. Một số yếu tố trong phẫu thuật như thời gian tán sỏi, thể tích dịch rửa, thể tích dịch hấp thu có mối tương quan chặt chẽ với sự thay đổi một số chỉ số khí máu động mạch và điện giải đồ ở bệnh nhân tán sỏi thận qua da.

**Từ khóa**: Tán sỏi thận qua da, điện giải đồ, máu khí động mạch, yếu tố liên quan

**65. Một số yếu tố liên quan đến ý định sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2020-2021**/ Lê Thị Ngân, Phạm Bích Diệp// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 201-208.

**Nội dung**: Nhằm ứng dụng mô hình lý thuyết hành vi dự định (TPB) để phân tích mối liên quan giữa thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi đến ý định sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên (SV) trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021. Các yếu tố thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi giải thích được 10,5% ý định sử dụng đồ ăn nhanh. Trong các yếu tố của mô hình TPB, chỉ có thái độ ảnh hưởng đến ý định sử dụng đồ ăn nhanh. Cần thực hiện truyền thông, sinh hoạt câu lạc bộ trong SV Y để thay đổi thái độ của SV về sử dụng ăn nhanh, từ đó giúp giảm ý định sử dụng đồ ăn nhanh trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Đồ ăn nhanh, lý thuyết hành vi dự định (TPB), ý định, sinh viên y

**66. Một số yếu tố nguy cơ dự báo sảng rượu**/ Nguyễn Hữu Chiến, Lê Thúy Anh, Nguyễn Viết Chung// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 101-107.

**Nội dung**: Nghiên cứu tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ dự báo sảng rượu ở bệnh nhân có trạng thái cai rượu. Rượu là loại đồ uống có cồn được sử dụng rộng rãi và thường xuyên ở nhiều nơi trên thế giới. Bên cạnh những lợi ích thì chúng mang đến nhiều hậu quả nặng nề về sức khỏe, trong đó sảng rượu là biến chứng nguy hiểm và thường gặp, là một cấp cứu trong chuyên ngành tâm thần. Sảng rượu biểu hiện chính bằng rối loạn ý thức và kèm theo các rối loạn rối loạn tư duy, kích động, giấc ngủ. Những yếu tố dự báo về đặc điểm nghiện rượu này đều có thể dễ dàng đánh giá trên lâm sàng, giúp bác sĩ điều trị xác định người bệnh có nguy cơ phát triển thành trạng thái mê sảng, từ đó có chiến lược can thiệp tích cực.

**Từ khóa**: Sảng rượu, yếu tố nguy cơ, bệnh nhân, cai rượu

**67. Nghiên cứu ảnh hưởng của vật liệu đế α-SiO2 đến khả năng hấp thụ khí CO của graphene bằng tính toán mô phỏng lý thuyết phiếm hàm mật độ**/ Phùng Thị Việt Bắc, Phạm Bá Lịch, Đinh Văn An// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8(Tập 63).- Tr. 1-8.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu ảnh hưởng của vật liệu đế α-SiO2 đến khả năng hấp thụ khí CO của graphene bằng tính toán mô phỏng lý thuyết phiếm hàm mật độ. Kết quả cho thấy sự hấp thụ khí CO trên bề mặt graphene là hấp thụ vật lý điển hình. Các thuộc tính hấp thụ của khí CO trên graphene tự do và trên G/α-SiO2 như năng lượng hấp thụ, khoảng cách hấp thụ, độ dài đáp ứng đã được tính toán chi tiết. Kết quả cũng cho thấy α-SiO2 là vật liệu đế có thể sử dụng để làm tăng năng lượng hấp thụ của CO trên graphene. Sử dụng đế α-SiO2 làm tăng độ nhạy đối với CO của graphene, tuy giá trị tăng nhỏ, nhưng điều này có ý nghĩa đối với sự lựa chọn vật liệu đế cho graphene khi thiết kế các linh kiện dùng làm cảm biến khí độc CO.

**Từ khóa**: Graphene, vật liệu đế α-SiO2, khí CO, cảm biến khí độc CO

**68. Nghiên cứu bổ sung whey protein để cải thiện chất lượng xúc xích nhũ tương**/ Phan Thanh Tâm, Houangsa Honglikith// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8(Tập 63).- Tr. 60-64.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu bổ sung whey protein để cải thiện chất lượng xúc xích nhũ tương. Xúc xích nhũ tương (emulsion sausahes) là một trong các nhóm sản phẩm thịt rất phổ biến trên thế giới bởi hương vị thơm ngon, giá trị dinh dưỡng và đặc biệt bởi cấu trúc giòn, đàn hồi rất hấp dẫn. Chất lượng xúc xích nhũ tương được quyết định bởi rất nhiều yếu tố, và nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định ảnh hưởng của việc bổ sung whey protein đến chất lượng của xúc xích nhũ tương nhằm cải thiện cấu trúc, màu sắc, độ bền vững, đồng thời đưa ra các thông số công nghệ (chế độ gia nhiệt, bảo quản) phù hợp.

**Từ khóa**: Độ bền gel, hệ nhũ tương thịt, whey protein, xúc xích nhũ tương

**69. Nghiên cứu độc tính bán trường diễn và tác dụng phục hồi trí nhớ của viên nang cứng Nobel trí não trên thực nghiệm**/ Đặng Thị Thu Hiền, Trần Thanh Tùng, Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Thế Thịnh, Bùi Minh Anh// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 21-34.

**Nội dung**: Xác định độc tính bán trường diễn và đánh giá tác dụng phục hồi trí nhớ của viên nang cứng Nobel trí não trên động vật thực nghiệm. Nghiên cứu độc tính bán trường diễn là nghiên cứu thực hiện bằng cách cho động vật thí nghiệm uống thuốc thử hàng ngày liên tục trong thời gian nhất định, kết quả cho thấy viên nang Nobel trí não không làm ảnh hưởng đến tình trạng chung. Viên nang cứng Nobel trí não có tác dụng cải thiện trí nhớ trên động vật thực nghiệm bị gây suy giảm trí nhớ.

**Từ khóa**: Nobel trí não, bán trường diễn, phục hồi trí nhớ

**70. Nghiên cứu giá trị của xét nghiệm Xpert MTB/RIF Ultra đờm ở người bệnh nghi lao có hai mẫu xét nghiệm soi đờm trực tiếp AFB (-)**/ Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Huy Hoàng// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 7-14 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và giá trị của xét nghiệm Xpert MTB/RIF Ultra đờm ở người bệnh nghi lao có hai mẫu xét nghiệm soi đờm trực tiếp AFB (-). Những trường hợp có hai mẫu đờm âm tính chẩn đoán lao phổi AFB (-) chiếm khoảng 23% trong các trường hợp chẩn đoán lao phổi. Nghiên cứu cho thấy tỉ lệ nam giới nghi lao phổi có 2 mẫu đờm âm tính chiếm tỷ lệ cao gấp đôi ở nữ giới. Kết quả Xpert MTB/RIF Ultra dạng vết có độ đặc hiệu cao, có giá trị trong chẩn đoán lao phổi ở người bệnh có 2 mẫu đờm AFB âm tính kể cả ở những trường hợp không thuộc nhóm HIV hoặc nguy cơ HIV.

**Từ khóa**: Nghi lao, AFB (-), Gen Xpert Ultra, lao phổi, nuôi cấy MGIT

**71. Nghiên cứu hình thái hạt phấn của họ Nhài (Oleaceae Hoffmanns. & Link) ở Việt Nam**/ Bùi Hồng Quang// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8(Tập 63).- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu hình thái hạt phấn của họ Nhài (Oleaceae Hoffmanns. & Link) ở Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng kính hiển vi điện tử quét và kính hiển vi quang học để nghiên cứu hạt phấn các loài thuộc họ Nhài (Oleaceae) phân bố ở Việt Nam, bao gồm 23 loài thuộc 6 chi. Hạt phấn các loài thuộc họ Nhài ở Việt Nam thuộc loại đẳng cực, đối xứng tia, 3 rãnh, kích thước nhỏ, với 2 loại hình dạng là dạng hơi dài (Jasminum và Olea) và dạng hình cầu dài (Jasminum, Fraxinus, Ligustrum, Osmanthus và Chengiodendron). Bề mặt hạt phấn của đa số các loài là dạng mạng lưới. Đây là các đặc điểm hình thái quan trọng để phân loại họ Nhài qua hình thái hạt phấn.

**Từ khóa**: Hạt phấn, hình thái, kính hiển vi điện tử quét, kính hiển vi quang học, nghiên cứu, Oleaceae, Việt Nam

**72. Nghiên cứu khả năng khuếch tán khí qua màng phế nang mao mạch (DLCO) ở người lao động tiếp xúc bụi silic**/ Nguyễn Ngọc Anh, Lê Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thanh Thảo, Lê Thị Hương, Tạ Thị Kim Nhung, Phạm Thị Quân, Nguyễn Thị Vinh// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 214-220.

**Nội dung**: Phân tích khả năng khuếch tán khí quan màng phế nang mao mạch (DLCO) ở người lao động tiếp xúc bụi silic. Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ có suy giảm DLCO ở nhóm có giảm các chỉ số chức năng hô hấp khác (VFC, FEV1) cao hơn ở nhóm còn lại. Vai trò của các chỉ số thông khí phổi và chỉ số khuếch tán khí phế nang mao mạch có vai trò phát hiện sớm các tổn thương phổi của người tiếp xúc bụi silic cần được tiếp tục nghiên cứu. Hạn chế của nghiên cứu này là mới chỉ thực hiện trên số lượng đối tượng nghiên cứu ít, bệnh bụi phổi silic chưa đa dạng chỉ mới chỉ mắc ở mức độ nhẹ vì vậy nên có thêm các nghiên cứu để bổ sung trả lời thỏa đáng về vấn đề tác động của bụi silic đến khả năng khuếch tán khí phế nang mao mạch.

**Từ khóa**: Khuếch tán khí, khả năng khuếch tán CO, bụi silic, bệnh bụi phổi silic, phế nang mao mạch, Khuếch tán qua màng

**73. Nghiên cứu sự biểu hiện của gen Ahr và CYP1B1 ở bệnh nhân tiểu đường type 2 tại Việt Nam**/ Lê Hoàng Đức, Nguyễn Trung Nam// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 441-447.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu sự biểu hiện của gen Ahr và CYP1B1 ở bệnh nhân tiểu đường type 2 tại Việt Nam. Tiểu đường type 2 (TĐT2) là một bệnh có tốc độ phát triển nhanh ở trên thế giới và ở Việt Nam. Trong tế bào, sau khi được hoạt hóa bởi phối tử, Ahr di chuyển từ tế bào chất vào trong nhân tế bào và gắn với nhân tố dẫn truyền nhân, dẫn đến sự phiên mã của các gen đích như Cyp1b1. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối liên quan giữa sự hoạt hóa Ahr/Cyp1b1 và hàm lượng glucose trong máu bệnh nhân TĐT2, từ đó có thể phát triển những liệu pháp mới để kiểm soát bệnh này nhắm đích vào gen Ahr/Cyp1b1.

**Từ khóa**: Ahr, Cyp1b1, glucose máu, real-time PCR, tiểu đường type 2

**74. Nghiên cứu thiết lập quy trình tạo bộ sinh phẩm in-house Lepto-LAT trong sàng lọc phát hiện nhiễm Leptospira**/ Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thương, Phạm Thị Hà Giang, Bùi Thị Thanh Nga, Minh Thị Hằng, Triệu Phi Long, Đào Thị Hà Thanh, Lê Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Đức// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 529-537.

**Nội dung**: Trình bày quy trình tạo kit Lepto-LAT để phát hiện nhiễm Leptospira trên chó nghi nhiễm Leptospira. Leptospira là bệnh truyền từ động vật sang người phổ biến ở các vùng khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới, Người nhiễm Leptospira không được điều trị sẽ dẫn đến thoái hóa nặng kèm theo tổn thương thận và/hoặc gan cũng như xuất huyết phổi nặng dẫn đến tử vong. Bên cạnh phương pháp chuẩn vàng MAT, sử dụng các kháng nguyên của Leptospira bằng công nghệ DNA tái tổ hợp đã và đang được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi trong chẩn đoán nhiễm Leptospira trên người và động vật. Ưu điểm của phương pháp này là độ nhạy, độ đặc hiệu cao, thao tác đơn giản, nhánh chóng và rẻ tiền, có thể áp dụng được tại các cơ sở y tế của địa phương.

**Từ khóa**: Sinh phẩm, sàng lọc, nhiễm Leptospira, Leptospira, bệnh truyền nhiễm

**75. Người sống sót sau khi nhiễm Covid-19 có thể mất dần chất xám**// Tin học & Đời sống .- 2021 .- Số 255 .- Tr. 36-37.

**Nội dung**: Các nhà khoa học đã nhận thấy tác động đáng kể của Covid-19 đối với não người, họ bị mất chất xám dần theo thời gian. Các tác giả của công trình cho biết cần phải nghiên cứu thêm để xác định xem liệu những người sống sót sau Covid-19 có gặp vấn đề lâu dài liên quan đến khả năng ghi nhớ các sự kiện gợi lên cảm xúc của họ hay không.

**Từ khóa**: Covid-19, chất xám

**76. Nhận xét kết quả của xét nghiệm GeneXpert MTB/RIF đờm trong chẩn đoán lao phổi tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Lê Hoàn, Lê Minh Hằng, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Trần Khánh Chi, Trần Minh Châu, Đinh Thị Thanh Hồng// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 23-30 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá vai trò của xét nghiệm GeneXpert đờm trong chẩn đoán lao phổi, đặc biệt ở những đối tượng xét nghiệm AFB trong đờm âm tính. GeneXpert là một trong những kỹ thuật sinh học phân tử hàng đầu được Tổ chức Y tế thế giới khuyến cáo sử dụng trong chẩn đoán bệnh lao hiện nay. Xét nghiệm GeneXpert đờm cho kết quả nhanh chóng trong vòng 2 giờ sau lấy mẫu, ưu thế phát hiện đặc hiệu vi khuẩn lao so với xét nghiệm đờm trực tiếp chỉ phát hiện trực khuẩn kháng cồn kháng acid chung, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí chẩn đoán bệnh, cần xem xét sử dụng trong sàng lọc và chẩn đoán cộng đồng.

**Từ khóa**: Lao phổi, Lao AFB (-), GeneXpert MTB

**77. Nhận xét mối tương quan giữa nồng độ PSA và tổn thương xương trong ung thư tuyến tiền liệt**/ Trịnh Lê Huy, Lê Việt// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 48-52.

**Nội dung**: Trình bày mối tương quan giữa nồng độ PSA và tổn thương xương trong ung thư tuyến tiền liệt. Việc phát hiện sớm di căn xương là rất quan trọng trong lâm sàng giúp thầy thuốc chẩn đoán đúng giai đoạn bệnh, đưa ra phác đồ điều trị thích hợp và tiên lượng phù hợp. PSA là một protein được sản xuất bởi các tế bào của tuyến tiền liệt. Định lượng PSA có giá trị như một test sàng lọc ung thư tiền liệt tuyến đồng thời có giá trị trong đánh giá kết quả điều trị và theo dõi sau điều trị. Nồng độ PSA toàn phần trong máu có giá trị tiên lượng kết quả xạ hình xương. Vì vậy, xạ hình xương là phương pháp nên được chỉ định để chẩn đoán các tổn thương sớm ở xương do ung thư tuyến tiền liệt ở bệnh nhân có nồng độ PSA trong máu cao.

**Từ khóa**: Ung thư tuyến tiền liệt, nồng độ PSA, tổn thương xương

**78. Nhóm kháng sinh mới hoạt động chống lại nhiều loại vi khuẩn**/ Nguyễn Thị Thanh Vân, Nguyễn Văn Long// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 60-61.

**Nội dung**: Gần đây, các nhà khoa học thuộc Viện Wistar (Hoa Kỳ) đã phát hiện ra một nhóm hợp chất mới, là sự kết hợp độc đáo trong việc tiêu diệt trực tiếp các vi khuẩn kháng thuốc cùng với một phản ứng miễn dịch nhanh chóng để chống lại sự kháng thuốc (AMR). Nghiên cứu cho thấy các chất ức chế IspH có tác dụng kich thích hệ thống miễn dịch với hoạt tính tiêu diệt vi khuẩn mạnh hơn, đặc biệt hơn so với các kháng sinh tốt nhất hiện nay khi thử nghiệm in vitro trên các chủng vi khuẩn kháng kháng sinh được phân lập lâm sàng, bao gồm một loạt các vi khuẩn gram âm và gram dương. Trong các mô hình tiền lâm sàng về nhiễm vi khuẩn gram âm, tác dụng diệt khuẩn của các chất ức chế IspH vượt trội hơn so với các kháng sinh truyền thống. Tất cả các hợp chất thử nghiệm được chứng minh là không độc hại đối với tế bào của con người.

**Từ khóa**: Kháng sinh, IspH, ức chế, vi khuẩn

**79. Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn Bacillus sp. có khả năng sinh tổng hợp protease từ các sản phẩm đậu nành lên men**/ Lê Thị Ngọc Hân, Võ Thị Ngọc Điệp, Trịnh Thị Tuyết Hoa Nguyễn Văn Thành// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8(Tập 63).- Tr. 49-54.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mục đích phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn Bacillus sp. có khả năng sinh protease từ sản phẩm đậu nành lên men. Sử dụng phương pháp đo đường kính vòng thủy phân (halo) trên môi trường Skim milk agar (SMA) và lên men trong môi trường lỏng để đánh giá khả năng sinh protease. Protease là một trong những enzyme có nhiều ứng dụng trong ngành công nghiệp: thực phẩm, dược phẩm, xử lý chất thải…

**Từ khóa**: Bacillus, lên men, protease, vi khuẩn

**80. Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn ức chế Streptococcus agalactiae gây bệnh thân đen trên cá Sặc rằn (Trichogaster pectorlalis)**/ Lê Thị Ánh Hồng, Phạm Thị Minh Ngọc, Dương Khánh, Võ Văn Tuấn, Nguyễn Hoàng Dũng// Công nghệ sinh học .- 2021 .- Số 3(Tập 19).- Tr. 547-555.

**Nội dung**: Nhằm phân lập và tuyển chọn vi khuẩn có khả năng ức chế S. agalactiae, có thể ứng dụng để kiểm soát vi khuẩn gây bệnh thân đen thay thế cho việc sử dụng kháng sinh. Vi khuẩn Streptococcus agalactiae là một trong những tác nhân gây bệnh thân đen trên cá Sặc rằn (Trichogaster pectorlalis) làm ảnh hưởng đến sự phát triển và chất lượng cá, hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh, giúp nâng cao chất lượng và giá trị củ cá nuôi thương phẩm.

**Từ khóa**: Vi khuẩn ức chế Streptococcus agalactiae, bệnh thân đen, cá Sặc rằn, kiểm soát vi khuẩn, vi khuẩn gây bệnh, thuốc kháng sinh

**81. Phân tích công tác quản lý vi phạm chất lượng thuốc tại Việt Nam năm 2019**/ Võ Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Mai Diệu, Lê Nguyễn Diệu Hằng// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6(49) .- Tr. 126-134.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô tả cắt ngang qua hồi cứu số liệu các trường hợp vi phạm chất lượng thuốc tại Việt Nam 2019 với mục tiêu “Phân tích công tác quản lý vi phạm chất lượng thuốc tại Việt Nam năm 2019”. Nghiên cứu cho thấy có 99 doanh nghiệp vi phạm chất lượng thuốc. Từ đó đưa ra biện pháp xử lý là rút sổ đăng ký lưu hành thuốc, thu hồi thuốc.

**Từ khóa**: Thuốc giả, thuốc kém chất lượng, quản lý vi phạm

**82. Phát hiện đột biến mất đoạn lớn trên gen EDA gây loạn sản ngoại bì ở gia đình bệnh nhân Việt Nam bằng giải trình tự hệ gen mã hóa**/ Nguyễn Phương Anh, Nguyễn Thùy Dương, Nông Văn Hải// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 1-4.

**Nội dung**: Trình bày phát hiện đột biến mất đoạn lớn trên gen EDA gây loạn sản ngoại bì ở gia đình bệnh nhân Việt Nam bằng giải trình tự hệ gen mã hóa. Loạn sản ngoại bì (HED) là bệnh di truyền hiếm gặp do đột biến gen EDA nằm trên nhiễm sắc thể X gây nên. Trẻ mắc bệnh này có các biểu hiện bất thường ở các cấu trúc biểu bì như da, tóc, móng tay, răng và tuyến mồ hôi. Kết quả cho thấy, bệnh nhân mang đột biến bán dị hợp tử mất đoạn toàn bộ exon 1 của gen EDA được di truyền từ mẹ. Kết quả này đóng góp cho nghiên cứu về hội chứng loạn sản ngoại bì ở mức độ phân tử, hỗ trợ công tác điều trị và tư vấn di truyền y học.

**Từ khóa**: Đột biến, EDA, giải trình tự hệ gen mã hóa, loạn sản ngoại bì, Việt Nam

**83. Phát hiện đột biến mới trên gen AR ở bệnh nhân mắc hội chứng kháng androgen**/ Lương Thị Lan Anh, Trần Đức Phấn, Đoàn Thị Kim Phượng, Nguyễn Đăng Tôn, Nguyễn Thị Trang, Hoàng Thu Lan, Nguyễn Hữu Đức Anh, Nguyễn Thị Minh Ngọc// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 47-54 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu là xác định kiểu gen AR đột biến trên bệnh nhân nam mắc hội chứng kháng androgen có kiểu hình nữ và kiểu gen của mẹ bệnh nhân bằng phương pháp giải trình tự gen trực tiếp. Hội chứng kháng androgen (AIS – Androgen Insensitivity Syndrome) là một trong những rối loạn di truyền phổ biến nhất ảnh hưởng đến phát triển giới tính trước khi sinh và dậy thì ở trẻ. Đột biến ở dạng bán hợp tử được di truyền từ mẹ của bệnh nhân ở dạng dị hợp tử. Kết quả này giúp gia đình định hướng giới tính phù hợp cho bệnh nhân. Đồng thời nghiên cứu đóng góp thêm dữ liệu đột biến mới về gen AR trong quần thể bệnh nhân AIS người Việt Nam, góp phần quản lý bệnh và tư vấn di truyền trước sinh cho gia đình người bệnh.

**Từ khóa**: Hội chứng kháng androgen, gen AR, rối loạn phát triển giới tính

**84. Phẫu thuật cố định cột sống ít xâm lấn và giải ép gián tiếp trong chấn thương mất vững cột sống vùng ngực – thắt lưng**/ Trần Trung Kiên, Kiều Đình Hùng, Bùi Văn Sơn// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 160-168 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Trình bày phẫu thuật cố định cột sống ít xâm lấn và giải ép gián tiếp trong chấn thương mất vững cột sống vùng ngực – thắt lưng. Chấn thương mất vững cột sống vùng ngực – thắt lưng cần được phẫu thuật cố định cột sống giải ép để bệnh nhân vận động sớm, tránh các biến chứng do bất động lâu. Ngoài ưu điểm của phẫu thuật ít xâm lấn thì vẫn có thể đạt được mức nắn chỉnh góc gù, tái cấu trúc ống sống giải phóng chèn ép thần kinh và duy trì chiều cao thân đốt sống. Phẫu thuật cố định cột sống ít xâm lấn và giải ép gián tiếp có hiệu quả cao và an toàn, đặc biệt trong các trường hợp chấn thương mất vững cột sống vùng bản lề cột sống ngực – thắt lưng.

**Từ khóa**: Mất vững cột sống, vít qua cuống qua da, tái cấu trúc ống sống, chấn thương, phẫu thuật cột sống

**85. Rối loạn chức năng hô hấp của bệnh nhân bụi phổi silic tại Bệnh viện phổi Trung ương năm 2020**/ Khương Văn Duy, Lê Thị Thanh Xuân, Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Thanh Thảo, Nguyễn Thị Quỳnh, Phan Mai Hương// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 417-424.

**Nội dung**: Mô tả rối loạn chức năng hô hấp của bệnh nhân bụi phổi silic tại Bệnh viện phổi Trung ương năm 2020. Bụi phổi silic là bệnh bụi phổi nghề nghiệp xảy ra do hít phải bụi có chứa silic trong môi trường lao động. Đặc điểm của bệnh là xơ hóa và phát triển các tổn thương dạng nốt ở phổi. Cho đến nay, bệnh bụi phổi chưa có thuốc điều trị đặc hiệu, bệnh tiến triển theo thời gian gây hiện tượng xơ hóa phổi không hồi phục. Công nhân mắc bệnh bụi phổi thường dễ mắc các bệnh như lao, tâm phế mạn, suy hô hấp. Đánh giá rối loạn chức năng hô hấp có ý nghĩa quan trọng trong chẩn đoán mức độ bệnh, giúp chẩn đoán, điều trị hợp lý, theo dõi tiến triển và tiên lượng bệnh bụi phổi silic.

**Từ khóa**: Rối loạn hô hấp, bụi phổi silic, bệnh phổi, Bệnh bụi phổi Trung ương

**86. So sánh hiệu quả giảm đau sau mổ của phương pháp gây tê cơ dựng sống thắt lưng hai bên so với phương pháp PCA morphine ở bệnh nhân phẫu thuật cột sống thắt lưng**/ Vũ Hoàng Phương, Nguyễn Anh Tuấn// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 41-47.

**Nội dung**: Nhằm mục tiêu so sánh hiệu quả đau sau mổ của phương pháp gây tê mặt phẳng cơ dựng sống thắt lưng 2 bên so với PCA morphine ở bệnh nhân phẫu thuật cột sống thắt lưng. Gây tê mặt phẳng cơ dựng sống thắt lưng là kỹ thuật đưa một lượng thuốc tê vào mặt phẳng giữa cơ dựng sống và mỏm ngang cột sống dưới hướng dẫn của siêu âm. Thuốc tê sẽ lan đến vị trí đi ra của nhánh lưng rễ thần kinh tủy sống từ đó sẽ phong bế thần kinh chi phối cảm giác vùng cơ, da và xương ở vùng cột sống thắt lưng tương ứng. Nghiên cứu cho thấy phong bế mặt phẳng cơ dựng sống thắt lưng 2 bên có hiệu quả giảm đau sau mổ tốt cho các phẫu thuật cột sống thắt lưng.

**Từ khóa**: Giảm đau sao mổ, PCA morphine, phẫu thuật cột sống thắt lưng, gây tê cơ dựng sống thắt lưng hai bên

**87. Suy giảm hoạt động thị giác và một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thị giác ở bệnh nhân đục thủy tinh thể được khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Ngô Thị Xuân Thao, Ngô Thị Tiên, Trần Hải, Lại Văn Hiếu// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 101-109 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mô tả suy giảm hoạt động thị giác và một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thị giác ở bệnh nhân đục thủy tinh thể được khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Tỷ lệ bệnh nhân bị suy giảm hoạt động thị giác ở bệnh nhân mắc bệnh đục thủy tinh thể là rất cao, có thể gặp ở các mức độ từ suy giảm tối thiểu cho đến mức độ rất nghiêm trọng. Các yếu tố: Tuổi, mức độ đục thủy tinh thể có ảnh hưởng tỷ lệ thuận đến mức độ suy giảm hoạt động thị giác và trình độ học vấn có ảnh hưởng tỷ lệ nghịch (p<0,05). Việc khảo sát các hoạt động thị giác và phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến suy giảm hoạt động thị giác ở bệnh nhân mắc đục thủy tinh thể là việc làm rất cần thiết giúp cho các bác sĩ chuyên khoa Mắt có thêm thông tin sớm về tình hình bệnh của bệnh nhân và đề ra các chỉ định hợp lý, kịp thời hơn trong điều trị đục thủy tinh thể.

**Từ khóa**: Đục thủy tinh thể, hoạt động thị giác, VF-14

**88. Tác động của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại một số bệnh viện tuyến Trung ương năm 2020**/ Nguyễn Thanh Thảo, Lê Thị Thanh Xuân, Nguyễn Huy Hoàng, Trần Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Vinh, Phạm Thị Quân, Tạ Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Quỳnh// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 361-369.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại một số bệnh viện tuyến Trung ương năm 2020. COVID-19 là bệnh truyền nhiễm lây từ người sang người qua các giọt bắn và tiếp xúc gần. Các nhân viên y tế là điều dưỡng trực tiếp chăm sóc bệnh nhân, nhân viên y tế tại các khoa hành chính, sống độc thân và có tuổi đời, tuổi nghề cao thì có nguy cơ cao bị các vấn đề sức khỏe tâm thần cao hơn các đối tượng khác.

**Từ khóa**: COVID-19, sức khỏe tâm thần, nhân nhiên y tế, bệnh viên Trung ương

**89. Tác dụng của bài thuốc “Kiện tỳ chỉ thống HV” trên mô hình viêm loét dạ dày – tá tràng bằng cysteamin trên thực nghiệm**/ Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Thanh Trung, Vũ Thị Phương Thảo, Phạm Quốc Bình, Phạm Thủy Phương, Mai Phương Thanh, Đặng Thị Thu Hiên// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 24-32.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá tác dụng dự phòng loét dạ dày – tá tràng của bài thuốc “Kiện tỳ chỉ thống HV” (KTHV) trên mô hình động vật thực nghiệm gây viêm loét dạ dày – tá tràng bằng cysteamin. Viêm loét dạ dày tá tràng hậu quả của sự mất cân bằng giữa các yếu tố tấn công và yếu tố bảo vệ niêm mạc, trong đó acid-pepsin và vi khuẩn Helicobacter Pylori giữ vai trò quan trọng. Nếu không được điều trị kịp thời có thể dẫn đến những biến chứng nguy hiểm như thủng ổ loét, xuất huyết tiêu hóa, hẹp môn vị. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bài thuốc “Kiện tỳ chỉ thống HV” có tác dụng bảo vệ dạ dày ta tràng do cysteamin gây ra ở động vật thực nghiệm.

**Từ khóa**: Kiện tỳ chỉ thống HV, cysteamin, loét dạ dày – tá tràng, động vật thực nghiệm

**90. Tác dụng của phương pháp châm xuyên huyệt trong điều trị bí đái cơ năng sau phẫu thuật cột sống thắt lưng**/ Nguyễn Thị Ngọc Hoa, Bùi Tiến Hưng// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 89-98.

**Nội dung**: Phân tích tác dụng của phương pháp châm xuyên huyệt trong điều trị bí đái cơ năng sau phẫu thuật cột sống thắt lưng. Bí đái là tình trạng không tiểu được hoặc đi tiểu rất ít mặc dù bàng quang có chứa đầy nước tiểu, trong khi chức năng thận vẫn còn và tiếp tục sản xuất nước tiểu, nguyên nhân chủ yếu là do rối loạn chức năng của hệ thần kinh. Kỹ thuật châm xuyên huyệt kết hợp với kích thích điện nhằm mục đích điều khí nhanh, mạnh hơn, giúp nâng cao hiệu quả trong điều trị. Nghiên cứu cho thấyddieuef trị bí đái cơ năng sau phẫu thuật cột sống thắt lưng bằng kỹ thuật châm xuyêt huyệt có tác dụng tốt, an toàn, không có tác dụng không mong muốn trong điều kiện lâm sàng.

**Từ khóa**: Kỹ thuật châm xuyên huyệt, bí đái cơ năng, phẫu thuật cột sống thắt lưng, châm xuyên huyệt

**91. Tác dụng của Xuyên tâm liên trong phòng chống Covid-19**/ TS Phùng Tuấn Giang// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 56-57.

**Nội dung**: Trình bày tác dụng của Xuyên tâm liên trong phòng chống Covid-19. Xuyên tâm liên là vị thuốc thanh nhiệt, giải độc thường dùng trong y học cổ truyển. Theo nghiên cứu trên thế giới, dược liệu Xuyên tâm liên có tác dụng kháng vi sinh vật (vi khuẩn, virus, nấm, ký sinh trùng), chống viêm, oxy hóa, ung thư… được dùng để điều trị các bệnh về gan, sốt, tiêu chảy cấp tính, tăng huyết áp, thủy đậu, bệnh phong, sốt rét, tiểu đường…Các nghiên cứu gần đây cho thấy rõ giá trị của loài thuốc này trong điều trị bệnh nói chung, phòng chống Covid-19 nói riêng.

**Từ khóa**: Điều trị, Covid-19, Xuyên tâm liên

**92. Tác dụng điều trị của phương pháp đầu châm kết hợp cận tam châm trên bệnh nhân liệt nửa người do nhồi máu não sau giai đoạn cấp**/ Ngô Văn Thư, Dương Trọng Nghĩa, Trần Thị Thu Trang// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 68.- Tr. 80-92.

**Nội dung**: Phân tích tác dụng điều trị của phương pháp đầu châm kết hợp cận tam châm trên bệnh nhân liệt nửa người do nhồi máu não sau giai đoạn cấp. Việc kết hợp đầu châm với cận tam châm đều có chung đặc điểm là sử dụng dòng điện kích thích vào các vị trí huyệt trong điều trị đem lại tác dụng toàn thân và tại chỗ. Khi dòng điện tác động vào hệ thống cơ vân và các khớp chi, những luồng xung động thần kinh sẽ không ngừng được dẫn truyền vào tủy sống, từ đó dẫn truyền qua bó tủy lên hành não và vỏ não. Khi vùng vỏ não chi phối chức năng vận động được kích thích, đồng thời cung phản xạ vận động, cảm giác của bệnh nhân được tái thiết lập sẽ làm tăng khả năng phục hồi chức năng vận động cho bệnh nhân.

**Từ khóa**: Đầu châm, cận tam châm, liệt nửa người, nhồi máu não

**93. Tác dụng hạ sốt của cao chiết Bàng biển, Bạch đầu ông và Tiết dê trên mô hình thỏ gây sốt bằng lipopolysaccharid**/ Lê Thị Xoan, Nguyễn Thị Phượng, Nguyễn Văn Hiệp, Phạm Thị Nguyệt Hằng, Nguyễn Văn Tài// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 25-29.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá tác dụng hạ sốt của các cao chiết Bàng biển, Bạch đầu ông và Tiết dê. Thỏ thí nghiệm sau khi uống các cao chiết dược liệu hoặc thuốc đối chứng dương paracetamol được gây sốt bằng cách tiêm tĩnh mạch dung dịch lipopolysaccharide (LPS). Kết quả cho thấy, cao chiết cồn Bàng biển và Bạch cầu ông ở liều 125 và 250 mg/kg và paracetamol liều 150 mg/kg có tác dụng hạ sốt trên mô hình này, trong khi các phân đoạn dichloromethan, n-butanol hay cắn nước của Bàng biển lại không thể hiện tác dụng này. Nghiên cứu đã gợi ý rằng, cao chiết cồn Bàng biển đóng vai trò quan trọng đối với tác dụng hạ sốt và các thành phần hoạt chất có trong phân đoạn ethyl acetate của Bàng biển đóng vai trò quan trọng đối với tác dụng hạ sốt của dược liệu này.

**Từ khóa**: Bạch đầu ông, Bàng biển, hạ sốt, lipopolysaccharid, Tiết dê

**94. Tác dụng lâm sàng của viên hoàn cứng sâm nhung tán dục đơn trong điều trị rối loạn cương dương**/ Trần Thị Thu Hiên, Trần Quang Minh, Nguyễn Văn Dũng, Trần Danh Tiến Thịnh// Nghiên cứu Y dược học cổ truyền Việt Nam .- 2021 .- Số 69.- Tr. 36-50.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá tác dụng lâm sàng của viên hoàn cứng Sâm nhung tán dục đơn trong điều trị rối loạn cương dương. Rối loạn cương dương là một tình trạng bệnh phổ biến ở nam giới có vấn đề về sức khỏe tình dục. Viên hoàn cứng “Sâm nhung tán dục đơn” có tác dụng cải thiện tình trạng rối loạn chức năng cương và các triệu chứng theo thang điểm IIEF trên bệnh nhân Rối loạn cương dương thể Thận dương hư.

**Từ khóa**: Sâm nhung tán dục đơn, Rối loạn cương dương, Thận dương hư, cương dương, sức khỏe tình dục

**95. Tăng acid uric máu không triệu chứng và một số yếu tố liên quan ở nam giới đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Phạm Văn Tú, Phạm Thu Hằng, Đỗ Thị Huyền Trang, Trần Thu Giang, Nguyễn Thị Thoa, Phạm Hoài Thu// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 15-22 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu nhằm nhận xét tình trạng tăng acid uric máu không triệu chứng và một số yếu tố liên quan ở nam giới đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Acid uric (AU) máu là sản phẩm cuối cùng của quá trình chuyển hóa purin có vai trò bảo vệ cơ thể chống lại quá trình thóa hóa bằng cách hoạt động như một chất chống oxy hóa. Tuy nhiên, tình trạng chống acid uric kéo dài sẽ dẫn đến hình thành và lắng đọng tinh thể monosodiumurat tại khớp và các mô gây ra các triệu chứng lâm sàng. Ngoài ra, tăng acid uric mãu còn là yếu tố nguy cơ cũng như hình thành thứ phát sau các bệnh lý khác như tăng huyết áp, đái tháo đường, bệnh mạn tính, bệnh lý rối loạn chuyển hóa và béo phì. Tăng acid uric máu không triệu chứng là tình trạng acid uric tăng cao trong huyết thanh vượt quá giới hạn tối đa độ hòa tan của urat trong dung dịch có cùng nồng độ natri như huyết thanh, nhưng không có dấu hiệu hoặc triệu chứng của bệnh lý gây nên bởi lắng đọng tinh thể monosodiumuarate (MSU).

**Từ khóa**: Tăng acid uric máu, không triệu chứng, nam giới

**96. Thay đổi kiến thức, thực hành và tự tin của điều dưỡng về chăm sóc vết thương sau đào tạo 2 năm tại Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp**/ Phan Thị Dung, Lê Thị Mai Phương// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 177-185.

**Nội dung**: Đánh giá kiến thức, thực hành và tự tin của Điều dưỡng sau đào tạo 2 năm về chăm sóc vết thương tại Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp năm 2018-2020. Chăm sóc vết thương là kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả điều trị. Nghiên cứu cho thấy, sau 2 năm đào tạo điểm kiến thức, thực hành và tự tin Điều dưỡng về chăm sóc vết thương tăng. Chương trình đào tạo chăm sóc vết thương do Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức xây dựng phù hợp với Bệnh viện Đa khoa nông nghiệp và bước đầu có hiệu quả. Cần nhân rộng chương trình đào tạo này cho đội ngũ Điều dưỡng trực tiếp chăm sóc người bệnh có vết thương tại các cơ sở y tế khác.

**Từ khóa**: Điều dưỡng, chăm sóc vết thương, kiến thức, thực hành, tự tin, đào tạo

**97. Thừa cân, béo phì và thói quen ăn uống của học sinh lớp 4,5 tại hai trường tiểu học, thành phố Bắc Giang năm 2020**/ Nguyễn Xuân Phương, Trịnh Bảo Ngọc// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 140-147.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu thừa cân, béo phì và thói quen ăn uống của học sinh lớp 4,5 tại hai trường tiểu học, thành phố Bắc Giang năm 2020. Trong những năm gần đây, Việt Nam vẫn đang phải đường đầu với thử thách kép về dinh dưỡng, đặc biệt là ở các khu vực thành thị, bên cạnh việc khắc phục làm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thì tình trạng thừa cân, béo phì ở trẻ trong độ tuổi tới trường đang gia tăng nhanh chóng. Bên cạnh đó, những thách thức liên quan tới dinh dưỡng vẫn đang tiếp tục xảy ra ở độ tuổi học đường và xuyên suốt vòng đời, nhất là đối với các bé gái. Đây là các vấn đề đáng lo ngại ở lứa tuổi học đường trong thời gian gần đây.

**Từ khóa**: Thừa cân, béo phì, thói quen ăn uống, tiểu học, Bắc Giang, dinh dưỡng trẻ em

**98. Thực hành dinh dưỡng và bữa phụ buổi tối muộn của người bệnh xơ gan tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2020**/ Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Tuyết Chinh, Nguyễn Thị Minh Tâm// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 84-91 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mô tả thực hành dinh dưỡng và bữa phụ buổi tối muộn của người bệnh xơ gan tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2020. Suy dinh dưỡng thường gặp ở người bệnh xơ gan, đặc biệt là ở giai đoạn nặng của bệnh, nhiều biểu hiện chuyển hóa bất thường ở người bệnh gan có thể góp phần tác động đến tình trạng dinh dưỡng. Đặc biệt, sau khi nhịn ăn qua đêm, người bệnh xơ gan có biểu hiện tăng tốc độ oxy hóa chất béo và tạo gluconeogenes trong khi việc sử dụng glucose và phân giải glycogenolysis giảm so với bình thường. Thực hành dinh dưỡng trên người bệnh xơ gan rất quan trọng, vì vậy cần tăng cường tư vấn, giáo dục về dinh dưỡng để nâng cao hiệu quả điều trị.

**Từ khóa**: Thực hành dinh dưỡng, bữa phụ tối muộn, xơ gan, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

**99. Thực trạng bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi và các yếu tố hành vi nguy cơ tại một số xã tỉnh Hà Nam năm 2018**/ Nguyễn Thị Hương Giang, Bùi Hồng Ngọc// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 253-263.

**Nội dung**: Mô tả thực trạng bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi và các yếu tố hành vi nguy cơ tại một số xã tỉnh Hà Nam năm 2018. Sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ không chỉ gây nên gánh nặng về bệnh tật và kinh tế cho cả bản thân người cao tuổi và gia đình mà còn tạo nên gánh nặng về bệnh tật và kinh tế cho cả bản thân người cao tuổi và gia đình mà còn tạo nên gánh nặng cho hệ thống y tế cũng như toàn xã hội. Tuy nhiên để quản lý, kiểm soát được bệnh không lây nhiễm vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh giá hóa dân số hiện nay.

**Từ khóa**: Bệnh không lây nhiễm, người cao tuổi, tỉnh Hà Nam, kiểm soát bệnh tật

**100. Thực trạng bệnh lý đường hô hấp của người lao động Công ty xi măng Phúc Sơn, Hải Dương năm 2019**/ Nguyễn Quốc Doanh, Quách Thị Như Trang, Phạm Thị Quân, Nguyễn Ngọc Anh, Lê Thị Thanh Xuân, Lê Thị Hương, Nguyễn Thanh Thảo// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 236-243.

**Nội dung**: Nhằm mục tiêu mô tả thực trạng bệnh lý đường hô hấp của người lao động Công ty xi măng Phúc Sơn, Hải Dương năm 2019. Hầu hết môi trường lao động trong các nhà máy xi măng ở đây nặng nhọc, môi trường ô nhiễm bụi cao người lao động bị ảnh hưởng trực tiếp từ những hạt bụi đặc biệt là bụi silic dẫn tới ảnh hưởng đến đường hô hấp của người lao động. Người lao động làm việc trực tiếp trong môi trường này phải tiếp xúc trực tiếp với bụi silic nồng độ cao dễ dàng vào phổi và bị giữ lại ở phổi nhiều nhất khi được thải ra sẽ bay lơ lửng trong không khí con người dễ hít phải có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe bao gồm khởi phát các bệnh hô hấp cấp tính hoặc mãn tính và suy giảm chức năng hô hấp nghề nghiệp ở người lao động.

**Từ khóa**: Bệnh đường hô hấp, xi măng, ô nhiễm không khí, bệnh phổi

**101. Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic của người lao động tại hai công ty và một số yếu tố liên quan ở Đồng Nai năm 2020**/ Tạ Thị Kim Nhung, Nguyễn Ngọc Anh, Lê Thị Thanh Xuân, Khương Văn Duy, Phạm Thị Quân, Nguyễn Thanh Thảo, Nguyễn Quốc Doanh, Phan Thị Mai Hương, Ngô Ngọc Thanh, Nguyễn Xuân Phúc, Lê Thị Hương// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 401-409.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic của người lao động tại hai công ty và một số yếu tố liên quan ở Đồng Nai năm 2020. Bụi trong môi trường lao động là một trong những yếu tố nguy cơ chính gây ra các bệnh đường hô hấp cấp tính và mạn tính cho người lao động. Bệnh bụi phổi silic là bệnh xơ hóa phổi do hít phải silic tự do, bệnh để lại nhiều hậu quả nặng nề cho người lao động sản xuất vật liệu xây dựng do không có thuốc điều trị đặc hiệu. Nghiên cứu nhằm xác định tỷ lệ nhiễm bệnh, đinh hướng cho ban lãnh đạo các công ty và các cơ quan quản lý đề ra những chính sách phù hợp bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

**Từ khóa**: Bệnh phổi, bụi silic, người lao động, sức khỏe, bênh đường hô hấp

**102. Thực trạng một số thực phẩm sống và chín nhiễm Salmonella tại cơ sở dịch vụ ăn uống ở Hà Nội**/ Vũ Thị Qúy, Nguyễn Thu Giang// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 314-321.

**Nội dung**: Mô tả thực trạng một số thực phẩm sống và chín nhiễm Salmonella nhằm xác định tỷ lệ nhiễm Salmonella tại cơ sở dịch vụ ăn uống ở Hà Nội. Các cơ sở dịch vụ ăn uống đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu của người dân đồng thời cũng xuất hiện những nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, đe dọa đến sức khỏe của người tiêu dùng. Vi khuẩn Salmonella vẫn đang được ghi nhận trong rất nhiều vụ ngộ độc thực phẩm trên thế giới. Một thực tế cho thấy, các vụ ngộ độc thực phẩm trên người mặc dù được ghi nhận và thống kê bằng những con số cụ thể, nhưng việc tuy xuất căn nguyên cũng rất hạn chế do chỉ tập trung vào công tác chữa trị và cũng do năng lực và trang thiết bị hạn chế ở cấp cơ sở.

**Từ khóa**: Salmonella, vi khuẩn Salmonella, ngộ độc thực phẩm, ô nhiễm thực phẩm, dịch vụ ăn uống

**103. Thực trạng nuôi dưỡng bệnh nhân sau phẫu thuật đường tiêu hóa tại khoa Ngoại Bệnh viện E năm 2020**/ Trịnh Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Thu Liễu, Lê Thị Quỳnh Trang// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 293-299.

**Nội dung**: Mô tả thực trạng nuôi dưỡng bệnh nhân sau phẫu thuật đường tiêu hóa tại khoa Ngoại Bệnh viện E năm 2020. Đối với các bệnh nhân phẫu thuật, đặc biệt là phẫu thuật đường tiêu hóa dinh dưỡng càng đóng vai trò quan trọng. Tình trạng suy dinh dưỡng ở người bệnh phẫu thuật là yếu tố nguy cơ làm tăng các biến chứng như: nhiễm trùng vết mổ, nhiễm khuẩn, thậm chí tử vong. Với mong muốn khảo sát được tình hình dinh dưỡng của đối tượng và xác định được một số yếu tố liên quan, trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị với bệnh viện nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc điều trị bệnh nhân phẫu thuật đường tiêu hóa và hạn chế các biến chứng liên quan đến dinh dưỡng như nhiễm trùng, tăng thời gian nằm viện và tăng chi phí điều trị.

**Từ khóa**: Chăm sóc bệnh nhân, phẫu thuật, đường tiêu hóa, dinh dưỡng, nhiễm trùng

**104. Thực trạng stress của sinh viên điều dưỡng Trường Cao đẳng y tế Hải Phòng năm 2020**/ Nguyễn Bích Ngọc, Nguyễn Văn Tuấn// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 159-166.

**Nội dung**: Nhằm mô tả thực trạng stress của sinh viên điều dưỡng Trường Cao đẳng y tế Hải Phòng năm 2020. Stress là phản ứng không đặc hiệu của cơ thể trước những tình huống căng thẳng. Khi gặp tình huống stress, cơ thể phản ứng với các tác nhân gây stress để thích nghi, nếu không có khả năng thích nghi thì stress trở thành bệnh lý. Sinh viên cảm nhận stress nhiều nhất là do vấn đề tài chính, tiếp theo là vấn đề học tập, môi trường thực tập lâm sàng và vấn đề cá nhân. Nhà trường, gia đình và xã hội nên có các biện pháp giúp giảm tình trạng stress ở sinh viên điều dưỡng.

**Từ khóa**: Sinh viên điều dưỡng, stress, y tế

**105. Thực trạng tăng huyết áp và nguy cơ ngã ở người cao tuổi điều trị ngoại trú tại bệnh viện Lão khoa Trung ương**/ Hà Thị Vân Anh, Nguyễn Trung Anh, Phạm Thắng, Vũ Thị Thanh Huyền// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 142-151.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá thực trạng tăng huyết áp (THA) và mối liên quan với nguy cơ ngã ở bệnh nhân ngoại trú cao tuổi điều trị ngoại trú tại bệnh viện Lão khoa Trung ương. Tăng huyết áp (THA) được biết đến là yếu tố nguy cơ hàng đầu gây tử vong trên toàn thế giới do các biến chứng về tim mạch. Nghiên cứu cho thấy, cứ 2 bệnh nhân ngoại trú >=60 tuổi không suy giảm nhận thức có 1 người THA, 21% có nguy cơ ngã cao; tỷ lệ này tăng dần khi tuổi tăng lên. Kết quả này đã cung cấp thêm thông tin cho nhân viên y tế, đặc biệt các bác sĩ góp phần đưa ra các hướng dẫn điều trị và quản lý THA phù hợp nhằm giảm nguy cơ ngã, cải thiện chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

**Từ khóa**: Tăng huyết áp, nguy cơ ngã, người cao tuổi

**106. Thực trạng truyền máu và chế phẩm trong 6 tháng đầu năm 2021 tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Nguyễn Chí Thành, Nguyễn Quang Tùng// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 31-37 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mô tả tình hình truyền máu – chế phẩm máu và diễn biến truyền chế phẩm máu trong 6 tháng đầu năm 2021 Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Truyền máu là một phương pháp điều trị quan trọng trong các trường hợp bệnh nhân thiếu máu nặng, mất máu do chấn thương hoặc điều trị. Truyền máu và chế phẩm máu là phương pháp điều trị quan trọng, cần thiết, thường xuyên được áp dụng tại các chuyên khoa Gây mê hồi sức, Cấp cứu, Nội khoa, Ung bướu. Chế phẩm Khối hồng cầu được truyền nhiều nhất, tiếp theo là các chế phẩm Huyết tương tươi đông lạnh và Khối tiểu cầu. Cần có kế hoạch chuẩn bị chế phẩm máu phù hợp với các giai đoạn cụ thể.

**Từ khóa**: Truyền máu, chế phẩm máu, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

**107. Thực trạng và kết quả điều trị phản vệ sau tiêm vắc xin AstraZeneca phòng COVID-19 tại Trường Đại học Y Hà Nội**/ Nguyễn Minh Nguyên, Hoàng Bùi Hải// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 206-211 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định thực trạng và kết quả điều trị phản vệ sau tiêm vắc xin AstraZeneca phòng COVID-19 tại Trường Đại học Y Hà Nội. Phản vệ là một phản ứng dị ứng, có thể xuất hiện ngay lập tức, có thể xuất hiện sau vài giây, vài phút đén vài giờ sau khi cơ thể tiếp xúc với dị nguyên gây ra các bệnh cảnh lâm sàng khác nhau, có thể dẫn đến tử vong nhanh chóng. Tình trạng phản vệ do nhiều nguyên nhân, trong đó có phức hợp gắn Mrna, tên hóa học gọi là polysorbate 80 có vai trò bao bọc phân tử mRNA và hỗ trợ xâm nhập vào tế bào. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ phản vệ sau tiêm vắc xin rất thấp, nên việc tiêm vắc xin AstraZeneca phòng COVID-19 rất an toàn, đem lại hiệu quả tốt trong việc phòng ngừa COVID-19.

**Từ khóa**: Phản vệ, vắc xin AstraZeneca, COVID-19

**108. Thực trạng về tự khám vú của phụ nữ xã Tiên Phương năm 2020**/ Nguyễn Thị Diễm Hương, Vũ Thị Ngân// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 229-235.

**Nội dung**: Nhằm mô tả về thực hành tự khám vú (BSE) và các rào cản trong việc thực hành tự khám vú trên nhóm phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tại xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội năm 2020. Tỷ lệ thực hành tự khám vú còn thấp, đặc biệt là việc thực hành đúng tần suất còn rất thấp. Học vấn, số con, nghề nghiệp có liên quan đến thực hành tự khám vú. Không thấy vấn đề ở vú và không biết cách thực hiện tự khám vú là 2 lý do chính mà đối tượng báo cáo dẫn đến không thực hiện tự khám vú. Như vậy, việc tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe các kiến thức về tự khám vú cho phụ nữ tại xã Tiên Phương là việc làm vô cùng cần thiết giúp cho đối tượng có kiến thức tốt hơn và từ đó có thái độ tích cực về tự khám vú.

**Từ khóa**: Khám vú, phụ nữ, xã Tiên Phương, Hà Nội, ung thư vú, BSE

**109. Thực trạng viêm lợi và độ nhạy, độ đặc hiệu của chẩn đoán viêm lợi qua ảnh chụp bằng điện thoại smartphone trên học sinh 15 tuổi tại Hưng Yên**/ Nguyễn Thành Trung, Hoàng Kim Loan, Hoàng Bảo Duy, Khúc Thị Hồng Hạnh// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 86-93.

**Nội dung**: Mục tiêu mô tả thực trạng viêm lợi và xác định độ nhạy và độ đặc hiệu của phương pháp chẩn đoán viêm lợi qua hình ảnh chụp bằng điện thoại smartphone so với kháng lâm sàng ở học sinh 15 tuổi. Viêm lợi là một trong những bệnh răng miệng rất phổ biến. Bệnh có thể mắc sớm, tỷ lệ mắc cao nếu không điều trị kịp thời sẽ dẫn đến các biến chứng nguy hiểm như viêm quanh răng. Bệnh còn là nguyên nhân gây mất răng, ảnh hưởng tới sức nhai, phát âm, thẩm mỹ, ngoài ra còn là nguyên nhân của một số bệnh như viêm nội tâm mạc, viêm cầu thận và viêm khớp. Độ nhạy, độ chính xác của chẩn đoán viêm lợi qua ảnh chụp bằng điện thoại smartphone ở mức cao, tuy nhiên độ đặc hiệu thấp. Nha sỹ có thể cân nhắc sử dụng ảnh chụp răng miệng bằng điện thoại smartphone để chẩn đoán viêm lợi cho học sinh 15 tuổi, tuy nhiên cần được tiến hành có chọn lọc, ưu tiên các vùng có tỷ lệ mắc cao.

**Từ khóa**: Viêm lợi, học sinh, ảnh chụp smartphone, độ nhạy, độ đặc hiệu

**110. Tình trạng dinh dưỡng của học sinh tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Yên Bái năm 2019**/ Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Huyền Trang// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 194-200.

**Nội dung**: Phân tích tình trạng dinh dưỡng của học sinh tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Yên Bái năm 2019. Suy dinh dưỡng ở trẻ em vẫn còn là một vấn đề lớn ở các quốc gia đang phát triển. Kết quả cho thấy mô hình tình trạng dinh dưỡng của trẻ lứa tuổi học đường đang có chiều hướng phát triển tương tự mô hình dinh dưỡng của trẻ ở các thành phố lớn, tỷ lệ học sinh bị suy dinh dưỡng vẫn còn khá cao trong khi tỷ lệ thừa cân - béo phì ngày càng tăng và đáng báo động. Hình thái phân hóa này vẫn cho thấy gánh nặng kép về dinh dưỡng đối với mô hình bệnh tật. Do đó, rất cần sự can thiệp kịp thời của gia đình, thầy cô giáo, nhà trường cũng như các ngành liên quan nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ lứa tuổi học đường.

**Từ khóa**: Dinh dưỡng, học sinh phổ thông, dân tộc thiểu số, tình trạng dinh dưỡng

**111. Tình trạng dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh, Hà Nội năm 2020**/ Đồng Thị Phương, Hoàng Thị Thúy, Nguyễn Trọng Hưng, Nguyễn Quang Dũng// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 91-99.

**Nội dung**: Trình bày tình trạng dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh, Hà Nội năm 2020. Bệnh đái tháo đường là bệnh chuyển hóa không đồng nhất, có đặc điểm tăng glucose huyết do khiếm khuyết về tiết insulin, về tác động của insulin hoặc cả hai. Tăng glucoso mạn tính trong thời gian dài gây nên những rối loạn chuyển hóa carbohydrate, protein, lipid, gây tổn thương ở nhiều cơ quan khác nhau, đặc biệt ở tim và mạch máu, thận, mắt, thần kinh. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 giúp phát hiện sớm tình trạng thiếu hoặc thừa dinh dưỡng, giúp nhân viên y tế có cơ sở dữ liệu để khuyến cáo và can thiệp dinh dưỡng hiệu quả, đồng thời giúp cho việc theo dõi diễn biến bệnh, tiên lượng bệnh, từ đó kiểm soát và dự phòng các biến chứng đái tháo đường type 2 chính xác hơn.

**Từ khóa**: Đái tháo đường, điều trị biến chứng, tình trạng dinh dưỡng, bệnh nhân, điều trị ngoại trú, Bệnh viện đa khoa Đông Anh

**112. Tình trạng dinh dưỡng và đặc điểm kiểu gen của người bệnh ung thư dạ dày tại 4 bệnh viện ở Hà Nội**/ Nguyễn Thị Ngọc Lan, Tạ Thành Văn, Đặng Thị Ngọc Dung, Vũ Văn Qúy, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Thu Liễu// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 63-71 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nhằm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và đặc điểm kiểu gen của người bệnh ung thư dạ dày tại 4 bệnh viện ở Hà Nội. Tình trạng dinh dưỡng ở bệnh nhân ung thư dạ dày là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị cũng như chất lượng cuộc sống của bệnh nhân. Do vị trí khối u ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tiêu hóa và hấp thụ chất dinh dưỡng, cộng thêm tác dụng phụ do điều trị hóa chất đường tiêu hóa nên ung thư dạ dày có sức tàn phá nặng nề. Quá trình điều trị có thể lây lan sang các vị trí khác, gây ra hàng loạt biến chứng ảnh hưởng xấu đến thể trạng và tình trạng dinh dưỡng của người bệnh.

**Từ khóa**: Ung thư dạ dày, PG-SGA, gen MUC1, rs4072037, dinh dưỡng, gen

**113. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của người bệnh suy thận mạn chưa lọc máu điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2018**/ Nguyễn Công Thành, Nguyễn Thị Hương Lan, Nguyễn Huy Bình, Nguyễn Thu Hà, Phạm Minh Thúy// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 264-275.

**Nội dung**: Nhằm khảo sát tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của người bệnh suy thận mạn điều trị nội trú chưa lọc máu tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2018. Suy thận mạn tính là giai đoạn tiến triển cuối cùng của bệnh thận mạn tính - là một trong những vấn đề sức khỏe đáng lo ngại đối với toàn xã hội bởi tốc độ gia tăng nhanh, ngày càng trẻ hóa và tỷ lệ tử vong cao. Kiểm soát tình trạng dinh dưỡng ở người bệnh đóng vai trò quan trọng góp phần hỗ trợ cho nhân viên y tế đánh giá hiệu quả điều trị cũng như cải thiện hiệu quả điều trị cho người bệnh. Bên cạnh đó, những thông tin về các yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của người bệnh cũng vô cùng cần thiết, hỗ trợ nhân viên y tế đánh giá nhanh được tình hình dinh dưỡng của người bệnh và đặc biệt có những can thiệp phù hợp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người bệnh.

**Từ khóa**: Tình trạng dinh dưỡng, bệnh suy thận mạn, lọc máu, điều trị, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn

**114. Tình trạng dinh dưỡng và thiếu máu thiếu sắt của người bệnh thận mạn lọc máu tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2019**/ Nguyễn Trọng Hưng, Lê Đức Anh, Nguyễn Thị Thu Liễu, Vũ Ngọc Hà// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 394-400.

**Nội dung**: Phân tích tình trạng dinh dưỡng và thiếu máu thiếu sắt của người bệnh thận mạn lọc máu tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2019. Bệnh thận mạn là một hội chứng lâm sàng và sinh hóa tiến triển mạn tính qua nhiều năm gây hậu quả của sự xơ hóa các nephron chức năng gây giảm sút từ từ mức lọc cầu thận dẫn đến tình trạng tăng nito phi protein máu như ure, creatinene. Nghiên cứu cho thấy, suy dinh dưỡng là vấn đề cần được quan tâm ở bệnh nhân lọc máu, cảnh báo về sự suy giảm cả khối cơ và khối mỡ cơ thể và tỷ lệ thiếu máu ở bệnh nhân lọc má ngày càng giảm.

**Từ khóa**: Dinh dưỡng, thiếu máu, bệnh thận mạn lọc máu, thiếu sắt, Bệnh viện Bạch Mai

**115. Tình trạng lo âu và một số yếu tố liên quan ở người bệnh khám nam học tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Bùi Đình Oanh, Nguyễn Hoài Bắc, Chu Thị Chi// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 116-122 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu mô tả tình trạng lo âu và một số yếu tố liên quan ở người bệnh khám nam học tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Hiện nay, tỷ lệ nam giới mắc các bệnh lý về nam khoa ngày càng phổ biến. Khác với nữ giới, nam giới thường hay trì hoãn việc đi khám do tâm lý xấu hổ, ngại ngùng làm các triệu chứng của bệnh nặng thêm. Có rất nhiều nghiên cứu về lo âu với các bệnh lý khác nhau, nhưng chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về lo âu ở bệnh nhân nam khoa. Việc xác định tỷ lệ lo âu của bệnh nhân khám giúp bác sĩ có thể lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp khi thăm khám, chú trọng đến yếu tố tâm lý để kịp thời phát hiện và điều trị những rối loạn tâm lý kèm theo bên cạnh việc điều trị chính.

**Từ khóa**: Lo âu, nam học, yếu tố liên quan, bệnh nhân nam khoa

**116. Tình trạng sức khỏe của người lao động làm nghề mộc xã Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội, năm 2020**/ Khương Văn Duy, Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Thanh Thảo, Phan Mai Hương// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 425-432.

**Nội dung**: Phân tích tình trạng sức khỏe của người lao động làm nghề mộc xã Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội, năm 2020. Người lao động làm nghề mộc phải thường xuyên tiếp xúc nhiều với các yếu tố tác hại nghề nghiệp như bụi, tiếng ồn, hơi khí độc… Đặc biệt các yếu tố tác hại nghề nghiệp này đều vượt quá quy định cho phép với tính chất công việc đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ, tập trung cao, nó là điều kiện thuận lợi để phát sinh bệnh tật đặc biệt là các bệnh đường hô hấp, bệnh ngoài da. Nghiên cứu là cơ sở để các nhà y tế lao động xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe và dự phòng bệnh tật cho người lao động ngành mộc, nâng cao năng suất lao động và phát triển kinh tế.

**Từ khóa**: Nghề mộc, sức khỏe, người lao động, bệnh hô hấp

**117. Tình trạng tăng cholesterol máu gia đình có bệnh mạch vành sớm tại Việt Nam : kết quả từ chiến lược sàng lọc chọn lọc**/ Trương Thanh Hương// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 167-176.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả của chiến lược sàng lọc chọn lọc bệnh này ở người mắc bệnh động mạch vành sớm và đặc điểm lâm sàng của các bệnh nhân tăng cholesterol máu gia đình này. Tăng cholesterol máu có tính chất gia đình là bệnh lý chuyển hóa di truyền phổ biến trên thế giới với tỷ lệ mắc trong cộng đồng là 1:250. Đặc trưng của bệnh là sự tăng cao nồng độ cholesterol tỷ trọng thấp, xuất hiện từ thời niên thiếu, từ đó gây lắng đọng cholesterol tại các tổ chức, đặc biệt là mạch máu. Tỷ lệ tăng cholesterol máu gia đình được phát hiện ở người có bệnh động mạch vành sớm gợi ý tính hiệu quả của sàng lọc. Bệnh nhân tăng cholesterol máu gia đình có vẻ xơ vữa nghiêm trọng nhưng điều trị hạ lipid máu thì chưa đạt mức khuyến cáo.

**Từ khóa**: Bệnh mạch vành sớm,cholesterol, điều trị

**118. Tinh trùng có thể tồn tại trên Sao Hỏa hàng trăm năm**/ Bình Minh// Tin học & Đời sống .- 2021 .- Số 255 .- Tr. 34-35.

**Nội dung**: Các nhà khoa học vừa phát hiện ra rằng, tinh trùng có thể tồn tại trên Sao Hỏa hàng trăm năm, theo nghiên cứu mới được công bố trên tại chí Science Advances. Các kết quả mới gợi ý rằng những người du hành vũ trụ có thể sinh con một cách an toàn hơn trong tương lai.

**Từ khóa**: Tinh trùng, Sao Hỏa

**119. Tổn thương động mạch trong chấn thương khung chậu : đặc điểm hình ảnh và giá trị của cắt lớp vi tính đa dãy**/ Trương Quang Đạo, Nguyễn Duy Hùng// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 77-85.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá một số đặc điểm hình ảnh và giá trị của cắt lớp vi tính đa dãy trong chẩn đoán tổn thương động mạch ở các bệnh nhân chấn thương khung chậu. Vị trí, kích thước, hình thái tổn thương động mạch trên cắt lớp vi tính được mô tả. Giá trị của cắt lớp vi tính trong chẩn đoán so với chụp mạch được thu thập và phân tích. Chẩn đoán sớm chảy máu động mạch rất quan trọng trong theo dõi điều trị bệnh nhân vỡ khung chậu. Vị trí của máu tụ giúp xác định mạch máu có thể tổn thương trên cơ sở đường đi của mạch máu và vùng cấp máu.

**Từ khóa**: Chấn thương khung chậu, tổn thương động mạch, chảy máu hoạt động, giả phình động mạch, cắt lớp vi tính, chụp mạch số hóa xóa nền

**120. Tổng quan xu hướng mới bệnh ung thư tuyến giáp trên thế giới và Việt Nam, giai đoạn 2009-2019**/ Đỗ Thị Thanh Toàn, Nguyễn Bích Nguyệt, Trần Thị Thanh Hương// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 58-67.

**Nội dung**: Trình bày tổng quan xu hướng mới bệnh ung thư tuyến giáp trên thế giới và Việt Nam, giai đoạn 2009-2019. Cho thấy một xu hướng chung là sự gia tăng đáng kể về tỷ lệ mới mắc bệnh tại các quốc gia, tuy nhiên vào nửa cuối giai đoạn 2009-2019 bắt đầu có sự giảm tỷ lệ mới mắc bệnh tại một số quốc gia như Hàn Quốc, Hoa Kỳ. Các quốc gia có tỷ lệ thu nhập cao có tỷ lệ mới mắc cao hơn so với các quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Ghi nhận ung thư có vai trò quan trọng trong thống kê báo cáo dữ liệu về xu hướng mắc mới ung thư tuyến giáp.

**Từ khóa**: Ung thư tuyến giáp, ung thư

**121. Trầm cảm của sinh viên y khoa : góc nhìn của sinh viên y khoa qua một nghiên cứu định tính**/ Lê Hồng Hoài Linh, Bùi Hồng Cẩm, Trương Ngọc Hoàng, Tô Hoàng Linh// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 209-215.

**Nội dung**: Nhằm mục tiêu mô tả cảm nhận của sinh viên y khoa về tình trạng trầm cảm và các yếu tố liên quan đến trầm cảm ở sinh viên y khoa. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng sinh viên y khoa nhận thức được tỷ lệ trầm cảm của sinh viên y khoa đang ngày một tăng, các yếu tố liên quan bao gồm: Tuổi, giới tính, thói quen ăn uống, thói quen ngủ, mối quan hệ với gia đình, mối quan hệ với bạn bè, gặp trở ngại khi tham gia các hoạt động xã hội, học lực, áp lực từ việc học, chương trình học.

**Từ khóa**: Trầm cảm, các yếu tố liên quan, sinh viên, nghiên cứu định tính

**122. Tỷ lệ Escherchia coli gen mã hóa sinh ESBL ở bệnh nhân mắc một số bệnh thông thường đến khám tại tuyến y tế cơ sở ở một số tỉnh, thành phố của Việt Nam**/ Trần Thị Mai Hưng, Dương Thị Hồng, Lương Minh Tân, Lê Thị Trang, Phạm Duy Thái, Hồ Hoàng Dung, Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Thị Minh, Khương Thị Tâm, Đặng Đức Anh, Trần Huy Hoàng// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 12(Tập 63).- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Nhằm xác định tỷ lệ E. coli mang gen mã hóa sinh ESBL ở bệnh nhân mắc một số bệnh thông thường đến khám tại tuyến y tế cơ sở ở 8 tỉnh, thành phố tại khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam. Nghiên cứu cắt ngang trên những người có các triệu chứng nhiễm khuẩn tiêu chảy, viêm đường tiết niệu, nhiễm khuẩn da và hô hấp tại trạm y tế xã; sử dụng bộ câu hỏi thiết kế sẵn để thu thập thông tin dịch tễ học và thu thập mẫu bệnh phẩm để nuôi cấy, phân lập và xét nghiệm E. coli mang gen mã hóa sinh ESBL, bằng kỹ thuật PCR. Những gia đình có sử dụng kháng sinh có tỷ lệ nhiễm vi khuẩn mang gen mã hóa sinh ESBL cao hơn so với các gia đình không sử dụng kháng sinh.

**Từ khóa**: E. coli, ESBL, gen kháng kháng sinh, kháng sinh

**123. Tỷ lệ mắc bệnh bụi phổi than ở người lao động tại một công ty khai thác than hầm lò, năm 2020**/ Khương Văn Duy, Lê Quang Chung, Khương Thị Bích Phượng// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 350-360.

**Nội dung**: Trình bày tỷ lệ mắc bệnh bụi phổi than ở người lao động tại Công ty cổ phần Than Vành Danh, năm 2020. Bệnh bụi phổi than là một bệnh nghề nghiệp không có khả năng điều trị khỏi gây ra do hít thở phải bụi than hô hấp và đặc biệt ở những người lao động khai thác than hầm lò có thâm niên làm việc lâu năm trong ngành có nguy cơ mắc bệnh bụi than ngay cả khi tiếp xúc với nồng độ thấp. Quy định hiện nay ở nước ta là tất cả những người lao động khai thác than hằng năm khi khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp đều được chụp phim phổi một lần nhằm phát hiện sớm, có kế hoạch điều trị và dự phòng cho người lao động.

**Từ khóa**: Bệnh bụi phổi than, người lao động, khai thác than, sức khỏe

**124. Tỷ lệ táo bón chức năng ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ**/ Suong Keaseang, Nguyễn Thị Thanh Mai// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 94-100.

**Nội dung**: Phân tích tỷ lệ táo bón chức năng ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Rối loạn phổ tự kỷ là một rối loạn phát triển tâm thần kinh, bao gồm những khiếm khuyết về tương tác, giao tiếp xã hội và những hành vi bất thường hoặc lặp đi lặp lại. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ táo bón chức năng ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ là 23,1%, tăng cao hơn rõ rệt ở nhóm trẻ 48-72 tháng (37,03%). Đồng thời tỷ lệ táo bón chức năng tăng hơn 1 cách có ý nghĩa ở nhóm có kèm theo chậm phát triển, rối loạn hành vi và rối loạn cảm giác quan (xấp xỉ 40%). Không có sự khác biệt có ý nghĩa về tỷ lệ mắc táo bón chức năng ở nhóm tự kỷ mức độ nặng khi so sánh với nhóm tự kỷ mức nhẹ và trung bình. Những kết quả này gợi ý rằng táo bón chức năng là rối loạn đồng mắc phổ biến ở trẻ rối loạn phổ tự kỷ, cần được đánh giá và điều trị sớm.

**Từ khóa**: Rối loạn phổ tự kỷ, táo bón chức năng, trẻ, tỷ lệ, rối loạn

**125. Ứng dụng phẫu thuật ít xâm lấn lối bên thay đĩa đệm và bắt vít qua da lối sau (XLIF) điều trị hẹp ống sống thắt lưng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Nguyễn Vũ, Hồ Thanh Sơn// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 186-194 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nhằm trình bày ứng dụng phẫu thuật ít xâm lấn lối bên thay đĩa đệm và bắt vít qua da lối sau (XLIF) điều trị hẹp ống sống thắt lưng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Hẹp ống sống thắt lưng là tình trạng ống sống bị thu hẹp gây chèn ép lên các cấu trúc thần kinh như tủy sống, rễ thần kinh. Bệnh tiến triển trong thời gian dài, biểu hiện triệu chứng tùy thuộc vào mức độ hẹp ống sống từ nhẹ đến nặng như: đau cột sống thắt lưng, đau tê lan một hoặc hai chân, biểu hiện cách hồi thần kinh, trường hợp nặng có thể gây yếu liệt vận động, rối loạn cơ tròn. Phương pháp phẫu thuật XLIF là hiệu quả và an toàn với bệnh lý hẹp ống sống thắt lưng, khắc phục được các nhược điểm của phương pháp mổ mở thông thường. Phẫu thuật ít xâm lấn và XLIF là xu hướng phát triển cho phẫu thuật cột sống trong những năm tới.

**Từ khóa**: Hẹp ống sống, phẫu thuật ít xâm lấn, phẫu thuật lối bên, giải ép gián tiếp

**126. Ung thư biểu mô tế bào gan dạng sarcom : báo cáo ca lâm sàng**/ Nguyễn Duy Hùng, Nguyễn Minh Thúy, Vương Kim Ngân// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 216-220.

**Nội dung**: Ung thư biểu mô tế bào gan dạng sarcom (HSC) là u ác tính bao gồm thành phần hỗn hợp của tế bào biểu mô (gồm cả tế bào gan và tế bào đường mật) và thành phần trung mô. Trên hình ảnh siêu âm và cắt lớp vi tính phát hiện khối u lớn ở gan phải, bờ không đều, bên trong có hoại tử; chảy máu và không thấy vôi hóa. Khối ngấm thuốc không đều ở vùng ngoại vi, không thấy thải thuốc thì tĩnh mạch và xâm lấn tĩnh mạch cửa lân cận. Bệnh nhân được tiến hành sinh khiết khối u. Chẩn đoán trên mô bệnh học là ung thư biểu mô tế bào gan dạng sarcom. Bệnh nhân được tiến hành phẫu thuật cắt toàn bộ gan phải, siêu âm theo dõi sau 1 tháng ghi nhận khối gan trái gợi ý tổn thương tái phát. HSC là loại ung thư có tiên lượng xấu, chẩn đoán cần được dựa trên hình ảnh mô bệnh học và hóa mô miễn dịch.

**Từ khóa**: Ung thư biểu mô tế bào gan dạng sarcom, siêu âm, cắt lớp vi tính, mô bệnh học

**127. Xác định căn nguyên nhiễm trùng đường hô hấp dưới cộng đồng bằng kỹ thuật chuỗi phản ứng polymerase đa mồi tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**/ Lê Hoàn, Lê Minh Hằng, Định Thị Thanh Hồng, Trần Khánh Chi, Trần Minh Châu, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Như Quỳnh// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 131-137 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Nhằm xác định căn nguyên nhiễm trùng đường hô hấp dưới cộng đồng bằng kỹ thuật chuỗi phản ứng polymerase đa mồi tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Nhiễm trùng đường hô hấp dưới là một trong những nguyên nhân quan trọng gây ra bệnh tật và tử vong trên toàn thế giới. Chẩn đoán căn nguyên giúp định hướng cho điều trị và quản lý. Multiplex PCR là một kỹ thuật mới được áp dụng rộng rãi trên thế giới để chẩn đoán căn nguyên nhiễm trùng nhưng vẫn chưa được áp dụng phổ biến tại Việt Nam. Qua báo cáo chùm ca bệnh bước đầu sử dụng PCR trong việc chẩn đoán căn nguyên nhiễm trùng hô hấp dưới cho thấy vai trò và ưu điểm nổi trội của PCR so với phương pháp nuôi cấy thông thường.

**Từ khóa**: Nhiễm trùng đường hô hấp dưới, multiplex PCR, PCR đa mồi, nhiễm trùng

**128. Xác định giá trị sàng lọc thiếu glucose-6-phosphate dehydrogenase của phương pháp đo hoạt độ enzym trên mẫu máu thấm khô**/ Trần Thị Chi Mai, Nguyễn Thị Phương Cúc// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 1-7.

**Nội dung**: Nhằm đánh giá giá trị của phương pháp đo hoạt độ enzym trên mẫu máu thấm khô để sàng lọc thiếu G6PD. Sàng lọc thiếu G6PD ở trẻ sơ sinh cho phép bác sĩ nhi khoa chẩn đoán và có biện pháp phòng ngừa, điều trị thích hợp từ rất sớm, nhờ vậy giảm thiểu các tình trạng vàng da nặng liên quan đến thiếu G6PD ở trẻ sơ sinh. Phân tích đường cong ROC cho thấy xét nghiệm có diện tích dưới đường cong bằng 1. Tại điểm cắt tối ưu 2,656 IU/g Hb, độ nhạy và độ đặc hiệu trong chẩn đoán thiếu G6PD đều là 100%. Xét nghiệm đo hoạt độ enzym trên mẫu máu thấm khô sử dụng kit của Perkin Elmer có giá trị tốt trong sàng lọc thiếu G6PD.

**Từ khóa**: Thiếu G6PD, máu thấm khô, sàng lọc, hoạt độ enzym

**129. Xây dựng kỹ thuật real-time COLD-PCR có độ nhạy cao để phát hiện đột biến rtA194T kháng thuốc tenoforir điều trị viêm gan B**/ Chu Văn Sơn, Lê Thị Ngân, Vũ Thiên Sơn, Phạm Thị Hạnh, Nguyễn Phạm Anh Hoa, Phùng Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Vân Anh// Nghiên cứu Y học Trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 7(Tập 143).- Tr. 15-23.

**Nội dung**: Phân tích, xây dựng kỹ thuật real-time cold-PCR có độ nhạy cao để phát hiện đột biến RTA194T kháng thuốc tenoforir điều trị viêm gan B. Đột biến rtA194T trên vùng gen mã hóa cho enzym Rtase của HBV được chứng minh có liên quan đến tình trạng kháng thuốc Tenofovir disoproxil fumarate (TDF) trong điều trị viêm gan B mạn tính. Kỹ thuật sau đó đã được thử nghiệm để phát hiện đột biến rtA194T trên 75 mẫu huyết thanh bệnh nhân viêm gan B mạn tính đã và đang điều trị với TDF, kết quả là không có trường hợp bệnh nhân nào mang đột biến rtA194T. Điều đó cho thấy, kỹ thuật real-time COLD-PCR sử dụng TaqMan LNA probe có độ nhạy cao (0,1% mt/wt) với thời gian thực hiện nhanh trong vòng 3 giờ có tiềm năng ứng dụng trong việc sàng lọc sớm đột biến rtA194T liên quan tới kháng thuốc TDF để tư vấn và theo dõi hiệu quả việc điều trị thuốc TDF cho bệnh nhân viêm gan B trong tương lai.

**Từ khóa**: HBV, rtA194T, real-time cold-PCR, TaqMan LNA probe, Tenofovir disoproxil fumarate, viêm gan B, điều trị

**33. Ý nghĩa của một số chỉ số xét nghiệm hồng cầu lưới trên lâm sàng**/ Phạm Thị Thanh Nga, Nguyễn Quang Tùng, Nguyễn Chí Thành// Nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 11(Tập 147).- Tr. 1-6 .- ISSN. 2354-080X

**Nội dung**: Phân tích ý nghĩa của một số chỉ số xét nghiệm hồng cầu lưới trên lâm sàng để đánh giá chức năng, hoạt động của sinh hồng cầu. Hồng cầu lưới là các tế bào hồng cầu chưa trưởng thành, bắt nguồn từ tủy xương, biệt hóa rồi ra máu ngoại vi trở thành hồng cầu trưởng thành. Xét nghiệm không chỉ giúp đánh giá và phân loại thiếu máu mà còn giúp theo dõi sự phục hồi của tủy xương sau điều trị hóa chất hay ghép tủy… Khi các chỉ số tỷ lệ hồng cầu lưới, số lượng hồng cầu lưới, IRF, CHr,… cùng xu hướng tăng có thể định hướng thiếu máu lành tính, tủy xương đáp ứng tốt với thiếu máu. Ngoài ra, các chỉ số hồng cầu lưới kết hợp với một số chỉ số khác giúp định hướng và phát hiện nguyên nhân thiếu máu.

**Từ khóa**: Hồng cầu lưới, thiếu máu, chỉ số xét nghiệm hồng cầu, sinh hồng cầu

**72. Yếu tố liên quan đến ý định uống rượu bia của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2019**/ Phạm Bích Diệp, Phạm Thu Hà// Nghiên cứu Y học trường đại học Y Hà Nội .- 2021 .- Số 8(Tập 144).- Tr. 110-118.

**Nội dung**: Trình bày các yếu tố liên quan đến ý định uống rượu bia của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2019. Mục tiêu là ứng dụng lý thuyết hành vi được lập kế hoạch để phân tích mối liên quan giữa thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi đến ý định uống rượu bia của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2019. “Chuẩn chủ quan về uống rượu bia” có liên quan mạnh nhất và thái độ về lợi ích có liên quan yếu nhất. Nhà trường cần tổ chức các chương trình truyền thông để lan tỏa văn hóa không uống rượu bia trong sinh viên và không khuyến khích người khác uống rượu bia. Truyền thông nên tập trung vào các nội dung nhằm thay đổi niềm tin và thái độ về uống rượu bia là có lợi.

**Từ khóa**: Ý định uống rượu bia, uống rượu bia, kiểm soát hành vi, sinh viên, trường Cao đẳng Y tế Hà Nội

**ĐIỆN TỬ - VIẾN THÔNG – CƠ KHÍ**

**1. AiFoam : vật liệu mới giúp robot nhạy cảm và thông minh hơn**/ Chu Hải Ninh// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 58-59.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu, chế tạo thành công một loại bọt thông minh (dùng làm da cho robot), giúp robot có thể tự chữa lành vết thương và có được sự nhạy cảm xúc giác khá gần với khả năng của con người. Xúc giác cho phép con người tương tác với nhiều đối tượng và hoạt động hiệu quả trong những môi trường không quen thuộc. Để bắt chước các đầu dây thần kinh nhạy cảm trên da người, các nhà nghiên cứu đã nhúng các điện cực hình trụ nhỏ bên dưới bề mặt của bọt, giúp cho vật liệu có thể phát hiện hướng của lực tác dụng chứ không chỉ là lực tác dụng. Điều này sẽ cho phép robot hiểu ý định của con người tốt hơn hoặc biết rằng một vật thể tiếp xúc sắp di chuyển, để chúng có thể phản ứng nhanh hơn và phù hợp hơn.

**Từ khóa**: AiFoam, robot, xúc giác, vật liệu thông minh

**2.Bảo vệ nâng cao chất lượng nguồn điện trong thời kỳ chuyển đổi số**/ Duy Anh, Bảo Hà// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 55-59.

**Nội dung**: Để việc sản xuất và vận hành trong tổ chức được liên tục và không gián đoạn, doanh nghiệp cần ổn định và nâng cao chất lượng nguồn điện. Đồng thời nguồn điện cần tối ưu để người sử dụng đảm bảo an toàn và doanh nghiệp đáp ứng được nhứng yêu cầu của tương lai như công nghệ thông tin, tiết kiệm năng lượng và chuyển đổi số. Nhằm chia sẽ với các tổ chức và cá nhân về nâng cao chất lượng nguồn điện trong giai đoạn phục hồi sau Đại dịch Covid-19, ngày 4 tháng 11 hội thảo “Vận hành nhà máy liên tục và ổn định với giải pháp UPS 1 pha và 3 pha” đã diễn ra trên nền tảng trực Webex.

**Từ khóa**: Chất lượng nguồn điện, chuyển đổi số, điện tử

**3. Công nghệ IoRT và tiềm năng ứng dụng**/ Hoàng Xuân Sơn // Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Những năm gần đây thế gới dường như đang chứng kiến sự xuất hiện của một làn sóng mới trong các ứng dụng Robot. Đôi lúc trên truyền hình hay trên Internet chúng ta bắt gặp hình ảnh về các nhà kho bận rộn của Amazon, Alibaba với những Robot cần mẫn, nhịp nhàng phân loại và vận chuyển, sắp xếp hàng hóa ; những UAV chuyển đồ tới tận cửa nhà khách hàng, thậm chí còn bay theo bầy. Đó là những hình ảnh vô cùng ấn tượng trước đây chỉ có trong truyện viễn tưởng, nay đã dần thành hiện thực và bước chân vào đời sống. Robot dường như xuất hiện ở nhiều lĩnh vực hơn, số lượng lớn hơn và gần gũi hơn.

**Từ khóa**: Robot, công nghệ IoRT

**4. Làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển chạy tàu ga điện khí tập trung**/ Đặng Quang Thạch// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 41-43.

**Nội dung**: Trình bày việc làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển chạy tàu ga điện khí tập trung. Hệ thống điều khiển chạy tàu trong ga đường sắt gồm nhiều thiết bị chuyên dụng và thường được nhập khẩu qua các kênh phân phối độc quyền, nên phụ thuộc về công nghệ và vật tư khi thay thế, sửa chữa. Thông qua đề tài cấp nhà nước, các nhà khoa học đã làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống các thiết bị điều khiển chạy tàu thiết yếu trong ga đường sắt, có khả năng thay thế các sản phẩm nhập ngoại, góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**Từ khóa**: Hệ thống điều khiển, tàu ga điện khí tập trung, công nghệ

**5. Máy biến áp điện tử : ứng dụng làm tăng chất lượng và sự linh hoạt lưới điện**/ Nguyễn Duy Long, Phạm Minh Đức// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 35-36.

**Nội dung**: Máy biến áp là thiết bị không thể thiếu trong mạng lưới điện của chúng ta , máy biến áp lắp đặt rộng trong các khu vực. Trong hệ thống điện phân phối máy biến áp thường được sử dụng để chuyển đổi điện áp nhằm giảm tổn hao đường dây và giúp truyền tải điện hiệu quả. Bằng việc là chủ công nghệ chúng ta có thể quản lý năng lượng truyền tải thông minh mang lại sự linh hoạt và khả năng ổn định lưới điện tốt hơn.

**Từ khóa:** Máy biến áp, điện tử, lưới điện

**6. Những bước tiến trong chế tạo vệ tinh “Made in Vietnam”**/ PGS. TS. Phạm Anh Tuấn// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 34-37.

**Nội dung**: Trình bày những bước tiến trong chế tạo vệ tinh “Made in Vietnam”. Vào lúc 09 giờ 06 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 9/11/2021, vệ tinh NanoDragon “Made in Vietnam” đã tách thành công khỏi tên lửa Epsilon-5 của Nhật Bản, đi vào quỹ đạo, bắt đầu làm việc trong không gian. Qua số dấu mốc chính này, chúng ta thấy được khoảng cách hiện có của KH&CN vũ trụ Việt Nam so với thế giới. Tuy nhiên, nếu không bắt đầu, chúng ta mãi mãi sẽ vẫn đứng ở con số 0. Trong điều kiện hạn hẹp về tiềm lực kinh tế và nguồn lực đầu tư, Việt Nam có thể đạt được những dấu ấn nhất định nếu nắm bắt được xu thế phát triển của thế giới trong lĩnh vực vũ trụ và lựa chọn công nghệ phù hợp phục vụ đất nước.

**Từ khóa**: Chế tạo vệ tinh, vũ trụ, KH&CN

**7. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, tổ hợp và đưa vào vận hành hệ thống bốc dỡ, vận chuyển than cho nhà máy nhiệt điện**/ Phan Đăng Phong, Đinh Viết Hải, Vũ Văn Điệp// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 5(746).- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, tổ hợp và đưa vào vận hành hệ thống bốc dỡ, vận chuyển than cho nhà máy nhiệt điện. Hệ thống vốc dỡ và vận chuyển than trong nhà máy nhiệt điện đốt than bao gồm: thiết bị bốc dỡ than từ tàu lên cảng, băng tải vận chuyển từ cảng vào nhà kho (trước khi vào nhà kho, than được sàn tuyển phân loại), trong nhà kho có các máy đánh đống, máy phá đống, máy trộn. Nghiên cứu khẳng định ý chí và sự sáng tạo của các nhà khoa học Việt trong làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo các hệ thống thiết bị cho nhà máy nhiệt điện đốt than.

**Từ khóa**: Nhà máy nhiệt điện, vận chuyển than, đốt than

**8. Nghiên cứu phát triển hệ thống cảnh báo khí độc, nhiệt độ, độ ẩm trong ô tô**/ Bùi Hữu Phước, Trịnh Lương Miên// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 27-28, tr. 34.

**Nội dung**: Để tránh bị sốc nhiệt, khí độc khi bước vào ô tô hoặc để biết được tình trạng không khí trong ô tô khi đang di chuyển, hoặc do vô tình có người bị bỏ lại trong ô tô mà chất lượng khí trong ô tô lại quá tệ. Việc dùng phương pháp thủ công xác định nhiệt độ, độ ẩm, khí độc trong ô tô ngày nay k tiện lợi và tốn thời gian. Ở Việt Nam rất nhiều ô tô chưa được trang bị đầy đủ thiết bị cảnh báo khí độc, nhiệt độ độ ẩm, cũng như ít thiết bị này kết nối đến điện thoại người dùng. Do đó nghiên cứu phát triển hệ thống phần mềm và thiết bị cảnh báo nhiệt độ, độ ẩm khí độc trong ô tô cho phép dữ liệu cảnh báo đến Apps trên Smarphone người dùng la cần thiết và ý nghĩa.

**Từ khóa**: Hệ thống cảnh báo, khí độc, nhiệt độ, độ ẩm, ô tô

**9. SPM-VT : giải pháp quản lý phương tiện tự động**/ Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 55-59.

**Nội dung**: Giải pháp kiểm soát phương tiện ra vào SPM-VT sử dụng công nghệ nhận dạng biển số, kết hợp phần mềm quản lý cùng thiết bị ngoại vi như thẻ từ, camera, barrier, vòng loop, cho phép quản lý tất cả các loại phương tiện, con người ra vào một cách tự động, chính xác với đầy đủ thông tin cần thiết như biển số phương tiện, loại phương tiện, số chuyến, khuôn mặt người điều khiển, thời gian ra vào, số tiền phải trả, … SPM-VT được sử dụng cho tất cả các phương tiện trên cả nước.

**Từ khóa:** Phương tiện tự động, phần mềm SPM-VT, phần mềm tự động

**10. Top 5 sáng tạo trong lĩnh vực Robot năm 2021**/ Duy Anh// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 trong năm qua vô hình trung dẫn đến sự phát triển nhanh hơn dự kiến của các ứng dụng Robot. Những tiến bộ của tự động hóa Robot đã mang lại những lợi ích như: gia tăng hiệu quả sản xuất, tính chính xác tiết kiệm chi phí, bảo đảm an toàn lao động, … qua đó giúp chúng ta thích ứng và cải tạo cuộc sống trước những khó khăn mà đại dịch đem lại.

**Từ khóa**: Robot, sáng tạo, người máy

**11. Tổng quan thách thức và giải pháp cho lưới điện truyền tải hướng tới sự phát triển của ô tô điện**/ Phạm Minh Đức, Nguyễn Thế Tiên, Nguyễn Chấn Việt, Nguyễn Đình Tuyên// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 66-69.

**Nội dung**: Trong những năm qua liên minh Châu Âu liên tục thắt chặt quy định về khí thải, khiến cho ngành công nghiệp ô tô phải lựa chọn giữa một bên là xuất một bên la phạt nặng. Liên minh Châu Âu đã đề xuất mục tiêu nam 2030 cấm bán toàn bộ xe sử dụng nhiên liệu hóa thạch và các loại xe trên thị trường sẽ là ô tô điện. Đây là bước ngoặt đối với ngành công nghiệp ô tô và cũng la thách thức lớn đối với lưới điện.

**Từ khóa**: Lưới điện, truyền tải điện, ô tô điện

**12. Vì một hệ thống điện Việt Nam sạch, bền vững mang lại lợi ích tổng thể cho đất nước**/ Lê Văn Doanh, Phạm Văn Bình// Tự động hóa ngày nay .- 2021 .- Số 249+250 .- Tr. 21-23.

**Nội dung:** Trong thời gian qua quy hoạch điện 8 sửa đổi của Bộ Công Thương trình bày lấy ý kiến đóng góp đã tạo nên cuộc tranh luận sôi nổi trong giới doanh nghiệp, các nhà khoa học cũng như các nhà quản lý. Đối với cơ cấu nguồn điện cho đến năm 2030 các nhà đầu tư năng lượng tái tạo cho rằng đây là một bước lùi vì còn dự kiến 3000 MW cho nguồn điện than và giảm 8000 MW cho nguồn năng lượng tái tạo. là những người công tác trong lĩnh vực đào tạo ngành điện chúng tôi xin trình bày những ý kiến của mình.

**Từ khóa**: Hệ thống điện, Việt Nam, quy hoạch điện

**XÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của dính bám đến ứng xử của kết cấu áo đường bê tông nhựa/** ThS. Lê Quang Huy// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 21-23.

**Nội dung:** Đề cấp đến phân tích ứng suất, biến dạng và độ võng của kết cấu mặt đường bê tông nhựa hai lớp có xét tới điều kiện dính bám giữa hai lớp đó.

**Từ khóa**: Dính bám bề mặt, đường bê tông nhựa, kết cấu xây dựng

**2. Ảnh hưởng của Nano Silica đến tính chất của bê tông siêu tính năng UHPC**/ Trần Bá Việt, Nguyễn Duy Hiếu, Lương Tiến Hùng, Lê Hoàng Sơn, Đỗ Hoàng Duy// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 96-100.

**Nội dung**: Vật liệu Nano ngày càng được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực để chế tạo các vật liệu mới với chức năng mới do các đặc tính vật lý và hóa học độc đáo của chúng. Nếu Nano SiO2 được tích hợp vật liệu xây dựng gốc xi măng, vật liệu có thể sở hữu đặc tính nổi bật. Bài báo trình bày nghiên cứu cho thấy việc sử dụng bổ sung Nano SiO2 vào hỗn hợp UHPC đem lại hiệu quả rất tốt. Điều này thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng Nano SiO2 vào công nghệ sản xuất UHPC sử dụng vật liệu có sẵn và phù hợp với điều kiện thi công tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Nano Silica, bê tông siêu tính năng, Nano SiO2, công nghệ sản xuất UHPC

**3. Các công cụ tính toán chi phí – lợi ích của hạ tầng xanh/** NCS. Lê Thu Trang, NCS. Trần Ngô Đức Thọ// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 40-45.

**Nội dung:** Giới thiệu chi tiết về những phương pháp và bộ công cụ đang được sử dụng phổ biến trên thế giới để đánh giá hiệu quả và tính toán chi phí – lợi ích của các công trình và dự án hạ tầng xanh.

**Từ khóa**: Hạ tầng xanh, chi phí, lợi ích

**4. Các thách thức và giải pháp cho ngành Xây dựng ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu/** Lê Anh Tuấn// Xây dựng .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 20-25.

**Nội dung:** Liệt kê các thách thức và trở ngại trong xây dựng dựa vào các đánh giá nhanh mang tính định tính của các chuyên gia và các kỹ sư ngành Xây dựng, bao gồm những yếu tố thời tiết hạn chế đến thiết bị hoạt động, chi phí gia cố nền móng cao do kết cấu địa chất non yếu, nền đất bị lún sụt do thiếu hụt phù sa và các tác nhân xâm nhập mặn, giảm áp nước ngầm làm giảm tuổi thọ công trình.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, công trình xây dựng

**5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá dự thầu trong xây dựng**/ Phạm Văn Bảo, Nguyễn Văn Tiếp, Nguyễn Hoài Nghĩa// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 122-127.

**Nội dung**: Nghiên cứu hướng đến việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến gía dự thầu trong môi trường xây dựng tại TP. HCM. Nghiên cứu tiến hành với các đối tượng các đơn vị nhà thầu thi công, tư vấn dự án, chủ đầu tư, tư vấn thiết kế các loại hình dự án khác nhau. Kết quả xác định các yếu tố tác động đến giá dự thầu giúp các đơn vị đấu thầu có góc nhìn tổng quan, từ đó áp dụng biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu và nâng cao khả năng trúng thầu.

**Từ khóa**: Giá dự thầu, yếu tố ảnh hưởng, xây dựng

**6. Đánh giá cường độ của bê tông sử dụng cốt liệu tái chế và tro bay/** Lê Đức Hiển, Võ Văn Thảo, Bùi Chí Nam, Nguyễn Duy Tân// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 108-113.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu đặc tính về cường độ của bê tông có sử dụng cốt liệu tái chế thông qua các thí nghiệm. Đánh giá cường độ chịu nén của bê tông cốt liệu tái chế thông qua mẫu khoan trên sàn và phương pháp vận tốc xung siêu âm cũng có những ứng xử khác biệt so với bê tông chỉ có cốt liệu tự nhiên.

**Từ khóa**: Cốt liệu tái chế, tro bay, bê tông cốt liệu tái chế, vận tốc xung siêu âm

**7. Đánh giá khả năng mất ổn định của móng nông trên nền đất có tính lún ướt/** Bùi Trường Sơn, Lê Tiến Nghĩa// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 128-131.

**Nội dung**: Trình bày tính toán, mô phỏng và phân tích trong đánh giá khả năng ổn định và độ lún của nền đất dưới móng nông có xét đến sự thay đổi đặc trưng cơ lý sau khi tẩm ướt. Kết quả phân tích cho thấy khả năng chịu tải của nền đất có thể giảm đang kể và gây phá hoại khi bị ngấm nước. Kết quả phân tích chỉ ra các nguyên nhân hư hỏng các cấu kiện của công trình và những lưu ý trong việc tính toán thiết kế móng trên nền đất khu vực miền Đông Nam Bộ.

**Từ khóa**: Nền móng, đất nền, công trình xây dựng

**8. Dự đoán cường độ liên kết giữa cốt thép bị ăn mòn và lớp bê tông xung quanh bằng phương pháp XGBoost**/ Nguyễn Trung Hiếu, Trần Xuân Linh// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6 (49) .- Tr. 8-15.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng một mô hình máy học XGBoost để dự đoán độ bền liên kết của cốt thép bị ăn mòn và lớp bê tông xung quanh. Một bộ dữ liệu bao gồm 218 mẫu thí nghiệm đã được thu thập từ các tài liệu hiện có để xây dựng mô hình và kiểm nghiệm phương pháp đề xuất. Kết quả tính toán chỉ ra rằng mô hình XGBoost có thể đạt hiệu suất dự đoán tốt. Do đó mô hình được đề xuất là một công cụ đầy hứa hẹn để hỗ trợ các kỹ sư trong việc dự báo cường độ liên kết của cốt thép bị ăn mòn và lớp bê tông xung quanh.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, phương pháp XGBoost, mô hình học máy

**9. Giải pháp bê tông cốt phi kim bền vững cho các công trình ứng phó biến đổi khí hậu**// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 84-86.

**Nội dung**: Giải pháp bê tông cốt phi kim của công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam đem lại hiệu quả thiết thực cho nhiều dự án ở Tp. HCM. Hà Nội, Cà Mau, Thái Bình Bà Rịa - Vũng Tàu, … đã có quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá để ứng dụng rộng rãi. Khảo sát thực nghiệm ứng xử và khả năng chịu lực bê tông cốt thép, xây dựng hướng dẫn, cơ sở cho công trình thủy lợi trong điều kiện biến đổi khí hậu của khu vực ĐBSCL.

**Từ khóa**: Bê tông cốt thép, biến đổi khí hậu

**10. Giải pháp thúc đẩy công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ ở Hà Nội/** Nguyễn Phương Châm// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 83-85.

**Nội dung:** Phân tích những vấn đề đặt ra trong quá trình cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ ở Hà Nội và đề xuất giải pháp thúc đẩy để công tác này đạt hiệu quả.

**Từ khóa**: Chung cư cũ, giải pháp

**11. Khu công nghiệp thế hệ mới : sự phát triển tất yếu**/ Nguyễn Cao Lãnh// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 47-51.

**Nội dung**: Mô hình KCN thế hệ mới sẽ giải quyết một cách đồng bộ ba hoạt động cơ bản của con người là “sống, làm việc và nghỉ ngơi giải trí”. Khi đó KCN và khu nhà ở công nhân sẽ là một tổng thể hữu cơ gắn kết chặt chẽ trong cấu trúc phát triển chung của đô thị và nông thôn. Ba mô hình KCN thế hệ mới từ cơ bản đến đầy đủ sẽ bổ sung hoàn thiện hệ thống lý luận và thực tiễn phát triển các KCN tại Việt Nam trong giai đoạn mới.

**Từ khóa**: Khu công nghiệp, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội

**12. Kiểm định phương tiện đo đạc và bản đồ/** Bùi Đăng Quang, Vũ Tiến Quang// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 21 (371) .- Tr. 48-49.

**Nội dung:** Thực trạng công tác kiểm định phương tiện đo đạc và bản đồ; Các quy định pháp luật cơ bản về kiểm định phương tiện đo đạc ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Đo đạc, bản đồ, kiểm định

**13. Kinh nghiệm thực tiễn về quản lý phát triển đô thị gắn với tăng trưởng xanh và bài học cho đô thị Việt Nam/** Phạm Văn Thành, Phạm Xuân Anh// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 86-92.

**Nội dung:** Bàn luận về các bài học dành cho quản lý phát triển đô thị gắn với tăng trưởng xanh tại Việt Nam nhằm đóng góp những phương hướng quản lý phát triển đô thị hiệu quả để đạt được mục tiêu tăng trưởng xanh trong dài hạn.

**Từ khóa**: Quản lý đô thị, phát triển đô thị, tăng trưởng xanh, kinh nghiệm

**14. Một số giải pháp phát triển nhà ở cho công nhân**/ Hà Quang Hưng// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 24-25.

**Nội dung**: Việc chăm lo giải quyết nhà ở cho người dân trong đó khu công nghiệp dành cho công nhân luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Hàng loạt chính sách ưu đã phát triển đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho công nhân. Bố trí hợp lý đầu tư cơ sở hạ tầng , giải trí, thể thao. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi để người dân và doanh nghiệp tham gia phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

**Từ khóa**: Nhà ở công nhân, nhà ở xã hội

**15. Nghiên cứu chế tạo bê tông hạt mịn sử dụng cát biển trong xây dựng mặt đường bê tông xi măng ven biển/** KS. Trần Phương Đông, PGS. TS. Hoàng Quốc Long, TS. Nguyễn Trọng Chức, ThS. Đinh Quang Trung, ThS. Trần Văn Cương// Cầu đường Việt Nam .- 2022 .- Số 1+2 .- Tr. 52-56.

**Nội dung:** Nghiên cứu bê tông xi măng hạt mịn có sử dụng cát biển khu vực Bắc Miền Trung và một số vật liệu gia cường cùng phụ gia.

**Từ khóa**: Bê tông xi măng, bê tông hạt mịn, cát biển, ven biển

**16. Nghiên cứu chế tạo trụ gió bê tông cốt thép tiền chế tại Việt Nam/** TS. Trần Bá Việt, TS. Phạm Thanh Đảm, KS. Lê Hoàng Phúc, KS. Lương Tiến Hùng// Xây dựng .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 36-44.

**Nội dung:** Trình bày phương pháp tính toán thiết kế, chế tạo các phần tử bê tông cốt thép đúc sẵn của tháp gió thay thế các phân đoạn thép nhập khẩu.

**Từ khóa**: Trụ gió, bê tông cốt thép tiền chế

**17. Nghiên cứu đặc điểm chịu lực của dầm cầu thép được tăng cường bằng thanh chống và dây kéo ngoài/** TS. Nguyễn Mạnh Thường, ThS. Lê Văn Tú// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 24-28.

**Nội dung:** Trình bày việc khảo sát sự biến thiên nội lực của dầm thép được tăng cường bằng hệ thanh chống và dây kéo ngoài trong kết cấu cầu. Xây dựng cơ sở khoa học xác định khả năng sử dụng loại kết cấu này cho các công trình cầu tạm phục vụ mục đích an ninh quốc phòng, cứu hộ cứu nạn.

**Từ khóa**: Cầu tạm, dây kéo ngoài, dầm thép, hệ thanh chống

**18. Nghiên cứu độ ẩm tối ưu của đất sỏi sạn đối với công tác đầm nén đất khi thi công xây dựng nền đường/** ThS. Đỗ Văn Thùy, TS. Nguyễn Văn Hiếu// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 10-15.

**Nội dung:** Trình bày kết quả khảo sát mối quan hệ giữa độ ẩm và dung trọng khô của đất sỏi sạn được lấy từ Hòa Lạc – Hà Nội bằng thí nghiệm trong phòng. Từ đó, đưa ra những nhận xét, đánh giá về độ ẩm tối ưu đối với công tác đầm nén đất đảm bảo yêu cầu kỹ thuật mà số công đầm nén là nhỏ nhất khi sử dụng loại đất đó thi công xây dựng nền đường.

**Từ khóa**: Nền đường, độ ẩm tối ưu, đất sỏi sạn, dung trọng khô, đầm nén

**19. Nghiên cứu phân loại đường bộ theo chức năng nhằm đáp ứng đòi hỏi của quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam/** PGS. TS. Doãn Minh Tâm// Cầu đường Việt Nam .- 2022 .- Số 1+2 .- Tr. 73-82.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về các phương pháp phân loại đường bộ trên thế giới và tại Việt Nam. Đưa ra một số mô hình phân loại đường bộ trên thế giới.

**Từ khóa**: Đường bộ, thiết kế đường bộ, quy hoạch xây dựng

**20. Nghiên cứu quan hệ giữa cường độ nén, kéo, uốn và Modul đàn hồi của bê tông siêu tính năng - UHPC/** TS. Trần Bá Việt, KS. Lương Tiến Hùng// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 68-72.

**Nội dung:** Trình bày về quan hệ, các yếu tố ảnh hưởng đến việc quy đổi, đánh giá các chỉ tiêu cơ lý: cường độ nén, cường độ kéo trực tiếp, cường độ uốn 4 điểm, cường độ uốn 3 điểm và modul đàn hồi của bê tông siêu tính năng - UHPC.

**Từ khóa**: Bê tông siêu tính năng – UHPC, modul đàn hồi, cường độ nén, kéo, uốn

**21. Nghiên cứu thực nghiệm ứng xử uốn của dầm bê tông cốt thép tính năng cao sử dụng cấp phối có nano silic/** ThS. NCS. Lê Hồng Lam, PGS. TS. Đào Duy Lâm, GS. TS. Phạm Duy Hữu// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 16-20.

**Nội dung:** Nghiên cứu ảnh hưởng nano silic chế tạo từ tro trấu tại Việt Nam đến đặc tính cơ học của bê tông tính năng cao, đồng thời nghiên cứu ứng xử uốn của dầm bê tông sử dụng vật liệu này.

**Từ khóa**: Bê tông tính năng cao, nano silic, mô men – góc xoáy, tải trọng – độ võng

**22. Nghiên cứu ứng dụng mô hình véc tơ máy hỗ trợ trong việc xác định khả năng hóa lỏng của đất dưới tải trọng địa chấn/** TS. Phạm Tuấn Anh// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 100-103.

**Nội dung:** Trình bày kết quả ứng dụng phương pháp tiếp cận dựa trên trí tuệ nhân tạo trong việc xác định khả năng hóa lỏng của đất, một mô hình trí tuệ nhân tạo tên là véc tơ máy hỗ trợ đã được phát triển để dự báo khả năng đất bị hóa lỏng dưới tác dụng của tải trọng địa chấn.

**Từ khóa**: Hóa lỏng, địa chấn, chỉ số CPT, mô hình trí tuệ nhân tạo, véc tơ máy hỗ trợ

**23. Nghiên cứu ứng suất và biến dạng của nền móng công trình lân cận do thi công ép cọc/** TS. Nguyễn Ngọc Thắng, ThS. Bùi Hữu Hiệp, ThS. Nguyễn Phúc Toàn// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 96-99.

**Nội dung:** Đề xuất biện pháp đánh giá trạng thái ứng xử của quá trình ép móng cọc bằng phương pháp mô phỏng số. Từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục những khó khan để công trình nhà được xây chen hiệu quả.

**Từ khóa**: Công trình lân cận, cọc xây chen, ứng suất, biến dạng, nền móng công trình

**24. Nhà ở công nhân : thực trạng và suy nghĩ**/ Phạm Thanh Tùng// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Việt Nam trải qua 2 năm Đại dịch bùng phát mạnh mẽ, Đại dịch Covid làm phơi bày những yếu kém của đô thị thiếu hóa thiếu kiểm soát. Trong đó phát triển đô thị làm đứt gãy chuỗi cung ứng dịch vụ y tế - xã hội. Vì vậy cần đưa ra giải pháp phát triển các khu nhà ở công nhân hiện đại hơn, đổi mới hơn, tiện nghi hơn. Khu công nghiệp nhà ở công nhân sẽ trở thành một tổng thế hữu cơ gắn bó chặt chẽ trong cấu trúc đô thị thông minh và phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Nhà ở công nhân, đô thị hóa

**25. Nhà ở công nhân tại các khu công nghiệp của Việt Nam : cần gắn với xu hướng phát triển đô thị công nghiệp**/ Nguyễn Tất Thắng// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 42-46.

**Nội dung**: Việc đa dạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thông qua mô hình đầu tư xây dựng các KCN tập trung, đáp ứng nhu cầu khai thác nguồn lực, đồng thời là giải pháp tiếp thu khoa học công nghệ, kỹ thuật, kinh nghiệm, quản lý, từng bước xây dựng đội ngũ công nhân có kỷ luật lao động chuyên nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện sẽ gặp nhiều khó khăn cần khắc phục được khó khăn và có những bước đi đúng đắn, phù hợp với điều kiện Việt Nam, hướng tới sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước bền vững.

**Từ khóa**: Nhà ở công nhân, khu công nghiệp, phát triển đô thị, công nghiệp hóa, hiện đại hóa

**26. Ổn định cột chịu nén theo lý thuyết biến dạng lớn/** ThS. Nguyễn Đăng Điềm// Cầu đường Việt Nam .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 7-9.

**Nội dung:** Xây dựng phương trình vi phân đường đàn hồi của cột chịu nén đúng tâm ở trạng thái mất ổn định trên giả thiết coi biến dạng là lớn, từ đó xây dựng được quan hệ giữa tải trọng tới hạn khi coi biến dạng là lớn và tải trong tới hạn tính theo Ơ-le.

**Từ khóa**: Cột chịu nén, biến dạng lớn, phương trình vi phân, chuyển vị ngang

**27. Phân tích các phương pháp ổn định cần trục bánh lốp/** TS. Trần Đức Hiếu// Xây dựng .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 68-72.

**Nội dung:** Đề cập đến vấn đề phân tích các phương pháp ổn định cho cần trục bánh lốp, liên quan đến lật đổ nhằm đảm bảo độ an toàn và cung cấp cho người vận hành thông tin dễ nhận biết về độ ổn định hiện tại theo thời gian thực trong một chu kỳ làm việc.

**Từ khóa**: Cần trục bánh lốp, phương pháp ổn định, trục lật

**28. Phân tích dự báo lợi ích và rủi ro đối với đô thị nếu chuyển đổi Condotel thành căn hộ chung cư/** ThS. Nguyễn Thành Nguyên, PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 54-59.

**Nội dung:** Phân tích, đánh giá 17 lợi ích và 24 rủi ro có thể xảy ra, trong đó có 2 lợi ích, 8 rủi ro các tác động mạnh đến đô thị và nhiều lĩnh vực trong xã hội nếu chuyển đổi Condotel thành căn hộ chung cư.

**Từ khóa**: Đô thị, chung cư, lợi ích, rủi ro, Condotel

**29. Phân tích ứng xử của tấm phân lớp chức năng nhiều lớp dựa trên áp đặt các hàm dạng cho điều kiện biên khác nhau/** TS. Nguyễn Văn Hậu// Xây dựng .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 62-67.

**Nội dung:** Trình bày lý thuyết biến dạng cắt bậc cao để phân tích tần số dao động riêng và ổn định của tấm phân lớp chức năng nhiều lớp.

**Từ khóa**: Tấm phân lớp chức năng nhiều lớp, dao động tự do

**30. Phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm**/ Bộ Xây dựng// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 14-19.

**Nội dung**: 75 năm sau Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ 1 ngày 24/11/2021 tại Hà Nội, Hội nghị văn hóa toàn quốc được tổ chức. Hội nghị có ý nghĩa rất quan trọng nhằm khơi dậy khát vọng của toàn dân tộc để đất nước bước sang một thời kỳ mới, tập trung phát triển nhanh và bền vững.

**Từ khóa:** Xây dựng, đô thị, con người

**31. Phát triển nhà ở xã hội phía Nam : cần hướng dẫn cụ thể**/ Trung Kiên// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 60-61.

**Nội dung**: Theo đánh giá của nhiều doanh nghiệp bất động sản thì việc ban hành cơ chế, chính sách cho nhà ở xã hội hiện nay khá đầy đủ nhưng thiếu hướng dẫn chi tiết khó triển khai. Mặc dù các tỉnh thành phía Nam như TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Long An có kế hoạch xây dựng nhà ở xã hội cho mỗi địa phương, doanh nghiệp đã sẵn sàng, nhưng cần hướng dẫn chi tiết cụ thể để doanh nghiệp nắm bắt thực hiện nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

**Từ khóa**: Nhà ở xã hội, Quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị

**32. Quy hoạch khu công nghiệp và phát triển đô thị gắn với nhà ở công nhân**/ Trần Ngọc Chính// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Đã đến lúc cần đổi mới, tái cấu trúc và hoàn thiện mô hình các KCN nhằm bắt kịp với xu thế toàn cầu. Trong đó rà soát quy hoạch đô thị chi tiết, gắn quy hoạch nhà ở cho người lao động KCN với quy hoạch phát triển đô thị, đảm bảo hài hòa lợi ích lâu dài, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững làm mục tiêu cao nhất.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, quy hoạch khu công nghiệp, phát triển đô thị, nhà ở công nhân

**33. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội**/ Nguyễn Cao Lãnh// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 112-117.

**Nội dung**: Xác định các đặc trưng không gian phát triển riêng của doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa. Từ đó cùng vưới tiền đề và kinh nghiệm phát triển cụm công nghiệp hiện nay, nghiên cứu đề xuất mô hình cùng với các giải pháp quy hoạch tổ chức cụm công nghiệp mới cho các doanh nghiệp này tại Hà Nội.

**Từ khóa:** Quy hoạch, khu công nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**34. Quy hoạch, kiến trúc và đầu tư xây dựng nhà ở công nhân, thiết chế công đoàn tại các khu công nghiệp Việt Nam hướng tới 2030**/ Hồ Chí Quang// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Phần lớn lao động từ nông thôn đến các khu công nghiệp, đô thị đang ở thuê trong nhà trọ ẩm thấp, chật hẹp. Những nguy cơ về đời sống, chính sách và an sinh xã hội thấp, nguy cơ ô nhiễm môi trường, mất an ninh trật tự, bệnh tật ngày càng cao. Chính vì vậy cần đề ra giải pháp hướng tới năm 2030 quy hoạch về kiến trúc, khoa học kỹ thuật, tài chính, chính sách xã hội, quan tâm đến nâng cao phát triển hệ thống giáo dục, an sinh xã hội, giải trí, y tế, nhà ở cho công nhân.

**Từ khóa**: Nhà ở công nhân, quy hoạch, kiến trúc, đầu tư xây dựng, khu công nghiệp

**35. Tái lập các kết nối hạ tầng xanh trong quy hoạch xây dựng nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng/** Phạm Hùng Cường, Phùng Mỹ Hạnh, Dương Quỳnh Nga// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 34-39.

**Nội dung:** Nhận diện các vấn đề đứt gãy trong kết nối hạ tầng xanh của các làng xã truyền thống qua 3 trường hợp nghiên cứu tại 3 xã thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng, so sánh với giải pháp của các đồ án quy hoạch nông thôn hiện nay. Qua đó thất được những mặt còn hạn chế của giải pháp và kiến nghị các giải pháp quy hoạch phù hợp hơn theo hướng tái thiết lập các kết nối trong hệ thống hạ tầng xanh mới, trên cả khía cạnh hạ tầng kỹ thuật, tổ chức không gian, công nghệ môi trường để tạo lập sự phát triển bền vững cho khu vực nông thôn.

**Từ khóa**: Hạ tầng xanh, quy hoạch nông thôn, Đồng bằng sông Hồng

**36. Tầm nhìn quy hoạch đô thị biển ứng phó với biến đổi khí hậu : kinh nghiệm quốc tế/** ThS. KTS. Phạm Hoàng Phương// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 29-33.

**Nội dung:** Trình bày về tiềm năng và thách thức với biến đổi khí hậu của các đô thị biển; quy hoạch ứng phó với ngập lụt, nước biển dâng; quy hoạch đô thị biển thịnh vượng, bền vững; quy hoạch đô thị “xanh”.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị biển, biến đổi khí hậu, kinh nghiệm

**37. Tầm quan trọng trong định hướng chính sách và quy hoạch kiến trúc phát triển nhà ở công nhân khu công nghiệp**/ Trịnh Hồng Việt, Phạm Hoàng Phương// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 32-37.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến một số định hướng chung về xây dựng chính sách, quy hoạch kiến trúc, đẩy mạnh ứng dụng công nghiệp hóa sản xuất nhà ở công nghiệp tại Việt Nam trong thời gian tới. Hướng đến đáp ứng hiệu quả nhu cầu thực tiễn, nâng cao chất lượng tiện nghi sống công nhân khu công nghiệp, thúc đẩy sản xuất, cũng như phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

**Từ khóa**: Nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, khu công nghiệp, quy hoạch kiến trúc

**38. Thi công cọc ép tiết diện nhỏ cho nhà xây dựng chen từ 1 đến 5 tầng địa chất Thành phố Vĩnh Long**/ Huỳnh Hàn Phong// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 139-143.

**Nội dung**: Do nguồn cư tràm ngày càng khan hiếm nên để gia cố nền móng cho công trình nhà xây chen tại Vĩnh Long thường sử dụng bê tông cốt thép ứng suất trước tiết diện nhỏ, sản xuất đại trà. Tác giả trình bày những khó khăn khi thi công ép cọc tiết diện nhỏ cho nhà xây dựng chen từ 1 đến 5 tầng ở Tp. Vĩnh Long, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục những khó khăn để công trình nhà được xây chen hiệu quả.

**Từ khóa**: Xây dựng, thi công, Vĩnh Long, nền móng, nhà xây chen

**39. Thi công mặt dựng kính nhà cao tầng bằng phương pháp lắp nguyên kiện với hệ khung xương/** ThS. Nguyễn Quang Vinh// Tài nguyên và Môi trường .- 2021 .- Số 11 (361) .- Tr. 70-72.

**Nội dung:** Trình bày quy trình công nghệ thi công mặt dựng kinh nhà cao tầng bằng phương pháp lắp nguyên kiện với hệ khung xương nhằm mục đích sử dụng vật liệu kính một cách an toàn và hiệu quả cũng như phục vụ cho công tác thi công mặt dựng kính nhà cao tầng nói chung.

**Từ khóa**: Mặt dựng kính nhà cao tầng, lắp nguyên kiện, hệ khung xương

**40. Tính toán ổn định tổng thể dầm thép tiết diện chữ I theo tiêu chuẩn TCVN 5575:2012 và AISC 360-10/** TS. Nguyễn Ngọc Thắng, ThS. Võ Nhật Tiễn, ThS. Nguyễn Hoài Sơn// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 93-95.

**Nội dung:** Nghiên cứu và khảo sát số để đề xuất một số vấn đề khi thiết kế dầm chữ I có tiết diện thay đổi. Khảo sát dầm tiết diện thay đổi trong đó bụng dầm được bố trí các điểm cố kết ngoài mặt phẳng để chống lật bằng mô hình các thanh cố kết bằng các liên kết tương đương.

**Từ khóa**: Dầm thép, dầm chữ I, tiêu chuẩn TCVN 5575:2012, AISC 360-10

**41. Tối ưu hóa máy vec tơ hỗ trợ để dự báo cường độ chịu nén của bê tông muội silic/** ThS. Bùi Gia Linh// Cầu đường Việt Nam .- 2022 .- Số 1+2 .- Tr. 57-61.

**Nội dung:** Xây dựng mô hình máy học có tên là máy vec tơ hỗ trợ để dự đoán cường độ nén của bê tông muội silic bằng cách sử dụng các thành phần và thời gian cụ thể.

**Từ khóa**: Máy vec tơ hỗ trợ, cường độ chịu nén, bê tông muội silic

**42. Ứng dụng BIM cho công trình hạ tầng kỹ thuật tại Việt Nam**/ Ngô Thanh Thủy, Nguyễn Quốc Chương, Đỗ Minh Truyền, Bùi Hoàng Đạt, Huỳnh Xuân Tín// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6 (747) .- Tr. 25-27.

**Nội dung**: Phân tích ứng dụng mô hình thông tin công trình (Building Information Modeling – BIM) cho công trình hạ tầng kỹ thuật, một xu hướng công nghệ tất yếu của ngành xây dựng trong bối cảnh hội nhập và phát triển tại Việt Nam. BIM là một quy trình liên quan tới việc tạo lập và quản lý dưới dạng kỹ thuật số các khâu thiết kế, thi công và vận hành các công trình. Việc ứng dụng BIM giúp tăng năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công việc, góp phần giảm thiểu chất thải xây dựng và được đánh giá là công nghệ mũi nhọn của ngành xây dựng nhằm phát triển hạ tầng số, nền tảng số thuộc Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 06/2020.

**Từ khóa**: Xây dựng, công trình, hạ tầng kỹ thuật, BIM, kỹ thuật số, chuyển đổi số

**43. Ứng dụng mô hình rừng ngẫu nhiên dự đoán khả năng chịu lực của cột ống thép nhồi bê tông tiết diện elip/** ThS. Mai Văn Chiến// Cầu đường Việt Nam .- 2022 .- Số 1+2 .- Tr. 83-87.

**Nội dung:** Xây dựng mô hình trí tuệ nhân tạo dựa trên thuật toán rừng ngẫu nhiên có khả năng chịu tải giới hạn của cột ống thép nhồi bê tông chịu nén dọc trục. Khảo sát và đánh giá hiệu quả các mô hình học máy, nghiên cứu sử dụng các tiêu chí thống kê khác nhau như: hệ số tương quan Pearson và căn của sai số toàn phương trung bình.

**Từ khóa**: Mô hình rừng ngẫu nhiên, cột ống thép nhồi bê tông, tải trọng tới hạn

**44. Ứng dụng thuật toán Rao tối ưu khung thép sử dụng phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi**/ Hà Mạnh Hùng, Trương Việt Hùng, Nguyễn Minh Phương// Khoa học công nghệ Việt Nam B .- 2021 .- Số 8 (Tập 63) .- Tr. 35-39.

**Nội dung**: Phân tích ứng dụng thuật toán Rao tối ưu khung thép sử dụng phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi. Các thuật toán tối ưu metaheuristic ngày càng được sử dụng rộng rãi trong thiết kế công trình nhờ khả năng vượt trội của chúng trong việc tìm kiếm các thiết kế tối ưu toàn cục. Thuật toán tối ưu Rao là một trong những thuật toán metaheuristic mới nhất, được trình bày cho bài toán tối ưu kết cấu khung thép. Ưu điểm của thuật toán Rao là khá đơn giản (với rất ít tham số) nên các kỹ sư có thể dễ dàng ứng dụng trong công việc thiết kế hàng ngày. Phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi được sử dụng để xét đến các ứng xử phi tuyến của kết cấu thép.

**Từ khóa**: Khung thép, phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi, thuật toán Rao, tối ưu

**45. Ước lượng hệ số cho phương trình lưu lượng nước rò rĩ trên mạng lưới cấp nước**/ Phạm Thị Minh Lành// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 144-148.

**Nội dung**: Đề xuất sử dụng mô hình hệ thống suy luận mờ, ước lượng hai hệ số (hệ số mũ và hệ số lưu lượng rò rỉ) trên các cơ sở các số liệu khảo sát thực tế về lưu lượng và áp suất dòng chảy rò rỉ. Mô hình hệ thống suy luận mờ được kiểm chứng trên mô hình thủy lực mạng lưới cấp nước quận Gò Vấp Tp. HCM từ đó đưa ra phương trình lưu lượng nước rò rĩ trên mạng lưới cấp nước này.

**Từ khóa**: Cấp thoát nước, mạng lưới cấp nước, lưu lượng nước rò rĩ

**46. Vận tốc biến dạng lún của sét bão hòa do cố kết và từ biến từ kết quả thí nghiệm nén cố kết/** ThS. NCS. Lâm Ngọc Quí, PGS. TS. Bùi Trường Sơn// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 78-82.

**Nội dung:** Từ kết quả thí nghiệm cố kết thoát nước một phương và hai phương, vận tốc biến dạng lún thực tế và dự tính theo giá trị hệ số cố kết thứ cấp của đất loại sét được tính toán và phân tích. Vận tốc biến dạng lún cố kết của sét mềm phụ thuộc vào chiều dài đường thấm trong khi biến dạng từ biến chỉ phụ thuộc bề dày lớp đất.

**Từ khóa**: Thí nghiệm nén cố kết, vận tốc biến dạng lún, sét bão hòa, hệ số cố kết thứ cấp

**47. Vẽ đường tần xuất lý luận theo phương pháp thích hợp dần trong xử lý số liệu quan trắc thủy văn công trình giao thông/** PGS. TS. Phạm Văn Thoan// Cầu đường Việt Nam .- 2022 .- Số 1+2 .- Tr. 62-72.

**Nội dung:** Trình bày cơ sở lý thuyết vẽ đường tần xuất lý luận theo phương pháp thích hợp dần, đưa ra ví dụ tính toán đồng thời thiết lập trình tự các bước để vẽ đường tần xuất lý luận theo phương pháp thích hợp dần. Đưa ra kết luận và kiến nghị cần thiết cho người làm công tác khảo sát, nghiên cứu thủy văn và thiết kế công trình.

**Từ khóa**: Đường tần xuất lý luận, phương pháp thích hợp dần, thủy văn

**48. Xác định sức chịu tải nền đất bằng phương pháp số có xét đến tính lưu biến của nền đất**/ Nguyễn Huy Hiệp, Đàm Hữu Hưng// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 108-111.

**Nội dung**: Trình bày một số giải pháp phân tích để xác định khả năng chịu lực dài hạn của móng băng có tính đến các giá trị khác nhau của hệ số áp lực đất khi nghỉ và sự giảm cố kết của đất. Kết quả là đạt được đường cong phụ thuộc khả năng chịu lực của móng dải theo thời gian, là cơ sở để kiểm soát kết quả thu được theo phương pháp phần tử hữu hạn.

**Từ khóa**: Hệ số áp lực đất, sức chịu tải nền đất, tính lưu biến của nền đất

**49. Xây dựng mô hình ANN đánh giá rủi ro kỹ thuật công trình cầu trên đường cao tốc/** Lê Đức Anh, Đào Duy Lâm, Thái Thị Kim chi// Cầu đường Việt Nam .- 2022 .- Số 1+2 .- Tr. 88-91.

**Nội dung:** Nghiên cứu ứng dụng trí thông minh nhân tạo thông qua mô hình mạng nơ ron trong đánh giá rủi ro kỹ thuật công trình cầu trên đường cao góp phần giải quyết các hạnh chế hiện nay trong công tác này.

**Từ khóa**: Mô hình ANN, mô hình mạng nơ ron nhân tạo, công trình cầu, đường cao ốc

**KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**1. Ảnh hưởng của áp lực quỹ thời gian kiểm toán và tính cách của kiểm toán viên đến hành vi giảm chất lượng kiểm toán tại các công ty kiểm toán ở thành phố Hồ Chí Minh/** Lê Thanh Tra// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 106 – 111

**Nội dung:** Bài viết kiểm tra mối quan hệ giữa áp quỹ thời gian kiểm toán và tính cách của kiểm toán viên đến hành vi giảm chất lượng kiểm toán tại các công ty kiểm toán độc lập ở thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra được áp lực quỹ thời gian kiểm toán và tính cách của kiểm toán viên có ảnh hưởng đến hành vi giảm chất lượng kế toán tại các công ty kiểm toán ở thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Áp lực quỹ thời gian, tính cách, hành vi giảm chất lượng kiểm toán

**2. Ảnh hưởng của các nhân tố đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại địa bàn tỉnh Đồng Nai/** Lê Vũ Hà, Đỗ Văn Lộc, Huỳnh Mẫn Kỳ// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 68 – 73

**Nội dung:** Bài viết xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố đến tính hữu hiệu hệ thống kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Từ đó, tác giả đưa ra gợi ý chính sách góp phần nâng cao tín dụng hữu hiệu đối với kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ, ngân hàng thương mại, tín dụng

**3. Ảnh hưởng của quản trị tiền lương đến mức độ hài lòng của nhân viên trong doanh nghiệp/** Trương Thị Tâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 86 - 88.

**Nội dung:** Bài viết tìm hiểu về các công trình nghiên cứu và các mô hình nghiên cứu liên quan đến ảnh hưởng của quản trị tiền lương đến mức độ hài lòng của nhân viên trong doanh nghiệp. **Từ khóa: Q**uản trị tiền lương, sự hài lòng, doanh nghiệp

**4. Ảnh hưởng của thông tin kế toán quản trị đến thành quả công việc của nhà quản lý : vai trò trung gian của vốn tâm lý**/ Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Bích Liên, Nguyễn Phong Nguyên// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 55-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu này kiểm định vai trò của thông tin được cung cấp bởi hệ thống kế toán quản trị trong việc nâng cao thành quả công việc của nhà quản lý trong doanh nghiệp. Thông tin kế toán quản trị được tiếp cận ở góc độ mức độ sử dụng các đặc tính chất lượng thông tin của nhà quản lý. Thành quả của nhà quản lý được tiếp cận ở khía cạnh hành vi, gồm thành quả nhiệm vụ và thành quả theo ngữ cảnh. Kết quả phân tích PLS-SEM trên cơ sở dữ liệu khảo sát từ 134 nhà quản lý các cấp trong các doanh nghiệp tại Việt Nam chỉ ra rằng mức độ sử dụng thông tin kế toán quản trị góp phần phát triển năng lực tâm lý tích cực, từ đó tác động tích cực đến thành quả công việc của nhà quản lý. Kết quả nghiên cứu này bổ sung vào cơ sở lý thuyết trong các nghiên cứu kế toán quản trị về các yếu tố trung gian trong mối quan hệ giữa thông tin kế toán quản trị và thành quả công việc của nhà quản lý.

**Từ khoá**: Thông tin kế toán quản trị; Thành quả của nhà quản lý; Thành quả công việc; Thành quả nhiệm vụ; Thành quả theo ngữ cảnh, Vốn tâm lý

**5. Áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam : vướng mắc và đề xuất giải pháp**/ Nguyễn Thị Tấm// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 135-137.

**Nội dung**: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đã được áp dụng tại hơn 100 quốc gia trên thế giới. Trong xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam cũng không thể nằm ngoài tiến trình hội nhập và áp dụng Chuẩn mực chung về IFRS. Bài viết nghiên cứu những vấn đề còn tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong áp dụng IFRS tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp Việt Nam áp dụng hiệu quả IFRS trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, doanh nghiệp, nhà đầu tư, công ty kiểm toán

**6. Áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế tại Viêt Nam và những vấn đề đặt ra**/Chúc Anh Tú//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 38 - 42.

**Nội dung:** Sự cần thiết phải hướng được sự hội nhập kế toán quốc tế, nhằm cung cấp những thông tin có giá trị pháp lý cao, cũng như hài hòa với khu vực và quốc tế trên các lĩnh vực chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp dịch vụ và cấp chứng chỉ.Bài viết tập trung vào việc đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện những vướng mắc trong triển khai quá trình này. **Từ khóa:** VFRS, VPSAS, chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam, chuẩn mực kế toán công Việt Nam

**7. Áp dụng giá trị hợp lý đối với lĩnh vực kế toán nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế**/ Huỳnh Thị Lan// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Kế toán nông nghiệp của Việt Nam hiện hành dựa trên nền tảng của nguyên tắc Giá gốc. Việc áp dụng nguyên tắc Giá gốc đã không phù hợp với khuôn mẫu chung của quốc tế trong kế toán nông nghiệp, hệ quả là việc xử lý, ghi nhận và trình bày thông tin không đảm bảo tính trung thực, đúng đắn, phù hợp với đối tượng kế toán là các tài sản sinh học, sản phẩm nông nghiệp, cũng như tình hình và kết quả hoạt động nông nghiệp của các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam. Việc áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán nông nghiệp là hoàn toàn cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kế toán trong khu vực và quốc tế.

**Từ khoá**: Giá trị hợp lý, kế toán nông nghiệp, kế toán quốc tế, giá gốc

**8. Áp dụng phương pháp kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC) trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam**/ Trần Thị Hồng Mai// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 20-23,10.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ đặc điểm, tình hình nghiên cứu về phương pháp kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC). Các nghiên cứu cho thấy, thực hiện phương pháp này đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp (DN) nhưng khá phức tạp, đòi hỏi một số điều kiện nhất định. Xuất phát từ đặc điểm của các DN sản xuất Việt Nam, tác giả cho rằng cần thiết áp dụng phương pháp ABC. Tuy nhiên, các DN có thể lựa chọn áp dụng nguyên bản phương pháp hoặc ABC điều chỉnh (theo ma trận, theo thời gian).

**Từ khoá**: Phương pháp kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động, Doanh nghiệp sản xuất

**9. Bàn về kế toán hàng tồn kho theo IAS 02/** Nguyễn Thị Thanh Hòa// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 115 – 118

**Nội dung:** Hàng tồn kho là một loại tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong các loại tài sản của doanh nghiệp. Kế toán hàng tồn kho góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán của doanh nghiệp đáng tin cậy và hữu ích. Thông tin kế toán tin cậy và hữu ích giúp cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính của doanh nghiệp đưa ra các quyết định đúng đắn trong kinh doanh.

**Từ khóa:** Hàng tồn kho, IAS 02

**10. Bàn về thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong ngành hàng không**/ Phạm Quang Huy, Phùng Thị Mai Thảo// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu này giới thiệu được các nhân tố có tác động đến tính hữu hiệu của hệ thống KSNB trong các DN thuộc lĩnh vực hàng không, tại Việt Nam. Bên cạn năm thành phần cơ bản thì kết quả đã xác định có thêm hai nhân tố mới có ảnh hưởng đến cấu trúc kiểm soát của các đơn vị thuộc lĩnh vực mới được tìm hiểu này.

**Từ khoá**: Hàng không, kiểm soát nội bộ, tính hữu hiệu, thang đo, nhân tố

**11. Báo cáo tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp : những vấn đề cần lưu ý**/ Dương Thị Thanh Hiền// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 78-80.

**Nội dung:** Báo cáo tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp là nguồn thông tin đầu vào quan trọng để xây dựng BCTC Nhà nước, báo cáo của Tổng Kế toán Nhà nước. Với những yếu cầu cấp bách về thông tin và công khai với các bên liên quan, BCTC khu vực công nói chung cần được hoàn thiện từ việc lấy chứng từ, số liệu, cho đến việc lập và công bố thông tin.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp

**12. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán công nghệ thông tin**/ Vũ Thùy Dung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 81-82.

**Nội dung**: Trình bày nhân tố về doanh nghiệp kiểm toán và nhân tố thuộc về môi trường hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, công nghệ thông tin, nhân tố ảnh hưởng

**13. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán công nghệ thông tin**/ Vũ Thùy Dung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 81-82.

**Nội dung**: Trình bày nhân tố về doanh nghiệp kiểm toán và nhân tố thuộc về môi trường hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, công nghệ thông tin, nhân tố ảnh hưởng

**14. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại**/ Ngô Văn Lượng/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 61-64.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ trên phương diện lý thuyết.

**Từ khoá**: nhân tố ảnh hưởng, hàng tồn kho, kế toán quản trị

**15. Các nhân tố ảnh hưởng thực trạng vận dụng chế độ kế toán theo thông tư 107/2017/TT- BTC tại các trường công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương/** Nguyễn Thị Mai Hương, Thái Thanh Vũ// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 30 – 34

**Nội dung:** Bài viết tập trung đo lường và đánh giá những nhân tố tác động đến thực tiễn thực hành thông tư 107/2017/TT-BTC tại các trường công lập theo cơ chế tự chủ tài chính, trên địa bàn tỉnh Bình Dương nhằm đề xuất một số hàm ý chính sách để hoàn thiện công tác kế toán phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính hiện nay.

**Từ khóa:** Thông tư 107, chế độ kế toán, cơ sở giáo dục

**16. Các nhân tố ảnh hưởng và tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính trong kiểm tra sau thông quan**/Nguyễn Tuấn Trung//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 67 - 70.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả tài chính trong kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) và hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính trong KTSTQ để có cơ sở phân tích, đánh giá hiệu quả tài chính trong KTSTQ ở Việt Nam hiện nay. **Từ khóa:** Kiểm tra sau thông quan, hiệu quả tài chính, chi phí hành chính

**17. Các nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ tác động đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam/** Trần Hồng Vân, Phạm Huỳnh Lan Vi// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 74 – 79

**Nội dung:** Xác định các nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ tác động đến hoạt động tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng cả 5 nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ đều có tác động tích cực việc tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam. Trong đó nhân tố thông tin truyền thông có tác động mạnh nhất.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ, tổ chức kế toán, doanh nghiệp Việt Nam

**18. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai ứng dụng phần mềm kế toán hiệu quả trong các doanh nghiệp nhỏ tại Đồng Nai/** Nguyễn Văn Dũng, Đặng Trần Nhật Vang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 24 – 29

**Nội dung:** Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai ứng dụng phần mềm kế toán hiệu quả trong các doanh nghiệp nhỏ tại tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 179 doanh nghiệp, đối tượng khảo sát là các giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và kế toán viên của các doanh nghiệp nhỏ có ứng dụng phần mềm kỹ thuật. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy sự ảnh hưởng của các biến độc lập bao gồm: giá cả phần mềm kế toán, hạ tầng công nghệ thông tin của doanh nghiệp; tính phổ biến của phần mềm; cam kết quả chủ sở hữu; trình độ chuyên mô của đội ngũ kế toán và quy mô doanh nghiệp. **Từ khóa:** Ứng dụng, phần mềm kế toán, Đồng Nai, doanh nghiệp nhỏ

**19. Công bố thông tin kế toán và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp**/ Từ Thanh Hoài, Nguyễn Phong Nguyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 51-53.

**Nội dung**: Công bố thông tin kế toán một cách kịp thời, trung thực, hợp lý vừa là nghĩa vụ của các công ty đại chúng, vừa thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và các bên liên quan. Minh bạch thông tin kế toán, sẽ giúp các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán thực hiện tốt trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, nâng cao danh tiếng, gia tăng lợi thế cạnh tranh, hướng đến phát triển bền vững.

**Từ khoá:** Công bố thông tin kế toán, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp

**20. Công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp**/ Nguyên Xuân Hưng, Đoàn Thị Thu Thủy, Từ Thanh Hoài, Vũ Hải Yến// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 42-48.

**Nội dung**: Công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (TNXHDN) là một vấn đề đang nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp (DN) và các bên liên quan. Công bố thông tin TNXHDN là việc DN phải báo cáo về những hành động đem lại giá trị cho các bên liên quan và xã hội. Việc DN công bố thông tin về vấn đề môi trường cũng như đóng góp cho cộng đồng sẽ đem lại cho DN những lợi ích nhất định, gia tăng lợi thế cạnh tranh và hướng đến sự phát triển bền vững. Đứng trước yêu cầu công bố thông tin TNXHDN ngày càng tăng từ các bên liên quan và cộng đồng quốc tế cũng như nhu cầu hội tụ báo cáo toàn cầu, các DN tại Việt Nam cần xây dựng các chính sách cũng như thực hiện hoạt động TNXHDN phù hợp với thông lệ chung. Vì vậy, những hoạt động thuộc về TNXHDN cũng như công bố thông tin TNXHDN ngày càng trở nên quan trọng và đóng vai trò không nhỏ trong việc nâng cao giá trị DN. Những điều trên đã làm cho hoạt động công bố thông tin TNXHDN của các DN tại Việt Nam cần được quan tâm nhiều hơn nữa. Trên cơ sở này, nhóm tác giả tiến hành lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới và Việt Nam về các tiền tố và hậu tố của công bố thông tin TNXHDN. Lược khảo nghiên cứu cung cấp cho người đọc những thông tin sơ lược và thiết yếu về công bố thông tin TNXHDN. Đỗng thời, lược khảo nghiên cứu cho thấy các yếu tố bên trong DN (hội đồng quản trị, chiến lược, quyền lực,...) và các yếu tố bên ngoài DN (quyền lực và lợi ích của bên liên quan, thông lệ về công bố TNXHDN, người tiêu dùng, môi trường pháp lý và thể chế,...) có những tác động khác nhau đến công bố thông tin TNXHDN. Bên cạnh đó, chi phí vốn chủ sở hữu, hiệu quả hoạt động và quyết định của các bên liên quan cũng chịu sự ảnh hưởng đáng kể bởi thông tin TNXHDN mà đơn vị đã cung cấp. Do đó, DN cần đảm bảo cung cấp thông tin TNXHDN đầy đủ, kịp thời, chính xác nhằm thực thi trách nhiệm đối với các bên liên quan cũng như hướng đến hội nhập và phát triển bền vững.

**Từ khoá:** Công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, Doanh nghiệp, Lược khảo

**21. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán**/ Nguyên Thanh Tùng, Phan Thanh Hải, Hồ Văn Nhàn// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 61-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu về giá trị hợp lý trong kế toán và các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng giá trị hợp lý đã được nhiều tác giả thực hiện, từ trước đến nay. Tuy nhiên, dưới góc độ nhận thức của nhà quản lý, các kế toán viên hiện đang công tác trong các doanh nghiệp tại Việt Nam, các nghiên cứu dạng này chưa thực sự nhiều. Nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở khảo cứu các nghiên cứu có liên quan, phân tích, đánh giá và nhận định, để rút ra cơ sở lý thuyết giải thích cho giá trị hợp lý trong kế toán và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị hợp lý. Bài viết cũng đề xuất mô hình nghiên cứu lý thuyết và các giả thuyết về vấn đề này, cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.

**Từ khoá**: Giá trị hợp lý, Nhận thức áp dụng, Nhận thức của kế toán, Mô hình nghiên cứu lý thuyết

**22. Cơ sở lý thuyết về kế toán tái cấu trúc trong tập đoàn kinh tế**/ Lê Văn Liên, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Phạm Hùng// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 15-21.

**Nội dung**: Để đưa ra nguyên tắc và phương pháp kế toán tái cấu trúc trong tập đoàn kinh tế, các nhà nghiên cứu và ban hành chính sách cần dựa trên cơ sở lý thuyết. Trong bài viết, tác giả làm rõ các cơ sở lý thuyết về kế toán tái cấu trúc trong tập đoàn kinh tế.

**Từ khóa**: kế toán tái cấu trúc, tái cấu trúc, cơ sở lý thuyết kế toán

**23. Chất lượng kiểm toán và giá cổ phiếu : bằng chứng thực nghiệm từ Việt Nam/** Nguyễn Trần Thái hà, Lê Thị Ánh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 32-37

**Nội dung**: Phương pháp khảo sát được sử dụng trên mẫu bao gồm 153 doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu đã xác định mô hình hồi quy phản ánh tác động của 4 nhân tố đến tính hiệu quả của hệ thống KSNB bao gồm: quy mô doanh nghiệp, mức độ hoàn thiện của cơ cấu tổ chức, mức độ thích ứng của đơn vị đối với sự thay đổi của môi trường kinh doanh, mức độ thực hiện chiến lược.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, giá cổ phiếu, doanh nghiệp, big 4, Việt Nam

**24. Chất lượng thông tin báo cáo tài chính trong các đơn vị hành chính sự nghiệp tỉnh Bình Thuận : tác động của các nhân tố ngữ cảnh**/ Phạm Quốc THuần, Nguyễn Thị Bích Thuận// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 19-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu đã xác định mô hình hồi quy phản ánh tác động của các nhân tố ngữ cảnh đến CLTT BCTT, bao gồm: chất lượng nhân viên kế toán, mức độ thực hiện kiểm soát nội bộ, chất lượng phần mềm kế toán và hỗ trợ của nhà quản lý. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, chưa có căn cứ để kết luận tác động ở mức có ý nghĩa thống kê của cam kết gắn bó với tổ chức đến CLTT BCTC.

**Từ khoá**: Chất lượng thông tin, báo cáo tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp, nhân tố ngữ cảnh

**25. Chính sách thuế, kế toán đối với các quỹ xã hội, quỹ từ thiện ở Việt Nam**/ Lý Phương Duyên, Bùi Thị Thu Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Hiện nay, việc hình thành và mở rộng các quỹ xã hội, từ thiện là xu thế tất yếu để giúp Chính phủ cung cấp hàng hóa công cộng và phúc lợi cho các đối tượng yếu thế, góp phần giảm chênh lệch khoảng cách giàu, nghèo. Thông qua phân tích, đánh giá một số chính sách thuế, kế toán hiện đang áp dụng đối với các quỹ xã hội, từ thiện ở Việt Nam, bài viết chỉ ra những hạn chế, khoảng trống trong các quy định này và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế, kế toán đối với các quỹ xã hội, từ thiện, giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ của các quỹ này thuận tiện, minh bạch.

**Từ khoá**: Chính sách thuế, thu nhập cá nhân, quỹ từ thiện, quỹ xã hội

**26. Chính sách, pháp luật đối với hoạt động đầu tư mạo hiểm : thực trạng và kiến nghị/** Đỗ Quang Minh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 73-77,72.

**Nội dung**: Trình bày ưu điểm của chính sách, pháp luật về hoạt động đầu tư mạo hiểm; Hạn chế của chính sách, pháp luật về hoạt động đầu tư mạo hiểm; Nguyên nhân của những hạn chế; Kiến nghị và giải pháp; Nhóm giải pháp về thể chế.

**Từ khoá**: Đầu tư mạo hiểm, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**27. Doanh nghiệp tinh gọn và hệ thống thông tin tinh gọn/** Nguyễn Bích Ngọc// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Thuật ngữ Lean (tinh gọn) được sử dụng lần đầu tiên bời Womack, Jones và Roos để mô tả hệ thống sản xuất của Toyota. Tinh gọn ở đây không chỉ đơn giản là cắt giảm chi phí mà còn hơn thế nữa. Vào đầu thế kỷ 20, các nhà sản xuất xe hơi của Mỹ như Ford và General Motors đã phát triển hệ thống nhà sản xuất hàng loạt. Điều này cho phép các nhà sản xuất ô tô sản xuất hàng nghìn chiếc xe giống hệt nhau, sử dụng các bộ phận và linh kiện tiêu huấn hóa. Dây chuyền sản xuất chuyển động ra đời, nơi thùng xe di chuyển dọc theo băng chuyền và ở mỗi công đoạn, công nhân nhà máy thêm các thành phần vào cho đến khi thành phẩm ra khỏi dây chuyền sản xuất. Hiệu quả kinh tế theo quy mô, đồng nghĩa với việc ô tô trở nên hợp túi tiền hơn nhiều đối với các gia đình có thu nhập mức thu nhập trung bình. Năm 1950, Eiji Toyoda, một kỹ sư và là thành viên của gia đình thành lập Công ty Toyota, đến thăm nhà máy Ford Rouge ở Detroit. Ông đã nghiên cứu kỹ các kỹ thuật sản xuất đang được sử dụng tại Ford và khi trở về Nhật Bản, ông đã thảo luận với giám đốc sản xuất Taiichi Ohno. Hai người đi đến kết luận rằng, không thể sao chép trực tiếp các phương pháp sử dụng tại Ford cho Toyota. Trong những năm qua, họ đã thực hiện một số đổi mới trong phương pháp sản xuất và ngày nay chúng ta gọi là phương pháp sản xuất tinh gọn. Bài viết này nhằm mục đích, làm rõ những đặc điểm của phương pháp sản xuất tinh gọn so với phương pháp sản xuất truyền thống và những lưu ý khi áp dụng phương pháp luận tinh gọn vào hệ thống thông tin doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Tinh gọn, Hệ thống thông tin, Sản xuất hàng loạt

**28. Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong báo cáo tài chính của các đơn vị khu vực công/** Trương Thị Anh Đào, Mai Thị Hoàng Minh// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 71-74.

**Nội dung**: Các nguồn lực chính phủ bao gồm chi tiêu thường xuyên và chi tiêu ngân sách tài khóa của chính quyền trung ương và địa phương nhằm cung cấp hàng hóa, dịch vụ và các nguồn ngân sách chuyển giao cho cộng đồng. Để có thể quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của quốc gia đòi hỏi phải nâng cao tính công khai minh bạch. Bài viết đề cập đến báo cáo tài chính của đơn vị trong khu vực công và tính công khai, minh bạch trong quản lý các nguồn lực của chính phủ.

**Từ khoá**: Tài chính công, kế toán công, báo cáo tài chính, quản lý nguồn lực

**29. Đánh giá cấu trúc kiểm soát nội bộ trong tình huống bối cảnh tại kho bạc Nhà nước đối với hoạt động chi ngân sách**/ Phạm Quang Huy, Nguyễn Thị Nhi// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Bằng phương pháp tổng hợp tài liệu và khảo sát những cán bộ đang làm việc thực tế tại Kho bạc, kết quả nghiên cứu đã cho thấy những hạn chế hiện tại cùng với một số gợi ý để nâng cao tính hữu hiệu của kiểm soát chi ngân sách.

**Từ khoá**: Chi ngân sách, kiểm soát chi, kiểm soát nội bộ, Kho bạc Nhà nước

**30. Đào tạo nguồn nhân lực kế toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế/** Lê Thị Thu Hương// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 106 – 111

**Nội dung:** Bài viết đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp trong việc đào tạo nguồn nhân lực kế toán Việt Nam để đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Hội nhập quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực kế toán

**31. Đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam**/ Tô Thị Thu Trang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 83-87.

**Nội dung**: Chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) đã trở thành một trong những nội dung được quan tâm không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nền kinh tế đang phát triển trong thời gian gần đây. Nghiên cứu này đề xuất mô hình các nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của nhóm doanh nghiệp này.

**Từ khoá**: Nhân tố tác động, chất lượng báo cáo tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**32. Đo lường khoảng cách kỳ vọng : nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam/** Phạm Đức Hiếu, Nguyễn Thu Hoài// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 16 – 22.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất một phương pháp đo lường khoảng cách kỳ vọng mới và chứng minh việc áp dụng phương pháp này bằng kết quả của một nghiên cứu thực nghiệm trong đo lường khoảng cách kỳ vọng tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Khoảng cách kỳ vọng, phương pháp đo lường, nghiên cứu thực nghiệm, Việt Nam

**33. Ghi nhận, đo lường sự suy giảm giá trị tài sản tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Tấm// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 50-552.

**Nội dung**: Chuẩn mực Kế toán Quốc tế IAS 36 – Suy giảm giá trị tài sản được ban hành bởi Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) năm 1998 có ý nghĩa rất lớn đối với doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay. Trong khi đó, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) chưa có quy định liên quan đến vấn đề này cũng như chưa có quy định cụ thể và thống nhất quản lý, trình bày trên báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp. Bài viết này đề cập một số nội dung của IAS 36 phản ánh, ghi nhận suy giảm giá trị của tài sản trên báo cáo tài chính để doanh nghiệp hiểu rõ tính ứng dụng của nó.

**Từ khoá**: Suy giảm, giá trị tài sản, doanh nghiệp

**34. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán theo định hướng nghiên cứu ứng dụng tại một kho bạc nhà nước/** Phạm Quang Huy, Đỗ Kim Hoàng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 74 - 76.

**Nội dung:** Tìm hiểu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại một loại hình đơn vị công đặc thù như kho bạc nhà nước.

**Từ khóa:** Tổ chức kế toán, kho bạc nhà nước

**35. Gian lận hoá đơn trong thương mại quốc tế ở Việt Nam**/ Đoàn Ngọc Thắng, Nguyễn Thị Diệu Linh, Nguyễn Thị Huyền Trang// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 34-44.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu thực trạng gian lận hoá đơn trong thương mại quốc tế ở Việt Nam và xác định các nhân tố chính tác động tới gian lận thương mại. Gian lận hóa đơn được thực hiện qua việc khai sai giá trị hàng xuất khẩu và nhập khẩu nhằm chuyển vốn phi pháp giữa các nước. Nhóm tác giả sử dụng số liệu mảng về xuất nhập khẩu của Việt Nam theo mã HS2 từ năm 2000 - 2017 để đo lường gian lận hoá đơn, sau đó sử dụng phương pháp hồi quy để ước lược tác động của các nhân tố tới gian lận hoá đơn của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu định lượng cho thấy khi lãi suất và tính ổn định chính trị ở quốc gia đối tác càng cao thì càng làm tăng gian lận khai thiếu hoá đơn xuất khẩu. Trong khi đó, thặng dư cán cân vãng lai và tỷ giá có tác động cùng chiều tới gian lận khai thừa hoá đơn nhập khẩu, nhưng các nhân tố về lạm phát, lãi suất và tính ổn định chính trị ở quốc gia đối tác của Việt Nam lại làm giảm gian lận thông qua khai báo hoá đơn nhập khẩu. Những kết quả nghiên cứu này có hàm ý chính sách quan trọng trong việc định vị và định hướng chính sách của chính phủ nhằm kiểm soát và ngăn chặn kịp thời gian lận hóa đơn xuất nhập khẩu.

**Từ khoá**: Gian lận hoá đơn, xuất khẩu, nhập khẩu

**36. Giải pháp vận dụng kế toán quản trị chiến lược tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Mai Thị Quỳnh Như// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 43-45.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây, kế toán quản trị chiến lược là một trong những vấn đề được quan tâm và ngày càng khẳng định vai trò hỗ trợ doanh nghiệp (DN) trong việc ra quyết định. Tuy nhiên, tại Việt Nam, vẫn còn rất nhiều DN chưa quan tâm, thậm chí chưa nhận thức đầy đủ về kế toán quản trị chiến lược và ý nghĩa của kế toán quản trị chiến lược trong hoạt động kế toán và quản trị. Phân tích vai trò của kế toán quản trị chiến lược, đánh giá thực trạng vận dụng kế toán quản trị chiến lược, bài viết đưa ra một số giải pháp để vận dụng hiệu quả kế toán quản trị chiến lược tại các DN ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chiến lược, doanh nghiệp, kiểm soát

**37. Hệ thống hóa cơ sở pháp lý hoạt động hành nghề dịch vụ kế toán**/ Nguyễn Văn Sức// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Trong những năm qua, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và lĩnh vực tài chính kế toán của đất nước đã giúp cho hoạt động hành nghề dịch vụ kế toán có điều kiện để phát triển. Tuy nhiên, do hoạt động này có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp, nên các quy định liên quan đến hoạt động này khá phức tạp. Thông qua việc khảo sát các cơ sở pháp lý hiện hành như: Luật Kế toán năm 2015 của Quốc hội, các nghị định của Chính phủ và các thông tư của Bộ Tài chính, tác giả đã hệ thống hóa các quy định liên quan đến hoạt động này, qua đó giúp các tổ chức, cá nhân hình dung và nắm rõ để triển khai thực hiện đúng quy định hiện hành.

**Từ khoá**: Luật kế toán, hành nghề dịch vụ kế toán, kế toán viên

**38. Hoàn thiện công tác kế toán cho vay ngắn hạn bằng VND đối với khách hàng cá nhân : nghiên cứu điển hình tại MB chi nhánh Ba Đình Hà Nội/** Kế toán & Kiểm toán// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 72 – 74

**Nội dung:** Bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác cho vay ngắn hạn bằng VND đối với khách hàng cá nhân trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Kế toán cho vay ngắn hạn đối với khách hàng cá nhân, ngân hàng thương mai cổ phần Quân đội

**39. Hoàn thiện công tác kế toán trong các doanh nghiệp vận tải đường bộ Đồng Nai**/ Nguyễn Văn Hải, Phan Ngọc Hiếu// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 46-50.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích thực trạng tổ chức hệ thống công tác kế toán, tổ chức sổ savchs kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản, tổ chức hệ thống báo cáo kế toán, nhóm tác giả đã đề xuất các giải pháp để giúp các DN này hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại DN.

**Từ khoá**: Tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp vận tải, Đồng Nai

**40. Hoàn thiện chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn VNPT**/ Lê Thị Ánh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu về khả năng thanh toán của các DN thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), đồng thời đề xuất một số giải pháp hoàn thiện phân tích khả năng thanh toán của các DN này.

**Từ khoá**: Phân tích khả năng thanh toán, chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán

**41. Hoàn thiện kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam**/ Lê Thị Huyền Trâm, Đinh Thị Thu Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 46-49.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, hàng tồn kho, doanh nghiệp dệt may

**42. Hoàn thiện vệc xác định giá phí dịch vụ kiểm toán tại doanh nghiệp Kiểm toán Việt Nam/** Phan Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 65-68.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp định tính nhằm phân tích tầm quan trọng của việc xác định giá phí, đồng thời đánh giá thực trạng thực trạng giá kiểm toán tại các doanh nghiệp Kiểm toán Việt Nam ... Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện vệc xác định giá phí dịch vụ kiểm toán tại doanh nghiệp Kiểm toánhiện nay.

**Từ khoá**: Giá phí kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên

**43. Kế toán doanh thu hoạt động xây dựng trong các doanh nghiệp xây dựng dân dụng**/ Trần Thị Ngọc Anh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động xây dựng trong các doanh nghiệp xây dựng dân dụng; Nhược điểm kế toán doanh thu hoạt động xây dựng hiện nay; Giải pháp kế toán doanh thu hoạt động xây dựng.

**Từ khóa**: kế toán doanh thu, doanh nghiệp xây dựng dân dụng

**44. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp Việt Nam - một số kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ Mai Thị Thư, Cấn Mỹ Dung// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 87-90.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng, các chuẩn mực, mô hình kế toán, công tác kế toán nói chung và đặc điểm công tác kế toán doanh thu, chi phí trong các doanh nghiệp và đồng thời nghiên cứu về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo chuẩn mực kế toán quốc tế của một vài nước trên thế giới...từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá**: kế toán doanh thu, chi phí, doanh nghiệp

**45. Kế toán điều tra : xu hướng mới trong thời kỳ hội nhập**/ Nguyễn Thanh Thủy// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 115-117.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ một số vấn đề liên quan đến kế toán điều tra, nhằm cung cấp các thông tin hữu ích cho các chủ thể quan tâm đến loại hình kế toán đặc thù này.

**Từ khoá**: Kế toán điều tra, hội nhập quốc tế, kinh tế - xã hội

**46. Kế toán điều tra và gian lận kinh tế**/Trần Quỳnh Hương//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 57 - 59.

**Nội dung:** Gian lận kinh tế tiềm ẩn ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong thời gian gần đây, nó có xu hướng gia tăng hết sức nhanh chóng. Gian lận kinh tế tạo ra những thách thức to lớn đối với xã hội và nền kinh tế và có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của đất nước. Để phát hiện và ngăn chặn gian lận kinh tế, kế toán điều tra có ý nghĩa to lớn. Kế toán điều tra chủ yếu làm việc trong lĩnh vực điều tra gian lận và giúp mang lại công lý cho người xứng đáng. Họ làm việc với các cơ quan thực thi pháp luật và báo cáo của họ cuối cùng sẽ được trình bày trước tòa như những bằng chứng chuyên nghiệp và sắc bén.

**Từ khóa:** Kế toán điều tra, gian lận, điều tra

**47. Kế toán giá thành dịch vụ trong doanh nghiệp**/ Trần Thị Ngọc Cẩm// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 68-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu về kế toán giá thành trong doanh nghiệpkinh doanh dịch vụ khách sạn, tư vấn, sửa chữa ô tô. Qua đó, giúp cho kế toán có cái nhinftoongr quát về quy trình kế toán giá thành trong các DN kinh doanh dịch vụ nói chung.

**Từ khoá**: Giá thành dịch vụ, kinh doanh khách sạn, tư vấn, sửa chữa ô tô

**48. Kế toán nguyên vật liệu để sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt**/ Lê Hoàng Phương, Nguyễn Mạnh Tuyển// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu về Kế toán nguyên vật liệu (NVL) đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, đặc biệt khâu mua để sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra. Từ đó, gợi ý phương pháp kế toán liên quan đến NVL đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khâu mua để sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra, nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán.

**Từ khoá**: Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt đầu vào

**49. Kế toán quản trị trong giai đoạn chuyển đổi số tại Việt Nam**/ Ngô Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Mai Hương// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Tác giả mô tả một số vấn đề thực trạng về chuyển đổi số, thực trạng công tác kế toán quản trị tại các doanh nghiệp hiện nay trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế từ đó đưa ra một số giải pháp khuyến nghị nhằm đóng góp ý kiến để lĩnh vực kế toán quản trị mang lại ý nghĩa đối với số đông các doanh nghiệp tại Việt Nam phù hợp với thời kỳ kỷ nguyên số.

**Từ khoá**: chuyển đổi số, các mạng công nghiệp 4.0, kế toán, kế toán quản trị, kiểm toán

**50. Kế toán suy giảm giá trị tài sản cố định hữu hình tại Việt Nam**/ Ngô Văn Hậu, Lê Thị Hoa// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 37-40.

**Nội dung**: Bài viết đề cập đến quy trình kế toán suy giảm giá trị tài sản cố định hữu hình theo IAS 36, thực trạng kế toán suy giảm giá trị tài sản cố định hữu hình ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: tài sản cố định hữu hình, suy giảm giá trị

**51. Kế toán tam phân trong kỷ nguyên số 4.0/** Nguyễn Thanh Huyền, Nguyễn Thu Hoài// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Giới thiệu lịch sử hình thành kế toán tam phân và định hướng vận dụng hệ thống kế toán này, trong kỷ nguyên 4.0.

**Từ khoá**: Kế toán tam phân, hợp đồng thông minh, Blockchain, kỷ nguyên số 4.0

**52. Kế toán trách nhiệm và vai trò của kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp**/ Hoàng Hà Anh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Bài viết phân tích làm rõ hơn hàm ý của các khái niệm và đặc điểm và vai trò của KTTT. Việc hiểu đúng khái niệm và vai trò của KTNN, sẽ góp phần vào việc vận dụng KTTN vào thực tế các DN một cách hiệu quả.

**Từ khoá**: Kế toán trách nhiệm, vai trò của kế toán trách nhiệm, KTTN trong doanh nghiệp

**53. Kiểm toán công nghệ thông tin tại một số ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ngọc Hải, Đoàn Thị Lành// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 85-87.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu thực trạng kiểm toán công nghệ thông tin tại một soos ngân hàng thương mại Việt Nam, từ đó đánh giá những kết quả đạt được, cũng như những tồn tại hạn chế cần khắc phục của hoạt động này.

**Từ khoá**: Kiểm toán, công nghệ thông tin, ngân hàng thương mại

**54. Kiểm toán báo cáo trách nhiệm xã hội đòi hỏi cấp thiết thực tiễn**/ Lê Thị Thanh Nhật, Hoàng Ý Duyên// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Nhằm nghiên cứu sự cần thiết của hoạt động kiểm toán hoặc dịch vụ bảo đảm cho báo cáo trách nhiệm xã hội (TNXH) bằng cách tổng quan các nghiên cứu có liên quan và thực trạng về hoạt động này trên thế giới, đồng thời xem xét về thực trạng của Việt Nam. Sau khi tham khảo ý kiến từ các chuyên gia và nhà nghiên cứu, tác giả đã đưa ra một số định hướng cho hoạt động này ở Việt Nam, trọng thời gian tới.

**Từ khoá**: Báo cáo trách nhiệm xã hội, Công bố thông tin trách nhiệm xã hội, Kiểm toán, Dịch vụ bảo đảm, Dịch vụ kiểm toán hoặc bảo đảm cho báo cáo trách nhiệm xã hội

**55. Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản tại Đức, Trung Quốc và hàm ý đối với Việt Nam**/ Cao Hồng Loan// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 60-63.

**Nội dung**: Đầu tư xây dựng cơ bản giữ vai trò trọng yếu trong phát triển cơ sở vật chất hạ tầng của mỗi quốc gia. Nghiệp vụ kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản ra đời, trở thành công cụ quan trọng để thực hiện chức năng kiểm tra tài chính nhà nước, góp phần tăng cường tính minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và nâng cao trách nhiệm trong triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm về kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản tại Liên bang Đức và Trung Quốc, từ đó đưa ra hàm ý đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Kiểm toán xây dựng, tài chính nhà nước, cơ sở hạ tầng

**56. Kiểm toán môi trường vì sự phát triển bền vững/** Phạm Huy Hùng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 80 – 83

**Nội dung:** Phân tích thực trạng kiểm toán môi trường ở Việt Nam hiện nay qua đó đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò và hiệu quả của kiểm toán môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với xu hướng và thông lệ quốc tế.

**Từ khóa:** Kiểm toán, môi trường, kiểm toán môi trường

**57. Kiểm toán nội bộ và kiểm toán từ xa trong bối cảnh đại dịch covid-19**/ Lê Quốc Nghị, Trần Thị Ngọc Tú// Ngân hàng .- 2022 .- Số 2+3 .- Tr. 118-122.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm của kiểm toán nội bộ trong việc ứng dụng công nghệ số, đồng thời đánh giá việc triển khai kiểm toán từ xa tại Ngân hàng Trung ương các nước Đông Nam Á, qua đó đề xuất định hướng giải pháp đối với kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**Từ khóa**: kiểm toán nội bộ, kiểm toán từ xa, dịch covid-19, công nghệ số, ngân hàng Trung ương, ngân hàng Nhà nước

**58. Kiểm tra, giám sát hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp**/ Lê Thị Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Hệ thống thông tin kế toán là một hệ thống được tổ chức để thu thập, lưu trữ, xử lý, phân phối thông tin trong lĩnh vực kinh tế, tài chính dựa vào công cụ máy tính và các thiết bị tin học để cung cấp các thông tin cần thiết cho quá trình ra quyết định để quản lý, điều hành hoạt động tác nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình vận hành hệ thống này hiện nay còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì vậy việc kiểm tra, giám sát hệ thống thông tin kế toán là một trong những khâu không thể thiếu.

**Từ khoá**: Kiểm tra, giám sát, hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp

**59. Kinh nghiệm quốc tế về tổ chức kế toán quản trị chi phí cho các doanh nghiệp**/ Nguyễn Hải Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 79-81.

**Nội dung**: Tổ chức công tác kế toán quản trị (KTQT) nói chung và KTQT chi phí nói riêng là hoạt động rất phổ biến tại các doanh nghiệp (DN) nhằm nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả của việc đưa ra quyết định của nhà quản trị. Bài viết trao đổi về kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong tổ chức KRQT chi phí dịch vụ của DN, từ đó hàm ý những vấn đề đặt ra đối với các DN kinh doanh dịch vụ.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, kinh doanh dịch vụ, doanh nghiệp

**60. Khả năng vận dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội/** Lê Thị Ngọc Phương// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 19 – 23.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu một số vấn đề tổng quan về kế toán quản trị bao gồm khái niệm, vai trò và nội dung; nghiên cứu một số quy định hiện hành về doanh nghiệp nhỏ và vừa; sau đó tiến hành khảo sát khả năng vận dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Từ khóa:** Khả năng vận dụng, kế toán quản trị, doanh nghiệp nhỏ và vừa, SMEs

**61. Khoảng cách giữa quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ quỹ tín dụng nhân dân và thông lệ quốc tế**/ Nguyễn Minh Phương// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 31-36.

**Nội dung**: Khung khổ lý thuyết về kiểm soát nội bộ (KSNB) đã được COSO, IIA, BIS phát triển và nhiều tổ chức quốc tế ứng dụng ở các lĩnh vực khác nhau, trong đó có tổ chức tài chính. Các khung khổ lý thuyết bao gồm mô hình hệ thống KSNB với 5 cấu phần (COSO) hay mô hình ba tuyến, bốn tuyến bảo vệ nhằm thiết kế các tầng lớp phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp một cách khoa học, hợp lý (IIA, BIS). Hướng đến xây dựng, hoàn thiện những quy định về hệ thống KSNB đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ngoài việc đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành thì một trong những giải pháp quan trọng là xem xét, lĩnh hội khung khổ lý thuyết mà thông lệ quốc tế đã xây dựng, áp dụng và được kiểm chứng.

**Từ khoá**: Hệ thống kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ, Quỹ tín dụng nhân dân

**62. Mối quan hệ giữa tiền lương tối thiểu và năng suất lao động tại một số quốc gia trên thế giới/** Nguyễn Thị Vân Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 34 - 36.

**Nội dung:** Bài viết xem xét chính sách tiền lương và mối quan hệ giữa tiền lương tối thiểu và năng suất lao động ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

**Từ khóa:** Chính sách tiền lương, năng suất lao động

**63. Một số chính sách kế toán liên quan đến đất đai ở Việt Nam**/ Ngô Thị Thu Hồng, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Vân// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 25-32.

**Nội dung**: Đất đai có mặt trong tất cả các lĩnh vực trọng điểm của một quốc gia, là tư liệu sản xuất của các ngành nông và lâm nghiệp, là môi trường sống và là cơ sở tiến hành mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bài viết khái quát một số chính sách kế toán liên quan đến đất đai Việt Nam - thực trạng và giải pháp hiện nay về chính sách kế toán liên quan đến đất đai.

**Từ khoá**: chính sách kế toán, đất đai

**64. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam**/ Trần Hoàng Sơn, Trần Mạnh Dũng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chính sách thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi thuế

**65. Một số giải pháp hoàn thiện kiểm toán môi trường của kiểm toán nhà nước/** Nguyễn Huy Cung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 58 – 60

**Nội dung:** Bài viết sẽ khái quát các vấn đề cơ bản về kiểm toán môi trường của kiểm toán nhà nước để từ đó đề xuất sáu giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện nội dung kế toán môi trường của kiểm toán nhà nước.

**Từ khóa:** Kiểm toán môi trường, kiểm toán nhà nước, giải pháp kiểm toán môi trường

**66. Một số giải pháp đề xuất về quá trình triển khai đào tạo chuẩn mực kế toán công Việt Nam**/ Mai Thị Hoàng Minh, Phạm Ọuang Huy// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 7-10.

**Nội dung**: Kế toán công là một lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế, nhằm tạo lập, cung cấp thông tin kế toán cũng như tình hình tài chính của các đơn vị công mang tính minh bạch. Nếu như hệ thống kế toán này có thể áp dụng bộ chuẩn mực kế toán công vào quá trình thao tác trên thực tế thì sẽ giúp nâng cao tính hiệu lực trong việc sử dụng kinh phí hoạt động để đảm bảo những công việc, chức năng, nhiệm vụ do nhà nước giao phó. Thông qua việc rà soát các nghiên cứu có liên quan cùng với những nhận định về thực trạng hiện nay, bài viết đã rà soát được thực trạng về kế toán công tại Việt Nam cùng với 10 giải pháp chính liên quan đến quá trình triển khai và công tác đào tạo Chuẩn mực kế toán công Việt Nam, dự kiến ban hành trong thời gian tới.

**Từ khoá**: VPSAS, Kế toán công, Chuẩn mực kế toán, Đơn vị công, Khu vực công

**67. Một số vấn đề về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã**/ Trần Thị Thu Hương// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Ngân sách cấp xã là cấp ngân sách cuối cùng trong hệ thống ngân sách nhà nước tại Việt Nam nhưng mang một đặc điểm khác biệt với các cấp ngân sách còn lại, đó là ngân sách cấp xã chỉ có duy nhất 01 đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước là UBND cấp xã. Thông tư số 70/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 03/10/2019 về chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã hướng dẫn kế toán theo mô hình kế toán lồng ghép cả kế toán thu - chi ngân sách cấp xã (với vai trò một cấp ngân sách) và kế toán của UBND cấp xã (với vai trò đơn vị kế toán có sử dụng ngân sách nhà nước).

**Từ khoá:** Ngân sách nhà nước, chế độ kế toán, ngân sách trung ương, ngân sách địa phương

**68. Nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm toán hoạt động tại kiểm toán nhà nước**/ Lê Hoài Châu// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Đánh giá kết quả hoạt động là một cuộc kiểm tra độc lập, khách quan và đáng tin cậy nhằm xem xét các chủ trương, hệ thống, hoạt động, chương trình của chính phủ có đang hoạt động theo các nguyên tắc kinh tế, đạt đủ hiệu quả và hiệu lực hay không và liệu có cần cải tiến hay không.

**Từ khóa**: kiểm toán hoạt động, kiểm toán nhà nước

**69. Nâng cao chất lượng thông tin kế toán trong quá trình hội nhập quốc tế/**Nguyễn Anh Tú//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 10 - 12.

**Nội dung:** Luật kế toán sửa đổi 2015 đã đề cập nhiều hơn tới các quy định ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào lĩnh vực kế toán như: Quy định về chứng từ điện tử, chữ ký trên chứng từ điện tử, lập và lưu trữ chứng từ kế toán, mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và lưu trữ sổ kế toán, chữa sổ kế toán...đáp ứng được đòi hỏi thực tế trong bối cảnh CNTT ngày càng có vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế, trong đó có lĩnh vực kế toán. Thực tế hiện nay, trong thời đại áp dụng CNTT thì cách thức biểu hiện thông tin kế toán có thể khác nhau về mức độ thể hiện, thời gian thể hiện và hình thức thể hiện.

**Từ khóa:** Thông tin kế toán, hội nhập quốc tế

**70. Nâng cao tính tuân thủ thuế đối với hộ kinh doanh cá thể ở Việt Nam**/ Nguyễn Quỳnh Trang, Đoàn Xuân Hậu, Đàm Văn Huệ// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Tuân thủ thuế là việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật thuế và người nộp thuế. Tuy nhiên, không phải lúc nào người nộp thuế cũng thực hiện nghĩa vụ một cách đầy đủ. Gia tăng sự tuân thủ của người nộp thuế là một trong những vấn đề lớn và quan trọng nhất trong lĩnh vực thuế. Dựa trên mô hình khung sườn dốc trơn trượt (SSF) về tuân thủ thuế được giới thiệu bởi Kirchler, Hoelzl và Wahl (2008) và thực trạng tuân thủ thuế của hộ kinh doanh cá thể, bài viết đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần nâng cao tính tuân thủ thuế đối với hộ kinh doanh cá thể ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tuân thủ thuế, hộ kinh doanh cá thể, người nộp thuế

**71. Nghiên cứu quy trình triển khai hệ thống ERP và tác động đối với kế toán quản trị trong doanh nghiệp/** Đào Thị Thanh Thúy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 77 - 79.

**Nội dung:** Bài báo xem xét bản chất, quy trình triển khai hệ thống ERP và vai trò đối với kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Khi triển khai ERP thành công, kế toán quản trị có thời gian tập trung cho các hoạt động chuyên sâu và vai trò của họ trở nên quan trọng và phong phú hơn. Ngược lại, khi việc triển khai không thành công vai trò của kế toán quản trị sẽ tăng lên: các khiếm khuyết của hệ thống EPR đòi hỏi phải tăng cường hoạt động từ phía họ mà không có bất kỳ sự giảm đáng chú ý nào trong các nhiệm vụ mà họ thực hiện truyền thống.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị, doanh nghiệp, hoạch định nguồn nhân lực

**72. Nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến giá phí và chất lượng kiểm toán qua nhận thức của kiểm toán viên tại các doanh nghiệp kiểm toán trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**/ Phan Thanh Hải// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 11-19.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện triển cơ sở thu thập dữ liệu khảo sát nhận thức của 180 kiểm toán viên (KTV), nhân viên chuyên nghiệp (gọi chung là KTV) hiện đang làm việc tại trên 20 doanh nghiệp kiểm toán (DNKT), chi nhánh, văn phòng đại diện các DNKT tại Thành phố Đà Nẵng. Mục đích của nghiên cứu, nhằm xác định các yếu tố và đo lường ảnh hưởng của chúng đến giá phí kiểm toán, chất lượng kiểm toán (CLKT). Các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), phân tích ANOVA được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả cho thấy, có 5/6 nhân tố (ngoại trừ nhiệm kỳ KTV) thực sự tác động đến giá phí kiểm toán theo thứ tự tầm quan trọng như sau: (1) loại hợp đồng kiểm toán và tính chất phức tạp của cuộc kiểm toán; (2) lĩnh vực chuyên sâu kiểm toán; (3) danh tiếng và uy tín của DNKT; (4) rủi ro kiểm toán; (5) quy mô DNKT. Trong khi đó, cũng có 5/7 nhân tố (ngoại trừ nhiệm kỳ KTV và lĩnh vực chuyên sâu kiểm toán) thực sự tác động đến giá phí kiểm toán theo thứ tự tầm quan trọng như sau: (1) giá phí kiểm toán; (2) loại hợp đồng kiểm toán và tính chất phức tạp của cuộc kiểm toán; (3) danh tiếng và uy tín của DNKT; (4) quy mô DNKT; (5) rủi ro kiểm toán. Đặc biệt, kết quả của nghiên cứu chỉ rõ mối quan hệ thuận chiều khi giá phí kiểm toán tăng lên thì chất lượng cuộc kiểm toán cũng được gia tăng đáng kể. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề tác giả rút ra các hàm ý chính sách đối với các nhà quản trị, tại các DNKT trên địa bàn.

**Từ khoá**: Giá phí kiểm toán, Chất lượng kiểm toán, Doanh nghiệp kiểm toán, Nhận thức của kiểm toán viên, Mô hình cấu trúc tuyến tính(SEM)

**73. Nguyên tắc kế toán và các chính sách thuế đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh**/ Trần Thị Phương Thảo, Dương Thị Yến// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 78-80.

**Nội dung**: Hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để thực hiện một hoặc một số hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Các bên tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế… Bài viết làm rõ hơn về hợp đồng hợp tác kinh doanh nói chung, các nguyên tắc kế toán và các chính sách thuế đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**Từ khoá**: Nguyên tắc kế toán, chính sách thuế, hợp đồng hợp tác, kinh doanh, phân chia lợi nhuận

**74. Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty kiểm toán độc lập**/ Phạm Huy Hùng// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 109-114.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty kiểm toán độc lập. Thông qua phương pháp nghiên cứu định lượng và phân tích hồi quy, tác giả phân tích 205 mẫu khảo sát từ các công ty kiểm toán độc lập tại TP. Hà Nội. Kết quả cho thấy, có 3 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính, đó là: Tinh thần trách nhiệm, tính độc lập và kinh nghiệm kiểm toán. Từ kết quả trên, bài viết đưa ra hàm ý quản trị về học thuật, cũng như thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty kiểm toán độc lập trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán, báo cáo tài chính, công ty kiểm toán độc lập

**75. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận IFRS của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán**/ Nguyễn Thúc Hương Giang, Vi Trí Lực, Lê Thu Trang// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 62-72.

**Nội dung**: Với mục tiêu tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến khả nắng tiếp cận và học tập Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán, từ đó đưa ra các đề xuất để giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và học tập IFRS dễ dàng hơn. Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 250 sinh viên đang học chuyên ngành kê toán, kiểm toán tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và học tập IFRS của sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán gồm: bàn thân sinh viên, nhà trường và các kênh học tập IFRS hiện nay.

**Từ khoá**: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, IFRS, Nhân tố, Khả năng tiếp cận, Học tập, Sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán

**76. Nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức hệ thông thông tin kế toán quản trị**/ Nguyễn Đình Sơn Thành// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 32-35.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống thông tin KTQT là nhằm thực hiện quản lý và kiểm soát được tốt nhất, bao gồm các nhân tố bên trong đơn vị; nhân tố bên ngoài đơn vị.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán

**77. Nhân tố tác động đến việc vận dụng kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp phân phối ô tô**/ Thái Doãn Lượng, Phạm Quang Huy// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 81-84.

**Nội dung**: Bài viết giới thiệu thang đo các biến có dự kiến ảnh hưởng đến việc đưa kế toán trách nhiệm vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực phân phối ô tô. Kết quả nghiên cứu cho thấy co 5 nhân tố với 25 biến quan sát để triển khai công cụ này hiện nay.

**Từ khoá**: Kế toán trách nhiệm, kế toán quản trị, thang đo, ngành ô tô

**78. Nhận diện tính cách thương hiệu điểm đến du lịch thành phố Hồ Chí Minh**/ Bùi Tá Hoàng Vũ// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 6 .- Tr.5-25.

**Nội dung**: Với mục đích nhận diện các tính cách của điểm đến du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và đánh giá chung của du khách về hình ảnh của thương hiệu du lịch Thành phố, nghiên cứu đã tiến hành các bước nghiên cứu định tính (với 15 chuyên gia và 60 du khách) và định lượng (với 400 du khách nội địa và quốc tế). Kết quả nghiên cứu đã khám phá được 30 tính cách thương hiệu du lịch Thành phố, từ đó nhận diện 8 nhóm tính cách tiêu biểu. Kết quả này đóng góp hình thành bộ nhân diện tính cách thương hiệu du lịch Thành phố Hồ Chí Minh, lần đầu tiên được công bố, từ đó giúp các nhà quản lý du lịch có cơ sở để đưa ra những giải pháp tốt hơn cho phát triển sản phẩm và chiến lược cũng như chiến dịch truyền thông phù hợp để làm nổi bật những tính cách điểm đến du lịch thành phố, góp phần làm rõ nhận diện hình ảnh du lịch thành phố.

**Từ khoá:** Tính cách điểm đến, hình ảnh điểm đến, thang đo, du lịch thành phố Hồ Chí Minh

**79. Nhân tố ảnh hưởng đến giá phí kiểm toán, chất lượng kiểm toán/** Phan Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 75-78.

**Nội dung**: Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến giá phí và chất lượng kiểm toán đã được nhiều tác giả thực hiện từ trước đến nay. Tuy nhiên, dưới góc độ nhận thức của kiểm toán viên, nhân viên chuyên nghiệp tại Việt Nam các nghiên cứu về loại hình này chưa nhiều. Trong bài viết, tác giả sử dụng phương pháp định tính trên cơ sở khảo cứu các nghiên cứu có liên quan, phân tích, đánh giá và nhận định để rút ra cơ sở lý thuyết giải thích cho chủ đề giá phí, chất lượng kiểm toán và các nhân tố ảnh hưởng đến giá phí và chất lượng kiểm toán. Đồng thời, đề xuất mô hình nghiên cứu lý thuyết và các giả thuyết về vấn đề này cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.

**Từ khoá**: Giá phí kiểm toán, chất lượng kiểm toán, nhận thức của kiểm toán viên, mô hình lý thuyết

**80. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị môi trường tại doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**/Ngô Thị Thu Hương, Ngô Thị Hồng Diên//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 75 - 80.

**Nội dung:** Đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị môi trường EMA tại doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Trên cơ sở khảo sát, phân tích, xử lý, đánh giá các kết quả đã thu được các nhân tố tác động đến việc áp dụng kế toán quản trị môi trường tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa, xem xét sự tác động của ảnh hưởng đó. Qua đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng áp dụng kế toán quản trị môi trường. **Từ khóa:** Kế toán quản trị môi trường, doanh nghiệp nhỏ và vừa, áp lực cưỡng ép, áp lực quy chuẩn, áp lực mô phỏng, môi trường kinh doanh, chiến lược kinh doanh, sự phức tạp của nhiệm vụ

**81. Những vấn đề mới đặt ra đối với lĩnh vực kế toán của Việt Nam**/Nguyễn Văn Hòa//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 27 - 30.

**Nội dung:** Sau hơn 30 năm đổi mới và cải cách, kế toán Việt Nam có nhiều thay đổi sâu sắc và có những bước phát triển quan trọng, đóng góp hiệu quả vào thành công chung của nền kinh tế đất nước. Với chiến lược phát triển kế toán, kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được triển khai mạnh mẽ và quyết liệt, hệ thống kế toán, kiểm toán Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ đang đặt ra nhiều vấn đề mới đối với lĩnh vực kế toán của Việt Nam.

**Từ khóa:** Công nghệ, kế toán, đổi mới

**82. Phân tích báo cáo tài chính phục vụ quản trị tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập**/ Trần Thanh Tâm// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các chủ thể (gồm cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp…) đều mong muốn sử dụng hiệu quả các nguồn ngân sách và tài sản để đạt kết quả cao nhất, với chi phí thấp nhất. Muốn vậy các nhà quản trị cần nắm bắt được những yếu tố ảnh hưởng, nhận diện mức độ và xu hướng tác động của từng nhân tố đến kết quả công việc của đơn vị. Điều này có thể thực hiện thông qua phân tích báo cáo tài chính tại đơn vị. Việc phân tích báo cáo tài chính sẽ giúp nhà quản trị bao quát kết quả hoàn thành và hình thức biểu hiện của các chỉ tiêu, nguyên nhân dẫn đến những sai lệch, từ đó, đánh giá được mặt mạnh, mặt yếu trong công tác quản lý, tìm ra các giải pháp, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, quản trị tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập

**83. Phát huy vai trò của kiểm toán nội bộ trong các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam/** Hoàng Đình Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 49 - 51.

**Nội dung:** Thực tiễn cho thấy, để nâng cao hiệu quả hoạt động và hiệu năng quản lý trong doanh nghiệp, nhất là các tập đoàn kinh tế thì một trong những vấn đề then chốt cần giải quyết đó là nâng cao vai trò của kiểm toán nội bộ nhằm giúp các tập đoàn nắm bắt được những cơ hội, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi sai phạm trong các hoạt động nói chung và trong hoạt động tài chính kế toán nói riêng. Từ đó, hạn chế tối đa những rủi ro trong hoạt động và làm gia tăng giá trị trong quản lý.Vì vậy, kiểm toán nội bộ được coi như là một công cụ hữu hiệu.

**Từ khóa: K**iểm toán nội bộ, tập đoàn kinh tế, Việt Nam

**84. Phân tích hiệu quả chi phí sản xuất trong doanh nghiệp dệt may**/ Đinh Thị Thu Hiền, Lê Thị Huyền Trâm// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 102-104.

**Nội dung**: Phân tích tài chính là công cụ không thể thiếu trong công tác quản lý của nhà quản trị doanh nghiệp. Mục đích của phân tích tài chính là đánh giá, đưa ra nhận định liên quan đến những thông tin chung và riêng về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong rất nhiều nhóm chỉ tiêu phân tích, nội dung phân tích về hiệu quả chi phí sản xuất lại ít được thực hiện, mặc dù đây là yếu tố cần kiểm soát và rất quan trọng trong quá trình quản lý của nhà quản trị doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp Dệt may thì chi phí sản xuất phát sinh nhiều, quá trình kiểm soát chi phí đóng vai trò quan trọng trong quản lý chi phí của nhà quản trị, do đó việc tập hợp và phân tích hiệu quả chi phí sản xuất là cần thiết.

**Từ khoá**: Hiệu quả chi phí sản xuất, doanh nghiệp dệt may, phân tích tài chính

**85. Phân tích rủi ro tài chính tại doanh nghiệp**/ Mai Thị Thúy// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp (DN) là tối đa hóa giá trị tài sản cho chủ sở hữu mà trực tiếp là tối đa hóa lợi nhuận DN. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động của DN thường đối diện với nhiều rủi ro, trong đó phổ biến nhất là rủi ro tài chính. Phân tích rủi ro tài chính là đánh giá về nguy cơ rủi ro tài chính của DN nhằm giúp nhà quản trị nhận diện và xác định được khả năng rủi ro tài chính, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này để đưa ra các biện pháp phòng ngừa và quản trị rủi ro hữu hiệu.

**Từ khoá**: Phân tích rủi ro tài chính, tài chính doanh nghiệp

**86. Phòng, chống tham nhũng và vai trò của Kiểm toán Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng**/ Đoàn Xuân Tiên// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 3-7.

**Nội dung**: Giới thiệu một số vấn đề về phòng chống tham nhũng (PCTN) và phân tích rõ vai trò của KTNN trong hệ thống công cụ PCTN của Đảng và Nhà nước. Đề xuất một số giải pháp, để nâng cao hơn nữa vai trò, tính hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm toán, trong công tác PCTN của KTNN.

**Từ khoá**: Kiểm toán, kế toán nhà nước, tham nhũng, phòng chống tham nhũng

**87. Quản lý, điều hành giá linh hoạt, hiệu quả trong bối cảnh đại dịch COVID- 19**/ Nguyễn Anh Tuấn// Tài chính .- 2021 .- Số 768+769 .- Tr. 57-59.

**Nội dung:** Trong năm 2021, tác động từ đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các lĩnh vực, những đứt gãy trong chuỗi cung ứng vẫn chưa thể giải quyết, các quốc gia thay đổi chính sách tiền tệ để phù hợp với tình hình mới đã ảnh hưởng đến giá hàng hóa, dịch vụ trên thế giới và cả trong nước. Mặc dù phải đối diện với nhiều khókhăn, thách thức nhưng công tác quản lý, điều hành giá vẫn được triển khai một cách linh hoạt, hiệu quả, góp phần đảm bảo được các mục tiêu như góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo đời sống người dân và điều kiện sản xuất đầu vào cho doanh nghiệp; thúc đẩy hồi phục tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế...

**Từ khoá**: Quản lý, điều hành giá linh hoạt, đại dịch COVID- 19

**88. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước và chế độ kế toán áp dụng cho quỹ/** Hà Thị Tường Vy, Nguyễn Hà Lê// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 35 – 37.

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu đặc điểm các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách và nội dung chế độ kế toán áp dụng cho quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách theo thông tư 90/2021/TT - BTC ngà 13/10/2021 của Bộ tài chính.

**Từ khóa:** Chế độ kế toán, quỹ tài chính nhà nước, ngân sách nhà nước

**89. Sự tác động của phần mềm kế toán đám mây tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam: Vai trò trung gian sự hài lòng của lãnh đạo cấp cao**/ Phạm Ngọc Toàn, Đào Nhật Minh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 5-25.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá vai trò trung gian sự hài lòng của lãnh đạo cấp cao trong mối quan hệ giữa phần mềm kế toán đám mây và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Căn cứ vào mô hình sự thành công hệ thống thông tin của DeLone và McLean (2016) và lý thuyết dựa trên nguồn lực, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết rằng phần mềm kế toán đám mây có tác động trực tiếp và gián tiếp (thông qua sự hài lòng của lãnh đạo cấp cao) trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Thực hiện kiểm định hồi quy với mẫu 132 doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, với địa bàn các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động ở TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai; kết quả cho thấy sự hài lòng của lãnh đạo cấp cao thực sự có vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa phần mềm kế toán đám mây và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Do đó, các doanh nghiệp cung cấp phần mềm kế toán đám mây cần chú ý đến điều này khi triển khai sử dụng phần mềm kế toán đám mây tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm giúp họ đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất khi sử dụng phần mềm.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kế toán đám mây; Lãnh đạo cấp cao; Nhân tố trung gian; Hiệu quả kinh doanh

**90. Sự tương đồng và khác biệt về kế toán chi phí đi vay theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 (VAS 16) và chuẩn mực kế toán quốc tế số 23 (IAS 23)/** Ngô Thị Thu Hồng// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 38 – 41.

**Nội dung:** Bài viết khái quát những điểm giống và khác nhau cơ bản giữa IAS 23 và VAS 16 về chi phí đi vay, nhận xét, đánh giá và một số giải pháp nhằm bàn về một số vấn đề phát sinh trong quá trình vận dụng VAS 16 của Việt Nam cũng như có một sự liên hệ với CMKT quốc tế về chi phí đi vay để việc hòa hợp CMKT Việt Nam (VAS) với CMKT quốc tế (IAS) hoặc chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế là một trong những bước đi quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**Từ khóa:** Chi phí đi vay, VAS 16, IAS 23

**91. Tác động của chất lượng thông tin kế toán quản trị đến mức độ sử dụng thông tin kế toán quản trị : vai trò điều tiết của trình độ nhân viên kế toán quản trị/** Trần Thị Trinh, Nguyễn Phong Nguyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 34 – 37.

**Nội dung:** Nghiên cứu trình bày tác động tiềm năng của chất lượng thông tin kế toán quản trị đến mức độ sử thông tin kế toán quản trị, thông qua vai trò điều tiết của trình độ nhân viên kế toán quản trị. Nghiên cứu này cũng cung cấp các khái niệm như chất lượng thông tin kế toán quản trị, mức độ sử dụng thông tin kế toán quản trị và năng lực của nhân viên kế toán quản trị.

**Từ khóa:** Mức độ sử dụng thông tin kế toán quản trị, trình độ nhân viên kế toán quản trị, chất lượng thông tin

**92. Tác động của hệ thống thông tin kế toán đến mức độ tồn tại sai sót trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Biên Hòa/** Lê Thủy Tiên, Chu Thùy Thanh Tuyền, Vy Nguyễn Bích Thùy// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 84 – 91.

**Nội dung:** Nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng mức độ tồn tại sai sót trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Biên Hòa trong thời gian qua. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp giúp hạn chế mức độ sai sót, trong báo cáo tài chính tại doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, sai sót, báo cáo tài chính, hệ thống thông tin kế toán

**93. Tác động của hệ thống thông tin tích hợp Enterprise Resource Planing (ERP) đến công tác kế toán quản trị tại các doanh nghiệp Việt Nam**/Cao Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thu Thủy//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 63 - 66.

**Nội dung:** Bài viết dựa trên các nghiên cứu về tác động của hệ thống thông tin tích hợp ERP đến công tác kế toán quản trị nhằm chỉ ra một số tác động như: Tác động về mặt thời gian, tiện ích và báo cáo kế toán quản trị; tác động về vieech ứng dụng một số công cụ kế toán quản trị hiện đại; tác động về nhân sự thực hiện kế toán quản trị.

**Từ khóa:** ERP, kế toán quản trị, tác động ERP đến vận dụng kế toán quản trị

**94. Tác động của niềm tin tổ chức, kế toán mở và quản trị chi phí liên doanh nghiệp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh**/ Nguyễn Thị Minh Hiệp// Kế toán& Kiểm toán .- 2020 .- Số 8(215) .- Tr. 56-60.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài viết là nghiên cứu việc thực hiện quản lý chi phí và cõng bố thông tin chi phí ở các luồng kế toán mở trong sự tin tưởng mối quan hệ nhà cung cấp - người bán, nhằm giảm chi phí, góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp (DN). Số liệu nghiên cứu được thu thập từ 108 giám đốc điều hành, giám đốc tài chính, trưởng phó phòng kinh doanh và kế toán ở DN khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh là: (1) quản trị chi phí liên DN; (2) dữ liệu mở; (3) niềm tin tổ chức tác động đến kết quả kinh doanh thông qua dữ liệu mở.

**Từ khoá**: Quản trị chi phí liên tổ chức, Niềm tin tổ chức, Kế toán sổ mở, Kết quả kinh doanh

**95. Tầm quan trọng của kế toán quản trị môi trường trong sự phát triển của doanh nghiệp/** Nguyễn Bích Ngọc// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 38 – 41.

**Nội dung:** Bài viết làm rõ các vấn đề về môi trường cũng như những lưu ý khi áp dụng kế toán quản trị môi trường nhằm tiết kiệm chi phí, thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong môi trường sản xuất kinh doanh hiện đại ngày nay.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị môi trường, EMA

**96. Tăng cường năng lực và tính độc lập của cơ quan giám sát kiểm toán độc lập ở Việt Nam/** Lê Thị Tuyết Nhung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 11 – 15.

**Nội dung:** Hoạt động kiểm toán độc lập trở thành nhu cầu cần thiết để chuẩn hóa, công khai, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, chủ sở hữu vốn và các chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, chủ sở hữu vốn và các chủ nợ. Về góc độ quản lý nhà nước, đã tạo lập một hệ thống kiểm toán độc lập với khuôn khổ pháp lý đầy đủ, trên cơ sở vận dụng thông lệ quốc tế phù hợp điều kiện cụ thể của Việt Nam. Vai trò và năng lực quản lý nhà nước về kiểm toán từng bước được nâng cao; việc kiểm tra, giám sat tuân thủ pháp luật về kiểm toán được thực hiện ngày một phù hợp và hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** Kiểm toán độc lập, cơ quan giám sát, kiểm soát chất lượng, doanh nghiệp kiểm toán

**97. Tính chính xác tương đối trong báo cáo tài chính doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị Chinh Lam// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 83-86.

**Nội dung**: Theo Luật Kế toán năm 2015, báo cáo tài chính (BCTC) là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Hệ thống kế toán của đơn vị nếu chia theo phạm vi cung cấp thông tin thì chia làm 2 loại: kế toán tài chính và kế toán quản trị, BCTC là kết quả của kế toán tài chính. Khác với yêu cầu thông tin khi cung cấp của loại hình kế toán quản trị là nhanh chóng và mức độ chính xác có thể tương đối với thông tin do kế toán tài chính cung cấp thì độ chinh xác yêu cầu rất cao, vì phạm vi ảnh hưởng do các thông tin này là khá rộng. Trên thực tế, có nhiều văn bản pháp luật quy định về mục đích, yêu cầu, hướng dẫn cách lập, trình bày thông tin trên BCTC nhằm đảm bảo phản ánh chính xác tình hình tài chính của đơn vị. Tuy nhiên, liệu có phải tất cả các thông tin trên BCTC có chính xác tuyệt đối?.

**Từ khoá**: Tính chính xác tương đối, Báo cáo tài chính doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán

**98. Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ và tổ chức xây dựng quy chế kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp**/ Trần Minh Giang// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 77-82.

**Nội dung**: Tổ chức kiểm toán nội bộ (KTNB) trong các doanh nghiệp (DN) ngày càng được các đơn vị quan tâm. Tại Việt Nam, cơ quan Nhà nước đã bước đầu tạo ra hành lang pháp lý ràng buộc cho việc tổ chức KTNB tại các DN ở Việt Nam. Các DN Việt Nam ngày càng quan tâm đến KTNB do nhận thức rõ hơn về vai trò của KTNB, xem KTNB là tuyến phòng thủ hữu hiệu giúp bảo vệ tài sản, cũng như gia tăng già trị DN. Theo đó, vấn để tổ chức KTNB trong DN sao cho phù hợp, hiệu quả đang là vấn đề nhiều DN đặt ra. Trong bài viết này, tác giả sẽ đi sâu phân tích làm rõ về vấn đề tổ chức bộ máy KTNB và tổ chức xây dựng quy chế KTNB trong DN, với mong muốn giúp các DN có thể tham khảo thêm trong quá trình xây dựng và hoàn thiện KTNB cho DN mình.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ, Doanh nghiệp, Bảo vệ tài sản, Giá trị doanh nghiệp

**99. Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp chế biến mật ong trên địa bàn tỉnh Bình Dương**/ Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Đức, Nguyễn Thị Duyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 54-59.

**Nội dung**: Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với khảo sát thực tế tại các DN chế biến mật ong trên địa bàn tỉnh Bình Dương và tổng hợp các khía cạnh ảnh hưởng đến ÁI đối với các DN này, bao gồm: Bộ máy kế toán, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chu trình kế toán và kiểm soát nội bộ.

**Từ khoá**: Thông tin kế toán, hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp chế biến mật ong

**100. Tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội : thực trạng và giải pháp/** Nguyễn Thúy Vinh, Nguyễn Hoài Anh, Hà Thị Nhung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 97 – 100.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu thực trạng và đánh giá những tồn tại về tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện tổ chức kế toán, góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội. **Từ khóa:** Tổ chức kế toán, doanh nghiệp bảo hiểm, thông tin kế toán

**101. Tổng quan nghiên cứu về các nhân tố tác động đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế/** Nguyễn Thị Ngọc Điệp// Kế toán& Kiểm toán .- 2021 .- Số 8(215) .- Tr. 49-55.

**Nội dung**: Bài báo này nhằm mục đích cung cấp một bức tranh gắn kết với các nghiên cứu trước về các nhân tố tác động đến việc áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế/Chuẩn mực tài chính quốc tế (IAS/IFRS). Từ đó tác giả xác định được những tồn tại trong các nghiên cứu trước, để thực hiện các nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán quốc tế, Chuẩn mực tài chính quốc tế, Áp dụng IAS, Tổng quan nghiên cứu về IAS/IFRS

**102. Thiết kế nội dung kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp kinh doanh xổ số kiến thiết tại Việt Nam/** Phí Thị Diễm Hồng, Bùi Ngọc Chung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 23 – 27.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất đề xuất thống nhất khung nội dung kế toán quản trị chi phí và cách xác định các nội dung trong khối doanh nghiệp này, làm cơ sở và tài liệu giúp cho công tác kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh số đạt hiệu quả hơn, góp phần nâng cao kết qả hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Kế toán quản trị chi phí, kinh doanh xổ số, thiết kế nội dung

**103. Thông tin kế toán công bố của doanh nghiệp niêm yết đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam**/Nguyễn Tiến Đạt//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 60 - 62.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến thực trạng thông tin kế toán công bố của các doanh nghiệp niêm yết dưới đánh giá của các cán bộ thẩm định của các ngân hàng thương mại. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng ca mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của các ngân hàng thương mại.

**Từ khóa:** Thông tin kế toán, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp niêm yết, nhu cầu thông tin, quyết định cho vay

**104. Thực hiện kiểm toán hợp tác xã ở một số nước và kinh nghiệm áp dụng cho Việt Nam/** Hà Thị Phương Thanh// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 28 – 33.

**Nội dung:** Kiểm toán hợp tác xã là việc kiểm toán việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của hợp tác xã để chỉ ra những tồn tại, yếu kém cần phải chỉnh sửa về áp dụng chế độ kế toán, sổ sách và hạch toán kế toán, tính hợp lệ và hợp pháp của chứng từ, việc lưu trữ chứng từ kế toán, quy chế quản lý tài chính; giúp cho hội đồng quản trị, giám đốc hợp tác xã định hướng sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn, nâng cao năng lực quản trị và quản lý tài chính của hợp tác xã.

**Từ khóa:** Hợp tác xã, kinh tế hợp tác xã, CHLB Đức, Áo, Pháp, Thái Lan, Ba Lan

**105. Thực tiễn triển khai hóa đơn điện tử tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Tâm// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 5-8.

**Nội dung**: Không chỉ mang lại những hiệu quả về bài toán chi phí, hóa đơn điện tử còn giúp người đứng đầu doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt tình hình tài chính, kinh doanh, tối ưu nguồn nhân lực cho bộ phận kế toán. Theo tính toán, lợi ích ưu việt của hóa đơn điện tử so với hóa đơn giấy là tiết kiệm tới 80% chi phí thời gian nhập liệu. Với hóa đơn điện tử, doanh nghiệp không cần phải tạo lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn để nộp cho cơ quan thuế... Những lợi ích từ hóa đơn điện tử đã được nhiều nước trên thế giới tận dụng. Tại Việt Nam, hóa đơn điện tử đang được Bộ Tài chính quyết liệt triển khai nhằm phát huy tính ưu việt, mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

**Từ khoá**: Hóa đơn điện tử, doanh nghiệp, tiết giảm chi phí

**106. Thực trạng kế toán trách nhiệm xã hội tại một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Vũ Quang Trọng// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 48 – 54.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu tổng quan thực trạng và kinh nghiệm thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội, báo cáo kế toán trách nhiệm xã hội tại các quốc gia phát triển trên thế giới như: Mỹ, Anh, các quốc gia liên minh Châu Âu. Từ đó, đưa ra những khuyến nghị kinh nghiệm cho việc thực hiện kế toán tự nhiên xã hội tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Trách nhiệm xã hội, kế toán trách nhiệm xã hội, báo cáo kế toán

**107. Thực trạng lập và trình bày báo cáo tài chính công và đề xuất nhằm hoàn thiện chuẩn mực kế toán công Việt Nam**/ Cao Thị Cẩm Vân, Trương Á Bình// Kế toán & Kiểm toán .- 2019 .- Số 8(215) .- Tr. 24-30.

**Nội dung:** Xây dựng Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS) trên cơ sở vận dụng Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nhằm tạo nên một khuôn mẫu chung cho hoạt động kế toán công Việt Nam. Dự thảo Thông tư ban hành 5 VPSAS đợt 1, theo lộ trình ban hành vừa được Bộ Tài chính công bố. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này, nhóm tác giả tiến hành phân tích thực trạng các quy định hiện áp dụng trong quản lý tài chính công, lập và trình bày báo cáo tài chính (BCTC) công Việt Nam, nhận diện những vấn đề bất cập, đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện nội dung Dự thảo VPSAS số 1, góp phần đạt được tính khả thi trong áp dụng thực tiễn.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán công Việt Nam (VPSAS), Phân tích thực trạng lập báo cáo tài chính công, Góp ý hoàn thiện VPSAS số 1

**108. Trí tuệ nhân tạo định hình nghề nghiệp kế toán tương lai/** Trinh Hiệp Thiện// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 63-72,77.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định những kỹ năng cần thiết của nghề nghiệp kế toán, trong môi trường AI và phác họa định hướng khung hướng dẫn chung cho việc vận dụng AI vào những công việc cụ thể nào của nghề kế toán.

**Từ khoá**: Kế toán, nghề nghiệp, AI, tự động hóa quy trình bằng robot

**109. Ứng dụng Benford’s Law phát hiện dấu hiệu gian lận báo cáo tài chính của công ty niêm yết Việt Nam**/ Lâm Thị Trúc Linh, Nguyễn Ngọc Thọ, Nguyễn Hồng Nga// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 84-108.

**Nội dung**: Nghiên cứu này ứng dụng Benford’s Law để phát hiện dấu hiệu gian lận báo cáo tài chính của công ty niêm yết Việt Nam. Dữ liệu gồm 600 quan sát từ hai khoản mục doanh thu và lợi nhuận sau thuế được công bố trên báo cáo tài chính của 100 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2015 đến năm 2020. Nghiên cứu đã xem xét sự phân bố của dữ liệu thực tế ở chữ số thứ nhất, chữ số thứ hai và hai chữ số đầu tiên. Ba phép thử thống kê Z, Chi bình phương (χ^2) và độ lệch tuyệt đối trung bình (MAD) được sử dụng để đánh giá sự tuân thủ của tập dữ liệu với Benford’s Law. Kết quả chứng minh dữ liệu không tuân thủ với phân phối Benford’s Law ở chữ số thứ nhất và hai chữ số đầu tiên dẫn đến báo cáo tài chính có dấu hiệu gian lận. Nghiên cứu khuyến nghị kiểm toán viên, các nhà điều tra gian lận có thể sử dụng Benford’s Law như một công cụ hỗ trợ trong việc phát hiện gian lận báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Benford’s law; Gian lận báo cáo tài chính; Kế toán điều tra

**110. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn học kế toán hành chính sự nghiệp tại học viện tài chính**/ Phạm Thu Trang, Lê Thanh Dung// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Bài viết đã nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin đối với kế toán và giảng dạy đào tạo kế toán tại các trường Đại học trong thời đại công nghệ 4.0, thực trạng và giải pháp hoàn thiện đào tạo giảng dạy môn học kế toán hành chính sự nghiệp tại Học viện Tài chính trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm thay đổi toàn diện từ phương pháp giảng dạy đến nội dụng kiến thức truyền đạt, từ chương trình đào tạo đến phương pháp tiếp cận thực tế.

**Từ khóa**: Ứng dụng công nghệ thông tin, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán

**111. Ứng dụng hoạt động kiểm toán liên tục trong kiểm toán nội bộ**/ Nguyễn Vĩnh Khương// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 36-39.

**Nội dung**: Bài viết trình bày các vấn đề liên quan quy trình, cách thức, các công cụ phổ biến sử dụng trong hoạt động kiểm toán liên tục.

**Từ khóa**: kiểm toán liên tục, kỹ thuật kiểm toán, quy trình kiểm toán

**112. Vai trò của thông tin kế toán trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Chúc Anh Tú, Đỗ Thu Hiền// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 20-24.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào những nội dung cơ bản của thông tin kế toán, là một trong những thông tin quan trọng bắt buộc phải công bố trên thị trường chứng khoán được trình bày trên bái cáo tài chính phải được thực hiện theo yêu cầu, nguyên tắc như thế nào? Đồng thời, nội dung bài viết cũng chỉ rõ về những quy định hiện hành đối với việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hiện nay ra sao.

**Từ khoá**: báo cáo tài chính, thông tin kế toán, thông tin, thị trường chứng khoán

**113. Vận dụng thẻ điểm cân bằng xây dựng chỉ tiêu đánh giá trung tâm chi phí trong doanh nghiệp sản xuất**/ Nguyễn Thị Hồng Sương// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý luận về phương pháp thẻ điểm cân bằng và trung tâm trách nhiệm và vận dụng thẻ điểm cân bằng xây dựng chỉ tiêu đánh giá trung tâm chi phí trong doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam.

**Từ khoá:** Thẻ điểm cân bằng, trung tâm chi phí, doanh nghiệp sản xuất

**114. Vận dụng thông tư 107/2017/TT - BTC tổ chức chứng từ kế toán thanh toán đề tài nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Tây Bắc**/Vũ Thị Sen//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 35 - 37.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra một số đánh giá khái quát các mặt ưu điểm và tồn tại, hạn chế về công tác tổ chức chứng từ kế toán thanh toán đề tài nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Tây Bắc. Từ đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị về tổ chức chứng từ kế toán thanh toán nhằm tạo sự thuận lợi cho công tác thanh toán đối với các chủ nhiệm đề tài nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát, quản lý tài chính đối với đề tài nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Tây Bắc.

**Từ khóa:** Chứng từ kế toán, quy trình, biểu mẫu chứng từ, quản lý tài chính

**115. Xác lập tiêu chí đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp Việt Nam/**Nguyễn Thị Hoài Thu//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 16 - 18.

**Nội dung:** Sự phát triển của công nghệ thông tin hiện nay có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán doanh nghiệp. Duy trì và nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) trong doanh nghiệp đang trở thành yêu cầu cấp thiết. HTTTKT trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng, làm gia tăng giá trị và vị thế của doanh nghiệp, duy trì bền vững cấu trúc kiểm soát nội bộ, hỗ trợ kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

**Từ khóa:** Hệ thống thông tin kế toán, doanh nghiệp Việt Nam

**116. Xây dựng mô hình đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên**/ Nguyễn Đào Tùng// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Bài viết cung cấp cách nhìn tổng quát về tính độc lập của kiểm toán viên thông qua việc xem xét các công trình nghiên cứu trước đây. Phân tích nội dung của các công trình nghiên cứu khác nhau giúp chỉ ra các khía cạnh về tính độc lập của kiểm toán viên được các nhà nghiên cứu quan tâm, đồng thời nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên và phát triển khung nghiên cứu. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về tính độc lâp của kiểm toán viên.

**Từ khóa**: mô hình, tính độc lập, kiểm toán viên

**117. Ý định vận dụng hệ thống kế toán quản trị nghiên cứu thực nghiệm tại các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu thực nghiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long/** Phạm Quang Huy, Vũ Kiến Phúc//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 76 - 88.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhận diện và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến ý định vận dụng hệ thống kế toán quản trị trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, sử dụng dữ liệu chính từ khảo sát với 436 kế toán viên tại các đơn vị này. Mô hình cấu trúc tuyến tính được vận dụng để kiểm định mô hình lý thuyết và các giả thuyết. Kết quả chỉ ra rằng nhận thức hữu ích, nhận thức dễ sử dụng, nhận thức chi phí ảnh hưởng đáng kể đến ý định vận dụng.

**Từ khóa:** Hệ thống kế toán quản trị, ý định vận dụng, đơn vị sự nghiệp công lập, Vĩnh Long

**118. Yêu cầu phát triển kiểm toán liên tục trong bối cảnh hội nhập**/ Nguyễn Văn Hòa// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 60-62.

**Nội dung**: Bài viết trao đổi tổng quan, vai trò và lợi ích của kiểm toán liên tục. Từ đó, đưa ra một số kiến nghị đề xuất, nhằm thúc đẩy phát triển kiểm toán liên tục ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Kiểm toán liên tục, kiểm toán nội bộ, doanh nghiệp

**119. Yêu cầu về năng lực của kế toán viên trong bối cảnh công nghệ số**/ Đinh Thị Thùy Liên// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 118-120.

**Nội dung**: Vai trò của kế toán viên trong thời đại công nghệ số; cơ hội và thách thức; những năng lực kế toán cần có theo định hướng công nghệ số.

**Từ khoá**: Yêu cầu về năng lực của kế toán viên trong bối cảnh công nghệ số

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Am hiểu tài chính của sinh viên học viện Tài chính - Thực trạng và một số đề xuất về chương trình giáo dục tài chính**/ Trần Thanh Thu, Đào Hồng Nhung, Phạm Minh Đức// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 55-62.

**Nội dung**: Nghiên cứu làm rõ thực trạng am hiểu tài chính của sinh viên Học viện Tài chính, từ đó đưa ra một số đề xuất về chương trình đào tạo nhằm tăng cường hiểu biết tài chính cho sinh viên trong bối cảnh số hóa ngành dịch vụ tài chính Việt Nam.

**Từ khóa**: am hiểu tài chính, giáo dục tài chính, số hóa, dịch vụ tài chính

**2. Ảnh hưởng của áp lực thể chế đến chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp dệt may**/ Đỗ Thị Bình, Trần Văn Trang// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 33-42.

**Nội dung**: Là một trong những ngành kinh tế quan trọng nhất trên thế giới, tác động có hại của ngành dệt may đến môi trường và xã hội ngày càng gia tăng, đòi hỏi các doanh nghiệp cần có các chiến lược môi trường nói chung và chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường nói riêng. Mục tiêu của nghiên cứu là kiểm định ảnh hưởng của các áp lực thể chế đến chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh. Dữ liệu được thu thập từ 191 nhà quản lý của các doanh nghiệp dệt may và được phân tích bằng PLS SEM. Kết quả cho thấy các áp lực thị trường, áp lực qui chuẩn và áp lực cạnh tranh ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc theo đuổi chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường của công ty. Đặc biệt, chiến lược này gia tăng hợp tác trong chuỗi cung ứng và do đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số hàm ý về quản lý và chính sách.

**Từ khoá**: Áp lực thể chế, chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng, lợi thế cạnh tranh, doanh nghiệp dệt may

**3. Ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Hồ Thủy Tiên, Lê Thị Ngọc Hân// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 26-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đo lường ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế vĩ mô bao gồm lạm phát, cung tiền, tỷ giá hối đoái, lãi suất trái phiếu, chỉ số sản xuất công nghiệp, giá dầu thế giới và giá vàng thế giới đến thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua chỉ số giá chứng khoán (VN-Index) trong giai đoạn từ 01/2009 đến tháng 12/2019. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong dài hạn, tỷ giá hối đoái và lãi suất tác động mạnh và ngược chiều đến chỉ số VN-Index. Trong ngắn hạn, cung tiền và giá dầu tác động cùng chiều, trong khi lạm phát lại tác động ngược chiều đến chỉ số VN-Index. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý đối với các nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán, chỉ số giá chứng khoán, lạm phát

**4. Ảnh hưởng của cấu trúc vốn và đặc điểm của hội đồng quản trị tới hành vi quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đỗ Thị Vân Trang, Trần Ngọc Mai, Phan Thuỳ Dương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 77-88.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Dữ liệu được thu thập từ báo cáo tài chính của 50 doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2009-2019. Bài viết đưa ra những khuyến nghị, đề xuất đối với các bên liên quan như các nhà quản trị doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước và các công ty kiểm toán.

**Từ khoá**: quản trị lợi nhuận, công ty niêm yết, đặc điểm hội đồng quản trị

**5. Ảnh hưởng của chỉ số Lerner đến tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Ngọc, Võ Thị Thu Hằng// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 33-36.

**Nội dung**: Bài báo nhằm phân tích và đo lường sự ảnh hưởng của chỉ số Lerner tới tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, nghiên cứu 19 ngân hàng thương mại Việt Nam, giai đoạn từ năm 2006-2020. Nhóm tác giả làm rõ phản ứng của nguồn cung ứng vốn vay của hệ thống ngân hàng thương mại tuỳ thuộc vào mức độ cạnh tranh của các ngân hàng.

**Từ khoá:** tăng trưởng tín dụng, chỉ số Lerner, năng lực cạnh tranh, ngân hàng thương mại

**6. Ảnh hưởng của chính sách huy động vốn nguồn lực tài chính đến hiệu quả quản lý nhà nước trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang**/ Nguyễn Thu Nga, Kiều Thị Khánh// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 112-120.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định tác động của quản lý nhà nước và khả năng điều tiết của chính sách huy động nguồn lực tài chính đến hiệu quả quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Bằng cách phỏng vấn các bên có quyền lợi liên quan và sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), nghiên cứu cho thấy, chính sách huy động nguồn lực là biến trung gian có liên quan tích cực đến hiệu quả xây dựng nông thôn mới tại huyện Lâm Bình với khoảng tin cậy là 95%.

**Từ khóa**: chính sách huy động nguồn lực, hiệu quả xây dựng nông thôn mới, quản lý nhà nước

**7. Ảnh hưởng của chính sách quản lý vốn lưu động đến hiệu quả kinh doanh - bằng chứng thực nghiệm các tập đoàn kinh tế niêm yết**/ Nguyễn Trọng Cơ// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 49-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện trên dữ liệu tài chính của 38 tập đoàn kinh tế niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2009-2019.

**Từ khóa**: quản lý vốn lưu động, hiệu quả kinh doanh, tập đoàn kinh tế

**8. Ảnh hưởng của chính sách thuế tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam**/ Phạm Quỳnh Mai// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr.49-52.

**Nội dung:** Tại Việt Nam, thuế là nguồn thu lớn, chiếm khoảng 4/5 tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN). Thời gian qua, chính sách thuế đã dần được cải cách, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Tuy nhiên, để tăng cường hơn nữa vai trò của chính sách thuế, thời gian tới, Chính phủ cần tiếp tục có biện pháp nhằm đảm bảo phát huy tối đa các nguồn lực sẵn có trong nền kinh tế.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân

**9. Ảnh hưởng của đổi mới dịch vụ và hành vi cùng tạo ra giá trị đến trải nghiệm của khách du lịch**/ Lê Minh Đức// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 57-83.

**Nội dung**: Nghiên cứu này kiểm tra tác động của đổi mới dịch vụ và hành vi cùng tạo ra giá trị đến trải nghiệm của khách hàng (trải nghiệm cảm xúc, hạnh phúc, sự ghi nhớ). Sử dụng mô hình phương trình cấu trúc SEM, nghiên cứu đã kiểm tra mô hình đề xuất với thiết kế cắt ngang bằng cách tiến hành phân tích mẫu 335 khách du lịch. Các phát hiện cho thấy rằng đổi mới dịch vụ ảnh hưởng đáng kể đến hành vi cùng tạo ra giá trị, trải nghiệm cảm xúc (niềm vui và sự hưng phấn), và hạnh phúc của khách hàng. Kết quả tiếp tục tiết lộ ảnh hưởng tích cực của hành vi cùng tạo ra giá trị đến trải nghiệm cảm xúc và sự ghi nhớ trải nghiệm. Đặc biệt, cùng tạo ra giá trị của khách hàng ảnh hưởng trực tiếp tích cực đến hạnh phúc của khách hàng – đây là phát hiện khá thú vị. Ngoài ra, trải nghiệm cảm xúc của khách hàng có tác động tích cực đến cả hạnh phúc và sự ghi nhớ. Hơn nữa, hạnh phúc của khách hàng có liên kết tích cực đến sự ghi nhớ trải nghiệm của họ. Các đóng góp về mặt học thuật và hàm ý quản trị của các kết quả này đối với ngành tiếp thị và du lịch sẽ được thảo luận.

**Từ khoá**: Logic trọng dịch vụ; đổi mới dịch vụ; cùng tạo ra giá trị; trải nghiệm cảm xúc; hạnh phúc; sự ghi nhớ

**10. Ảnh hưởng của Fintech đến lĩnh vực ngân hàng - tài chính Việt Nam**/ Phan Thị Hoàng Yến, Đào Mỹ Hằng, Trần Hải Yến/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 21(582) .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Bài viết tập trung đánh giá thực trạng phát triển của Fintech, những ảnh hưởng của Fintech tới hoạt động ngân hàng-tài chính ở Việt Nam, từ đó đề xuất giải pháp giúp phát triển các định chế tài chính Việt Nam một cách bền vững.

**Từ khoá**: công nghệ tài chính, ngân hàng, tài chính, Fintech

**11. Ảnh hưởng của hành vi tương tác qua truyền thông mạng xã hội đến trung thành thương hiệu : trường hợp khách du lịch tại Đà Nẵng**/ Trần Thị Kim Phượng, Phạm Công Hậu, Nguyễn Thanh Trúc, Trần Trung Vinh, Trương Bá Thanh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Đánh giá sự ảnh hưởng của các cấp độ hành vi tương tác qua truyền thông mạng xã hội đến mối quan hệ thành viên trong cộng đồng xã hội trực tuyến và trung thành thương hiệu trong bối cảnh nghiên cứu là điểm đến du lịch. Khảo sát online được thực hiện để thu thập dữ liệu từ những khách du lịch nội địa là những người đã từng đến du lịch ở Đà Nẵng và có sự tương tác trên Facebook như bình luận, chia sẻ, tạo dựng nội dung về điểm đến Đà Nẵng. Với 265 bản câu hỏi hợp lệ đã được đưa vào phân tích và kiểm định giả thuyết thông qua mô hình cấu trúc tuyến tính dựa trên hiệp phương sai (CB-SEM). Kết quả thể hiện các mối quan hệ giữa các nhân tố đều có ý nghĩa về mặt thống kê, ngoại trừ giả thuyết liên quan đến mối quan hệ giữa hành vi bình luận và trung thành thương hiệu. Cuối cùng, những hàm ý liên quan đến lý thuyết và quản lý được thảo luận.

**Từ khoá**: Du lịch, Truyền thông, Mạng xã hội, Hành vi, Gắn kết, Thương hiệu, Trung thành

**12. Ảnh hưởng của hệ thống thông tin đến lợi thế cạnh tranh của các công ty giao nhận hàng xuất nhập khẩu và đại lý hải quan tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thanh Hùng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 36-52.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là kiểm tra mối quan hệ giữa năng lực hệ thống thông tin, ứng dụng hệ thống thông tin với lợi thế cạnh tranh của các công ty giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và đại lý hải quan tại thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu này bắt nguồn từ thực trạng chậm chạp của thủ tục hải quan, hệ thống quan liêu bàn giấy và quá trình xử lý chứng từ dài dòng tại các công ty cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và đại lý khai thuê hải quan. Hiện trạng này được quy cho thiếu năng lực hệ thống thông tin, ít vận dụng hệ thống thông tin. Dữ liệu được thu thập từ mẫu nghiên cứu gồm 501 công ty giao nhận và đại lý hải quan tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu định lượng chỉ ra rằng có sự tương quan chặt chẽ giữa năng lực hệ thống thông tin, vận dụng hệ thống thông tin với lợi thế cạnh tranh của các công ty này. Nghiên cứu đề xuất các công ty giao nhận và đại lý hải quan tại thành phố Hồ Chí Minh cần vận dụng hệ thống thông tin nhanh hơn và sâu hơn nữa để gia tăng chất lượng dịch vụ logistics, cải thiện hoạt động, đặc biệt trong các lãnh vực xử lý chứng từ, kho vận và hiện trường.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin, lợi thế cạnh tranh, công ty giao nhận, đại lý hải quan, thành phố Hồ Chí Minh

**13. Ảnh hưởng của năng lực canh tranh động đến kết quả kinh doanh: Trường hợp các công ty du lịch tại Miền Trung**/ Nguyễn Phúc Nguyên, Hoàng Anh Viện// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 83-92.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm khám phá các nhân tố cấu thành năng lực cạnh tranh động và xác định ảnh hưởng của nó tới kết quả kinh doanh của các công ty du lịch tại Miền Trung. Chúng tôi đã phân tích dữ liệu thu thập được từ 209 nhà quản lý của các công ty du lịch ở Miền Trung bằng SmartPLS 3.2.7. Kết quả cho thấy có 8 yếu tố năng lực cạnh tranh động tác động lên kết quả kinh doanh của các công ty du lịch. Các nhân tố có ảnh hưởng quan trọng nhất là năng lực marketing, năng lực thích nghi và định hướng kinh doanh. Bài báo gợi mở những hàm ý nhằm xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh động của các doanh nghiệp, qua đó góp phần cải thiện kết quả kinh doanh.

**Từ khoá**: Năng lực động, kết quả kinh doanh, năng lực đổi mới, định hướng thị trường, du lịch

**14. Ảnh hưởng của quản trị chéo đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Ngô Mỹ Trân, Trần Thị Bạch Yến, Lâm Thị Ngọc Nhung// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 80-93.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích sự ảnh hưởng của quản trị chéo đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Số liệu được thu thập từ 130 công ty niêm yết giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2019. Số liệu thống kê cho thấy quản trị chéo khá phổ biến trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả phân tích của mô hình REM cho thấy quản trị chéo ở cấp độ cá nhân thể hiện thông qua chỉ tiêu số lượng vị trí thành viên hội đồng quản trị (HĐQT) trung bình mà các thành viên HĐQT có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết. Tuy nhiên, hiệu quả tài chính của công ty sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực khi công ty niêm yết có tỷ lệ thành viên HĐQT nắm giữ từ 3 vị trí thành viên HĐQT trở lên ở các công ty khác nhau quá nhiều. Điều này cho thấy bằng chứng thực nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam ủng hộ giả thuyết danh tiếng. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT có kiêm nhiệm vị trí thành viên HĐQT ở công ty khác sẽ mang lại lợi ích cho công ty niêm yết vì công ty có thể hưởng lợi từ chuyên môn và các mối quan hệ của các thành viên kiêm nhiệm này. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng cung cấp bằng chứng thống kê ủng hộ giả thuyết bận rộn. Do đó, các công ty niêm yết cần cân nhắc việc bổ nhiệm thêm thành viên HĐQT có quản trị chéo khi HĐQT đã có quá nhiều thành viên nắm giữ từ 3 vị trí thành viên HĐQT trở lên ở các công ty khác nhau.

**Từ khoá**: Quản trị nhân sự, chuyển đổi số, quản trị nhân sự số, hiệu quả hoạt động

**15. Ảnh hưởng của quản trị lợi nhuận nhằm tránh lỗ đến tỷ suất sinh lời trên cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Trần Kỳ Hân, Đường Nguyễn Hưng// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 57-67.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của quản trị lợi nhuận nhằm tránh lỗ đến tỷ suất sinh lời trên cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Chọn lọc 346 quan sát thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận nhằm tránh lỗ từ 295 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2006-2016 kết hợp với phương pháp nghiên cứu hồi quy dữ liệu bảng.

**Từ khoá:** ảnh hưởng quản trị lợi nhuận, quản trị lợi nhuận tránh lỗ, tỷ suất sinh lời cổ phiếu

**16. Ảnh hưởng của quốc tế hoá đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**/ Trần Quế Anh, Võ Văn Dứt// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 46-56.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu sự ảnh hưởng của quốc tế hoá đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Bài viết sử dụng dữ liệu được thu thập từ các báo cáo hàng năm của các doanh nghiệp niêm yết trong giai đoạn 2009-2018 để kiểm định các giả thuyết.

**Từ khoá**: quốc tế hoá, hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp niêm yết, Việt Nam

**17. Ảnh hưởng của quy mô doanh nghiệp tới kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam**/ Trần Trung Tuấn, Trần Thị Song Lam// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 97-106.

**Nội dung**: Kiểm soát nội bộ được xây dựng trong doanh nghiệp nhằm hạn chế các rủi ro, bảo vệ tài sản và thông tin của doanh nghiệp. Do vậy, kiểm soát nội bộ là một công cụ quản lý không thể thiếu trong bất kỳ doanh nghiệp hoạt động nào. Bài viết nghiên cứu về kiểm soát nội bộ và ảnh hưởng của quy mô doanh nghiệp tới kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng để xem xét mối quan hệ của quy mô doanh nghiệp và 5 yếu tố của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng 205 bảng hỏi gửi tới các doanh nghiệp dệt may Việt Nam và thu được 106 bảng hỏi hợp lệ. Kết quả xử lý dữ liệu cho thấy, có mối quan hệ một cách có ý nghĩa thống kê giữa quy mô của doanh nghiệp với việc xây dựng 5 yếu tố của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh thu bình quân, số lao động bình quân, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát

**18. Ảnh hưởng của sở hữu tổ chức đến hoạt động quản trị lợi nhuận trong các doanh nghiệp Việt Nam/** Nguyễn Thị Hoa Hồng, Phạm Phương Mai// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 521 .- Tr. 86 - 99.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của sở hữu tổ chức đến hoạt động quản trị lợi nhuận tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010 - 2019.

**Từ khóa:** Cổ đông cổ tức, dồn tích không tự định, dồn tích tự định, quản trị lợi nhuận, sở hữu tổ chức

**19. Ảnh hưởng của việc làm không phù hợp đến sự hài lòng trong công việc : trường hợp người lao động ở vùng đồng bằng sông Cửu Long**/ Ngô Mỹ Trân, Trần Thị Tú Anh// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 59-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích sự ảnh hưởng của việc làm không phù hợp đến sự hài lòng trong công việc của người lao động với số liệu khảo sát 1.300 người lao động trong các doanh nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải thiện tình trạng việc làm không phù hợp và nâng cao sự hài lòng trong công việc người lao động.

**Từ khoá**: đồng bằng sông Cửu Long, sự hài lòng trong công việc, việc làm không phù hợp

**20. Ảnh hưởng của việc sử dụng giống Japonica đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ ở tỉnh An Giang : phương pháp tiếp cận ghép điểm xu hướng**/ Trần Quốc Nhân// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 81-88.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng giống lúa Japonica (lúa Nhật) đến hiệu quả sản xuất của nông hộ. Phương pháp phân tích chi phí-lợi nhận được áp dụng để đánh giá hiệu quả sản xuất của nông hộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp ghép điểm xu hướng để đánh giá tác động của việc sử dụng giống Japonica đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ.

**Từ khoá**: hiệu quả sản xuất, lúa Japonica, PSM

**21. Ảnh hưởng của vốn đầu tư đối với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ánh Tuyết// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 16-23.

**Nội dung**: Bài viết xem xét ảnh hưởng của vốn đầu tư đối với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1986-2019 bằng việc sử dụng mô hình trễ phân phối tự hồi quy.

**Từ khoá**: vốn đầu tư, FDI, mô hình trễ phân phối tự hồi quy, chuyển dịch cơ cấu

**22. Ảnh hưởng của xuất khẩu tới năng suất của doanh nghiệp chế biến, chế tạo Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ánh Tuyết// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 38-46.

**Nội dung**: Bài viết xem xét ảnh hưởng của xuất khẩu đến năng suất của doanh nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam theo lý thuyết học hỏi thông qua xuất khẩu giai đoạn 2010-2015. Sử dụng mô hình tác động cố định FE, kết quả nghiên cứu cho thấy, xuất khẩu có tác động tích cực đối với năng suất của doanh nghiệp, có sự khác biệt giữa năm đầu tiên tham gia xuất khẩu so với các năm khác.

**Từ khoá**: xuất khẩu, học hỏi thông qua xuất khẩu, năng suất

**23. Ảnh hưởng từ môi trường khởi nghiệp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**/ Vũ Trần Phương Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 64-66.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tổng quan về ảnh hưởng của môi trường khởi nghiệp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (DN) thông qua việc xem xét các công trình nghiên cứu trước đây. Việc phân tích nội dung của các công trình nghiên cứu khác nhau giúp làm rõ những khía cạnh về môi trường khởi nghiệp, trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu đo lường các yếu tố môi trường khởi nghiệp ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của DN.

**Từ khoá**: Môi trường khởi nghiệp, kết quả kinh doanh, doanh nghiệp, xây dựng mô hình

**24. Áp dụng chính sách tài chính hỗ trợ khởi nghiệp : kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam**/ Phạm Đức Anh, Bùi Thị Mến// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 43-51.

**Nội dung**: Bài viết nhằm mục tiêu khảo lược và phân tích kinh nghiệm thực tiễn tại các quốc gia khác nhau trong thiết kế và thực thi chính sách tài chính hỗ trợ cho khởi nghiệp. Các chính sách tín dụng và cơ bản được áp dụng tại các quốc gia bao gồm chính sách thuế, chính sách tín dụng và chính sách lãi suất. kết quả phân tích cho thấy, chính sách tài chính của chính phủ thông qua việc tạo thuận lợi trong tiếp cận vốn ưu đãi, có thể giúp DNKN cắt giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh vượt trội.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp khởi nghiệp, tài chính khởi nghiệp, chính sách tài chính, ưu đãi thuế

**25. Bàn về đánh giá an toàn tài chính doanh nghiệp thông qua chỉ tiêu hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và đề xuất kiến nghị**/ Lưu Thị Thu Hà// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 80-83.

**Nội dung**: Bài báo đề cập những hạn chế trong quy định về mức độ đảm bảo an toàn tài chính của doanh nghiệp thông qua chỉ tiêu hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, qua đó đề xuất một số kiến nghị liên quan đến đánh giá mức độ an toàn tài chính của doanh nghiệp.

**Từ khóa**: an toàn tài chính, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu

**26. Bàn về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí trong quản lý hàng dự trữ quốc gia**/ Nguyễn Văn Bình// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 9-12.

**Nội dung:** Luật Dự trữ quốc gia quy định hai loại định mức trong quản lý hàng dự trữ quốc gia gồm: Định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và định mức chi phí nhập, chi phí xuất, chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Bài viết này bàn về nội hàm, cơ sở pháp lý, thực trạng xây dựng và tổ chức thực hiện hai loại định mức nói trên, qua đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện các loại định mức trong quản lý hàng dự trữ quốc gia.

**Từ khoá:** Luật dự trữ quốc gia, hàng dự trữ quốc gia, cơ sở pháp lý

**27. Báo cáo tài chính khu vực công Việt Nam - những điểm tương đồng và khác biệt so với chuẩn mực kế toán công quốc tế**/ Nguyễn Thị Minh Giang, Hoàng Thị Bích Ngọc// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 107-116.

**Nội dung**: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế nói chung cũng như hội nhập về kế toán nói riêng, các yêu cầu về thông tin kế toán cung cấp phải đảm bảo theo quy định của thông lệ quốc tế là đòi hỏi ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt đối với khu vực công. Trước đòi hỏi này, kế toán khu vực công Việt Nam cũng đã có những sự thay đổi để đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, phù hợp và minh bạch hơn theo yêu cầu hội nhập. Tuy nhiên thực tế vẫn còn những sự khác biệt theo quy định của thông lệ quốc tế. Bài viết nhằm tìm hiểu các quy định hiện hành về lập và trình bày báo cáo tài chính khu vực công Việt Nam hiện nay, đối chiếu với quy định của chuẩn mực kế toán công quốc tế để trên cơ sở đó tìm ra những điểm tương đồng, những sự khác biệt làm căn cứ để đề xuất các khuyến nghị giúp hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính khu vực công Việt Nam.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính hợp nhất, khu vực công, chuẩn mực kế toán công quốc tế

**28. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo thuận lợi cho người dân**/ Nguyễn Hoàng Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho các tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch với cơ quan bảo hiểm xã hội, thời gian tới, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, chuyển đổi số, doanh nghiệp, người lao động

**29. Bảo hộ sở hữu trí tuệ trong hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi**/ Trần Chí Thiện, Trần Nhuận Kiên// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 19-25.

**Nội dung**: Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có tác dụng rất lớn trong hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Vùng dân tộc thiểu số và miền núi của nước ta có tiềm năng to lớn trong thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo với các sản phẩm nông, lâm đặc sản, dược liệu cũng như du lịch sinh thái cộng đồng, trong đó nhiều sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ. Đáng tiếc, đã có một số hiện tượng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi cộm. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ, đòi hỏi phải có các giải pháp tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ để hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Trước hết, cần tập trung hỗ trợ tạo lập tài sản trí tuệ và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; sau đó, tập trung vào việc quản lý và khai thác các lợi ích của tài sản trí tuệ đã được bảo hộ.

**Từ khoá**: Bảo hộ, Sở hữu trí tuệ, Khởi nghiệp, Sáng tạo, Dân tộc thiểu số, Miền núi

**30. Bảo vệ người đi vay trước các điều khoản bất lợi trong thoả thuận vay tiêu dùng với công ty tài chính**/ Bạch Thị Nhã Nam/ Ngân hàng .- 2021 .- Số 23 .- Tr. 27-34.

**Nội dung**: Trong bài viết, tác giả rà soát các hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng trên thực tiễn và nhận diện một số điều khoản gây ra các rủi ro pháp lý hoặc bất lợi nhất định đối với người tiêu dùng, trên cơ sở đó đưa ra các lưu ý đối với bên đi vay tín dụng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật

**Từ khoá**: Cho vay, tiêu dùng, rủi ro

**31. Bảo vệ quyền, lợi ích của chủ nợ khi giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp**/ Nguyễn Thị An, Lương Thị Thu Trang// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Trong quá trình giải quyết thủ tục phá sản một doanh nghiệp thì chủ thể có quyền lợi bị ảnh hưởng nhiều nhất là các chủ nợ. Do đó, việc bảo vệ quyền, lợi ích của chủ nợ trong các quy định pháp luật về phá sản là rất cần thiết. Cùng với quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phá sản ở Việt Nam, việc ban hành các quy định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của chủ nợ được quan tâm và có nhiều thay đổi cho phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội, cũng như hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và chủ nợ. Luật Phá sản năm 2014 đã có những quy định nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ nợ khi giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Luật Phá sản, quyền lợi, chủ nợ, doanh nghiệp

**32. Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp tại Bến Tre**/ Nguyễn Thị Kim Trang, Bùi Văn Trịnh// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 75-78.

**Nội dung**: Để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp, nghiên cứu này được tiến hành trên cơ sở dữ liệu sơ cấp khảo sát 150 doanh nghiệp tại tỉnh Bến Tre, thông qua các phương pháp thống kê mô tả, hệ số Cronbach’s Alpha, phân tích yếu tố khám phá và hồi quy. Kết quả cho thấy, có 6 yếu tố tác động đến yếu tố hành vi tuân thủ pháp luật về thuế như sau: Yếu tố xã hội có tác động mạnh nhất; Yếu tố tâm lý có tác động mạnh thứ 2, tiếp đó là các yếu tố khác như: Đặc điểm doanh nghiệp, Ngành kinh doanh, Cấu trúc hệ thống thuế và Yếu tố kinh tế.

**Từ khoá**: Hành vi, tuân thủ pháp luật về thuế, doanh nghiệp

**33. Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ Mytv trên địa bàn tỉnh Nghệ An**/ Thái Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Kim Thoa// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 93-102.

**Nội dung:** Nghiên cứu dựa vào lý thuyết về lòng trung thành của khách hac nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng cũng như thực tiễn các mô hình nghiên cứu trước đây có liên quan để đề xuất mô hình nghiên cứu ban đầu về lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ MyTV tại thị trường Nghệ An. Dựa trên phân tích độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính, kết quả nghiên cứu cho thấy giá cả có ảnh hưởng mạnh nhất đến lòng trung thành của khách hàng. Nghiên cứu cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa lòng trung thành của khách hàng theo nghề nghiệp, nhưng có sự khác biệt về mức độ trung thành của khách hàng theo thời gian sử dụng dịch vụ. Trên cơ sở kết quả phân tích và kiểm định số liệu điều tra, nghiên cứu đề ra khuyến nghị phù hợp nhằm tăng cường, nâng cao sự tín nhiệm, lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ MyTV tại thị trường Nghệ An trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Khách hàng, lòng trung thành khách hàng, dịch vụ MyTV

**34. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán nội địa của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ Nguyễn Xuân Hưng, Đỗ Thị Ngọc Mai, Chu Thị Thanh, Nguyễn Thị Phương Thúy// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 94-104.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài viết là phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán nội địa của khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bài viết sử dụng kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích các nhân tố EFA và mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích các nhân tố từ dữ liệu được thu thập từ điều tra khảo sát 243 khách hàng cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng 6 nhân tố chủ yếu tác động đến quyết định lựa chọn ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán nội địa của khách hàng cá nhân bao gồm: (1) Lợi ích tài chính và công nghệ; (2) Cung cấp dịch vụ; (3) Chiến lược xúc tiến; (4) Sự thuận tiện; (5) Tính bảo mật và (6) Ảnh hưởng của những người xung quanh… Từ kết quả này, một vài hàm ý quản trị đã được đề xuất giúp các ngân hàng nhằm thu hút các khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán nội địa.

**Từ khoá**: Dịch vụ thanh toán nội địa, Hà Nội, khách hàng cá nhân

**35. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tư vấn thiết lập HTQL theo tiêu chuẩn ISO tại công ty TNHH An Hòa Xanh/** Lềnh Hấm Sô, Bảo Trung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 92 - 94.

**Nội dung:** Nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tư vấn thiết lập HTQL theo tiêu chuẩn ISO tại công ty TNHH An Hòa Xanh. Kết quả cho thấy các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng theo mức độ giảm dần.

**Từ khóa:** Sự hài lòng, chất lượng dịch vụ tư vấn thiết lập hệ thống quản lý, công ty TNHH An Hòa Xanh

**36. Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính tại các bệnh viện công lập ở Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Thị Thanh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính tại các bệnh viện công giúp các nhà quản lý đưa ra các giải pháp tiên tiến.

**Từ khoá**: nguồn tài chính, bệnh viện công, hệ số, huy động các nguồn tài chính, sử dụng các nguồn tài chính

**37. Các nhân tố ảnh hưởng đến trình độ phát triển kế toán quản trị tại doanh nghiệp sản xuất và thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Phương Dung, Nguyễn Thị Hương Liên, Nguyễn Thị Hải Hà// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 86-96.

**Nội dung**: Việc áp dụng các phương pháp kế toán quản trị hiện đại được coi là chìa khóa giúp doanh nghiệp thành công trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay. Năm 1998, Liên đoàn Kế toán Quốc tế (IFAC) đã ban hành mô hình giải thích sự phát triển của kế toán quản trị trên thế giới (mô hình IFAC). Hiện nay, tại Việt Nam các nghiên cứu sử dụng trực tiếp mô hình IFAC để định vị trình độ phát triển kế toán quản trị tại các doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng tới trình độ này còn rất khiêm tốn. Do vậy, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 173 doanh nghiệp sản xuất và thương mại Việt Nam và thu được kết quả là phần lớn các doanh nghiệp (69,3%) có trình độ phát triển kế toán quản trị thấp thuộc 2 giai đoạn đầu tiên của mô hình IFAC, chỉ có (30,7%) doanh nghiệp đã áp dụng kế toán quản trị hiện đại của Giai đoạn 3 và 4. Đồng thời, nghiên cứu đã xác định được các nhân tố đặc điểm sản phẩm, nhu cầu thông tin của nhà quản lý, trình độ của kế toán, môi trường kinh doanh ổn định, quy mô doanh nghiệp, và tuổi của doanh nghiệp có tác động tích cực tới trình độ phát triển kế toán quản trị của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, mô hình IFAC, nhân tố, doanh nghiệp sản xuất và thương mại, Việt Nam

**38. Các nhân tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Tô Trung Thành, Hồ Hải Yến// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 34-44.

**Nội dung**: Sử dụng số liệu từ 34 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2006-2018 (thời gian trải qua hai lần tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại theo đề án 254/QĐ-TTg cho giai đoạn 2011-2015 và đề án 1058/QĐ-TTg cho giai đoạn 2016-2020), nghiên cứu này xem xét các yếu tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của các ngân hàng thương mại Việt Nam bằng phương pháp S-GMM. Kết quả cho thấy các nhân tố tác động đến CAR gồm: (i) Các nhân tố kinh tế vĩ mô: lãi suất, lạm phát (ii) Các nhân tố đặc trưng của ngân hàng: CAR năm trước, quy mô ngân hàng, tỷ lệ tiền gửi, tài sản chứng khoán đầu tư dài hạn, ROE và (iii) hai giai đoạn tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại. Các kết quả này mở ra hàm ý chính sách trong giai đoạn tới nhằm giúp các ngân hàng thương mại điều chỉnh CAR phù hợp với điều kiện của từng ngân hàng và bối cảnh kinh tế.

**Từ khoá**: Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, tỷ lệ an toàn vốn, ngân hàng thương mại

**39. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán quản trị trong các trường Đại học Công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính ở Việt Nam**/ Bùi Thị Trúc Quy, Lê Quốc Diễm// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng vận dụng KYQT trong các trường ĐHCL thực hiện cơ chế tự chủ tài chính ở Việt Nam, là nguồn thông tin cần thiết để nhà trường thiết kế và vận dụng KTQT, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và sự phát triển của nhà trường.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Đại học Công lập, tự chủ tài chính

**40. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam: So sánh sự khác biệt giới tính và khối ngành**/ Nguyễn Đình Toàn, Phạm Thị Huyền// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr.89-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và kiểm định ảnh hưởng của hai biến kiếm soát là giới tính và khối ngành sinh viên theo học tới ý định đó. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát 204 sinh viên, các phân tích đã chỉ ra rằng có 03 nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên với mức độ ảnh hưởng giảm dần từ (1) Sự tự tin vào năng lực bản thân;(2) Nhu cầu thành tích; và (3) Sự sẵn sàng của các nguồn lực. Trong đó, nam có ý định khởi nghiệp nhiều hơn so với nữ; sinh viên kinh tế có ý định khởi nghiệp nhiều hơn so với kỹ thuật. Ý định khởi nghiệp của sinh viên nữ chịu ảnh hưởng không nhiều bởi nhu cầu thành tích trong khi với sinh viên nam, đây lại yếu tố quan trọng. Ý định khởi nghiệp của sinh viên kỹ thuật chiu ảnh hưởng bởi nhu cầu thành tích trong khi không kết luận được sự ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế.

**Từ khoá**: Ý định khởi nghiệp, Nhu cầu thành tích, Sự tự tin vào năng lực bản thân, Sự sẵn sàng của các nguồn lực

**41. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam: So sánh sự khác biệt giới tính và khối ngành**/ Nguyễn Đình Toàn, Phạm Thị Huyền// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr.89-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và kiểm định ảnh hưởng của hai biến kiếm soát là giới tính và khối ngành sinh viên theo học tới ý định đó. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát 204 sinh viên, các phân tích đã chỉ ra rằng có 03 nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên với mức độ ảnh hưởng giảm dần từ (1) Sự tự tin vào năng lực bản thân;(2) Nhu cầu thành tích; và (3) Sự sẵn sàng của các nguồn lực. Trong đó, nam có ý định khởi nghiệp nhiều hơn so với nữ; sinh viên kinh tế có ý định khởi nghiệp nhiều hơn so với kỹ thuật. Ý định khởi nghiệp của sinh viên nữ chịu ảnh hưởng không nhiều bởi nhu cầu thành tích trong khi với sinh viên nam, đây lại yếu tố quan trọng. Ý định khởi nghiệp của sinh viên kỹ thuật chiu ảnh hưởng bởi nhu cầu thành tích trong khi không kết luận được sự ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế.

**Từ khoá**: Ý định khởi nghiệp, Nhu cầu thành tích, Sự tự tin vào năng lực bản thân, Sự sẵn sàng của các nguồn lực

**42. Các nhân tố ảnh hưởng tới xuất khẩu thuỷ sản sang EU trong bối cảnh EVFTA**/ Nguyễn Việt Anh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 27-37.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới xuất khẩu thuỷ sản của Việt Nam sang EU khi hiệp định EVFTA đã ký kết và có hiệu lực từ tháng 8-2020. Từ những phân tích đó, bài viết đưa ra một số giải pháp đối với hoạt động xuất khẩu thuỷ sản sang EU.

**Từ khoá**: nhân tố ảnh hưởng, xuất khẩu, thuỷ sản, EU

**43. Các nhân tố tác động đến chính sách cổ tức của các doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thu Thuỷ, Nguyễn Văn Tiến// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 36-48

**Nội dung**: Chính sách cổ tức là một trong những yếu tố phản ánh hiệu quả quản lý tài chính của doanh nghiệp, từ đó giúp doanh nghiệp phát triển ổn định và lành mạnh,tạo điều kiện cho sự phát triển của thị trường chứng khoán. Ngành bất động sản gắn liền với sự phát triển kinh tế của một quốc gia, đặc biệt là những quốc gia có tốc độ đô thị hóacao như Việt Nam. Trên cơ sở thực trạng các doanh nghiệp bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010-2019 và kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đây, bài viết sử dụng mô hình hồi quy FEM và REM nhằm phân tích các nhân tố tác động tới chính sách cổ tức của 34 doanh nghiệp bất động sản, bao gồm: Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (EPS), Lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), Tốc độ tăng trưởng doanh thu (SGR), Quy mô tổng tài sản (SIZE), Tỷ lệ đòn bẩy tài chính (LEV), Khả năng thanh toán hiện hành (CR) và Cổ tức của giai đoạn liền trước (PDPS). Kết quả nghiên cứu thực nghiệm được sử dụng nhằm đưa ra các khuyến nghị phù hợp dành cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư.

**Từ khoá**: Bất động sản, Chính sách cổ tức, FEM, REM

**44. Các nhân tố tác động đến hành vi mua hàng trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam**/ Vũ Thị Hằng Nga// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 63-68.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra khái niệm cơ bản về mua hàng trực tuyến và hành vi mua hàng trực tuyến của người tiêu dùng, cũng như nhận diện và phân tích những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp để phát triển lĩnh vực này.

**Từ khóa**: hành vi mua hàng trực tuyến, người tiêu dùng, Việt Nam

**45. Các nhân tố tác động đến lựa chọn ngân hàng thương mại Việt Nam đối với dịch vụ ngân hàng quốc tế**/ Vũ Thị Thu Hoà, Cao Thị Ý Nhi/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 52-57.

**Nội dung**: Nghiên cứ giải thích các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn ngân hàng thương mại của khách hàng đối với dịch vụ ngân hàng quốc tế.

**Từ khoá**: dịch vụ ngân hàng quốc tế, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường

**46. Các nhân tố tác động tới chất lượng thể chế khu vực Châu Á giai đoạn hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu**/ Đinh Thị Thanh Vân, Trần Thị Phương Dịu// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 45-54.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng bao gồm 16 quốc gia khu vực Châu Á, giai đoạn 2007-2017 để đánh giá các nhân tố tác động tới chất lượng thể chế. Mô hình nghiên cứu sử dụng đánh giá tác động cố định và hồi quy hệ thông hai giai đoạn GMM cho phép xử lý các yếu tố không quan sát được, không thay đổi theo thời gian và hiện tượng nhân quả đồng thời giữa tăng trưởng kinh tế tới chất lượng thể chế. Bên cạnh thu nhập bình quân đầu người, hai nhóm biến được xem xét bao gồm các yếu tố vĩ mô và các yếu tố liên quan đến quản trị nhà nước. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, tăng trưởng kinh tế kết hợp với sự ổn định các thông số vĩ mô tác động mạnh mẽ tới cải thiện chất lượng thể chế. Hơn nữa, ngược lại với tác động không rõ ràng của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), cấu trúc nguồn thu ngân sách của chính phủ có ảnh hưởng rõ ràng tới chất lượng thể chế.

**Từ khoá**: Chất lượng thể chế, Châu Á, tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô, chất lượng quản trị công

**47. Các yếu tố ảnh hưởng đến bất cân xứng thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Hiên// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 83-90.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn Việt Nam bắt đầu mở cửa thị trường cho đến nay. Ngoài tác động trực tiếp của FDI tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam, bài viết còn xem xét tác động tương tác của một số biến kinh tế có mối tương quan với FDI và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam như giá trị hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu (EX), mức độ lạm phát (INF) và dân số Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của Việt Nam trong giai đoạn từ 2001 đến 2019, lấy từ nguồn Ngân hàng Thế Giới với mô hình hồi quy tuyến tính OLS, chạy với sự hỗ trợ của phần mềm STATA 14. Kết quả nghiên cứu cho thấy FDI thực sự có sự tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Đây chỉnh là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách đưa ra những chính sách phù hợp cho thu hút FDI nói riêng và chính sách kinh tế nói chung trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, Bất cân xứng, Giao dịch, Khối lượng giao dịch

**48. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu trà trái mãng cầu xiêm Vĩnh Phát Tiền Giang**/Nguyễn Phan Thu Hằng, Bùi Thảo Ly//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 45 - 52.

**Nội dung:** Nghiên cứu xác định và đo lường thông qua đánh giá của người tiêu dùng các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu trà trái mãng cầu xiêm Vĩnh Phát - một trong hai nhãn hiệu sản phẩm thế mạnh của huyện Tân Phú Đông tỉnh Tiền Giang. Từ đó, nghiên cứu đề xuất những giải pháp nhằm củng cố, nâng cao giá trị thương hiệu và mở rộng thị phần trà trái mãng cầu xiêm tại Việt Nam và xuất khẩu sang các nước.

**Từ khóa:** Giá trị thương hiệu, trà trái mãng cầu xiêm, Vĩnh Phát, Tân Phú Đông

**49. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ trồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long**/ Nguyễn Lan Duyên, Cao Văn Hơn// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 89-96.

**Nội dung** : Bài viết sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để nghiên cứu tác động của các yếu tố đầu vào đến hiệu quả tài chính trong sản xuất lúa của nông hộ ở đồng bằng Sông Cửu Long. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cho nông hộ trong vùng khảo sát thông qua tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao trình độ học vấn cho nông dân.

**Từ khoá**: canh tác lúa, hiệu quả tài chính, nông hộ

**50. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh về công nghệ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống của Việt Nam**/ Nguyễn Văn Hóa, Lê Đức Niêm// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr. 88-97.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xác định yếu tố ảnh hưởng đến xác suất cải tiến hiệu quả kỹ thuật (EFCH) và tiến bộ công nghệ (TECHCH) của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành thực phẩm và đồ uống (F&B) của Việt Nam với chỉ số EFCH đại diện cho năng lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp và TECHCH đại diện năng lực canh tranh của ngành. Kết quả cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất cải tiến khả năng cạnh tranh của ngành và giữa các doanh nghiệp là khác biệt. Yếu tố tạo ra sức cạnh tranh của ngành liên quan đến các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu. Đặc biệt, yếu tố đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nhưng làm giảm sức cạnh tranh của ngành. Do đó, các chính sách nên tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành F&B Việt Nam thông qua hỗ trợ xuất khẩu, phát triển con người hay gia tăng đầu tư thay vì hỗ trợ nghiên cứu và phát triển ở các doanh nghiệp đơn lẻ thuộc ngành này.

**Từ khoá**: Hiệu quả kỹ thuật, Năng suất yếu tố tổng hợp, Hồi quy logistic, Năng lực cạnh tranh

**51. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**/ Nguyễn Thị Thanh Thúy// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 53-56.

**Nội dung**: Luật Doanh nghiệp các năm 1999, 2005, 2014 và 2020 đã quy định cụ thể việc thành lập, góp vốn, cơ cấu tổ chức, quản lý, giải thể… của các loại hình doanh nghiệp khác nhau, trong đó có loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên. Tuy nhiên, có ít nghiên cứu liên quan đến quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Do vậy, trong bài viết này đề cập vấn đề liên quan đến quản trị công ty TNHH một thành viên, cùng một số tồn tại, hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp cải thiện hiệu quả quản trị công ty TNHH một thành viên.

**Từ khoá**: Quản trị công ty, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, doanh nghiệp, luật doanh nghiệp

**52. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua trực tuyến bằng điện thoại thông minh của người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh/**Lê Mai Hải, Nguyễn Ngọc Đăng Khoa//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 42 - 44.

**Nội dung:** Bài viết khám phá ra các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua trực tuyến bằng điện thoại thông minh của người tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Mua sắm trực tuyến, người tiêu dùng, điện thoại thông minh, thành phố Hồ Chí Minh

**53. Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng chậm tiến độ dự án đầu tư công tại tỉnh Bình Dương**/ Vũ Đoàn Quân, Huỳnh Ngọc Ân// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 45-46.

**Nội dung**: Bài viết nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ các dự án công trên địa bàn tỉnh Bình Dương, phân tích giá trị trung bình đã chỉ ra 5 yếu tố ảnh hưởng hàng đầu đến tiến độ dự án là chậm bàn giao mặt bằng thi công, kinh nghiệm nhà thầu thi công, điều kiện thi công, máy móc thiết bị lạc hậu, điều kiện thời tiết.

**Từ khóa**: các yếu tố ảnh hưởng, dự án đầu tư, dự án công

**54. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế**/ Nguyễn Thị Thanh Vân, Nguyễn Như Ý, Nguyễn Hồng Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 84-88.

**Nội dung**: Bằng phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp từ 250 sinh viên khối ngành kinh tế thuộc trường Đại học Trà Vinh (TVU), thông qua phương pháp phân tích hồi quy đa biến, nghiên cứu tìm ra 06 yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế gồm: Hỗ trợ khởi nghiệp; Nhận thức tính khả thi; Môi trường giáo dục; Đặc điểm tính cách; Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp; Tiếp cận tài chính. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa ý định khởi nghiệp cho sinh viên khối ngành kinh tế và sinh viên ngành khác trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Ý định khởi nghiệp, sinh viên, ngành kinh tế

**55. Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định sử dụng dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân của một chi nhánh ngân hàng thương mại - Nghiên cứu trường hợp ACB Thăng Long**/ Nguyễn Thu Thủy, Lê Thanh Tâm, Đoàn Minh Ngọc, Lê Đức Hoàng// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 71-82.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân (KHCN) của ngân hàng thương mại (NHTM), với trường hợp nghiên cứu điển hình tại ACB - Chi nhánh Thăng Long. Với mô hình EFA, CFA và SEM trên 381 quan sát, các phát hiện chính của nghiên cứu là: (i) các nhân tổ có tác động tích cực đến ý định sử dụng dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân xếp theo thứ tự bao gồm: Nhận thức sự hữu ích, Hình ảnh ngân hàng, Quy trình phục vụ, Chuẩn chủ quan; (ii) Lãi suất có tác động ngược tới ý định đi vay của khách hàng cá nhân, nên chắc chắn lãi suất thấp là một công cụ hữu hiệu để kích thích cầu vay- vốn; (iii) các giải pháp để gia tăng ý định đi vay ngân hàng thương mại của khách hàng cá nhân cần tập trung vào việc tăng nhận thức sự hữu ích của khách hàng, hình ảnh và sự chuyên nghiệp của ngân hàng.

**Từ khoá**: Cho vay, Dịch vụ, Khách hàng, Cá nhân, Ngân hàng thương mại

**56. Các yếu tố tác động đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa và khuyến nghị trong bối cảnh đại dịch COVID-19**/ Tô Trung Thành, Nguyễn Quỳnh Trang// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 293 .- Tr.55-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận đường biên ngẫu nhiên (SFA) để xem xét tác động của ba nhóm yếu tố (yếu tố bên trong, yếu tố bên ngoài và yếu tố đặc trưng của doanh nghiệp) đến hiệu quả kỹ thuật của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và đưa ra khuyến nghị trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Với các yếu tố bên trong, trong khi chất lượng nhân lực được khẳng định có tác động tích cực đối với doanh nghiệp, thì yếu tố về vốn cần sự hỗ trợ nhiều hơn từ Chính phủ. Với các yếu tố bên ngoài, các chính sách thu hút FDI cần có điều chỉnh để các doanh nghiệp FDI đem đến lan tỏa tích cực hơn cho doanh nghiệp trong nước. Môi trường thể chế ở nhiều địa phương vẫn còn gây bất lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa, do vậy cần được cải thiện để hỗ trợ doanh nghiệp nhiều hơn. Với các yếu tố đặc trưng của doanh nghiệp, các doanh nghiệp phía Nam đạt được hiệu quả cao hơn, song lại đang phải đối mặt nhiều hơn với khó khăn từ đại dịch COVID-19; các doanh nghiệp trong các phân ngành có trình độ cao hơn như linh kiện điện tử và linh kiện ô tô, xe máy cần được hỗ trợ nhiều hơn để nâng cao năng lực cạnh tranh, qua đó, có thể đón các cơ hội thời kỳ hậu COVID-19.

**Từ khoá**: Công nghiệp hỗ trợ, COVID-19, FDI, môi trường thể chế

**57. Các yếu tố tác động đến phát triển thương mại đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam**/ Hà Văn Sự, Lê Nguyễn Diệu Anh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 14-27.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu những yếu tố tác động đến việc phát triển thương mại đáp ứng yêu cầu phát triển biền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế đối với trường hợp của Việt Nam thông qua việc sử dụng mô hình phân phối trễ tự hồi quy ARDL (Auto Regressive Distributed Lags). Đây là mô hình được coi là phù hợp với nghiên cứu khi phân tích về dữ liệu chuỗi thời gian và đánh giá các quan hệ ngắn hạn lẫn dài hạn. Mẫu quan sát được sử dụng trong nghiên cứu là giai đoạn 1995 - 2019, các biến lấy theo dữ liệu hàng năm. Nguồn dữ liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu của Tổng cục thống kê, Ngân hàng thế giới, ADB và tradingeconomics… Kết quả nghiên cứu với mô hình ARDL cho thấy có nhiều yếu tố tác động đến phát triển thương mại đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bao gồm: Yếu tố thuộc mô hình phát triển kinh tế, toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại, trình độ phát triển nền kinh tế như lực lượng lao động, khoa học công nghệ, năng lực cạnh tranh. Dựa trên cơ sở lý thuyết và kết quả nghiên cứu này, bài viết đã khuyến nghị một số chính sách nhằm phát triển thương mại đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Hội nhập quốc tế; phát triển bền vững; phát triển thương mại

**58. Các yếu tố tác động đến việc áp dụng Blockchain nhằm nâng cao hiệu suất chuỗi cung ứng tại các công ty cung cấp dịch vụ logistics ở thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thanh Hùng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 5-22.

**Nội dung**: Trong bối cảnh tầm quan trọng ngày càng tăng của blockchain, nghiên cứu đưa ra những đánh giá lý thuyết và phân tích thực tiễn cho việc ứng dụng công nghệ blockchain trong ngành dịch vụ hậu cần. Nghiên cứu này làm sáng tỏ việc áp dụng công nghệ blockchain tại các công ty cung cấp dịch vụ logistics ở thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở phát triển Mô hình lý thuyết hợp nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ, nghiên cứu đã xác định các yếu tố tạo điều kiện áp dụng blockchain nhằm nâng cao hiệu suất chuỗi cung ứng logistics từ quan điểm của các công ty cung cấp dịch vụ logistics tại thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết sử dụng phương pháp định tính và định lượng (chủ yếu) với việc xây dựng mô hình kiểm định chín biến độc lập. Mẫu khảo sát được thu thập từ 195 công ty cung cấp dịch vụ logistics tại thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số hàm ý quản trị và biện pháp đề xuất cho các công ty cung cấp dịch vụ logistics tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: Công ty cung ứng dịch vụ logistics, blockchain, hiệu suất chuỗi cung ứng

**59. Cách tiếp cận và đo lường vốn nhân lực trong doanh nghiệp**/ Trần Văn Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 96-98.

**Nội dung**: Vốn nhân lực có vai trò quan trọng trong việc phát triển doanh nghiệp ngày càng quy mô và bền vững. Vai trò quan trọng của vốn nhân lực đã được các nhà nghiên cứu khẳng định, các doanh nghiệp chú trọng quan tâm và đầu tư. Có nhiều cách để tiếp cận và đo lường vốn nhân lực trong doanh nghiệp. Bằng những cách tiếp cận khác nhau thì đo lường vốn nhân lực được thực hiện theo những cách khác nhau, chính vì vậy tùy vào đặc trưng, mỗi doanh nghiệp sẽ có cách tiếp cận vốn nhân lực và đo lường vốn nhân lực phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá**: Vốn nhân lực, doanh nghiệp, đầu tư, phát triển bền vững

**60. Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân**/ Hoàng Bích Hồng// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 10-13

**Nội dung**: Bảo hiểm xã hội là trụ cột của chính sách an sinh xã hội Việt Nam. Với nguồn quỹ độc lập do người lao động và người sử dụng lao động đóng góp, hàng năm Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã chi trả cho hàng triệu lượt người lao động hưởng chế độ ốm đau, thai sản; hàng triệu lượt người hưởng lương hưu và các chế độ hàng tháng khác, góp phần bảo đảm an sinh xã hội đất nước. Phát huy vai tròquan trọng đó, thời gian tới, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh cải cách chính sách bảo hiểm xã hội hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân với nhiều giải pháp trọng tâm.

**Từ khoá**: An sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội toàn dân, lương hưu

**61. Cắt giảm thuế quan trong mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách/** Nguyễn Thị Minh Hòa// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 16 - 20.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra một số khuyến nghị cho quá trình cắt giảm thuế quan trong mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. **Từ khóa:** Cắt giảm thuế quan, tạo thuận lợi cho thương mại, đảm bảo nguồn thu

**62. CEO, biến động dòng tiền và cấu trúc vốn của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam**/ Nguyễn Hải Yến// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 44-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu này kiểm định tác động của biến động dòng tiền lên cấu trúc vốn của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2019. Tác giả sử dụng phương pháp GMM hệ thống để xem xét sự tác động này. Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ ngược chiều giữa biến động dòng tiền và cấu trúc vốn của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu. Đặc biệt, khác với những nghiên cứu trước đây về biến động dòng tiền, nghiên cứu tiến hành kiểm định thêm ảnh hưởng kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính của tổng giám đốc/giám đốc doanh nghiệp (CEO) đến mối quan hệ giữa biến động dòng tiền và cấu trúc vốn. Kết quả kiểm định cho thấy biến động dòng tiền có tác động dương đến cấu trúc vốn khi CEO có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngược lại biến động dòng tiền có tác động âm đến cấu trúc vốn khi CEO không có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính.

**Từ khoá**: Biến động dòng tiền, cấu trúc vốn, CEO, kinh nghiệm tài chính

**63 Cấu trúc sở hữu và mức độ chấp nhận rủi ro: Trường hợp các công ty niêm yết Việt Nam**/ Lê Thị Thu Hà, Lương Thị Đài Trang, Đào Thị Mai Quyên, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Thị Hồng// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 55-64.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế, tự do kinh tế, độ mở nền kinh tế, giáo dục và sự gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đến mức độ bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ (SHTT) tại 29 quốc gia đang phát triển tại châu Á trong giai đoạn 2006-2016. Nghiên cứu này ứng dụng mô hình của Chen & Puttitanun (2005) cùng bộ chỉ số GP (Park & Ginarte, 1997) và các nguồn dữ liệu nghiên cứu thứ cấp. Sử dụng mô hình dữ liệu bảng thông qua ước lượng GLS để hiệu chỉnh mô hình, các tác giả đã chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế, tự do kinh tế và sự gia nhập WTO có tác động tích cực tới mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trong khi đó, giáo dục và độ mở của nền kinh tế được chứng minh là hạn chế mức độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nghiên cứu này cung cấp một cơ sở lý thuyết để chính phủ quốc gia và nhà hoạch định chính sách tại các quốc gia đang phát triển tại châu Á đưa ra chiến lược phù hợp nhằm tối ưu hóa quyền sở hữu trí tuệ.

**Từ khoá**: Giáo dục, quyền sở hữu trí tuệ, sáng chế, tăng trưởng kinh tế

**64. Cấu trúc sở hữu và khả năng phát triển của doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk thông qua chỉ số Altman Z-Score**/ Đỗ Thị Nga, Lê Đức Niêm// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 110-120.

**Nội dung:** Nghiên cứu áp dụng công thức Z-score của Altman để đánh giá khả năng phát triển của doanh nghiệp và phân tích mối quan hệ quyền sở hữu của các doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp

**Từ khoá**: khả năng phát triển, cấu trúc sở hữu, Z-Score, doanh nghiệp, Đắk Lắk

**65. Cấu trúc sở hữu và mức độ chấp nhận rủi ro: Trường hợp các công ty niêm yết Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Huệ, Nguyễn Hữu Trúc// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 45-54.

**Nội dung**: Bài báo này nghiên cứu tác động của cấu trúc sở hữu đến mức độ chấp nhận rủi ro. Sử dụng dữ liệu gồm 577 công ty phi tài chính niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2007-2017, kết quả hồi quy cho thấy sở hữu nhà nước (nước ngoài) tác động nghịch chiều (thuận chiều) đến mức độ chấp nhận rủi ro. Kết quả này ủng hộ cho quan điểm sở hữu nhà nước có các mục tiêu khác ngoài tối đa hóa giá trị công ty đồng thời liên quan đến một cơ chế bồi thường kém, do đó hạn chế công ty tham gia vào các dự án rủi ro. Sở hữu nước ngoài thúc đẩy đa dạng hóa đầu tư và cải thiện quản trị công ty, dẫn đến công ty chấp nhận rủi ro nhiều hơn.

**Từ khoá**: Sở hữu nước ngoài, cấu trúc sở hữu, chấp nhận rủi ro, sở hữu nhà nước, Việt Nam

**66. Cơ cấu nguồn vốn và vòng đời của doanh nghiệp - bằng chứng thực nghiệm từ các doanh nghiệp niêm yết ngành vật liệu xây dựng tại Việt Nam**/ Phạm Minh Đức// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 69-72.

**Nội dung**: Bài báo làm rõ tác động của vòng đời doanh nghiệp đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp niêm yết ngành vật liệu xây dựng tại Việt Nam. Kết quả mô hình nghiên cứu định lượng trên mẫu nghiên cứu gồm 30 doanh nghiệp niêm yết ngành vật liệu xây dựng trong giai đoạn 2010-2020 cho thấy các doanh nghiệp có sự điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn theo từng giai đoạn vòng đời doanh nghiệp.

**Từ khóa**: cơ cấu nguồn vốn, vòng đời doanh nghiệp, doanh nghiệp niêm yết, vật liệu xây dựng, Việt Nam

**67. Cơ hội và thách thức chuyển đổi số đối với doanh nghiệp Việt Nam**/ Vũ Thị Như Quỳnh// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 86-91.

**Nội dung**: Đánh giá cơ hội và thách thức chuyển đổi số đối với doanh nghiệp Việt Nam, từ đó đưa ra một số kiến nghị để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, doanh nghiệp, công nghệ số

**68. Cơ sở lý luận về công cụ tạo động lực lao động cho điều dưỡng viên trong bệnh viện công lập/** Ngô Thị Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 83 - 85.

**Nội dung:** Bài viết dựa trên những quan điểm của các nhà nghiên cứu, tổng hợp và đưa ra các công cụ có thể vận dụng trong bệnh viện công lập để tạo động lực cho đội ngũ điều dưỡng viên.

**Từ khóa:** Động lực lao động, điều dưỡng viên, bệnh viện công lập

**69. Chất lượng nguồn nhân lực và việc làm của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam**/ Bùi Quang Tuyến, Đỗ Vũ Phương Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 54-63.

**Nội dung**: Mục tiêu chính của bài viết nhằm phân tích thực trạng chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng công việc của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam. Bài viết sử dụng dữ liệu điều tra lao động việc làm năm 2018. Kết quả cho thấy người lao động trong doanh nghiệp nhà nước có trình độ học vấn và kỹ năng cao hơn so với người lao động ở các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó, mức lương trung bình và trung vị là cao hơn ở các doanh nghiệp nhà nước. Phân tích hồi quy logit đa thức cho thấy trình độ học vấn có tác động đáng kể tới lựa chọn công việc ở doanh nghiệp nhà nước so với doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với người lao động trong doanh nghiệp nhà nước, trình độ giáo dục cao hơn giúp họ có được công việc tốt hơn như được ký hợp đồng lao động dài hơn và được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Phát hiện nghiên cứu hàm ý rằng chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng với quyết định lựa chọn công việc và chất lượng công việc của các cá nhân ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng công việc, doanh nghiệp nhà nước, trình độ học vấn

**70. Chiến lược của các hiệp hội doanh nghiệp logistics trong phát triển chuỗi cung ứng tại Việt Nam**/ Phạm Tiến Dũng, Nguyễn Đăng Minh, Nguyễn Thanh Thuỷ// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Xây dựng mô hình phát triển của ngành logistics và chuỗi cung ứng Việt Nam, trong đó mô tả vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam với sự phát triển của ngành; xác định những tồn tại, nguyên nhân và đề xuất chiến lược để các hiệp hội đóng góp cho sự phát triển của ngành.

T**ừ khoá**: chiến lược logistics, hiệp hội doanh nghiệp, phát triển chuỗi cung ứng, logistics Việt Nam

**71. Chiến lược xuất khẩu xanh của các doanh nghiệp thuỷ sản Việt Nam : các yếu tố ảnh hưởng, lợi thế cạnh tranh, và hiệu suất tài chính**/ Đỗ Thị Bình// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 5-27.

**Nội dung**: Chuyển dịch chiến lược theo hướng xanh là xu thế của nhiều doanh nghiệp (DN) nhằm đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi từ qui định, luật lệ, tiêu chuẩn… về môi trường; từ cạnh tranh; và từ thị trường. Phân tích dữ liệu điều tra 238 doanh nghiệp chế biến thuỷ sản Việt Nam (DNCBTS) bằng phần mềm PLS SEM cho thấy sự nhạy cảm của các nhà quản lý về vấn đề môi trường, áp lực thị trường, áp lực từ qui định, tiêu chuẩn, và áp lực từ cạnh tranh ảnh hưởng đến việc theo đuổi chiến lược xuất khẩu xanh (CLXKX) của các DNCBTS; và việc theo đuổi chiến lược này tác động mạnh mẽ đến lợi thế cạnh tranh đạt được cũng như hiệu suất tài chính của các DN. Một số hàm ý, kiến nghị đối với các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý các DNCBTS đã được đưa ra để thúc đẩy việc ứng dụng CLXKX của các DN này, hướng tới phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Chiến lược xuất khẩu xanh; lợi thế cạnh tranh; hiệu suất tài chính; PLS SEM; doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam

**72. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp khẳng định vai trò trụ cột trong đảm bảo an sinh xã hộ**i/ Vũ Thị Như Quỳnh// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 98-101.

**Nội dung**: Trong những năm qua, bám sát các định hướng giải pháp, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Đặc biệt, vượt qua những khó khăn, thách thức của đại dịch COVID-19, với tinh thần đoàn kết, thích ứng linh hoạt, ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã hoàn thành thắng lợi mục tiêu kép, vừa hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; vừa thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19, qua đó, tiếp tục khẳng định và phát huy vai trò trụ cột của chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong đảm bảo an sinh xã hội trong tình hình mới.

**Từ khoá**: Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an sinh xã hội

**73. Chính sách bảo hiểm y tế tự nguyện tại Singapore, Philippines và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Hà Thị Hương Lan// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 39-42.

**Nội dung**: Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được Quốc hội thông qua và ban hành ngày 13/6/2014, là cơ sở pháp lý cao nhất để thể chế hóa quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người dân theo định hướng công bằng và hiệu quả. Tuy nhiên, nhằm tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp luật về bảo hiểm y tế nói chung và bảo hiểm y tế tự nguyện nói riêng, Việt Nam cần nghiên cứu cơ chế, chính sách của một số nước trên thế giới. Bài viết này đánh giá khung pháp lý về bảo hiểm y tế tự nguyện tại Singapore, Philippines và đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Bảo hiểm y tế tự nguyện, luật bảo hiểm, cơ chế, chính sách

**74. Chính sách tài chính hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**/ Trần Nhuận Kiên, Trần Chí Thiện// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 24-32.

**Nội dung**: Bài viết hệ thống hoá và cập nhật các chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước và chính sách thu hút các nguồn tài chính khác cho khởi nghiệp sáng tạo; từ đó đề xuất các giải pháp chính sách tăng cường hơn nữa khả năng huy động các nguồn lực tài chính hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**Từ khoá**: chính sách tài chính, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**75. Chính sách tài khoá hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn khủng hoảng**/ Phạm Mạnh Hùng, Trương Hoàng Diệp Hương/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 21(582) .- Tr. 41-47.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các chính sách tài khoá đã được các quốc gia sử dụng, đặt trong tương quan so sánh với các giai đoạn lịch sử tương đồng như khủng hoảng kinh tế thế giới. Bài viết nhấn mạnh những rủi ro kinh tế vĩ mô trong tương lai phát sinh từ mức nợ công cao, và đề xuất một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá**: chính sách tài khoá, khủng hoảng, kinh tế thế giới, hỗ trợ doanh nghiệp

**76. Chính sách thuế đối với dịch vụ kỹ thuật số trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Lê Thị Thúy Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 63-65.

**Nội dung**: Chính sách thuế đối với dịch vụ kỹ thuật số trên thế giới; những khó khăn trong việc áp dụng chính sách thuế đối với dịch vụ kỹ thuật số; kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Chính sách thuế, dịch vụ kỹ thuật số, chính sách thuế, chính sách tài khóa

**77. Chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp tại các quốc gia châu Á trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ Phan Thị Lan Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 đã gây ra những tác động nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Để hỗ trợ nền kinh tế trong cuộc khủng hoảng do đại dịch COVID-19 gây ra, không chỉ ở Việt Nam mà các quốc gia trên thế giới đã sớm có những động thái liên quan đến việc thực hiện các biện pháp thuế khẩn cấp. Bài viết tóm lược các chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp của Việt Nam và một số quốc gia châu Á trong thời gian qua, đồng thời đề xuất một số giải pháp để Việt Nam có thể vừa hỗ trợ doanh nghiệp, vừa cân bằng lợi ích nhà nước với lợi ích của doanh nghiệp trong đại dịch COVID-19.

**Từ khoá**: Chính sách thuế, sản xuất kinh doanh, GDP, FDI

**78. Dấu ấn quan trọng trong cải cách, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu**/ Nguyễn Văn Cẩn// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đặt ra nhiều khó khăn, thử thách, hòa chung vào những thành tựu của ngành Tài chính, lĩnh vực Hải quan đã đạt được những kết quả tích cực như: Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước, chuyển biến tích cực trong cải cách hành chính, xây dựng mô hình Hải quan thông minh... Đặc biệt, toàn hệ thống Hải quan đã thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân vượt qua những khó khăn do đại dịch COVID-19 mang lại. Đây là những điểm nhấn quan trọng tạo nên thành công của lĩnh vực hải quan trong năm 2021, là nền tảng vững chắc để toàn Ngành nỗ lực vượt khó, tiếp tục gặt hái thành công trong năm 2022.

**Từ khoá**: Dấu ấn, cải cách, tạo thuận lợi, hoạt động xuất nhập khẩu

**79. Di chuyển lao động chất lượng cao tại ASEAN**/ Lê Mỹ Hương, Trần Thị Ngọc Quyên, Vũ Đăng Định// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 62-76.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng di chuyển nguồn lao động chất lượng cao tại các thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. Bài viết gợi ý một số chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho những phân tích tiếp theo về thực tiễn triễn khai các chính sách di chuyển nguồn lao động tại một số lĩnh vực của Việt Nam theo cam kết hội nhập khu vực.

**Từ khoá**: lao động chất lượng cao, di chuyển lao động, ASEAN

**80. Dự báo tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn Việt Nam theo ngành và vị thế việc làm giai đoạn 2021-2030/** Trần Văn Hòe, Nguyễn Ánh Tuyết, Phùng Mai Lan// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 12-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu này dự báo tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Trên cơ sở phương pháp hồi quy tương quan có tính đến yếu tố thời gian, nghiên cứu thực hiện ước lượng độ co giãn của việc làm tại chỗ theo thu nhập và dự báo việc làm tại chỗ theo bốn vị thế việc làm và ba nhóm ngành kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy độ co giãn của lao động gia đình và làm công ăn lương theo thu nhập ở ngành công nghiệp là co giãn nhất trong khi độ co giãn theo các vị thế việc làm ở ngành nông nghiệp đều ít co giãn. Từ 2021 đến 2030, việc làm tại chỗ khu vực nông thôn dự báo sẽ tăng từ 37,1 triệu năm 2021 đến 42,4 triệu năm 2030 với mức tăng mạnh trong ngành công nghiệp. Số lượng lao động làm công sẽ tăng mạnh nhất trong khi lao động gia đình sẽ giảm, lao động tự làm tăng chậm và nhường chỗ cho chủ cơ sở hoặc lao động làm công ăn lương.

**Từ khoá**: Dự báo việc làm, lao động nông thôn, việc làm tại chỗ

**81. Dự báo tăng trưởng kinh tế và lạm phát Việt Nam : một so sánh giữa mô hình VAR, LASSO VÀ MLP**/ Nguyễn Đức Trung, Lê Hoàng Anh và Đinh Thị Phương Anh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 3-13

**Nội dung**: Tăng trưởng kinh tế và lạm phát là hai chỉ tiêu quan trọng đối với bất kỳ nền kinh tế nào trên thế giới. Do tầm quan trọng của hai biến số này với nền kinh tế, việc dự báo tăng trưởng kinh tế và lạm phát trở thành vấn đề quan trọng và luôn nhận được sự quan tâm của chính phủ các quốc gia. Bài báo này nhằm cung cấp một sự so sánh về hiệu quả dự báo tăng trưởng kinh tế và lạm phát giữa các phương pháp phổ biến hiện nay. Cụ thể, mô hình dự báo tăng trưởng kinh tế và lạm phát được nhóm tác giả xây dựng và ước lượng thông qua 3 mô hình là VAR, LASSO, MLP. Với dữ liệu được thu thập trong giai đoạn 1996 - 2020, kết quả nghiên cứu cho thấy theo cả 3 chỉ số RMSE, MAPE và MSE, dự báo tăng trưởng kinh tế bằng mô hình LASSO có mức độ chính xác cao nhất trong khi dự báo lạm phát bằng mô hình VAR có mức độ chính xác cao nhất. Mặc dù mô hình nơ-ron MLP chưa cho thấy hiệu quả dự báo cao trong nghiên cứu này nhưng đây vẫn là công cụ dự báo của tương lai do mô tả được các quan hệ phi tuyến giữa các biến số trong mô hình và khả năng lập bản đồ trực quan về các mối quan hệ phi tuyến này.

**Từ khoá**: Mô hình VAR, Mô hình LASSO, Mô hình MLP

**82. Đánh giá bền vững văn hóa tộc người trong du lịch cộng đồng ở khu vực hồ Thủy Điện Hòa Bình**/ Hoàng Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Vân// Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2021 .- Số 4(35) .- Tr. 30-39.

**Nội dung**: Bài báo sử dụng các phương pháp điều tra xã hội họcvà phương pháp đánh giá bền vững văn hóa với 21 tiêu chíchia thành 5 nhóm (Chấp nhận đa dạng văn hoá; Giữ gìn ngôn ngữ tộc người; Giữ gìn bản sắc văn hóatộc người; Ý thức tự giác tộc người; Sự đóng góp của văn hóa cho phát triển kinh tế -xã hội) để đánh giá mức độ bền vững của văn hóa tộc người trong hoạt động du lịch cộng đồng (DLCĐ) khu vực hồ thủy điện Hòa Bình. Kết quả cho thấy,ý thức tộc người đạt mức bền vững (8,46 điểm). Các nhóm tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức có khả năng bền vững với điểm số từ 6,21-7,32.Điều đó chứng tỏ DLCĐ làmột công cụ hiệu quả cho bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, vẫn có 4 tiêu chí trong nhóm giữ gìn bản sắc văn hoá tộc người bị xếp vào mức có khả năng không bền vững. Dựa trên kết quả đánh giá, nghiên cứu đã đề xuất qui trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóatộc người trong hoạt động DLCĐmột cách bền vững.

**Từ khoá**: Văn hóa tộc người, du lịch cộng đồng, hồ Hòa Bình

**83. Đánh giá hệ thống quản lý năng lượng trong các doanh nghiệp dệt sợi tại Việt Nam**/ Trương Huy Hoàng, Dương Trung Kiên, Nguyễn Đạt Minh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 44-51.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá hệ thống quản lý năng lượng tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dệt sợi, từ đó làm cơ sở phân tích đánh giá và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng phù hợp góp phần đạt được hiệu quả sử dụng năng lượng chung của quốc gia.

**Từ khoá**: năng lượng, quản lý năng lượng, doanh nghiệp dệt sợi

**84. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ tín dụng tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - chi nhánh Thành phố Trà Vinh**/ Nguyễn Hồng Hà, Mai Trường Yên// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 47-51.

**Nội dung**: Tác giả sử dụng phân tích Cronbach's Alpha để kiểm định độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính đa biến. Nghiên cứu đã tìm ra được 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân về dịch vụ tín dụng. Từ kết quả tác giả đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ tín dụng của khách hàng cá nhân tại Agribank thời gian tới.

**Từ khoá**: dịch vụ tín dụng, khách hàng cá nhân, Agribank TP. Trà Vinh, hàm ý chính sách

**85. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành du lịch dịch vụ/** Ngô Mai Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 86 - 79.

**Nội dung:** Bài báo sử dụng phương pháp thu thập số liệu để đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc ngành du lịch dịch vụ giai đoạn 2015 - 2022. Kết quả hồi quy cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngành du lịch tỷ lệ thuận với quy mô càng lớn thì hiệu quả hoạt động kinh doanh càng lớn; cùng với đó thời gian hoạt động càng nhiều thì hiệu quả hoạt động kinh doanh càng kém.

**Từ khóa:** Hoạt động kinh doanh, ngành du lịch dịch vụ

**86. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ bưu chính của VNPOST Hoài Đức thành phố Hà Nội/** Đỗ Hoàng Phương, Lê Thị Hồng Điệp, Nguyễn Thị Lan Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 52 - 54.

**Nội dung:** Tìm hiểu sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ của VNPOST tại huyện Hoài Đức. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khách hàng hài lòng nhất về dịch vụ vận chuyển EMS và dịch vụ vận chuyển bưu kiện. Các dịch vụ này được đánh giá là dịch vụ đảm bảo về chất lượng và thời gian. Tuy nhiên, cũng vẫn còn tồn tại một số hạn chế như giá vận chuyển không linh hoạt, thái độ của nhân viên chưa hòa nhã.

**Từ khóa:** Sự hài lòng khách hàng, dịch vụ bưu chính

**87. Đánh giá tác động của chương trình trợ cấp khai thác thuỷ sản theo Nghị định 67**/ Phạm Thị Thanh Thủy, Vũ Kế Nghiệp, Nguyễn Trọng Lương// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 45-52.

**Nội dung**: Trợ cấp thuỷ sản là một trong những công cụ quản lý thường được các quốc gia trên thế giới áp dụng nhằm mục tiêu hiện đại hoá đội tàu khai thác để có thể tham gia đánh bắt xa bờ và ở vùng biển quốc tế. Nghiên cứu này phân tích, đánh giá tác động của chương trình trợ cấp tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá hoạt động khai thác thuỷ sản tại Việt Nam theo Nghị định 67 trên cơ sở xem xét quan điểm kinh tế, môi trường và xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy các tàu được nhận trợ cấp hoạt động có lãi, và sự gia tăng lợi nhuận này chủ yếu là do doanh thu tăng hơn là do chi phí giảm. Tuy nhiên, chương trình này chủ yếu mang lại lợi ích cho các chủ tàu lớn, và có thể làm cạn kiệt nguồn lợi và ảnh hưởng đến lợi nhuận của nghề cá trong dài hạn.

**Từ khoá**: Tín dụng, thuỷ sản, trợ cấp

**88. Đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp tới thu nhập của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu**/ Tạ Phúc Đường// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 19-26.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá thực trạng quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp và tác động quá trình chuyển dịch này đối với tình trạng kinh tế của các nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long, sử dụng dữ liệu bảng được trích xuất từ bộ số liệu điều tra mức sống dân cư của Tổng cục Thống kê các năm 2016 và 2018.

**Từ khoá**: nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu, nông hộ, thu nhập

**89. Đánh giá ưu đãi của Nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại Việt Nam : nghiên cứu định tính từ góc nhìn doanh nghiệp**/Dương Thị Thanh Thủy//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 84 – 99.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá các loại hình ưu đãi của Nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại Việt Nam bằng phương pháp phân tích định tính sử dụng công cụ phỏng vấn sâu bán cấu trúc thực hiện với mười lăm doanh nghiệp tại Hà Hội.

**Từ khóa:** Chính sách ưu đãi, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Việt Nam

**90. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng vị trí công việc tại doanh nghiệp thời kỳ chuyển đổi số**/ Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Duy Minh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 47-64.

**Nội dung**: Thực tế cho thấy, hiện nay, sinh viên tốt nghiệp tại nhiều trường đại học không đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng, nhiều lao động chưa tìm được việc làm đúng chuyên ngành đào tạo. Việc thành lập trường đại học, mở các ngành nghề chủ yếu dựa trên năng lực của cơ sở đào tạo, chưa bám sát nhu cầu thị trường lao động là một trong những căn nguyên khiến tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học rất khó khăn trong tìm kiếm việc làm. Để gỡ nút thắt trong thực trạng đào tạo tại các trường đại học hiện nay, cũng như vấn đề thừa thầy, thiếu thợ, thiếu hụt nguồn lao động tại các doanh nghiệp, cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa cung - cầu lao động và vận dụng sáng tạo nguyên lý kết hợp giữa các khâu Đào tạo - Nghiên cứu - Sản xuất. Việc đào tạo nguồn nhân lực có đầy đủ các kiến thức nền tảng, chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển của các doanh nghiệp là hướng đi phù hợp, mang tính tất yếu khách quan. Bài báo này sử dụng phương pháp khảo sát, lấy ý kiến chuyên gia nhằm thu thập các dữ liệu thực tế và hình thành thang đo. Trên cơ sở đó, thực hiện phân tích độ tin cậy của thang đo và phân tích nhân tố, kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã hình thành được thang đo lý thuyết nhằm đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu việc làm của sinh viên tại các doanh nghiệp hiện nay; đồng thời, giúp các trường đại học thực hiện định hướng điều chỉnh nội dung và phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để phục vụ cho quá trình phát triển các doanh nghiệp số trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

**Từ khoá**: Nhân lực chất lượng cao; Chuyển đổi số tại doanh nghiệp; Kỹ năng nghề nghiệp; Trình độ chuyên môn; Khả năng đáp ứng việc làm

**91. Đào tạo nguồn nhân lực và hoạt động cải tiến của các doanh nghiệp tư nhân nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Đỗ Vũ Phương Anh, Bùi Quang Tuyến// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 75-82.

**Nội dung**: Bài báo này phân tích những thay đổi trong đào tạo nhân viên ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động đổi mới của các doanh nghiệp, trong khi có kiểm soát các đặc điểm của cả doanh nghiệp và nhân viên. Nghiên cứu này sử dụng các mô hình kinh tế lượng vi mô cho dữ liệu mảng liên kết giữa người sử dụng lao động và người lao động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Kết quả cho thấy sự tác động lan tỏa tích cực của đào tạo việc làm đến đổi mới, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ vừa và cao. Kết quả này hàm ý chính rằng cần thúc đẩy các chương trình đào tạo tại chỗ và nâng cao hơn nữa sự liên kết giữa doanh nghiệp và các trường đai học để thúc đẩy sự đổi mới và nâng cao năng suất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khoá**: Hoạt động cải tiến, đào tạo nhân viên, SMEs, Việt Nam

**92. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu tại Việt Nam**/ Phan Hữu Nghị// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 91-104.

**Nội dung**: Đánh giá tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn Việt Nam bắt đầu mở cửa thị trường cho đến nay. Ngoài tác động trực tiếp của FDI tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam, bài viết còn xem xét tác động tương tác của một số biến kinh tế có mối tương quan với FDI và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam như giá trị hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu (EX), mức độ lạm phát (INF) và dân số Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của Việt Nam trong giai đoạn từ 2001 đến 2019, lấy từ nguồn Ngân hàng Thế Giới với mô hình hồi quy tuyến tính OLS, chạy với sự hỗ trợ của phần mềm STATA 14. Kết quả nghiên cứu cho thấy FDI thực sự có sự tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Đây chỉnh là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách đưa ra những chính sách phù hợp cho thu hút FDI nói riêng và chính sách kinh tế nói chung trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Kinh tế, Thị trường, Hàng hóa, Dịch vụ, Chính sách

**93. Đặc tính an toàn của trái phiếu chính phủ: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam**/ Lý Đại Hùng, Bùi Thị Hải Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các yếu tố chi phối đặc tính an toàn của trái phiếu Chính phủ, dựa trên một bộ dữ liệu mảng gồm 147 nền kinh tế giai đoạn 1990-2016. Với phương pháp hồi quy với hiệu ứng cố định và với biến công cụ, bằng chứng thực nghiệm chỉ ra rằng nền tảng kinh tế vĩ mô, dựa trên tăng trưởng, lạm phát và quy mô thị trường, tương tác với chất lượng thể chế cùng chi phối đặc tính an toàn của trái phiếu Chính phủ. Phân tích trường hợp điển hình chỉ ra rằng độ an toàn trong thực tế của trái phiếu Chính phủ Việt Nam đang được đánh giá thấp hơn so với dự báo bằng mô hình định lượng, trong khi điều ngược lại xảy ra đối với trái phiếu Chính phủ Hoa Kỳ và Thái Lan. Từ đó, bài báo khuyến nghị rằng đối với nền kinh tế Việt Nam, ổn định mức lạm phát thấp và tăng cường hiệu quả quản trị hành chính công giữ vai trò then chốt để nâng cao đặc tính an toàn của trái phiếu Chính phủ.

**Từ khoá**: Trái phiếu Chính phủ, phân tích dữ liệu mảng, xếp hạng tín nhiệm

**94. Đề xuất mô hình đo lường thông tin bất cân xứng của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh**/ Phan Bùi Gia Thủy, Nguyễn Trần Phúc, Ngô Vi Trọng// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 43-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện với mục đích đo lường thông tin bất cân xứng của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) giai đoạn 2009- 2015, từ đó đề xuất mô hình đo lường phù hợp ở thị trường chứng khoán Việt Nam. Bằng cách sử dụng các mô hình kinh tế lượng để đo lường thông tin bất cân xứng và phương pháp ước lượng hệ số tương quan, kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình theo biến chỉ báo của George & cộng sự (1991) là mô hình phù hợp có thể được áp dụng để đo lường thông tin bất cân xứng trong bối cảnh ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Thông tin bất cân xứng, thành phần lựa chọn ngược, chênh lệch yết giá, biên độ dao động giá

**95. Để thị trường bất động sản phát triển bền vững: nhìn lại những lần sốt đất và bài học chính sách/** Trần Mạnh Tuyến// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 10 - 12.

**Nội dung:** Bài viết khảo cứu lịch sử bốn lần sốt đất trong lịch sử thị trường bất động sản Việt Nam; đề xuất một số giải pháp đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường bất động sản trong trung và dài hạn.

**Từ khóa: T**hị trường bất động sản, phát triển bền vững

**96. Đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm nhãn hàng riêng của người tiêu dùng tại Việt Nam/** Nguyễn Thị Thanh Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 115 - 117.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm nhãn hàng riêng của người tiêu dùng tại Việt Nam dựa trên cơ sở lý thuyết hành vi dự định.

**Từ khóa:** Nhãn hàng riêng, người tiêu dùng, Việt Nam

**97. Định hướng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ trong nông nghiệp ở Việt Nam/** Phạm Văn Hào// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 21 - 25. **Nội dung:** Nghiên cứu xác định rõ các quan điểm và định hướng chi ngân sách nhà nước phù hợp cho phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn hiện nay đang là câu hỏi lớn cần được nghiên cứu và có lời giải đáp thỏa đáng.

**Từ khóa:** Quan điểm, định hướng chi ngân sách nhà nước, khoa học và công nghệ trong nông nghiệp Việt Nam

**98. Định hướng, giải pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam giai đoạn 2021-2030**/ GS. TS. Nguyễn Tuấn Anh, PGS. TS. Đào Thế Anh// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Trình bày định hướng, giải pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là quá trình xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, gắn nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, phát huy có hiệu quả cao mọi nguồn lực và lợi thế nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội trong nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái hiện đại, nông dân giàu có, nông thôn văn minh. Với bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động, đặc biệt là tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu, rất cần có dự báo về xu hướng chủ đạo của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đây là điều kiện quan trọng để đề xuất các chính sách phù hợp, hiệu quả, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh mới, tình hình mới.

**Từ khóa**: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Covid-19

**99. Định hướng tiếp cận xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận Cà phê Việt Nam chất lượng cao**/ Đặng Đức Chiến, Nguyễn Mai Hương// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Trình bày định hướng tiếp cận xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận Cà phê Việt Nam chất lượng cao. Sản xuất và tiêu thụ cà phê trên thế giới đang là “làn sóng cà phê thứ ba” – tập trung vào sản phẩm cà phê chất lượng cao (CPCLC). Việt Nam mặc dù đã đạt được những thành tích ấn tượng về sản lượng xuất khẩu cà phê (đứng thứ hai thế giới) về xuất khẩu cà phê nói chung, đứng đầu về xuất khẩu cà phê Robusta) nhưng giá trị chỉ chiếm 2% và giá cà phê xuất khẩu chỉ đứng thứ 10 thế giới. Để phải nâng cao chất lượng, giá trị và phát triển bền vững ngành nghề cà phê đòi hỏi phải hình thành được các chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – thương mại sản phẩm chất lượng cao; đồng thời, phải xây dựng và phát triển thương hiệu CPCLC không những ở thị trường trong nước. Đây là nhiệm vụ trọng tâm của tái cơ cấu ngành hàng cà phê trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới.

**Từ khóa**: Nhãn hiệu, Cà phê, chứng nhận thương hiệu, xuất khẩu cà phê

**100. Định mức lao động cho giáo viên trường chuyên ở Việt Nam - quy định, thực tế và một số bất cập**/ Nguyễn Văn Phúc// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 60-67.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm nhận dạng rõ công việc của giáo viên trường chuyên, xác định lượng thời gian mà giáo viên các trường chuyên dành cho việc thực hiện những hoạt động này, từ đó nhận dạng những bất cập về các định mức lao động dành cho giáo viên trường chuyên.

**Từ khóa**: trường chuyên, định mức lao động, thời gian làm việc của giáo viên

**101. Định vị tổ chức trung gian của thị trường KH&CN trong quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo**/ Phạm Đức Nghiệm, Tạ Bá Hưng, Nguyễn Hữu Xuyên// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 10-13.

**Nội dung**: Làm rõ sự cần thiết phải khẳng định vị trí, tầm quan trọng của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (KH&CN) trong bối cảnh Đảng, Nhà nước đang đẩy nhanh việc hoàn thiện chức năng, phương thức quản lý nhà nước về đổi mới sáng tạo, theo hướng chuyển hóa “tri thức” thành “giá trị kinh tế” thay vì tập trung nhiều vào quá trình tạo ra tri thức như hiện nay. Sự nổ lực của bên cung trong việc đưa hàng hóa KH&CN tới bên cầu và việc cố gắng tìm kiếm, lựa chọn của bên cầu về tiếp nhận, ứng dụng hàng hóa KH&CN thích hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh là những hoạt động thiết yếu nhưng chưa đủ để mang lại giá trị gia tăng cao. Lý do là bởi hàng hóa KH&CN có tính phức tạp, đặc thù và điều này dẫn tới sự hình thành, phát triển các tổ chức trung gian đủ mạnh của thị trường KH&CN để hỗ trợ thương mại hóa, kết nối cầu – cung.

**Từ khóa**: KH&CN, Tổ chức trung gian, quản lý nhà nước, đổi mới sáng tạo

**102. Đo lường tác động của các yếu tố tâm lý tới thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Thị Nhung, Trần Thị Vân Anh, Hoàng Bảo Ngọc// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu tác động của các yếu tố tâm lý lên thị trường chứng khoán tại Việt Nam thông qua phân tích giá và khối lượng giao dịch của 30 cổ phiếu thuộc chỉ số VN30 giai đoạn từ khi VN30 được công bố vào ngày 06/02/2012 tới ngày 31/07/2020. Kết quả cho thấy không cóbằng chứng về tác động của tính hợp lý trong đầu tư và tâm lý quá tự tin lên khối lượng giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong khi tác động của tâm lý bi quan và tâm lý lạc quan là thuận chiều. Đặc biệt, khối lượng giao dịch chịu ảnh hưởng lớn nhất của tâm lý bi quan. Ngoài ra, dựa trên phân tích Monter Carlo trên phần mềm JMP, bài viết đã minh hoạ độ nhạy của khối lượng giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam trước những thay đổi của từng cặp yếu tố tâm lý trên thị trường, đặc biệt là cặp yếu tố tâm lý bi quan và lạc quan.

**Từ khoá**: Tâm lý của nhà đầu tư, nhà đầu tư hợp lý, nhà đầu tư lạc quan, nhà đầu tư bi quan, nhà đầu tư quá tự tin, thị trường chứng khoán tại Việt Nam

**103. Đổi mới công nghệ ở Việt Nam : đánh giá tác động đến tăng trưởng kinh tế và một số khuyến nghị**/ Vũ Văn Hưng// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 7-10.

**Nội dung**: Nhằm cung cấp ý tưởng cho các nhà hoạch định chính sách và các lãnh đạo đầu ngành của Việt Nam trong việc đưa ra quyết định đầu tư cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Đổi mới và sáng tạo công nghệ là chìa khóa để Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững và đi tắt đón đầu trong giai đoạn phát triển tiếp theo. Sự lãnh đạo quyết liệt cùng thể chế mạnh là chìa khóa để Việt Nam năm bắt những cơ hội này và tháo gỡ những nút thắt để tiếp tục phát triển kinh tế.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo, tăng trưởng kinh tế, đổi mới công nghệ, khoa học và công nghệ

**104. Đổi mới sáng tạo : một số vấn đề cần quan tâm**/ PGS. TS. Trần Ngọc Ca// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm quốc tế về tổ chức và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia ở một số nước, thực trạng ĐMST của Việt Nam và đề xuất giải pháp thúc đẩy hoạt động ĐMST ở nước ta trong thời gian tới. Bài học chính sách ở đây là các nước đang phát triển như Việt Nam cần ưu tiên bảo vệ lợi ích của người nghèo với việc xây dựng một hệ thống ĐMST mang tính bao trùm và hướng tới phát triển bền vững, với nhiều hơn số doanh nghiệp và lực lượng lao động có thể tham gia vào các hoạt động ĐMST. Các chính sách cần tập trung hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực công nghệ quốc gia, năng lực điều hành, quản trị sản xuất, thiết kế, biến tri thức sẵn có thành những giá trị mới.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo, quản trị sản xuất, phát triển bền vững

**105. Đồng bộ các giải pháp phát triển logistics khu vực nông thôn**/ Cao Cẩm Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 36-38.

**Nội dung**: Thực tế cho thấy, việc phát triển hệ thống logistics nông thôn có thể tạo ra các kênh phân phối hiệu quả, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực thành thị và nông thôn, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản cũng như cung cấp hàng tiêu dùng giá rẻ, chất lượng cao cho khu vực nông thôn. Đối với Việt Nam, do đặc thù phân bố dân cư phần lớn tập trung tại khu vực nông thôn, việc phát triển logistics nông thôn càng có ý nghĩa đặc biệt hơn. Bài viết trao đổi về vai trò, tiềm năng, thách thức trong phát triển lĩnh vực logistics nông thôn ở Việt Nam, qua đó đề xuất giải pháp phát triển lĩnh vực này thời gian tới.

**Từ khoá**: Logistics nông thôn, doanh nghiệp logistics, tín dụng, chi phí

**106. Đồng bộ nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động**/ Nguyễn Thị Hải Vân// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 107-108.

**Nội dung**: Nhằm hỗ trợ tốt nhất cho doanh nghiệp, người lao động vượt qua khó khăn trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã và đang tích cực, chủ động triển khai nhiều giải pháp hữu ích, được xã hội ghi nhận, đánh giá cao.

**Từ khoá**: Giải pháp hỗ trợ, người lao động, doanh nghiệp

**107. Đổi mới dịch vụ, tạo thế cạnh tranh đối với doanh nghiệp kinh doanh khách sạn**/ Trần Tấn Phát// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 102-104.

**Nội dung**: Khái quát kết quả của một số nghiên cứu trên thế giới về vai trò của đổi mới dịch vụ và những tác động đến lợi thế cạnh tranh, thu hút khách hàng, mang lại lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh khách sạn. Qua mô hình nghiên cứu, các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực này có thể thấy rõ được ý nghĩa của đổi mới dịch vụ, đồng thời, tác giả cũng đề xuất phương hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Đổi mới dịch vụ, kinh doanh khách sạn, sự hài lòng

**108. Động lực làm việc của giảng viên các trường đại học công lập tại Hà Nội**/ Lê Mạnh Hùng, Đỗ Anh Đức, Hà Diệu Linh// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 63-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đo lường mức độ tác động của động lực làm việc đến kết quả làm việc của giảng viên trong các trường đại học công lập tại Hà Nội. Nghiên cứu đã sử dụng mô hình phương trình cấu trúc dựa trên phương pháp ước lượng dựa trên bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) với cỡ mẫu là 312 giảng viên tại các trường đại học công lập trên Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy toàn bộ giả thuyết nghiên cứu đã được chấp nhận, trong đó động cơ bên trong là nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến kết quả làm việc của giảng viên các trường đại học công lập. Nghiên cứu đã đem lại ý nghĩa thực tiễn cho các nhà quản trị đại học trong các trường đại học công lập cần có các giải pháp và chính sách thúc đẩy các nhân tố động lực làm việc của giảng viên để nâng cao kết quả làm việc của giảng viên.

**Từ khoá**: Động lực làm việc, kết quả làm việc, PLS-SEM

**109. FDI và thất nghiệp : phân tích thực nghiệm tại các quốc gia đang phát triển**/ Hoàng Dương Việt Anh, Nguyễn Thành Đạt// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 109-116.

**Nội dung** : Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tỷ lệ thất nghiệp của các quốc gia đang phát triển trong mẫu nghiên cứu. Nghiên cứu cũng đã cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về vai trò của FDI đến việc giảm tỷ lệ thất nghiệp tại các quốc gia đang phát triển và đưa ra một số hàm ý chính sách có giá trị tham khảo.

**Từ khoá**: FDI, tỷ lệ thất nghiệp, quốc gia đang phát triển

**110. Giải mã công nghiệp hoá ở Việt Nam theo mô hình chính sách 3 phiên bản**/ Nguyễn Thường Lạng// Ngân hàng .- 2021 .- Số 23 .- Tr. 02-09.

**Nội dung**: Công nghiệp hóa là quá trình khách quan và có tính quy luật, trở thành mối quan tâm, đánh giá của nhiều nghiên cứu để đề xuất chiến lược, chính sách trong từng thời kỳ 5 năm. Bài nghiên cứu giải mã công nghiệp hóa ở Việt Nam từ góc độ một quá trình khách quan nhưng hoàn toàn có thể nhận thức được đầy đủ theo mô hình chính sách 3 phiên bản, khác với cách tiến hành truyền thống trong từng giai đoạn 5 năm. Cách làm này vừa góp phần đánh giá khách quan tiến trình công nghiệp hóa 45 năm qua, vừa góp phần xây dựng mô hình chính sách công nghiệp hóa trong 25 năm tiếp theo.

**Từ khoá**: Công nghiệp hóa, chính sách, phiên bản, mô hình

**111. Giải pháp Business Intelligence trên nền tảng Cloud: nghiên cứu trên tập dữ liệu tài chính**/ Lê Bá Thiền, Phan Thị Bích Phê, Hồ Trung Thành// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 83-101.

**Nội dung**: Các báo cáo tài chính là xương sống và có tầm ảnh hưởng vô cùng lớn đến việc ra quyết định và quản trị doanh nghiệp. Các hệ thống thông tin thường chỉ có nhiệm vụ lưu trữ mà thiếu đi các hệ thống báo cáo, hỗ trợ phân tích. Từ đó, hệ thống BI (Business Intelligence) trở nên cần thiết. Tuy nhiên, khi lượng dữ liệu ngày càng lớn, áp lực đặt lên các hệ thống lưu trữ, xử lý trong giải pháp BI truyền thống. Cloud BI (BI trên nền tảng điện toán) ra đời, giải quyết vấn đề về dung lượng lưu trữ, tốc độ xử lý, tính mở rộng và hiệu quả về mặt kinh tế. Trong bài báo này, một giải pháp BI trên nền tảng Cloud được nghiên cứu với các mục tiêu: 1) nguồn dữ liệu đầu vào được tiếp cận qua cổng API với phương pháp ETL (Extract - Transform - Load) cải tiến; 2) thiết kế hệ thống các Dashboard (bảng điều khiển kỹ thuật số) trên cơ sở dữ liệu tài chính được tích hợp; 3) ứng dụng kết quả nghiên cứu từ giải pháp Cloud BI vào doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề khó khăn trong việc truy xuất, khai thác và tổng hợp dữ liệu tài chính để hỗ trợ ra quyết định hay nói khác đi là ra quyết định dựa trên dữ liệu (data-driven decision) trong lĩnh vực báo cáo tài chính được kịp thời và hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Cloud BI, ETL, kho dữ liệu, báo cáo tài chính, ra quyết định dựa trên dữ liệu

**112. Giải pháp đổi mới, sắp xếp bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Trung ương**/ Hồ Thị Hương Mai// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Sự thành công hay thất bại của một quốc gia bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng là hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước nói chung và bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng. Do đó, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (trong đó có bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Trung ương) tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Bài viết đánh giá kết quả đổi mới, sắp xếp bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020 và đề xuất giải pháp cho thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, bộ máy quản lý, sắp xếp

**113. Giải pháp đối với xuất khẩu lao động của Việt Nam/**Nguyễn Văn Quỳnh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 26 - 28.

**Nội dung:** Hoạt động xuất khẩu lao động của Việt Nam đang ngày càng mở rộng đến nhiều quốc gia và các vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đáp ứng một phần nhu cầu về nguồn lao động của các nước, với đủ các loại hình lao động khác nhau. Đồng thời, hoạt động này đã tạo cho người lao động Việt Nam nhiều cơ hội làm việc, tìm kiếm được nguồn thu nhập tốt. Tuy nhiên, xung quanh hoạt động xuất khẩu lao động vẫn đang tồn tại nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

**Từ khóa:** Xuất khẩu lao động, Việt Nam

**114. Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội/** Uông Đông Hưng, Nguyễn Thị Thanh Dầm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 60 - 62.

**Nội dung:** Bài báo phân tích thực trạng hoạt động quản trị nhân lực của Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội với các nội dung phân tích về hoạt động tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ và đánh giá thực hiện công việc dựa trên các dữ liệu thứ cấp. Đề xuất giải pháp mang tính khả thi và có thể triển khai trong ngắn hạn nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực của công ty Điện lực thành phố Hà Nội.

**Từ khóa:** Quản trị nguồn nhân lực, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội

**115. Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch COVID-19**/ Phạm Tuấn Hòa// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 30-32.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 kéo dài đã khiến nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động hoặc đóng cửa, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước. Việc Chính phủ thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch, vừa tập trung phát triển kinh tế đã giúp tình hình kinh tế - xã hội nước ta vẫn giữ được sự ổn định. Tuy nhiên, dự báo những ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp vẫn còn kéo dài, do đó, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp cần được tiếp tục thực hiện để cộng đồng doanh nghiệp duy trì hoạt động, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: Hỗ trợ doanh nghiệp, ảnh hưởng của dịch COVID-19, doanh nghiệp

**116. Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trong bối cảnh mới**/ Hoàng Thị Minh Châu// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 152-117.

**Nội dung**: Sau 5 năm đưa Nghị quyết số 35/NQ-CP vào cuộc sống, đến nay vấn đề hỗ trợ doanh nghiệp phát triển đạt nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, có 3 mục tiêu trong 6 mục tiêu Nghị quyết đặt ra vẫn chưa hoàn thành, đó là: Cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020, khu vực tư nhân đóng góp khoảng 48-49% GDP và khoảng 49% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục thay đổi tư duy quản trị, phương thức vận hành và cách thức quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trong bối cảnh mới.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ chế chính sách

**117. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập/**Phạm Vũ Tuân//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 75 - 76.

**Nội dung:** Các lý thuyết tăng trưởng gần đây chỉ ra rằng một nền kinh tế muốn tăng trưởng nhanh và ở mức cao đều phải dựa trên ít nhất ba trụ cột cơ bản: áp dụng công nghệ mới, phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong đó, động lực quan trọng nhất của sự tăng trưởng kinh tế bền vững chính là con người, đặc biệt là nguồn lực chất lượng cao, tức là những người được đầu tư phát triển, có kỹ năng, kiến thức, tay nghề, kinh nghiệm, năng lực sáng tạo nhằm trở thành nguồn vốn con người vốn nhân lực. **Từ khóa:** Phát triển nguồn nhân lực, hội nhập kinh tế

**118. Giải pháp nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư tại tổng công ty Trực Thăng Việt Nam**/ Nguyễn Tuấn Hùng// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 72-77.

**Nội dung**: Bài viết đề cập thực trạng chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư tại tổng công ty Trực Thăng Việt Nam - một doanh nghiệp quốc phòng an ninh trực thuộc Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp giúp tổng công ty nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư.

**Từ khoá**: tổng công ty Trực Thăng Việt Nam, dự án đầu tư, chất lượng, thẩm định tài chính

**119. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro trong quản lý thuế tại Việt Nam**/ Bùi Khánh Toàn// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 11-14.

**Nội dung**: Quản lý rủi ro (QLRR) trong quản lý thuế là một yêu cầu tất yếu của quản lý thuế hiện đại. Thực tiễn sau hơn 10 năm áp dụng phương pháp QLRR cho thấy, ngành Thuế đã kiến nghị xây dựng và cơ bản hoàn thiện được hành lang pháp lý khá toàn diện để áp dụng QLRR trong quản lý thuế; xây dựng và hình thành kho cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế (NNT)…Tuy nhiên, QLRR trong quản lý thuế ở Việt Nam hiện nay còn tồn tại nhiều hạn chế cần tiếp tục được khắc phục trong thời gian tới. Thông qua nghiên cứu thực trạng, nhận diện những tồn tại, hạn chế, bài viết đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả QLRR trong quản lý thuế.

**Từ khoá**: Quản lý thuế, quản lý rủi ro, người nộp thuế

**120. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính trong các trường Đại học công lập tự chủ/** Ngô Thị Minh// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 42 – 45

**Nội dung:** Bài viết trình bày và phân tích các quan điểm về quản lý tài chính và hiệu quả quản lý tài chính trong các trường đại học công lập tự chủ. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính tại các trường này.

**Từ khóa:** Quản lý tài chính, hiệu quả quản lý tài chính, trường Đại học công lập tự chủ

**121. Giải pháp nâng cao sự hài lòng của người nộp thuế đới với chất lượng dịch vụ thuế điện tử tại Cục thuế tỉnh Hoà Bình**/ Nguyễn Đình Trọng, Đặng Thị Hoa// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 97-108.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế khi sử dụng dịch vụ thuế điện tử. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao sự hài lòng cho người nộp thuế, đáp ứng yêu cầu cấp thiết và từng bước hoàn thiện hệ thống thuế điện tử.

**Từ khoá**: dịch vụ, chất lượng, thuế điện tử, sự hài lòng, tỉnh Hoà Bình

**122. Giải pháp phát triển du lịch bền vững tại Nghệ An**/ Lê Văn Viễn// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 133-136.

**Nội dung**: Nghệ An là tỉnh giàu tiềm năng và có nhiều thế mạnh để phát triển ngành Du lịch. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua ngành Du lịch Nghệ An phát triển chưa tương xứng với các thế mạnh vốn có. Đánh giá thực trạng phát triển ngành Du lịch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015-2019, chỉ ra các tồn tại, bài viết đề xuất nhóm giải pháp thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của du lịch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, bền vững, Nghệ An, du lịch biển

**123. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay**/Nguyễn Viết Chiến//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 105 - 106.

**Nội dung:** Nguồn nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực chất lương cao đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay. **Từ khóa:** Phát triển nguồn nhân lực, hội nhập quốc tế

**124. Giải pháp phát triển sản phẩm Ocop Việt Nam**/Mai Thị Huyền, Thân Thế Hùng//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 64 - 72.

**Nội dung:** Bài viết xem xét thực trạng phát triển sản phẩm trong chương trình mỗi xã một sản phẩm của Việt Nam, phân tích kết quả phát triển sản phẩm và chủ thể, quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm, xây dựng mạng lưới đối tác, triển khai mô hình chỉ đạo điểm, huy động nguồn lực cho chương trình. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp phát triển sản phẩm Ocop bao gồm: phát triển kinh tế vòng tròn gắn với vùng nguyên liệu ổn định; tiêu chuẩn hóa sản phẩm; nâng cao năng lực của các bên liên quan tham gia Ocop; tăng cường xúc tiến thương mại, làm cầu nối giữa nhà cung cấp và khách hàng trên thị trường tiêu thụ sản phẩm Ocop; tăng cường quản lý; giám sát các sản phẩm Ocop; thúc đẩy chuyển đổi số trong chương trình Ocop; tăng cường công tác tuyên truyền; truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm Ocop.

**Từ khóa:** Phát triển sản phẩm, Ocop

**125. Giải pháp tài chính nâng cao hiệu quả kinh doanh của các công ty thuộc tổng công ty Viglacera - công ty cổ phần**/ Phạm Duy Khánh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 62-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố đặc điểm tài chính của các công ty ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, cung cấp căn cứ để đề xuất các giải pháp tài chính nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các công ty thuộc Tổng công ty Viglacera - công ty cổ phần những năm tới là chủ đề tác giả muốn trao đổi trong bài viết này.

**Từ khoá**: hiệu quả kinh doanh, hiệu quả tài chính, doanh nghiệp, tổng công ty Viglacera - công ty cổ phần

**126. Giải pháp tài chính thúc đẩy tiêu dùng thực phẩm hữu cơ ở Việt Nam**/ Nguyễn Đức Ngọc// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 78-82.

**Nội dung**: Bài viết chỉ ra việc tiêu dùng thực phẩm hữu cơ ở Việt Nam còn nhiều hạn chế mà nguyên nhân là do giá thực phẩm hữu cơ cao, nhiều người tiêu dùng chưa có hiểu biết về thực phẩm hữu cơ, nhiều người nghi ngờ về chất lượng sản phẩm hữu cơ...từ đó, đề xuất các giải pháp tài chính thúc đẩy tiêu dùng thực phẩm hữu cơ ở Việt Nam.

**Từ khoá**: thực phẩm hữu cơ, tiêu dùng, hữu cơ

**127. Giải pháp tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động có tay nghề ở tỉnh Hưng Yên/** Nguyễn Khắc Ngọc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 22 - 24.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến khái niệm liên kết đào tạo nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp; phân tích và đánh giá thực trạng liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động lành nghề ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian gần đây. Từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động lành nghề ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian gần đây. Từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động lành nghề ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Đào tạo nghề, doanh nghiệp

**128. Giải pháp tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động có tay nghề ở tỉnh Hưng Yên/** Nguyễn Khắc Ngọc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 22 - 24.

**Nội dung:** Bài viết đề cập đến khái niệm liên kết đào tạo nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp; phân tích và đánh giá thực trạng liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động lành nghề ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian gần đây. Từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động lành nghề ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian gần đây. Từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động lành nghề ở tỉnh Hưng Yên trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Đào tạo nghề, doanh nghiệp

**129. Giảm thiểu chi phí logistics ở Việt Nam trong bối cảnh đại dịch covid-19**/ Mai Sơn// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 50-54.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng chi phí logistics và các yếu tố làm tăng chi phí logistics ở Việt Nam, từ đó gợi ý một số giải pháp giảm chi phí nâng cao hiệu quả của ngành logistics Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: logistics, chi phí logistics, Việt Nam

**130. Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ Nguyễn Xuân Thiên// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 15-23.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu hàng rào kỹ thuật theo chuẩn mực của WTO và thực tiễn xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam, đưa ra các hàm ý chính sách góp phần thúc đẩy xuất khẩu bền vững của Việt Nam.

**Từ khoá**: hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, thương mại quốc tế, chính sách ngoại thương Việt Nam

**131. Hành vi sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến của khách hàng Việt Nam trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19**/ Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt, Nguyễn Hoàng Việt, Vũ Tuấn Dương// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 22-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích ý định và hành vi sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19 dựa trên lý thuyết động cơ bảo vệ và mô hình chấp nhận công nghệ, từ đó tìm kiếm bằng chứng về sự khác biệt về hành vi sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến giữa khách hàng trong các nhóm tuổi (thế hệ Y và thế hệ Z) trong thời gian khủng hoảng dịch bệnh tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy cảm nhận mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh, cảm nhận lợi ích của dịch vụ và cảm nhận dễ sử dụng có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến của khách hàng Việt Nam. Nghiên cứu cũng chỉ ra ý định sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến của người tiêu dùng nhóm tuổi 18–25 chịu sự ảnh hưởng nhiều hơn của cảm nhận mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh và cảm nhận dễ sử dụng của dịch vụ. Trong khi đó, yếu tố hành vi giải thích nhiều hơn về ý định sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến của người tiêu dùng thuộc nhóm tuổi 26–40. Từ các phát hiện trong nghiên cứu này có thể cung cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ giao hàng trực tuyến những hiểu biết về động cơ mua hàng của khách hàng trong khủng hoảng dịch bệnh.

**Từ khoá**: COVID-19; Giao đồ ăn trực tuyến; Ý định sử dụng dịch vụ; Hành vi sử dụng dịch vụ; Thế hệ Y; Thế hệ Z

**132. Hành vi tiêu dùng bền vững : sự khác biệt giữa các nhóm người tiêu dùng việt nam theo lý thuyết lưỡng nan xã hội**/ Hồ Huy Tựu// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 26-43.

**Nội dung**: Nghiên cứu này khám phá sự khác biệt về các hành vi tiêu dùng bền vững (tiêu dùng tiết kiệm, hành vi tiêu dùng tốt cho sức khỏe và tuân thủ quy định môi trường) giữa các nhóm người tiêu dùng Việt Nam. Cách tiếp cận phân nhóm người tiêu dùng dựa theo lý thuyết lưỡng nan xã hội mở rộng (giá trị tự hạ thấp – tự nâng cao bản thân và xem xét kết cục ngắn hạn – dài hạn), sử dụng kỹ thuật phân tích K-cluster kết hợp phân nhóm và ANOVA được sử dụng. Mẫu nghiên cứu bao gồm 700 người tiêu dùng phân bổ theo hạn ngạch tại 05 thành phố (Hà Nội, Tuy Hòa, Nha Trang, Tp. HCM và Cần Thơ). Kết quả cho thấy sự khác biệt về các hành vi tiêu dùng bền vững giữa bốn nhóm người tiêu dùng theo mức độ tăng dần: Thấp nhất là nhóm Ngắn hạn – Cá nhân, kế đến là nhóm Ngắn hạn – Xã hội, tiếp theo là nhóm Dài hạn – Cá nhân, và cao nhất là nhóm Dài hạn – Xã hội. Từ đó, các hàm ý chính sách được đề nghị gắn với giá trị và quan điểm thời gian nhằm thúc đẩy hành vi tiêu dùng bền vững của người Việt Nam.

**Từ khoá**: Hành vi tiêu dùng bền vững; lý thuyết các lưỡng nan xã hội; phân nhóm

**133. Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ Bùi Sỹ Lợi// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 6-9.

**Nội dung**: Trong những năm qua, hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đã cơ bản đảm bảo công bằng, toàn diện, bao trùm, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng cơ bản quyền an sinh của người dân, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội. Bài viết đánh giá thành tựu nổi bật của hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, đồng thời, chỉ ra những tồn tại, hạn chế, từ đó đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam.

**Từ khoá**: An sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh tế

**134. Hệ thống ngân hàng tỉnh An Giang: Linh hoạt hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua đại dịch covid-19**/ Nguyễn Tấn Dũng// Ngân hàng .- 2022 .- Số 2+3 .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Năm 2021 đi qua với nhiều trăn trở, lo lắng khi dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp dẫn đến kinh tế đứt gãy, đời sống Nhân dân vất vả, bộn bề, cả nước dốc toàn lực chống dịch. Cùng với khó khăn chung, để ứng phó với dịch bệnh, nhiều chính sách tài chính - tiền tệ chưa có tiền lệ đã được Quốc hội, Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ gấp rút ban hành. Hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh An Giang bám sát sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã vào cuộc rất sớm với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, linh hoạt, chủ động đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động trên địa bàn vượt qua khó khăn của dịch bệnh, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

**Từ khóa**: hệ thống ngân hàng, doanh nghiệp, người dân, hỗ trợ, dịch covid-19

**135. Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) : cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Lê Thị Mai Anh, Nguyễn Phương Thảo// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra tổng quan về RCEP, phân tích những cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt nam; trên cơ sở đó gợi ý một số giải pháp cho các doanh nghiệp Việt Nam nhằm tối đa hoá lợi ích kinh tế từ hiệp định này.

**Từ khoá**: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực, cơ hội, thách thức, doanh nghiệp, Việt Nam

**136. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước**/ Trần Thanh Thu, Hồ Quỳnh Anh, Nguyễn Thu Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 757 .- Tr. 24-29.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ hiệu quả hoạt động của các DN nhà nước sau cổ phần hóa và thoái vốn giai đoạn 2015-2020. So sánh hiệu quả hoạt động của nhóm doanh nghiệp (DN) cổ phần nhà nước với DN nhà nước (DNNN), DN khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và DN tư nhân cho thấy, cổ phần hoá (CPH) và thoái vốn nhà nước làm gia tăng hiệu quả hoạt động của DN. Nghiên cứu hai tình huống điển hình là Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk) và Tổng Công ty Cổ phần Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco) cho thấy, động lực của sự thay đổi này đến từ sự thay đổi chiến lược toàn diện và đổi mới quản trị công ty.

**Từ khoá**: Cổ phần hóa, thoái vốn, doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả hoạt động

**137. Hiệu quả phân bổ của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo của Việt Nam theo cách tiếp cận bao dữ liệu**/ Vũ Thị Huyền Trang// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 38-48.

**Nội dung** : Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận bao dữ liệu (DEA) để ước lượng hiệu quả phân bổ của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2018. Đồng thời, nghiên cứu đã chia các doanh nghiệp ra thành 3 nhóm theo loại hình sở hữu và xây dựng mô hình Tobit trên toàn mẫu cũng như trên các mẫu nhỏ.

**Từ khoá**: hiệu quả phân bổ, phương pháp DEA, mô hình Tobit

**138. Hiệu quả trong dự báo giá dầu thô: Một so sánh giữa mô hình VAR, mô hình Lasso và mô hình LSTM**/ Nguyễn Đức Trung, Lê Hoàng Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Bài báo này nhằm cung cấp một sự so sánh về hiệu quả dự báo giá dầu thô giữa các phương pháp phổ biến hiện nay. Trong đó, mô hình dự báo giá dầu được nhóm tác giả xây dựng trên các khía cạnh chính của động lực giá dầu là chính sách tiền tệ và tình trạng cạn kiệt dầu thô. Với dữ liệu được thu thập hàng tháng từ tháng 1 năm 1986 đến tháng 5 năm 2020, giá dầu thô được dự báo thông qua 3 mô hình là mô hình vectơ tự hồi quy (VAR), mô hình hồi quy toán tử co gọn và lựa chọn tối thiểu (LASSO), mô hình mạng bộ nhớ ngắn hạn dài hạn (LSTM). Kết quả cho thấy theo cả ba chỉ số là độ lệch sai số trung bình (RMSE), phần trăm sai số tuyệt đối trung bình (MAPE) và trung bình sai số bình phương (MSE), mô hình LSTM sẽ cho kết quả dự đoán chính xác hơn so với mô hình VAR và LASSO.

**Từ khoá**: Mô hình VAR, Mô hình LASSO, Mô hình LSTM

**139. Hoàn thiện cơ chế quản lý tài sản công để liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập**/ Phạm Minh Hóa// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Thời gian qua, nhiều đơn vị y tế đã thực hiện xã hội hóa theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực cung cấp chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tầng lớp nhân dân. Việc liên doanh, liên kết đã góp phần giúp các đơn vị huy động nguồn vốn, đầu tư trang thiết bị, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Nghiên cứu thực trạng, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý tài sản công để liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

**Từ khoá**: Quản lý tài sản công, liên doanh, liên kết, cơ sở sự nghiệp y tế công lập

**140. Hoàn thiện thể chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp**/ Hoàng Văn Cương, Đinh Hải Hà, Nguyễn Xuân Toản// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 6(747).- Tr. 14-15.

**Nội dung**: Kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST) của doanh nghiệp trên các phương diện: mô hình kinh doanh mới, môi trường kinh doanh, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 Việt Nam đang hướng tới trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam không còn lựa chọn nào khác phải huy động được sự đóng góp nhiều hơn nữa của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST), đặc biệt là hoạt động ĐMST trong doanh nghiệp. Thời gian quan, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp quy, chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động ĐMST trong doanh nghiệp. Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng năng lực ĐMST nhìn chung còn yếu. Nguyễn nhân chủ quan là chủ trương, chính sách phát triển kinh tế sáng tạo chưa được thể hiện rõ nét, chưa có chiến lược tổng thể và liên tục trong gian đoạn đủ dài, chưa có cách tiếp cận phù hợp.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, khoa học và công nghệ

**141. Hoàn thiện thể chế thúc đẩy liên kết vùng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**/ Đỗ Phú Trần Tình, Nguyễn Văn Nên// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 03-18.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá thể chế liên kết tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam dựa trên ba trụ cột: hệ thống pháp luật, chính sách điều chỉnh; bộ máy thực thi các hệ thống pháp luật, chính sách; cơ chế, cách thức thực thi. Nghiên cứu cũng đã đề xuất các giải pháp và phương án để hoàn thiện thể chế liên kết vùng tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đây chính là cơ sở nền tảng để thúc đẩy liên kết vùng nhằm nâng cao năng lực của Vùng trong thời gian tới.

**Từ khoá**: thể chế, liên kết vùng, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

**142. Hoạt động ngân hàng Việt Nam năm 2020 nhìn từ chỉ số CAMELS**/ Tạ Thị Kim Dung/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 22(583) .- Tr. 38-44.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp thống kê để tổng quan kết quả kinh doanh của ngành Ngân hàng Việt Nam năm 2020, đồng thời dựa vào 5 trong 6 chỉ số của hệ thống phân tích Camels để phân tích thực trạng hoạt động cũng như hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Phân tích số liệu trên các báo cáo tài chính của các ngân hàng cho thấy, các ngân hàng có tăng trưởng mạnh về lợi nhuận nhưng các tỷ lệ an toàn vốn, chất lượng tài sản, khả năng quản lý chưa cao, khả năng sinh lời còn chưa tương xứng với tiềm năng hoạt động. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất để cải thiện hiệu quả kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong thời gian tới.

**Từ khoá**: hoạt động ngân hàng, hiệu quả kinh doanh, chỉ số CAMELS

**143. Hoàn thiện quy định về quản lý vốn tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ/** Nguyễn Mạnh Hưng// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Hoạt động của doanh nghiệp (DN) do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đóng vai trò then chốt và là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Tuy nhiên, trên thực tế, cơ chế, chính sách quản lý hoạt động của loại hình DN này trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế, bất cập cần sớm có giải pháp khắc phục. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, việc quản lý vốn của DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là yêu cầu cấp thiết đòi hỏi phải tiếp tục ưu tiên hoàn thiện thể chế chính sách, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

**Từ khoá**: Quản lý vốn, doanh nghiệp, vốn điều lệ, kinh tế thị trường

**144. Hoạt động thiết kế phát triển sản phẩm mới tại các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam và một số nước Châu Á**/ Nguyễn Thu Hà, Phan Chí Anh// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 73-80.

**Nội dung**: Bài viết trình bày thực trạng phát triển sản phẩm mới trong sản xuất công nghiệp, mối quan hệ giữa các hoạt động thực hành phát triển sản phẩm mới và kết quả phát triển sản phẩm mới của các doanh nghiệp sản xuất tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc và Việt Nam. Từ đó đưa ra một số hàm ý về quản trị.

**Từ khoá**: phát triển sản phẩm mới, sự tham gia của khách hàng, nhà cung cấp, hoạt động tiền thiết kế, quản trị dự án, doanh nghiệp sản xuất

**145. Hưởng bảo hiểm xã hội một lần và những thách thức đối với hệ thống an sinh xã hội Việt Nam**/ Nguyễn Thị Chính// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Bên cạnh thành tựu đạt được trong phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, gia tăng độ bao phủ của chính sách bảo hiểm xã hội, thì xu hướng lựa chọn hưởng bảo hiểm xã hội một lần ngày càng gia tăng, đặt ra nhiều thách thức đối với vấn đề an sinh xã hội ở Việt Nam. Thực trạng trên đặt ra yêu cầu cần xem xét, đánh giá, tổng kết để sớm có giải pháp phù hợp nhằm hạn chế tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội một lần, người lao động, an sinh xã hội

**146. Kiểm định tính tuân thủ pháp luật thuế của hộ kinh doanh cá thể tại các làng nghề Việt Nam**/ Nguyễn Quỳnh Trang// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Tuân thủ thuế của người nộp thuế (NNT) thể hiện ở việc chấp hành đầy đủ, kịp thời và đúng đắn các quy định của pháp luật thuế. Dựa trên lý thuyết hành vi, tác giả khảo sát 275 hộ kinh doanh cá thể trong các làng nghề ở Việt Nam để nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ, tự nguyện nộp thuế của các hộ kinh doanh cá thể. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm giúp nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh cá thể ở các làng nghề Việt Nam.

**Từ khoá**: Tuân thủ, nộp thuế, hộ kinh doanh cá thể, tự nguyện

**147. Kiểm định vai trò tài sản trú ẩn an toàn của vàng đối với chứng khoán Việt Nam trong bối cảnh dịch COVID-19: Tiếp cận bằng DCC-GARCH**/ Trần Thị Tuấn Anh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 2-13.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng dữ liệu về tỷ suất sinh lợi của vàng giao sau, vàng giao ngay và VN-Index thu thập trong giai đoạn từ đầu tháng 1 năm 2019 đến cuối tháng 7 năm 2020 để kiểm tra vai trò tài sản trú ẩn an toàn của vàng đối với chỉ số VN-Index của thị trường chứng khoán Việt Nam. Mô hình DCC-GARCH được áp dụng để thực hiện phân tích theo nghiên cứu của Baur & Lucey (2010). Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng tài sản vàng luôn là nơi trú ẩn an toàn cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngoài ra, vai trò tài sản trú ẩn an toàn của thị trường vàng giao sau mạnh mẽ và rõ nét hơn so với thị trường vàng giao ngay. Kết quả nghiên cứu cũng hàm ý rằng việc các nhà đầu tư lựa chọn vàng làm tài sản trú ẩn an toàn là một quyết định hợp lý nhằm xây dựng danh mục đầu tư tối ưu trong bối cảnh diễn biến của dịch COVID-19 trên thế giới vẫn còn có thể kéo dài.

**Từ khoá**: Dịch bệnh COVID-19, hệ số tương quan động, mô hình DCC-GARCH, tài sản trú ẩn an toàn, tỷ suất sinh lợi hàng ngày của vàng, tỷ suất sinh lợi hàng ngày của VN-Index

**148. Kiều hối và Căn bệnh Hà Lan ở các nước đang phát triển Châu Mỹ La Tinh**/ Nguyễn Phúc Hiền, Dương Bích Dung// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 6 .- Tr. 72-92.

**Nội dung**: Dòng kiều hối chảy về các quốc gia đang phát triển đã tăng đáng kể trong những năm vừa qua, đặc biệt ở Mỹ La-tinh. Vì vậy, mục đích của bài nghiên cứu là chứng minh có haу không hiện tượng căn bệnh Hà Lan ở các nước đang рhát triển khu vực Mỹ La-tinh. Bằng việc sử dụng рhương рháр ước lượng moment hệ thống (S-GMM) cho dữ liệu bảng để nghiên cứu sự tác động của kiều hối lên tỷ giá thực đa рhương (REER) của 20 nước đang рhát triển khu vực Mỹ La-tinh trong khoảng thời gian từ năm 2006 tới năm 2018. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy khi kiều hối nhận được trên đầu người tăng 1% thì tỷ giá thực đa phương tăng lên 0,0316%. Nghiên cứu cũng chỉ ra những nước Mỹ La Tinh có tỷ lệ kiều hối cao (trên 10%) thì nguy cơ mắc căn bệnh Hà Lan rất cao. Bênh cạnh đó những nước có tỷ lệ xuất khẩu cao (nhóm p75) cũng xuất hiện hiện tượng căn bệnh trên. Chúng tôi cũng xem xét chế độ tỷ giá thì những nước có chế độ tỷ giá thả nổi trong nhóm nước nghiên cứu cũng có nguy cơ mắc căn bệnh Hà Lan.

**Từ khoá**: Kiều hối, tỷ giá thực đa phương, châu Mỹ La-tinh, căn bệnh Hà Lan

**149. Kinh nghiệm của thế giới về phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển**/ Trần Minh Tuấn, Nguyễn Xuân Dũng// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 03-14.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, cụ thể là Hàn Quốc và Nhật Bản về phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; trong nghiên cứu và phát triển. Đánh giá khái quát thực trạng phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam, từ đó gợi mở một số đề xuất cho Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khóa**: nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển

**150. Kinh nghiệm quản lý vốn đầu tư công cho y tế của một số quốc gia/khu vực và bài học cho Việt Nam**/ Đặng Văn Du, Nguyễn Đại Hùng/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 87-92.

**Nội dung**: Khái quát hoá kinh nghiệm quản lý vốn đầu tư công cho y tế của một số quốc gia/khu vực, rút ra những bài học mà Việt Nam có thể lựa chọn, áp dụng trong quản lý vốn đầu tư công cho y tế.

**Từ khoá**: kinh nghiệm, y tế, quản lý vốn đầu tư công

**151. Kinh nghiệm quốc tế hóa giáo dục đại học của một số nước trên thế giới: Bài học cho Việt Nam**/ Trần Mai Đông, Lê Nhật Hạnh, Phùng Vũ Bảo Ngọc, Mai Trường An// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 42-65.

**Nội dung**: Trong những năm gần đây, có rất nhiều xu hướng trong lĩnh vực giáo dục đại học được các nhà quản lý và nghiên cứu quan tâm – một trong số đó là quốc tế hóa. Điều này đòi hỏi phải có một sự hiểu biết sâu sắc về thuật ngữ này, cũng như những cách thức đa dạng và phức tạp của quốc tế hóa giáo dục đại học trong quá trình toàn cầu hóa. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đưa ra một cách nhìn tổng thể về quốc tế hóa trong giáo dục đại học và lợi ích của xu hướng này đối với các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn giới thiệu một vài bài học kinh nghiệm quốc tế hóa trong giáo dục đại học của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Qua đó, cung cấp một số hàm ý cho các nhà quản trị nhằm mang lại cho các trường đại học những thay đổi tốt hơn để phát triển và hội nhập.

**Từ khoá**: Quốc tế hóa, giáo dục đại học, giáo dục đại học Việt Nam

**152. Kinh nghiệm quốc tế về nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ Nguyễn Nam Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 69-72.

**Nội dung**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa có vị trí hết sức quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường gặp nhiều trở ngại khi phải đối diện với những biến động kinh tế và sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Bài viết này nghiên cứu kinh nghiệm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của một số quốc gia trên thế giới, đồng thời đưa ra những hàm ý về mặt chính sách giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và đứng vững trên thị trường trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, chính sách hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**153. Kinh nghiệm quốc tế về triển khai TQM tại ngân hàng thương mại và bài học cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Ngọc Mai// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 104 - 106.

**Nội dung:** Bài viết tổng hợp và phân tích kinh nghiệm ứng dụng quản lý chất lượng toàn diện (TQM) của các ngân hàng thương mại tại một số nước đã triển khai ứng dụng TQM và thu được những thay đổi tích cực trong quản lý kết quả hoạtđộng các dịch vụ ngân hàng. **Từ khóa:** Quản lý chất lượng toàn diện, ngân hàng thương mại

**154. Kinh nghiệm xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo**/ Nguyễn Việt Đức// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 18(579) .- Tr. 14-21.

**Nội dung**: Trình bày một số trung tâm đổi mới sáng tạo xuất hiện và phát triển ở các nước; Thực tế mô hình sở hữu, vận hành và chức năng của các Trung tâm đổi mới sáng tạo; Đề xuất lựa chọn chức năng gắn với tầm nhìn của các Trung tâm đổi mới sáng tạo.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp

**155. Khai phá mối quan hệ trao đổi lãnh đạo – nhân viên đến sự chia sẻ kiến thức và sự mâu thuẫn quan hệ với đồng nghiệp**/ Trần Mai Đông, Nguyễn Thị Mai Phương, Mai Trường An, Nguyễn Thị Tuyết Ma, Lý Thị Minh Châu// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 5-24.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm tra mối quan hệ đồng thời giữa ba yếu tố: LMX, sự mâu thuẫn với đồng nghiệp và sự chia sẻ kiến thức ngụ ý thông qua cách tiếp cận từ lăng kính văn hóa phương Đông. Nghiên cứu dùng phương pháp định tính – phỏng vấn sâu để thăm dò, khám phá và khai thác sâu hơn về nhận thức của 10 nhân viên có kinh nghiệm, chuyên viên và các nhà quản lý cấp trung về chất lượng mối quan hệ LMX của họ với cấp trên. Những phát hiện của nghiên cứu này đóng góp thêm về mặt lý thuyết và ứng dụng cho sự hiểu biết về mối quan hệ giữa các yếu tố LMX, sự mâu thuẫn cảm xúc cá nhân với đồng nghiệp và sự chia sẻ kiến thức ngụ ý trong môi trường văn hóa Việt Nam, nơi mà khoảng cách giữa công việc và cuộc sống bị thu hẹp, nhân viên xem cấp trên như người thân, người anh em trong gia đình, còn cấp trên thì luôn quan tâm, chăm sóc cấp dưới.

**Từ khoá**: LMX, chia sẻ kiến thức ngụ ý, mâu thuẫn với đồng nghiệp, văn hóa phương Đông, Việt Nam

**156. Khai thác hiệu quả tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ quốc phòng/ Nguyễn Việt Bắc**/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Bài viết nêu ra những vấn đề còn tồn tại trong quá trình khai thác tài sản công của các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ quốc phòng và những giải pháp để hoàn thiện hoạt động này.

**Từ khoá**: tài sản công, cơ sở giáo dục đại học, bộ quốc phòng, khai thác hiệu quả tài sản công, quản lý tài sản công

**157. Khảo sát sự thay đổi về mối liên hệ giữa các thị trường chứng khoán Đông Nam Á trong giai đoạn COVID-19 : tiếp cận bằng lý thuyết thông tin/** Trần Thị Tuấn Anh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 8 .- Tr. 51-71.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng dữ liệu giá đóng cửa hàng ngày trên thị trường chứng khoán của ASEAN6 để phân tích sự thay đổi trong mối liên hệ giữa các thị trường này gây ra bởi COVID-19. Để thực hiện mục tiêu này, bài viết áp dụng các công cụ định lượng của lý thuyết thông tin, cụ thể là đo lường lượng thông tin chung thể hiện sự phụ thuộc lẫn nhau, và đo lường dòng thông tin di chuyển giữa các thị trường bằng transfer entropy. Kết quả phân tích số liệu cho thấy có một sự thay đổi rõ rệt trong mối liên hệ giữa các thị trường trong giai đoạn COVID-19 diễn ra so với trước đó. Các thị trường trở nên phụ thuộc nhau nhiều hơn, số lượng kết nối giữa các thị trường gia tăng và độ mạnh của các kết nối cũng tăng lên rõ rệt. Khi xem xét các chuỗi tỷ suất sinh lợi, trong giai đoạn COVID-19, Singapore thể hiện vai trò là trung tâm tài chính của Đông Nam Á khi mà dòng thông tin từ thị trường Singapore truyền đến tất cả các thị trường khác. Việt Nam cũng chia sẻ nhiều thông tin chung với Malaysia và Philippines, trong khi gần như không có liên hệ với thị trường Indonesia và Thái Lan trong cả hai giai đoạn. Ngược lại, khi xem xét độ biến động, thị trường Thái Lan đóng vai trò là nguồn lan truyền thông tin biến động trong khi Singapore lại đóng vai trò nhận thông tin biến động từ các thị trường khác.

**Từ khoá**: COVID-19, lý thuyết thông tin, thông tin chung, tỷ suất sinh lợi, độ biến động của tỷ suất sinh lợi

**158. Không gian Kinh tế Ba chiều của Tiền Điện tử trên Thiết bị Di động : kinh nghiệm Quốc tế và Hàm ý đối với Việt Nam**/ Lý Đại Hùng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 39-58.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá vai trò của mobile money theo ba chiều cạnh kinh tế, gồm vi mô, vĩ mô và quốc tế. Phân tích định tính tập trung vào các kết quả nghiên cứu quốc tế và ghi nhận rằng mobile money góp phần nâng cao mức sống của người dân thông qua tăng cường chia sẻ rủi ro, cải thiện tốc độ tăng trưởng thông qua khắc phục tính bất đối xứng về thông tin, và định hình lại hệ thống tiền tệ quốc tế thông qua lưu chuyển vốn xuyên quốc gia với tốc độ nhanh và lưu lượng cao. Phân tích định lượng tập trung vào chiều cạnh vĩ mô, sử dụng một bộ dữ liệu gồm 82 nền kinh tế trong giai đoạn 2011-2017. Bằng chứng thực nghiệm chỉ ra rằng 10% gia tăng của tỷ lệ người dân từ 15 tuổi sử dụng dịch vụ mobile money đi kèm với sự gia tăng của tốc độ tăng trưởng kinh tế với mức 0,011% đối với các nước thu nhập cao và 0,044% với các nước còn lại. Từ các kết quả này, bài viết cũng thảo luận một số hàm ý đối với Việt Nam về học thuật, chính sách và kinh doanh.

**Từ khoá**: Mobile Money; Hồi quy Dữ liệu chéo; Kinh nghiệm Quốc tế; Thảo luận Chính sách

**159. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo : chìa khóa vàng nâng cao năng suất**/ Nguyễn Thị Lê Hoa, Nguyễn Thế Anh// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Khoa học và công nghệ (KH&CN) của nước ta đã có sự chuyển biến tích cực với nhiều thành tựu trong nghiên cứu, góp phần tạo luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường. KH&CN gắn bó với sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của tất cả các ngành, lĩnh vực. Một trong những điểm sáng nổi bật của hoạt động KH&CN, đổi mới sáng tạo của Việt Nam trong những năm qua là sự thăng hạng trong bảng xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO.

**Từ khóa**: Khoa học & công nghệ, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ

**160. Lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất kính xây dựng Việt Nam**/ Lê Trung Thành, Đoàn Xuân Hậu// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 63-72.

**Nội dung**: Lợi thế cạnh tranh là một tập hợp các ưu thế cho phép doanh nghiệp vượt trội so với đối thủ cạnh và qua đó giúp doanh nghiệp đạt được kết quả hoạt động kinh doanh nổi trội. Dựa trên cơ sở lý luận về lợi thế cạnh tranh, bằng phương pháp phân tích thống kê so sánh qua số liệu từ tổng cục thống kê năm 2019 và phương pháp điều tra, khảo sát bằng bảng câu hỏi với 141 doanh nghiệp sản xuất kính xây dựng, bài viết chỉ ra giá cả, chất lượng sản phẩm được nhìn nhận là lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kính xây dựng Việt Nam, tuy nhiên năng lực đổi mới, khả năng đáp ứng khách hàng và năng suất là những yếu tố cần cải thiện để nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kính xây dựng Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Lợi thế cạnh tranh, sản xuất, kính xây dựng

**161. Marketing bền vững và ứng dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Viết Lâm// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 65-73.

**Nội dung**: Trên nền tảng của những thông tin thứ cấp, nghiên cứu này bắt đầu từ việc phân tích vai trò của phát triển bền vững trong thế giới ngày nay; chỉ ra sự cần thiết phải vận hành, phát triển loại hình marketing, khác biệt với marketing truyền thống của các doanh nghiệp, phục vụ cho phát triển bền vững. Nghiên cứu cũng chỉ ra bản chất của marketing bền vững là nhấn mạnh giá trị gia tăng cho khách hàng cũng như thiết lập mối quan hệ khách hàng lâu dài, có lợi cho doanh nghiệp, xã hội và môi trường. Theo kết quả nghiên cứu, marketing bền vững chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau thuộc môi trường bên trong và bên ngoài, đồng thời việc ứng dụng marketing bền vững trong các doanh nghiệp vừa có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Từ nhận thức bản chất của marketing bền vững, các nhân tố ảnh hưởng, các cơ hội và thách thức; nghiên cứu đã đề xuất các vấn đề chiến lược và các giải pháp để tạo nên thành công của marketing bền vững trong các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Marketing xanh, marketing xã hội, phát triển bền vững, marketing bền vững

**162. Mô hình chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp**/ Nguyễn Xuân Huynh// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 109-111.

**Nội dung**: Phát triển các mô hình liên kết chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đã và đang trở thành vấn đề thời sự. Đặc biệt, bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế cùng với những yêu cầu về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao giá trị của nông sản phẩm đã tạo dựng những mối quan hệ giữa ngân hàng, doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu... Nhiều doanh nghiệp đầu mối đầu tư triển khai các chuỗi liên kết giá trị và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại cho lĩnh vực này bước đầu được triển khai, nhưng cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết.

**Từ khoá**: Chuỗi liên kết, tín dụng, ngân hàng, nông nghiệp

**163. Mô hình giá kỳ vọng của nông hộ nuôi tôm ở Cà Mau**/ Lê Thị Bảo Ngọc// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 85-95.

**Nội dung**: Nghiên cứu xây dựng mô hình giá kỳ vọng của nông hộ nuôi tôm sú. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập bằng phỏng vấn trực tiếp 97 nông hộ tại tỉnh Cà Mau.

**Từ khoá**: giá kỳ vọng, giá thị trường, tôm sú, tỉnh Cà Mau

**164. Mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam**/ Phạm Thu Hương, Đào Anh Tuấn// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 04-06.

**Nội dung**: Bài báo phân tích mô hình hệ sinh thái khởi nghiệp tại một số quốc gia từ đó đề xuất mô hình và các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp trong các trường đại học ở Việt Nam.

**Từ khóa**: trường đại học, hệ sinh thái khởi nghiệp, giảng dạy

**165. Mô hình tư vấn học tập trong đào tạo trực tuyến dựa trên cộng đồng người học đa tiêu chí/** Bùi Xuân Huy, Nguyễn An Tế, Trần Thị Song Minh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 21-35.

**Nội dung**: Chuyển đổi từ hình thức đào tạo truyền thống sang môi trường trực tuyến là một xu hướng diễn ra mạnh mẽ vì những tính chất ưu việt mà nó đem lại cho cả người dạy và người học đó là tính chia sẻ, tái sử dụng, tương tác và thích nghi… dưới tác động của sự phát triển công nghệ cũng như ảnh hưởng của dịch Covid đầu năm 2020, xu hướng này càng diễn ra mạnh mẽ hơn trước. Bài báo này sẽ trình bày về các nghiên cứu và ứng dụng của hệ thống tư vấn tự động trong môi trường đào tạo trực tuyến cũng như các hướng nghiên cứu khả thi.

Từ khoá: E-learning, Recommender System

**166. Mối quan hệ của năng lực hấp thụ, tích hợp đa kênh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bán lẻ**/ Nguyễn Phương Linh, Cao Tuấn Khanh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 26-36.

**Nội dung**: Thị trường bán lẻ thời quan qua chứng kiến nhiều thay đổi, biến động. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ sức ép hội nhập toàn cầu và sự thay đổi nhanh chóng trong nhu cầu và thị hiếu khách hàng đã ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng cạnh tranh cũng như kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bán lẻ. Năng lực hấp thụ và năng lực tích hợp đa kênh được xem là hai trong số những năng lực quan trọng giúp các doanh nghiệp thích nghi tốt với các điều kiện và môi trường kinh doanh mới. Bài viết tập trung nghiên cứu mối quan hệ và sự ảnh hưởng của năng lực hấp thụ tới năng lực tích hợp đa kênh và mối quan hệ giữa năng lực tích hợp đa kênh đến kết quả kinh doanh gắn với khách thể nghiên cứu là các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam (DNBLVN). Trên cơ sở hệ thống hóa một số cơ sở lý luận có liên quan, xây dựng các giả thuyết nghiên cứu, đề xuất mô hình nghiên cứu và sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để kiểm định mô hình giả thuyết nghiên cứu ban đầu. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu dược thu thập từ kết quả khảo sát 201 nhà quản trị cấp trung và cấp cao của các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam. Số liệu được phân tích bởi mô hình cấu trúc tuyến tính SEM trên cơ sở sử dụng phương pháp phân tích PLS-SEM. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự ảnh hưởng mạnh mẽ và tích cực của năng lực hấp thụ tới năng lực tích hợp đa kênh đồng thời sự thay đổi tích cực của năng lực tích hợp đa kênh giúp cải thiện đáng kể kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, Bán lẻ, Năng lực hấp thụ, Tích hợp đa kênh, Kinh doanh

**167. Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ cảm nhận và hình ảnh thương hiệu trường đại học**/ Đoàn Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Thuỳ Giang/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 46-51.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ cảm nhận và hình ảnh thương hiệu trường đại học. Trên cơ sở đó đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm giúp nhà quản lý cải thiện và nâng cao hình ảnh thương hiệu trường đại học trong tâm trí của sinh viên.

**Từ khoá**: chất lượng dịch vụ, cảm nhận, thương hiệu, niềm tin, trường đại học

**168. Mối quan hệ giữa chất lượng tín hiệu và sự tin tưởng vào rau an toàn : vai trò trung gian của sự tin tưởng vào nhà bán lẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh/** Bùi Thanh Tráng, Đinh Vũ Định, Phan Thị Lý, Nguyễn Anh Đức// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 52-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung xem xét mối quan hệ giữa chất lượng tín hiệu và sự tin tưởng của khách hàng và được thực hiện thông qua kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Dựa vào kết quả khảo sát 502 khách hàng đã mua rau an toàn tại các siêu thị và cửa hàng tiện lợi kinh doanh thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu khẳng định: (1) Ảnh hưởng tích cực của chất lượng tín hiệu từ nhà bán lẻ (bao gồm: Tính rõ ràng, tin cậy và nhất quán) đến sự tin tưởng vào nhà bán lẻ và sự tin tưởng vào sự an toàn của rau an toàn; (2) mối quan hệ cùng chiều giữa sự tin tưởng vào nhà bán lẻ và sự tin tưởng vào sự an toàn của rau an toàn; và (3) vai trò trung gian của sự tin tưởng vào nhà bán lẻ. Kết quả này góp phần lấp đầy khoảng trống lý thuyết về mối quan hệ giữa các khái niệm nghiên cứu; đồng thời, những đóng góp trong việc điều chỉnh và bổ sung thang đo phù hợp với điều kiện thực tiễn có thể làm cơ sở cho các nghiên cứu sau này.

**Từ khoá**: Chất lượng tín hiệu; Sự tin tưởng; Rau an toàn; Nhà bán lẻ

**169. Mối quan hệ giữa chất lượng tín hiệu và sự tin tưởng vào rau an toàn: Vai trò trung gian của sự tin tưởng vào nhà bán lẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Bùi Thanh Tráng, Đinh Vũ Định, Phan Thị Lý, Nguyễn Anh Đức// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 52-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung xem xét mối quan hệ giữa chất lượng tín hiệu và sự tin tưởng của khách hàng và được thực hiện thông qua kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Dựa vào kết quả khảo sát 502 khách hàng đã mua rau an toàn tại các siêu thị và cửa hàng tiện lợi kinh doanh thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu khẳng định: (1) Ảnh hưởng tích cực của chất lượng tín hiệu từ nhà bán lẻ (bao gồm: Tính rõ ràng, tin cậy và nhất quán) đến sự tin tưởng vào nhà bán lẻ và sự tin tưởng vào sự an toàn của rau an toàn; (2) mối quan hệ cùng chiều giữa sự tin tưởng vào nhà bán lẻ và sự tin tưởng vào sự an toàn của rau an toàn; và (3) vai trò trung gian của sự tin tưởng vào nhà bán lẻ. Kết quả này góp phần lấp đầy khoảng trống lý thuyết về mối quan hệ giữa các khái niệm nghiên cứu; đồng thời, những đóng góp trong việc điều chỉnh và bổ sung thang đo phù hợp với điều kiện thực tiễn có thể làm cơ sở cho các nghiên cứu sau này.

**Từ khoá**: Chất lượng tín hiệu; Sự tin tưởng; Rau an toàn; Nhà bán lẻ

**170. Mối quan hệ giữa doanh nghiệp Fintech và hoạt động kinh doanh ngân hàng ; những vấn đề đặt ra với Việt Nam**/ Kiều Hữu Thiện// Ngân hàng .- 2022 .- Số 4 .- Tr. 27-33.

**Nội dung**: Tập trung đề cập sự ra đời và hoạt động của Fintech, các tác động có thể xảy ra đối với hoạt động ngân hàng, từ đó gợi mở một số vấn đề đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, Fintech, hoạt động kinh doanh ngân hàng, thị trường tài chính

**171. Mối quan hệ giữa quản trị tồn kho, hiệu suất chuỗi cung ứng và hiệu quả tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Văn Ít// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 42-62.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm kiểm định mối quan hệ giữa quản trị tồn kho, hiệu suất chuỗi cung ứng và hiệu quả tài chính. Dựa trên dữ liệu thu thập từ 369 nhà quản lý các cấp đang làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, kết quả phân tích cấu trúc tuyến tính cho thấy hiệu suất chuỗi cung ứng có tác động dương mạnh nhất đến hiệu quả tài chính; kế đến, quản trị tồn kho tác động dương mạnh thứ hai đến hiệu suất chuỗi cung ứng; và cuối cùng, quản trị tồn kho tác động dương thấp nhất đến hiệu quả tài chính. Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý được đề xuất nhằm giúp nhà quản trị của các doanh nghiệp sản xuất cải thiện quản trị tồn kho, hiệu suất chuỗi cung ứng, từ đó góp phần làm tăng hiệu quả tài chính.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp sản xuất; Hiệu quả tài chính; Hiệu suất chuỗi cung ứng; Quản trị tồn kho

**172. Mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái và giá chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**/ Lê Thị Hồng Nhi// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 69-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xác định mối quan hệ giữ tỷ giá hối đoái và sự thay đổi giá của các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh được thể hiện qua chỉ số VN-Index. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu gồm tỷ giá hối đoái VND/USD và chỉ số VN-Index ở giai đoạn năm 2001-2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tồn tại mối quan hệ cùng chiều giữa hai biến.

**Từ khoá**: Tỷ giá hối đoái, thị trường chứng khoán

**173. Một số hình thức và thang đo đổi mới doanh nghiệp**/ Nguyễn Chí Long// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 39-43.

**Nội dung**: Hiện nay, các nghiên cứu trên thế giới cho thấy rất nhiều hình thức và thang đo đổi mới doanh nghiệp. Mỗi thang đo đổi mới lại đánh giá về một hình thức đổi mới khác nhau trong doanh nghiệp. Bài viết này khái quát những thang đo phổ biến hiện nay về đổi mới như: Thang đo đổi mới hành vi; Thang đo đổi mới của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat); Đổi mới khai phá và đổi mới khám phá; Tỷ suất chi phí đầu tư và phát triển trên tổng tài sản. Thông qua đó, tác giả đưa ra một số gợi ý cho các nhà quản trị có thể lựa chọn được một thang đo đổi mới phù hợp.

**Từ khoá**: Đổi mới hành vi, đổi mới khai phá, đổi mới khám phá

**174. Một số mô hình ứng dụng công nghệ tài chính và bài học cho các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam**/ Hạ Thị Hải Ly// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính đang là hướng đi được nhiều bạn trẻ đam mê theo đuổi. Học hỏi kinh nghiệm từ một số mô hình ứng dụng công nghệ tài chính thất bại và thành công trên thế giới là hướng tiếp cận giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam rút ra được những bài học kinh nghiệm và tận dụng cơ hội để khai thác tiềm năng từ các thị trường ngách.

**Từ khoá**: Khởi nghiệp, mô hình Fintech, Startup

**175. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực quản trị vốn chủ sở hữu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Lê Thanh Tùng/ Ngân hàng .- 2021 .- Số 23 .- Tr. 21-26.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng quản trị vốn chủ sở hữu tại Ngân hàng thương mại hiện nay, từ đó có một số khuyến nghị nhằm tăng cường năng lực quản trị vốn chủ sở hữu tại ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, vốn chủ sở hữu, quản trị

**176. Một số khuyến nghị về cải cách quản lý chi ngân sách nhà nước tại Việt Nam**/ Hoàng Xuân Nam, Lê Bảo Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 15-19.

**Nội dung**: Mục tiêu của quản lý chi ngân sách nhà nước là nhằm đảm bảo hoạt động chi ngân sách nhà nước đúng mục đích đề ra. Do đặc điểm bộ máy tổ chức của Nhà nước gồm nhiều cấp khác nhau, ở mỗi cấp lại có sự liên quan trực tiếp đến các khoản chi ngân sách nhà nước, nên mục tiêu quản lý chi ngân sách nhà nước còn liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức bộ máy và phân công, phân cấp, phân quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ cho mỗi cấp quản lý ngân sách. Từ các nội dung của quản lý chi ngân sách nhà nước, bài viết này đưa ra một số khuyến nghị nhằm tiếp tục cải cách quản lý chi ngân sách nhà nước tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Chi ngân sách nhà nước, bộ máy tổ chức, quản lý, cải cách

**177. Một số mô hình Fintech thành công và thất bại : bài học cho Startup Việt Nam**/ Hạ Thị Hải Ly// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 23(584) .- Tr. 29-32.

**Nội dung**: Bài viết trình bày một số mô hình thất bại và một số mô hình thành công, từ đó đưa ra những bài học cho các Startup

**Từ khoá**: Startup, mô hình Fintech, khởi nghiệp

**178. Một số nhân tố ảnh hưởng đến quản lý chi ngân sách quốc phòng cho đầu tư xây dựng cơ bản**/ Thái Doãn Hạnh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 10-14.

**Nội dung**: Mỗi giai đoạn khác nhau, mỗi quốc gia khác nhau có những biểu hiện khác nhau về nhận thức và nội dung chi ngân sách quốc phòng. Bài viết sẽ đi sâu tìm hiểu rõ hơn về những nguyên tắc, nhân tố, giai đoạn cụ thể trong chi ngân sách quốc phòng hiện nay.

**Từ khóa**: ngân sách nhà nước, chi ngân sách quốc phòng, chi tiêu công, an ninh quốc phòng

**179. Một số vấn đề chủ yếu tác động đến phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ trong bối cảnh mới**/ Nguyễn Quang Thuấn// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 03-12.

**Nội dung**: Các vấn đề có nguyên nhân đan xen từ bên trong cũng như bên ngoài, do yếu tố tự nhiên cũng như yếu tố con người. Bài viết chỉ ra những vấn đề và nguyên nhân gây ra là bước đầu quan trọng góp phần thiết kế chính sách hướng đến phát triển bền vững một cách hợp lý, khả thi.

**Từ khoá**: phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, nước, đất đai, tài chính, cơ sở hạ tầng, thể chế

**180. Mức sẵn lòng chi trả cho đường sắt đô thị tuyến số 3 Nhổn - ga Hà Nội**/ Bùi Nhật Huy// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 89-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu khảo sát ngẫu nhiên người dân dọc theo đường sắt đô thị tuyến số 3 Nhổn-ga Hà Nội nhằm tìm ra mức sẵn lòng chi trả cho dịch vụ. Để đo lường mức sẵn lòng chi trả, nghiên cứu sử dụng phương pháp định giá ngẫu nhiên qua các yếu tố ảnh hưởng và hồi quy thông qua mô hình Tobit. Qua đó, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị cho các bên hữu quan nhằm xây dựng các phương án hiệu quả cho dự án.

**Từ khoá**: sẵn lòng chi trả, định giá ngẫu nhiên, đường sắt đô thị

**181. Nâng cao hiệu quả huy động vốn cho chương trình xây dựng nông thôn mới**/ Nguyễn Tiến Trường// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 25-28.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng huy động vốn cho xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2011-2019, đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả huy động vốn cho thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

**Từ khoá**: xây dựng nông thôn mới, huy động vốn, vốn

**182. Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội**/ Đặng Thị Tố Tâm// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 105-108.

**Nội dung**: Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hiện chiếm khoảng 8% trong tổng số doanh nghiệp trên cả nước, quy mô chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ. Doanh nghiệp nông nghiệp tại TP. Hà Nội cũng không nằm ngoài tình trạng trên. Làm thế nào để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội là vấn đề đang nhận được nhiều sự quan tâm Bài viết đánh giá vai trò, thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội, từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, đầu tư, nông nghiệp, Hà Nội

**183. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn Hà Nội**/ Nguyễn Thị Thu Phương// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 129-132.

**Nội dung**: Trong những năm qua, du lịch là ngành kinh tế lớn có tốc độ tăng trưởng ổn định, đóng góp quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hà Nội. Tuy nhiên, từ đầu năm 2021 đến nay, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, ngành Du lịch Thủ đô gặp nhiều khó khăn. Bối cảnh trên đặt ra yêu cầu Hà Nội cần đổi mới cách thức quản lý hoạt động du lịch. Nghiên cứu thực trạng quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn Hà Nội hiện nay, bài viết chỉ ra những tồn tại, hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động này.

**Từ khoá**: Quản lý nhà nước, du lịch, Hà Nội, phát triển du lịch

**184. Nâng cao hiệu quả công tác lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Nam Định/**Ngô Bỉnh Duy//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 29 - 30.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng công tác lập báo cáo tài chính của các doanh nghiêp vừa và nhỏ tại tỉnh Nam Định; Đánh giá công tác lập báo cáo tài chính và giải pháp nâng cao hiệu nâng cao hiệu quả công tác lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**Từ khóa:** Báo cáo tài chính, doanh nghiệp, Nam Định

**185. Nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp công nghệ tài chính qua giải pháp năng lực động**/ Phan Xuân Thắng, Nguyễn Thùy Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 68-71.

**Nội dung**: Theo nghiên cứu của Li và Liu (2014), năng lực động là khả năng doanh nghiệp giải quyết các vấn đề thông qua các cảm nhận về cơ hội và thách thức, đưa ra quyết định kịp thời và thực hiện các quyết định, thay đổi chiến lược có hiệu quả để đảm bảo đi đúng hướng trong hoạt động kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp công nghệ tài chính (Fintech) tại Việt Nam, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại rất nhiều cơ hội cũng như những thách thức. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp này phải nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ đó duy trì và phát triển bền vững và năng lực động chính là giải pháp để thực hiện mục tiêu này.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, cạnh tranh, năng lực động

**186. Nâng cao trải nghiệm khách hàng của ngân hàng khi chuyển đổi sang ngân hàng số**/ Nguyễn Thị Thái Hưng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 23(584) .- Tr. 33-39,47.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các trải nghiệm của khách hàng và những yếu tố khách hàng, ngân hàng số, chiến lược khách hàng.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, chiến lược khách hàng, trải nghiệm khách hàng

**187. Nâng cao vai trò của liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động có tay nghề trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0**/ Nguyễn Khắc Ngọc// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá những thời cơ, thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức của liên kết đào tạo nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo lao động có tay nghề trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa**: liên kết nhà trường và doanh nghiệp, đào tạo lao động, đào tạo nghề, công nghiệp 4.0

**188. Nâng cao ý thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thị Kim Phụng// Tài chính .- 2021 .- Số 767 .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (DN) là hành động giải quyết các vấn đề xã hội vì các mục đích từ thiện và nhân đạo. Thực hiện trách nhiệm xã hội (CSR) sẽ mang đến nhiều lợi ích, giúp quảng bá thương hiệu, tạo dựng niềm tin đối với công chúng và tăng lợi thế cạnh tranh cho DN. Mặc dù vậy, không phải DN nào tại Việt Nam cũng tuân thủ đạo đức trong kinh doanh, thực hiện trách nhiệm đối với xã hội. Xuất phát từ thực tế thực hiện trách nhiệm của mình với xã hội của các DN Việt Nam hiện nay, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao ý thức, hỗ trợ các DN Việt Nam thực hiện hiệu quả trách nhiệm xã hội.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh

**189. Năng lực quản trị marketing của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành hàng tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Phạm Hùng Cường// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 71-83.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực quản trị marketing của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành hàng tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản trị marketing của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành hàng tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: năng lực quản trị, marketing, doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành hàng tiêu dùng

**190. Năng suất yếu tố tổng hợp trong sản xuất lúa của nông hộ ở tỉnh An Giang**/ Nguyễn Lan Duyên, Cao Văn Hơn// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 96-109.

**Nội dung**: Bài viết xác định năng suất yếu tố tổng hợp trong sản xuất lúa và ước lượng ảnh hưởng của các yếu tố đến năng suất yếu tố tổng hợp của nông hộ trồng lía ở tỉnh An Giang trên cơ sở dữ liệu sơ cấp thu thập trực tiếp từ 250 nông hộ được chọn ngẫu nhiên. Từ kết quả, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị giúp nông hộ sử dụng và đầu tư các yếu tố đầu vào hợp lý, góp phần nâng cao năng suất yếu tố tổng hợp.

**Từ khoá**: canh tác lúa, năng suất yếu tố tổng hợp, nông hộ, yếu tố sản xuất

**191. Nghiên cứu ảnh hưởng của chính sách cổ tức tới chất lượng lợi nhuận doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam**/ Đào Văn Thi, Lưu Hữu Đức// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 67-71.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của chất lượng lợi nhuận tới chính sách cổ tức tại 20 doanh nghiệp vận tải biển được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019.

**Từ khoá**: chất lượng lợi nhuận, chính sách cổ tức

**192. Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố thái độ học viên đến hiệu quả đào tạo nhân lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam/** Lê Trung Hiếu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 89 - 91.

**Nội dung:** Bài viết phân tích yếu tố thái độ học viên để đánh giá tác động của nó đến hiệu quả đào tạo nhân lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**Từ khóa: Đ**ào tạo nhân lực, Tập đoàn Điện lực Việt Nam

**193. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam/** Lê Thị Diệu Hiền, Bùi Thị Mến, Nguyễn Thị Cẩm Giang//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 89 - 99.

**Nội dung:** Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ là cơ sở quan trọng đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao tính tuân thủ thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Thuế điện tử, hệ thống thuế điện tử, tuân thủ thuế

**194. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến trả công lao động tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh Nhàn, Phạm Thị Thanh Hà// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 49-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến trả công lao động (TCLĐ) và phân tích thực trạng sự ảnh hưởng của các yếu tố đó đến trả công lao động tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Tác giả tiến hành khảo sát 700 người lao động tại các chi nhánh của BIDV trên cả nước bằng bảng hỏi được thiết kế sẵn. Số phiếu khảo sát thu về sử dụng được là 653 phiếu. Kết hợp với việc xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS và AMOS 21 cho ra kết quả như sau: Các yếu tố hiệu quả hoạt động, năng lực của đội ngũ TCLĐ, chiến lược nguồn nhân lực, pháp luật về TCLĐ và văn hóa tổ chức đều có ảnh hưởng đến trả công lao động nhưng theo các mức độ khác nhau. Trong đó, hiệu quả hoạt động là yếu tố tác động mạnh nhất đến TCLĐ tại BIDV. Từ việc phân tích thực trạng, nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải thiện các yếu tố tạo điều kiện hoàn thiện TCLĐ tại BIDV.

**Từ khoá**: Trả công lao động, Ngân hàng Thương mại, BIDV, các yếu tố ảnh hưởng

**195. Nghiên cứu định lượng tác động của quản trị nhân sự số đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp**/ Kiều Quốc Hoàn// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 94-106.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu định lượng tác động của quản trị nhân sự số đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những cải tiến trong bốn nội dung cơ bản của quản trị nhân sự nhờ chuyển đổi số có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam, cụ thể gồm: (1) cải tiến trong tuyển dụng nhân sự số; (2) cải tiến trong quản trị công việc số; (3) cải tiến trong phát triển nhân sự số và (4) cải tiến trong quản trị năng suất nhân sự số. Trên cơ sở kết quả định lượng, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả triển khai các nội dung quản trị nhân sự số, từ đó cải thiện hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp hiện nay.

**Từ khoá**: Quản trị nhân sự, chuyển đổi số, quản trị nhân sự số, hiệu quả hoạt động

**196. Nghiên cứu Mô hình Z-Score vào cảnh báo sớm rủi ro hoạt động kinh doanh tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Huân, Nguyễn Thị Quỳnh Trang// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 28-35

**Nội dung**: Trong thời kỳ khủng hoảng toàn cầu do đại dịch Covid-19 gây ra, không nằm ngoài những công ty, lĩnh vực hoạt động chịu rủi ro lớn trong hoạt động kinh doanh của mình, đó chính là lĩnh vực tín dụng ngân hàng. Do các công ty, xí nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 nên hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị bị ảnh hưởng. Điều này đã ảnh hưởng đến khả năng trả nợ cho ngân hàng của họ. Từ đó, dẫn đến nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời gian qua vẫn tăng, không có xu hướng giảm. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro cho hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, việc đề xuất và áp dụng các mô hình cảnh báo sớm rủi ro là hết sức cần thiết. Bài báo đề xuất giải pháp quản lý rủi ro trên cơ sở cảnh báo sớm bằng cách áp dụng mô hình Z-Score trong nghiên cứu nhằm giúp các ngân hàng thương mại xác định những khách hàng có khả năng gây rủi ro tín dụng cho ngân hàng và hỗ trợ họ ra quyết định cấp tín dụng.

**Từ khoá**: Mô hình cảnh báo, rủi ro tín dụng, mô hình điểm số Z, Hệ số tài chính

**197. Nghiên cứu mối quan hệ giữa công bằng tổ chức và hành vi công dân trong tổ chức: Vai trò nào cho quá trình trao đổi lãnh đạo-thành viên?/** Nguyễn Nhật Tân// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 25-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét trao đổi lãnh đạo-thành viên (LMX) với vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa công bằng tổ chức (OJ) và hành vi công dân của tổ chức (OCB). Qua khảo sát mẫu gồm 279 nhân viên hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam, kết quả chỉ ra rằng công bằng phân phối là yếu tố dự báo LMX mạnh mẽ hơn công bằng tương tác hay công bằng thủ tục. Ngoài ra, LMX có mối quan hệ ý nghĩa với hành vi tận tình, lịch thiệp, phẩm hạnh công dân và lương tâm. Trong mối quan hệ công bằng tổ chức – hành vi công dân, công bằng tương tác ảnh hưởng tích cực đến tất cả các khía cạnh của OCB. Công bằng phân phối ảnh hưởng tích cực đến phẩm hạnh công dân. Công bằng thủ tục cũng tác động tích cực đến phẩm hạnh công dân nhưng có ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi lịch thiệp và cao thượng. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy LMX không đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa OJ và OCB. Các phát hiện của nghiên cứu có ý nghĩa đối với thực tiễn quản trị nhân sự vì nó cho phép các nhà quản lí có kế hoạch hành động thích hợp để tạo ra các hành vi làm việc mong muốn của nhân viên.

**Từ khoá**: Công bằng tổ chức; hành vi công dân tổ chức; trao đổi lãnh đạo-thành viên

**198. Nghiên cứu mối quan hệ giữa xử lý khiếu nại, sự hài lòng, niềm tin và lòng trung thành của khách hàng cá nhân trong ngành ngân hàng**/ Ngô Đức Chiến// Kinh tế & phát triển .- 2021 .- Số 294 .- Tr. 91-101.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung xác định mối quan hệ giữa Xử lý khiếu nại, Sự hài lòng, Niềm tin và Lòng trung thành của khách hàng cá nhân trong ngành ngân hàng. Dựa trên mẫu điều tra từ 288 các cá nhân là các khách hàng có giao dịch tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, các phương pháp thống kê, đánh giá độ tin cậy thang đo Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình phương trình cấu trúc (SEM) được sử dụng để phân tích. Kết quả cho thấy, (1) Nhân tố Xử lý khiếu nại (KN) tác động tích cực đến Niềm tin (NT), Sự hài lòng (HL) và Lòng trung thành (TT); (2) Nhân tố Sự hài lòng (HL) tác động tích cực đến Niềm tin (NT) và Lòng trung thành (TT) và (3) nhân tố Niềm tin (NT) tác động tích cực đến Lòng trung thành (TT).

**Từ khoá**: Xử lý khiếu nại, Sự hài lòng, Niềm tin, Lòng trung thành

**199. Nghiên cứu mối quan hệ giữa xử lý khiếu nại, sự hài lòng, niềm tin và lòng trung thành của khách hàng cá nhân trong ngành ngân hàng**/ Ngô Đức Chiến// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 51-62.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tập trung xác định mối quan hệ giữa Xử lý khiếu nại, Sự hài lòng, Niềm tin và Lòng trung thành của khách hàng cá nhân trong ngành ngân hàng. Dựa trên mẫu điều tra từ 288 các cá nhân là các khách hàng có giao dịch tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, các phương pháp thống kê, đánh giá độ tin cậy thang đo Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình phương trình cấu trúc (SEM) được sử dụng để phân tích. Kết quả cho thấy, (1) Nhân tố Xử lý khiếu nại (KN) tác động tích cực đến Niềm tin (NT), Sự hài lòng (HL) và Lòng trung thành (TT); (2) Nhân tố Sự hài lòng (HL) tác động tích cực đến Niềm tin (NT) và Lòng trung thành (TT) và (3) nhân tố Niềm tin (NT) tác động tích cực đến Lòng trung thành (TT).

**Từ khoá**: Xử lý khiếu nại, Sự hài lòng, Niềm tin, Lòng trung thành

**200. Nghiên cứu tác động của chất lượng và giá trị dịch vụ, đến sự hài lòng của sinh viên tại một số trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội**/ Vũ Tuấn Dương, Nguyễn Thị Thanh Nhàn// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 105-116.

**Nội dung**: Xem xét tác động của các thành phần của chất lượng dịch vụ và giá trị dịch vụ tới sự hài lòng của sinh viên. Bằng Việc vận dụng một số thang đo chất lượng dịch vụ giáo dục như thang đo HEdPERE thang đo của Jain và cộng sự (2013). Bởi thang đo giá trị dịch vụ giáo dục thì thang LeBlanc và Nguyễn (1999) và thang đo giá trị của Sweeney và cộng sự (2001). Thông qua bộ dữ liệu sơ cấp từ 1068 sinh viên tại 3 trường đại học tư thục trên địa bàn Hà Nội bao gồm: Đại học Đại Nam, Đại học Thăng Long và Đại học Phương Đông. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu đã kiểm chứng mối quan hệ giữa 3 nhóm yếu tố giá trị dịch vụ, chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của sinh viên đồng thời đánh giá mức độ tác động của hai yếu tố chất lượng và giá trị dịch vụ tới sự hài lòng. Giá trị dịch vụ có mức độ tác động cao hơn chất lượng dịch vụ và có xu hướng tăng dần mức độ tác động theo thời gian sử dụng dịch vụ do trường đại học cung cấp.

**Từ khoá**: Dịch vụ, Giá trị, Chất lượng, Sự hài lòng, Sinh viên, Trường Đại học tư thục

**201. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới**/ GS. TS. Nguyễn Việt Bắc// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Trình bày Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới” (KC.02/16-20). Chương trình đã tạo ra nhiều quy trình công nghệ tiên tiến, vật liệu, thiết bị mới với chi phí thấp, đóng góp cho sự phát triển của lĩnh vực KH&CN vật liệu trong nước, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh cho các sản phẩm, góp phần tạo thêm việc làm, tăng doanh thu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. Các quy trình công nghệ tiên tiến, các loại vật liệu, thiết bị khoa học mới được tạo ra với chi phí thấp là nền tảng để nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống người dân.

**Từ khóa**: Công nghệ vật liệu mới, ứng dụng công nghệ, KH&CN

**202. Nghiên cứu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong ngành Hàng không**/ Hoàng Anh Thư, Phan Thanh Hải// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 86-89.

**Nội dung**: Nghiên cứu này là kết quả khảo cứu các công trình khoa học về đề tài ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến hành vi của khách hàng, tập trung vào hình ảnh doanh nghiệp và lòng trung thành của khách hàng trong ngành Hàng không. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong ngành Hàng không được tiếp cận theo ba quan điểm: Mô hình kim tự tháp của Carroll, phát triển bền vững và lý thuyết các bên hữu quan. Qua đó, nhóm tác giả đề xuất hướng nghiên cứu theo quan điểm phát triển bền vững bổ sung thêm thành phần trách nhiệm hoạt động an toàn cần được thực hiện để nghiên cứu cho ngành Hàng không Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, lòng trung thành khách hàng, ngành hàng không

**203. Nghiên cứu ý định sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến của giới trẻ Hà Nội trong thời kỳ dịch COVID-19**/ Phạm Đức Anh, Trần Thu Hà, Trần Hương Thảo, Nguyễn Thùy Linh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 69-95.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm kiểm định các nhân tố tác động tới hành vi sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến của giới trẻ tại Hà Nội trong bối cảnh dịch COVID-19. Dựa trên dữ liệu 270 phiếu khảo sát được thu thập từ các trường đại học khối ngành kinh tế và trường trung học phổ thông, kết quả thực nghiệm mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) cho thấy có 6 nhân tố tác động tới ý định hành vi của người sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến, cụ thể: (1) Các nhân tố: Sự tiện lợi, kiểm soát thông tin, chăm sóc khách hàng ảnh hưởng tích cực tới sự hài lòng của khách hàng; (2) các nhân tố: Tính hữu ích, chất lượng đồ ăn, và sự hài lòng của khách hàng có vai trò thúc đẩy ý định sử dụng dịch vụ của người tiêu dùng. Từ kết quả phân tích, bài viết đề xuất các khuyến nghị nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ đối với các bên cung cấp dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến, cung cấp thực phẩm (nhà hàng), và công ty giao hàng để tiếp cận tốt hơn khách hàng trẻ trong bối cảnh đại dịch.

**Từ khoá**: Covid-19; giao đồ ăn trực tuyến; giới trẻ; mô hình cấu trúc tuyến tính

**204. Nghiên cứu xây dựng hệ thống tính toán hiệu năng cao phục vụ triển khai các bài toán trong Ðại học thông minh**/ Trương Việt Phương, Nguyễn Quốc Hùng, Lê Thạnh, Võ Hà Quang Định// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 53-65.

**Nội dung**: Chuyển đổi số trong giáo dục là một chủ đề đang thu hút được nhiều sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong thời gian gần đây. Công việc này giúp cho việc tin học hóa toàn bộ quá trình quản lý giáo dục, đánh giá chất lượng dịch vụ đào tạo trở lên thuận lợi. Mặt khác nhằm nâng cao hiệu quả trong dạy và học, đặc biệt là việc giảng dạy trực tuyến. Đây cũng là tiền đề hướng đến một hệ sinh thái thông minh kết hợp giữa công nghệ với các dịch vụ đào tạo dựa trên nền tảng số, trong đó bài toán xây dựng đại học thông minh là một giải pháp khả thi được các cơ sở đào tạo định hướng xây dựng. Để thực hiện được các công việc đó cần có một hạ tầng công nghệ thông tin đủ mạnh, đủ thông minh và đủ độ tin cậy nhằm giải quyết các bài toán, trong đó việc xây dựng hệ thống tính toán hiệu năng cao HPC (High-Performance Computing) nhằm tạo ra nền móng để triển khai các bài toán có nhu cầu xử lý tính toán lớn. Tuy nhiên, tại một số cơ sở đào tạo ở Việt Nam việc đầu tư kinh phí xây dựng và duy trì một hệ thống đó gặp nhiều khó khăn về kinh phí, con người, hạ tầng …Để giải quyết vấn đề đó, bài báo này trình bày một giải pháp xây dựng một hệ thống tính toán hiệu năng cao dựa trên các tài nguyên sẵn có sử dụng công nghệ ảo hóa Docker nhằm huy động sức mạnh tính huy động sức mạnh tính toán từ các nền tảng phần cứng chưa sử dụng hết. Đề xuất này này làm cơ cở khi triển khai các bài toán trong đại học thông minh.

**Từ khoá**: Tính toán hiệu năng cao; Xử lý cụm máy tính; Công nghệ Docker; Đại học thông minh

**205. Nghiên cứu xây dựng mô hình đại học thông minh cho hoạt động quản lý đào tạo tại các trường đại học khối ngành kinh tế ở Việt Nam**/ Trương Việt Phương, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Tiến Đạt// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 65-82.

**Nội dung**: Thông qua việc phân tích các nghiên cứu về mô hình Đại học thông minh, các mức độ thông minh của Đại học thông minh, và dựa trên lý thuyết nền tảng trong lĩnh vực Hệ thống thông tin về các thành phần của hệ thống thông tin, nhóm tác giả đề xuất Mô hình Đại học thông minh: Hệ thống thông tin – Cấp độ thông minh, bao gồm 5 thành phần cơ bản hướng tới 5 cấp độ thông minh khác nhau. Bên cạnh đó, nhóm tác giả đã đề xuất cách thức lập bảng đánh giá mức độ thông minh của các chi tiết thành phần Đại học thông minh. Ngoài ra, nhóm tác giả cũng đã đưa ra việc áp dụng mô hình đề xuất cho hoạt động quản lý đào tạo của trường Đại học khối ngành kinh tế ở Việt Nam. Kết quả này minh chứng cho tính khả thi khi phát triển toàn diện mô hình đại học thông minh trong các trường Đại học khối ngành kinh tế trong tương lai.

**Từ khoá**: Đại học thông minh; Mô hình Đại học thông minh; Hệ thống thông tin; Thành phần đại học thông minh; Cấp độ thông minh

**206. Nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ bền vững ở Việt Nam/**Vũ Thị Vinh, Hoàng Phương Anh// Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 59 – 62

**Nội dung:** Bài viết phân tích những bất cập về nguồn nhân lực của ngành công nghiệp hỗ trợ và đề xuất một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ bền vững.

**Từ khóa:** Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển công nghiệp hỗ trợ

**207. Nhà nước với việc xây dựng và tổ chức thực thi hệ thống chính sách pháp luật về an sinh xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020: Thực trạng và vấn đề**/ Vương Phương Hoa// Kinh tế và Phát triển .- 2021 .- Số 292 .- Tr. 12-18.

**Nội dung**: Trên cơ sở khái quát thực trạng xây dựng và tổ chức thực thi hệ thống chính sách pháp luật về an sinh xã hội theo các chức năng cơ bản của nó là phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro và khắc phục rủi ro trong những năm 2011-2020, bài viết chỉ ra những kết quả và tác động của việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực thi hệ thống chính sách pháp luật đến việc thực hiện các mục tiêu theo chức năng của hệ thống an sinh xã hội. Đồng thời, bài viết nhấn mạnh những vấn đề đang đặt ra nhằm tăng cường vai trò nhà nước trong việc xây dựng và tổ chức thực thi hệ thống chính sách an sinh xã hội hiện nay như: cần khắc phục sự chậm trễ trong ban hành một số văn bản hướng dẫn thi hành chính sách pháp luật về an sinh xã hội; khắc phục sự trùng chéo hoặc chưa phù hợp với điều kiện cụ thể của một số văn bản chính sách; tăng cường tính bền vững của chính sách bảo hiểm xã hội; đảm bảo các nguồn lực thực hiện các mục tiêu chính sách, cũng như khắc phục những hạn chế trong tổ chức thực thi hệ thống chính sách pháp luật về an sinh xã hội ở nước ta.

**Từ khoá**: Xây dựng và tổ chức thực thi chính sách, an sinh xã hội, vai trò nhà nước

**208. Nhà quản lý thiếu kiên nhẫn và những ảnh hưởng đến hoạt động vay nợ của doanh nghiệp**/Kim Hương Trang//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 518 .- Tr. 112 – 120

**Nội dung:** Bài viết đánh giá các loại hình ưu đãi của Nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại Việt Nam bằng phương pháp phân tích định tính sử dụng công cụ phỏng vấn sâu bán cấu trúc thực hiện với mười lăm doanh nghiệp tại Hà Hội.

**Từ khóa:** Thiếu kiên nhẫn, thiên lệch hiện tại, hoạt động vay nợ, doanh nghiệp

**209. Nhân tố ảnh hưởng đến ý định tái mua sắm trực tuyến qua kênh thương mại điện tử Shopee**/ Trà Thị Thảo// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 100-103.

**Nội dung**: Kết quả nghiên cứu chỉ ra 4 nhân tố tác động đến ý định tái mua sắm trực tuyến tại kênh Shopee như sau: (1) Chất lượng sản phẩm; (2) Chất lượng dịch vụ; (3) Rủi ro cảm nhận và (4) Thương hiệu. Các kết luận và giải pháp được tác giả đề xuất nhằm góp phần nâng cao ý định tái mua sắm trực tuyến của khách hàng tại kênh thương mại điện tử Shopee và làm nguồn tham khảo cho các kênh thương mại điện tử khác.

**Từ khoá**: Thương mại điện tử, khách hàng, ý định tái mua sắm, Shopee

**210. Nhân tố tác động đến sự suy yếu tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** Nguyễn Thị Mỹ Linh, Trần Thị Phương Thanh// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 64-70.

**Nội dung**: Bài viết phân tích tác động của các yếu tố nội tại ngân hàng và điều kiện kinh tế vĩ mô đến sự suy yếu tài chính khu vực ngân hàng thông qua chỉ số đo lường rủi ro vỡ nợ ngân hàng Z-score từ dữ liệu khảo sát của 19 ngân hàng tại Việt Nam giai đoạn 2007 – 2019 với phương pháp ước lượng GMM sai phân. Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố quy mô ngân hàng (SIZE) và lạm phát (INF) có tác động tiêu cực, làm tăng sự suy yếu trong khi yếu tố rủi ro (LIQ) và chất lượng quy định (REQ) lại có ảnh hưởng tích cực, làm giảm tính dễ suy yếu và tổn thương của ngân hàng. Từ đó, tác giả đưa ra hàm ý chính sách nhằm giảm khả năng suy yếu tài chính, góp phần thúc đẩy ổn định tài chính tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Suy yếu tài chính, Z-score, GMM

**211. Nhân tố tác động tới định mức và thực hiện định mức lao động của giáo viên**/Nguyễn Xuân Điền//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 43 - 46.

**Nội dung:** Bài viết nhận dạng những nhân tố tác động tới định mức và việc thực hiện định mức lao động của giáo viên các trường trung học phổ thông. Các nhân tố tác động tới định mức và việc thực hiện định mức lao động của giáo viên thể hiện ở các mặt: năng lực và phẩm chất của giáo viên, trình độ học sinh, chương trình, điều kiện giảng dạy, sĩ số lớp và việc duy trì sĩ số, đặc thù môn học, sức ép xã hội, cơ chế quản lý nội bộ và quản lý nhà nước trong trường. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm xây dựng các định mức và việc thực hiện định mức lao động cho giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

**Từ khóa:** Nhân tố, định mức, định mức lao động, chương trình giáo dục phổ thông mới

**212. Nhận biết thương hiệu siêu thị điện máy Việt Nam tại Hà Nội: Thực trạng và giải pháp**/ Đào Thị Minh Thanh, Phạm Đào Thùy Linh, Đinh Thúy Hạnh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 76-79.

**Nội dung**: Nghiên cứu làm rõ các nội dung như bản chất của nhận biết thương hiệu, thực trạng nhận biết thương hiệu của các siêu thị điện máy Việt Nam trên địa bàn Hà Nội và gợi ý về giải pháp.

**Từ khóa**: thương hiệu, nhận biết thương hiệu

**213. Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng niêm yết tại Việt Nam**/ Nghiêm Thị Thà, Phạm Duy Khánh// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 53-56.

**Nội dung**: Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, vai trò của doanh nghiệp xây dựng nói chung, doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng trong việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở vật chất cho các đơn vị của nền kinh tế là không thể thiếu. Tăng hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng sẽ góp phần tiết kiệm chi phí xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị trong nền kinh tế. Tìm giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng là chủ đề được nhiều chủ thể quản lý quan tâm. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng, đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng niêm yết tại Việt Nam trong thời gian tới là vấn đề tác giả đề cập, trao đổi cụ thể trong bài viết.

**Từ khoá**: Hiệu quả sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, vật liệu xây dựng, hiệu quả tài chính

**214. Nhận diện hình ảnh và tính cách thương hiệu vùng liên kết du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long**/ Võ Thị Ngọc Thúy, Lê Cát Vi, Phùng Thanh Bình, Phạm Tấn Nhật// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 5-24.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm xác định hình ảnh và tính cách thương hiệu của điểm đến du lịch vùng liên kết TP. Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu thực hiện nhiều phương pháp như: Thu thập, phân tích thông tin thứ cấp, phương pháp chuyên gia, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp thu thập thông tin bằng phiếu khảo sát, phương pháp khảo sát thực địa và phương pháp lắng nghe khách hàng. Thông qua đó, đề tài đã khám phá được hình ảnh thương hiệu chung của vùng liên kết như sông nước, thuyền/ ghe chở sản vật gắn với các hình ảnh biểu tượng của TP. Hồ Chí Minh; đồng thời, xác định được tính cách thương hiệu đặc trưng của vùng liên kết như: Sự thân thiện, ngọt ngào, an toàn nhưng vẫn rất trẻ trung, sống động, nhiều sắc màu và luôn hướng về tương lai. Ngoài ra, nghiên cứu này đã thảo luận các đóng góp về mặt lý luận và ứng dụng nhằm thúc đẩy mối liên kết vùng về du lịch giữa TP. Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khoá**: Hình ảnh thương hiệu; Tính cách thương hiệu; Liên kết vùng; TP. Hồ Chí Minh; Đồng bằng sông Cửu Long

**215. Nhận diện một số tiềm năng vốn tự nhiên cho phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh**/ Nguyễn Thị Bích Nguyệt// Nghiên cứu địa lý nhân văn .- 2021 .- Số 4(35) .- Tr.72-80.

**Nội dung**: Hà Tĩnh nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ là địa bàn chiến lược đặc biệt, có ý nghĩa và lợi thế quan trọng trong việc mở rộng giao lưu kinh tế. Ngoài ra, tỉnh có nhiều lợi thế về vốn tự nhiên như tài nguyên đất,nước,rừng, biển...phục vụ cho phát triển nông nghiệp.Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển kinh tế -xã hội của tỉnh còn những hạn chế, chủ yếu tập trung khai thác tiềm năng đất đai, chưa tương xứng với tiềm năng vốn tự nhiên. Vì vậy, cần có những giải pháp phát huy giá trị của vốn tự nhiên có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nông nghiệp của tỉnh.

**Từ khoá**: Vốn tự nhiên, phát triển nông nghiệp, biến đổi khí hậu, Hà Tĩnh

**216. Nhận diện vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu**/ Nguyễn Việt Khôi, Shashi Kant Chaudhary// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 35-43.

**Nội dung**: Nghiên cứu tiếp cận hai khía cạnh quan trọng nhất của chuỗi giá trị toàn cầu là sự tham gia của quốc gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và xác định vị trí của quốc gia đó trong chuỗi, để xác định vị trí của các ngành công nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Từ đó đưa ra các khuyến nghị phù hợp giúp Việt Nam tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng như tham gia vào những khâu có giá trị tăng hơn trong chuỗi.

**Từ khoá**: chuỗi giá trị toàn cầu, vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu, sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, Việt Nam

**217. Nhận thức đạo đức, tách rời đạo đức và ý định tiêu dùng sản phẩm vi phạm bản quyền: Tác động điều tiết của khuynh hướng đạo đức**/ Nguyễn Hữu Khôi, Lê Nhật Hạnh// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 73-82.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét vai trò của nhận thức đạo đức và cơ chế tách rời đạo đức đến ý định tiêu dùng sản phẩm số vi phạm bản quyền. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng xem xét vai trò điều tiết của khuynh hướng đạo đức hình thức trong mối quan hệ giữa nhận thực đạo đức và ý định vi phạm bản quyền số. Kết quả phân tích dữ liệu trên mẫu gồm 303 người tiêu dùng cho thấy các giả thuyết đều được ủng hộ. Vì vậy, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý lý luận và quản trị giúp giảm thiểu tình trạng vi phạm bản quyền số.

**Từ khoá**: Nhận thức đạo đức, tách rời đạo đức, ý định hành vi, sản phẩm số vi phạm bản quyền, khuynh hướng đạo đức

**218. Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm hợp kênh OMNICHANNEL của người tiêu dùng trên địa bàn thành phố Hà Nội**/ Vũ Thị Kim Chi, Tô Xuân Cường, Phạm Minh Ánh, Bùi Minh Ngọc, Trần Bình Minh, Lê Thị Xuân Mai, Nguyễn Thị Khánh Linh// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 94-104.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi mua sắm hợp kênh Omnichannel trên địa bàn thành phố Hà Nội bằng phương pháp sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) trên phần mềm SPSS 20 và AMOS 20. Với kết quả khảo sát 433 khách hàng, đã xác định được 5 nhân tố ảnh hưởng và mức độ tác động của từng nhân tố đến ý định sử dụng mô hình Omnichannel. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ có ý nghĩa giữa các nhân tố gồm cảm nhận sự hữu ích, cảm nhận sự tương thích, cảm nhận chi phí và cảm nhận rủi ro đối với ý định sử dụng mô hình Omnichannel. Từ đó, bài viết đưa ra những khuyến nghị cho việc áp dụng mô hình mua sắm hợp kênh của các doanh nghiệp bán lẻ Việt Nam từ góc độ khách hàng.

**Từ khoá**: Omnichannel, hành vi người tiêu dùng, cảm nhận sự hữu ích, cảm nhận sự tương thích, cảm nhận rủi ro, bán lẻ

**219. Những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng quan hệ giữa người tiêu dùng với công ty : kết quả kiểm định PLS-SEM và mạng nơ-ron nhân tạo**/ Nguyễn Nhan Như Ngọc// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 9 .- Tr. 43-77.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định các nhân tố chính ảnh hưởng đến chất lượng quan hệ giữa người tiêu dùng với công ty. Điểm mới của nghiên cứu thể hiện qua việc (1) tích hợp trách nhiệm xã hội, giá trị khách hàng, và công bằng giá vào mô hình giải thích sự biến thiên của chất lượng quan hệ trên quan điểm của người tiêu dùng, (2) đề xuất giá trị đạo đức là một loại giá trị khách hàng trong bối cảnh tiêu dùng liên quan đến trách nhiệm xã hội, (3) sử dụng phương pháp đa phân tích nhằm đánh giá chính xác quan hệ phức tạp giữa các biến trong mô hình nghiên cứu. Kết quả phân tích PLS-SEM cho thấy mô hình phù hợp tốt với dữ liệu nghiên cứu, đồng thời khám phá vai trò quan trọng nhất của giá trị khách hàng đối với chất lượng quan hệ, kế đến là trách nhiệm xã hội và công bằng giá. Phân tích mạng nơ-ron nhân tạo góp phần khẳng định kết quả của PLS-SEM.

**Từ khoá**: Chất lượng quan hệ, trách nhiệm xã hội, giá trị khách hàng, công bằng giá, PLS-SEM, mạng nơ-ron nhân tạo ANN

**220. Những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Xuân Điền, Nguyễn Huy Khánh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 91-96.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay, đồng thời nêu kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực của một số nước trên thế giới từ đó rút ra một số bài học cho Việt Nam.

**Từ khóa**: nguồn nhân lực, sản xuất kinh doanh, hội nhập quốc tế

**221. Những nhân tố định hướng sự chấp nhận sử dụng thanh toán số tại Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Anh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện để xác định những nhân tố quyết định định hướng người tiêu dùng Việt Nam có ý định chấp nhận sử dụng thanh toán số và đưa ra một mô hình nghiên cứu tổng quan nhằm xem xét tác động của các nhân tố: hữu ích, chi phí, khả năng sử dụng, thái độ, tính di động dễ dẫn đến mối quan hệ giữa thanh toán số và chấp nhận của khách hàng Việt Nam.

**Từ khoá**: chuyển đổi kỹ thuật số, fintech, thanh toán kỹ thuật số, áp dụng, phương thức thanh toán

**222. Những nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng ví điện tử (VĐT) của khách hàng tại Việt Nam**/Nguyễn Bảo Ngọc, Trần Nhật Thùy, Nguyễn Thị Thu Trang//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 31 - 34.

**Nội dung:** Mô hình chấp nhậ công nghệ (TAM) được sử dụng trong nghiên cứu này và các thang đo kế thừa từ các nghiên cứu trước đây dùng để xác định những nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng VĐT. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua điều tra khảo sát thu về 299 phiếu hỏi có giá trị. Dữ liệu được dựa vào phần mềm SPSS 23.0 phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy 4/5 nhân tố tác động đến ý định sử dụng VĐT. **Từ khóa:** Mô hình chấp nhận công nghệ, tin cậy cảm nhận, cảm nhận rủi ro, ý định sử dụng

**223. Những thay đổi hoạt động kinh doanh trong giai đoạn chuyển đổi số/** Trần Đức Hiệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 95 - 97.

**Nội dung:** Chuyển đổi kỹ thuật số và các mô hình kinh doanh sáng tạo mới đã làm thay đổi cơ bản về hành vi và kỳ vọng của người tiêu dùng, tác động mạnh mẽ tới các hình thức kinh doanh truyền thống và phá vỡ nhiều loại thị trường. Người tiêu dùng có thể truy cập vào hàng chục kênh truyền thông, chủ động và dễ dàng tương tác với các doanh nghiệp và người tiêu dùng khác, đồng thời làm tăng số lượng điểm tiếp xúc khi tìm kiếm các loại hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, trong số đó chủ yếu là thông qua kỹ thuật số.Ở cấp độ doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp kinh doanh truyền thống đã mất khả năng cạnh tranh so với những doanh nghiệp sáng tạo dựa trên kỹ thuật số.

**Từ khóa:** Chuyển đổi kỹ thuật số, hoạt động kinh doanh

**224. Nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam thực trạng và giải pháp**/ Vũ Ngọc Anh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 68-72.

**Nội dung**: Tác giả phân tích bức tranh nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam để có cái nhìn tổng quan nhằm đưa ra một số giải pháp xử lý nợ xấu trên giác độ quản lý vĩ mô.

**Từ khóa**: nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu, ngân hàng thương mại

**225. Phản ứng chính sách của Hoa Kỳ và Singapore trước tác động của đại dịch COVID-19/** Lê Văn Phúc// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 80-85.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực đời sống của các quốc gia trên toàn thế giới. Ứng phó với tình trạng suy thoái toàn cầu, tăng trưởng âm, tỷ lệ thất nghiệp tăng nhanh... nhiều biện pháp giảm thiểu thiệt hại đối với tăng trưởng kinh tế đã được các quốc gia gấp rút thực hiện. Các gói kích thích kinh tế được chính phủ các nước liên tục đưa ra nhằm kích cầu, khuyến khích người dân tiêu dùng nhiều hơn. Nghiên cứu thực tiễn ứng phó của Hoa Kỳ và Singapore nhằm hạn chế tác động tiêu cực từ đại dịch COVID-19, bài viết đưa ra một số khuyến nghị và rút ra những kinh nghiệm thiết thực đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh tế quốc tế, chính sách tài khóa, tiền tệ, đại dịch Covid-19

**226. Phân tích thị trường bảo hiểm sức khỏe phi nhân thọ tại Việt Nam : thực trạng và xu hướng/**Trần Tiến Dũng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 13 - 15.

**Nội dung:** Bài nghiên cứu sử dụng các văn bản pháp luật Việt Nam quy định về bảo hiểm sức khỏe, các số liệu thống kế từ các nguồn tin cậy như Cục quản lý và giám sát bảo hiểm, World Bank, Tổng cục thống kê Việt Nam. Với các tài liệu này, tác giả tiến hành nghiên cứu tổng quan, phân tích thực trạng thị trường dựa trên bình diện về quan hệ cung cầu của thị trường bảo hiểm sức khỏe phi nhân thọ tại Việt Nam và xác định xu hướng của ngành bảo hiểm sức khỏe Việt Nam trong tương lai gần.

**Từ khóa:** Bảo hiểm sức khỏe, thị trường bảo hiểm, Việt Nam

**227. Phân tích tình hình tài chính của công ty cổ phần Bateco Việt Nam/** Dương Quốc Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 71 - 73.

**Nội dung:** Nâng cao hiệu quả kinh doanh là một trong những biện pháp cực kỳ quan trọng của các doanh nghiệp để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng cao một cách bền vững. Do vậy, phân tích hiệu quả kinh doanh là một nội dung cơ bản của phân tích tài chính nhằm góp phần cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển không ngừng. Mặt khác hiệu quả kinh doanh còn là chỉ tiêu đánh giá kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp, góp phần tăng thêm sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên thị trường.

**Từ khóa:** Hiệu quả kinh doanh, công ty cổ phần Bateco Việt Nam

**228. Phát huy vai trò của chính sách bảo hiểm thất nghiệp trong bối cảnh đại dịch COVID-19**/ Đào Duy Hiện// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 20-22.

**Nội dung**: Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, chính sách bảo hiểm xã hội nói chung và chính sách bảo hiểm thất nghiệp nói riêng đã phát huy vai trò tích cực trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, cũng như người sử dụng lao động. Có thể khẳng định, bảo hiểm thất nghiệp như chiếc phao cứu sinh cho người lao động và người sử dụng lao động trong hoàn cảnh khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra. Bài viết khái quát chính sách bảo hiểm thất nghiệp, phân tích vai trò, tính nhân văn của chính sách bảo hiểm thất nghiệp trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, chính sách bảo hiểm thất nghiệp, dịch Covid-19, người lao động

**229. Phát triển chuỗi cung ứng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hậu Covid-19**/ PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình// Ngân hàng .- 2021 .- Số 22 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Trình bày ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tới chuỗi cung ứng thương mại quốc tế; Tác động tới chuỗi cung ứng thương mại Việt Nam; Giải pháp phát triển chuỗi cung ứng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Phát triển chuỗi cung ứng thương mại, hậu Covid-19.

**230. Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp vùng Tây Nguyên : thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Phượng Lê, Nguyễn Mậu Dũng// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 106-116.

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ ra số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn khá khiêm tốn mặc dù Tây Nguyên được xác định là một trong các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá trọng điểm của cả nước.

**Từ khoá**: doanh nghiệp, nông nghiệp, phát triển, Tây Nguyên

**231. Phát triển dịch vụ logistics trên thế giới và Việt Nam**/ Nguyễn Khánh Ly// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 49-52.

**Nội dung**: Logistics là công cụ liên kết các hoạt động trong chuỗi giá trị toàn cầu và được doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đa quốc gia sử dụng khá phổ biến trong nền kinh tế số. Với các tiến bộ công nghệ, đặc biệt là việc mở cửa thị trường ở các nước đang phát triển, logistics được các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách kinh tế coi như là công cụ, phương tiện liên kết các lĩnh vực khác nhau trong chiến lược doanh nghiệp. Logistic tạo ra sự hữu dụng về thời gian và địa điểm cho các hoạt động của doanh nghiệp. Phát triển dịch vụ logistic hiệu quả sẽ góp phần tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

**Từ khoá**: Kinh tế biển, logistics, doanh nghiệp, kinh tế

**232. Phát triển du lịch thông minh dựa trên dự đoán ý định sử dụng ứng dụng di động du lịch: nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam**/ Lê Văn Huy, Trần Thị Thu Dung// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 83-92.

**Nội dung**: Cùng với sự phát triển của Internet, việc sử dụng ứng dụng di động trong du lịch (mobile apps) ngày càng tăng, hỗ trợ tốt cho du khách trước, trong và sau chuyến đi; nghiên cứu hành vi khách hàng sử dụng mobile apps đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trên thế giới; tuy nhiên, tại Việt Nam có rất ít nghiên cứu trong lĩnh vực này. Nghiên cứu nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định hành vi sử dụng mobile apps du lịch trên cơ sở vận dụng lý thuyết hợp nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ 2 (UTAUT2). Sau khi kiểm tra độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố khẳng định, phương pháp mô hình phương trình cấu trúc được áp dụng để phân tích dữ liệu. Dữ liệu từ cuộc khảo sát với 617 người trả lời chỉ ra rằng giá trị giá cả là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định sử dụng ứng dụng di động du lịch. Ngược lại, các điều kiện thuận lợi không ảnh hưởng đến ý định sử dụng và hành vi sử dụng của du khách.

**Từ khoá**: Ý định sử dụng, ứng dụng di động, mobile apps du lịch, hành vi sử dụng, UTAUT2

**233. Phát triển đội ngũ quản lý, lãnh đạo tại các doanh nghiệp Nhà nước: thu hút và trọng dụng nhân tài**/Vũ Tuấn Hưng, Nguyễn Xuân Bắc//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 3 - 10.

**Nội dung:** Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cấp quản lý, lãnh đạo chủ chốt trong các doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò vô cùng quan trọng, bảo đảm đội ngũ này có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trong giai đoạn cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, để phát triển kinh tế trong doanh nghiệp nhà nước, cần phải có các chính sách, thu hút, trọng dụng nhân tài cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đây là điều kiện quan trọng để giúp kinh tế của nước ta sớm hoàn thành mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030 và trở thành nước công nghiệp hiện đại tầm nhìn đến năm 2045.

**Từ khóa:** Đội ngũ quản lý, lãnh đạo, doanh nghiệp Nhà nước, nhân tài

**234. Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa Việt Nam ở nước ngoài và vấn đề đặt ra cho giai đoạn tới**/ ThS. Lê Thị Thu Hương// Ngân hàng .- 2021 .- Số 24 .- Tr. 9-15.

**Nội dung**: Đánh giá về hoạt động phát triển hệ thống phân phối hàng hóa Việt Nam ra nước ngoài giai đoạn 2016-2020 và một số vấn đề đặt ra đối với hệ thống phân phối hàng hóa ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa, Việt Nam, nước ngoài

**235. Phát triển kinh tế số ở Việt Nam: những bước đi ban đầu và giải pháp**/ Hồ Quế Hậu// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 1-11.

**Nội dung**: Bài viết này nhằm mục tiêu hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, phân tích đánh giá thành tựu, hạn chế của những bước đi ban đầu phát triển kinh tế số và đề xuất một số giải pháp tiếp tục phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy kinh tế số ở Việt Nam đã có những thành tựu bước đầu trên 5 lĩnh vực: phát triển mạng Internet, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, thanh toán điện tử và kinh tế chia sẻ. Những lĩnh vực khác còn nhiều hạn chế do môi trường pháp luật chưa đồng bộ, nguồn nhân lực còn nhiều tồn tại, đầu tư công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa thỏa đáng. Bài viết cũng đề xuất một số giải pháp cho sự phát trển kinh tế số cho thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh tế số, chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0

**236. Phát triển mô hình chuỗi cửa hàng tiện lợi nhằm gia tăng lựa chọn mua của khách hàng trong xu hướng bán lẻ hiện đại**/Huỳnh Thị Thu Sương//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 35 - 44.

**Nội dung:** Bài viết đánh giá việc vận dụng và phát triển mô hình chuỗi bán lẻ để đo mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc lựa chọn các chuỗi cửa hàng tiện lợi tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc lựa chọn mua tại chuỗi cửa hàng tiện lợi có ảnh hưởng mạnh đến việc tồn tại và phát triển mô hình chuỗi hiện đại này; có 6 nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua qua mô hình chuỗi bán lẻ bao gồm: sự tiện lợi, hình ảnh thương hiệu, sản phẩm, giá cả, nhân viên phục vụ, truyền thông chiêu thị, trong đó nhân tố có tác động mạnh nhất đến hành vi lựa chọn chính là sự tiện lợi. Từ kết quả đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản trị.

**Từ khóa:** Mô hình chuỗi, chuỗi bán lẻ, chuỗi tiện lợi, Việt Nam

**237. Phát triển mô hình tư vấn học tập trong đào tạo trực tuyến dựa trên cộng đồng người học đa tiêu chí**/ Bùi Xuân Huy, Nguyễn An Tế, Trần Thị Song Minh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 45-64.

**Nội dung**: Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, hệ thống đào tạo trực tuyến (E-learning) ngày càng được nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu học tập mọi nơi, mọi lúc của người học. Hơn thế nữa, đại dịch Covid-19 dẫn đến việc tương tác trực tiếp trong hoạt động giảng dạy và học tập càng bị giới hạn do các hình thức dãn cách hoặc cách li xã hội. Đây là một ‘cú hích’ khiến cho nhu cầu nói trên ngày càng cấp thiết và sẽ không chấm dứt kể cả khi đại dịch kết thúc. Trong bối cảnh đó, bài báo đề xuất một mô hình tư vấn học tập trong đào tạo trực tuyến dựa trên cộng đồng người học đa tiêu chí nhằm mục đích cung cấp cho người học các kết quả tư vấn đa dạng như cách thức học tập, tài nguyên học tập, lựa chọn môn học, gợi ý nhóm học tập... phù hợp với đặc trưng của mình.

**Từ khoá**: E-Learning; Recommended System

**238. Phát triển nông nghiệp có thực sự cải thiện ô nhiễm môi trường ở Việt Nam**/ Cảnh Trí Hoàng, Nguyễn Huỳnh Mai Trâm// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 61-70.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích tác động của phát triển nông nghiệp, tiêu thụ năng lượng và đô thị hoá đối với chất lượng môi trường ở Việt Nam trong giai đoạn 1986-2018. Nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách giúp các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam trong việc hoạch định các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

**Từ khoá**: tăng trưởng kinh tế, phát triển nông nghiệp, khí thải CO2, tiêu thị năng lượng

**239. Phát triển nông nghiệp hữu cơ : kinh nghiệm của thế giới và bài học cho Việt Nam**/ Mai Lan Phương, Trần Nguyên Thành, Nguyễn Thị Minh Hiền, Nguyễn Thị Thu Phương// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 85-92.

**Nội dung**: Nghiên cứu tiến hành nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm từ những nền nông nghiệp hữu cơ hàng đầu, từ đó đưa ra những hướng đi đúng đắn cho nông nghiệp hữu cơ.

**Từ khoá**: phát triển nông nghiệp hữu cơ, bài học kinh nghiệm

**240. Phát triển nguồn nhân lực để đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp: định hướng tại Việt Nam/** Nguyễn Tuấn Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 118 - 120.

**Nội dung:** Năng lực sáng tạo quốc gia phụ thuộc phần lớn vào chất lượng giáo dục và đào tạo cho các nhà khoa học, kỹ nghệ và các nhà chuyên môn khác và nó cũng phụ thuộc vào mức độ bao phủ của hệ thống giáo dục. Giáo dục đại học mới là nền tảng để nguồn nhân lực có đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp thì Việt Nam lại bị đánh giá khá thấp. Điều này ảnh hưởng rất nhiều tới chất lượng nguồn lực trong các doanh nghiệp. Do đó, phát triển chất lượng nguồn nhân lực chính là một giải pháp quan trọng và cấp thiết để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Phát triển nguồn nhân lực, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp

**241. Phát triển thương mại điện tử ở nông thôn thông qua mô hình logistics hai chiều**/ Cao Cẩm Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 105-108.

**Nội dung**: Hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có nhiều tiềm năng phát triển ở khu vực nông thôn Việt Nam, đặc biệt, đại dịch COVID-19 lần thứ 4 đã đánh thức thương mại điện tử ở nông thôn. Tuy nhiên, để có thể tận dụng cơ hội phát triển, trong thời gian tới, cần đẩy mạnh thúc đẩy thương mại điện tử ở khu vực nông thôn thông qua mô hình logistics 2 chiều.

**Từ khoá**: Thương mại điện tử, mô hình logistics hai chiều, COVID-19

**242. Phát triển thương mại điện tử trong bối cảnh hiện nay**/ Lê Thanh Thủy// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Những năm gần đây, thương mại điện tử ngày càng phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt, từ năm 2020 đến nay, dù chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, thương mại điện tử vẫn tăng trưởng ấn tượng, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường tiềm năng nhất khu vực ASEAN. Tuy nhiên, song hành với những cơ hội phát triển thì thương mại điện tử ở Việt Nam cũng gặp không ít những thách thức, cần có giải pháp để bứt phá mạnh mẽ hơn nữa.

**Từ khoá**: Thương mại điện tử, kinh tế

**243. Phát triển tiếp thị web 3D trong thương mại điện tử - nghiên cứu điển hình tại showroom ô tô Trường Hải - chi nhánh thành phố Thái Nguyên**/ Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Duy Minh, Nguyễn Văn Huân/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 74-79.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá thực trạng và phân tích sự phù hợp về các mô hình tiếp thị trong xu thế hiện nay dựa trên dữ liệu của showroom. Qua đó đề xuất cách tiếp thị dựa trên web 3D ứng dụng trong thương mại điện tử vào hỗ trợ mô hình hoá các sản phẩm của doanh nghiệp, kiến nghị một số giải pháp cho việc nghiên cứu triển khai ứng dụng mô hình tiếp thị web 3D cho các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: công nghiệp 4.0, thương mại điện tử, mô hình tiếp thị web 3D

**244. Phát triển trồng rừng làm nguyên liệu chế biến gỗ tại khu vực Đông Nam Bộ**/ Vòng Thình Nam, Nguyễn Hoàng Anh Vũ// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 94-105.

**Nội dung**: Bài viết trình bày tình hình phát triển trồng rừng làm nguyên liệu chế biến gỗ tại khu vực Đông Nam Bộ. Kết quả phân tích là căn cứ quan trọng để đề xuất các giải pháp về quy hoạch trồng rừng, các giải pháp về chính sách hỗ trợ trồng rừng, các giải pháp về tổ chức sản xuất trồng rừng, các giải pháp về công tác tiêu thụ và các giải pháp bổ trợ khác.

**Từ khoá**: chính sách hỗ trợ trồng rừng, phát triển rừng, chính sách phát triển, ứng dụng khoa học trồng rừng

**245. Phân cấp quản lý nhà nước và vấn đề đặt ra ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Phúc// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 47-49.

Nội dung: Hoàn thiện công tác phân cấp quản lý nhà nước được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong những năm tới. Để thực hiện thành công nhiệm vụ này, cần đánh giá tổng quan thực trạng phân cấp quản lý nhà nước hiện nay, nhận diện rõ những thách thức, tham khảo các mô hình phân cấp quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức công tác đánh giá các phương án phân cấp quản lý, trên cơ sở đó lựa chọn phương án thích hợp, thực hiện nhất quán và triệt để.

**Từ khoá**: Phân cấp quản lý, quản lý nhà nước, cái cách hành chính

**246. Phân tích các nhân tố tác động tới việc sử dụng dịch vụ y tế của người dân vùng Trung du và miền núi phía Bắc**/ Nguyễn Thị Tuyết// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 93-102.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích các nhân tố tác động tới việc sử dụng dịch vụ y tế của người dân vùng trung du và miền núi phía Bắc dựa trên dữ liệu khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2016. Nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị chính sách tới Nhà nước và các ban, ngành liên quan.

**Từ khoá**: dịch vụ y tế, vùng trung du và miền núi phía Bắc, bảo hiểm y tế

**247. Phân tích cầu tiêu dùng đồ uống có cồn tại Việt Nam**/ Phạm Thành Thái, Nguyễn Văn Huy// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 1 .- Tr. 53-70.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các độ co giãn của cầu cho các sản phẩm đồ uống có cồn tại Việt Nam theo các yếu tố ảnh hưởng đến nó. Nghiên cứu sử dụng hàm cầu hệ thống AIDS với bộ dữ liệu về khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 2018. Hàm cầu AIDS được ước lượng bằng phương pháp SUR (Seemingly Unrelated Regression). Kết quả nghiên cứu cho thấy cầu tiêu dùng rượu bia khá nhạy cảm với giá bán, các mặt hàng này không phải là các mặt hàng xa xỉ, và chúng là các sản phẩm thay thế cho nhau. Ngoài ra, rượu nhẹ là sản phẩm được tiêu dùng chủ yếu ở khu vực thành thị và các hộ gia đình có thu nhập cao, trong khi rượu mạnh chủ yếu được tiêu thụ ở nông thôn. Để hạn chế tiêu dùng rượu bia, chính sách tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt nên được áp dụng.

**Từ khoá**: Cầu tiêu dùng; đồ uống có cồn; hàm cầu AIDS; Việt Nam

**248. Phân tích hiện trạng hạ tầng cung cấp điện cho các doanh nghiệp tại khu vực đồng bằng sông Hồng**/ Hà Thị Thư Trang, Phạm Thị Thanh Hồng// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng chất lượng cung cấp điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng. Nghiên cứu tập trung vào đánh giá tính ổn định đáng tin cậy của dịch vụ cung cấp điện và ước tính mức độ tổn thất trên tỷ lệ doanh thu thuần của các doanh nghiệp do các sự cố mất điện hàng năm.

**Từ khoá**: hiệu quả hoạt động sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở hạ tầng, hạ tầng cung cấp điện, năng lượng

**249. Phân tích một số nhân tố tác động đến năng suất lao động tại Việt Nam**/ Võ Thị Vân Khánh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 09-14.

**Nội dung**: Nghiên cứu đã chỉ ra được các biện pháp kiểm soát thâm hụt ngân sách nhà nước như vay nước ngoài, tăng thu trong nước, cơ cấu lại chi ngân sách một cách hợp lý đã giúp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Đồng thời, những hạn chế về nợ công, về quản lý thu chi ngân sách nhà nước cũng đã được phân tích và từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục.

**Từ khoá**: năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế, trình độ khoa học công nghệ, trình độ nhân lực, mức độ hội nhập kinh tế

**250. Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng thực hành nông nghiệp trong canh tác lúa của nông hộ ở một số tỉnh ở Việt Nam**/ Nguyễn Đức Kiên// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 83-93.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích nhân tố tác động đến lựa chọn áp dụng thực hành nông nghiệp của hộ trồng lúa bằng cách sử dụng bộ dữ liệu bảng ở các tỉnh được lựa chọn. Chiến lược ước lượng hai giai đoạn được phát triển để đánh giá quyết định lựa chọn và mức độ áp dụng bốn thực hành nông nghiệp qua thời gian, đồng thời cho phép sự tác động qua lại giữa các quyết định đó trong mỗi nông hộ. Chúng tôi nhận thấy sự gia tăng rõ ràng và liên tục theo thời gian về sử dụng giống mới và cơ giới hóa, trong khi sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu cho thấy xu hướng tăng trong quá khứ nhưng đã giảm đi phần nào trong những năm gần đây. Lựa chọn của nông dân về việc áp dụng bốn thực hành nông nghiệp nêu trên bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi quy mô trang trại, giá đầu vào và đầu ra, và điều kiện kinh tế xã hội vĩ mô như thu nhập bình quân từ sản xuất nông nghiệp và tỉ lệ dân số thành thị.

**Từ khoá**: Thay đổi thực hành nông nghiệp, ước lượng hai giai đoạn, dữ liệu bảng, Việt Nam

**251. Phân tích sự ảnh hưởng của đặc điểm video quảng cáo trực tuyến trên nền tảng Youtube lên sự bị xâm nhập của người xem dẫn đến hành động bấm bỏ qua hay xem tiếp**/ Đinh Tiên Minh, Nguyễn Đoàn Nam Hân, Bùi Thị Ngọc Huyền, Nguyễn Lê Hoài Phương, Võ Huỳnh Song Thi, Trần Cát Tường// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 96-119.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích tác động của các đặc điểm của quảng cáo trực tuyến trên nền tảng YouTube lên sự bị xâm nhập của người xem thông qua hành động bấm bỏ qua hay xem tiếp. Nghiên cứu này sử dụng phối hợp nguồn dữ liệu thứ cấp từ tổng quan các nghiên cứu và nguồn dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát. Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được áp dụng dựa trên mẫu gồm 434 quan sát được chọn theo kỹ thuật mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tính thông tin cung cấp và độ dài quảng cáo có mức độ ảnh hưởng thấp hoặc thậm chí là không ảnh hưởng đến sự bị xâm nhập của người xem, trong khi đó, các yếu tố như: Loại hình quảng cáo, sử dụng người nổi tiếng và tính liên quan của quảng cáo đều có ảnh hưởng cao đến người xem. Nghiên cứu này cũng cung cấp một số hàm ý quản trị thực tiễn nhằm giúp các doanh nghiệp nâng cao chất lượng quảng cáo thông qua các yếu tố chủ yếu là loại hình quảng cáo, sử dụng người nổi tiếng và tính liên quan để tăng sự hiệu quả của video quảng cáo YouTube. Ngoài ra, doanh nghiệp cần có sự nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của sự bị xâm nhập mà video quảng cáo trên YouTube ảnh hưởng đến hành động tiếp theo của người xem.

**Từ khoá**: Video quảng cáo; Sự bị xâm nhập; Bấm bỏ qua; Xem tiếp; Người xem; COVID-19

**252. Phân tích sự đóng góp của vốn nhân lực đến thu nhập và chênh lệch thu nhập theo yếu tố dân tộc tại đồng bằng sông Cửu Long**/ Phạm Duy Khánh, Huỳnh Trường Huy// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 24-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu này vận dụng lý thuyết vốn nhân lực của Mincer nhằm phân tích sự đóng góp của học vấn và kinh nghiệm đến thu nhập và chênh lệch thu nhập đối với 7.558 người lao động thuộc dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số tại đồng bằng sông Cửu Long, dựa vào Dữ liệu khảo sát mức sống dân cư năm 2018 của Tổng cục Thống kê Việt Nam. Phương pháp ước lượng tương quan theo phương trình thu nhập của Mincer và phân tích thành phần Oaxaca và Blinder được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả phân tích thống kê cho thấy tỷ lệ lao động dân tộc thiểu số chiếm gần 8% tổng số lao động toàn vùng và họ đối mặt với hạn chế về học vấn so với lao động dân tộc Kinh. Liên quan đến thu nhập, lao động dân tộc thiểu số chỉ nhận khoảng 80% (hoặc thấp hơn xấp xỉ 1 triệu đồng/tháng) so với mức thu nhập của lao động dân tộc Kinh trên thị trường lao động. Sự chênh lệch này một phần do ảnh hưởng của hạn chế về vốn nhân lực (chiếm 57%); trong khi đó, sự ảnh hưởng của vốn nhân lực đến chênh lệch thu nhập giữa lao động thành thị và nông thôn chỉ ở mức 22%. Xuất phát từ kết quả nghiên cứu, một vài hàm ý chính sách liên quan đến đầu tư về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học cho thanh thiếu niên dân tộc thiểu số cần được quan tâm nhằm cải thiện thu nhập và thu hẹp chênh lệch thu nhập trên thị trường lao động.

**Từ khoá**: Thu nhập, chênh lệch thu nhập, vốn nhân lực, dân tộc thiểu số

**253. Phân tích tác động của tâm lý sợ thua lỗ của các nhà quản lý đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**/ Kim Hương Trang// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 77-84.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa tâm lý sợ thua lỗ của các nhà quản lý và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua cuộc thực nghiệm trên mẫu nghiên cứu là 550 công ty dệt may Việt Nam trong năm 2019.

**Từ khoá**: nhà quản lý, tâm lý sợ thua lỗ, hoạt động của doanh nghiệp

**254. Phân tích thực nghiệm về nợ xấu tại các ngân hàng niêm yết tại Việt Nam**/ Đào Thị Thanh Bình, Phan Trịnh Thu Hương, Vũ Việt Dũng// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 24-34.

**Nội dung**: Xác định các yếu tố ảnh hưởng nợ xấu trong ngành ngân hàng tại Việt Nam, nghiên cứu thiết lập một mô hình định lượng có thể giải thích mức độ nợ xấu bằng cách sử dụng các yếu tố kinh tế vĩ mô và yếu tố đặc thù ngân hàng. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm giảm mức tăng nợ xấu và tránh khủng hoảng nợ xấu cho ngành ngân hàng Việt Nam.

**Từ khoá**: nợ xấu, kinh tế vi mô, ngân hàng

**255. Phân tích ý kiến khách hàng trong thương mại điện tử tiếp cận theo phương pháp học máy kết hợp kiểm định Bootstrap**/ Hồ Trung Thành, Trần Thị Ánh, Huỳnh Thanh Tuyền// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 11 .- Tr. 5-20.

**Nội dung**: Sự phát triển của thế hệ Web 2.0 đã tạo ra cơ hội tương tác giữa khách hàng và doanh nghiệp một cách dễ dàng hơn thông qua kênh thương mại điện tử. Khách hàng có thể phản hồi ý kiến bằng cách để lại những bình luận dạng văn bản là ngôn ngữ tự nhiên về sản phẩm hay dịch vụ mà họ trải nghiệm. Từ đó doanh nghiệp có thể quản lý và phân tích ý kiến để hiểu được những trải nghiệm khách hàng nhằm thu hút và giữ chân khách hàng được tốt hơn. Đây là cách tiếp cận quan trọng và hiệu quả để doanh nghiệp có thể tạo được lợi thế cạnh tranh. Trong bài báo này, chúng tôi tập trung vào đề xuất phương pháp phân tích ý kiến khách hàng dựa theo phương pháp xử lý ngôn ngữ tự nhiên kết hợp với phương pháp Bản đồ tự tổ chức (SOM) và K-Means. Bên cạnh đó, kỹ thuật kiểm định T với phương pháp Bootstrap được áp dụng để đánh giá kết quả nhằm lựa chọn phương pháp gom cụm phù hợp cho trường hợp dữ liệu là tập văn bản được thu thập từ những phản hồi của khách hàng trên trang thương mại điện từ Tiki.vn. Phương pháp đề xuất có độ chính xác cao và khả năng áp dụng vào phân tích trải nghiệm của khách hàng hiệu quả.

**Từ khoá**: SOM, K-Means, kiểm định Bootstrap, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, ý kiến khách hàng trực tuyến, thương mại điện tử

**256. Phân tích ý kiến khách hàng trực tuyến dựa theo phương pháp học máy**/ Bùi Minh Hiển, Nguyễn Thành Phát, Phạm Thị Thiên Hương, Nguyễn Thị Bảo Hương, Hồ Trung Thành// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 53-65

**Nội dung**: Phân tích cảm xúc hay khai phá ý kiến dựa trên những phản hồi của khách hàng trước, trong và sau mua sắm đóng vai trò rất quan trọng để doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp đối với từng sản phẩm, dịch vụ hay đối với từng phân khúc khách hàng. Thông qua việc khảo sát các mô hình phân tích và hiểu ý kiến khách hàng, bài báo trước hết tập trung vào đề xuất mô hình phân tích ý kiến khách hàng trực tuyến và thử nghiệm phương pháp với trường hợp cụ thể là tập dữ liệu được thu thập từ ứng dụng thương mại điện tử Lazada – một trong các sàn thương mại điện tử hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm đứng đầu thị trường. Tiếp theo, nhóm tác giả dựa vào phương pháp học máy có giám sát với hai thuật toán hồi quy Logistic và Random Forest để thực nghiệm mô hình, so sánh và đánh giá độ chính xác. Kết quả nghiên cứu hàm ý phương pháp phân tích và thấu hiểu trải nghiệm khách cho nhà quản lý để từ đó triển khai có cơ sở xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp hơn.

**Từ khoá**: Phân tích ý kiến khách hàng, thương mại điện tử, khách hàng trực tuyến, phân tích cảm xúc, học máy có giám sát

**257. Phục hồi kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 – Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách kinh tế vĩ mô cho Việt Nam**/ Nguyễn Tiến Dũng, Lê Việt An// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 10 .- Tr. 5-25.

**Nội dung**: Đại dịch COVID-19 đã gây ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng đối với hầu hết các quốc gia trên thế giới, buộc các quốc gia phải nhanh chóng đưa ra những giải pháp cấp bách theo kiểu vừa làm vừa sửa. Bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu tiến hành phân tích và hệ thống hóa các chính sách tài khóa và tiền tệ đã và đang được triển khai tại 15 quốc gia có xếp hạng cao nhất về khả năng chống chịu các ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch COVID-19, theo Ngân hàng đầu tư Châu Âu đánh giá. Cùng với đó, nghiên cứu cũng tiến hành phân tích thực trạng áp dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ của Việt Nam để làm căn cứ đưa ra các gợi ý chính sách cho Chính phủ Việt Nam. Cụ thể, về chính sách tài khóa, Chính phủ nên giải ngân chi tiêu công tập trung vào các dự án trọng điểm quốc gia, phát triển công nghệ và kinh tế xanh trong dài hạn; đồng thời cũng cần ưu tiên hỗ trợ tài chính cho các đối tượng, ngành nghề bị tổn thất nặng bởi đại dịch trong ngắn hạn. Về chính sách tiền tệ, trong ngắn hạn, Chính phủ có thể nới lỏng thêm các yêu cầu về quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại, đẩy nhanh việc triển khai các dịch vụ ngân hàng điện tử và phát triển FinTech trong dài hạn.

**Từ khoá**: Chính sách kinh tế vĩ mô; Chính sách tài khóa; Chính sách tiền tệ; Đại dịch Covid 19

**258. Phục hồi xanh do tác động của covid-19 trên thế giới cơ hội và thách thức đối với Việt Nam**/ Hoàng Thị Phương Lan, Hà Minh Tâm// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 77-85.

**Nội dung**: Dựa trên các kết quả nghiên cứu mang tính học thuật cao, phân tích thực tiễn xây dựng kế hoạch phục hồi xanh trên thế giới, tác giả phân tích, đánh giá các cơ hội, thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam khi xu hướng phục hồi xanh đang được thực thi rộng rãi trên thế giới.

**Từ khóa**: phục hồi xanh, năng lượng tái tạo, cac-bon thấp, covid-19

**259. Phương pháp học theo nhóm với môn kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên trong các trường đại học/** Phí Thị Thúy Nga// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 40 - 42.

**Nội dung:** Bài báo phân tích phương pháp học theo nhóm với môn kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên trong các trường đại học. Tác giả tìm hiểu và đánh giá những vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động giảng dạy môn kỹ năng mềm của các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Phương pháp học nhóm, kỹ năng làm việc

**260. Quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng**/ Nguyễn Việt Bắc// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Tài sản công trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng giữ vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của các nhà trường, học viện. Giá trị tài sản công tại các đơn vị này khá lớn, hầu hết được đầu tư từ ngân sách nhà nước, tuy nhiên, việc quản lý các tài sản này đến nay còn nhiều bất cập, dẫn đến hiệu quả sử dụng thấp. Trong bối cảnh đó, cần áp dụng nhiều giải pháp, trong đó nội dung về nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng tài sản công được coi là trọng tâm.

**Từ khoá**: Tài sản công, cơ sở giáo dục đại học, Bộ Quốc phòng

**261. Quản lý và sử dụng các quỹ BHXH, BHTN và BHYT ở Việt Nam**/ Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thanh Giang// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Đánh giá kết quả đạt được của quỹ BH trên các góc độ khác nhau; chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân; từ đó đưa ra một số khuyến nghị để khắc phục các bất cập hiện nay của quỹ BHXH, BHTN và BHYT.

**Từ khoá**: BHXH, BHTN, BHYT, kết quả hoạt động, hạn chế, nguyên nhân, đề xuất

**262. Quản trị điện tử : nghiên cứu trường hợp của Ấn Độ**/ Phạm Thủy Nguyên// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 8(105) .- Tr. 32-38.

**Nội dung**: Nghiên cứu nội dung, vai trò và thực trạng phát triển của quản trị điện tử của Ấn Độ, qua đó làm rõ đóng góp của việc ứng dụng quản trị điện tử đối với sự tiến bộ của các dịch vụ công trực tuyến.

**Từ khóa**: Quản trị điện tử, dịch vụ công trực tuyến, Ấn Độ, dịch vụ công

**263. Quản trị hiệu quả chiến lược trong các cấu trúc kinh doanh phức tạp**/ Nguyễn Bích Ngọc// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 15-17.

**Nội dung**: Bài viết này, nhằm mục đích làm sáng tỏ cấu trúc kinh doanh phức tạp và những lưu ý khi quản trị hiệu quả chiến lược tại những mô hình kinh doanh này.

**Từ khoá**: Quản trị hiệu quả chiến lược, cấu trúc kinh doanh phức tạp, tổ chức ảo, hợp tác

**264. Quản trị nhân sự tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay**/ Trương Thị Hoàng Lan// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 84-87.

**Nội dung**: Bài viết khái quát về nhân sự và quản trị nhân sự trong các ngân hàng thương mại, đánh giá thực tiễn tại Việt Nam trong thời gian qua thấy rằng quản trị nhân sự là một khía cạnh đáng quan tâm và đáng được các ngân hàng thương mại thay đổi tích cực mỗi ngày.

**Từ khóa**: quản trị nhân sự, ngân hàng thương mại

**265. Quản trị quốc gia tốt là tiền đề để quản trị khủng hoảng : Phân tích từ nỗ lực đối phó với đại dịch Covid-19 ở Việt Nam**/ Nguyễn Văn Quân, Vũ Công Giao// Nghiên cứu Lập pháp.- 2021 .- Số 19(443).- Tr.3 - 9.

**Nội dung:** Quản trị khủng hoảng là một phần quan trọng của quản trị quốc gia. Hiệu quả xử lý khủng hoảng phản ánh trình đội quản lý quốc gia của một chính quyền. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực, mọi ngóc ngách của xã hội và mọi cấp quản trị. Đại dịch đã làm nổi lên những thách thức đối với quản trị quốc gia ở mọi nước, nhưng cũng cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu để xử lý hiệu quả các cuộc khủng hoảng trong tương lai. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả sử dụng lý thuyết về quản trị nhà nước tốt để phân tích thành công và hạn chế của Việt Nam trong cuộc chiến chống lại Covid-19 kể từ đầu năm 2020 cho đến nay.

**Từ khoá:** Quản trị khủng hoảng, Covid-19

**266. Quản trị rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp ngành Xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Hoàng Thị Hồng Lê, Đỗ Thị Huyền, Phan Thùy Dương// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 50-55.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu sự ảnh hưởng của các yếu tố như: cơ cấu nợ, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, khả năng hoạt động, cơ cấu nguồn vốn đến quản trị rủi ro tài chính của các doanh nghiệp ngành Xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thông qua phân tích dữ liệu thu thập được từ 133 doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2009-2019 tác giả nhận thấy, những doanh nghiệp có khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, hiệu suất hoạt động, hệ số tự tài trợ cao, tỷ lệ đầu tư tài sản cố định tăng lên, thì sẽ ít đối diện với nguy cơ rủi ro tài chính.

**Từ khoá**: Quản trị rủi ro, rủi ro tài chính, doanh nghiệp xây dựng, niêm yết, thị trường chứng khoán Việt Nam

**267. Quản trị tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội**/ Nguyễn Việt Hà// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 121-123.

**Nội dung**: Thời gian qua, nhờ đẩy mạnh đổi mới công tác quản trị tài chính, việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội đạt nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn đổi mới quản trị tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội, bài viết đề xuất, khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản trị tài chính, thúc đẩy quá trình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản trị tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Y tế Hà Nội, doanh nghiệp

**268. Quản trị tiêu thụ sản phẩm dưới góc độ nghiên cứu của logistics/**Nguyễn Hưng//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 51 - 53.

**Nội dung:** Triết lý kinh doanh của sản xuất hàng hóa là sản phẩm được sản xuất ra để bán nhằm thu lợi nhuận. Do đó, tiêu thụ sản phẩm là một trong những nội dung quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp để thực hiện triết lý đó. Quá trình tiêu thụ sản phẩm gắn liền với thanh toán giữa người mua và người bán và sự chuyển quyền sở hữu hàng hóa. Thực tế cho thấy thích ứng với mỗi cơ chế quản lý kinh tế khác nhau, công tác tiêu thụ sản phẩm được thực hiện bằng các hình thức khác nhau.

**Từ khóa:** Tiêu thụ sản phẩm, sản xuất hàng hóa

**269. Quy định pháp luật về hạn chế rủi ro khi cung ứng dịch vụ ngân hàng trên internet**/ Danh Phạm Mỹ Duyên/ Ngân hàng .- 2021 .- Số 23 .- Tr. 16-20.

**Nội dung**: Bên cạnh những ưu điểm vượt trội như tiện lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí thấp thì hình thức cung ứng dịch vụ này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bài viết phân tích quy định pháp luật hiện hành nhằm hạn chế rủi ro khi cung cấp dịch vụ ngân hàng qua Internet.

**Từ khoá**: Hạn chế rủi ro, dịch vụ ngân hàng, Internet Bankinh

**270. Quy định về phòng vệ thương mại RCEP và lưu ý cho doanh nghiệp Việt Nam**/ Trần Thị Liên Hương// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Bài viết nhằm tìm hiểu những quy định về phòng vệ thương mại trong RCEP và đưa ra những lưu ý cho doanh nghiệp Việt Nam là giải pháp giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong các vụ kiện phòng vệ thương mại và có thể sử dụng những công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

**Từ khóa**: phòng vệ thương mại, RCEP, doanh nghiệp

**271. Quy trình quản trị bán hàng trong doanh nghiệp/**Nguyễn Văn Hải//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 54 - 56.

**Nội dung:** Bán hàng là một trong những yếu tố chính để tạo nên và giúp doanh nghiệp phát triển và tồn tại thông qua việc thông qua việc thỏa mãn nhu cầu khách hàng và tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp. Do đó vai trò của quản trị bán hàng càng trở nên quan trọng hơn với doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Quản trị bán hàng, doanh nghiệp

**272. Rào cản của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc áp dụng thương mại điện tử tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hay, Đặng Thái Bình// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 29-35.

**Nội dung**: Thông qua khảo sát 650 doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, bài viết tập trung phân tích và đánh giá các rào cản chính trong việc áp dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

**Từ khóa**: thương mại điện tử, doanh nghiệp vừa và nhỏ, rào cản, áp dụng

**273. Rủi ro địa chính trị và nguy cơ mất khả năng thanh toán : bằng chứng thực nghiệm từ các doanh nghiệp ở Đông Nam Á**/ Trần Phương Thảo, Lê Anh Tuấn// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 66-84.

**Nội dung**: Bài báo này xem xét ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đối với nguy cơ mất khả năng thanh toán của các doanh nghiệp ở 4 quốc gia thuộc khu vực ASEAN. Sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 13.587 quan sát từ năm 1995 đến năm 2018, chúng tôi thấy rằng rủi ro địa chính trị có mối quan hệ cùng chiều với nguy cơ mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu thì khá chắn chắn với nhiều phương pháp ước lượng như mô hình tác động cố định và mô hình hồi quy GMM. Phân tích sâu hơn cho thấy tác động của rủi ro địa chính trị đối với nguy cơ mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp nghiêm trọng hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất. Tuy nhiên, các công ty nắm giữ nhiều tiền mặt có thể giảm thiểu tác động tiêu cực này tốt hơn.

**Từ khoá**: Rủi ro địa chính trị; Nguy cơ mất khả năng thanh toán; Nắm giữ tiền mặt; Doanh nghiệp sản xuất

**274. Sắp xếp lại quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách - lý luận và thực trạng ở Việt Nam hiện nay**/ Phạm Thị Hoàng Phương// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 05-08.

**Nội dung**: Bài viết có mục tiêu nghiên cứu khái quát những vấn đề lý luận về sắp xếp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; thực trạng hệ thống các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, quỹ an sinh xã hội, quỹ khoa học công nghệ, quỹ bảo vệ môi trường

**275. Sử dụng công cụ định lượng phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới thu hút FDI ở Ấn Độ**/ Phạm Thành Công// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 79-84.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới thu hút FDI của Ấn Độ bằng kiểm định về đồng liên kết do Johansen phát triển và mô hình hiệu chỉnh sai số ECM.

**Từ khoá**: nhân tố ảnh hưởng, FDI, Ấn Độ

**276. Sự hoài nghi tuyên bố tốt cho sức khỏe ở người tiêu dùng trong ngành thực phẩm : các tiền tố và hệ quả**/ Nguyễn Hoàng Sinh, Luân Phúc Cường, Phùng Quốc Thăng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 23-43.

**Nội dung**: Tuyên bố tốt cho sức khỏe đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa người tiêu dùng và nhà sản xuất. Tuy vậy, đặc tính tín nhiệm của dạng tuyên bố này khiến người tiêu dùng nhìn nhận với sự hoài nghi nhất định. Mục tiêu nghiên cứu nhằm xác định và đo lường các tiền tố tác động đến sự hoài nghi đối với tuyên bố tốt cho sức khỏe ảnh hưởng hành vi người tiêu dùng trong ngành thực phẩm. Nghiên cứu khảo sát trực tuyến 512 người tiêu dùng Việt Nam, thông qua phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả cho thấy sự hoài nghi tuyên bố tốt cho sức khỏe chịu tác động từ bốn tiền tố của mô hình nghiên cứu. Trong đó, hai nhân tố thuộc đặc điểm tính cách: tính đa nghi và lòng tự trọng tiêu cực, hai nhân tố thuộc yếu tố tình huống: nhận thức an toàn thực phẩm và kiến thức thị trường. Mặc dù vậy, khác với kỳ vọng ban đầu, dữ liệu thống kê cho thấy kiến thức thị trường có tác động tiêu cực đến sự hoài nghi. Ngoài ra, ảnh hưởng của lòng tự trọng tích cực là không đáng kể. Kết quả cũng cho thấy mối quan hệ giữa sự hoài nghi và hành vi người tiêu dùng có sự liên kết.

**Từ khoá**: Sự hoài nghi; Tuyên bố tốt cho sức khỏe; Hành vi người tiêu dùng; Thực phẩm

**277. Sự khiếm nhã của khách hàng trong lĩnh vực nhà hàng - khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh : phân tích các tiền tố và kết quả**/ Ngô Quang Huân, Nguyễn Viết Bằng, Nguyễn Mỹ Phúc// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 5-21.

**Nội dung**: Cùng với sự phát triển ngày một lớn mạnh của thị trường nhà hàng, khách sạn tại Việt Nam nói chung và TP. Hồ Chí Minh nói riêng, các nhân viên tuyến đầu không những phải nỗ lực trong việc làm hài lòng khách hàng mà còn phải thường xuyên cố gắng kìm chế cảm xúc khi đối diện với các khách hàng thô lỗ, thiếu lịch sự. Dựa trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trước đây trên thế giới về sự khiếm nhã của khách hàng, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình các tiến tố và kết quả của hiện tượng này trong một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát 477 nhân viên tiếp xúc trực tiếp với khách hàng cũng như đang làm việc trong các nhà hàng và khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Hành vi khiếm nhã của khách hàng chịu tác động bởi: Định hướng dịch vụ, đào tạo/ kiến thức, và sự khiếm nhã của nhân viên; (2) hành vi khiếm nhã của khách hàng tác động đến sự kiệt quệ về mặt cảm xúc và năng lực thỏa mãn khách hàng; (3) sự kiệt quệ về mặt cảm xúc có tác động ngược chiều đến hiệu suất dịch vụ và năng lực thoả mãn khách hàng.

**Từ khoá**: Sự khiếm nhã, sự khiếm nhã của khách hàng sự kiệt quệ về mặt cảm xúc, năng lực thoã mãn khách hàng, hiệu suất dịch vụ, định hướng dịch vụ, đào tạo/kiến thức

**278. Sự phát triển của thị trường tài chính và thị trường chứng khoán lên tăng trưởng kinh tế nghiên cứu trường hợp tại các nước Asean6**/ Nguyễn Văn Chiến// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 86-90.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tại các nước Asean6 từ năm 2000 tới năm 2019, sử dụng dữ liệu bảng cân bằng, kết quả khẳng định sự phát triển của thị trường tài chính và thị trường chứng khoán không có mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế, nhưng tồn tại mối quan hệ ngược chiều giữa chi tiêu ngân sách và tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp để cải thiện tăng trưởng kinh tế tại Asean6.

**Từ khóa**: Asean6, chi ngân sách, chứng khoán, tài chính, tăng trưởng

**279. Sự sáng tạo thúc đẩy kết quả công việc được giao và hành vi đổi mới của nhân viên : vai trò điều tiết của trao quyền về mặt tâm lý**/ Võ Thành Đức, Trần Hà Minh Quân, Lâm Đình Thắng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 3 .- Tr. 5-21.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm tra mối liên hệ giữa sự sáng tạo tới kết quả công việc được giao và hành vi đổi mới ở cấp độ cá nhân. Đồng thời, nghiên cứu kiểm tra vai trò của trao quyền về mặt tâm lý trong hai mối quan hệ này. Kết quả phân tích dựa trên khảo sát do 430 nhân viên cho thấy kết quả công việc được giao đóng vai trò biến trung gian giữa sự sáng tạo và hành vi đổi mới. Đồng thời, trao quyền về mặt tâm lý là biến điều tiết trong mối quan hệ giữa sự sáng tạo và kết quả công việc được giao, và là biến điều tiết trong mối quan hệ giữa sự sáng tạo và hành vi đổi mới. Kết quả này đã đóng góp cho lý thuyết về sự sáng tạo và hành vi đổi mới bằng cách tìm ra yếu tố thúc đẩy mối quan hệ này, đó là trao quyền về mặt tâm lý.

**Từ khoá**: Sự sáng tạo, Trao quyền về mặt tâm lý, Hành vi đổi mới, Kết quả công việc được giao

**280. Sự tái hòa nhập công việc và ý định rời bỏ tổ chức của các giảng viên đi học nước ngoài trở về**/ Hồ Thị Thúy Nga, Lê Thị Mỹ Linh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 10 .- Tr. 5-21.

**Nội dung**: Mục tiêu của bài báo này là nghiên cứu sự tác động của các chính sách nhân sự hướng tới nâng cao kết quả hoạt động của tổ chức và môi trường làm việc đến sự tái thích nghi công việc và ý định rời bỏ tổ chức của các giảng viên sau khi đi du học trở về. Với cỡ mẫu gồm 242 giảng viên sau khi đi du học trở về, bài viết sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để kiểm định mối quan hệ trực tiếp và phương pháp của Baron và Kenny để kiểm định mối quan hệ trung gian trong mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy môi trường làm việc có tác động mạnh nhất, tiếp đến là chính sách sử dụng và phát triển năng lực nghề nghiệp có tác động yếu hơn, trong khi chính sách đãi ngộ động viên không có tác động đến sự tái hòa nhập và ý định rời bỏ tổ chức. Ngoài ra, sự tái hòa nhập công việc là biến trung gian trong mối quan hệ giữa ý định rời bỏ tổ chức với môi trường làm việc và với chính sách sử dụng và phát triển năng lực nghề nghiệp. Nghiên cứu này không chỉ đóng góp về mặt lý thuyết trong lĩnh vực quản trị nhân sự quốc tế mà còn có ý nghĩa thực tiễn đối với các trường đại học Việt Nam trong việc giúp các giảng viên sau khi trở về tái hòa nhập tốt công việc và giữ chân nguồn nhân lực quý giá này.

**Từ khoá**: Sự tái hòa nhập công việc, ý định rời bỏ tổ chức, giảng viên đi du học trở về, chính sách nhân sự, môi trường làm việc

**281. Sự thuận cả hai tay về bán hàng và dịch vụ của nhân viên kinh doanh trong ngành dược phẩm B2B/** Võ Thanh Hải// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 5-31

**Nội dung**: Nghiên cứu đã phát triển khung lý thuyết để khám phá hai thành phần của sự thuận cả hai tay (bán hàng và dịch vụ), gồm: (1) Hai nhóm biến tiền tố là: Động lực/ lý do để làm, và sở thích về thời gian của nhân viên; và (2) hai nhóm biến kết quả là: Kết quả công việc, và sự phản ứng trong vai trò. Đây là nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam về sự thuận cả hai tay. Phương pháp tiếp cận PLS-SEM được dùng để kiểm định mô hình nghiên cứu với dữ liệu khảo sát thu thập từ 302 nhân viên kinh doanh trong công ty dược phẩm B2B. Kết quả cho thấy sự tác động của động lực, niềm vui công việc và tính đa nhiệm đến sự thuận cả hai tay và kết quả tác động đến hiệu quả kinh doanh và sự sáng tạo của nhân viên. Các kết quả từ nghiên cứu sẽ là cơ sở để đưa ra hàm ý chính sách cho ban giám đốc công ty dược phẩm cũng như các gợi ý quản trị cho các nhà quản lý.

**Từ khoá**: Sự thuận cả hai tay; tính đa nhiệm; bán chéo/bán thêm; cung cấp dịch vụ; lý thuyết đặc điểm kích hoạt; lý thuyết tự điều chỉnh

**282. Tác động của các biện pháp kỹ thuật và vệ sinh dịch tễ đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường EU**/ Lê Thị Việt Nga, Doãn Nguyên Minh, Bùi Thị Thu// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường EU trong 5 năm gần đây đạt mức tăng trưởng trung bình hàng năm là -2,63%. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này trong những tháng cuối năm 2020 tăng dần, nhưng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả năm vẫn là -26,1%, đưa EU xuống vị trí thứ 4 về kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm giá trị xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU trong những năm gần đây, trong đó có nguyên nhân từ các biện pháp kỹ thuật và vệ sinh dịch tễ. Bài viết này sử dụng mô hình trọng lực với các số liệu cần thiết được thống kê bởi COMTRADE, WB, WTO trong giai đoạn 2000-2019 nhằm đánh giá tác động của các biện pháp kỹ thuật và vệ sinh dịch tễ đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, từ đó có thể đề xuất những giải pháp, kiến nghị để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy các biện pháp SPS của EU thực sự có tác động làm cản trở đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, trong khi các biện pháp TBT không có tác động cản trở đến xuất khẩu.

**Từ khoá**: Vệ sinh, Dịch tễ, Xuất khẩu, Thủy sản, Kỹ thuật, Tăng trưởng

**283. Tác động của các biện pháp phi thuế quan đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các nước Asean + 6**/Huỳnh Thị Diệu Linh//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 53 - 63.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các tác động của các biện pháp phi thế quan đến xuất khẩu hàng rau và trái cây của Việt Nam tới 15 đối tác còn lại trong Asean +6 trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019. Nghiên cứu này khẳng định kết quả các biện pháp phi thuế quan đã đề cập có tác động tiêu cực đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Tuy nhiên tác động tiêu cực của các biện pháp phi thuế quan là nhỏ hơn nhiều so với biện pháp thuế quan. **Từ khóa:** Các biện pháp phi thuế quan, vệ sinh và kiểm dịch động thực vật, các rào cản kỹ thuật trong thương mại, xuất khẩu rau quả, Asean + 6

**284. Tác động của các đặc tính quảng cáo thời trang trên phương tiện truyền thông xã hội đến ý định người mua/** Thái Kim Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 115 - 117.

**Nội dung:** Bài viết xác định các yếu tố liên quan đến quảng cáo trên phương tiện truyền thông xã hội có thể dự đoán ý định mua sản phẩm thời trang; cung cấp một số hướng dẫn giúp các nhà tiếp thị có thể lập kế hoạch và triển khai hiệu quả quảng cáo thời trang trên các nền tảng truyền thông xã hội.

**Từ khóa:** Phương tiện truyên thông xã hội, quảng cáo thời trang

**285. Tác động của CSR và Marketing đến đổi mới lao động của SMEs ở Việt Nam: Tiếp cận trên biến nội sinh Networking**/ Từ Văn Bình, Ngô Giang Thy, Huỳnh Đăng Khoa, Nguyễn Đình Thông// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 31-45.

**Nội dung**: Dựa trên mô hình nghiên cứu hồi quy mở rộng (Extended Regression Model – ERM) để ước lượng 2.649 doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise – SMEs) tại Việt Nam, kết quả tìm thấy đã mang đến nhiều lý thú. Một trong những điều lý thú đó là: (1) Networking đóng vai trò nội sinh chi phối đến sự tác động tích cực từ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility – CSR) và marketing lên đổi mới lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa; (2) Số lượt gặp gỡ với các nhóm liên quan tăng lên của doanh nghiệp sẽ tạo cơ hội tích cực đến đổi mới lao động của doanh nghiệp. Không loại trừ doanh nghiệp có thời gian hoạt động dài hay ngắn; (3) Do điều kiện về tài chính các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ có hướng đầu tư trái chiều giữa CSR và marketing. Điều này nghĩa là nếu CSR được quan tâm đầu tư nhiều hơn, đầu tư marketing sẽ giảm xuống, hoặc marketing được quan tâm nhiều hơn, CSR sẽ được quan tâm ít hơn; và (4) Vai trò biến nội sinh của Networking (sự kết nối) được thấy rõ hơn đối với những doanh nghiệp lĩnh vực sản xuất như chế biến thực phẩm và có quy mô lớn hơn.

**Từ khoá**: Networking, CSR, marketing, đổi mới lao động

**286. Tác động của cấu trúc vốn đến hiệu quả hoạt động ngân hàng tại Việt Nam : ước lượng SYS-GMM**/ Nguyễn Thu Thuỷ, Nguyễn Trung Dũng, Đinh Thuỷ Tiên, Vũ Khánh Linh, Mai Thị Hồng// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 52-66.

**Nội dung**: Dựa trên dữ liệu 28 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019, nghiên cứu xem xét tác động của cấu trúc vốn đến hiệu quả hoạt động ngân hàng. Bằng cách sử dụng mô hình hồi quy Pooled OLS, FEM và REM, kết hợp với kỹ thuật phân tích SYS-GMM khắc phục các khuyết tật và hiện tượng nội sinh của mô hình. Từ đó, bài viết đưa ra một số gợi ý nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động ngân hàng, nâng cao tính ổn định của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**Từ khoá**: cấu trúc vốn, hiệu quả hoạt động ngân hàng, ngân hàng thương mại Việt Nam

**287. Tác động của cơ cấu nguồn vốn đến giá trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam : Nghiên cứu thực nghiệm thông qua mô hình hồi quy ngưỡng**/ Phạm Thị Thanh Hoà, Đàm Thanh Tú, Bùi Thị Hà Linh// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 14-19.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của cơ cấu nguồn vốn đến giá trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010-2019 thông qua mô hình hồi quy ngưỡng. Kết quả thực nghiệm là căn cứ để chúng tôi đưa ra những khuyến nghị về chính sách tài trợ cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: cơ cấu nguồn vốn, hồi quy ngưỡng, công ty niêm yết, giá trị doanh nghiệp

**288. Tác động của chất lượng dịch vụ giáo dục đến sự hài lòng của sinh viên các trường đại học công lập khối kinh tế và quản trị kinh doanh tại Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Việt, Vũ Tuấn Dương// Kinh tế & phát triển .- 2022 .- Số 295 .- Tr. 83-93.

**Nội dung**: Nghiên cứu có mục đích kiểm chứng tác động các yếu tố cấu thành chất lượng dịch vụ giáo dục đến sự hài lòng của sinh viên. Thông qua nghiên cứu định tính và định lượng, thang đo chất lượng dịch vụ giáo dục được xác định bao gồm 5 yếu tố: Học thuật, phi học thuật, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và tương tác doanh nghiệp. Kết quả phân tích mô hình SEM với mẫu là 1226 sinh viên đang theo học tại các trường đại học công lập khối kinh tế và quản trị kinh doanh đã chỉ ra ngoại trừ yếu tố tương tác doanh nghiệp, các yếu tố của chất lượng dịch vụ đều có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của sinh viên. Ngoài ra, tác động của các yếu tố chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng của sinh viên các trường đại học tự chủ cao hơn rõ rệt so với các trường chưa tự chủ. Từ các kết quả, một số hàm ý được đưa ra nhằm hỗ trợ đội ngũ quản lí các trường đại học nâng cao sự hài lòng của sinh viên.

**Từ khoá**: Sự hài lòng của sinh viên; Chất lượng dịch vụ giáo dục; Giáo dục đại học; Tự chủ đại học

**289. Tác động của chất lượng nguồn nhân lực và nợ công lên phát triển tài chính : nghiên cứu trường hợp Việt Nam và các nước mới nổi**/ Nguyễn Văn Chiến// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 21-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu nhằm mục đích đánh giá tác động của nợ công và chất lượng nguồn nhân lực lên phát triển tài chính ở 27 quốc gia mới nổi tại châu Á giai đoạn 2009–2019. Bằng nghiên cứu định lượng sử dụng mô hình hồi quy gộp, mô hình tác động cố định, mô hình tác động ngẫu nhiên và mô hình hồi quy tổng quát, kết quả nghiên cứu cho thấy nợ công và chất lượng nguồn nhân lực có tác động tích cực lên phát triển tài chính tại các quốc gia châu Á thuộc mẫu nghiên cứu. Trong bối cảnh các quốc gia sử dụng nợ công để đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu không tìm được tác động của yếu tố tương tác này đối với phát triển tài chính. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy các quốc gia tại khu vực Đông Á có mức độ phát triển tài chính cao nhất khu vực châu Á.

**Từ khoá**: Tài chính; Vốn nhân lực; Nợ công; Châu Á; Tương tác

**290. Tác động của chất lượng thể chế tới tài chính toàn diện : bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia trên thế giới**/ Phạm Mỹ Hằng Phương, Đặng Thuỳ Nhung// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 35-45.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tác động của chất lượng thể chế tài chính toàn diện tại 240 quốc gia và khu vực trên thế giới trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2017. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khoá**: tài chính toàn diện, chất lượng thể chế, mô hình tác động cố định

**291. Tác động của chi phí thất bại tới động cơ, nhận thức từ khởi nghiệp thất bại và ý định tái khởi nghiệp của doanh nhân Việt Nam**/ Thái Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Kim Thoa// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 93-102.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này là khám phá tác động của chi phí thất bại (chi phí xã hội và chi phí tâm lý) đến động cơ tái khởi nghiệp, nhận thức từ khởi nghiệp thất bại và ý định tái khởi nghiệp của doanh nhân Việt Nam. Phân tích định lượng bằng mô hình cấu trúc tuyến tính PLS-SEM được tiến hành trên mẫu 334 các doanh nhân đã từng thất bại tại Việt Nam. Kết quả cho thấy có mối quan hệ tích cực giữa chi phí thất bại mà cụ thể là chi phí xã hội, chi phí tâm lý ảnh hưởng đến động cơ tái khởi nghiệp và nhận thức khởi nghiệp, đồng thời ảnh hưởng gián tiếp đến ý định tái khởi nghiệp của doanh nhân.

**Từ khoá:** Động cơ, chi phí thất bại, khởi nghiệp thất bại, Việt Nam

**292. Tác động của chiến lược kinh doanh đến hành vi quản trị lợi nhuận: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam**/ Nguyễn Vĩnh Khương, Nguyễn Thanh Liêm// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 14-23.

**Nội dung:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về tác động của chiến lược kinh doanh bao gồm chiến lược dẫn đầu chi phí, chiến lược khác biệt hóa đến hành vi quản trị lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng mẫu bao gồm 622 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong khoảng thời gian 2011-2019 và phân tích mô hình hồi quy dạng bảng động. Kết quả cho thấy chiến lược kinh doanh khác nhau có tác động khác nhau đến hành vi quản trị lợi nhuận. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý cho các bên liên quan bao gồm nhà đầu tư, cơ quan quản lý và doanh nghiệp niêm yết.

**Từ khoá**: Chiến lược kinh doanh, hành vi điều chỉnh lợi nhuận, công ty niêm yết

**293. Tác động của chuyển đổi số đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia châu Á/** Huỳnh Thị Tuyết Ngân, Nguyễn Ngọc Tân, Phạm Hải Nam// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 9 .- Tr. 63-83.

**Nội dung**: Trong thập kỷ vừa qua, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đang thay đổi cách chính phủ, doanh nghiệp và người dân tại các quốc gia trên thế giới tương tác với nhau. Nhiều bằng chứng cho thấy chuyển đổi số ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng và phát triển. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của chuyển đổi số đến tăng trưởng kinh tế cũng như tìm câu trả lời cho hiện tượng đi tắt đón đầu của các quốc gia đang phát triển và mới nổi. Bằng phương pháp ước lượng SGMM với dữ liệu 30 quốc gia châu Á trong giai đoạn 2004–2019, kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia châu Á. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các quốc gia đang phát triển và mới nổi khó có thể tận dụng lợi thế chuyển đổi số để đi tắt đón đầu trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số; Tăng trưởng kinh tế; Các quốc gia châu Á; SGMM

**294. Tác động của dao động tỷ giá hối đoái đến giá trị xuất khẩu ngành máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện điện tử của Việt Nam**/ Nguyễn Thị Vân Nga, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Khắc Minh, Trần Đình Toàn// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Phân tích định lượng theo chuỗi thời gian, nghiên cứu này xem xét tác động của dao động tỷ giá hối đoái và một số nhân tố khác đến giá trị xuất khẩu ngành máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện điện tử của Việt Nam. Từ kết quả, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện hoạt động xuất khẩu trong nhóm ngành hàng, từ đó giúp cải thiện hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: tỷ giá hối đoái, thương mại, Ngân hàng Nhà nước

**295. Tác động của đầu tư vốn ODA đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1993-2020**/ Nguyễn Thanh Cai, Nguyễn Minh Hải/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 22(583) .- Tr. 31-37.

**Nội dung**: Bằng phương pháp thu thập số liệu được công bố, thống kê, phân tích, liên hệ, so sánh... để đánh giá về định tính, sử dụng phương pháp kinh tế lượng để đánh giá bằng định lượng, kết quả nghiên cứu cho thấy, trong giai đoạn 1993-2020 ở Việt Nam, đầu tư ODA có tác động ngược chiều với tăng trưởng kinh tế và ảnh hưởng rất nhỏ đến tăng trưởng kinh tế.

**Từ khoá**: vốn ODA, tăng trưởng GDP, hiệu quả đầu tư vốn

**296. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế: trường hợp nghiên cứu ở các nước ASEAN**/ Nguyễn Phúc Hiền, Lê Thùy Linh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 55-64.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm xem xét tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế của 10 nước ASEAN (bao gồm Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippine, Brunei, Myanmar, Campuchia, Lao và Việt Nam) trong một thập kỷ từ sau khủng hoảng tài chính (2008). Trên cơ sở hàm sản xuất Cobb-Douglas, chúng tôi xây dựng mô hình ược lượng nghiên cứu ảnh hưởng của FDI đến tăng trưởng kinh tế. Bằng việc sử dụng mô hình dữ liệu bảng với các phương pháp Pool OLS, Fixed Effects và Random Effects để nghiên cứu sự tác động của FDI lên tăng trưởng kinh tế của 10 nước thuộc khối ASEAN. Kết quả cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài không có ý nghĩa đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN giai đoạn 2009-2018, trong khi đó lao động và xuất nhập khẩu đóng góp tới sự tăng trưởng kinh tế của những nước này.

**Từ khoá**: Các nước ASEAN, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng trưởng kinh tế, dữ liệu bảng

**297. Tác động của định hướng đạo đức kinh doanh và ý thức doanh nghiệp đến kết quả hoạt động kinh doanh : vai trò trung gian của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp/** Nguyễn Phong Nguyên, Từ Thanh Hoài// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 14 – 18.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra những hàm ý nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh. Doanh nghiệp nên chú trọng đến định hướng đạo đức kinh doanh và nâng cao ý thức trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước cũng như các chuẩn mực trong hoạt động để tăng cường thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp gắn với các hành vi kinh doanh có đạo đức đối với xã hội và các bên liên quan.

**Từ khóa:** Định hướng đạo đức kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, ý thức doanh nghiệp

**298. Tác động của giá cả cảm nhận, chất lượng giao hàng đến ý định mua hàng lặp lại trong thương mại điện tử/** Phan Tấn Lực// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 4 .- Tr. 5-20.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu vai trò của giá cả cảm nhận và chất lượng giao hàng ảnh hưởng đến ý định mua hàng lặp lại thông qua giá trị cảm nhận và sự hài lòng của người tiêu dùng. Tổng cộng 791 phiếu khảo sát được thu thập theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện từ những người đã từng mua lại cùng một cửa hàng trên các trang thương mại điện tử. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tiếp cận hồi quy từng phần để phân tích dữ liệu. Các thang đo sẽ được đánh giá bằng phân tích mô hình đo lường và mô hình cấu trúc tuyến tính thông qua phần mềm hỗ trợ SmartPLS 3.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò của chất lượng giao hàng và giá cả cảm nhận ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận và không ảnh hưởng đến sự hài lòng, trong khi đó, giá trị cảm nhận tác động cả trực tiếp đến ý định mua hàng lặp lại và gián tiếp thông qua sự hài lòng. Theo đó, kết quả nghiên cứu hàm ý rằng các cửa hàng trực tuyến nên quan tâm hơn đến thời gian xử lý đơn hàng, đóng gói hàng hóa và kết hợp với các công ty vận chuyển để nâng cao chất lượng giao hàng. Ngoài ra, các cửa hàng trực tuyến cũng nên có những chính sách giá phù hợp để giúp tăng giá trị cảm nhận và hình thành ý định mua hàng lặp lại.

**Từ khoá**: Giá cả cảm nhận; Chất lượng giao hàng; Giá trị cảm nhận; Ý định mua hàng lặp lại

**299. Tác động của hiệu quả quảng cáo cạnh tranh đến hành vi chuyển đổi trong sử dụng dịch vụ của khách hang cá nhân tại các ngân hang thương mại ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thu Cúc// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 64-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm định tác động của hiệu quả quảng cáo cạnh tranh đến hành vi chuyển đổi trong sử dụng dịch vụ của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Thông qua phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, với quy mô mẫu điều tra là 518 khách hàng cá nhân của các ngân hàng thương mại, kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả quảng cáo cạnh tranh của ngân hàng tác động ngược chiều đến hành vi chuyển đổi khi sử dụng dịch vụ của khách hàng cá nhân. Trong mối quan hệ giữa hai yếu tố này, danh tiếng của ngân hàng và lòng trung thành của khách hàng đóng vai trò như là các yếu tố trung gian. Dựa trên các kết quả này, nghiên cứu đã đề xuất một số kiến nghị nhằm tránh việc khách hàng rời đi và giảm thiểu những thiệt hại kinh doanh do việc chuyển đổi ngân hàng của khách hàng.

**Từ khoá**: Hiệu quả quảng cáo cạnh tranh, Danh tiếng, Lòng trung thành, Rủi ro trong chuyển đổi, Hành vi chuyển đổi

**300. Tác động của hoạt động xuất khẩu đến năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP): bằng chứng từ doanh nghiệp tại Việt Nam doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Hoàng Thanh Hiền// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 74-82.

**Nội dung**: Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) là một trong những chỉ số quan trọng đo lường hiệu quả của nền kinh tế cũng như doanh nghiệp. Bài viết này nghiên cứu tác động của việc tham gia vào hoạt động xuất khẩu đến TFP của các doanh nghiệp tại Việt Nam với dữ liệu điều tra của Ngân hàng Thế giới năm 2015. Để phân tích mối quan hệ trên, chúng tôi đã tiến hành tính toán giá trị TFP của các doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu dựa trên 2 phương pháp bán tham số là phương pháp của Olley & Pakes (1996) và phương pháp của Levinsohn & Petrin (2003). Nghiên cứu cho thấy việc tham gia vào hoạt động xuất khẩu có tác động tích cực đến năng suất của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài cũng có năng suất cao hơn các doanh nghiệp khác. Ngược lại, các doanh nghiệp tư nhân lại thể hiện kém hơn so với các đối tác của mình.

**Từ khoá**: TFP, phương pháp bán tham số, dữ liệu điều tra, xuất khẩu, Việt Nam

**301. Tác động của hoạt động xuất khẩu đến năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP): bằng chứng từ doanh nghiệp tại Việt Nam doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Nguyễn Hữu Khôi// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 74-82.

**Nội dung**: Tác động của cảm nhận trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp hướng đến nhân viên đến hiệu quả làm việc hầu như chưa được làm rõ trong bối cảnh khách sạn. Dựa trên lý thuyết bảo tồn nguồn lực, mục tiêu của nghiên cứu là thảo luận và kiểm định mối quan hệ gián tiếp giữa hai biến số thông qua biến số trung gian là hành vi công dân tổ chức hướng đến nhân viên và hành vi công dân tổ chức hướng đến tổ chức. Để thực hiện mục tiêu đề ra, nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng trên một mẫu gồm 314 nhân viên khách sạn tại Nha Trang. Kết quả kiểm định cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy và độ giá trị, và các giả thuyết đều được ủng hộ bởi dữ liệu. Từ kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một vài hàm ý học thuật và quản trị cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn.

**Từ khoá**: CSR, OCBI và OCBO, hiệu quả làm việc, bảo tồn nguồn lực

**302. Tác động của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ**/ Ngô Thế Chi, Lê Thị Yến Oanh/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 35-40.

**Nội dung**: Tác giả sử dụng phương pháp định lượng nghiên cứu tác động của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học tự chủ giai đoạn 2018-2020, tập trung vào các nội dung quan trọng và cần thiết có mối quan hệ lớn mang lại hiệu quả thiết thực. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của các cơ sở giáo dục.

**Từ khoá**: kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính, cơ sở giáo dục đại học

**303. Tác động của lạm phát đến độ mở mở thương mại của Việt Nam : đối xứng hay bất đối xứng**/ Bùi Hoàng Ngọc// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 515 .- Tr. 03-13.

**Nội dung**: Phân tích tác động của tỷ lệ lạm phát đến độ mở thương mại của Việt Nam giai đoạn 1986-2018. Sử dụng phương pháp tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến NARDL do Shin và cộng sự (2014) đề xuất, kết quả thực nghiệm của nghiên cứu cho thấy, hiệu ứng J có tồn tại trong ngắn hạn và tác động của tỷ lệ lạm phát đến độ mở thương mại là tác động bất đối xứng.

**Từ khoá**: tỷ lệ lạm phát, độ mở thương mại, tăng trưởng kinh tế

**304. Tác động của năng lực quốc gia về logistics đến xuất khẩu : nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam**/ Phạm Hồ Hà Trâm, Đinh Trần Thanh Mỹ// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 29-51.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng mô hình trọng lực cùng với dữ liệu bảng của 84 quốc gia để phân tích tác động của năng lực quốc gia về logistics đến xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2007-2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực quốc gia về logistics của Việt Nam và của nước nhập khẩu có tác động thúc đẩy giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng năng lực quốc gia về logistics của Việt Nam có ảnh hưởng lớn hơn so với năng lực quốc gia về logistics của nước nhập khẩu. Đối với các yếu tố của hoạt động logistics, nhóm tiêu chí logistics liên quan đến đầu ra của chuỗi cung ứng bao gồm chi phí, thời gian và năng lực cung cấp dịch vụ logistics có tác động mạnh nhất đến xuất khẩu của Việt Nam. Nghiên cứu này cũng đã khẳng định tính vững của mô hình thông qua việc thay thế các cách đo lường khác nhau cho năng lực logistics của quốc gia và xử lý vấn đề nội sinh trong mô hình bằng cách áp dụng phương pháp hồi quy hai giai đoạn với biến công cụ.

**Từ khoá**: Mô hình trọng lực; Năng lực quốc gia về logistics; Thuận lợi thương mại; Việt Nam

**305. Tác động của năng lực quốc gia về logistics đến xuất khẩu - Nghiên cứu thực tiễn tại Việt Nam**/ Phạm Hồ Hà Trâm, Đinh Trần Thanh Mỹ// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 29-51.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng mô hình trọng lực cùng với dữ liệu bảng của 84 quốc gia để phân tích tác động của năng lực quốc gia về logistics đến xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2007-2018. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực quốc gia về logistics của Việt Nam và của nước nhập khẩu có tác động thúc đẩy giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng năng lực quốc gia về logistics của Việt Nam có ảnh hưởng lớn hơn so với năng lực quốc gia về logistics của nước nhập khẩu. Đối với các yếu tố của hoạt động logistics, nhóm tiêu chí logistics liên quan đến đầu ra của chuỗi cung ứng bao gồm chi phí, thời gian và năng lực cung cấp dịch vụ logistics có tác động mạnh nhất đến xuất khẩu của Việt Nam. Nghiên cứu này cũng đã khẳng định tính vững của mô hình thông qua việc thay thế các cách đo lường khác nhau cho năng lực logistics của quốc gia và xử lý vấn đề nội sinh trong mô hình bằng cách áp dụng phương pháp hồi quy hai giai đoạn với biến công cụ.

**Từ khoá**: Mô hình trọng lực; Năng lực quốc gia về logistics; Thuận lợi thương mại; Việt Nam

**306. Tác động của phát triển tài chính, nợ công và vốn nhân lực lên tăng trưởng kinh tế - bằng chứng thực nghiệm tại các nước Châu Á**/ Nguyễn Văn Chiến// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 67-78.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện nhằm đánh giá tác động của phát triển tài chính, nợ công và chất lượng nguồn nhân lực lên tăng trưởng kinh tế. Sử dụng dữ liệu bảng tại 14 quốc gia ở Châu Á giai đoạn năm 1991 đến năm 2016, phương pháp bình phương tối thiểu khả thi. Nghiên cứu cũng cho rằng, với điều kiện về phát triển tài chính, nợ công và vốn nhân lực, các nước thu thập cao và thu thập trung bình cao có tăng trưởng cao hơn các nước thu nhập trung bình thấp.

**Từ khoá**: phát triển tài chính, tăng trưởng, nợ công, phương pháp bình phương tối thiểu khả thi

**307. Tác động của quản lý tri thức tới đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam**/ Phan Đăng Sơn, Nguyễn Duy Thành, Lê Đồng Duy Trung// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 216 .- Tr. 42-49.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá mối quan hệ giữa quản lý tri thức và đổi mới tại 255 doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam. Kết quả cho tháy, QLTT có tác động tích cực đến sự đổi mới trong các doanh nghiệp xã hội ở VN. Nghiên cứu cũng cho thấy các biến kiểm soát như quy mô lao động, vùng miền cũng tác động đến đổi mới trong các DNXH.

**Từ khoá**: Quản lý tri thức, doanh nghiệp xã hội, đổi mới sáng tạo

**308. Tác động của rào cản phi thuế quan đến xuất khẩu dệt may Việt Nam, Lào, Campuchia sang thị trường EU và Hoa Kỳ**/ Phạm Đình Long, Mai Thị Hồng Quyên// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 08 .- Tr. 23-34.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của rào cản phi thuế quan đến xuất khẩu dệt may của Việt Nam, Lào, Campuchia sang thị trường EU và Hoa Kỳ bằng mô hình trọng lực. Các biến chính của mô hình đại diện cho rào cản phi thuế quan bao gồm biến WHO, chỉ số tần suất và tỷ lệ luồng thương mại bị tác động bởi rào cản.

**Từ khoá**: mô hình trọng lực, xuất khẩu dệt may, rào cản phi thuế quan

**309. Tác động của rủi ro cảm nhận đến sự hài lòng và ý định quay trở lại điểm đến Lâm Đồng của khách du lịch/** Nguyễn Viết Bằng, Lữ Bá Văn// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 44-65.

**Nội dung**: Bài viết nhằm xác định và đo lường tác động của các thành phần rủi ro cảm nhận đến sự hài lòng và ý định quay trở lại điểm đến Lâm Đồng của khách du lịch. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát 473 khách du lịch tại Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu đã tìm thấy mối quan hệ giữa rủi ro cảm nhận, sự hài lòng và ý định quay trở cho trường hợp nghiên cứu du lịch Lâm Đồng. Thêm vào đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy khách du lịch nữ và khách du lịch nội địa cảm nhận rủi ro nhiều hơn khách du lịch nam và khách du lịch quốc tế. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng có một số hạn chế nhất định: (i) nghiên cứu chỉ thực hiện tại Lâm Đồng, (ii), nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện.

**Từ khoá**: Ý định quay trở lại, sự hài lòng, rủi ro cảm nhận, du lịch Lâm Đồng

**310. Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hoài Thu, Bùi Huy Nhượng// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 288 .- Tr. 14-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đánh giá tác động của việc nhận tiền gửi từ di cư nội địa đến tài chính toàn diện ở Việt Nam, biểu hiện qua khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Kết quả từ phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn (2SLS) cho thấy nhìn chung việc nhận được tiền gửi làm tăng khả năng hộ có tài khoản tại ngân hàng và sử dụng các dịch vụ thẻ do ngân hàng cung cấp. Xét theo khu vực nông thôn và thành thị, nhận tiền gửi từ di cư nội địa làm tăng khả năng mở tài khoản ngân hàng của hộ ở cả hai khu vực. Tuy nhiên, nhận được tiền gửi từ di cư nội địa chỉ có tác động làm tăng khả năng sử dụng dịch vụ thẻ đối với các hộ ở khu vực nông thôn. Kết quả nghiên cứu này cho thấy vai trò tích cực của tiền gửi từ di cư nội địa trong việc tăng khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình, từ đó góp phần tăng cường tài chính toàn diện ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài chính toàn diện, di cư nội địa, tiền gửi, 2SLS

**311. Tác động của tính bảo mật, sự riêng tư và niềm tin nhà cung cấp đến ý định mua sắm trực tuyến tại Thành phố Hồ Chí Minh**/ Trần Văn Đạt// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá mức độ tác động của các nhân tố đến ý định mua sắm trực tuyến và đưa ra các hàm ý quản trị cho các tổ chức hay cá nhân kinh doanh trực tuyến để thúc đẩy ý định mua sắm trực tuyến của khách hàng tại TP. Hồ Chí Minh ngày càng nhiều hơn nữa. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận và bổ sung kết quả cho các tài liệu liên quan bằng cách lấp đầy khoản trống của nghiên cứu trước đó và cung cấp các ý nghĩa thiết thực cho các nhà bán lẻ trực tuyến về việc thiết kế và tăng lên phản ứng tích cực của người tiêu dùng.

**Từ khoá**: mua sắm trực tuyến, tính bảo mật, sự riêng tư, niềm tin nhà cung cấp, ý định mua sắm trực tuyến

**312. Tác động của thực tiễn quản trị nguồn nhân lực đến hiệu quả công việc của nhân viên ngành tài chính tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Trần Thị Thanh Phương// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 154 .- Tr. 65-79.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu này với mục tiêu nhằm kiểm định sự tác động của thực tiễn quản trị nguồn nhân lực (NNL) đến công việc của nhân viên làm việc trong ngành tài chính tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu khảo sát được thu thập từ 612 cán bộ nhân viên làm việc tại các tổ chức ngành tài chính tiêu dùng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Phương pháp kiểm định Cronbach’s Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 06 thành phần của thực tiễn quản trị NNL là; i) Đào tạo; ii) Xác định nhiệm vụ công việc; iii) Đánh giá công việc; iv) Chế độ lương thưởng và phúc lợi; v) Khuyến khích đổi mới; vi) Động viên tác động tích cực đến hiệu quả công việc. Kết quả hồi quy chứng minh rằng đào tạo là thành phần tác động mạnh nhất đến hiệu quả công việc của nhân viên ngành tài chính tiêu dùng. Những phát hiện của bài nghiên cứu giúp nhà quản lý tài chính tiêu dùng có chiến lược phù hợp gia tăng hiệu quả công việc của nhân viên.

**Từ khoá**: Thực tiễn quản trị nguồn nhân lực, hiệu quả công việc, tài chính tiêu dùng

**313. Tác động của thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với sự ưa thích thương hiệu trong ngành nước giải khát của khách hàng trẻ Việt**/ Hoàng Cửu Long, Lê Thanh Trúc// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 62-79.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích mối quan hệ giữa thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility – CSR) với: môi trường, xã hội, các bên liên quan; và sự ưa thích của thương hiệu. Để kiểm định mối quan hệ, mô hình nghiên cứu được đặt ra các giả thuyết và kiểm định với hơn 168 bảng câu hỏi được thu thập từ các khách hàng trẻ trong ngành nước giải khát tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy việc thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự ưa thích thương hiệu. Điều này cho thấy, chất lượng thương hiệu đóng một phần quan trọng trong việc củng cố mối quan hệ giữa việc thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và mức độ ưu tiên của thương hiệu. Các thương hiệu có thể hấp dẫn hơn đối với khách hàng trẻ tuổi Việt Nam nếu họ được đóng góp vào các sáng kiến thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Những khám phá của nghiên cứu này còn củng cố thêm rằng những người mua sắm trẻ tuổi ở Việt Nam đang bắt đầu sử dụng dữ liệu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp để đánh giá thương hiệu mà mình ưa thích.

**Từ khoá**: CSR, sự ưa thích thương hiệu, ngành nước giải khát, giới trẻ Việt, TP. Hồ Chí Minh

**314. Tác động của trải nghiệm dịch vụ, nhận thức giá trị và sự hài lòng đến ý định hành vi sau mua trong lĩnh vực lưu trú**/ Phùng Thanh Bình, Vũ Thị Hồng Ngọc, Võ Thị Ngọc Trinh, Trần Thị Ý Nhi// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 101-120.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của trải nghiệm dịch vụ đến nhận thức giá trị chức năng và giá trị cảm xúc, sự hài lòng và ý định hành vi sau khi sử dụng của khách hàng trong lĩnh vực lưu trú. Nghiên cứu sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu từng phần với cách tiếp cận hai giai đoạn để phân tích mẫu gồm 302 du khách. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý quản trị đối với những công ty hoạt động trong lĩnh vực lưu trú.

**Từ khoá**: trải nghiệm dịch vụ, nhận thức giá trị, sự hài lòng, ý định hành vi sau mua, lưu trú

**315. Tác động của văn hóa chia sẻ tri thức tới quản lý tri thức trong các doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam**/ Phan Băng Sơn// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tác động của văn hóa chia sẻ tri thức tới quản lý tri thức tại 255 doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam. Kết quả ước lượng cho thấy, văn hóa chia sẻ tri thức có tác động tích cực tới quản lý tri thức. Đồng thời, quy mô của các doanh nghiệp (tính theo số lao động), địa bàn hoạt động cũng tác động tích cực tới quản lý tri thức của doanh nghiệp xã hội.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp xã hội, Văn hóa chia sẻ tri thức, quản lý tri thức

**316. Tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Thị Anh, Phan Thị Phương Linh// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 90-93.

**Nội dung**: Trong 35 năm qua, hoạt động thương mại quốc tế (TMQT) đã tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế của TP. Hồ Chí Minh. Đặc biệt, tăng trưởng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu trong giai đoạn 2011-2019 đạt bình quân 9,91%/năm. Quy mô và tốc độ tăng trưởng TMQT đã đóng góp vào quy mô và tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa của Thành phố, đồng thời tác động mạnh mẽ tới việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư trong và ngoài nước...

**Từ khoá**: Thương mại quốc tế, tăng trưởng kinh tế

**317. Tác động của vốn nhân lực đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghệ thông tin Việt Nam**/Trần Mạnh Tiến//Nghiên cứu tài chính kế toán .- 2021 .- Số 215 .- Tr. 85 - 88.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng số liệu từ 33 doanh nghiệp công nghệ thông tin (CNTT) trên sàn chứng khoán từ năm 2006 đến năm 2020. Kết quả nghiên cứu cho rằng, quy mô doanh nghiệp có tác động tích cực đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong khi các nhân tố có tác động tiêu cực như: nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, tài sản hữu hình. Trong nghiên cứu này, vốn nhân lực có tác động tiêu cực đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp CNTT, tuy nhiên tác động này chỉ có ý nghĩa về chiều tác động và không có ý nghĩa thống kê.

**Từ khóa:** Vốn nhân lực, hiệu quả, doanh nghiệp

**318. Tác động điều chỉnh của trí tuệ cảm xúc lên mối quan hệ giữa áp lực và sự sáng tạo cá nhân trong lĩnh vực giáo dục**/Nhâm Phong Tuân, Nguyễn Như Ngọc//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 11 - 23.

**Nội dung:** Bài viết trình bày về mối quan hệ của hai loại áp lực : áp lực về yêu cầu công việc và áp lực về thời gian với sự sáng tạo cá nhân; đồng thời nghiên cứu tác động điều chỉnh của mối quan hệ giữa hai loại áp lực với sự sáng tạo có hình chữ U ngược. Nói cách khác sự sáng tạo đạt được cao nhất khi cá nhân nhận được áp lực vừa phải từ công việc. Ngoài ra mối quan hệ trên ít biến thiên hơn giữa những cá nhân có khả năng trí tuệ cảm xúc cao khi so sánh với những cá nhân có khả năng trí tuệ cảm xúc cao khi so sánh với những cá nhân có trí tuệ cảm xúc thấp từ đó đưa ra một số hàm ý cho lĩnh vực giáo dục.

**Từ khóa:** Trí tuệ cảm xúc, áp lực, mối quan hệ chữ U ngược, sự sáng tạo

**319. Tài sản thương hiệu và sự gắn kết với công ty chứng khoán : Góc nhìn từ nhà đầu tư**/ Nguyễn Minh Trí, Võ Thị Thanh Thuý/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 22(583) .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Bài viết xem xét ảnh hưởng của các yếu tố đến tài sản thương hiệu và sự gắn kết của nhà đầu tư với công ty chứng khoán tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính đối với số liệu thu thập được từ 245 nhà đầu tư tại 5 công ty chứng khoán lớn tại Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: tài sản thương hiệu, sự gắn kết thương hiệu, nhà đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư

**320. Tăng cường chuyển đổi số trong hệ thống ngân hàng tỉnh Thừa Thiên Huế**/ Châu Khắc Thái// Ngân hàng .- 2022 .- Số 2+3 .- Tr. 104-107.

**Nội dung**: Bài viết cung cấp những nét khái quát về quá trình chuyển đổi số của hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, qua đó tiếp cận các vấn đề thực tiễn và đưa ra những giải pháp trong việc hoàn thiện mô hình chuyển đổi số ngành Ngân hàng nói chung và hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

**Từ khóa**: chuyển đổi số, hệ thống ngân hàng, tỉnh Thừa Thiên Huế, thông tin truyền thông

**321. Tăng tốc chuyển đổi số, hiện đại hóa toàn diện ngành Thuế Việt Nam**/ Cao Anh Tuấn// Tài chính .- 2022 .- Số 768+769 .- Tr. 68-70.

**Nội dung**: Năm 2021, bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, định hướng của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đã quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trong toàn hệ thống; đẩy mạnh số hóa công tác quản lý thuế với nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ tài chính – ngân sách nhà nước của ngành Tài chính.

**Từ khoá**: Chuyển đổi số, hiện đại hóa, ngành Thuế

**322. Tầm quan trọng của logistics đối với xuất khẩu của Việt Nam**/ Huỳnh Thị Diệu Linh// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 23-33.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá tầm quan trọng của logistics đối với xuất khẩu của Việt Nam với 48 đối tác xuất khẩu lớn trong khoảng thời gian từ 2010 đến 2018. Dựa trên mô hình lực hấp dẫn (Gravity Model), nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp hồi quy khác nhau để kiểm định tính bền vững của kết quả. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định logistics có tầm quan trọng rất lớn đến xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể, hiệu suất hoạt động logistics của cả Việt Nam và các nước đối tác đều có tác động tích cực đến xuất khẩu của Việt Nam sang các đối tác thương mại chính, và mức độ tác động của logistics là lớn hơn các yếu tố khác trong mô hình nghiên cứu.

**Từ khoá**: Logistics, chỉ số hiệu suất hoạt động logistics (LPI), xuất khẩu, mô hình trọng lực, Việt Nam

**323. Tích hợp khuôn mẫu công nghệ - tổ chức - môi trường và quan điểm nguồn lực trong nghiên cứu về sự chấp nhận sử dụng phần mềm kế toán và hệ thống ERP**/ Đậu Thị Kim Thoa, Phạm Trà Lam// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 5-28.

**Nội dung**: Trong bối cảnh các phần mềm ứng dụng cho hệ thống thông tin kế toán như phần mềm kế toán và hệ thống ERP được triển khai phổ biến, các doanh nghiệp phát sinh nhu cầu đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận sử dụng phần mềm trong hệ thống thông tin kế toán, và tác động của chúng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu này tích hợp khuôn mẫu công nghệ - tổ chức - môi trường (TOE) và quan điểm nguồn lực (RBV) để phát triển mô hình đường dẫn về sự chấp nhận sử dụng phần mềm kế toán và hệ thống ERP. Kết quả phân tích PLS từ 203 doanh nghiệp xác nhận rằng việc chấp nhận sử dụng phần mềm có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bốn yếu tố, gồm: (1) Thái độ hướng đến việc sử dụng, (2) khả năng quan sát, (3) văn hóa tổ chức, và (4) cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông giải thích 51,7% biến thiên của ý định hành vi sử dụng phần mềm. Các khám phá này đã cung cấp những hàm ý quản trị hướng dẫn các nhà nghiên cứu và thực hành hệ thống thông tin kế toán cải thiện sự chấp nhận sử dụng phần mềm kế toán/ hệ thống ERP.

**Từ khoá**: TOE, RBV, Chấp nhận sử dụng, Phần mềm kế toán, Hệ thống ERP

**324. Tiềm năng và cơ hội phát triển điện mặt trời ở Việt Nam**/ Nguyễn Đức Lương, Nguyễn Tú Anh// Tài chính .- 2021 .- Số 766 .- Tr. 59-62.

**Nội dung**: Thông qua nghiên cứu cơ chế chính sách hỗ trợ và thực tiễn triển khai, bài viết đề xuất giải pháp giúp Việt Nam có thể tham khảo khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế phát triển điện mặt trời.

**Từ khoá**: Chính sách, phát triển, điện mặt trời, năng lượng điện mặt trời

**325. Tiền tố và kết quả của sự gắn kết của nhân viên với thương hiệu công ty**/ Kiều Anh Tài, Trần Khải Hoàn// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 12 .- Tr. 5-22.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục đích xem xét ảnh hưởng của các khía cạnh xây dựng thương hiệu nội bộ đến sự gắn kết của nhân viên với thương hiệu công ty và cuối cùng đến sự trung thành, sự truyền miệng tích cực và hiệu quả công việc liên quan đến thương hiệu công ty. Nghiên cứu được thực hiện bằng cách khảo sát với các nhân viên trực tiếp cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp dịch vụ tại thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu sau khi sàng lọc gồm 300 mẫu được dùng phân tích PLS-SEM. Kết quả phân tích cho thấy hai trong số ba khía cạnh của xây dựng thương hiệu nội bộ là truyền thông thương hiệu và thương hiệu dẫn đầu có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến sự gắn kết của nhân viên với thương hiệu công ty. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự gắn kết của nhân viên với thương hiệu công ty có tác động tích cực đáng kể đến sự trung thành của nhân viên, sự truyền miệng tích cực và hiệu quả công việc liên quan đến thương hiệu công ty.

**Từ khoá**: Sự gắn kết với thương hiệu; Xây dựng thương hiệu nội bộ; Truyền thông thương hiệu; Thương hiệu dẫn đầu; Thương hiệu công ty

**326. Tiêu dùng bền vững tại Việt Nam - bối cảnh và khung nghiên cứu đề xuất**/ Lưu Thị Minh Ngọc, Nguyễn Phương Mai// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 54-59.

**Nội dung**: Dựa trên tổng quan thực trạng phát triển bền vững và tiêu dùng bền vững trên thế giới và Việt Nam, bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng bền vững tại Việt Nam.

**Từ khóa**: tiêu dùng bền vững, phát triển bền vững, Việt Nam

**327. Tinh thần đổi mới của doanh nghiệp trẻ : phân tích từ nguồn lực và năng lực động**/ Nguyễn Thị Anh, Phan Thị Phương Linh// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 11-18.

**Nội dung**: Thách thức của kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, đi lại và thông thương khó khăn đặt ra những yêu cầu về đổi mới, sáng tạo trong quá trình vận hành các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp còn non trẻ. Bài nghiên cứu này kiểm chứng mối quan hệ giữa nguồn lực, năng lực động và tinh thần đổi mới của các lãnh đạo doanh nghiệp trẻ tại Việt Nam. Thông qua bộ dữ liệu được thu thập từ 220 doanh nghiệp trẻ, kết quả nghiên cứu đã cho thấy yếu tố nguồn lực có tác động tích cực tới năng lực động của doanh nghiệp và cả hai yếu tố này đều có tác động tới tinh thần đổi mới của các nhà lãnh đạo doanh nghiệp trẻ tại Việt Nam. Nhưng khám phá của nghiên cứu góp phần đề xuất những hàm ý chính sách, hỗ trợ tốt hơn cho những doanh nghiệp trẻ trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp trẻ, Kinh doanh, Tinh thần, Nguồn lực, Năng lực động, Đại dịch Covid 19

**328. Tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển**/ Nguyễn Thị Thanh Bình// Luật sư Việt Nam.- 2021 .- Số 9.- Tr.43 - 44.

**Nội dung:** Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật ngày hoàn thiện và đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho đầu tư kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp; các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ từng bước được hoàn thiện, hình thành đồng bộ, vận hành cơ bản thông suốt, bước đầu có sự gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế; vai trò của Nhà nước từng bước được điều chỉnh đi đôi với phát huy tốt vai trò của thị trường, quy mô đầu tư của Nhà nước được thu hẹp và tập trung hơn, đã huy động được các nguồn lực cho phát triển, bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tạo nhiều việc làm và cải thiện đời sống nhân dân.

**Từ khoá:** Đầu tư kinh doanh, môi trường kinh doanh, xây dựng chính sách.

**329. Tổ chức phân tích hiệu quả tài chính trong các doanh nghiệp ngành thủy điện/** Nguyễn Hồng Thu// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 219 .- Tr. 42 – 47.

**Nội dung:** Bài viết trao đổi về tổ chức phân tích hiệu quả tài chính đối với các doanh nghiệp ngành thủy điện. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện về phương pháp phân tích và nội dung phân tích, để cung cấp thông tin hiệu quả hơn về hiệu quả tài chính cho công ty. **Từ khóa:** Hiệu quả tài chính, thủy điện, doanh nghiệp, phân tích

**330. Tổng quan các công cụ đánh giá tác động xã hội cho các doanh nghiệp xã hội**/ Phạm Vũ Thắng// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 07-09.

**Nội dung**: Bài viết hệ thống hóa các công cụ đánh giá tác động xã hội phổ biến, tóm tắt những thách thức khi phát triển các công cụ đánh giá tác động xã hội ở Việt Nam.

**Từ khóa**: doanh nghiệp xã hội, tác động, Việt Nam

**331. Tuổi giám đốc điều hành và rủi ro thị trường: bằng chứng tại Việt Nam/ Đặng Hữu Mẫn, Hoàng Dương Việt Anh, Huỳnh Thùy Yên Khuê**//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 520 .- Tr. 111 - 120.

**Nội dung:** Bài viết cung cấp thêm minh chứng mới về ảnh hưởng đặc điểm của giám đốc điều hành đến rủi ro thị trường ở một thị trường đang phát triển điển hình đồng thời đưa ra những hàm ý chính sách có ý nghĩa tham khảo đối với các nhà quản lý công ty, cổ đông và nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

**Từ khóa:** Tuổi giám đốc điều hành, rủi ro thị trường, công ty niêm yết, thị trường chứng khoán Việt Nam

**332. Tuổi giám đốc điều hành và hành vi quản trị lợi nhuận ở Việt Nam**/ Đặng Hữu Mẫn, Hoàng Dương Việt Anh, Lê Thị Phương Uyên, Võ Hàm Uyên// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 289 .- Tr. 35-44.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thúc đẩy bởi bằng chứng của các nghiên cứu trước đây cho thấy rằng những người lớn tuổi thực hiện hành vi đạo đức và bảo thủ hơn những người trẻ tuổi. Chúng tôi giả định rằng nếu các lãnh đạo lớn tuổi có đạo đức và bảo thủ hơn các lãnh đạo trẻ hơn, họ sẽ ít có khả năng thúc đẩy các hành vi quản trị lợi nhuận. Sử dụng mẫu gồm tất cả các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, kết quả nghiên cứu cho thấy các công ty có giám đốc điều hành càng lớn tuổi thường có xu hướng ít thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận. Kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của tuổi của giám đốc điều hành công ty đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp nói chung và mức độ thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận nói riêng, cũng như cung cấp những hàm ý chính sách có giá trị tham khảo đối với các nhà hoạch định chính sách và các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá**: Tuổi giám đốc điều hành, thị trường chứng khoán, quản trị lợi nhuận, Việt Nam

**333. Thách thức đối với xuất khẩu nông sản của Việt Nam : trong bối cảnh ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu**/ Nguyễn Vũ Minh// Chứng khoán Việt Nam .- 2021 .- Số 277 .- Tr. 54-57.

**Nội dung**: Tập trung phân tích thực trạngxuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU, từ đó chỉ ra một số thách thức đối với hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường này.

**Từ khoá**: Xuất khẩu nông sản, Hiệp định thương mại tự do, Việt Nam và Liên minh châu Âu

**334. Thách thức đối với sự phát triển bền vững của thị trường mua bán nợ Việt Nam**/ Nguyễn Trung Thành// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 112-114.

**Nội dung**: Kinh doanh mua bán nợ là lĩnh vực tương đối mới ở Việt Nam hiện nay, nhưng thực chất nó là một hoạt động kinh tế rất cơ bản trong các doanh nghiệp, trong đó mối quan hệ kinh tế giữa 3 bên: Bên bán nợ (chủ nợ cũ) - Người mua nợ (chủ nợ mới) - Con nợ (hoặc người bảo lãnh) được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng các tài sản đặc biệt, tức là các khoản nợ. Bài viết này đề cập đến một số vấn đề chung liên quan đến thị trường mua bán nợ, những khó khăn, thách thức đối với thị trường mua bán nợ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay nhằm làm rõ thêm đặc điểm của loại hình kinh doanh đặc biệt này.

**Từ khoá**: Mua bán nợ, thị trường mua bán nợ, kinh doanh

**335. Tham gia RCEP-cơ hội thực thi biện pháp phòng vệ thương mại hiệu quả hơn đối với Việt Nam**/ Hoàng Thị Phương Lan// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Tổng quan về RCEP và quan hệ của Việt Nam với RCEP; Quy định và thực thi phòng vệ thương mại của trong khuôn khổ các nước thành viên RCEP; Cơ hội cạnh tranh bình đẳng cho hàng hoá Việt Nam; Một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: RCEP, phòng vệ thương mại

**336. Thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Phát triển về quy mô và chất lượng dịch vụ**/ Bùi Văn Khoa// Ngân hàng .- 2022 .- Số 2+3 .- Tr. 82-85.

**Nội dung**: Thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) có vai trò hết sức quan trọng đối với từng người dân, doanh nghiệp và đối với toàn bộ nền kinh tế. TTKDTM góp phần hạn chế lượng tiền mặt trong lưu thông hàng hóa, giảm thiểu chi phí xã hội, mở rộng không gian, rút ngắn thời gian cho quá trình mua, bán hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế. Đồng thời, phát triển các dịch vụ chuyên nghiệp về thu, chi, thẻ ngân hàng, thanh toán trực tuyến, thanh toán điện tử mà không làm thay đổi giá trị tiền mặt quy đổi. TTKDTM giúp cho nền kinh tế trở nên minh bạch hơn, góp phần vào chuyển đổi số; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm kinh tế; phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố…

**Từ khóa**: thanh toán không dùng tiền mặt, chất lượng dịch vụ, kinh tế, tham nhũng

**337. Thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng điện thoại di động: kinh nghiệm Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ Vương Thị Hương Giang, Nguyễn Hữu Mạnh// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Tác giả trình bày sự hình thành và phát triển của thương mại điện tử và nền tảng thanh toán di động tại thị trường Trung Quốc. Phân tích những thách thức mà thanh toán di động gây ra cho các ngân hàng thương mại. Từ đó đề xuất các chính sách liên quan đến thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng di động tại Việt Nam

**Từ khóa**: thanh toán không dùng tiền mặt, điện thoại di động, thương mại điện tử, ngân hàng thương mại

**338. Thành viên nữ trong hội đồng quản trị và mức độ chấp nhận rủi ro tại các công ty niêm yết Việt Nam/**Nguyễn Văn Quỳnh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 29 - 30.

**Nội dung:** Bài báo nghiên cứu tác động của thành viên nữ trong hội đồng quản trị đến mức độ chấp nhận rủi ro. Sử dụng dữ liệu gồm các công ty phi tài chính niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2007 - 2017, kết quả hồi quy bằng phương pháp GMM hệ thống cung cấp bằng chứng cho thấy thành viên nữ trong hội đồng quản trị tác động nghịch chiều đến mức độ chấp nhận rủi ro tại các công ty phi tài chính niêm yết Việt Nam.

**Từ khóa:** Thành viên nữ, hội đồng quản trị, công ty niêm yết Việt Nam

**339. Thị trường chứng khoán Việt Nam trước bối cảnh đại dịch covid-19 và một số đề xuất hỗ trợ về mặt chính sách, pháp luật**/ Trần Linh Huân, Trương Thị Thảo, Lê Phạm Anh Thơ/ Ngân hàng .- 2021 .- Số 23 .- Tr. 35-40.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào (i) Phân tích, đánh giá sự tác động của dịch Covid-19 đến thị trường chứng khoán Việt Nam; (ii) Làm rõ một số chính sách, pháp luật về ổn định thị trường chứng khoán trước tác động của dịch Covid-19 và những thách thức đặt ra; (iii) Đề xuất một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về ổn định thị trường chứng khoán trước bối cảnh dịch Covid-19 tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, Việt Nam, dịch Covid-19, chính sách, pháp luật

**340. Thu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**/ Phạm Quang Quốc// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 53-56.

**Nội dung:** Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác thu thuế xuất nhập khẩu, bài viết đề cập về các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động thu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam gồm: Công tác xác định trị giá hải quan; Công tác xác định xuất xứ hàng hóa; Công tác xác định mã số hàng hóa. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Hội nhập quốc tế, thuế xuất nhập khẩu, thuế hải quan

**341. Thuận lợi hóa thương mại và sự tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam**/Nguyễn Anh Thu, Trần Thị Mai Thành//Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 517 .- Tr. 106 - 120.

**Nội dung:** Bài viết phân tích lợi ích của thực hiện thuận lợi hóa thương mại đối với sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam.

**Từ khóa:** Thuận lợi hóa thương mại, chuỗi giá trị toàn cầu, thương mại giá trị gia tăng

**342. Thuận lợi hoá thương mại và sự tham gia vào thương mại quốc tế của doanh nghiệp vừa và nhỏ của ASEAN**/ Trần Thị Mai Thành// Nghiên cứu Kinh tế .- 2021 .- Số 523 .- Tr. 47-61.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích vai trò của thuận lợi hoá thương mại trong thúc đẩy doanh nghiệp vừa và nhỏ của ASEAN tham gia vào thương mại quốc tế dựa trên cơ sở dữ liệu của ASEAN, kết quả điều tra doanh nghiệp của Ngân hàng thế giới và cơ sở dữ liệu điều tra toàn cầu của Liên hiệp quốc về thuận lợi hoá thương mại và bền vững.

**Từ khoá**: thuận lợi hoá thương mại, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuỗi giá trị toàn cầu

**343. Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khu vực phía Nam**/ Phạm Xuân Đà, Quan Quốc Đăng, Nguyễn Thị Hương, Trần Hải Đăng, Trần Hà Hoàng Việt, Nguyễn Thị Quỳnh Ngọc, Trần Thị Kim Minh// Khoa học công nghệ Việt Nam A .- 2021 .- Số 12(753).- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Cung cấp bức tranh khái quát về thực trạng đầu tư cho khoa học và công nghệ (KH&CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) của doanh nghiệp khu vực phía Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị sát thực và khả thi. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và Đông Nam Bộ (ĐNB) là khu vực có vị thế, vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, những năm gần đây, đà tăng trưởng của khu vực này đang có dấu hiệu chững lại do phải đối mặt với nhiều khó khăn như tình trạng hạn, mặn, sạt lở, ngập lụt, triều cường, ô nhiễm môi trường… và gần đây nhất là đại dịch Covid-19. Thực trạng này đòi hỏi trong thời gian tới, khu vực phải xây dựng và định hình được các mô hình phát triển mới dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST), trong đó doanh nghiệp là trung tâm.

**Từ khóa**: Đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp phí Nam, khoa học và công nghệ, thiên tai, đại dịch Covid-19

**344. Thực hiện chính sách công ở Việt Nam hiện nay: những vấn đề lý luận và thực tiễn/** Lê Văn Gấm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 7 - 9.

**Nội dung:** Bài viết nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện chính sách công ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, nêu bật các yêu cầu đặt ra đối với việc thực hiện chính sách công ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Chính sách công, Việt Nam

**345. Thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam**/ Nguyễn Xuân Hưng, Tống Thị Bích Nguyệt, Trần Thị Thanh Mai, Đỗ Thị Thu Trang, Nguyễn Ngọc Huế, Đào Thị Xim// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 03-15.

**Nội dung**: Bài viết phân tích thực trạng thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam, chỉ ra những hạn chế, từ đó đề xuất một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: CSR, doanh nghiệp, xuất khẩu, thuỷ sản, Việt Nam

**346. Thực tiễn xây dựng Kho lưu trữ tài liệu hành chính số tại cơ quan Bộ Tài chính**/ Nguyễn Thị Lý// Tài chính .- 2021 .- Số 759 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Thời gian qua, Bộ Tài chính luôn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo quản, vận hành Kho lưu trữ dữ liệu hành chính số và đã đạt những kết quả nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, một số yếu tố như cơ sở pháp lý và hạ tầng tiếp tục tác động đến hiệu quả hoạt động của Kho lưu trữ tài liệu hành chính số tại cơ quan Bộ Tài chính. Bài viết phân tích thực trạng hiện nay, nhận diện những mặt được và chưa được, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Kho lưu trữ tài liệu hành chính số tại cơ quan Bộ Tài chính trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kho lữu trữ, tài liệu, hành chính số

**347. Thực trạng cán cân thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và một số biện pháp điều chỉnh**/ Đỗ Phú Đông/ Ngân hàng .- 2021 .- Số 23 .- Tr. 10-15.

**Nội dung**: Phân tích dưới góc độ kinh tế vĩ mô và phân tích ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, có thể thấy, cán cân thương mại của Hoa Kỳ thâm hụt hoàn toàn là yếu tố tất yếu do các lý do khách quan, cán cân thương mại hàng hóa của Hoa Kỳ đã ghi nhận mức thâm hụt cao nhất lịch sử. Vì vậy, để cân bằng được cán cân thương mại, Chính phủ Hoa Kỳ cần xúc tiến việc sản xuất đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, thúc đẩy xuất khẩu, đồng thời với việc giảm thâm hụt ngân sách nhà nước. Về phía Việt Nam, để tăng cường xuất khẩu sang Hoa Kỳ, thì Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý quy tắc cạnh tranh công bằng, minh bạch và bảo đảm chất lượng sản phẩm xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Từ khoá**: Cán cân thương mại, thâm hụt cán cân thương mại, Hoa Kỳ, Việt Nam

**348. Thực trạng kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của tập đoàn Hòa Phát**/ Phạm Thị Quyên, Nguyễn Hữu Tân// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 220 .- Tr. 42-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế của Tập đoàn sẽ giúp cho các nhà quản trị có các giải pháp phù hợp để không ngừng phát triển thương hiệu. Bài viết nghiên cứu về kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của Tập đoàn Hòa Phát.

**Từ khóa**: Tập đoàn Hòa Phát, hoạt động kinh doanh, khả năng sinh lời

**349. Thực trạng phát triển kinh tế số tại Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Hữu Xuân Trường, Nguyễn Phương Lan// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 05-09.

**Nội dung**: Bài viết đưa ra cái nhìn chi tiết cùng với những đánh giá về thực trạng phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong giai đoạn gần đây theo các khía cạnh chính của nền kinh tế số.

**Từ khóa**: kinh tế số, chuyển đổi số, nền tảng số

**350. Thực trạng quản trị tiền mặt của các doanh nghiệp dệt may niêm yết tại Viêt Nam/** Nguyễn Hương Giang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 58 - 59.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng quản trị tiền mặt và một số giải pháp hoàn thiện quản trị tiền mặt của các doanh nghiệp dệt may niêm yết tại Viêt Nam.

**Từ khóa:** Quản trị tiền mặt, doanh nghiệp dệt may niêm yết, Viêt Nam

**351. Thực trạng thị trường tài chính Việt Nam - Góc nhìn từ thị trường chứng khoán**/ Tô Minh Thu/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 22(583) .- Tr. 17-22.

**Nội dung**: Tổng quan về thị trường tài chính; Thị trường chứng khoán Việt Nam - hành trình hơn 20 năm; Thị trường chứng khoán Việt Nam trước những vận hội mới. Từ đó, chỉ ra những hạn chế và thách thức cần vượt qua.

**Từ khoá**: thị trường tài chính, thị trường chứng khoán

**352. Thực trạng và giải pháp phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/** Mai Quỳnh Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 25 - 27.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp theo thời gian và so sánh các chỉ số để phân tích, làm rõ thực trạng phát triển logistics trong giai đoạn 2013 -2019 để từ đó đưa ra những giải pháp phát triển dịch vụ này trong giai đoạn sắp tới. **Từ khóa:** Dịch vụ logistics, Thanh Hóa

**353. Thực trạng về đầu tư công từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước tại Việt Nam : Những vấn đề đặt ra và kiến nghị**/ Nguyễn Thị Thuỳ Liên/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 22(583) .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Bài viết đánh giá thực trạng đầu tư công từ Ngân sách Nhà nước, kết quả cho thấy cơ cấu đầu tư công có xu hướng giảm tổng chi ngân sách. Đầu tư công có tác động thu hút đầu tư xã hội và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, đầu tư công ở Việt Nam những năm qua chủ yếu do đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, chưa huy động được các nguồn vốn tư nhân thông qua hình thức đầu tư hợp tác công tư. Trên cơ sở phân tích và nhận định trên, nghiên cứu đưa ra các kiến nghị về biện pháp tăng quy mô và hiệu quả của đầu tư công cho giai đoạn tới.

**Từ khoá**: đầu tư công, ngân sách nhà nước, tăng trưởng

**354. Trách nhiệm lãnh đạo và những tác động đối với đạo đức kinh doanh, ý thức doanh nghiệp**/ Nguyễn Phong Nguyên, Từ Thanh Hoài// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Lãnh đạo là yếu tố đóng vai trò quyết định trong hầu hết các hoạt động, cũng như sự sống còn của doanh nghiệp. Dưới sự dẫn dắt của lãnh đạo có trách nhiệm, việc định hướng đạo đức kinh doanh và nâng cao ý thức doanh nghiệp có điều kiện được thực thi hiệu quả. Trách nhiệm sẽ thúc đẩy lãnh đạo thực hành định hướng đạo đức kinh doanh theo các chuẩn mực xã hội và tăng cường kiểm soát các chính sách về nâng cao ý thức doanh nghiệp. Qua đó, doanh nghiệp có cơ hội để hoạt động tốt và nâng cao vị thế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**Từ khoá**: Trách nhiệm lãnh đạo, đạo đức kinh doanh, ý thức doanh nghiệp

**355. Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và chi phí sử dụng nợ vay : một nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp ở Đông Nam Á**/ Lê Anh Tuấn, Trần Phương Thảo// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 8 .- Tr. 59-80.

**Nội dung**: Bài báo này kiểm định tác động của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với chi phí sử dụng nợ vay của các doanh nghiệp ở 5 quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á. Sử dụng mẫu nghiên cứu gồm 1.633 quan sát từ năm 2002 đến năm 2018, chúng tôi thấy rằng trách nhiệm xã hội doanh nghiệp có mối quan hệ trái chiều với chi phí sử dụng nợ vay của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu thì khá chắn chắn với nhiều phương pháp ước lượng như mô hình OLS, mô hình tác động cố định, mô hình hồi quy với biến công cụ. Phân tích sâu hơn cho thấy ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đến chi phí sử dụng nợ vay thì đáng kể hơn đối với các doanh nghiệp có thông tin bất cân xứng cao hoặc các công ty có rủi ro hoạt động cao. Nhìn chung, kết quả của nghiên cứu này củng cố thêm bằng chứng lý thuyết rằng hoạt động trách nhiệm với xã hội góp phần giảm thiểu vấn đề đại diện và gia tăng tính minh bạch của doanh nghiệp, từ đó giảm chi phí vay nợ cho doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; Chi phí sử dụng nợ vay; Thông tin bất cân xứng; Rủi ro hoạt động; Đông Nam Á

**356. Triển khai chính sách bảo hiểm y tế trong bối cảnh đại dịch COVID-19**/ Lê Văn Phúc// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Bài viết khái quát về chính sách bảo hiểm y tế (BHYT); đánh giá thực tiễn triển khai; tác động của dịch bệnh COVID-19 đến việc thực hiện chính sách BHYT, từ đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển chính sách BHYT bền vững.

**Từ khoá**: Bảo hiểm xã hội, chính sách bảo hiểm y tế, dịch Covid-19, người lao động, an sinh xã hội

**357. Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh tiên phong chuyển đổi số trong chương trình đào tạo**/ Nguyễn Đức Trung, Trần Trọng Huy// Ngân hàng .- 2022 .- Số 2+3 .- Tr. 91-96.

**Nội dung**: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh University of Banking - HUB) với hơn 45 năm hình thành và phát triển đã khẳng định vị thế của một trong những trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, kinh tế, kinh doanh, quản lý; là cái nôi đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành tài chính - ngân hàng và nền kinh tế. Trường đã tích cực cải tiến và phát triển chương trình đào tạo theo hướng cung cấp tri thức hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, có khả năng liên thông và hội nhập quốc tế, phát triển khoa học - công nghệ theo chiều sâu, phát huy lợi thế ở ngành mũi nhọn. Trong những năm qua, thương hiệu HUB ngày càng được khẳng định và luôn nằm trong top các trường đại học dẫn đầu khối ngành kinh tế, cùng với sự quan tâm, ủng hộ của nhiều phụ huynh trong việc lựa chọn, đăng ký ngành, chuyên ngành mới cho sinh viên, đặc biệt chiếm ưu thế đối với các chương trình đào tạo mới.

**Từ khóa**: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, HUB, chương trình đào tạo, hiện đại

**358. Tương lai nào cho Fintech tại Việt Nam? Nghiên cứu các trải nghiệm và nhu cầu của người tiêu dùng cá nhân**/ Nguyễn Thị Hoài Lê// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 49-58.

**Nội dung**: Bài viết cung cấp các kết quả khảo sát về đánh giá của người tiêu dùng cá nhân đối với các sản phẩm, dịch vụ; đồng thời, gợi ý một số khía cạnh mà các công ty cung ứng dịch vụ Fintech có thể hướng tới.

**Từ khoá**: Fintech, khách hàng cá nhân, dịch vụ tài chính, ứng dụng công nghệ

**359. Ứng dụng các phương pháp quản lý kinh tế vào doanh nghiệp Việt Nam**/ Bùi Thị Hằng// Tài chính .- 2021 .- Số 758 .- Tr. 68-70.

**Nội dung:** Để quản lý có hiệu quả một tổ chức, cùng với việc tuân thủ đúng các nguyên tắc quản lý các nhà lãnh đạo cần vận dụng sáng tạo và linh hoạt các phương pháp quản lý, trong đó có phương pháp quản lý kinh tế. Trước xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, việc ứng dụng các phương pháp quản lý kinh tế vào các doanh nghiệp Việt Nam càng có ý nghĩa quan trọng. Bài viết trao đổi phương pháp quản lý kinh tế và đưa ra một số khuyến nghị nhằm vận dụng hiệu quả phương pháp quản lý kinh tế vào các doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Quản lý kinh tế, doanh nghiệp, chính sách lương thưởng, phương pháp quản lý

**360. Ứng dụng Chatbot AI vào hoạt động của ngân hàng thương mại**/ Đào Lê Kiều Oanh, Nguyễn Thành Tuân, Hà Thị Ngọc Hải/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 21(582) .- Tr. 35-40.

**Nội dung**: Bài viết phân tích về Chatbol AI, đánh giá thực trạng ứng dụng Chatbol AI trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và những lợi ích mà nó mang lại. Đồng thời, tác giả cũng đề xuất những yêu cầu cần có trong một Chatbot AI nhằm mang lại trải nghiệm tối ưu nhất cho khách hàng.

**Từ khoá**: Chatbot AI, trải nghiệm khách hàng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo

**361. Ứng dụng chỉ số hài lòng khách hàng Châu Âu - nghiên cứu trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông di động tại Việt Nam**/ Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Thị Phương Thảo// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 514 .- Tr. 24-37.

**Nội dung**: Nghiên cứu tìm hiểu sự hài lòng của khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ điện thoại di động Việt Nam dựa trên mô hình chỉ số hài lòng của khách hàng Châu Âu. Nghiên cứu định lượng sử dụng kỹ thuật phân tích PLS-SEM với bộ dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi có cấu trúc với 243 người dùng điện thoại di động.

**Từ khoá**: chỉ số hài lòng khách hàng của Châu Âu, ECSI, dịch vụ điện thoại di động, lòng trung thành, sự hài lòng

**362. Ứng dụng Fintech cho dịch vụ ngân hàng di động tác động tới kết quả tài chính ngân hàng**/ Lê Thanh Tâm, Lê Đức Hoàng, Mai Ngân Hà, Phan Thuỳ Dương, Nguyễn Thị Ngọc Mai/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 21(582) .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Với bộ dữ liệu mảng của 22 ngân hàng thương mại trong nước giai đoạn 2015-2019, từ đó một số khuyến nghị chính được đưa ra đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng trong bối cảnh công nghệ ngày càng phát triển.

**Từ khoá**: dịch vụ ngân hàng di động, Fintech, ngân hàng thương mại, kết quả tài chính

**363. Ứng dụng mô hình UTAUT mở rộng vào môi trường mua sắm trực tuyến: Vai trò của tính kích thích đến hành vi mua hàng ngẫu hứng và hành vi mua hàng liên tục của người tiêu dùng Việt Nam**/ Lương Thu Hà, Nguyễn Ngọc Phương Thảo, Đàm Vũ Đức Hiếu, Đào Yến Nhung// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 66-76.

**Nội dung**: Dựa trên Lý thuyết về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT) (Venkatesh & cộng sự, 2003) và biến mới Tính kích thích, nhóm tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi mua hàng trực tuyến ngẫu hứng và liên tục của người tiêu dùng Việt Nam. Qua đó, nhóm đặt ra những giả thuyết và chứng thực mối liên kết giữa các biến độc lập: Tính hữu ích, Tính dễ sử dụng, Ảnh hưởng xã hội, Điều kiện vật chất hỗ trợ, Tính kích thích, và các biến phụ thuộc: Ý định mua hàng trực tuyến, Hành vi mua hàng trực tuyến ngẫu hứng và liên tục. Kết quả hồi quy tuyến tính đa biến gồm 583 quan sát cho thấy, Tính dễ sử dụng, Tính hữu ích và Tính kích thích đóng vai trò quan trọng tới Hành vi mua hàng trực tuyến ngẫu hứng và liên tục của người tiêu dùng.

**Từ khoá**: Hành vi mua hàng, hành vi mua hàng ngẫu hứng, hành vi mua hàng liên tục, mua hàng trực tuyến, UTAUT, Việt Nam

**364. Ứng dụng thẻ điểm quản trị công ty trong đánh giá công ty cổ phần có vốn nhà nước, nghiên cứu trường hợp tại Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4**/ Lưu Thị Minh Ngọc, Nguyễn Phương Mai, Đặng Thị Hương// Khoa học Thương mại .- 2021 .- Số 153 .- Tr. 55-61.

**Nội dung:** Trong những năm gần đây, quản trị công ty trở thành một lĩnh vực được nhiều học giả và doanh nghiệp quan tâm và nghiên cứu, đặc biệt sau sự sụp đổ của các tập đoàn và ngân hàng lớn trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu này vận dụng bộ tiêu chí thẻ điểm quản trị công ty tại Việt Nam (Vietnam Listed Company Awards, 2018) để đánh giá và phân tích thực trạng quản trị công ty tại Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4. Phương pháp nghiên cứu tại bàn được sử dụng với nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn công khai như website chính của công ty, sở giao dịch chứng khoán, website vietstock. Kết quả nghiên cứu cho thấy quản trị công ty của công ty đạt mức căn bản, về cơ bản các tiêu chí về quản trị công ty mới dừng lại ở mức độ tuân thủ luật pháp, trong đó nhiều tiêu chí cơ bản còn chưa được thực hiện, đặc biệt các tiêu chí về công bố thông tin và tính minh bạch, trách nhiệm của hội đồng quản trị, vai trò của các bên liên quan. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, công ty cần tập trung cải thiện và điều chỉnh các hoạt động quản trị công ty theo 42 tiêu chí tuân thủ, đồng thời áp dụng thống kê quốc tế để cải thiện, nâng cao hình ảnh, uy tín và thương hiệu nhằm thu hút các nguồn đầu tư.

**Từ khoá**: Quản trị công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông

**365. Ứng xử với thời tiết cực đoan của các nông hộ trên địa bàn huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình**/ Tô Thế Nguyên, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Hồng Chỉnh// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 103-111.

**Nội dung**: Nghiên cứu cho thấy thích ứng với các hiện tượng cực đoan trong sản xuất nông nghiệp là sự điều chỉnh đối với hoạt động canh tác, áp dụng công nghệ mới nhằm giảm khả năng bị tổn thương do các hiện tượng thời tiết cực đoan gây ra.

**Từ khóa**: thời tiết cực đoan, biện pháp thích ứng, nông hộ

**366. Vai trò của các chủ thể bên mua khi tham gia hoạt động mua bán và sáp nhập**/ Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Bảo Hiền// Tài chính .- 2021 .- Số 764 .- Tr. 73-76.

**Nội dung**: Các chủ thể của bên mua có vai trò rất quan trọng để thúc đẩy sự thành công của một thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) doanh nghiệp (DN). Bài viết nghiên cứu và mô tả cụ thể hơn về vai trò các chủ thể của bên mua khi tham gia quy trình M&A, bao gồm bộ phận mua lại, luật sư, hội đồng quản trị, nhà môi giới, ngân hàng, nhà đầu tư, người cho vay, giám đốc kinh doanh và chuyên gia tư vấn và bộ phận tích hợp.

**Từ khoá**: M&A, bên mua, giao dịch mua bán, chủ thể

**367. Vai trò của Fintech đối với hiểu biết tài chính và thúc đẩy tiếp cận tài chính ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ngà/ Thị trường tài chính tiền tệ .- 2021 .- Số 21(582) .- Tr. 28-34.

**Nội dung**: Thúc đẩy tiếp cận tài chính là mục tiêu quan trọng trong ""Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"". Ứng dụng công nghệ số và nâng cao hiểu biết tài chính là hai trong số sáu mục tiêu cụ thể của chiến lược. Hiện nay Việt Nam có mức độ tiếp cận tài chính thấp với tỷ lệ chỉ gần 31% dân số được tiếp cận với hệ thống ngân hàng chính thức và hiệu quả tiếp cận hạn chế. Việc ứng dụng công nghệ tài chính giúp nâng cao hiểu biết tài chính sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy tiếp cận tài chính hiệu quả, bền vững.

**Từ khoá**: Fintech, hiểu biết tài chính, tiếp cận tài chính, tài chính toàn diện

**368. Vai trò của hệ thống chứng khoán ảo trong đào tạo sinh viên khối ngành kinh tế/** Trần Thái Sơn, Phạm Thị Xuân Quỳnh, Nguyễn Tiến Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 601 .- Tr. 121 - 122.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích vai trò của hệ thống chứng khoán ảo trong công tác đào tạo, qua đó xây dựng và phát triển mô hình chứng khoán ảo nhằm tăng cường năng lực thực hành nghề nghiệp cho sinh viên khối ngành kinh tế.

**Từ khóa:** Thị trường chứng khoán, chứng khoán ảo

**369. Vai trò của kỳ vọng kết quả và cảm hứng với ý định khởi sự kinh doanh xã hội**/ Bùi Ngọc Tuấn Anh, Phạm Xuân Lan// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 2 .- Tr. 25-46.

**Nội dung**: Mục đích của nghiên cứu nhằm làm rõ cơ chế tác động của kỳ vọng kết quả, cảm hứng lên ý định khởi sự kinh doanh xã hội qua ba thành tố của lý thuyết hành vi hoạch định, bao gồm: Chuẩn chủ quan, thái độ và nhận thức kiểm soát hành vi. Những mối quan hệ được kiểm chứng qua 178 sinh viên đã tham gia các chương trình hoặc sự kiện do các cộng đồng doanh nghiệp xã hội tổ chức. Kết quả phân tích PLS-SEM cho thấy mô hình có độ phù hợp đạt yêu cầu với dữ liệu nghiên cứu, đồng thời xác nhận các mối quan hệ đề xuất. Kết quả của nghiên cứu cũng xác nhận khả năng giải thích của lý thuyết hành vi hoạch định ứng dụng vào khởi sự kinh doanh xã hội. Điều bất ngờ từ kết quả nghiên cứu là thái độ, chứ không phải nhận thức kiểm soát hành vi gây ảnh hưởng mạnh đến ý định khởi sự kinh doanh xã hội, trong khi đó chuẩn chủ quan có ảnh hưởng khá khiêm tốn. Những phát hiện này giúp cho các nhà giáo dục và hoạch định chính sách có thêm các gợi ý quan trọng cho việc thúc đẩy ý định khởi sự kinh doanh xã hội với đối tượng sinh viên.

**Từ khoá**: Kỳ vọng kết quả; Cảm hứng; Khởi sự kinh doanh xã hội; Ý định; TPB

**370. Vai trò của marketing quan hệ trong thúc đẩy bán hàng của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở Việt Nam/** Nguyễn Thanh Sơn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 600 .- Tr. 121 - 123.

**Nội dung:** Trình bày vai trò của marketing quan hệ trong thúc đẩy bán hàng của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở Việt Nam và các giải pháp áp dụng marketing quan hệ trong các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Marketing quan hệ, bán hàng, doanh nghiệp

**371. Vai trò của vốn xã hội đối với hành vi tìm việc**/ Trương Thành Hiệp, Nguyễn Thị Bích Hồng// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2020 .- Số 7 .- Tr. 73-84.

**Nội dung:** Mục tiêu của bài viết là xây dựng mô hình lý thuyết hai giai đoạn phân tích tác động của lượng vốn xã hội lên hành vi tìm kiếm việc làm của người tìm việc. Mô hình cung cấp cơ sở lý thuyết giải thích cơ chế tác động của lượng vốn xã hội làm gia tăng mức lương ngưỡng yêu cầu của người tìm việc thông qua ba hiệu ứng: giảm chi phí tìm kiếm, tăng cơ hội việc làm, và giảm khả năng bị sa thải của người tìm việc. Ngoài ra, mô hình cũng cung cấp cơ sở lý thuyết giải thích tác động của lượng vốn xã hội lên mức độ nỗ lực tìm việc. Người tìm việc có lượng vốn xã hội cao được kỳ vọng thực hiện nhiều hành vi tìm việc hơn, do đó họ nhanh chóng tìm được việc hơn so với người ít vốn xã hội.

**Từ khoá**: Vốn xã hội, mạng lưới quan hệ, tìm việc làm, hành vi

**372. Vai trò trung gian của hình ảnh nhận thức và sự nhận dạng với điểm đến lên mối quan hệ trách nhiệm xã hội điểm đến và hành vi có trách nhiệm với môi trường của du khách tại Thành phố Đà Nẵng**/ Nguyễn Thị Kim Huệ, Nguyễn Thị Lộc, Nguyễn Thị Hồng, Đặng Thị Kim Thoa// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 5-30.

**Nội dung**: Nhu cầu phát triển du lịch bền vững dẫn đến sự quan tâm về hành vi trách nhiệm với môi trường (Environmentally Responsible Behaviour – ERB) của du khách cũng như việc thực hiện trách nhiệm xã hội của điểm đến (Destination Social Responsibility – DSR). Nghiên cứu tiến hành nhằm đánh giá ảnh hưởng nhận thức của du khách về trách nhiệm xã hội của điểm đến lên hành vi trách nhiệm với môi trường của du khách thông qua hình ảnh nhận thức và sự nhận dạng du khách với điểm đến. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 393 du khách du lịch tại TP. Đà Nẵng. Mô hình nghiên cứu được kiểm định thông qua phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính. Kết quả chỉ ra rằng, có mối quan hệ trực tiếp từ nhận thức trách nhiệm xã hội của điểm đến lên hình ảnh nhận thức và sự nhận dạng điểm đến, đồng thời, hành vi trách nhiệm với môi trường của du khách bị tác động bởi sự nhận dạng với điểm đến và hình ảnh nhận thức. Ngoài ra, kiểm định mối quan hệ trung gian chỉ ra rằng mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của điểm đến và hành vi trách nhiệm với môi trường bị ảnh hưởng gián tiếp từ hình ảnh nhận thức và sự nhận dạng điểm đến.

**Từ khoá**: Trách nhiệm với môi trường, trách nhiệm xã hội, sự nhận dạng, hình ảnh điểm đến

**373. Vai trò trung gian của mô hình AMO trong mối quan hệ giữa hệ thống làm việc hiệu suất cao và kết quả kinh doanh**/ Bùi Thị Phương Linh, Trần Kim Dung// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 74-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đo lường ảnh hưởng của hệ thống làm việc hiệu suất cao đến kết quả kinh doanh của các ngân hàng. Dữ liệu khảo sát được thu thập từ 386 chi nhánh, phòng giao dịch thuộc 17 ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và được xử lý bằng phần mềm Smart PLS 3.3.3. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò trung gian toàn phần của các thành phần thuộc mô hình AMO (khả năng dịch vụ, định hướng dịch vụ, môi trường dịch vụ) trong mối quan hệ giữa hệ thống làm việc hiệu suất cao và kết quả kinh doanh của các phòng giao dịch, chi nhánh trong ngành ngân hàng và vai trò điều tiết của môi trường năng động giữa hệ thống làm việc hiệu suất cao đến kết quả kinh doanh. Bên cạnh đó, ứng dụng để nâng cao kết quả kinh doanh ngân hàng, nâng cao hệ thống làm việc hiệu suất cao và khả năng dịch vụ cũng được thảo luận.

**Từ khoá**: Hệ thống làm việc hiệu suất cao; Mô hình AMO; Kết quả kinh doanh; Môi trường năng động

**374. Vai trò trung gian của trách nhiệm môi trường trong ý định mua sản phẩm xanh : nghiên cứu đối với sinh viên ngành kế toán**/ Nguyễn Thị Hằng Nga// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 88-91.

**Nội dung**: Thông tin kỹ thuật phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), dựa trên một mẫu khảo sát gồm 293 sinh viên ngành kế toán tại trường đại học trên địa bàn TP.HCM, kết quả cho tháy trách nhiệm xã hội đối với môi trường và trách nhiệm cá nhân đối với môi trường đóng vai trò trung gian bán phần giữa sự xa cách về mặt tâm lý với ý định mua sản phẩm xanh. Dựa trên kết quả này, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý đối với các tổ chức kinh doanh, tổ chức giao dục liên quan đến trách nhiệm thúc đẩy bảo vệ môi trường.

**Từ khoá**: Sản phẩm xanh, môi trường, trách nhiệm, kế toán

**375. Vai trò trung gian của mô hình AMO trong mối quan hệ giữa hệ thống làm việc hiệu suất cao và kết quả kinh doanh**/ Bùi Thị Phương Linh, Trần Kim Dung// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 6 .- Tr. 74-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đo lường ảnh hưởng của hệ thống làm việc hiệu suất cao đến kết quả kinh doanh của các ngân hàng. Dữ liệu khảo sát được thu thập từ 386 chi nhánh, phòng giao dịch thuộc 17 ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và được xử lý bằng phần mềm Smart PLS 3.3.3. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò trung gian toàn phần của các thành phần thuộc mô hình AMO (khả năng dịch vụ, định hướng dịch vụ, môi trường dịch vụ) trong mối quan hệ giữa hệ thống làm việc hiệu suất cao và kết quả kinh doanh của các phòng giao dịch, chi nhánh trong ngành ngân hàng và vai trò điều tiết của môi trường năng động giữa hệ thống làm việc hiệu suất cao đến kết quả kinh doanh. Bên cạnh đó, ứng dụng để nâng cao kết quả kinh doanh ngân hàng, nâng cao hệ thống làm việc hiệu suất cao và khả năng dịch vụ cũng được thảo luận.

**Từ khoá**: Hệ thống làm việc hiệu suất cao; Mô hình AMO; Kết quả kinh doanh; Môi trường năng động

**376. Vận dụng lý thuyết hành vi dự định mở rộng giải thích ý định tiêu dùng thực phẩm sạch của người dân Nha Trang**/ Nguyễn Thị Nga, Lê Thiên Lập// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 291 .- Tr. 77-85.

**Nội dung**: Lý thuyết hành vi dự định (Theory of Planned Behavior - TPB) được sử dụng rất nhiều trong lĩnh vực nghiên cứu hành vi tiêu dùng định hướng. Mục đích chính của nghiên cứu này giải thích sự tác động của các biến số trong mô hình TPB gốc và xem xét việc mở rộng mô hình TPB gốc bằng việc bổ sung biến quy chuẩn hình mẫu để giải thích tốt hơn sự biến thiên trong ý định tiêu dùng thực phẩm sạch. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô hình phương trình cấu trúc dựa trên kỹ thuật phân tích bình phương tối thiểu bán phần (PLS-SEM) để kiểm định mô hình dựa trên mẫu khảo sát 200 người dân Nha Trang. Kết quả cho thấy ba trong bốn giả thuyết đề xuất được ủng hộ bởi dữ liệu. Vì vậy, nghiên cứu này kỳ vọng tạo ra những thông điệp quan trọng, hiệu quả và cần thiết cho nhà quản lý, nhà kinh doanh liên quan để dự báo hành vi tiêu dùng thực phẩm sạch.

**Từ khoá**: Thực phẩm sạch, ý định sử dụng thực phẩm sạch, Nha Trang, người dân, lý thuyết hành vi dự định

**377. Vốn trí tuệ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dược phẩm tại Việt Nam**/ Vân Thị Hồng Loan, Hoàng Thị Thu Hiền, Trần Phú Ngọc, Võ Hồng Đức// Kinh tế và phát triển .- 2021 .- Số 290 .- Tr. 65-14.

**Nội dung**: Xác định mức độ ảnh hưởng của vốn trí tuệ đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dược phẩm tại Việt Nam trong giai đoạn 2011-2019. Trong nghiên cứu này, mô hình hệ số giá trị gia tăng trí tuệ hiệu chỉnh (MVAIC) và uớc lượng mô men tổng quát (GMM) được sử dụng. Kết quả của nghiên cứu cho thấy vốn trí tuệ có tác động tích cực đến hoạt động của doanh nghiệp trong ngành dược phẩm của Việt Nam. Ngoài ra, khi các thành phần của vốn trí tuệ được xem xét, kết quả thể hiện rằng hiệu quả vốn nhân lực (human capital efficiency), hiệu quả vốn cấu trúc (structural capital efficiency) và hiệu quả sử dụng vốn (capital employed efficiency) cùng tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp dược phẩm tại Việt Nam. Dựa trên kết quả nghiên cứu, các hàm ý chính sách được đề xuất nhằm phát triển và phát huy vai trò của vốn trí tuệ trong tương lai.

**Từ khoá**: Hiệu quả hoạt động, vốn trí tuệ, GMM, mô hình hệ số giá trị gia tăng trí tuệ hiệu chỉnh, Việt Nam

**378. Xác định vai trò của cảng cạn trong việc tiết kiệm chi phí logistics qua cảng biển Việt Nam**/ Nguyễn Cảnh Lam, Nguyễn Minh Đức, Quách Thị Hà, Ruth Banomyong// Nghiên cứu kinh tế .- 2021 .- Số 516 .- Tr. 68-76.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích, đánh giá vai trò của hệ thống cảng cạn tại Việt Nam trong việc cắt giảm chi phí logistics cho hàng công te nơ xuất, nhập khẩu qua đường biển, từ đó khẳng định vai trò của cảng cạn ở Việt Nam đối với các bên liên quan.

**Từ khoá**: cảng cạn, ICD, chi phí, logistics, công te nơ, cơ sở hoạt động, đường thuỷ nội địa

**379. Xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả học tập các học phần đồ án của sinh viên trường Đại học Vinh**/ Hoàng Thị Thúy Vân, Nguyễn Thị Tuyết Trinh, Hoàng Lê Phương Thảo, Hồ Thị Thanh Tiến// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Bài báo thông qua nghiên cứu thực tế các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả học tập các học phần đồ án theo định hướng tiếp cận CDIO ở trường Đại học Vinh, đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả học tập các học phần đồ án phù hợp với đặc trưng giảng dạy theo định hướng CDIO của nhà trường.

**Từ khóa**: Các nhân tố ảnh hưởng, đồ án, quản trinh kinh doanh, giảng dạy

**380. Xây dựng mô hình hệ thống hỗ trợ quản trị Chuyển Đổi Số cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam**/ Nguyễn Mạnh Tuấn, Trương Văn Tú, Lê Ngọc Thạnh// Jabes - Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh châu Á .- 2021 .- Số 7 .- Tr. 23-44.

**Nội dung**: Nghiên cứu này đã thực hiện tổng quan về Chuyển Đổi Số (CĐS) của doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN), ngoài ra nghiên cứu cũng thực hiện nghiên cứu tổng quan về các phương pháp CĐS của DNVVN trên thế giới và Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất một mô hình hệ thống hỗ trợ quản trị CĐS cho DNVVN một cách hệ thống gồm 4 giai đoạn: (1) Định vị doanh nghiệp; (2) Tầm nhìn chiến lược; (3) Phát triển lộ trình; (4) Dự án CĐS: Lên kế hoạch; Thực hiện và triển khai. Nghiên cứu cũng đã trình bày chi tiết mô hình về hệ thống hỗ trợ quản trị CĐS cho DNVVN, bước đầu đã xác định cơ sở lý luận cùng với việc phác thảo mô hình nghiệp vụ 14 bước được chia làm 4 giai đoạn. Và một mô hình kiến trúc tổng thể của hệ thống theo mô hình 3 lớp cũng được thiết lập nhằm xác định rõ kiến trúc và các công nghệ có thể được sử dụng khi hiện thực hệ thống.

**Từ khoá**: CMCN 4.0; DNVVN; Chuyển đổi số; chiến lược số hóa; phương pháp tiếp cận chuyển đổi số; Phương pháp nghiên cứu Hệ thống thông tin

**381. Xây dựng mô hình nghiên cứu những nhân tố tác động đến ý định sử dụng điện thoại thông minh của giới trẻ tại Hà Nội**/ Nguyễn Bình Minh, Nguyễn Bảo Ngọc, Phạm Nguyễn Hoàng Hải// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 221 .- Tr. 33-36.

**Nội dun**g: Nghiên cứu nhằm xây dựng mô hình các nhân tố có tác động đến ý định sử dụng điện thoại thông minh. Hai lý thuyết chính được dùng trong nghiên cứu là lý thuyết giá trị tiêu dùng và hành động hợp lý. Mô hình được đề xuất gồm 9 nhân tố: thái độ, chuẩn chủ quan, kiểm soát hành vi, giá trị điều kiện, giá trị xã hội, giá trị học hỏi, giá trị cảm xúc, giá trị hữu dụng và tiêu dùng đẳng cấp.

**Từ khoá**: nhân tố tác động, ý định sử dụng, điện thoại thông minh, giá trị tiêu dùng, hành động hợp lý, hành vi có kế hoạch

**382. Xu hướng phát triển công nghệ số trong Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 – Những tác động, thách thức và cơ hội đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán**/ Đoàn Xuân Tiên// Kế toán & Kiểm toán .- 2021 .- Số 218 .- Tr. 3-6.

**Nội dung**: Công nghệ số (CNS) trong Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang phát triển một cách nhanh chóng, đã mở ra một thời đại mới trong tiến trình phát triển của nhân loại và các quốc gia trên toàn thế giới – đó là thời đại số, đây cũng là cơ hội lịch sử, song cũng đầy khó khăn, thách thức đối với công cuộc cải cách và phát triển đất nước. Nếu không bắt kịp nhịp độ phát triển của thế giới và khu vực, chúng ta sẽ phải đối mặt những thách thức, tác động tiêu cực, tụt hậu về công nghệ, suy giảm năng lực sản xuất, kinh doanh, ảnh hưởng lớn tới phát triển kinh tế – xã hội. Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là chính thức khởi động quá trình chuyển đổi số để hướng đến nền quản trị thông minh, nền kinh tế số, xã hội số. Điều đó tác động trực tiếp đến tất các các ngành, lĩnh vực, trong đó lĩnh vực kế toán, kiểm toán chịu sự tác động không chỉ trực tiếp đến từng đơn vị, mà còn liên quan đến tất cả hoạt động kế toán, kiểm toán các đối tượng khác, nhất là khi Việt Nam bắt đầu đưa hệ thống Tổng Kế toán Nhà nước vào vận hành, từ năm 2020. Bài viết tập trung phân tích vai trò có tính quyết định của CNS, xu hướng phát triển; những thách thức, tác động của CMCN 4.0, những cơ hội và giải pháp cần thiết đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

**Từ khoá**: Công nghệ số, kế toán, kiểm toán, Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0

**383. Xu hướng quản lý Bigtech trên thế giới và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Tạ Quang Đôn// Ngân hàng .- 2022 .- Số 2+3 .- Tr. 97-103.

**Nội dung**: Bài viết sẽ tổng hợp các lợi ích và rủi ro từ hoạt động tài chính của các Bigtech, xác định cách thức quản lý hoạt động tài chính của các Bigtech trên thế giới, từ đó đề xuất một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: hoạt động tài chính, Bigtech, tài chính, ngân hàng

**384. Yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ cho vay tại Sacombank Trà Vinh**/ Lê Trung Hiếu, Huỳnh Lê Thừa Băng// Tài chính .- 2021 .- Số 765 .- Tr. 98-101.

**Nội dung**: Nghiên cứu này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi vay tiêu dùng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh tỉnh Trà Vinh (Sacombank Trà Vinh). Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng qua bảng câu hỏi được thu thập từ 150 khách hàng đã và đang sử dụng dịch vụ vay tiêu dùng tại Sacombank Trà Vinh, kết quả cho thấy, có 6 yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ vay tiêu dùng: Hữu hình, đồng cảm, năng lực phục vụ, tin cậy, đáp ứng, giá cả. Nghiên cứu còn đề xuất một số hàm ý quản trị giúp Sacombank Trà Vinh đưa ra chiến lược phù hợp để thu hút và giữ chân khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần cho vay tiêu dùng.

**Từ khoá**: Cho vay tiêu dùng, ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Sacombank Trà Vinh

**385. Yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đầu tư công tại các trường đại học tự chủ ở Việt Nam**/ Phạm Văn Hùng, Phạm Minh Hóa, Lê Thị Yến// Tài chính .- 2021 .- Số 763 .- Tr. 71-75.

**Nội dung:** Bài viết nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đầu tư công tại các trường đại học tự chủ ở Việt Nam. Các yếu tố ảnh hưởng được xác định thông qua khảo sát 378 cán bộ quản lý các dự án đầu tư công tại các trường đại học tự chủ, bao gồm cán bộ quản lý nhà nước tại các đơn vị liên quan và cán bộ quản lý nhà nước tại các trường đại học tự chủ ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đầu tư công tại các trường đại học tự chủ ở Việt Nam gồm: Năng lực của cơ quan quản lý đầu tư công; kinh phí thực hiện dự án đầu tư công tại các trường; thủ tục hành chính và các quy định của pháp luật; bối cảnh thực tế.

**Từ khoá**: Quản lý đầu tư công, trường đại học tự chủ

**KIẾN TRÚC**

**1. Áp dụng hạ tầng xanh vào công tác quy hoạch các khu đô thị mới : trường hợp nghiên cứu tại huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh/** ThS. KTS. Lê Thanh Tú, TS. KTS. Hoàng Ngọc Lan// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 46-51.

**Nội dung:** Nghiên cứu về việc áp dụng hạ tầng xanh trong các khu đô thị, tìm hiểu các vấn đề liên quan để xác định các thành phần và các nguyên tắc áp dụng hạ tầng xanh từ quy mô cấp đô thị đến cấp công trình.

**Từ khóa**: Hạ tầng xanh, quy hoạch đô thị, khu đô thị mới

**2. Chung cư xanh cao tầng Việt Nam : thực trạng và xu hướng phát triển/** TS. Lý Văn Vinh, ThS. KTS. Đỗ Thu Vân// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 237 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng chung cư cao tầng, xu hướng phát triển chung cư xanh cao tầng tại Việt Nam và chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh.

**Từ khóa**: Chung cư xanh cao tầng, đô thị, tăng trưởng xanh

**3. Công nghệ in 3D giải pháp cho thiết kế sáng tạo và sản xuất bền vững**/ Lê Văn Thảo// Tự động hóa ngày nay .- 2022 .- Số 251+252 .- Tr. 53-54.

**Nội dung**: Ra đời vào những năm 1980s, công nghệ in 3D đã không ngừng phát triển và được ứng dụng trong hầu hết tất cả lĩnh vực trong đời sống, từ các ngành công nghiệp chế tạo hàng không vũ trụ, ô tô, khuôn mẫu, cho đến các lĩnh vực kiến trúc, xây dựng, y tế, giáo dục và thời gian. Ngày nay công nghệ in 3D được xem là một trong những trụ cột chính của công nghiệp 4.0.

**Từ khóa**: Công nghệ in 3D, thiết kế, sáng tạo, sản xuất

**4. Công nghệ LiDAR scanner trong công tác xây dựng dữ liệu số bảo tồn di sản kiến trúc/** TS. Lê Thị Minh Phương, ThS. Nguyễn Thành Len// Kiến trúc .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 63-67.

**Nội dung:** Giới thiệu công nghệ LiDAR scanner, hỗ trợ công tác xây dựng dữ liệu số có độ chính xác cao, tiết kiệm chi phí và thời gian đặc biệt là dữ liệu đo đạc còn được dựng dưới dạng 3D.

**Từ khóa**: Bảo tồn di sản kiến trúc, dữ liệu số, công nghệ LiDAR scanner

**5. Di sản trong cuộc sống hiện đại/** KTS. Nguyễn Hoàng Phương// Kiến trúc .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 47-50.

**Nội dung:** Công trình được xây dựng giai đoạn cuối thế kỷ 19 và trải qua các thời kỳ mở rộng, trùng tu khác nhau, mỗi thời điểm trùng tu đều được đánh dấu bằng các phong cách kiến trúc, vật liệu xây dựng đặc trưng tại thời điểm đó.

**Từ khóa**: Di sản văn hóa, kiến trúc công trình

**6. Đô thị di sản thích ứng với biến đổi khí hậu/** KTS. Hoàng Hải Minh// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Với mô hình phát triển đô thị là “Tập hợp đô thị di sản, văn hóa và cảnh quan”, quy hoạch là một trong những công cụ căn bản để Thừa Thiên – Huế tổ chức quản lý hiệu quả và phát triển.

**Từ khóa**: Đô thị di sản, biến đổi khí hậu, quy hoạch đô thị

**7. Giải pháp cơ sở hạ tầng xanh & quy hoạch đô thị/** TS. Vũ Tuấn Vinh// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 10-13.

**Nội dung:** Trình bày nguyên tắc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng xanh và đưa ra ứng dụng giải pháp cơ sở hạ tầng xanh trong quy hoạch đô thị.

**Từ khóa**: Cơ sở hạ tầng xanh, quy hoạch đô thị

**8. Hạ tầng xanh trong quy hoạch phát triển đô thị/** ThS. Phạm Trung Nghị// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 18-21.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng của đô thị hóa đến môi trường và đưa ra các giải pháp hạ tầng xanh cần được chú trọng trong quy hoạch phát triển đô thị.

**Từ khóa**: Hạ tầng xanh, quy hoạch đô thị

**9. Hệ thống tiêu chí nhận diện tính bản địa trong kiến trúc đương đại Việt Nam/** ThS. KTS. Trần Mạnh Cường// Kiến trúc .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 70-75.

**Nội dung:** Trình bày về cấu trúc của vấn đề biểu hiện tính bản địa trong kiến trúc và các cơ sở để nhận diện hiển hiện tính bản địa trong kiến trúc.

**Từ khóa**: Kiến trúc đương đại, tính bản địa, kiến trúc Việt Nam

**10. Hiện thực hóa các giải pháp phát triển công trình xanh tại Việt Nam/** PGS. TS. KTS. Hoàng Mạnh Nguyên// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 237 .- Tr. 32-35.

**Nội dung:** Đề cập đến việc thực hóa các giải pháp phát triển công trình xanh và bàn luận về những thách thức, cơ hội phát triển công trình xanh tại Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Công trình xanh, giải pháp

**11. Khách sạn Thắng Lợi – di sản kiến trúc cần được bảo tồn mang giá trị đặc biệt về cảnh quan đô thị và lịch sử trong hạ tầng cảnh quan Hồ Tây**/ Lê Mỹ Quốc// Xây dựng .- 2022 .- Số 1 .- Tr. 132-138.

**Nội dung**: Bài viết góp phần khắc họa sự ảnh hưởng của giá trị cảnh quan và lịch sử của trào lưu kiến trúc trong bối cảnh đô thị Hà Nội tương quan đô thị Havana (CuBa). Tác giả lựa chọn công trình tiêu biểu trong nhóm quần thể kiến trúc là công trình Khách sạn Thắng Lợi. Bên cạnh đó sẽ xây dựng hệ thống giá trị mang tính lịch sử - kiến trúc – đô thị - cảnh quan của công trình với việc sử dụng hai phương pháp đánh giá di sản kiến trúc nhằm đánh giá khách quan các công trình đã chọn.

**Từ khóa**: Khách sạn Thắng Lợi, kiến trúc, di sản văn hóa, cảnh quan đô thị, giá trị lịch sử

**12. Khai thác giá trị không gian kiến trúc cảnh quan : đặc trưng trong xây dựng nông thôn mới/** TS. Tạ Thị Hoàng Vân// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 237 .- Tr. 76-79.

**Nội dung:** Tối ưu hóa của cảnh quan nông thôn trong phát triển đô thị bền vững; Những yếu tố đặc trưng cảnh quan nông thôn trong đô thị; Ứng xử với các nhóm làng “nông nghiệp” trong đô thị; Những yêu cầu quản lý và khai thác không gian nông thôn trong đô thị.

**Từ khóa**: Kiến trúc cảnh quan, không gian nông thôn, đô thị

**13. Lý thuyết cơ bản về hạ tầng xanh : kinh nghiệm bảo vệ và phát triển hạ tầng xanh trên thế giới, một số đề xuất cho Việt Nam/** Nguyễn Thị Kiều Vinh, Doãn Thị Thùy Hương// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 22-27.

**Nội dung:** Giới thiệu lý thuyết cơ bản của hệ thống hạ tầng xanh được tổng hợp từ việc tìm hiểu các nghiên cứu về chủ đề này, giới thiệu kinh nghiệm bảo vệ và phát triển hệ thống hạ tầng xanh của các đô thị trên thế giới, từ đó đề xuất một số nội dung nhằm bảo vệ và phát triển hệ thống hạ tầng xanh ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Hạ tầng xanh, phát triển bền vững, kinh nghiệm, quy hoạch đô thị

**14. Mô hình tích hợp thông tin công trình BIM và hoạt động đào tạo BIM trên thế giới và Việt Nam/** ThS. Phùng Quang Minh, ThS. Ngô Thu Hằng// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 237 .- Tr. 71-75.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về đào tạo mô hình tích hợp thông tin công trình BIM tại các nước trên thế giới và hoạt động đào tạo BIM tại Việt Nam.

**Từ khóa**: BIM, mô hình tích hợp thông tin công trình

**15. Một số giải pháp áp dụng hạ tầng xanh trong đô thị/** KTS. Chử Đức Trung, ThS. KTS. Lương Vũ Đàm Ninh// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 28-33.

**Nội dung:** Trình bày khái niệm tổng quát về cơ sở hạ tầng xanh nhằm cung cấp sự hiểu biết rõ ràng nhất về hệ thống hạ tầng xanh trong đô thị.

**Từ khóa**: Hạ tầng xanh, đô thị

**16. Nghệ thuật đương đại kiến tạo không gian công cộng : cảm nhận từ bờ vở Phúc Tân/** HS. Trần Hậu Yên Thế// Kiến trúc .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Chia sẽ một viễn cảnh của nghệ thuật công cộng có sự đóng góp của Nghệ thuật Đương đại của nhà nghiên cứu lịch sử mỹ thuật.

**Từ khóa**: Nghệ thuật đương đại, không gian công cộng, Phúc Tân

**17. Nhà ở công nhân và thiết chế công đoàn theo định hướng xanh – bền vững/** KTS. Trần Vũ Minh// Kiến trúc .- 2021 .- Số 12 (320).- Tr. 90-93.

**Nội dung:** Sự phát triển của các khu công nghiệp và hiện trạng nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp; Nhà ở cho công nhân – đề án thiết chế công đoàn; Định hướng và các giải pháp phát triển công trình xanh và bền vững cho các dự án thiết chế công đoàn.

**Từ khóa**: Nhà ở công nhân, thiết chế công đoàn, công trình xanh

**18. Phát huy giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống miền Tây Nam Bộ trong thiết kế nhà ở tại vùng nông thôn mới của Cần Thơ/** TS. KTS. Trương Thị Thanh Trúc, KTS. Trần Huỳnh Long// Xây dựng .- 2021 .- Số 12 .- Tr. 54-57.

**Nội dung:** Những giá trị của kiến trúc nhà ở truyền thống miền Tây Nam Bộ; Quan điểm về phát huy giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống trong thiết kế nhà ở nông thôn mới tại Cần Thơ; Các nguyên tắc về phát huy giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống trong thiết kế nhà ở nông thôn mới tại Cần Thơ.

**Từ khóa**: Kiến trúc truyền thống, thiết kế nhà ở, nông thôn mới, miền Tây Nam Bộ

**19. Phát triển đô thị tương lai : những thử thách và cơ hội mới/** TSKH. KTS. Ngô Viết Nam Sơn// Kiến trúc .- 2021 .- Số 12 (320) .- Tr. 22-25.

**Nội dung:** Nhìn lại những thử thách lớn đồng thời cũng là những cơ hội chiến lược lớn có thể giúp hình thành các xu thế phát triển mới tại các đô thị Việt Nam trong vài thập niên sắp tới.

**Từ khóa**: Đô thị, phát triển đô thị, thử thách, cơ hội

**20. Phát triển giao thông xanh ở Việt Nam/** TS. Trương Thị Mỹ Thanh// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 52-57.

**Nội dung:** Tập trung vào thực tế đầu tư phát triển giao thông, lý giải những thách thức mang tính đặc thù của Việt Nam, từ đó cho thấy sự cần thiết của những nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết dài hạn những thách thức này.

**Từ khóa**: Giao thông xanh, quy hoạch đô thị

**21. Quy hoạch – kiến trúc nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới ứng phó thiên tai biến đổi khí hậu tại các tỉnh miền Trung giai đoạn 2021-2025/** PGS. TS. KTS. Nguyễn Vũ Phương// Xây dựng .- 2022 .- Số 2 .- Tr. 42-47.

**Nội dung:** Đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực miền Trung; Thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu tác động tới khu vực Duyên hải miền Trung; Một số kinh nghiệm về ứng phó thiên tai biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong xây dựng quy hoạch – kiến trúc nông thôn; Thực trạng quy hoạch – kiến trúc nông thôn mới và các hành động ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu tại các tỉnh miền Trung.

**Từ khóa**: Nông thôn mới, biến đổi khí hậu, quy hoạch kiến trúc

**22. Quy hoạch khu công nghiệp & vấn đề nhà ở công nhân/** PGS. TS. KTS. Lưu Đức Cường, TS. Vũ Tuấn Vinh// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 78-81.

**Nội dung:** Nghiên cứu, đổi mới trong hệ thống cơ chế, chính sách về quy hoạch khu công nghiệp gắn kết với quy hoạch phát triển đô thị cũng như các chính sách quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý nhà ở xã hội, trong đó có nhà ở cho công nhân.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, nhà ở công nhân

**23. Quy hoạch phát triển thủ đô Hà Nội theo hướng thông minh và bền vững/** PGS. TS. KTS. Lưu Đức Cường, ThS. Nguyễn Huy Dũng// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 66-70.

**Nội dung:** Thách thức trong quy hoạch triển thủ đô Hà Nội hiện nay; Nguyên nhân của những tồn tại, thách thức; Một số giải pháp quy hoạch thủ đô Hà Nội theo hướng thông minh, bền vững.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, thông minh, bền vững

**24. Quy hoạch thông minh/ không gian sáng tạo : sự dung hòa giữa phát triển và đặc trưng đô thị cho không gian công cộng đô thị tương lai Trường Thọ (A3) – thành phố Thủ Đức/** Trương Thái Hoài An, Trần Thị Việt Hà// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 71-77.

**Nội dung:** Tìm các giá trị đặc trưng của một khu vực và kiến tạokhông gian công cộng thông minh theo hướng sáng tạo.

**Từ khóa**: Quy hoạch đô thị, không gian công cộng

**25. Sử dụng năng lượng hiệu quả, tiện nghi nhiệt : vấn đề cốt lõi trong phát triển công trình xanh/** ThS. KTS. Trần Thành Vũ// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 237 .- Tr. 36-39.

**Nội dung:** Làm rõ vấn đề phát triển công trình xanh, vấn đề cốt lõi phải là sử dụng năng lượng hiệu quả, tiện nghi nhất.

**Từ khóa**: Công trình xanh, năng lượng

**26. Tái thiết không gian công cộng với sự tham gia của cộng đồng tại khu đất bờ vở sông Hồng/** KTS. Chu Kim Đức// Kiến trúc .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 38-40.

**Nội dung:** Trình bày về không gian bị lãng quên bên bờ sông Hồng, tái thiết không gian công cộng với sự tham gia của cộng đồng, những bài học trong việc tái thiết không gian công cộng cùng cộng đồng đô thị.

**Từ khóa**: Không gian công cộng, cộng đồng đô thị, sông Hồng

**27. Thiết kế cảnh quan thích ứng tự nhiên, văn hóa và xã hội trong bối cảnh phát triển và biến đổi đô thị/** ThS. KTS. Doãn Minh Thu// Kiến trúc .- 2021 .- Số 11 .- Tr. 24-27.

**Nội dung:** Trình bày về khái niệm thích ứng; vai trò của thiết kế cảnh quan thích ứng trong sự biến đổi và phát triển đô thị; cảnh quan thích ứng nhu cầu xã hội mới; cảnh quan thích ứng điều kiện tự nhiên; suy ngẫm về một số loại hình không gian cảnh quan ở Hà Nội.

**Từ khóa**: Thiết kế cảnh quan, đô thị, cảnh quan thích ứng

**28. Thiết kế mặt đứng chung cư cao tầng theo hướng kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng/** KTS. Nguyễn Thùy Dung// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 237 .- Tr. 80-83.

**Nội dung:** Đưa ra các thành phần cố định và các thành phần bổ sung của chung cư cao tầng để tối ưu hóa năng lượng sử dụng bên trong tòa nhà đồng thời vẫn mang lại tiện nghi cho người sử dụng.

**Từ khóa**: Chung cư cao tầng, kiến trúc xanh, thiết kế kiến trúc

**29. Tích hợp BGI trong phát triển đô thị tại Tp. Hồ Chí Minh/** TS. KTS. Phạm Trần Hải, ThS. KTS. Lê Hồng Nhật// Quy hoạch xây dựng .- 2021 .- Số 114 .- Tr. 58-65.

**Nội dung:** Làm rõ về khái niệm BGI, lợi ích của việc tích hợp BGI trong phát triển đô thị, kinh nghiệm tích hợp BGI trong thực tiễn phát triển đô thị trên thế giới và các khả năng tích hợp BGI trong phát triển đô thị tại Tp. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Kết cấu hạ tầng xanh, Blue Green Infrastructure (BGI)

**30. Xây dựng mặt xoắn bằng máy tính điện tử để tiện áp dụng trong thiết kế và dạy học môn hình học họa hình/** ThS. Phùng Quang Minh, ThS. Ngô Thu Hằng// Kiến trúc Việt Nam .- 2021 .- Số 237 .- Tr. 66-70.

**Nội dung:** Đưa ra một phương pháp tạo mặt xoắn mới, đó là sự kết hợp của hình họa, hình học giải tích và phần mềm lập trình nhằm đi xây dựng thuật toán thiết lập mô hình mặt xoắn trong máy tính điện tử.

**Từ khóa**: Mặt xoắn, máy tính điện tử, hình học họa hình, thiết kế kiến trúc

**THIẾT KẾ THỜI TRANG**

**1. Nghiên cứu và đánh giá tiềm năng của lá khóm trong kéo sợi dệt vải/** Nguyễn Ngọc Xuân Hoa, Đỗ Ngọc Tường Quyên, Huỳnh Nguyễn Thu Hà// Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Số 48 .- Tr. 108-117.

**Nội dung:** Nội dung nghiên cứu là tiến hành phân tách lá khóm bằng phương pháp cơ lý và hóa học từ đó đánh giá hình thái học và các thông số vật lý của xơ. Sau đó tiến hành cắt ngắn xơ khóm pha trộn với xơ bông và kéo sợi trên dây chuyền kéo sợi của xơ bông để đánh giá khả năng kéo sợi dệt vải. Kết quả cho thấy rằng việc phân tách xơ từ lá khóm bằng phương pháp cơ lý kết hợp với xử lý xơ trong dung dịch thu được xơ tương đối sạch. Tuy nhiên nghiên cứu còn nhiều hạn chế, do đó việc nghiên cứu và đưa ra phương án phân tách tối ưu cho xơ vẫn đang được tiến hành.

**Từ khóa**: Quả thơm, quả khóm, quả dứa, kéo sợi dệt vải

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1. Biểu tượng Núi Đá – sự tái sinh trong ngưỡng vọng của truyền thuyết dân gian Việt Nam**/ Nguyễn Thị Quỳnh Hương// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 2(600) .- Tr. 37-45 .- ISSN.0494-6928

**Nội dung**: Biểu tượng núi đá trong truyền thuyết dân gian lưu lại dấu ấn của sự giao thoa tín ngưỡng, văn hóa ở Việt Nam và sức mạnh của nhân vật lịch sử, của cộng đồng dân tộc. Núi đá là một dạng thức của đá, do đó biểu tượng núi đá cũng vừa có những lớp nghĩa mang tính phổ quát của đá vừa chứa những lớp nghĩa riêng.

**Từ khóa**: Biểu tượng, núi đá, truyền thuyết dân gian, Việt Nam

**2. Chiến binh cầu vồng và Totto-Chan bên cửa sổ, ý nghĩa thực sự của “cái khác” (the otherness) trong giáo dục**/ Nguyễn Phương Liên// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 1(599) .- Tr. 49-57.

**Nội dung**: Phân tích hai tiểu thuyết: Totto-chan bên cửa sổ của nhà văn Nhật Bản Kuroyanagi Tetsuko và Chiến binh cầu vồng của nhà văn Indonesia Andrea Hirata thảo luận về vai trò của giáo dục trong quá trình làm chuyển hóa nội hàm khái niệm “cái khác” theo quan điểm hậu thuộc địa.

**Từ khóa**: Giải thiêng, cái khác, hậu thực dân, hình tượng người thầy

**3. Đổi mới văn học kịch cuối thế kỷ XX (1986-2000)**/ Nguyễn Thị Minh Thái// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 12(598) .- Tr. 34-48.

**Nội dung**: Phân tích và làm sáng tỏ một số đặc điểm trong quá trình đổi mới văn học kịch cuối thế kỷ XX. Trong bài viết, tác giả chỉ nghiên cứu ngôn ngữ văn học, trong một loại tác phẩm văn chương đặc thù, đó là kịch bản văn học, và hẹp hơn, chỉ nghiên cứu sự đổi mới của loại văn bản này trong giai đoạn cụ thể : từ 1986 đến 2000.

**Từ khóa**: Đổi mới văn học, văn học kịch, Lưu Quang Vũ, Xuân Trình

**4. Hành trình kiến tạo hình ảnh ước lệ trong văn học cổ Trung Hoa và Việt Nam**/ Nguyễn Kim Châu// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 12(598) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Sự sinh động, phong phú của các hình ảnh ước lệ cũng như việc vận dụng bút pháp ước lệ trong thực tiễn sáng tác văn học cổ Việt Nam và Trung Hoa là cơ sở để đặt ra những vấn đề cần được khảo sát, lý giải như: Các hình ảnh ước lệ đã được hình thành như thế nào trong tiến trình văn học? Tại sao các thi nhân trung đại chỉ chú trọng đến việc sử dụng lặp lại những hình ảnh có ý nghĩa mang tính quy ước hay những công thức miêu tả quen thuộc?...

**Từ khóa**: Ước lệ, tượng trung, bút pháp nghệ thuật

**5. Hát nói trong tiến trình văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX**/ Hà Ngọc Hòa// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 2(600) .- Tr. 4-11 .- ISSN.0494-6928

**Nội dung**: Hát nói nửa cuối thể kỉ XIX đã có nhiều thay đổi so với hát nói giai đoạn trước. Bên cạnh nội dung thị tài, hành lạc, hát nói giai đoạn này đã có them nội dung kí ngụ tâm tình; trào phúng, châm biếm. Những thay đổi này không chỉ đáp ứng được yêu cầu của thời đại mà còn tạo điều kiện cho hát nói đầu thế kỉ XX có them những nội dung mới gắn liền với cuộc đấu tranh giành độc lập và hiện đại hóa văn học nước nhà.

**Từ khóa**: Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Tú Xương, hát nói, kí ngụ tâm tình, trào phúng, châm biếm

**6. Hiện tượng dung hợp văn học đại chúng – thuần túy/ tinh hoa : đối chiếu Hạ đỏ của Nguyễn Nhật Ánh, Tugumi của Y. Banana từ góc nhìn mạn họa thiếu nữ Nhật Bản**/ Nguyễn Thị Mai Liên// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 1(599) .- Tr. 13-20.

**Nội dung**: Bài viết so sánh những net tương đồng giữa hai tác phẩm từ góc nhìn hội họa manga shoujo để lí giải khả năng phổ biến rộng rãi trong độc giả đại chúng. Từ đó, bài viết đi đến khẳng định, dung hợp văn học đại chúng và thuần túy/ tinh hoa là một nguyên nhân quan trọng tạo nên sức hấp dẫn rộng rãi, sức sống lâu bền của những nhà văn lớn đã xác lập được vị thế của mình trên bản đồ văn học khu vực và thế giới.

**Từ khóa**: Banana Yoshimoto, văn học đại chúng, văn học thuần túy / văn học tinh hoa, văn học so sánh

**7. Mối quan hệ con người – tự nhiên trong truyện ngắn Pauxtôpxki**/ Phan Thị Hà Thắm// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 12(598) .- Tr. 70-79.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ giữa con người và tự nhiên để nhận ra sự miêu tả thiên nhiên đầy biểu cảm của Pauxtôpxki và cách tự nhiên phản ánh cảm xúc cá nhân của con người. Thông qua đó người đọc cũng lắng nghe được tiếng nói từ tự nhiên để đi tìm câu trả lời cho những khủng hoảng thời hiện đại và đề xuất một thái độ sống gần gủi thiên nhiên để được chia sẽ và hạnh phúc.

**Từ khóa**: Môi trường tự nhiên, K. Pauxtôpxki, văn học Nga

**8. Nghệ thuật tự sự truyền thuyết đô thị Mỹ Latin trong tương quan thần học giải phóng**/ Nguyễn Thành Trung// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 12(598) .- Tr. 80-92.

**Nội dung**: Bài viết đề cập truyền thuyết đô thị từ góc độ lí thuyết, phân tích cấu trúc tự sự và giới hạn khu vực văn hóa lịch sử là Mỹ Latin với trào lưu thần học giải phóng – một trào lưu tư tưởng tôn giáo mang đậm tính chính trị xã hội đặc trưng Mỹ Latin.

**Từ khóa**: Mỹ Latin, thần học giải phóng, truyền thuyết đô thị, tự sự

**9. Phác thảo một vài ẩn dụ thiên nhiên trong sáng tác của Ngô Minh Ích và Nguyễn Ngọc Tư qua góc nhìn phê bình sinh thái**/ Trịnh Thùy Trang// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 1(599) .- Tr. 101-110.

**Nội dung**: Tìm hiểu và kiến giải những ẩn dụ của tự nhiên như biểu tượng của nước, văn hóa tộc người, sự gắn kết giữa loài vật và con người gắn với tư duy mĩ học và truyền thống văn hóa của từng cộng đồng người ở Đài Loan và Việt Nam.

**Từ khóa**: Ngô Minh Ích, Nguyễn Ngọc Tư, phê bình sinh thái, ẩn dụ, thiên nhiên

**10. Thế giới nghệ thuật tiểu thuyết Đoàn Minh Phượng**/ Nguyễn Thành// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 2(600) .- Tr. 23-29 .- ISSN.0494-6928

**Nội dung**: Tiểu thuyết của Đoàn Minh Phượng là một thể thống nhất của cái tôi trải nghiệm đời sống hiện tồn nhiều bất trắc và phi lí với thế giới tâm thức nhạy cảm, nhân bản và hướng thiện của người kể chuyện đầy nữ tính. Với ba tiểu thuyết đã được xuất bản, Đoàn Minh Phượng đã định hình một lối viết với những tìm tòi, sáng tạo và khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn đương đại.

**Từ khóa**: Tiểu thuyết, Đoàn Minh Phượng, hiện sinh, trần thuật hướng nội

**11. Tiêu diễn ngôn từ các cộng đồng thiểu số : đặt cạnh nhau có mẫu anh hung trong Trái tim hổ của Nguyễn Huy Thiệp và Viên ngọc trai của John Steinback**/ Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Kim Ngân// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 1(599) .- Tr. 21-29.

**Nội dung**: Phân tích và diễn giải quá trình của phương thức “tái huyền thoại hóa” trong văn học hiện đại Đông – Tây và cho thấy sự trỗi dậy/ thách thức của các “diễn ngôn nhỏ” từ các cộng đồng thiểu số trong bối cảnh đối thoại văn hóa song hành cùng xu hướng toàn cầu hóa.

**Từ khóa**: Nguyễn Huy Thiệp, cộng đồng thiểu số, xung đột văn hóa, John Steinbeck

**12. Văn chương Phan Du - Ở hai phía một đỉnh đèo**/ Phạm Phú Uyên Châu, Phạm Phú Phong// Nghiên cứu Văn học .- 2021 .- số 12(598) .- Tr. 25-33.

**Nội dung**: Phan Du là cây bít có nhiều đóng góp với văn học Miền Nam kể cả trong sáng tác và nghiên cứu. Bài viết nghiên cứu quan niệm về nghệ thuật của ông, và hệ thống lại văn nghiệp của nhà văn trên hai bình diện chủ yếu : truyện ngắn và biên khảo. Từ đó, bài viết khẳng định giá trị và nét đặc sắc của văn chương Phan Du.

**Từ khóa**: Phan Du, truyện ngắn, biên khảo, miền Nam

**13. Văn học bản địa Đài Loan dưới góc nhìn đa chiều của các kiến tạo văn học sử**/ Nguyễn Thu Hiền// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 1(599) .- Tr. 58-68.

**Nội dung**: Tiến hành khảo sát các nghiên cứu về lịch sử văn học Đài Loan ở Đài Loan, ở Trung Quốc cũng như khảo sát quá trình văn học Đài Loan được quan tâm nghiên cứu ở Việt Nam để thấy được những tiếp cận khác nhau trong nhận diện về sự hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng bản địa của văn học Đài Loan.

**Từ khóa**: Văn học Đài Loan, lịch sử văn học, góc nhìn đa chiều, Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam

**14. Văn học đại chúng Nhật Bản : sự ra đời, đặc trưng và vị trí của tiểu thuyết thời đại**/ Đỗ Thị Mai// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 10(248) .- Tr. 69-78.

**Nội dung**: Giới thiệu về sự ra đời, một số đặc trưng của văn học đại chúng Nhật Bản, bên cạnh đó là phân tích về vị trí của “tiểu thuyết thời đại”, một nhóm các tác phẩm văn học tiêu biểu thuộc dạng văn học đại chúng Nhật Bản giai đoạn 1920-1945.

**Từ khóa**:Văn học đại chúng, Nhật Bản, tiểu thuyết

**15. Văn học dịch Đài Loan ở Việt Nam (Hai mươi năm đầu thế kỉ XXI)**/ Lê Thị Dương// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 1(599) .- Tr. 78-89.

**Nội dung**: Trình bày kết quả khảo sát về hoạt động dịch thuật văn học Đài Loan ở Việt Nam trong 20 năm đầu thế kỉ XXI, bao gồm thống kê về các tác giả, tác phẩm, thể loại. Từ đó đánh giá và kiến giải về một số chuyển biến trong xu hướng dịch thuật, xu hướng tiếp nhận, các tác phẩm, tác giả, hiện tượng nổi bật, sự tương tác giữa các bình diện tiếp nhận trong cùng một bối cảnh lịch sử, văn hóa.

**Từ khóa**: Văn hóa dịch, xu hướng dịch thuật, văn học Đài Loan, văn học Việt Nam, mĩ học tiếp nhận

**16. Văn học so sánh ở Việt Nam : nhìn từ mô hình cận kề**/ Phạm Phương Chi, Nguyễn Minh Thu// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 1(599) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Phân tích cách tiếp cận của các nghiên cứu văn học so sánh ở Việt Nam trong sự quy chiếu đến những diễn giải từ góc độ phê bình hậu thuộc địa đối với bộ môn này hiện nay trên thế giới, nhất là ở Mỹ. Từ các diễn giải này, bài viết quan sát các thực hành so sánh văn học ở Việt Nam, chỉ ra “sứ mệnh dân tộc” được hàm ẩn trong các thực hành này.

**Từ khóa**: Văn học so sánh ở Việt Nam, mô hình cận kề, sứ mệnh dân tộc, phê bình hậu thuộc địa

**17. Ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam**/ Hồ Tiểu Ngọc// Nghiên cứu Văn học .- 2022 .- số 2(600) .- Tr. 63-73 .- ISSN.0494-6928

**Nội dung**: Thông qua hình tượng và diễn ngôn mang phẩm tính nữ quyền khác nhau trong các tác phẩm tiêu biểu, bài viết khái lược quá trình hình thành và phát triển ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam.

**Từ khóa**: Giới, phụ nữ, ý thức nữ quyền, nữ tính, văn học

DU LỊCH

**1. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến ngành du lịch trên thế giới**/ Nguyễn Thị Minh Hương// Khoa học & Công nghệ Đại học Duy Tân .- 2021 .- Số 6(49) .- Tr. 94-102.

**Nội dung:** Sự bùng nổ của Đại dịch Covid-19 đã gây thiệt hại nặng nề trên toàn cầu, tạo cú sốc lớn trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là ngành du lịch thế giới. Theo Tổ chức Du lịch Thế giới ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã khiến ngành du lịch toàn cầu bị thiệt hại tương đối lớn. Lượng khách du lịch quốc tế đã giảm 72% trong 10 tháng đầu năm 2020, làm tổn thất 910-1.200 tỷ USD doanh thu xuất khẩu từ du lịch. Bài viết phân tích rõ những ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 đến ngành du lịch thế giới.

**Từ khóa:** Du lịch, Đại dịch Covid-19, Du lịch quốc tế

**2. Bối cảnh mới và lối đi cho doanh nghiệp nhỏ và vưa ngành du lịch hậu Covid-19**/ Nguyễn Bảo Thư// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2021 .- Số 07 (191) .- Tr. 35-42.

**Nội dung:** Việt Nam nằm ở khu vực có tốc độ tăng trưởng du lịch nhanh và được dự báo là một trong những trọng điểm phát triển du lịch của thế giới trong thế kỷ 21. Đây là cơ hội tốt cho du lịch nước ta phát triển, khẳng định vị thế trên thị trường khu vực và thế giới, đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức, trở ngại. Bài viết phân tích, đánh giá tác động mạnh mẽ của Đại dịch Covid-19 đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành du lịch. Đồng thời đưa ra những giải pháp phục hồi doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành du lịch hậu Covid-19.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp, Đại dịch Covid-19, du lịch

**3. Chăm sóc sức khỏe tinh thần trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tại thành phố Hồ Chí Minh - định hướng dự báo và khuyến nghị xác lập chiến lược**/ Nguyễn Thị Minh Hồng, Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Vĩnh Khương, Đỗ Tất Thiên, Sầm Vĩnh Lộc, Giang Thiên Vũ// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 10 .- Tr. 1735-1744.

**Nội dung:** Bài viết đề cập định hướng dự báo và khuyến nghị xác lập chiến lược chăm sóc sức khỏe tinh thần cho ba đối tượng: người trưởng thành, trẻ em, nhóm yếu thế tại Tp. Hồ Chí Minh trong bối cảnh dịch Covid-19. Bằng việc tổng hợp tài liệu nghiên cứu về sang chấn và các vấn đề sức khỏe tinh thần khác mà người Việt có thể gặp trong bối cảnh dịch bệnh tiếp tục diễn tiến và sau khi dịch được kiểm soát, chúng tôi tiến hành dự báo về các vấn đề sức khỏe tinh thần của người dân theo diễn tiến dịch bệnh. Trên cơ sở đề xuất nghiên cứu thành lập trung tâm phản ứng chăm sóc sức khỏe tinh thần sau dịch cho người dân.

**Từ khóa:** Đại dịch Covid-19, sang chấn tâm lí, định hướng dự báo

**4. Các nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên ngành quản trih dịch vụ du lịch và lữ hành khoa Du lich - đại học Huế/** Lê Thị Thanh Xuân// Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 213 .- Tr. 40-43.

**Nội dung:** Bài viết thu thập từ 720 sinh viên thuộc ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của khoa Du lịch, các phương pháp kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố và mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng trong nghiên cứu.

**Từ khóa:** động cơ học tập, nhân tố ảnh hưởng, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

**5. Du lịch thông minh ở Hàn Quốc hiện nay**/ Phan Thị Oanh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2021 .- số 11(249) .- Tr. 60-69.

**Nội dung:** Khái quát tiến trình phát triển du lịch thông minh tại Hàm Quốc hiện nay, từ đó liên hệ với việc phát triển du lịch thông minh của Việt Nam.

**Từ khóa:** Du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng công nghệ

**6. Du lịch Bắc Trung Bộ - thực trạng và khuyến nghị chính sách**/ Bùi Thị Quỳnh Thơ/ Nghiên cứu Tài chính kế toán .- 2021 .- Số 217 .- Tr. 65-68.

**Nội dung:** Bài viết tập trung vào phân tích thực trạng phát triển du lịch và đề xuất một số giải pháp về chính sách phát triển bền vững du lịch ở các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

**Từ khoá:** du lịch, Bắc Trung Bộ, vùng du lịch, phát triển du lịch

**7. Đề xuất phương pháp thu nhập, tổng hợp thông tin về các chỉ tiêu thống kê khách du lịch nội địa**/Trần Thị Nga//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 93 - 95.

**Nội dung:** Bài viết đề xuất chi tiết phương án điều tra về việc thu nhập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê khách du lịch nội địa ở Việt Nam qua kết hợp với cuộc khảo sát mức sống dân cư hàng năm. Bài viết cũng phân tích cụ thể những ưu điểm của phương pháp này. Căn cứ vào kết quả khảo sát này, có thể xác định được một hệ thống chỉ tiêu thống kê phản ánh du lịch nội địa, từ đó tổng hợp, phân tích và đánh giá tình hình thực tế về khách du lịch nội địa nhằm phục vụ cho sự phát triển của ngành du lịch nói riêng và nền kinh tế nói chung.

**Từ khóa:** Du lịch nội địa, Việt Nam

**8. Hợp tác phát triển du lịch Việt Nam – Campuchia trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI**/ Nguyễn Thương Huyền// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 10(259) .- Tr. 75-84.

**Nội dung:** Phân tích những kết quả đạt được trong hợp tác du lịch hai nước như việc hai bên tăng cường các cơ chế hợp tác du lịch và sự gia tăng số lượt khách du lịch viếng thăm lẫn nhau và những vấn đề đặt ra như sự thiếu hụt điều kiện cơ sở vật chất và hợp tác chưa đi vào chiều sâu. Từ đó phân tích triển vọng hợp tác phát triển du lịch hai nước trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Hợp tác phát triển du lịch, Việt Nam, Campuchia, thế kỷ XXI

**9. Hợp tác du lịch Việt Nam - Ấn Độ : thực trạng và giải pháp**/ Nguyễn Thu Trang// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2021 .- số 12(109) .- Tr. 40-49.

**Nội dung:** Phân tích và làm rõ việc quảng bá hình ảnh cũng như thế mạnh về du lịch giữa hai nước, đồng thời đưa ra giải pháp thiết thực nhằm xúc tiến hợp tác du lịch Việt Nam - Ấn Độ.

**Từ khóa:** Ấn Độ, du lịch, hợp tác, Việt Nam

**10. Kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững ở CHLB Đức qua mô hình tại công viên Quốc gia Đảo Usedom**/ Trần Thị Thu Huyền// Nghiên cứu Châu Âu .- 2021 .- số 10(253) .- Tr. 25-36.

**Nội dung:** Phân tích một số kinh nghiệm của CHLB Đức trong việc xây dựng chiến lược và thực hiện chương trình phát triển du lịch bền vững ở quốc gia này thông qua mô hình phát triển du lịch bền vững tại công viên quốc gia đảo Usedon. Bài viết đưa ra một số gợi ý về việc xây dựng chiến lược và thực hiện phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Phát triển du lịch bền vững, chiến lược, Đức, Usedom

**11. Máy đo điện não đồ (EEG) và định hướng nghiên cứu về lĩnh vực khoa học thần kinh** / Huỳnh Văn Sơn, Giang Thiên Vũ, Đỗ Tất Thiên, Nguyễn Vĩnh Khương, Nguyễn Lê Bảo Hoàng// Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh .- 2021 .- Tập 18 số 7 .- Tr. 1170-1183.

**Nội dung:** Bài viết giới thiệu về máy đo điện não đồ (EEG) và các bước tiến hành một thí nghiệm đo điện não đồ. Các tính năng cũng như kết cấu kĩ thuật của máy được trình bày một cách chi tiết. Thông qua 9 bước thực hiện một thí nghiệm, có thể đưa ra định hướng rõ ràng để người đọc tham khảo và thiêt kế một thí nghiệm tương ứng. Như vậy nền tảng ban đầu về việc tiến hành thí nghiệm hoặc thực nghiệm các nghiên cứu về lình vực khoa học thần kinh đang bắt đầu được quan tâm đầu tư và phát triển tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Khoa học thần kinh, máy đo điện não đồ, nghiên cứu khoa học

**12. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn điểm đến du lịch Hà Nội của khách du lịch nội địa**/Bùi Thị Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Hương Lựu, Bùi Thùy Linh//Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 590 .- Tr. 87 - 89.

**Nội dung:** Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch Hà Nội của khách du lịch nội địa. Nghiên cứu được tiến hành dựa trên mẫu nghiên cứu thuận tiện với 500 khách du lịch nội địa. Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Crobch's Alpha, phân tích nhân tố khám phá đã chấp nhận tất cả 8 biến độc lạp với 30 thang đo và 1 biến phụ thuộc với 2 thang đo để đưa vào phương trình hồi quy. Kết quả phân tích hồi quy cho ta thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến du lịch Hà Nội của khách du lịch nội địa. Đa phần các biến đều tác động cùng chiều với biến phụ thuộc ngoại trừ biến hình ảnh điểm đến và đặc điểm chuyến đi.

**Từ khóa:** Du lịch nội địa, du lịch Hà Nội, khách du lịch

**13. Quan hệ hợp tác du lịch giữa Việt Nam và Trung Quốc từ năm 2010 đến trước đại dịch Covid-19**/ Trần Thị Thủy// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2021 .- số 7(239) .- Tr. 21-34.

**Nội dung:** Tập trung phân tích thực trạng về mặt chính sách, số lượng khách du lịch cũng như các đặc điểm trong quan hệ hợp tác du lịch giữa Việt Nam và Trung Quốc từ năm 2010 đến trước khi dịch covid-19 bùng phát.

**Từ khóa:** Trung Quốc, Việt Nam, hợp tác, du lịch

**14. Thực trạng phát triển du lịch Quốc tế của Myanmar trong những năm gần đây**/ Nguyễn Xuân Tùng// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2021 .- số 6(255) .- Tr. 40-46.

**Nội dung:** Đề cập một số chính sách phát triển du lịch của Myanmar, đánh giá thực trạng phát triển du lịch của quốc gia này trong thời gian gần đây và chỉ ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trên con đường phát triển.

**Từ khóa:** Thực trạng phát triển du lịch, du lịch quốc tế, Myanmar

**15. Thực trạng và giải pháp nguồn nhân lực ngành du lịch Việt Nam hiện nay**/ Trần Văn Tài// Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương .- 2021 .- Số 603 .- Tr. 42-44.

**Nội dung:** Bài viết đã nêu thực trạng về nguồn nhân lực của ngành Du lịch Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp để nguồn nhân lực ngành Du lịch Việt Nam ngày càng phát triển, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

**Từ khóa:** nguồn nhân lực, du lịch Việt Nam, du lịch khách sạn